BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136816/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ thương mại HPB
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2017-00580 ngày 18/5/2017 của Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ thương mại HPB; địa chỉ: Số 10, ngõ 199, ngách 2 Hồ Tùng Mậu, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-13967 theo Quyết định số 11150/QĐ-SHTT ngày 23/02/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4590/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ thương mại HPB với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74, khoản 5 Điều 73, khoản 1 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "GUSTOThai café & restaurant, hình" theo Đơn số 4-2013-13967 bị từ chối bảo hộ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "GUSTOThai café & restaurant, hình" theo ĐQT số 4-2013-13967 với lý do:

1. Nhãn hiệu "GUSTOThai café & restaurant, hình" theo Đơn ĐKNH số 4-2013-13967 là một tổng thể cách điệu có khả năng phân biệt, không thuộc dấu hiệu loại trừ theo quy định tại Điều 74.2(c) và 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ

Nhãn hiệu xin đăng ký "GUSTOThai café & restaurant, hình" là một tổng thể cách điệu bao gồm phần chữ "GUSTOThai" viết cách điệu với từ "Gusto" màu vàng và từ "Thai" màu trắng. Phía dưới phần chữ "GUSTOThai" là một hình dải lụa uốn lượn nhỏ và dòng chữ "café & restaurant" viết nhỏ hơn màu vàng. Tất cả được đặt trong một hình chữ nhật màu cánh dán.

Mặc dù từng thành phần "Gusto", "Thai", "café" và "restaurant" là dấu hiệu không có khả năng phân biệt đối với dịch vụ nhà hàng, tuy nhiên sự kết hợp của các thành phần này cùng với các yếu tố màu sắc và cách trình bày cách điệu như nêu trên đã tạo nên một nhãn hiệu mang tính sáng tạo của người nộp đơn, nhờ đó mà nhãn hiệu xin đăng ký đã tạo được ấn tượng về thị giác và cảm quan đối với người tiêu dùng về hình thức tổng thể nhãn hiệu, nhờ đó mà nhãn hiệu đã có khả năng phân biệt riêng.

2. Nhãn hiệu xin đăng ký "GustoThai Café & restaurant, hình" cho dịch vụ nhà hàng đã được biết đến rộng rãi

Nhãn hiệu "GustoThai Café & restaurant, hình" được Công ty HPB bắt đầu sử dụng từ năm 2012 cho dịch vụ nhà hàng ăn uống với 2 nhà hàng tại số 9 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và số 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội. Cho đến nay, các nhà hàng mang nhãn hiệu xin đăng ký "GustoThai Café & restaurant, hình" đã được biến đến rộng rãi và trở thành điểm đến thường xuyên của giới yêu ẩm thực Thái. Các nhà hàng "GustoThai Café & restaurant, hình" được giới thiệu, quảng bá trên các báo mạng và được đánh giá cao trên các website ẩm thực. Thông qua quá trình sử dụng này, nhãn hiệu "GustoThai Café & restaurant, hình" đã trở nên có khả năng phân biệt khi thực hiện chức năng thương mại trên thị trường.

3. Đề nghị xem xét bảo hộ nhãn hiệu:

Trên cơ sở phân tích trên đây, Công ty HPB đệ trình rằng tổng thể dấu hiệu "GustoThai Café & restaurant, hình" theo đơn nhãn hiệu số 4-2013-13967 đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và không thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 73.5, 74.2(c) và 74.1 Luật Sở hữu Trí tuệ Luật Sở hữu trí tuệ. Vì vậy, Công ty VCCI-IP kính đề nghị Cục Sở hữu Trí tuệ xem xét và chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "GustoThai Café & restaurant, hình" cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 theo Đơn nhãn hiệu số 4-2013-13967 của Công ty HPB, không bảo hộ riêng các thành phần "Gusto", "Thai", "Cafe" và "restaurant".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "GustoThai Café & restaurant, hình" bao gồm phần chữ "Gusto" có nghĩa là "sự thích thú", "Thai" tức là "Thái Lan", "Café và Restaurant" nên cả cụm từ được hiểu là "sự thích thú trong nhà hàng/quán cà phê mang phong cách Thái Lan" nên sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của dịch vụ.

- Nhãn hiệu đăng ký "GustoThai Café & restaurant, hình" mang tính mô tả cho dịch vụ đăng ký thuộc nhóm 43. Các tài liệu chứng minh nhãn hiệu được sử dụng rộng rãi không đầy đủ và không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 và khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-13967 ngày 01/07/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 11150/QĐ-SHTT ngày 23/02/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-13967 ngày 01/07/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ thương mại HPB có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ thương mại HPB (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136817/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của York Wallcoverings, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-01061 ngày 29/9/2017 của York Wallcoverings, Inc.; địa chỉ: 750 Linden Avenue, PO Box 5166 York PA 17405 U.S.A; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1212112 theo Thông báo số 2016/36 NDT18 ngày 18/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4580/BC-TTKN

ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của York Wallcoverings, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "YORK" theo Đơn quốc tế (ĐQT) số 1212112 bị từ chối bảo hộ vì là tên gọi địa lý. "YORK" là tên một thành phố ở North Yorkshire, Vương quốc Anh theo Điều 74.2.đ và Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "YORK" với các lý do và lập luận sau:

I. Nhãn hiệu đăng ký không hiển nhiên chỉ dẫn đến bất kỳ địa danh nào

Qua tra cứu tại từ điển mở Wikipedia cho thấy "YORK" được sử dụng làm tên gọi của nhiều đối tượng khác nhau, bao gồm cả địa danh, trường học, âm nhạc, tên người hoặc thể thao, chẳng hạn:

Địa danh:

- Vương quốc Anh: thành phố York, North Yorkshire;
- Úc: thị trấn cổ York, Western, Australia;
- Canada: quận York, Ontario;
- Greenland: Cape York, Greenland;
- Hoa Kỳ: thành phố York thuộc Sumter County, Alabama; thành phố York thuộc tiểu bang Pennsylvania; thành phố York thuộc South Carolina; …

Trường học:

- Đại học York, Toronto, Canada;
- Cao đẳng York;
- Đại học York, Vương quốc Anh;
- Trường cao đẳng kĩ thuật York, Hoa Kỳ;

Tên người: YORK là tên họ phổ biến được sử dụng rộng rãi ở Hoa Kỳ.

Từ các phân tích trên có thể khẳng định, YORK chỉ dẫn đến nhiều đối tượng khác nhau, không hiển nhiên chỉ dẫn đến một thành phố ở North Yorkshire, Vương quốc Anh hoặc là thành phố tại tiểu bang Pennsylvania, Hoa Kỳ. Hay nói cách khác, nhãn hiệu đăng ký không khiến người tiêu dùng hiển nhiên nghĩ đến một địa danh cụ thể, do đó hoàn toàn có khả năng tự phân biệt.

II. Nhãn hiệu đăng ký còn đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình đăng ký, sử dụng và được thừa nhận rộng rãi tại Hoa Kỳ, Việt Nam và trên thế giới

1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của chủ đơn

Chủ đơn- York Wallcoverings là nhà sản xuất giấy dán tường lâu đời và lớn nhất nước Mỹ, đã sản xuất vật liệu trang trí tường từ năm 1895 (cách đây hơn 120 năm).

Ngày nay, chủ đơn là nhà sản xuất vật liệu trang trí tường lâu đời và lớn nhất tại Mỹ, tạo ra giấy dán tường cho nhà ở, vật liệu trang trí tường với mục đích thương mại và đề can dán tường được bày bán khắp nơi trên thế giới. Vật liệu trang trí tường của York có thể được tìm thấy ở hơn 85 quốc gia, trải dài trên toàn cầu từ Châu Âu, Châu Á và Trung Đông tới cả những vùng đất xa xôi nhất trên thế giới.

2. Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại nước sở tại và rất nhiều quốc gia trên thế giới

Nhãn hiệu "YORK" lần đầu được đăng ký tại Hoa Kỳ từ ngày 04 tháng 2 năm 1993 và được chấp nhận bảo hộ tại Mỹ từ ngày 7/6/1994 (Đăng ký số 1838707) và cũng đã được chấp nhận bảo hộ tại Vương quốc Anh từ năm 2008 theo Đăng ký nhãn hiệu số EU005965934.

Căn cứ vào các qui định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp mà Việt Nam và Hoa Kỳ là thành viên, cho thấy việc đăng ký nhãn hiệu đăng ký cần được ưu tiên áp dụng theo Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu Công nghiệp nên nhãn hiệu đăng ký phải được bảo hộ tại Việt Nam theo qui định theo Theo khoản A-(1) Điều 6 quinquies.

Đến nay, nhãn hiệu "YORK" của chủ đơn và các biến thể của nó đã được chấp nhận bảo hộ cho các sản phẩm nhóm 27 tại rất nhiều quốc gia trên khắp các châu lục, chẳng hạn như: Argentina, Áo, Blolivia, Campuchia, Canada, Chilê, Colombia, Ecuador, Liên minh châu Âu (bao gồm: Áo, Bỉ, Bulgaria, Croatia, đảo Sip, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hi Lạp, Hungary, Ireland, Italy, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Vương quốc Anh), Hồng Kông, Jordan, Kuwait, Lebanon, Malaysia, Mexico, New Zealand, Na Uy, Paraguay, Peru, Phi-lip-pin, Liên bang Nga, Singapore, Nam Phi , Hàn Quốc, Thụy Sĩ, Syria, Đài Loan, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Mỹ, Venezuela và Yemen.

Ngay tại Hoa Kỳ và Vương quốc Anh – là các quốc gia được đề cập đến trong Thông báo từ chối tạm thời nêu trên cũng đã chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

3. Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại rất nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam

3.1. Nhãn hiệu "YORK" lần đầu tiên được sử dụng tại Việt Nam từ năm 2011. Dưới đây là danh sách và thông tin một số nhà phân phối sản phẩm mang nhãn hiệu "YORK" của chủ đơn:

- Công Ty TNHH Thương Mại Excellence Mar có địa chỉ tại Lầu 4, số 43, Tản Đà, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Số điện thoại: 848-39526186);
- Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Khởi Nguyên có địa chỉ tại 518/8/11 Lê Văn Sỹ, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Số điện thoại: 848-38380985);
- Công Ty TNHH Trần Dương có địa chỉ tại 43 Nguyễn Quý Đức, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Số điện thoại: 848-62870168);
- Duc Viet C., Ltd., có địa chỉ tại Số 200, Phố 48, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (Số điện thoại: 848-39260267)

3.2. Người nộp đơn đã đạt được doanh số khổng lồ thông qua những nỗ lực của riêng mình để tạo lập uy tín và danh tiếng cho nhãn hiệu "YORK", đạt hàng chục triệu đô la mỗi năm.

3.3. Các sản phẩm mang nhãn hiệu "YORK" của Chủ đơn đã và đang được sử dụng tại các quốc gia sau: Canada, Mỹ, Mexico, Cộng hòa Dominica, Jamaica, El Salvador, Nicaragua, Honduras, Costa Rica, Colombia, Venezuela, Ecuador, Brazil, Peru, Bolivia, Paraguay, Chilê, Uruguay, Nam Phi, Nigeria, Ai Cập, Ảrập Xêút, Yemen, Oman, Iceland, Vương quốc Anh, Ireland, Na Uy, Pháp, Thụy Điển, Phần Lan, Estonia, Latvia, Lithuania, Belarus, Ba Lan, Ukraine, Georgia, Rumani, Bungari, Đức, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Jordan, Kuwait, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pakistan, Ấn Độ, Kazakhstan, Trung Quốc, Nga, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Úc, New Zealand và Việt Nam.

Trên cơ sở đó, Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu cho các sản phẩm xin đăng ký thuộc các nhóm 27 theo ĐQT nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

- Qua tra cứu và người nộp đơn cung cấp thông tin cho thấy tên gọi "YORK" được sử dụng ở nhiều thành phố thuộc nhiều quốc gia khác nhau chứ không riêng ở Vương quốc Anh.

- Qua tài liệu do người nộp đơn cung cấp cho thấy nhãn hiệu "YORK" đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa là một nhãn hiệu.

- Về nhãn hiệu "YORK" trùng với tên địa danh của thành phố ở North Yorkshire, Vương quốc Anh. Xét sản phẩm mang nhãn hiệu trong danh mục hàng hóa, chúng không có mối liên hệ gì với địa danh North Yorkshire, Vương quốc Anh. Do vậy, nhãn hiệu này không làm người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hóa đó. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1212112, không áp dụng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 74 và khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/36 NDT18 ngày 18/7/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1212112.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1212112.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và York Wallcoverings, Inc. (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136818/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH RELIV PHARMA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00786 ngày 11/8/2021 của Công ty TNHH RELIV PHARMA; địa chỉ: 410/9 Tân Phú, khu Mỹ Gia 1, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-06113 theo Quyết định số 57522/QĐ-SHTT ngày 13/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4597/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH RELIV PHARMA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-06113 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 57522/QĐ-SHTT ngày 13/7/2021 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9317/SHTT-NH ngày 05/3/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và sản phẩm vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169945.

Người nộp đơn khẳng định chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký nêu trên là một, sở dĩ có sự khác nhau là do nhu cầu kinh doanh ở từng thời điểm. Tuy nhiên, do hoạt động kinh doanh quá bận rộn nên chủ đơn đã không có ý kiến trả lời đúng thời hạn quy định. Sau khi nhận được Quyết định từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-06113, chủ đơn đã xúc tiến nộp hồ sơ yêu cầu sửa đổi tên và địa chỉ thống nhất với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng

đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9317/SHTT-NH ngày 05/3/2021 đã được chuyển phát thành công. Mặc dù người nộp đơn đã nhận được Thông báo nêu trên nhưng do hoạt động kinh doanh bận rộn nên đã không có ý kiến trả lời đúng thời hạn quy định. Việc người nộp đơn bận rộn không kịp thời có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định là thiếu sót chủ quan của người nộp đơn. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-06113 ngày 01/3/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 57522/QĐ-SHTT ngày 13/7/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-06113 ngày 01/03/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH RELIV PHARMA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH RELIV PHARMA (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136819/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viktor Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2019-00029 ngày 23/01/2019 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viktor Việt Nam; địa chỉ: Lầu 15, tòa nhà A & B, 76A Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-27686 theo

NAT779

Quyết định số 6568/QĐ-SHTT ngày 22/01/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4588/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viktor Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-27686 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 6568/QĐ-SHTT ngày 22/01/2019 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 35216/SHTT-NH ngày 10/10/2018 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với một phần dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 36118, 204077, 18077, 215102.

Đại diện của chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-27686 nêu lý do không liên lạc được với chủ đơn nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Đến ngày 22/01/2019 chủ đơn mới có phản hồi đồng ý với Thông báo kết quả thẩm định nội dung nêu trên, loại bỏ phần dịch vụ không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và đề nghị được bảo hộ đối với phần còn lại.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng

đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 35216/SHTT-NH ngày 10/10/2018 đã được chuyển phát thành công. Mặc dù đại diện của chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-27686 đã nhận được Thông báo nêu trên và liên lạc với chủ đơn nhưng quá thời hạn ấn định chủ đơn mới có phản hồi nên đơn đã bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 6568/QĐ-SHTT ngày 22/01/2019. Việc người nộp đơn đã nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung nhưng không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định là thiếu sót chủ quan của người nộp đơn. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-27686 ngày 07/10/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 6568/QĐ-SHTT ngày 22/01/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-27686 ngày 07/10/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viktor Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viktor Việt Nam (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136820/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH xi măng Siam City Nhơn Trạch
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2018-00635 ngày 01/10/2018 của Công ty TNHH xi măng Siam City Nhơn Trạch; địa chỉ: Khu công nghiệp ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-09110 theo Quyết định số 46512/QĐ-

NAT779

SHTT ngày 30/6/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4535/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH xi măng Siam City Nhơn Trạch với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký 

"LAVILLA XTRA, hình" theo đơn số 4-2016-09110 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 

"LAVILLA, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 81605, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Nhãn hiệu đối chứng đang được bảo hộ theo GCNĐKNH số 81605 là đăng ký trước đây của chủ đơn đã được cập nhật tên và địa chỉ mới là Công ty TNHH xi măng SIAM CITY Nhơn Trạch - Khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-09110 cũng đã được tiến hành thủ tục xin ghi nhận sửa đổi theo tên và địa chỉ cập nhật của nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có cùng chủ sở hữu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được bất cứ yêu cầu ghi nhận sửa đổi tên và địa chỉ nào đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-09110 như đã đề cập trong nội dung khiếu nại. Đến thời điểm hiện tại, tên và địa chỉ của chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-09110 và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là hoàn toàn khác nhau. Do đó, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 81605 vẫn là đối chứng để từ chối đối với nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-09110.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-09110 ngày 05/4/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 46512/QĐ-SHTT ngày 30/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-09110 ngày 05/04/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH xi măng Siam City Nhơn Trạch có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH xi măng Siam City Nhơn Trạch (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136821/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The North Face Apparel Corp.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN4-2013-01050 ngày 09/10/2013 của The North Face Apparel Corp.; địa chỉ: 3411 Silverside Road, Wilmington, DE 19810, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-17334 theo Quyết định số 37580/QĐ-SHTT ngày 12/7/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4102/BC-TTKN ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The North Face Apparel Corp. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Hình" theo đơn số 4-2011-17334 ngày 22/8/2011 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 117168 (nhãn hiệu đối chứng).

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho đơn nhãn hiệu nêu trên với lý do:

Ngày 09/10/2013, chúng tôi đã nộp đơn yêu cầu tách các nhóm 09, 18, 20, 22 và một phần dịch vụ trong nhóm 35 ra khỏi đơn nhãn hiệu nêu trên (đã được tiếp nhận với số đơn 4-2013-23530) và giữ lại nhóm 25 và các dịch vụ "cửa hàng bán lẻ, đặt hàng qua thư và phân phối quần áo" trong nhóm 35 trong đơn số 4-2011-17334 để tiếp tục khiếu nại Quyết định từ chối của Quý Cục

Chúng tôi cho rằng nhãn hiệu đối chứng không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng và đang tiến hành nộp đơn yêu cầu Cục hủy bỏ hiệu lực của đăng ký này (số biên nhận đơn ĐN1-2013-00183 ngày 09/10/2013).

Kính đề nghị Quý Cúc xem xét và xử lý đơn nhãn hiệu số 4-2011-17334 sau khi các thủ tục tách đơn và hủy bỏ hiệu lực đăng ký số 117168 được hoàn tất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-17334 đã tách nhóm 09, 18, 20, 22 và một phần dịch vụ trong nhóm ra khỏi đơn đăng ký nhãn hiệu với số biên nhận đơn 4-2013-23530 (đã được cấp GCNĐKNH số 241319 ngay 09/3/2015). Phần còn lại của đơn nhãn hiệu số 4-2011-17334 bao gồm nhóm 25 và các dịch vụ "cửa hàng bán lẻ, đặt hàng qua thư và phân phối quần áo" trong nhóm 35 là phần danh mục bị từ chối cấp.

Nhãn hiệu đăng ký "Hình" và nhãn hiệu đối chứng "" trùng, tương tự nhau, cụ thể:

a) Về nhãn hiệu:

Nhãn hiệu trong đơn đăng ký là hình gồm ba hình vòng cung xếp chồng lên nhau theo hình dẻ quạt tương tự với phần hình của nhãn hiệu đối chứng, làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn hai nhãn hiệu có chung nguồn gốc.

b) Về danh mục hàng hóa:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có danh mục hàng hóa trong nhóm 25, 35 với các sản phẩm trùng, tương tự liên quan đến quần áo, mua bán quần áo.

Đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 117168 (nhãn hiệu đối chứng) nộp ngày 09/10/2013 sau thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 37580/QĐ-SHTT ngày 12/7/2013 từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-17334. Vì vậy, việc ban hành Quyết định số 37580/QĐ-SHTT ngày 12/7/2013 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-17734 ngày 22/8/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 37580/QĐ-SHTT ngày 12/7/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-17334 ngày 22/08/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, The North Face Apparel Corp. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The North Face Apparel Corp. (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136822/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của WHIRLPOOL PROPERTIES, INC.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN4-2020-00660 ngày 31/7/2020 của WHIRLPOOL PROPERTIES, INC.; địa chỉ: 500 Renaissance Drive, Suite 101, St. Joseph, Michigan 49085, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-05016 theo Quyết định số 29169/QĐ-SHTT ngày 29/4/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4104/BC-

TTKN ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của WHIRLPOOL PROPERTIES, INC. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "hình" theo đơn số 4-2015-05016 ngày 09/3/2015 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do là hình vẽ thông thường các hàng hóa đăng ký.

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Chúng tôi đã tiến hành các thủ tục để tách đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên thành hai đơn như sau: (i) Đơn tách số 4-2018-03431 đăng ký cho toàn bộ các sản phẩm không bị từ chối trong nhóm 07, 08, 11, 21 và toàn bộ các sản phẩm trong nhóm 09 và 16 theo Thông báo số 35830 của Cục Sở hữu trí tuệ và (ii) đơn gốc ban đầu số 4-2015-05016 chỉ còn lại các sản phẩm bị từ chối trong các nhóm 07, 08, 11 và 21.

Đồng thời, chúng tôi cũng khẳng định nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn đủ điều kiện để được đưng ký là một nhãn hiệu cho các sản phẩm trong các nhóm 07, 08, 11 và 21 do:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân, không phải là dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ thông thường của bất kỳ sản phẩm.hàng hóa (bao gồm các sản phẩm bị từ chối) đã được sử dụng thường xuyên, nhiều người biết đến.

- Đã có rất nhiều nhãn hiệu cấu trúc tương tự với nhãn hiệu xin đăng ký đã được bảo hộ cho các sản phẩm tương tự với các sản phẩm bị từ chối trên thế giới.

- Nhãn hiệu xin đăng ký đã được chấp thuận bảo hộ cho các sản phẩm trùng/tương tự trong nhóm 07, 08, 11, 21 tại nhiều quốc gia trên thế giới mà không bị coi là không có khả năng phân biệt tự thân; và

- Nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi và được thừa nhận là nhãn hiệu nổi tiếng trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam.

Hiện người nộp đơn đang trong quá trình thu thập bằng chứng để bổ trợ cho đơn khiếu nại. Chúng tôi sẽ bổ sung các lập luận, tài liệu, chứng cứ cần thiết cho ý kiến khiếu nại của chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "hình" đơn số 4-2015-05016 sau khi tách đơn chỉ còn lại phần danh mục hàng hóa bị từ chối thuộc nhóm 07, 08, 11, 21.

Nhãn hiệu đăng ký "hình" là hình một chiếc máy và là hình vẽ thông thường, mang tính tượng trưng cho các hàng hóa đăng ký trong nhóm 07, 08, 11, 21 liên quan đến máy móc, thiết bị gia dụng, dụng cụ nhà bếp … nên không có khả năng phân biệt.

Người khiếu nại không cung cấp bổ sung các lập luận, tài liệu, chứng cứ cần thiết để bổ trợ cho đơn khiếu nại.

Các ví dụ được nêu trong quyết định từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-05016 chỉ mang tính tham khảo và không thuộc trường hợp giải quyết của đơn khiếu nại này.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-05016 ngày 09/3/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29169/QĐ-SHTT ngày 29/4/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-05016 ngày 09/03/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, WHIRLPOOL PROPERTIES, INC. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và WHIRLPOOL PROPERTIES, INC. (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136823/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sa Sa Overseas Limited (VG)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2017-00106 ngày 07/02/2017 của Sa Sa Overseas Limited (VG); địa chỉ: Offshore Incorporations Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2006-02057 theo Quyết định số 71868/QĐ-SHTT ngày 08/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4711/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sa Sa Overseas Limited (VG) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SASA" đăng ký theo đơn số 4-2006-02057 bị từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với nhóm 25, theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 30277/SHTT-NH2 ngày 02/6/2008, vì không có khả năng phân biệt, tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 36286 ngày 12/02/2001.

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký đối với các nhóm còn lại (nhóm 16, 18, 35 và 44).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

- Điều 6.1b) Nghị định 63/CP quy định "Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam".

- Khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký bị từ chối đối với một phần sản phẩm/dịch vụ, cụ thể là nhóm 25. Trong Công văn giải trình khiếu nại, người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký đối với các nhóm còn lại (nhóm 16, 18, 35 và 44), tuy nhiên, việc này đồng nghĩa với việc sửa đổi đơn để loại bỏ một phần danh mục sản phẩm, dịch vụ. Việc loại bỏ một phần sản phẩm/dịch vụ ra khỏi danh mục sản phẩm/dịch vụ đăng ký được thực hiện trong giai đoạn giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, yêu cầu của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, Điều 6.1b) Nghị định 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2006-02057 ngày 15/02/2006 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 71868/QĐ-SHTT ngày 08/11/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-02057 ngày 15/02/2006.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sa Sa Overseas Limited (VG) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sa Sa Overseas Limited (VG) (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136824/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DIAGNOSTICA STAGO
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2016-00716 ngày 18/8/2016 của DIAGNOSTICA STAGO; địa chỉ: 3 allée Thérésa, F-92600 Asnières sur Seine, France; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1247086 theo Thông báo số 2015/19 VTB20 ngày 12/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4716/BC-TTKN

ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DIAGNOSTICA STAGO với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "STA Coag Expert" theo ĐQT số 1247086 bị từ chối vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "SOFT COAG" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1188911. Người nộp đơn trình bày lý do như sau:

- Về cấu trúc và cách thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu có cấu trúc phức hợp, trình bày sử dụng các mẫu ký tự in đậm, phối hợp chữ in và chữ thường, không trên cùng một dòng, tạo ấn tượng thị giác rất khác biệt, ấn tượng. Nhãn hiệu đối chứng đơn thuần là nhãn hiệu chữ, dùng ký tự chữ in, nét mảnh, phổ thông, không có chủ ý thể hiện sự trình bày khác biệt.

- Về cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm ba chữ "STA", "Coag", "Expert". Nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm có hai chữ là "SOFT" và "COAG" nên có cách phát âm khác nhau.

- Về sản phẩm/dịch vụ: Sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 09 là "các sản phẩm phần cứng máy tính, thiết bị dụng cụ khoa học chuyên ngành như thiết bị và dụng cụ đo cao tần; bộ lưu trữ đữ liệu, bộ vi xử lý; và cả sản phẩm phần mềm như phần mềm máy tính (ghi sẵn), phần mềm xử lý dữ liệu", không trùng hay tương tự với sản phẩm thuộc nhóm 09 mang nhãn hiệu đăng ký "sản phẩm phần mềm đặc chủng: quản lý dữ liệu và điều khiển kiểm soát dụng cụ đo lường của phòng thí nghiệm phân tích sinh học". Người sử dụng của hai nhãn hiệu cũng là các chuyên gia có kiến thức chuyên ngành, có khả năng phân biệt nhãn hiệu, do đó không có khả năng nhầm lẫn.

- Nhóm 10 mang nhãn hiệu đối chứng đề cập đến các sản phẩm chuyên dụng trong lĩnh vực y tế không trùng hay tương tự với sản phẩm ở nhóm 09 của nhãn hiệu đăng ký.

- Nhóm 42 của nhãn hiệu đối chứng gồm có các dịch vụ "cập nhật các phần mềm máy tính; dịch vụ thiết kế, phát triển, hỗ trợ bảo trì, ứng dụng phần mềm máy tính", là các dịch vụ thông thường liên quan đến phần mềm dành cho đối tượng phổ thông đại chúng, khác biệt với sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là phần mềm đặc thù chuyên nghành chỉ dành riêng cho phòng thí nghiệm phân tích sinh học.

Từ những phân tích trên, người nộp đơn cho rằng xét tổng thể nhãn hiệu đăng ký "STA Coag Expert" khác biệt về cấu trúc, trình bày, cách phát âm, cảm quan và sản phẩm/dịch vụ đăng ký, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm

lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký "STA Coag Expert" và nhãn hiệu đối chứng "SOFT COAG", Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa ba thành phần "STA", "Coag" và "Expert", trong đó, "STA" được thể hiện với cỡ chữ nhỏ hơn hai thành phần còn lại, "Coag" là từ không có nghĩa, "Expert" là từ tiếng Anh có nghĩa là "chuyên gia". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của hai thành phần "SOFT" và "COAG" được thể hiện bởi kiểu chữ thường, không cách điệu, trong đó, "SOFT" là từ tiếng Anh có nghĩa là "mềm mại". Có thể thấy, hai nhãn hiệu nêu trên đều có phần chữ "Coag", "COAG", tuy nhiên, phần chữ "Coag" trong nhãn hiệu đăng ký được kết hợp với các thành phần khác đã tạo sự độc đáo nhất định về hình thức thể hiện và có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện.

- Về hàng hóa mang nhãn hiệu: Các hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho các hàng hóa tương tự thuộc nhóm 09, tuy nhiên, hai nhãn hiệu có sự khác biệt nhất định về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1247086, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/19 VTB20 ngày 12/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1247086 ngày 16/03/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1247086 ngày 16/03/2015, không bảo hộ riêng "Expert".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DIAGNOSTICA STAGO (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136825/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH công nghệ Cene Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2015-00324 ngày 15/4/2015 của Công ty TNHH công nghệ Cene Việt Nam; địa chỉ: Số 51, ngõ 283 Trần Khát Chân, Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-29267 theo Quyết định số 1969/QĐ-SHTT ngày 12/01/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4246/BC-

TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH công nghệ Cene Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CRV & hình" đăng ký theo đơn số 4-2012-29267 cho nhóm 12 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "CR-V" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 43452, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký là ba ký tự "CRV" viết liền, trong khi nhãn hiệu đối chứng là "CR-V". Hai nhãn hiệu có khác biệt ở phần dấu gạch ngang giữa chữ "R-V" trong nhãn hiệu đối chứng.

- Về phần hình: Nhãn hiệu đăng ký có phần viền bo, chữ mầu đen và chữ được viết in đậm tạo ấn tượng khác biệt, trong khi nhãn hiệu đối chứng không có phần viền bo.

- Về cách phát âm: Nhãn hiệu của Công ty Honda được phát âm tiếng Việt là /cờ/rờ/gạch ngang /vờ/, trong khi nhãn hiệu đối chứng là /cờ/rờ/vờ/.

- Về sản phẩm đăng ký: Nhãn hiệu đăng ký cụ thể là "phụ tùng xe máy", trong khi nhãn hiệu đối chứng đăng ký "Xe cộ - phương tiện giao thông trên bộ, trên không hoặc dưới nước và các bộ phận và phụ kiện và phụ tùng cho các sản phẩm nói trên".

- Tại Việt Nam, xe máy và ô tô là hai phương tiện khác nhau; xe máy dùng cho người có mức thu nhập thấp và trung bình, ô tô dùng cho người có thu nhập khá và cao cấp. Sản phẩm "phụ tùng xe máy" có kênh phân phối khác, không gây nhầm lẫn với sản phẩm "ô tô và phụ tùng ô tô".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối

chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa 03 ký tự "C, R, V" được thể hiện cách điệu và nhãn hiệu đối chứng cũng là sự kết hợp giữa 03 ký tự "C, R, V" nhưng được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa thông thường. Mặc dù hai nhãn hiệu nêu trên khác nhau ở kiểu chữ và 03 ký tự trong nhãn hiệu đăng ký được viết liền còn 03 ký tự trong nhãn hiệu đối chứng được tách làm đôi bởi dấu gạch ngang (-) giữa ký tự "R" và "V", tuy nhiên, sự khác biệt nêu trên không tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký so với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách phát âm.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Hai nhãn hiệu nêu trên đều được sử dụng cho sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 12.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 12 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-29267 ngày 26/12/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 1969/QĐ-SHTT ngày 12/01/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-29267 ngày 26/12/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH công nghệ Cene Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH công nghệ Cene Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136826/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Bucher Industries AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2012-00627 ngày 16/7/2012 của Bucher Industries AG; địa chỉ: Murzlenstrasse 80 CH - 8166 Niederwenigen, Switzerland; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc từ chối tạm thời đối với đơn quốc tế số 1070284 ngày 19/11/2010 theo Thông báo số 2011/12 VTB01 ngày 29/3/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4735/BC-TTKN

ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Bucher Industries AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BUCHER" theo đơn quốc tế số 1070284 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo Thông báo số 2011/12 VTB01 ngày 29/3/2012, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 639171 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hoạt động kinh doanh từ ngày 18/9/2007 mà không có người kế thừa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Hiện tại, cơ sở dữ liệu đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo hệ thống MADRID của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới thể hiện nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực từ ngày 29/6/2015 và không được gia hạn. Do đó, không còn là căn cứ đối chứng để xem xét đối với nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1070284, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2011/12 VTB01 ngày 29/3/2012 về việc từ chối tạm thời đối với đơn quốc tế số 1070284.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1070284.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Bucher Industries AG (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136827/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MITSUBISHI ELECTRIC HYDRONICS & IT COOLING SYSTEMS S.p.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2017-01247 ngày 01/12/2017 của MITSUBISHI ELECTRIC HYDRONICS & IT COOLING SYSTEMS S.p.A.; địa chỉ: Via Lodovico Seitz, 47, I-31100 TREVISO (TV), Italy (nay là Via Caduti di Cefalonia 1 I-36061 Bassano del Grappa (VI), Italy); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Vietthink; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1313539 ngày 22/12/2015 theo Thông báo số 2016/40 TDH40 ngày 17/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4416/BC-TTKN ngày 06/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MITSUBISHI ELECTRIC HYDRONICS & IT COOLING SYSTEMS S.p.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CLIMAVENETA" theo đơn quốc tế số 1313539 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/40 TDH40 ngày 17/8/2017, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu tương đăng ký tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 673950 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là một. Điều này được thể hiện trên cơ sử dữ liệu của WIPO.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Hiện tại, cơ sở dữ liệu đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo hệ thống MADRID của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) thể hiện chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là một chủ thể cùng tên và cùng địa chỉ (MITSUBISHI ELECTRIC HYDRONICS & IT COOLING SYSTEMS S.p.A, địa chỉ: Via Caduti di Cefalonia 1, I-36061 Bassano del Grappa (VI), Italy). Theo đó, nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 673950 không còn là căn cứ đối chứng để xem xét đối với nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1313539; không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/40 TDH40 ngày 17/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1313539.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1313539.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MITSUBISHI ELECTRIC HYDRONICS & IT COOLING SYSTEMS S.p.A. (qua Công ty Luật TNHH Vietthink) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136828/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Happy Days
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2022-00661 ngày 23/5/2022 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Happy Days; địa chỉ: 160 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Sở hữu trí tuệ Hoàng Phi; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-16313 ngày 13/5/2020 theo Quyết định số 34143/QĐ-SHTT ngày 25/4/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4363/BC-TTKN ngày 05/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Happy Days với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HD TOUR, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-16313 ngày 13/5/2020 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) theo Quyết định số 34143/QĐ-SHTT ngày 25/4/2022 với lý do chủ đơn không nộp đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị xem xét, ghi nhận việc đã nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định và xem xét cấp GCNĐKNH với các lý do sau:

- Ngày 31/12/2021, người nộp đơn nhận được Thông báo dự định cấp bằng cho nhãn hiệu đăng ký. Ngày 29/3/2022, người nộp đơn đã tiến hành nộp phí, lệ phí cấp văn bằng trong thời hạn quy định (có dấu xác nhận của Cục Sở hữu trí tuệ). Tuy nhiên, ngày 25/4/2022, người nộp đơn nhận được Quyết định số 34143/QĐ-SHTT từ chối cấp GCNĐKNH với lý do không nộp đủ phí, lệ phí.

- Qua kiểm tra, người nộp đơn phát hiện biên lai thu phí ghi số đơn chưa chính xác. Cụ thể, phí, lệ phí được nộp cho đơn số 4-2020-16313, tuy nhiên biên lai lại ghi số đơn 4-2020-16316 (là một đơn khác đang trong giai đoạn xử lý chưa có kết quả). Người nộp đơn khẳng định không có Thông báo dự định cấp bằng đối với đơn 4-2020-16316 và không nộp phí cho đơn này. Do đó, người nộp đơn khiếu nại, đề nghị ghi nhận việc đã nộp phí, lệ phí đúng và đầy đủ cho đơn 4-2020-16313, và xem xét cấp GCNĐKNH.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét nội dung khiếu nại, tài liệu trong hồ sơ liên quan, cũng như biên lai nộp phí và tài liệu bổ sung của các đơn liên quan, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

2.1. Về thời hạn và nội dung nộp phí: Theo Thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí số 63482/SHTT-NH ngày 31/12/2021 cho đơn số 4-2020-16313, thời hạn nộp phí, lệ phí là 03 tháng kể từ ngày ký. Người nộp đơn đã thực hiện việc nộp phí vào ngày 29/3/2022, đúng trong thời hạn quy

định. Biên lai thu tiền được cung cấp xác nhận việc đã nộp đầy đủ các khoản phí liên quan đến việc cấp văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố.

2.2. Về thông tin ghi trong biên lai thu tiền phí, lệ phí: Căn cứ vào đối chiếu hồ sơ, có sự chưa chính xác về số đơn ghi trên biên lai ("4-2020-16316" thay vì "4-2020-16313"). Tuy nhiên, xét theo thời điểm nộp phí và thực tế không có Thông báo cấp văn bằng đối với đơn 4-2020-16316, Cục Sở hữu trí tuệ xác định rằng khoản phí này trên thực tế là cho đơn 4-2020-16313. Người nộp đơn cũng khẳng định đã nộp đúng và đầy đủ các khoản phí cấp bằng cho nhãn hiệu trong đơn số 4-2020-16313 vào ngày 29/3/2022.

Trên cơ sở các tài liệu và thông tin xác thực, Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận việc người nộp đơn đã nộp đầy đủ phí, lệ phí trong thời hạn quy định cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-16313. Ngoài ra, xin lưu ý cho các lần nộp tiếp theo, người nộp đơn cần kiểm tra kỹ thông tin để đảm bảo sự chính xác của thông tin được ghi nhận, tránh sai sót ảnh hưởng đến tiến trình xử lý hồ sơ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-16313 ngày 13/5/2020.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 34143/QĐ-SHTT ngày 25/4/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-16313 ngày 13/5/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-16313 ngày 13/5/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Happy Days (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Sở hữu trí tuệ Hoàng Phi) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136829/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần TX GROUP
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2022-00810 ngày 28/6/2022 của Công ty Cổ phần TX GROUP; địa chỉ: Lô 9 biệt thự 13, khu đô thị Đông Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; đại diện bởi: Công ty TNHH ASLAW; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-32621 theo Quyết định số 24707/QĐ-SHTT ngày 29/3/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4345/BC-TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần TX GROUP với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LEXUAN NATURAL COSMETICS, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-32621 ngày 23/8/2019 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 24707/QĐ-SHTT ngày 29/3/2022, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 313820 ngày 30/01/2019 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng (Bà Lê Thị Xuân) cũng chính là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần TX GROUP (chủ nhãn hiệu đối chứng), tuy nhiên do chưa thể hoàn tất thủ tục chuyển nhượng nhãn hiệu đăng ký về cá nhân, nên chủ nhãn hiệu đăng ký vẫn đang là Công ty Cổ phần TX GROUP. Về bản chất, Bà Lê Thị Xuân cũng là chủ nhãn hiệu đăng ký, do đó hai nhãn hiệu này không bị gây nhầm lẫn với nhau khi cùng thuộc sở hữu của Bà Lê Thị Xuân.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Lập luận cho rằng hai nhãn hiệu không gây nhầm lẫn vì về bản chất cùng thuộc về Bà Lê Thị Xuân, dù chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là hai chủ thể khác nhau, là không có cơ sở để chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì lý do sau.

Nhãn hiệu đối chứng thuộc sở hữu của Bà Lê Thị Xuân, trong khi chủ nhãn hiệu đăng ký là Công ty Cổ phần TX GROUP. Đây là hai chủ thể pháp lý hoàn toàn độc lập, không được xem thuộc cùng một chủ sở hữu.

Ngoài ra, công ty cổ phần phải bao gồm tối thiểu 3 cổ đông (Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14), và mỗi cổ đông chỉ sở hữu một phần vốn góp tương ứng. Việc Bà Lê Thị Xuân, là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần TX GROUP, không thể xem về bản chất là chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký như lập luận đã nêu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-32621 ngày 23/8/2019 theo Quyết định số 24707/QĐ-SHTT ngày 29/3/2022 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24707/QĐ-SHTT ngày 29/3/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-32621 ngày 23/8/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Cổ phần TX GROUP có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Cổ phần TX GROUP (qua Công ty TNHH ASLAW) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136830/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Cảnh Tiến
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00803 ngày 23/8/2024 của Ông/Bà Nguyễn Cảnh Tiến; địa chỉ: Khối 4, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INNETCO-Hoàng Phúc; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-49906 theo Quyết định số 95004/QĐ-SHTT.IP ngày 08/8/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4342/BC-TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Cảnh Tiến với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

1. Nhãn hiệu "MIX MIXPRO AUDIO, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-49906 ngày 27/11/2020 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo nguyên Quyết định số 95004/QĐ-SHTT.IP ngày 08/8/2024, căn cứ điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do:

- Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "v" kết hợp với hai nét dọc và chữ "x" tạo thành chữ "MIX", có nghĩa tiếng Việt là "trộn, kết hợp", mô tả tính năng, công dụng của sản phẩm yêu cầu đăng ký. Phần chữ "MIXPRO" trong thành phần "MIXPRO AUDIO" được tạo thành bởi chữ "MIX" viết liền với chữ "PRO", mang ý nghĩa là "kết hợp âm thanh chuyên nghiệp/kết hợp âm thanh chuyên nghiệp", mô tả tính năng, chất lượng của sản phẩm yêu cầu đăng ký.

- Ngoài ra, phần chữ "MIXPRO" còn trùng 5/6 ký tự với phần chữ "MIPRO" trong nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 208449 (nhãn hiệu đối chứng), có cách phát âm tương tự nhau, cùng đăng ký cho các sản phẩm thu/phát âm thanh, tín hiệu. Hai nhãn hiệu tương tự đến mức gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khiến họ tưởng lầm nhãn hiệu này là biến thể của nhãn hiệu kia.

2. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Yếu tố mô tả trong phần chữ "v" và "X" kết hợp với phần hình tạo ra tổng thể nhãn hiệu vẫn mang tính sáng tạo, độc đáo và có khả năng phân biệt.

Mặc dù các thành phần này được tạo bởi các chữ cái và hình học đơn giản, nhưng chúng được cách điệu thành các biểu tượng phổ biến trong lĩnh vực truyền thông như đường sóng âm thanh (⎓), biểu tượng tạm dừng (⏸), chơi (▶) và xáo trộn (🔀). Sự kết hợp này tạo thành một hình ảnh giống bảng điều khiển phương tiện truyền thông. Do đó, dù phần chữ có thể gợi liên tưởng đến từ "MIX" mang nghĩa mô tả, tổng thể nhãn hiệu vẫn mang tính sáng tạo, độc đáo và có khả năng phân biệt.

(ii) Sự khác biệt giữa hai nhãn hiệu khi xét về cấu tạo, cách phát âm và ấn tượng thị giác.

Phần chữ "MIXPRO AUDIO" được tạo bởi 11 ký tự, đọc là "míc(s)-pờ-ro-au-đi-ô", trong khi đó nhãn hiệu đối chứng "MIPRO" được tạo bởi 5 ký tự, đọc là "mi-pờ-ro". Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt rõ rệt về cấu tạo, cách phát âm và độ dài ký tự, tạo ấn tượng thị giác khác nhau cho người tiêu dùng. Đặc biệt, nhãn hiệu đăng ký còn bao gồm các yếu tố hình học như hình chữ nhật, chữ "v", "X" xen kẽ vạch dọc, do đó tạo nên một tổng thể hoàn toàn có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Lập luận (i) của người nộp đơn cho rằng phần chữ "v" và "X" kết hợp với các nét dọc trong hình chữ nhật tạo nên các biểu tượng phổ biến trong lĩnh vực truyền thông như đường sóng âm thanh (⏦), biểu tượng tạm dừng (⏸), chơi (▶) và xáo trộn (🔀), từ đó hình thành một "bảng điều khiển phương tiện truyền thông" có tính biểu tượng và khả năng phân biệt là không đủ cơ sở chấp nhận vì lý do sau:

Mẫu nhãn hiệu đăng ký không thể hiện rõ ràng các biểu tượng như được mô tả. Cụ thể, trong hình chữ nhật bo góc của nhãn hiệu đăng ký, từ "MIX" được đặt ở vị trí trung tâm, cấu thành từ các chữ cái cách điệu ("v" và "X") và các nét dọc. Những yếu tố này, như được thể hiện, chỉ góp phần tạo thành từ "MIX", là từ tiếng Anh mang nghĩa "trộn/kết hợp", mô tả đúng tính năng của sản phẩm liên quan đến âm thanh, và không đạt đến mức độ các biểu tượng có tính nhận diện phổ biến trong lĩnh vực truyền thông như lập luận của người nộp đơn đưa ra.

2.2. Lập luận (ii) cho rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt rõ rệt về cách phát âm, cấu tạo và tạo ấn tượng thị giác khác nhau là không thuyết phục.

- Về cách phát âm: Mặc dù nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "MIXPRO AUDIO" dài hơn về số ký tự so với phần chữ "MIPRO" của nhãn hiệu đối chứng, tuy nhiên thành phần có khả năng phân biệt chính nằm ở phần chữ "MIXPRO". Phần này trùng 5/6 ký tự với nhãn hiệu đối chứng "MIPRO" và có sự tương đồng cao về cách phát âm ("miks-prou" và "mi-prou").

- Về cấu trúc: Cả hai nhãn hiệu đều có cấu trúc gồm từ đơn, dễ đọc, dễ nhớ, trong đó các âm tiết chính có khả năng phân biệt mạnh gần như trùng khớp ("MIXPRO" và "MIPRO"). Phần chữ "AUDIO" (âm thanh) và "MIX" (trộn/kết

hợp) trong hình chữ nhật bo tròn là các phần bổ trợ, mang ý nghĩa mô tả và/hoặc không đủ khả năng phân biệt với lý do như nêu trên. Do đó, về cấu trúc, phần chữ tương tự cao "MIXPRO" và "MIPRO" giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có thể khiến người tiêu dùng dễ nhầm lẫn là các biến thể của nhau, đặc biệt khi sản phẩm mang nhãn hiệu cùng loại hoặc tương đương.

- Về việc tạo ấn tượng thị giác: Như đã phân tích, các yếu tố hình như hình chữ nhật, chữ "v", "X" và các nét dọc trong nhãn hiệu đăng ký chỉ tạo thành từ "MIX" mang nghĩa mô tả, không đủ nổi bật hoặc tạo ra biểu tượng có tính nhận diện để tạo nên một tổng thể khác biệt rõ rệt về mặt thị giác.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-49906 ngày 27/11/2020 theo Quyết định số 95004/QĐ-SHTT.IP ngày 08/8/2024 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 95004/QĐ-SHTT.IP ngày 08/8/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-49906 ngày 27/11/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Nguyễn Cảnh Tiến có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Nguyễn Cảnh Tiến (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INNETCO-Hoàng Phúc) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136831/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Bùi Ngọc Hà
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-01048 ngày 30/11/2021 của Ông/Bà Bùi Ngọc Hà; địa chỉ: Số 44, phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Vũ Gia và cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-20210 theo Quyết định số 59072/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4680/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Bùi Ngọc Hà với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TONKIN, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-20210 ngày 20/6/2018 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 59072/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 59345 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Cục Sở hữu trí tuệ chỉ viện dẫn điểm 15.6.c)(iii) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN để từ chối bảo hộ là chưa đầy đủ. Đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu cần tuân thủ điểm 39 Thông tư này và các quy định liên quan khác nhằm đảm bảo việc thẩm định được khách quan, toàn diện cho từng thành phần và từng dịch vụ trong danh mục đăng ký.

(ii) Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu nộp đơn gồm hai vòng tròn đồng tâm, chữ "TONKIN" (không có nghĩa) đặt giữa hai hình hạt cà phê, chiếm phần lớn diện tích. Nhãn hiệu đối chứng có phần hình phức tạp (nón quai thao hoặc cổ chai) và chữ "LE TONKIN" bố trí khác hẳn về tỷ lệ, vị trí và kích thước.

- Về phát âm: Nhãn hiệu nộp đơn phát âm đơn giản là "Tonkin" hoặc "Tôn Kin". Nhãn hiệu đối chứng "LE TONKIN" có nhiều cách đọc khác nhau như "Lơ Tôn Kin", "Lê Tonkin", v.v., tùy theo ngôn ngữ người dùng. Cách phát âm không đồng nhất, nên không gây nhầm lẫn.

- Về dấu hiệu hình: Nhãn hiệu nộp đơn gồm hai hình tròn đồng tâm và hai hạt cà phê cách điệu, phân loại Vienna 05.07.01 và 26.01.01. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng có hình chiếc nón quai thao hoặc nút cổ chai, phân loại 09.07.01. Do đó, phần hình của hai nhãn hiệu hoàn toàn khác biệt, không tương tự gây nhầm lẫn.

- Về dấu hiệu chữ: Nhãn hiệu nộp đơn chỉ gồm chữ "TONKIN", đặt theo hình vòng cung giữa hai hình hạt cà phê. Nhãn hiệu đối chứng có cụm chữ "LE TONKIN" lớn phía trên và nhỏ hơn phía dưới phần hình. Cách trình bày, số lượng và vị trí chữ khác nhau rõ rệt, không tạo sự tương đồng.

- Về tổng thể: Nhãn hiệu nộp đơn có bố cục cân đối, dễ nhận biết và ghi nhớ. Nhãn hiệu đối chứng thiên về phần hình, bố trí chữ phân tán. Với bố cục và phong cách thể hiện khác nhau, hai nhãn hiệu không tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

(iii) Dịch vụ của nhãn hiệu nộp đơn không cùng loại với dịch vụ được bảo hộ theo nhãn hiệu đối chứng.

- Về bản chất: Quán cà phê và các hình thức tương tự chủ yếu cung cấp đồ uống, đặc biệt là cà phê. Nhà hàng cung cấp bữa ăn đầy đủ. Người tiêu dùng không chọn quán café để ăn và cũng không chọn nhà hàng chỉ để uống café. Hai loại hình dịch vụ có bản chất khác nhau.

- Về chức năng: Café phục vụ đồ uống, thường không có chỗ ngồi hoặc chỉ mang đi. Nhà hàng phục vụ món ăn, có không gian ăn uống đầy đủ. Chức năng phục vụ và trải nghiệm khách hàng hoàn toàn khác biệt.

- Về mục đích: Mục đích của quán café là bán đồ uống nhanh, trong khi nhà hàng là phục vụ bữa ăn trong thời gian dài. Không thể coi hai dịch vụ có cùng mục đích sử dụng.

(iii) Nhãn hiệu đã được nộp đơn đăng ký cho sản phẩm "cà phê" nhóm 30 vào ngày 18/12/2000 và đã được chấp thuận cấp văn bằng bảo hộ số 43036. Ngoài ra, người nộp đơn còn dẫn chứng ví dụ về nhãn hiệu được bảo hộ trước đó và đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.6.b)(iii) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Đối với đơn đăng ký nhãn hiệu, việc đánh giá được tiến hành lần lượt từng thành phần của nhãn hiệu đối với từng hàng hoá, dịch vụ nêu trong danh mục hàng hoá, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Lập luận cho rằng Cục Sở hữu trí tuệ viện dẫn chưa đầy đủ căn cứ là không chính xác. Điểm 15.6.b)(iii) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định rõ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu, việc đánh giá phải tiến hành lần lượt từng thành phần của nhãn hiệu cho từng hàng hóa, dịch vụ nêu trong danh mục. Đây là cơ sở pháp lý cho việc đánh giá nhãn hiệu, được cụ thể hóa tại điểm 39 Thông tư này.

2.2. Đối chiếu với quy định nêu trên, trong nhãn hiệu đăng ký "TONKIN, hình", phần chữ "TONKIN" là chữ in hoa, đậm, cách đều, chiếm gần như toàn bộ phần trên của vòng ngoài và là thành phần chính tạo khả năng phân biệt. Hai vòng tròn và hình hạt cà phê nhỏ là các thành phần yếu và mang tính mô tả. Thành phần chính đã nêu trùng với phần chữ trong nhãn hiệu đối chứng. Ngoài ra, cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho dịch vụ thuộc nhóm 43, trong đó các dịch vụ "quán cà phê; cửa hàng café; quầy café tự động; café mang đi"

của nhãn hiệu đăng ký là cùng loại dịch vụ "kinh doanh nhà hàng" của nhãn hiệu đối chứng.

Vì các lý do nêu trên, lập luận cho rằng nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng là không thuyết phục.

2.3. Các dẫn chứng của người nộp đơn trong đơn khiếu nại chỉ có tính chất tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.6.b)(iii) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-20210 ngày 20/6/2018 theo Quyết định số 59072/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 59072/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-20210 ngày 20/6/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Bùi Ngọc Hà có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Bùi Ngọc Hà (qua Công ty TNHH Vũ Gia và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136832/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Luật TNHH Đông Phương Luật
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00741 ngày 26/7/2021 của Công ty Luật TNHH Đông Phương Luật; địa chỉ: 19B Cao Bá Nhạ, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-06479 theo Quyết định số 34989/QĐ-SHTT ngày 29/4/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4604/BC-

TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Luật TNHH Đông Phương Luật với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "EAST LAW DONGPHUONG LUAT TRUSTED LAWYERS, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-06479 ngày 07/3/2018 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 34989/QĐ-SHTT ngày 29/4/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Văn phòng luật sư Phương Đông HANOI BAR ASSOCIATION ORIENT LAWYERS OFFICE Việt Nam, hình" theo Đang bạ quốc gia số 84579 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký khác biệt, không có yếu tố trùng hay tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể:

- Về cấu trúc: Phần chữ "EAST, DONG PHUONG" trong nhãn hiệu của chúng tôi hoàn toàn khác về cấu trúc với phần chữ "Phương Đông, ORIENT" của nhãn hiệu đối chứng. Các chữ cái, cách sắp xếp phần chữ trong nhãn hiệu của chúng tôi là sự kết hợp giữa từ tiếng Anh là "EAST LAW" và cụm từ tiếng Việt là "DONGPHUONG LUAT", trong khi nhãn hiệu đối chứng là cụm từ thể hiện hình thức kinh doanh "Văn phòng luật sư Phương Đông", "Orient Lawyer Office", là hoàn toàn khác nhau.

- Về phát âm: Phần chữ "EAST, DONG PHUONG" có cách phát âm khác với chữ "Phương Đông, ORIENT" trong nhãn hiệu đối chứng, không có tính tương tự về phát âm nên không thể làm cho người sử dụng dịch vụ bị nhầm lẫn.

- Về nội dung, ý nghĩa: Phần chữ "EAST, DONG PHUONG" trong nhãn hiệu đăng ký có ý nghĩa là phương hướng địa lý là phía Đông trong các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Phần chữ "Phương Đông, ORIENT" trong nhãn hiệu đối chứng lại thể hiện sự so sánh, phân biệt nền văn hóa, các quốc gia phương Đông (Châu Á, Đông Nam Á) với nền văn hóa, các quốc gia phương Tây (Châu Âu, Châu Mỹ). Hai nhãn hiệu theo đó không có sự giống nhau về ý nghĩa.

- Về hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký gồm phần hình và phần chữ, cách trình bày phần chữ là chữ "EAST LAW" in hoa (font chữ đậm) màu đen, được đặt chồng lên chữ "DONG PHUONG LUAT" (font chữ đậm) màu xanh dương, cũng được in hoa phía dưới. Ở góc phía trên bên trái có hình hai chiếc lá màu xanh lá cây đậm. Nhãn hiệu đối chứng gồm phần hình và phần chữ, cách trình bày phần chữ là chữ "VĂN PHÒNG LUẬT SƯ PHƯƠNG ĐÔNG" in hoa, màu xanh nước biển, uốn cong theo vòng tròn ở chính giữa nhãn hiệu. Chữ "Orient Lawyers Office" in thường, màu xanh nước biển được đặt ở góc dưới cùng của nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Lập luận cho rằng nhãn hiệu đăng ký khác biệt, không có yếu tố trùng hay tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng là không thuyết phục vì lý do sau.

Phần chữ "EAST LAW DONGPHUONG LUAT" trong nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần chữ tiếng Anh "EAST LAW" và phần chữ không dấu "DONGPHUONG LUAT". Cụm từ "EAST LAW" về mặt ý nghĩa có thể được hiểu tương đương với "Orient Lawyers" trong nhãn hiệu đối chứng vì đều chỉ dịch vụ pháp lý gắn liền với khu vực Phương Đông. Cụm từ "DONGPHUONG LUAT" dù được viết liền và không dấu, người tiêu dùng hoàn toàn có thể nhận biết và phát âm thành "Đông Phương Luật", tương tự như phần chữ "LUẬT SƯ PHƯƠNG ĐÔNG" trong nhãn hiệu đối chứng. Đáng chú ý, mặc dù có một số yếu tố phụ khác trong tổng thể dấu hiệu, việc trình bày hai cụm từ "EAST LAW" và "DONGPHUONG LUAT" thành hai dòng riêng biệt, sử dụng kiểu chữ in hoa, đậm, đã làm nổi bật yếu tố cốt lõi là "Đông Phương Luật", vốn cũng là thành phần trung tâm trong nhãn hiệu đối chứng. Trong bối cảnh dịch vụ mang hai nhãn hiệu là tương tự hoặc trùng nhau (tư vấn pháp luật, tố tụng) càng khiến người tiêu dùng hiểu nhầm hai nhãn hiệu có mối liên hệ thương mại hoặc có cùng nguồn gốc. Do đó, lập luận của người nộp đơn trong đơn khiếu nại là không thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-06479 ngày 07/3/2018 theo Quyết định số 34989/QĐ-SHTT ngày 29/4/2021 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 34989/QĐ-SHTT ngày 29/4/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-06479 ngày 07/3/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Luật TNHH Đông Phương Luật có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Luật TNHH Đông Phương Luật có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136833/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại An Thịnh Phát
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00706 ngày 13/7/2021 của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại An Thịnh Phát; địa chỉ: 984/12 quốc lộ 1A, khu phố 05, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Việt Nam IP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-36661 theo Quyết định số 29061/QĐ-SHTT ngày 13/4/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4660/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại An Thịnh Phát với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ATPNANOBAC-TERIA (Antibacteria)" theo đơn số 4-2018-36661 ngày 23/10/2018 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 29061/QĐ-SHTT ngày 13/4/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 286432 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

- Việc tách ba chữ cái đầu "ATP" từ cụm từ "ATPNANOBAC-TERIA (Antibacteria)" cũng như ý kiến đánh giá cho rằng "ATP" có thể tồn tại độc lập như một nhãn hiệu và tiền tố "ATP" trong nhãn hiệu đăng ký là thành phần mạnh tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu, các thành phần còn lại mang tính mô tả là mang tính chủ quan, không hợp lý và không có cơ sở pháp lý.

- Cụm từ "ATPNANOBAC-TERIA (Antibacteria)" không có thành phần chính hay phụ, mà là một tổng thể thống nhất. Do đó, nhận định rằng sự trùng lặp một phần giữa các nhãn hiệu có thể gây nhầm lẫn hoặc khiến người tiêu dùng tưởng rằng các nhãn hiệu là biến thể của nhau từ cùng một nhà sản xuất là không hợp lý và không có cơ sở pháp lý.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.6.b)(iii) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Đối với đơn đăng ký nhãn hiệu, việc đánh giá được tiến hành lần lượt từng thành phần của nhãn hiệu đối với từng hàng hoá, dịch vụ nêu trong danh mục hàng hoá, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Theo quy định tại điểm 15.6.b)(iii) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, việc đánh giá nhãn hiệu cần được thực hiện trên từng thành phần của nhãn hiệu để xác định khả năng phân biệt, đặc biệt khi có dấu hiệu trùng hoặc tương tự với các nhãn hiệu đã được đăng ký trước đó cho cùng loại hàng hóa, dịch vụ. Trong

nhãn hiệu đăng ký "ATPNANOBAC-TERIA (Antibacteria)", thành tố "ATP" được đặt ở vị trí đầu trong cấu trúc nhãn hiệu, là thành phần mạnh tạo khả năng phân biệt; thành phần còn lại "NANOBAC-TERIA (Antibacteria)" mang tính mô tả liên quan đến đặc điểm, công dụng. So với nhãn hiệu đối chứng, sự trùng lặp về thành phần "ATP" có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại, đặc biệt khi các sản phẩm mang nhãn hiệu trùng hoặc tương tự.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.6.b)(iii) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-36661 ngày 23/10/2018 theo Quyết định số 29061/QĐ-SHTT ngày 13/4/2021 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29061/QĐ-SHTT ngày 13/4/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-36661 ngày 23/10/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại An Thịnh Phát có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại An Thịnh Phát (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Việt Nam IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136834/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần EAST WEST BREWING
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2019-00766 ngày 27/11/2019 của Công ty Cổ phần EAST WEST BREWING; địa chỉ: 181 - 183 - 185 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-42449 theo Quyết định số 89914/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4532/BC-

TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần EAST WEST BREWING với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "EAST WEST BREWING COMPANY S D S G, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 32 theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-42449 ngày 30/12/2016 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 89914/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với:

- nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 22528 (nhãn hiệu đối chứng 1);

- nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 130958 (nhãn hiệu đối chứng 2);

- nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 138551 (nhãn hiệu đối chứng 3).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Người nộp đơn đã nhận được Quyết định số 89914/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do không phúc đáp Thông báo số 33966/SHTT-NH ngày 25/06/2019 trong thời hạn quy định, nguyên nhân là do sơ suất làm thất lạc Thông báo trong quá trình lưu trữ tài liệu.

(ii) Đối với nhãn hiệu đối chứng 1: Người nộp đơn đã loại bỏ sản phẩm "bia mạch nha, hèm mạch nha" ra khỏi nhóm sản phẩm/dịch vụ đăng ký, cụ thể thành "Bia, hèm bia (không bao gồm bia mạch nha, hèm mạch nha)" thuộc nhóm 32 để không còn tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, và nộp kèm theo bản sao Đơn yêu cầu sửa đổi cho việc sửa đổi này.

Đối với nhãn đối chứng 2 và 3: Người nộp đơn không đồng ý với kết luận cho cho rằng nhãn hiệu này có sự tương đồng ngữ nghĩa với các nhãn đối chứng. Cụ thể:

- Về ngữ nghĩa và nhận thức người tiêu dùng: Người tiêu dùng Việt Nam thường nhận biết thương hiệu qua hình thức trực tiếp (hình ảnh, phát âm), không dịch sang ngôn ngữ khác để nhận diện. "EAST WEST" và "ĐÔNG TÂY" có thể tương đương về ngữ nghĩa, nhưng trong thực tế sử dụng và nhận thức thương hiệu, chúng hoàn toàn độc lập, không gây nhầm lẫn.

- Về hoạt động sử dụng thực tế: EAST WEST BREWING CO. được sử dụng liên tục từ năm 2016 cho các sản phẩm bia thủ công và nhà hàng. Tên thương hiệu và tên công ty chỉ sử dụng bằng tiếng Anh, không dịch sang tiếng Việt. Tên EAST WEST đã được đăng ký trong Giấy chứng nhận doanh nghiệp và dùng thống nhất trên thị trường.

- So sánh với nhãn đối chứng: Các nhãn hiệu đối chứng "DONG TAY Đông Tây" và "ĐÔNG TÂY ĐôngTây, hình" cũng được chủ sở hữu sử dụng nhất quán, không dịch sang tiếng Anh. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng chủ yếu

hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm chức năng, không liên quan đến ngành bia/rượu, không tìm thấy bằng chứng hoạt động trong lĩnh vực tương tự nhãn hiệu "EAST WEST".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Luận điểm (i) của người nộp đơn cho rằng không thể phúc đáp Thông báo số 33966/SHTT-NH ngày 25/6/2019 trong thời hạn quy định vì sơ suất làm thất lạc Thông báo trong quá trình lưu trữ tài liệu, dẫn đến đơn bị từ chối theo Quyết định số 89914/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019 là không có cơ sở chấp nhận. Việc tiếp nhận, lưu trữ và xử lý kịp thời Thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ là trách nhiệm thuộc về người nộp đơn. Sơ suất để thất lạc Thông báo là lỗi chủ quan và không thể được coi là căn cứ hợp pháp để yêu cầu xem xét lại quyết định đã được ban hành đúng quy định.

2.2. Đối với luận điểm (ii) liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 1, người nộp đơn cho rằng đã sửa đổi danh mục sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 32 và kèm theo bản sao Đơn yêu cầu sửa đổi. Tuy nhiên, hồ sơ đơn không bao gồm bản sao như đã tuyên bố này. Ngoài ra, cần lưu ý rằng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi đã có quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ là không phù hợp với quy định pháp luật.

Luận điểm (ii) còn cho rằng sự khác biệt trong cách nhận biết, hoạt động sử dụng và lĩnh vực kinh doanh giữa nhãn hiệu đăng ký "EAST WEST" và "DONG TAY Đông Tây" (nhãn hiệu đối chứng 2), "ĐÔNG TÂY ĐôngTây, hình" (nhãn hiệu đối chứng 3) khiến chúng hoàn toàn độc lập, không gây nhầm lẫn là không thuyết phục vì lý do sau.

Yếu tố "EAST WEST" trong nhãn hiệu đăng ký và "ĐÔNG TÂY" trong các nhãn hiệu đối chứng đều được thể hiện bằng cỡ chữ lớn, nổi bật và chiếm vị trí trung tâm trong tổng thể. Đây là những dấu hiệu ngôn ngữ có chức năng nhận diện thương mại chủ yếu, gây ấn tượng mạnh về mặt thị giác và dễ

ghi nhớ trong tâm trí người tiêu dùng. Mặc dù cách thể hiện ngôn ngữ khác nhau (tiếng Anh và tiếng Việt), hai cụm từ "EAST WEST" và "ĐÔNG TÂY" có cùng nội hàm ngữ nghĩa chỉ phương hướng và đều dễ nhận biết, dễ hiểu bởi người tiêu dùng phổ thông có trình độ tiếng Anh cơ bản.

Vì các lý do nêu trên, các ý kiến và lập luận của người nộp đơn trong đơn khiếu nại là không có cơ sở xác đáng để được xem xét chấp thuận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-42449 ngày 30/12/2016 theo Quyết định số 89914/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 89914/QĐ-SHTT ngày 14/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-42449 ngày 30/12/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần EAST WEST BREWING có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần EAST WEST BREWING có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136835/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư phát triển VIGO
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-01097 ngày 22/12/2021 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển VIGO; địa chỉ: Số 2 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Bản quyền quốc tế (CIS LAW FIRM); khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-38096 theo Quyết định số 74535/QĐ-SHTT ngày 23/9/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4547/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư phát triển VIGO với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Ăn đã, mọi chuyện để em lo!" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-38096 ngày 01/11/2018 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 74535/QĐ-SHTT ngày 23/9/2021, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí với lý do nhãn hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Quyết định số 74535/QĐ-SHTT ngày 23/9/2021 được ban hành căn cứ vào kết quả thẩm định nội dung áp dụng không đúng pháp luật. Cụ thể, căn cứ từ chối là điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ chỉ liệt kê các dấu hiệu mô tả cụ thể (thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, chất lượng, công dụng, v.v.), nhưng không quy định "đặc tính khác" là bao gồm đặc điểm hay thuộc tính gì của hàng hóa, dịch vụ. Việc đánh giá dấu hiệu mô tả theo điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ cần tuân thủ vào 11 trường hợp cụ thể được quy định tại điểm 39.3.g) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN và trong Công văn số 311/CV-CIS/21' ngày 10/5/2021, người nộp đơn đã trình bày lập luận và chứng cứ cho thấy dấu hiệu chữ của nhãn hiệu đăng ký không thuộc bất kỳ trường hợp nào trong 11 trường hợp mô tả hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 39.3.g) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN.

(ii) Mặc dù cụm từ "Ăn đã, mọi chuyện để em lo!" có sử dụng từ "ăn" - một từ có liên quan đến dịch vụ ăn uống trong nhóm 43, tuy nhiên cần xem xét toàn bộ dấu hiệu dưới góc độ tổng thể và ngữ nghĩa cụ thể mà nó truyền tải, cụ thể:

- Cụm từ này thể hiện một thông điệp trọn vẹn, trong đó "Ăn đã" mang ý nghĩa ưu tiên cho việc ăn uống như một hành động trước tiên, trong khi "mọi chuyện để em lo!" thể hiện sự chu đáo, gợi hình ảnh có người khác thay mặt giải quyết các vấn đề còn lại. Cụm từ này không mang tính mô tả cụ thể về bản chất, chất lượng, phương pháp, thành phần hay công dụng của bất kỳ loại hàng hóa hay dịch vụ nào.

- Xét theo cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt, dấu phẩy giữa hai vế đã chia tách rõ "Ăn đã" và "mọi chuyện để em lo!", nhấn mạnh rằng "ăn" chỉ là hành động độc lập, không nhằm mô tả hàng hóa cụ thể, còn "mọi chuyện" bao hàm nhiều khía cạnh khác như công việc, học tập, gia đình, v.v., chứ không chỉ riêng việc ăn uống.

- Đại từ "em" trong cụm từ là nhân xưng mang tính ẩn dụ, biểu cảm, không định danh hay mô tả cụ thể về người cung cấp dịch vụ (như đầu bếp, phục

vụ, chủ nhà hàng, v.v.), nên không mang tính mô tả về đặc điểm hay chất lượng của dịch vụ.

(ii) Quyết định số 74535/QĐ-SHTT ngày 23/9/2021 có nhận định, kết luận không phù hợp với các tình tiết, chứng cứ của vụ việc, cụ thể là chưa xem xét đầy đủ khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký đối với từng sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Theo đó, đối với hoạt động cung ứng dịch vụ "quầy rượu" và "dịch vụ cơ sở lưu trú tạm thời [khách sạn, nhà trọ]; đặt chỗ ở tạm thời; đặt chỗ khách sạn", dấu hiệu chữ "Ăn đã, mọi chuyện để em lo!" không thuộc trường hợp mô tả nào được liệt kê tại điểm c Khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.3.g) Thông tư 01/2007/TT-BKHCN do bản chất của dịch vụ "quầy rượu" và "dịch vụ cơ sở lưu trú tạm thời [khách sạn, nhà trọ]; đặt chỗ ở tạm thời; đặt chỗ khách sạn" không phải là hoạt động "ăn".

(iii) Quyết định số 74535/QĐ-SHTT ngày 23/9/2021 cũng chưa xem xét đầy đủ nội dung, tình tiết, chứng cứ đã nêu trong Công văn số 311/CV-CIS/21' liên quan đến các dẫn chứng về 03 trường hợp có tính chất tương tự. Từ đó cho rằng, các trường hợp viện dẫn trong văn bản số 311/CVCIS/21' là phù hợp quy định pháp luật, là tình tiết, chứng cứ có liên quan và đề nghị hủy bỏ toàn bộ Quyết định và chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nếu trong đơn số 4-2018-38096 đối với các hàng hóa, dịch vụ đáp ứng điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Các luận điểm nêu trên của người nộp đơn cho rằng cụm từ "Ăn đã, mọi chuyện để em lo!" không mang tính mô tả, mà chỉ thể hiện thông điệp trọn vẹn, mang tính biểu cảm. Tuy nhiên ,xét theo dịch vụ đăng ký thuộc nhóm 43, cụm từ này thể hiện rõ những đặc tính mô tả về tính chất, chất lượng và giá trị của dịch vụ vì lý do sau:

- Cụm từ "Ăn đã", theo giải thích của người nộp đơn, ám chỉ duy nhất vào việc ăn uống, tận hưởng trước, những vấn đề còn lại sẽ có người khác giải quyết ("em lo"). Hàm ý này thể hiện sự thoải mái, thư giãn, tận hưởng không phải bận tâm, qua đó mô tả phương thức cung cấp dịch vụ theo hướng thân thiện và ưu tiên trải nghiệm (khách hàng chỉ việc đến ăn, mọi vấn đến (công đoạn) còn lại sẽ được xử lý). Trong ngữ cảnh đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 (dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp thức ăn, đồ uống do nhà hàng thực

hiện; dịch vụ quầy rượu), dấu hiệu này được xem là phản ánh trực tiếp tính chất, chất lượng và giá trị gia tăng của dịch vụ.

- Cụm từ "mọi chuyện để em lo", theo cách hiểu phổ biến, mang nghĩa có người đảm nhận ("em lo") tất cả những vấn đề còn lại, từ đó truyền tải thông điệp về sự tận tâm, chu đáo và chăm sóc toàn diện (trong quá trình cung cấp dịch vụ), thường thấy trong quảng bá các dịch vụ lưu trú, nhà hàng, đặt phòng, hoặc dịch vụ ăn uống cao cấp. Cụm từ này ngụ ý mọi việc sẽ được (phía cung cấp dịch vụ) đảm nhận như là một cam kết ngầm về chất lượng dịch vụ, tạo cảm giác thuận tiện, không phải lo nghĩ, điều mà người tiêu dùng thường mong đợi khi sử dụng các dịch vụ. Do vậy, cụm từ này mô tả chất lượng và phương thức cung cấp dịch vụ, chứ không đơn thuần là khẩu hiệu hay ngôn ngữ sáng tạo.

- Như vậy, tổng thể dấu hiệu thể hiện đặc tính phục vụ đặc trưng cho dịch vụ nhóm 43, cụ thể là trải nghiệm ăn uống, được phục vụ đầy đủ, không phải lo nghĩ, và mọi vấn đề đều được (phía cung cấp dịch vụ) lo liệu chu đáo. Dấu hiệu này không thực hiện chức năng phân biệt nguồn gốc thương mại của dịch vụ, mà thiên về mô tả tính chất, giá trị và phương thức cung cấp dịch vụ.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ có căn cứ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo Quyết định số 74535/QĐ-SHTT ngày 23/9/2021, vì dấu hiệu thuộc trường hợp không được bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

2.2. Các dẫn chứng trong luận điểm (iii) của người nộp đơn chỉ có giá trị tham khảo, không giống với nhãn hiệu đăng ký và không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-38096 ngày 01/11/2018 theo Quyết định số 74535/QĐ-SHTT ngày 23/9/2021 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 74535/QĐ-SHTT ngày 23/9/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-38096 ngày 01/11/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần đầu tư phát triển VIGO có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư phát triển VIGO (qua CIS LAW FIRM) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136836/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Lifepro Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2014-01206 ngày 08/12/2014 của Công ty cổ phần Lifepro Việt Nam, địa chỉ: P.1104 nhà C2, khu Mỹ Đình 1, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Công ty cổ phần 365 - AUTO, địa chỉ: số nhà 12, khu E, tập thể kho 612, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-12316 theo Quyết định số 71543/QĐ-SHTT ngày 27/11/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4504/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Lifepro Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu 

"365 AUTO, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-12316 ngày 12/6/2013 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 71543/QĐ-SHTT ngày 27/11/2014, căn cứ điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu bị coi là:

- không có khả năng phân biệt vì là dấu hiệu hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng; và

- không có khả năng phân biệt vì là dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu là một tổng thể đặc biệt kết hợp giữa hình và chữ mang đạm tính sáng tạo, không khiến người tiêu dùng ngay lập tức liên tưởng đến sản phẩm/dịch vụ đăng ký

Cụ thể, ấn tượng đầu tiên của nhãn hiệu là hình chiếc ô tô cách điệu màu xanh với vài đường nét phác họa đơn giản nhưng mượt mà tạo nên một biểu tượng thu hút. Kết hợp với phần chữ và số là số "365" màu xanh và chữ "AUTO" màu trắng nằm trong một khung hình chữ nhật màu đỏ. Tất cả các chi tiết được thiết kế hài hòa, đơn giản nhưng hết sức sáng tạo.

Việc sử dụng phần hình cách điệu trong nhãn hiệu mô tả cho hàng hóa/dịch vụ không phải là trường hợp hiếm gặp và tất cả những thành tố trên kết hợp lại không thể ngay lập tức làm cho khách hàng liên tưởng đến sản phẩm/dịch vụ đăng ký theo nhãn hiệu.

Từ đó khẳng định nhãn hiệu hình không phải là "dấu hiệu hình và hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74, và "là dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá/dịch vụ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74.

(ii) Ngoài ra, người nộp đơn còn dẫn chứng một số trường hợp được bảo hộ và đề nghị xem xét, chập nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu"..

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Lập luận (i) cho rằng tính sáng tạo trong thiết kế đã tạo nên một tổng thể nhãn hiệu có khả năng phân biệt, không khiến người tiêu dùng ngay lập tức liên tưởng đến sản phẩm/dịch vụ đăng ký. Tuy nhiên, các thành tố của nhãn hiệu đều mang đặc điểm mô tả rõ ràng, thiếu khả năng phân biệt vì lý do sau.

- Chữ số "365" là một con số phổ biến, dễ khiến người tiêu dùng liên tưởng hoặc hiểu là dấu hiệu có tính mô tả thời gian cung cấp dịch vụ xuyên suốt cả năm, đặc biệt đối với các dịch vụ đăng ký thuộc nhóm 35 (ô tô, kinh doanh ô tô) và 41 (đào tạo lái xe).

- Từ "AUTO" là dạng rút gọn thông dụng của từ tiếng Anh "Automobile" (nghĩa là "xe ô tô" trong tiếng Việt), do đó có tính mô tả cao đối với các dịch vụ đăng ký liên quan đến ô tô.

- Hình ảnh chiếc xe, theo chính mô tả của người nộp đơn, được cách điệu bằng các đường nét phác họa đơn giản nhưng mượt mà. Tuy nhiên, dấu hiệu này vẫn rất dễ nhận biết ngay là một chiếc xe ô tô, và do đó mang tính mô tả trực tiếp loại hình dịch vụ đăng ký.

Vì vậy, tổng thể nhãn hiệu, được cấu thành từ các yếu tố đơn giản, phổ biến và mang tính mô tả nêu trên, tạo thành dấu hiệu mang tính mô tả đặc điểm và tính chất của chính loại hình dịch vụ đăng ký, dẫn đến thiếu khả năng phân biệt theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

2.2. Các dẫn chứng trong lập luận (ii) chỉ có tính tham khảo, không giống với nhãn hiệu trong đơn khiếu nại và không thuộc phạm vi xem xét trong trường hợp này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-12316 theo Quyết định số 71543/QĐ-SHTT

ngày 27/11/2014 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 71543/QĐ-SHTT ngày 27/11/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-12316 ngày 12/6/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Lifepro Việt Nam (nay là Công ty cổ phần 365 – AUTO) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Lifepro Việt Nam (nay là Công ty cổ phần 365 – AUTO, qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136837/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1245730 của Earthrise Nutritionals LLC (US) đã hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực từ ngày 23/12/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DAD778

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00738 ngày 25/8/2016 của Earthrise Nutritionals LLC; địa chỉ: 2151 Michelson Drive, Suite 258 Irvine CA 92612, U.S.A; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế số 1245730 đã hết hạn hiệu lực từ ngày

23/12/2024 và không được gia hạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Earthrise Nutritionals LLC (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136838/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu và Xây dựng Thanh Bình 686
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2020-01217 ngày 04/12/2020 của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu và Xây dựng Thanh Bình 686; địa chỉ: Ô 12, TT27, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH SMARTLAW; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-07314 theo Quyết định số 88934/QĐ-SHTT ngày 26/10/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4449/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu và Xây dựng Thanh Bình 686 với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "JAPPANN SILICONE SEALANT -A500 SEALANT-A200, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-07314 ngày 14/3/2018 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 88934/QĐ-SHTT ngày 26/10/2020, căn cứ khoản 5 Điều 73, điểm b và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do:

- Phần chữ "JAPPANN" phát âm tương tự với "JAPAN", gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm được cung cấp bởi dịch vụ đăng ký;

- Phần còn lại là tập hợp của các thành phần không có khả năng phân biệt.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký "JAPPANN SILICONE SEALANT-A500 SEALANT-A200, hình", trong đó yếu tố phân biệt chính "JAPPANN" là một từ tự tạo, không có nghĩa, về hình thức và số lượng âm tiết phát âm hoàn toàn khác biệt với "JAPAN".

- Yếu tố "JAPPANN" trong tổng thể nhãn hiệu đăng ký "gồm chữ và hình" được phát âm thành ba (3) âm tiết "jap-pan-nờ", trong khi tên nước "Nhật Bản" trong tiếng Anh chữ "JAPAN" được phát âm sang tiếng Việt là từ có hai (2) âm tiết "jo-pen" và đọc Việt hóa là "ja-pan".

- Việc nhận diện một nhãn hiệu dựa trên nhiều yếu tố, trong đó ấn tượng thị giác (mắt nhìn) là một trong các yếu tố cơ bản để khách hàng nhớ và lựa chọn sản phẩm tiêu dùng trên thị trường. Nhãn hiệu đăng ký là một tên tự tạo gồm tổ hợp nhiều ký tự, đọc được thành từ 3 âm tiết và không có nghĩa, được kết hợp với thiết kế riêng độc đáo, đặc biệt hơn cả là tên nhãn hiệu không bị trùng hay có đối chứng tương tự hoặc gây nhầm lẫn cả về phần hình và chữ với nhãn hiệu đã đăng ký trước đó. Ngoài ra, dấu hiệu "JAPPANN" khi gọi hay đọc lên thành tiếng cũng được phát âm khác biệt với tên quốc gia "JAPAN" như đã phân tích trên đây. Do vậy, kết luận nhãn hiệu "JAPPANN" bắt đầu bằng tiếng "JAP" trong chữ "JAPAN" bị coi là có phát âm tương tự nhầm lẫn với tên quốc gia "Japan-Nhật bản" là chưa xác đáng.

(ii) Người nộp đơn còn dẫn chứng một số trường hợp được bảo hộ và đề nghị xem xét chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Lập luận (i) cho rằng hãn hiệu đăng ký "JAPPANN SILICONE SEALANT-A500 SEALANT-A200, hình", trong đó yếu tố phân biệt chính "JAPPANN" là một từ tự tạo, không có nghĩa, về hình thức và số lượng âm tiết phát âm hoàn toàn khác biệt với "JAPAN" là không thuyết phục vì lý do sau.

"JAPPANN" là yếu tố đầu trong nhãn hiệu đăng ký được thể hiện bằng cỡ chữ in hoa lớn, kiểu chữ đơn giản, rõ ràng và tách biệt so với các thành phần còn lại, do đó tạo ấn tượng mạnh về mặt thị giác. Mặc dù "JAPPANN" có thể không có nghĩa rõ ràng, yếu tố này về cấu trúc gần như tương đồng với "JAPAN" (tên quốc gia Nhật Bản), chỉ bổ sung các phụ âm "P" và "N" đều nằm ở vị trí giữa hoặc cuối từ, không làm thay đổi đáng kể trình tự và cảm nhận tổng thể của chuỗi ký tự. Trong phát âm thông thường, yếu tố "JAPPANN" vẫn giữ nguyên âm đầu "JAP" và âm kết thúc tương đồng với "AN" trong "JAPAN", dẫn đến khả năng cao người tiêu dùng sẽ nhận diện "JAPPANN" như một biến thể "JAPAN".

Ngoài ra, mặc dù nhãn hiệu đăng ký có bao gồm yếu tố hình và yếu tố chữ bổ sung "SILICONE SEALANT-A500 SEALANT-A200", các thành phần này chủ yếu mang tính mô tả nguyên liệu, hoặc mã hàng hóa/sản phẩm, không có khả năng phân biệt. Do đó, yếu tố "JAPPANN" là thành phần mang tính phân biệt chính, và cũng là yếu tố chủ yếu gây nhầm lẫn với "JAPAN" trong nhận thức của người tiêu dùng.

2.2. Các dẫn chứng trong lập luận (i) của người nộp đơn chỉ mang tính tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73, điểm b và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-07314 ngày 14/03/2018 theo

Quyết định số 88934/QĐ-SHTT ngày 26/10/2020 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 88934/QĐ-SHTT ngày 26/10/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-07314 ngày 14/3/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu và Xây dựng Thanh Bình 686 có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu và Xây dựng Thanh Bình 686 (qua Công ty Luật TNHH SMARTLAW) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136839/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Lương Thế Hùng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2022-00160 ngày 18/02/2022 của Ông/Bà Lương Thế Hùng; địa chỉ: Số 108, Nguyễn Khuyến, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-21841 theo Quyết định số 105070/QĐ-SHTT ngày 31/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4269/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Lương Thế Hùng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

1. Nhãn hiệu "MEBANK, hình" trong đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-21841 ngày 17/6/2019 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) theo Quyết định số 105070/QĐ-SHTT ngày 31/12/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do phần hình của nhãn hiệu đăng ký dù đã được Chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng đồng ý cho phép sử dụng và đăng ký, tuy nhiên người tiêu dùng vẫn có nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng do chúng có nguồn gốc và xuất xứ khác nhau.

Nhãn hiệu đối chứng:

- Đăng bạ quốc gia số: 309380, ngày 27/11/2018

- Đăng bạ quốc gia số: 349376, ngày 05/5/2020

- Đăng bạ quốc gia số: 357469, ngày 22/7/2020.

2. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký căn cứ theo Thư chấp thuận của Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang (Chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng), người nộp đơn cho rằng:

- Các nhãn hiệu đối chứng là tài sản của Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang, do đó Công ty có quyền định đoạt.

- Việc Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang đồng ý cho người nộp đơn sử dụng và đăng ký phần hình trong nhãn hiệu đăng ký "MEBANK, hình" (đơn số 4-2019-21841, nhóm 36) là phù hợp pháp luật.

- Hành vi này không gây nhầm lẫn về nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm đối với người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Mặc dù người nộp đơn viện dẫn Thư chấp thuận của Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang, Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng, để khẳng định rằng việc sử dụng và đăng ký phần hình trong nhãn hiệu đăng ký "MEBANK, hình" là hợp pháp, tuy nhiên lập luận này không đủ căn cứ để loại trừ nguy cơ gây nhầm lẫn theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Phần hình trong nhãn hiệu đăng ký "MEBANK, hình" là thành phần nổi bật, có khả năng phân biệt mạnh và có mức độ tương đồng đáng kể với phần hình của các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, mặc dù có sự đồng ý từ Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng, điều này không đủ để làm giảm nguy cơ gây nhầm lẫn trong nhận thức của người tiêu dùng, vốn chủ yếu căn cứ vào ấn tượng thị giác, cách trình bày và cảm nhận tổng thể để xác định nguồn gốc thương mại của dịch vụ mang nhãn hiệu, dẫn đến nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng do sự khác biệt về nguồn gốc, xuất xứ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-21841 ngày 17/06/2019 theo Quyết định số 105070/QĐ-SHTT ngày 31/12/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 105070/QĐ-SHTT ngày 31/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-21841 ngày 17/06/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Lương Thế Hùng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Lương Thế Hùng (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136840/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Ngô Thị Phương Cúc
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2014-01213 ngày 11/12/2014 của Ông/Bà Ngô Thị Phương Cúc; địa chỉ: P901 tòa nhà CT1 chung cư Huyndai Hillstate, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Gia Phạm; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2014-14647 theo Quyết định số 54079/QĐ-SHTT ngày 12/9/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4299/BC-

TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Ngô Thị Phương Cúc với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-14647 ngày 26/6/2014 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ theo Quyết định số 54079/QĐ-SHTT ngày 12/9/2014 với lý do đơn có thiếu sót ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn và không được sửa chữa dù đã được yêu cầu tại Công văn số 25470/SHTT-NH2 ngày 28/7/2014 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn cho rằng Quyết định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ là không hợp lý, với lý do đã nộp Công văn số 44/2014/CV-SH ngày 21/8/2014 để làm rõ danh mục sản phẩm theo đúng yêu cầu tại Công văn số 25470/SHTT-NH2. Tuy nhiên, do hồ sơ bị thất lạc tại Cục Sở hữu trí tuệ nên công văn này không được ghi nhận. Trên cơ sở đó, người nộp đơn đề nghị xem xét lại tính hợp lệ của đơn và hoàn trả lệ phí khiếu nại 360.000 đồng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo dự định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người nộp đơn thông báo từ chối chấp nhận đơn và hoàn trả các khoản phí, lệ phí đã được nộp liên quan đến công việc sau thẩm định hình thức theo yêu cầu của người nộp đơn".

Điểm 22.2.a) Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Mỗi đơn khiếu nại có thể khiếu nại một hoặc nhiều quyết định, thông báo nếu các quyết định, thông báo đó có cùng một nội dung và lý do khiếu nại, với điều kiện người khiếu nại phải nộp phí cung cấp dịch vụ để giải quyết khiếu nại về sở hữu công nghiệp (nếu có), gồm phí thẩm định đơn, phí tra cứu thông tin theo quy định đối với từng quyết định, thông báo bị khiếu nại".

Điểm 8.3.b) Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Các khoản phí, lệ phí được hoàn trả theo yêu cầu của người nộp đơn trong các trường hợp Cục Sở hữu trí tuệ đã thu không đúng quy định (thu sai, thu thừa...)".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Sau khi xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy rằng Công văn số 44/2014/CV-SH ngày 21/8/2014 không thể được xem là văn bản sửa chữa thiếu sót hợp lệ cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-14647 vì lý do sau:

Công văn nêu trên có phần thông tin thể hiện việc trả lời liên quan đến đơn số 4-2014-14617, trong khi đơn cần được sửa chữa theo yêu cầu tại Công văn số 25470/SHTT-NH2 lại là 4-2014-14647.

Trong việc tiếp nhận và xử lý công văn trả lời, người nộp đơn có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của thông tin trong văn bản nộp bởi việc định danh và lưu trữ văn bản phụ thuộc hoàn toàn vào số đơn chính xác. Khi công văn không thể hiện rõ, hoặc thể hiện không chính xác số đơn liên quan, việc không được ghi nhận vào đúng hồ sơ đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Vì vậy, Quyết định số 54079/QĐ-SHTT ngày 12/9/2014 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2014-14647 là có cơ sở pháp lý, phù hợp với quy định tại điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

2.2. Đề nghị hoàn trả lệ phí khiếu nại (số tiền 360.000 đồng) là không có cơ sở, căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành như sau:

Điểm 22.2.a) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định mỗi đơn khiếu nại đối với quyết định hoặc thông báo cụ thể đều phải nộp phí khiếu nại tương ứng bao gồm phí cung cấp dịch vụ để giải quyết khiếu nại về sở hữu công nghiệp (nếu có), gồm phí thẩm định đơn, phí tra cứu thông tin theo quy định đối với từng quyết định, thông báo bị khiếu nại. Theo đó, mức thu 360.000 đồng được áp dụng cho đơn khiếu nại là đúng quy định.

Ngoài ra, đơn khiếu nại không thuộc trường hợp được hoàn trả phí, lệ phí theo quy định tại điểm 8.3.b) Thông tư số 01/2007/BKHCN.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại các điểm 13.7, 22.2.a) và 8.3.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2014-14647 ngày 26/6/2014 theo Quyết định số 54079/QĐ-SHTT ngày 12/9/2014 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 54079/QĐ-SHTT ngày 12/9/2014 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-14647 ngày 26/6/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Ngô Thị Phương Cúc có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Ông/Bà Ngô Thị Phương Cúc (qua Công ty Luật TNHH Gia Phạm) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136841/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư Nam Long
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2012-00536 ngày 18/6/2012 của Công ty cổ phần đầu tư Nam Long; địa chỉ: 181 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 6 Nguyễn Khắc Viện, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH BIZCONSULT; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2009-06160 ngày 02/4/2009 theo Quyết định số 28063/QĐ-SHTT ngày 31/5/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4327/BC-TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư Nam Long với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NL Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nam Long NLG, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-06160 ngày 02/4/2009 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 28063/QĐ-SHTT ngày 31/5/2012, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 130882 ngày 03/8/2009 (nhãn hiệu đối chứng). Người nộp đơn đề nghị xem xét thu hồi nhãn hiệu đối chứng và chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

Người nộp đơn khẳng định nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ thể. Người nộp đơn đã thực hiện việc sửa đổi địa chỉ (theo đơn số SĐ-2012-00450), thống nhất theo địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "NL Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nam Long NLG, hình" được cho là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "N L NL NAM LONG, hình". Tuy nhiên, chủ nhãn hiệu đăng ký đã thực hiện việc sửa đổi địa chỉ, thống nhất theo địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng. Sau khi sửa đổi, địa chỉ của chủ nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn trùng khớp với địa chỉ của chủ nhãn hiệu đối chứng, nên nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là cùng chủ và cùng địa chỉ.

Do đó, nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 130882 không còn là căn cứ dùng để từ chối nhãn hiệu đăng ký. Vì vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2009-06160 ngày 02/4/2009, không áp dụng quy định

tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 28063/QĐ-SHTT ngày 31/5/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2009-06160 ngày 02/4/2009.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2009-06160 ngày 02/4/2009.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư Nam Long (qua Công ty Luật TNHH BIZCONSULT) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136842/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1173326 của RAINBOW S.R.L. (IT) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực 25/02/2023.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DAD778

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2015-00370 ngày 22/4/2015 của RAINBOW S.R.L. (nay là RAINBOW S.P.A.); địa chỉ: snc, via Brecce I-60025 LORETO (AN) Italy; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế số 1173326 đã bị hết hiệu lực từ 25/02/2023 và

không được gia hạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và RAINBOW S.R.L. (nay là RAINBOW S.P.A.; qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136843/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Chr. Hansen A/S
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2014-00184 ngày 04/3/2014 của Chr. Hansen A/S; địa chỉ: Boge Allé 10-12, DK-2970 Horsholm, Denmark; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1134197 theo Thông báo số 2012/43 NDT05 ngày 29/10/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4540/BC-TTKN

ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Chr. Hansen A/S với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CHR HANSEN, hình" theo ĐQT số 1134197 ngày 06/06/2012 bị từ chối bảo hộ một phần, cụ thể là các sản phẩm trong nhóm 05 vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 201573 và 159090. Người khiếu nại đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm trong nhóm 05 với lý do như sau:

- Người khiếu nại đã giới hạn sản phẩm đăng ký trong nhóm 05 thành "Chế phẩm thú y; mẻ cấy vi sinh dùng trong ngành y và thú y; mẻ cấy vi sinh dùng trong chất bổ sung ăng kiêng, thực phẩm bổ sung và khoáng chất; mẻ cấy vi sinh dùng như là chất phụ gia dinh dưỡng trong thức ăn cho động vật; chế phẩm vi khuẩn dùng trong ngành y và thú y; chế phẩm vi khuẩn dùng trong chất bổ sung ăn kiêng và khoáng chất; chế phẩm vi khuẩn dùng như chất phụ gia dinh dưỡng trong thức ăn cho động vật; thực phẩm bổ sung có thành phần và chiết xuất từ thực vật và rau quả (không dùng cho mục đích y tế); chiết xuất từ thực vật và rau quả dùng để sản xuất thực phẩm bổ sung (không dùng cho mục đích y tế); chất phụ gia thức ăn cho động vật được dùng như là chất bổ sung dinh dưỡng; thực phẩm bổ sung dùng cho vật nuôi, gia cầm và thú nuôi trong nhà; bộ dụng cụ kiểm tra chẩn đoán dùng để dò tìm chất kháng sinh và chất gây ô nhiễm trong sữa chưa xử lý".

- Sau khi được giới hạn, sản phẩm đăng ký hoàn toàn khác biệt với sản phẩm mang các nhãn hiệu đối chứng (dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y) về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh phân phối. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng về mặt cấu trúc tổng thể, cách trình bày, yếu tố cấu thành, ấn tượng thị giác và thính giác. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng và hoàn toàn đáp ứng Điều 74.2(e) Luật SHTT.

- Yếu tố "HANSEN" trong Nhãn hiệu đăng ký là một thành phần chính và có tính phân biệt cao trong tên thương mại (Chr. Hansen A/S) của người khiếu nại, đã đạt tính phân biệt cao thông qua quá trình sử dụng rộng rãi và lâu dài từ năm 1874 cho các sản phẩm trong nhóm 05 trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu có chứa yếu tố "HANSEN" của người khiếu nại đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới.

- Hiện tại, các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 201573 và 159090 thuộc nhóm 05 đã hết hiệu lực quá 3 năm. Như vậy, các nhãn hiệu đối chứng này sẽ không còn phù hợp để làm đối chứng ngăn cản việc đăng ký bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký.

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1134197 cho nhóm 05.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "CHR HANSEN, hình" và các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201573 và 159090 có thành phần chính "HANSEN" trùng về các ký tự và cách phát âm. Đồng thời, danh mục sản phẩm đăng ký sau khi được giới hạn một số sản phẩm vẫn tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

Tuy nhiên, các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201573 và 159090 nêu trên đã bị hết hiệu lực từ ngày 10/07/2019 và ngày 08/06/2019 mà không được chủ sở hữu thực hiện thủ tục gia hạn hiệu lực nên không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1134197. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại người người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1134197, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2012/43 NDT05 ngày 29/10/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1134197.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1134197.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Chr. Hansen A/S (Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136844/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Eisai R&D Management Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00066 ngày 03/02/2025 của Eisai R&D Management Co., Ltd.; địa chỉ: 6-10, Koishikawa 4-chome, Bunkyo-ku, Tokyo, Japan, 112-8088; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-09651 theo Quyết định số 126371/QĐ-SHTT.JP ngày 31/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4433/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Eisai R&D Management Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BB [chocola]" đăng ký theo đơn số 4-2020-09651 ngày 20/03/2020 cho nhóm 05 và 32 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do sự kết hợp của phần chữ tiếng Nhật là ngôn ngữ không thông dụng với phần chữ "BB" đơn giản tạo thành tổng thể không có khả năng phân biệt như một nhãn hiệu.

Người khiếu nại thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp (Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Tổng thể nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ tự thân, nhờ có sự thể hiện cách điệu của các yếu tố cấu thành:

+ Phần chữ tiếng Nhật có nghĩa là sô cô la được trình bày một cách đặc biệt, khác biệt rõ ràng so với chữ viết thông thường trong tiếng Nhật, các nét chữ có độ dày mỏng đồng đều và khoảng cách giữa các ký tự được thu hẹp đi rất nhiều, tạo thành một tổng thể vuông vắn cân xứng, mang đậm tính thẩm mỹ và nghệ thuật;

+ Tổ hợp hai chữ cái La-tinh "BB" được viết ở phông chữ cách điệu với các nét đậm nhạt xen kẽ nhau rất mềm mại, uyển chuyển, mang đậm tính thẩm mỹ, có thể tạo sự liên tưởng đến hình ảnh hai cánh bướm đang dang rộng. Đặc biệt, phần chữ La-tinh này có thể được phát âm thành từ "bi-bi" theo tiếng Anh hoặc "bê-bê" theo tiếng Việt, tạo thành ấn tượng về âm thanh dễ ghi nhớ cho người tiêu dùng.

- Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã có tiền lệ chấp nhận bảo hộ cho các nhãn hiệu là ngôn ngữ không thông dụng nhưng có sự cách điệu, gây ấn tượng về hình thức thể hiện.

- Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi, nhiều người biết đến từ trước ngày nộp đơn, đạt được chức năng của một nhãn hiệu, là dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc đến người nộp đơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "BB [chocola]" là sự kết hợp giữa phần chữ tiếng Nhật và hai ký tự "BB", trong đó, phần chữ tiếng Nhật thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, hai ký tự "BB" mặc dù được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, có sự cách điệu nhưng không đủ để tạo nên khả năng tự phân biệt và nhận biết đối với người tiêu dùng. Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-09651 ngày 20/03/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 126371/QĐ-SHTT.IP ngày 31/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-09651 ngày 20/03/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Eisai R&D Management Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Eisai R&D Management Co., Ltd. (qua Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136845/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FUJI ELECTRIC CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2014-00957 ngày 25/9/2014 của FUJI ELECTRIC CO., LTD.; địa chỉ: 1-1 Tanabeshinden, Kawasaki-ku, Kawasaki-shi Kanagawa-ken 210-9530, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1160585 theo Thông báo số 2013/21 LMT02 ngày 29/5/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4418/BC-

TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FUJI ELECTRIC CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đăng ký quốc tế số 1160585 cho nhóm 07, 09, 11 12 có Thông báo tạm thời từ chối vì mang tính mô tả theo Điều 74.2c. Người nộp đơn trình bày lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký đã đạt được tính phân biệt thông qua quá trình sử dụng phổ biến và được công nhận là nhãn hiệu nổi tiếng bởi người tiêu dùng.

- Lập luận trên được thể hiện qua các bằng chứng tại Bản tuyên thệ về sự phổ biến và việc nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi và được công nhận là nhãn hiệu nổi tiếng trên toàn thế giới và tại Việt Nam (thể hiện qua doanh số bán hàng, chi phí quảng cáo, việc thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam, đăng ký nhãn hiệu tại nhiều quốc gia trên thế giới, sự tăng trưởng doanh thu các sản phẩm trên toàn thế giới và tại Việt Nam).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Innovating Energy Technology" là cụm từ tiếng Anh có nghĩa là "công nghệ đổi mới năng lượng". Khi đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 07, 09, 11 và 12 trong danh mục sản phẩm đăng ký, đặc biệt là sản phẩm "máy nước nóng năng lượng mặt trời" thuộc nhóm 11, nhãn hiệu đăng ký bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả. Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1160585 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/21 LMT02 ngày 29/5/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1160585.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, FUJI ELECTRIC CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FUJI ELECTRIC CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136846/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Wm. Wrigley Jr. Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2016-00840 ngày 28/9/2016 của Wm. Wrigley Jr. Company; địa chỉ: 1132 West Blackhawk Street, Chicago, Illinois 60642, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về phạm vi bảo hộ của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 265547 theo Quyết định số 42219/QĐ-SHTT ngày 12/7/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4426/BC-TTKN

ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Wm. Wrigley Jr. Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "WRIGLEY'S EXTRA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 265547 cho nhóm 30 được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "EXTRA". Người khiếu nại đề nghị bảo hộ riêng yếu tố "EXTRA" trong nhãn hiệu đăng ký "WRIGLEY'S EXTRA" với lý do sau đây:

- "EXTRA" hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân và đáp ứng yêu cầu bảo hộ là nhãn hiệu tại Việt Nam. Tuy "EXTRA" có thể mang tính bổ trợ khi đi cùng các từ khác, nhưng khi đứng độc lập, "EXTRA" không mang ý nghĩa cụ thể, không gợi tả bất kỳ sự vật, hiện tượng hay đặc điểm nào, do đó không thể bị xem là từ mô tả. Đây là nhãn hiệu được Wrigley đầu tư và sử dụng riêng biệt cho một dòng sản phẩm độc lập, không kèm theo hay phụ thuộc vào yếu tố từ ngữ nào khác và đã được sử dụng cũng như thừa nhận rộng rãi, thể hiện sự sáng tạo độc đáo và khả năng phân biệt tự thân của nhãn hiệu.

- "EXTRA" đã được sử dụng liên tục, sâu rộng và nhận biết rộng rãi trên toàn thế giới và tại Việt Nam với tư cách là một nhãn hiệu độc lập. Theo đó, người tiêu dùng chỉ liên kết "EXTRA" với Wrigley cho các sản phẩm liên quan chứ không phải một ai khác.

- Wrigley đã và đang đầu tư vào công tác bảo hộ và bảo vệ quyền nhãn hiệu đối với nhãn hiệu "EXTRA" với tư cách là một nhãn hiệu độc lập và dòng sản phẩm mang nhãn hiệu "EXTRA" của mình bằng các công tác phản đối cấp GCNĐKNH và hoạt động thực thi quyền.

- Nhãn hiệu "EXTRA" được bảo hộ riêng trong nhóm 30 từ năm 1987 – 2016 mà không có thành phần loại trừ. Trên thực tế, trong nhóm 30, chỉ duy nhất Wrigley đạt được bảo hộ độc quyền cho yếu tố "EXTRA" thuộc Nhóm 30 cho các sản phẩm đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Theo các từ điển Anh-Việt thông dụng, "EXTRA" có các ý nghĩa phổ biến như sau: "nhiều hơn" (đóng vai trò là tính từ), "hơn thường lệ/cộng thêm" (đóng vai

trò là trạng từ), "cái thêm/cái phải trả thêm" (đóng vai trò là danh từ) và "ngoài/ bên kia/ xa hơn" (đóng vai trò là tiền tố). Như vậy, "EXTRA" là một từ có ý nghĩa bổ trợ và phụ thuộc vào từ mà nó bổ trợ khi được ghép cùng các từ hay cụm từ khác. Tuy nhiên, trong trường hợp này, từ "EXTRA" được đặt cạnh từ "WRIGLEY" là từ không có nghĩa. Do đó, từ "EXTRA" không mang một ý nghĩa trọn vẹn nào và cũng không mang tính mô tả đối với các sản phẩm đăng ký "Bánh kẹo không tẩm thuốc, bao gồm cả kẹo cao su, kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo, kẹo bạc hà, viên kẹo hình giọt nước và viên kẹo hình thoi" thuộc nhóm 30. Vì vậy, có cơ sở để không loại trừ phần chữ "EXTRA" trong nhãn hiệu "WRIGLEY'S EXTRA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 265547.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để không loại trừ phần chữ "EXTRA" trong nhãn hiệu "WRIGLEY'S EXTRA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 265547.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 42219/QĐ-SHTT ngày 12/7/2016 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-04230 ngày 12/03/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2012-04230 ngày 12/03/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Wm. Wrigley Jr. Company (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136847/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của American Technical Ceramics Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2016-00170 ngày 29/02/2016 của American Technical Ceramics Corporation; địa chỉ: One Norden Lane, Huntington Station NY 11746, U.S.A; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225820 theo Thông báo số 2014/47 HBN17 ngày 27/11/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4422/BC-

TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của American Technical Ceramics Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THE ENGINEERS' CHOICE" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1225820 bị tạm thời từ chối đối với toàn bộ sản phẩm đăng ký trong nhóm 09 theo quy định tại Điều 73.5 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký không mang tính mô tả, không gây nhầm lẫn, không hàm ý lừa dối. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký mang ý nghĩa "sự lựa chọn của các kỹ sư, người thiết kế, xây dựng", không trực tiếp mô tả hay hàm ý lừa dối về bất kỳ tính chất nào của sản phẩm xin đăng ký trong nhóm 09.

- Nhãn hiệu đăng ký mang ý nghĩa mơ hồ, chung chung về công trình thiết kế, xây dựng hoặc người kỹ sư chứ không mô tả trực tiếp thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng,tính chất, thành phần công dụng, giá trị, chức năng hay bất kỳ đặc tính nào mang tính mô tả các sản phẩm nhóm 09 (Các linh kiện phim điện tử, cụ thể là điện trở, cuộn cảm và tụ điện gốm dùng cho các ứng dụng tần số vô tuyến, vi sóng và sóng milimet.) Các yếu tố này cũng không phải là các từ ngữ thông dụng được các nhà sản xuất khác hoặc người tiêu dùng sử dụng khi mô tả tính chất, đặc tính của sản phẩm linh kiện điện tử nêu trên.

- Sản phẩm đăng ký trong nhóm 09 có thể dùng trong nhiều mục đích khác nhau như sửa chữa, thay thế linh kiện máy tính, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, v.v., và người tiêu dùng có thể là bất kì ai không giới hạn vào kỹ sư hay đối tượng nào.

- Ý nghĩa của nhãn hiệu đăng ký không đưa lại bất kỳ thông điệp gì về chất lượng của sản phẩm trong nhóm 09 về việc các kỹ sư là người có vai trò quyết định sự lựa chọn là của người tiêu dùng. "Sự lựa chọn của kỹ sư, nhà thiết kế hay xây dựng" là một khái niệm mơ hồ, không đưa bất kỳ ý tưởng gì về sản phẩm hay dịch vụ để khẳng định đây là lựa chọn tốt nhất hay hoàn hảo nhất. Nói cách khác, ý nghĩa của nhãn hiệu không có sự liên hệ đến sản phẩm nào nên sẽ là bất hợp lý nếu cho rằng nhãn hiệu đăng ký mô tả đặc tính của sản phẩm.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã ghi nhận bảo hộ nhiều nhãn hiệu có cấu trúc và ý nghĩa tương tự như "THE CHOICE OF PROFESSIONAL" (Sự lựa chọn của chuyên gia) cho sản phẩm nhóm 7, 8, 9; "Baker's Choice" (Sự lựa chọn của người làm bánh) cho sản phẩm bột mì, bánh kẹo nhóm 30; "Pro's Choice" (Sự

lựa chọn của người chuyên nghiệp) cho sản phẩm thức ăn cho động vật nhóm 31; "THE CLEAR CHOICE" (Sự lựa chọn rõ ràng/ hiển nhiên) cho sản phẩm viễn thông nhóm 09; "MASTER'S CHOICE" (Sự lựa chọn của bậc thầy) cho sản phẩm đồ uống có cồn nhóm 33; "MOTHER'S CHOICE" (Sự lựa chọn của mẹ) cho các sản phẩm của trẻ em Nhóm 12, 20, 24, 25, 28.

- Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã ghi nhận bảo hộ nhãn hiệu "THE ENGINEER'S CHOICE" cách điệu của người nộp đơn tại ĐKQT số 1203928 cho sản phẩm trùng trong nhóm 09. Điều này cho thấy Cục Sở hữu trí tuệ không xem xét yếu tố chữ "THE ENGINEERS' CHOICE" là dấu hiệu mô tả hay gây lừa dối người tiêu dùng cho sản phẩm nhóm 09.

- Nhãn hiệu đăng ký và yếu tố chữ "THE ENGINEERS' CHOICE" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn tại thế giới và tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu đăng ký và yếu tố chữ "THE ENGINEERS' CHOICE" đã được chấp thuận bảo hộ tại nhiều quốc gia và không bị từ chối vì khả năng phân biệt, bao gồm Úc, Trung Quốc, Liên minh Châu Âu, Ấn Độ, Israel, Nhật Bản, Mexico, Na Uy, Philippines, Hàn Quốc, Liên bang Nga, Singapore, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "THE ENGINEERS' CHOICE" là cụm từ tiếng Anh

có nghĩa là "Sự lựa chọn của kỹ sư". Khi được sử dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 trong danh mục sản phẩm đăng ký "Các linh kiện phim điện tử, cụ thể là điện trở, cuộn cảm và tụ điện dùng cho các ứng dụng tần số vô tuyến, vi sóng", nhãn hiệu đăng ký có thể được hiểu như một sự khẳng định về mặt chất lượng và tính phù hợp của sản phẩm đối với người tiêu dùng, cụ thể là các kỹ sư. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả theo quy định tại Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ. Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đăng ký không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu theo quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt vì mang tính mô tả, căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1225820 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/47 HBN17 ngày 27/11/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1225820.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, American Technical Ceramics Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và American Technical Ceramics Corporation (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136848/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Phạm Thanh Vương
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2014-01007 ngày 06/10/2014 của Ông/Bà Phạm Thanh Vương; địa chỉ: 07 Cửu Long, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-23197 theo Quyết định số 38737/QĐ-SHTT ngày 04/7/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4236/BC-

TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Phạm Thanh Vương với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Handi shop, hình" đăng ký theo đơn số 4-2012-23197 cho nhóm 25, 35 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "handee GOLF" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 187463, "N handee" được bảo hộ theo GCNĐKNH 81041 theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về cấu trúc và hình thức thể hiện: nhãn hiệu đăng ký bao gồm hai thành phần là dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng chỉ có dấu hiệu chữ đối với nhãn đối chứng số 187463, có dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình đối với nhãn hiệu đối chứng số 81041.

- Nhãn hiệu đăng ký sử dụng dấu hiệu hình là hình chiếc áo được thiết kế cách điệu, hình ảnh này mặc dù thể hiện tính mô tả cho sản phẩm, dịch vụ đăng ký nhưng đây là hình ảnh chủ đạo trong nhãn hiệu với mục đích tạo ấn tượng và sự khác biệt với các chủ thể kinh doanh khác, giúp người tiêu dùng khi nhìn vào là nhận biết được nhà cung cấp sản phẩm/dịch vụ. Hình ảnh này không giống hay tượng tự với hình ảnh trong nhãn hiệu đối chứng số 81041. Còn đối với nhãn hiệu đối chứng số 187463 thì không sử dụng hình ảnh cho nhãn hiệu vì vậy càng không thể gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký.

- Ngoài ra, mỗi nhãn hiệu đều có các thành phần chữ khác đi kèm, trong nhãn hiệu đăng ký là phần chữ "shop.net", trong nhãn hiệu đối chứng số 187463 có thêm phần chữ "GOLF", nhãn hiệu đối chứng số 81041 có thêm phần chữ "N", sự xuất hiện của các yếu tố chữ khác có tác dụng tạo nên sự khác biệt tổng thể của nhãn hiệu và giúp người tiêu dùng dễ dàng phân biệt.

- Về thành phần cấu tạo và phát âm: phần chữ "handee" trong nhãn hiệu đối chứng được cấu tạo từ các chữ cái "h, a, n, d, e, e", trong khi đó phần chữ "handi" của nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo từ chữ cái "h, a, n, d, i". Điều này cho thấy số lượng các chữ cái và thành phần các chữ cái trong phần chữ là khác nhau và dẫn đến cách đọc, ý nghĩa của phần chữ cũng sẽ khác nhau. Chữ "handee" và "handi" trong nhãn hiệu đối chứng là từ ngữ không có nghĩa tiếng Việt, tuy nhiên hai chữ này đều có cách đọc khác nhau. Theo cách phát âm của tiếng Anh, chữ "handee" được đọc là "hen-đi-i", trong khi đó chữ "Handi" được đọc là "hen-đay", nếu theo cách phát âm của tiếng Việt, chữ "Handee" có 3 âm tiết được đọc là "han-de-e", trong khi đó chữ "handi" được đọc là "han-di".

- Khả năng phân biệt của dấu hiệu kết hợp giữa dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình. Thành phần hình khi đi cùng dấu hiệu chữ là thành phần tổng thể mạnh mang tính phân biệt cao nên nhãn hiệu vẫn đáp ứng khả năng phân biệt. Quan sát có thể thấy yếu tố hình của nhãn hiệu "Handi shop.net, hình" hoàn toàn khác với yếu tố hình của nhãn hiệu đối chứng và yếu tố chữ của nhãn hiệu "Handi shop.net, hình" cũng hoàn toàn khác biệt với yếu tố chữ trong nhãn hiệu đối chứng.

- Người khiếu nại đồng ý với nội dung không bảo hộ riêng phần chữ shop.net, theo đó nhãn hiệu đăng ký sẽ xin bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng chữ shop.net, hình chiếc áo.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Mặc dù có sự khác biệt nhất định về phần hình chiếc áo và số lượng cũng như thành phần chữ cái giữa phần chữ "handi" trong nhãn hiệu đăng ký và phần chữ "handee" trong các nhãn hiệu đối chứng, tuy nhiên, các nhãn hiệu nêu trên có cách phát âm tương tự nhau là /han/di/. Sự khác nhau ở các thành phần như "shop.net" (trong nhãn hiệu đăng ký) và "GOLF", "N" (trong các nhãn hiệu đối chứng) không đủ để tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký bởi các thành phần nêu trên mang tính mô tả hoặc không có khả năng phân biệt, cụ thể là "shop.net" có ý nghĩa liên quan đến hoạt động thương mại điện tử; "GOLF" là từ tiếng Anh có nghĩa mô tả hàng hóa/dịch vụ; "N" là một chữ cái, không có khả năng phân biệt. Do đó, phần chữ của nhãn

hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc và cách phát âm. Việc nhãn hiệu đăng ký có thêm hình chiếc áo cách điệu không làm tăng khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng vì phần hình chiếc áo là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt khi nhãn hiệu đăng ký được sử dụng cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 25 và 35.

- Về sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều được sử dụng cho sản phẩm quần áo và các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau thuộc nhóm 25 và 35.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại được sử dụng cho sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 25 và 35 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu nêu trên có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-23197 ngày 17/10/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 38737/QĐ-SHTT ngày 04/7/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-23197 ngày 17/10/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Phạm Thanh Vương có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Phạm Thanh Vương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136849/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thuỷ sản Trọng Nhân
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2019-00557 ngày 04/10/2019 của Công ty TNHH thuỷ sản Trọng Nhân; địa chỉ: Số 751, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; điện thoại: 0797240222; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-08906 theo Quyết định số 54871/QĐ-SHTT ngày 05/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4240/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thuỷ sản Trọng Nhân với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TRONG NHAN SEAFOOD., Co LTD TSC , hình" đăng ký theo đơn số 4-2015-08906 cho nhóm 35 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 111169, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhóm 35 của nhãn hiệu đăng ký và nhóm 29 có mối liên quan chặt chẽ với nhau về phương thức thực hiện, là kết quả của việc sản xuất, khai thác các sản phẩm thuộc nhóm 29. Người nộp đơn không đăng ký mở rộng thêm sản phẩm mà chỉ đăng ký bổ sung dịch vụ mua bán cho toàn bộ các sản phẩm đã được cấp văn bằng bảo hộ thuộc nhóm 29 trước đó, để bảo vệ nhãn hiệu được trọn vẹn hơn.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng không hoạt động cùng ngành nghề: Nhãn hiệu đối chứng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng lao động trong và ngoài nước, không liên quan đến dịch vụ buôn bán các mặt hàng hải sản. Do đó, có thể thấy chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng chỉ đăng ký buôn bán các mặt hàng hải sản mà không hoạt động trên thực tế.

- Nhãn hiệu đối chứng đã được cấp văn bằng bảo hộ trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đăng bạ quốc gia số 164112 ngày 23/05/2011, đến nay, người nộp đơn không xảy ra tranh chấp hay khiếu kiện gì từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và nhận được sự tin tưởng của người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình, trong đó, phần chữ "TSC" tương tự với phần chữ "TSC" trong nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách phát âm.

- Về dịch vụ mang nhãn hiệu: Các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký "Mua bán cá (được bảo quản), sò hến, tôm cua (không còn sống), mực (được bảo quản)" thuộc nhóm 35 và dịch vụ "Mua bán hải sản" thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng có cùng đối tượng là hải sản (cá, tôm, cua...). Do đó, dịch vụ mang hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự.

Như vậy, phần chữ "TSC" trong nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho các dịch vụ tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-08906 ngày 15/04/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 54871/QĐ-SHTT ngày 05/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-08906 ngày 15/04/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH thuỷ sản Trọng Nhân có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Công ty TNHH thuỷ sản Trọng Nhân có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136850/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Phan Sỹ Thi
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2024-00861 ngày 15/10/2024 của Ông/Bà Phan Sỹ Thi; địa chỉ: 201/29 Tam Bình, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2022-00460 theo Quyết định số 55832/QĐ-SHTT.IP ngày 15/5/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4249/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Phan Sỹ Thi với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Cơm Tấm PHÚC LỘC THỌ" đăng ký theo đơn số 4-2022-00460 cho nhóm 43 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "ĐIỂM DU LỊCH Làng Cổ Phước Lộc Thọ, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 233156, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về cấu trúc: Thành phần chính của nhãn hiệu đăng ký là chữ "PHÚC" và "LỘC THỌ" nằm trên hai hàng và chữ "PHÚC" có kích thước lớn hơn so với các chữ còn lại. Cấu trúc này tạo cảm giác chỉ từ "PHÚC" là thành phần chính của nhãn hiệu, hai từ "Lộc" và "Thọ" là thành phần phụ ("Lộc" mang ý nghĩa giàu có, thịnh vượng, và "Thọ" mang ý nghĩa trường thọ, bất tử). Người tiêu dùng nhìn vào và hiểu rằng đây là Quán cơm tấm tên Phúc (đây cũng là nhãn hiệu mà chủ đơn đã được cấp GCNĐKNH số 359922 ngày 17/08/2020). Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng có thành phần chính "Phước Lộc Thọ" được thiết kế đồng nhất (cùng phông, cùng màu) với từ "Làng cổ", đây là một cụm thống nhất và không thể tách rời.

- Về cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký có thành phần phân biệt chính được đọc là "PHÚC/LỘC - THỌ/, tuy nhiên, với cách trình bày thành từng hàng, khi nhìn vào được đọc ngắt nghỉ khác nhau là /CƠM – TẤM/, /PHÚC/ và /LỘC - THỌ/. Nhãn hiệu đối chứng là một tổng thể thống nhất, được đọc là /ĐIỂM - DU - LỊCH//LÀNG – CỔ - PHƯỚC - LỘC - THỌ/. Trong đó, hai từ "PHÚC" và "PHƯỚC" cũng tạo ra sự khác biệt đáng kể trong cách đọc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa các thành phần "Cơm Tấm" và "PHÚC LỘC THỌ" được thể hiện trên ba dòng, trong đó, phần chữ "Cơm Tấm" mang tính mô tả đối với các dịch vụ đăng ký thuộc nhóm 43, phần chữ còn lại "PHÚC LỘC THỌ" là thành phần chính của nhãn hiệu đăng ký, tương tự với phần chữ "PHƯỚC LỘC THỌ" trong nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa. Trong tiếng Việt, "PHÚC" và "PHƯỚC" là hai từ đồng nghĩa.

- Về dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho các dịch vụ tương tự thuộc nhóm 43.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa, trong khi lại đăng ký cho các dịch vụ tương tự nhau thuộc nhóm 43 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2022-00460 ngày 06/01/2022 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 55832/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 15/5/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-00460 ngày 06/01/2022.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Phan Sỹ Thi có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Phan Sỹ Thi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136851/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn số P4852-00120 / (07) ngày 17/6/2025 của F. Uhrenholt Holding A/S *(qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam);*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DTX488

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2016-01057 ngày 30/12/2016 của F. Uhrenholt Holding A/S; địa chỉ: Teglgardsparken 106, 5500 Middelfart, Denmark; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam.

Lý do đình chỉ: F. Uhrenholt Holding A/S (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) có Công văn số P4852-00120 / (07) ngày 17/6/2025 khẳng

định không theo đuổi đơn khiếu nại số KN4-2016-01057.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và F. Uhrenholt Holding A/S (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136852/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của EULAB LABORATORY SP. Z O.O.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2015-01241 ngày 29/12/2015 của EULAB LABORATORY SP. Z O.O.; địa chỉ: Poznanska 16/4, Warszawa, Poland, 00-680; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-06200 theo Quyết định số 61207/QĐ-SHTT ngày 30/09/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4639/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của EULAB LABORATORY SP. Z O.O. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "NATUCALM" cho các sản phẩm thuộc nhóm 3 và nhóm 5 theo đơn số 4-2012-06200 ngày 03/04/2012 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "NATURALCALM" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 82864 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Về mặt thị giác: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là mang dấu hiệu chữ in hoa màu đen, tuy nhiên, trong khi cấu trúc của nhãn hiệu đối chứng có tới 11 chữ cái ghép thành chữ "N-A-T-U-R-A-L-C-A-L-M" thì nhãn hiệu đăng ký chỉ được hợp thành bởi 8 chữ cái "N-A-T-U-C-A-L-M".

- Về mặt thính giác: Nhãn hiệu đăng ký có 3 âm tiết còn nhãn hiệu đối chứng có 4 âm tiết, cách phát âm cũng khác nhau, đặc biệt là khi nhãn hiệu đối chứng được phát âm theo nguyên gốc tiếng Anh do có bản chất là 2 từ tiếng anh có nghĩa ghép lại với nhau (từ "NATURAL" có nghĩa là "thuộc về tự nhiên" và "CALM" có nghĩa là "bình tĩnh"). Ngược lại, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn là từ tự đặt nên chỉ có một cách phát âm duy nhất.

- Về mặt tổng thể: Độ dài của nhãn hiệu, cấu tạo nhãn hiệu, cách phát âm nhãn hiệu đã tạo nên một ấn tượng chung rằng hai nhãn hiệu trên có khả năng phân biệt được khi đặt cạnh nhau và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi các sản phẩm mang nhãn hiệu cùng lưu hành trên thị trường.

Đối với các nhãn hiệu gắn liền với sản phẩm mỹ phẩm, dược phẩm, thói quen mua sắm và đánh giá của người tiêu dùng có sự khắt khe hơn hẳn so với các nhãn hiệu gắn với loại hàng hóa/dịch vụ khác, khiến cho nguy cơ nhầm lẫn là rất thấp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng "NATURALCALM" trùng 8/11 ký tự so với nhãn hiệu đăng ký "NATUCALM" cho các sản phẩm thuộc nhóm 3 và nhóm 5 theo đơn số 4-2012-06200 ngày 03/04/2012. Như vậy, nhãn hiệu đối chứng chứa trọn nhãn hiệu đăng ký. Việc nhãn hiệu đăng ký không có 3 ký tự "RAL" ở giữa không đủ tạo ra khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng khi các nhãn hiệu này cùng bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 3 và nhóm 5. Do đó đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-06200 ngày 03/04/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 61207/QĐ-SHTT ngày 30/09/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-06200 ngày 03/04/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, EULAB LABORATORY SP. Z O.O. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và EULAB LABORATORY SP. Z O.O. (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136853/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn nộp ngày 24/7/2024 của Công ty cổ phần SAKKARA ASIA PACIFIC PROJECT HOLDINGS AND INVESTMENT REAL ESTATE đề nghị rút đơn số KN4-2019-00222 ngày 14/6/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2019-00222 ngày 14/6/2019 của Công ty cổ phần SAKKARA ASIA PACIFIC PROJECT HOLDINGS AND INVESTMENT REAL ESTATE; địa chỉ: lầu 9, cao ốc văn phòng President Place, số 93 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố

Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự.

Lý do đình chỉ: ngày 24/7/2024, Công ty cổ phần SAKKARA ASIA PACIFIC PROJECT HOLDINGS AND INVESTMENT REAL ESTATE có công văn đề nghị rút đơn số KN4-2019-00222 ngày 14/6/2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần SAKKARA ASIA PACIFIC PROJECT HOLDINGS AND INVESTMENT REAL ESTATE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136854/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DUPEYRON PHARMA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2015-01056 ngày 18/11/2015 của DUPEYRON PHARMA; địa chỉ: 7, Rue Maurice Déménitroux, 94000 - Créteil, France; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-04620 ngày 17/03/2011 theo Quyết định số 49924/QĐ-SHTT ngày 19/08/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4634/BC-TTKN

ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DUPEYRON PHARMA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "DUPEYRON PHARMA, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2011-04620 ngày 17/03/2011 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì phần hình tháp Eiffel gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ và phần chữ "DUPEYRON" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "DUPHERON" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 175212 của Công ty TNHH dược phẩm Nam Sơn, địa chỉ: số 25 đường 80, ngõ 69B, phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng:

- Về mặt cấu tạo và hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký "DUPEYRON PHARMA" có cấu tạo gồm 2 chữ và 14 ký tự là "DU-PEY-RON PHARMA", trong đó giữa các ký tự "PH" và các ký tự "RMA" của chữ "Pharma" được cách điệu là hình một tòa tháp truyền hình màu xanh với bên trái là hình ngôi sao nhỏ và bên dưới phần chữ là một hình vòng cung màu đỏ, uốn lượn cách điệu bao quanh phần chữ, theo đó chữ "Pharma" có thể được định hình là một chữ cái gồm chữ "PH" và chữ "RMA". Trong khi đó nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 175212 chỉ đơn thuần gồm các chữ "DU-PHE-RON" ghép lại với nhau và không có phần hình nào đi kèm.

- Về mặt phát âm: Nhãn hiệu đăng ký có cách phát âm khác biệt, phần chữ "PEY" phát âm khác với phần chữ "PHE" vì trong ngôn ngữ tiếng Việt, không ai có thể nhầm lẫn khi đọc giữ hai từ "PEY" và "PHE". Do đó, nhãn hiệu đăng ký đáp ứng điều kiện bảo hộ.

- Về ấn tượng tổng thể: Nhãn hiệu đăng ký gồm 2 phần là phần hình và phần chữ giúp người tiêu dùng nhận biết nhãn hiệu này một cách tổng thể chứ không phải tách biệt từng yếu tố ra để nhận biết, do đó ấn tượng tổng thể của nhãn hiệu đăng ký là phần hình độc đáo phải được coi là yếu tố mạnh về mặt thị giác.

Sự khác biệt từ cách phát âm, cấu tạo và hình thức thể hiện đã đủ cho thấy nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp khác lạ và nổi bật như nêu trên khiến cho công chúng không thể nhầm lẫn khi được đặt cạnh nhau bởi các nhãn hiệu là đại diện cho các sản phẩm của các nhà sản xuất khác nhau.

Hơn nữa, đặc thù của sản phẩm dược khác với các hàng hóa thông thường khác ở chỗ nó không được bày bán rộng rãi mà chỉ có những cá nhân, đơn vị đủ điều kiện hành nghề và có chứng chỉ thì mới được cấp phép kinh doanh hay hoạt động trong lĩnh vực này. Do vậy, thực tế cho thấy các nhãn hiệu dược phẩm có thể đều tương tự với nhau ở mức độ cao nhưng lại không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Nhãn hiệu đối chứng "DUPHERON" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 175212 đã hết hiệu lực từ 07/09/2020 do chủ sở hữu không tiến hành gia hạn.

- Về khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm:

Phần hình là hình một ngọn tháp cách điệu, ngay cả khi người tiêu dùng ghi nhận phần hình là tháp Eiffel thì người nộp đơn là một pháp nhân mang quốc tịch Pháp, có địa chỉ hoạt động tại Pháp, nên không có khả năng nào để gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm hoặc gây hiểu sai lệch về xuất xứ. Ngoài ra, các nhãn hiệu khác có phần hình là hình ngọn tháp hay tháp Eiffel đã được đăng ký dưới các pháp nhân khác nhau cho các sản phẩm liên quan đến dược phẩm và các nhóm khác đã được chấp nhận bảo hộ như: "PARIS BAGUETTE, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106096, "LA TOUR EIFFEL PARIS, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 25280, "LASANTÉMEDIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 77754, "P B, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 105956 và "hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 65860.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu là "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "DUPEYRON PHARMA" cho các sản phẩm "Dược phẩm các loại thuộc nhóm này" thuộc nhóm 5 gồm các chữ "DUPEYRON PHARMA" với chữ "A" trong từ "PHARMA" được cách điệu thành hình tháp.

Nhãn hiệu đối chứng "DUPHERON" cho sản phẩm "Dược phẩm" thuộc nhóm 05 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 175212 chỉ bao gồm các ký tự được viết in thường. Nhãn hiệu đăng ký có cách phát âm khác biệt ở phần chữ "PEY" với phần chữ "PHE" của nhãn hiệu đối chứng và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Nhãn hiệu đăng ký có phần hình có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng. Mặc dù, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 05 nhưng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng khác biệt về mặt dấu hiệu nên nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

- Người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu có quốc tịch Pháp, do đó, việc sử dụng dấu hiệu hình tháp Eiffel không làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ.

Do đó, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng "Pharma", hình tháp Eiffel, không áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 49924/QĐ-SHTT ngày 19/08/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-04620 ngày 17/03/2011.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-04620 ngày 17/03/2011, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ "Pharma", phần hình tháp Eiffel.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký,

Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DUPEYRON PHARMA (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136855/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Việt - Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2017-00040 ngày 18/01/2017 của Công ty cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc; địa chỉ: đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2016-24990 theo Quyết định số 68637/QĐ-SHTT ngày 26/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4633/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Việt - Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "FRANCE FEED" cho các sản phẩm thuộc nhóm 31 theo đơn số 4-2016-24990 ngày 15/08/2016 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ vì nhãn hiệu là dấu hiệu làm sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký chứa dấu hiệu chữ "FRANCE" là do sản phẩm được sản xuất từ năm 2000 bởi chủ thể là Công ty Liên Doanh Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc (là tiền thân của Công ty cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc) bao gồm các nhà đầu tư Việt Nam và nhà đầu tư đến từ Pháp là Công ty SCPA Silvex International, trụ sở tại số 62 Rue Jeanne D Arc, 75013, Paris, Pháp. Do đó, đây là sản phẩm có nguồn gốc từ sự liên doanh của công ty đến từ Pháp nên không nhằm mục đích gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng.

Ngoài ra, việc đăng ký nhãn hiệu "FRANCE FEED" là đăng ký bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng chữ "FRANCE" hoặc "FEED" nên nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và đáp ứng điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu "FRANCE FEED" chứa phần chữ "FRANCE" chỉ nguồn gốc xuất xứ "Pháp" của các sản phẩm đăng ký trong khi chủ đơn là một công ty Việt Nam. Chủ đơn không cung cấp được tài liệu về chứng minh các sản phẩm

mang nhãn hiệu đăng ký được sản xuất và cung cấp tại Pháp. Do đó, nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của các sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Vì vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2016-24990 ngày 15/08/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 68637/QĐ-SHTT ngày 26/10/2016 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2016-24990 ngày 15/08/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136856/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty sản xuất Thép úc SSE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00581 ngày 14/10/2019 của Công ty sản xuất Thép úc SSE; địa chỉ: Km 9, Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-02221 theo Quyết định số 58470/QĐ-SHTT ngày 18/07/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4623/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty sản xuất Thép úc SSE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Thép Chuột túi" cho sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 06, 35, 40 theo đơn số 4-2016-02221 ngày 25/01/2016 bị từ chối cấp GCNĐKNH đối với toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 144702, 247600 và 252017 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 144702, 247600 và 252017 do có sự khác nhau về mặt thị giác, thính giác, ấn tượng tổng thể nhãn hiệu và danh mục sản phẩm.

+ Về thị giác: Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" về mặt cấu trúc thị giác. Trong đó, nhãn hiệu đăng ký là dòng chữ "Thép Chuột túi" trong khi nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho chữ "KANGAROO" viết in hoa thông thường màu đen và chữ Kangaroo viết in nghiêng cách điệu màu xanh lá cây với một nửa chữ "K" màu đỏ.

+ Về thính giác: So với nhãn hiệu đối chứng KANGAROO có 3 âm tiết được phát âm là /kæŋ.gəˈru:/ thì nhãn hiệu đăng ký là cụm từ tiếng Việt gồm 3 âm tiết có cách phát âm khác biệt là "Thép Chuột túi". Chính sự khác nhau về cách phát âm các âm tiết khiến cho người tiêu dùng sẽ không bị nhầm lẫn khi các nhãn hiệu nêu trên cùng xuất hiện trên thị trường liên quan đến các sản phẩm đăng ký.

+ Về ấn tượng tổng thể: Vì nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều có thiết kế đơn giản nên việc đánh giá khả năng gây nhầm lẫn về mặt tổng thể cần dựa vào việc trả lời câu hỏi có hay không sự nhầm lẫn của người tiêu dùng khi tiếp xúc với các nhãn hiệu ở tất cả các phương diện nghe, nhìn, hiểu. Phù hợp với các phân tích trên đây, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách phát âm và thị giác dẫn tới về tổng thể nhãn hiệu đăng ký có đủ khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

+ Về danh mục sản phẩm: Các sản phẩm đăng ký tại các Nhóm 06, 35 của nhãn hiệu đăng ký khác biệt về bản chất, công dụng và mục đích sử dụng so với các sản phẩm đăng ký tại nhóm 06 của các nhãn hiệu đối chứng KANGAROO theo đăng ký số 144702 và 252017. Cụ thể, các sản phẩm đăng ký của nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm sắt và thép dùng cho mục đích xây dựng khác biệt về bản chất, công dụng và mục đích sử dụng so với các sản phẩm đăng ký của nhãn hiệu đối chứng gồm: dây kim loại thường, kẹp dây cáp, ống dẫn bằng kim loại, két an toàn, tủ đựng dụng cụ bằng kim loại, đều là các sản phẩm dùng cho mục đích gia dụng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "Thép Chuột túi" cho sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 06, 35, 40 theo đơn số 4-2016-02221 ngày 25/01/2016 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "KANGAROO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 06, 35, 40 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 144702, 247600 và 252017. Nhãn hiệu đăng ký gồm 2 từ "Thép" và "Chuột túi", trong khi đó, đối chứng "KANGAROO" là một từ tiếng Anh, có nghĩa là "Chuột Túi" trong tiếng Việt - trùng với chữ "Chuột túi" của nhãn hiệu đăng ký. Hơn nữa, chữ "Thép" trong nhãn hiệu đăng ký là một sản phẩm được chỉ định đăng ký trong nhóm 06 và đối tượng liên quan đến các dịch vụ thuộc nhóm 35 và 40 nên bị coi là mô tả và không có khả năng phân biệt. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức nhầm lẫn và không có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn 4-2016-02221 ngày 25/01/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 58470/QĐ-SHTT ngày 18/07/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-02221 ngày 25/01/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty sản xuất Thép úc SSE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty sản xuất Thép úc SSE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136857/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Linkedin Technology UK Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2011-00713 ngày 31/8/2011 của Linkedin Technology UK Limited (nay là LinkedIn Corporation); địa chỉ: Charlotte Building, 17 Gresse Street, London W1T 1QL, United Kingdom (địa chỉ hiện tại: 1000 W. Maude Avenue Sunnyvale CA 94085 US); đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1037628 theo Thông báo số 2010/18 NDT17 ngày 11/05/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4450/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Linkedin Technology UK Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1037628 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 927127, nhãn hiệu được bảo hộp theo các GCNĐKNH số 133546, 133547, 114904, 114905 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 927127 cũng thuộc sở hữu của người khiếu nại. Ngoài ra, Chủ đơn ĐQT số 1037628 đã giới hạn danh mục của đơn đối với các nhóm 35, 38, 41 hoàn toàn khác biệt với dịch vụ của các nhãn hiệu đối chứng. Như vậy, các nhãn hiệu trên đây sẽ không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1037628 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1037628 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 133546, 133547, 114904, 114905 và nhãn hiệu theo ĐKQT số 927127. Tuy nhiên, chủ sở hữu đã thực hiện thủ tục sửa đổi tên, địa chỉ trong ĐKQT số 927127 thống nhất với chủ đơn ĐQT số 1037628 là "LinkedIn Corporation; địa chỉ: 1000 W. Maude Avenue Sunnyvale CA 94085 (US)". Do tên và địa chỉ của hai nhãn hiệu nêu trên đã thống nhất, như vậy nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thuộc cùng chủ sở hữu.

Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 133546, 133547 đã hết hạn hiệu lực ngày 22/05/2017. Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 114904, 114905 đã hết hạn hiệu lực ngày 29/06/2017. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không dùng các nhãn hiệu trên đây làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo đơn quốc tế số 1037628. Vì vậy, đề nghị trong đơn khiếu nại của chủ đơn ĐQT số 1037628 là phù hợp.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1037628, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2010/18 NDT17 ngày 11/05/2011 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1037628.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1037628.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Linkedin Technology UK Limited (nay là: LindIn Corporation) (qua Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136858/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của M. & B. MARCHI & BREVETTI S.R.L.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2017-00144 ngày 15/02/2017 của M. & B. MARCHI & BREVETTI S.R.L. (nay là Ariston S.p.A.); địa chỉ: Via San Filippo, 2 I-60044 Fabriano (AN) Italy (địa chỉ hiện tại: Viale Aristide Merloni, 45 I-60044 FABRIANO (ANCONA) IT); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1272453 theo Thông báo số 2015/43 MDQ17 ngày 21/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4366/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của M. & B. MARCHI & BREVETTI S.R.L. (nay là Ariston S.p.A.) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu ARISTON COMFORT ALWAYS ON theo đơn quốc tế số 1272453 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng có thành phần "ARISTON" và thành phần  được bảo hộ theo các đăng ký quốc tế (sau đây gọi là ĐKQT) số 254242B, 637227A, 684565A, 804891A và 804505A theo quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký do;

- Chủ hiện tại của nhãn hiệu đăng ký, Ariston S.p.A., cũng đồng thời là chủ các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo các ĐKQT số 254242B, 637227A, 684565A và 804891A.

- ĐKQT số 804505A cho nhãn hiệu đối chứng  đã hết hạn hiệu lực quá 3 năm (kể từ ngày 07/04/2013). Vì vậy, nhãn hiệu này không còn là trở ngại đối với việc đăng ký của nhãn hiệu đăng ký nữa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt

hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1272453 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 254242B, 637227A, 684565A và 804891A và ĐKQT số 804505A (đã hết hạn hiệu lực nhưng chưa quá 3 năm). Tuy nhiên, nay, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 254242B, 637227A, 684565A và 804891A đều cùng thuộc về Ariston S.p.A.; địa chỉ: Viale Aristide Merloni, 45 I-60044 FABRIANO (ANCONA) IT. Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng các nhãn hiệu nêu trên làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1272453.

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 804505A đã hết hạn hiệu lực từ ngày 07.04.2013. Vì vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn ĐQT số 1272453 là phù hợp.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1272453 cho các sản phẩm thuộc nhóm 11, không áp dụng quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/43 MDQ17 ngày 21/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1272453.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1272453.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và

M. & B. MARCHI & BREVETTI S.R.L. (nay là Ariston S.p.A.) (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136859/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Thế Mạnh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00712 ngày 15/7/2021 của Ông/Bà Vũ Thế Mạnh; địa chỉ: 387-389, phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0906681223; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-07286 ngày 13/03/2019

theo Quyết định số 52464/QĐ-SHTT ngày 24/6/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4707/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Thế Mạnh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-07286 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 52464/QĐ-SHTT ngày 24/6/2021 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9111/SHTT-NH ngày 01/3/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa vì là tổ hợp không có khả năng phân biệt của hai phụ âm và phần chữ mang tính mô tả.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9111/SHTT-NH ngày 01/3/2021 là vì Thông báo được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19 dẫn đến việc không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Đây là lý do khách quan không mong muốn, do đó đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9111/SHTT-NH ngày 01/3/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-07286 ngày 13/3/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-07286 ngày 13/3/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 52464/QĐ-SHTT ngày 24/6/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-07286 ngày 13/03/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-07286 ngày 13/03/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Thế Mạnh có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9111/SHTT-NH ngày 01/3/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9111/SHTT-NH ngày 01/3/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136860/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Thế Mạnh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00713 ngày 15/7/2021 của Ông/Bà Vũ Thế Mạnh; địa chỉ: 387-389 phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0906681223; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-05868 ngày 28/02/2019

theo Quyết định số 57056/QĐ-SHTT ngày 09/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4712/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Thế Mạnh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-05868 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 57056/QĐ-SHTT ngày 09/7/2021 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 6580/SHTT-NH ngày 22/02/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 247195.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 6580/SHTT-NH ngày 22/02/2021 là vì Thông báo được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19 dẫn đến việc không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Đây là lý do khách quan không mong muốn, do đó đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm

việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 6580/SHTT-NH ngày 22/02/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-05868 ngày 28/02/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-05868 ngày 28/02/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 57056/QĐ-SHTT ngày 09/7/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-05868 ngày 28/02/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-05868 ngày 28/02/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Thế Mạnh có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký

Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 6580/SHTT-NH ngày 22/02/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 6580/SHTT-NH ngày 22/02/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136861/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Đông Á
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00850 ngày 15/9/2021 của Công ty cổ phần Đông Á; địa chỉ: Khu 9, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, điện thoại 02103829624; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-04810 ngày 19/02/2019 theo

Quyết định số 59266/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4722/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Đông Á với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-04810 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 59266/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 11344/SHTT-NH ngày 24/3/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 279787.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 11344/SHTT-NH ngày 24/3/2021 nên không có thông tin cần thiết để có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cho phép được tiếp tục trả lời Thông báo nêu trên đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-04810 ngày 19/02/2019. Đồng thời, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ phần nhãn hiệu còn lại sau khi đã loại bỏ yếu tố không đáp ứng yêu cầu bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm

việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 11344/SHTT-NH ngày 24/3/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-04810 ngày 19/02/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-04810 ngày 19/02/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 59266/QĐ-SHTT ngày 16/7/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-04810 ngày 19/02/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-04810 ngày 19/02/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Đông Á có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký

Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 11344/SHTT-NH ngày 24/3/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 11344/SHTT-NH ngày 24/3/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136862/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SHARP KABUSHIKI KAISHA (also trading as SHARP CORPORATION)

(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00752 ngày 26/7/2017 của SHARP KABUSHIKI KAISHA (also trading as SHARP CORPORATION); địa chỉ: 1 Takumi-cho, Sakai-ku, Sakai City, Osaka 590 - 8522, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1295178 theo Thông báo số 2016/14 VTB01 ngày 30/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4724/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SHARP KABUSHIKI KAISHA (also trading as SHARP CORPORATION) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Mycrostoner-Crystal" đăng ký theo ĐQT số 1295178 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 96336, 235071, 234934, 242698. Người khiếu nại trình bày lý do như sau:

- Đối với các đối chứng số 96336 bảo hộ nhãn hiệu "Mycrostoner" cho nhóm 02; số 235071 bảo hộ nhãn hiệu "My-crostoner-EP" cho nhóm 02 và đối chứng số 234934 bảo hộ nhãn hiệu "Mycrostoner-CAP" cho nhóm 02, đều thuộc sở hữu của cùng một chủ là Sharp Kabushiki Kaisha (also trading as SHARP CORPORATION). Sự khác biệt thông tin về địa chỉ là do chủ sở hữu thay đổi địa chỉ từ "22-22, Nagaike-cho, Abeno-ku, Osaka 545-8522, Japan" sang "1 Takumi-cho, Sakai-ku, Sakai City, Osaka 590 - 8522, Japan". Sharp Kabushiki Kaisha đã tiến hành việc nộp yêu cầu đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận việc thay đổi địa chỉ nêu trên để thống nhất thông tin địa chỉ của các nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 242698: Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nêu trên do các đặc điểm khác biệt về cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa và cảm quan (qua hình thức thể hiện):

+ Về mặt cấu trúc và cách thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu từ ngữ, "Mycrostoner-Crystal". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu phức hợp, kết hợp phần chữ bao gồm lần lượt các chữ "Foto" màu vàng nhạt, "Crystal", "InkJet Media" màu xanh, và phần hình gồm hai hình tam giác bên trên chữ C.

+ Về màu sắc thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu từ ngữ, không màu. Trong khi, nhãn hiệu đối chứng có các màu trắng, vàng, xanh dương.

+ Về mặt phát âm: do sự khác biệt về cấu trúc, các thành phần chữ, số lượng âm tiết và thứ tự trong các nhãn hiệu, sự khác biệt về mặt phát âm ở đây là rõ ràng.

- Về hàng hóa đăng ký tại nhóm 02: Nhãn hiệu đăng ký của SHARP KABUSHIKI KAISHA được đăng ký cho các loại mực và hộp mực dùng cho máy văn phòng như máy in, máy fax, máy sao chụp tĩnh điện…, là các sản phẩm chuyên dụng phục vụ trong môi trường văn phòng hoặc gia đình. Trong khi đó,

nhãn hiệu đối chứng được Công ty cổ phần Quốc tế Việt Hồng đăng ký cho các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu trong lĩnh vực nhiếp ảnh, như mực in dạng bột, mực in khô và mực dùng cho máy in trong ngành nhiếp ảnh chuyên nghiệp. Do đó, hàng hóa mang các nhãn hiệu này khác biệt về bản chất, công dụng, chức năng, kênh thương mại và nhóm người tiêu dùng hướng tới. Chính vì vậy, không có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại giữa hai nhãn hiệu nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 96336, 235071 và 234934: Đến thời điểm hiện tại, tên và địa chỉ của chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng số 96336, 235071 và 234934 đã thống nhất với nhau. Do đó, các nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 96336, 235071 và 234934 không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1295178.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 242698: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của phần chữ "Mycrostoner" và "Crystal" được nối với nhau bởi dấu "-", trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng số 242698 là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ, với màu sắc đặc trưng như màu trắng, vàng nhạt và xanh dương, trong đó, phần chữ bao gồm các thành phần "Foto", "Crystal" và "InkJet Media"; phần hình gồm hai tam giác đặt phía trên chữ "C", tạo nên một tổng thể khác biệt so với nhãn hiệu đăng ký về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện. Do đó, mặc dù hai nhãn hiệu nêu trên được sử dụng cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 02 nhưng trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nên nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1295178, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/14 VTB01 ngày 30/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1295178.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1295178.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SHARP KABUSHIKI KAISHA (also trading as SHARP CORPORATION) (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136863/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư Hoàng Đạo (Zodiac Investment Corporation)

(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00108 ngày 15/02/2024 của Công ty cổ phần đầu tư Hoàng Đạo (Zodiac Investment Corporation); địa chỉ: Tầng 11, Toà Nhà Zodiac, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-36146

DTX488

theo Quyết định số 99310/QĐ-SHTT.IP ngày 16/11/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4723/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư Hoàng Đạo (Zodiac Investment Corporation) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ZODIAC" đăng ký theo đơn số 4-2020-36146 bị từ chối theo Quyết định số 99310/QĐ-SHTT.IP ngày 16/11/2023 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "ZODIAC, hình" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1007403A. Người nộp đơn trình bày lý do khiếu nại như sau:

Người nộp đơn đã nộp công văn phản đối trong thời hạn quy định, nêu rõ sự khác biệt giữa hàng hóa/dịch vụ đăng ký và nhãn hiệu đối chứng về chức năng, mục đích sử dụng, kênh thương mại và đối tượng khách hàng, đồng thời khẳng định phần lớn hàng hóa, dịch vụ còn lại đều đáp ứng điều kiện bảo hộ. Cụ thể:

- Đối với đối chứng theo đăng ký quốc tế số 1007403A:

+ Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-36146 là nhãn hiệu dưới dạng chữ, không có yếu tố hình ảnh kèm theo. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là ĐKQT số 1007403A (ZODIAC, hình), được đăng ký ngày 27/03/2009, có thời hạn bảo hộ đến ngày 27/03/2029 và thuộc sở hữu của ZODIAC INTERNATIONAL, là một nhãn hiệu phức hợp, bao gồm cả phần chữ và phần hình. Do đó, về tổng thể, hai nhãn hiệu này có sự khác biệt rõ rệt về cấu trúc, hình thức thể hiện cũng như ấn tượng thị giác. Theo quy định tại Điều 39.8 và Điều 39.11 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, sự khác biệt này đủ để khẳng định rằng nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-36146 không trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng quốc tế số 1007403A.

+ Về sản phẩm: Nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-36146 được đăng ký cho các sản phẩm phổ thông hơn trong nhóm 09. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng nêu trên cũng được sử dụng cho nhóm 09 nhưng lại được đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ có tính đặc thù chuyên ngành, phục vụ trong lĩnh vực dưới nước, hàng hải và cứu sinh, bao gồm thiết bị lặn, thiết bị định vị vệ tinh, thiết bị định hướng GPS, phần mềm điều hướng, thiết bị cứu hộ trên biển, kính quang học chuyên dụng, máy đo khí, và các sản phẩm an toàn cho thợ lặn và chuyên gia hàng hải. Mặc dù cả hai đều thuộc nhóm phân loại 09 theo bảng phân loại Nice, nhưng sự khác biệt về bản chất hàng hóa, công năng, mục đích sử dụng, nhóm khách hàng và kênh phân phối giữa hai nhóm sản phẩm là rõ ràng. Căn cứ

Điều 39.9 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, sự khác biệt này là cơ sở hợp lý để kết luận rằng sản phẩm mang nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-36146 không gây nhầm lẫn với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "ZODIAC" theo đơn số 4-2004-09478, nhãn hiệu "ZODIAC" theo đơn số 4-2008-22385, nhãn hiệu "ZODIAC" theo đơn số 4-2011-19530, nhãn hiệu "ZODIAC" theo đơn số 4-2011-19531. Các nhãn hiệu nêu trên đều được cấp cho cùng một chủ sở hữu là Công ty cổ phần đầu tư Hoàng đạo (Zodiac Investent Corporation), và cũng chính là chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-36146. Nhãn hiệu đăng ký thực chất chỉ là một biến thể, cập nhật của các nhãn hiệu đã được bảo hộ nêu trên.

- Để đảm bảo quyền lợi chủ đơn và đáp ứng nhu cầu kinh doanh, chủ đơn đề nghị Cục chấp thuận loại bỏ các sản phẩm, dịch vụ bị từ chối và bảo hộ cho phần còn lại ở các nhóm 09, 35, 36, 37, 38, 42 đã được đánh giá là đủ điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

- Khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn".

- Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trong Công văn giải trình khiếu nại, người khiếu nại đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ đủ điều kiện bảo hộ. Tuy nhiên, việc này tương đương với việc sửa đổi đơn để loại bỏ một phần danh mục sản phẩm, dịch vụ. Việc loại bỏ một phần sản phẩm, dịch vụ được thực hiện trong giai đoạn giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, yêu cầu của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-36146 ngày 04/09/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 99310/QĐ-SHTT.IP ngày 16/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-36146 ngày 04/09/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần đầu tư Hoàng Đạo (Zodiac Investment Corporation) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư Hoàng Đạo (Zodiac Investment Corporation) (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136864/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Nikko Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2009-00655 ngày 01/10/2009 của Công ty cổ phần Nikko Việt Nam; địa chỉ: 440 Trần Khát Chân, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2005-07473 theo Quyết định số 37245/QĐ-SHTT ngày 30/6/2009;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4709/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Nikko Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu TAIYO đăng ký theo đơn số 4-2005-07473 bị từ chối vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "TAIYO YUDEN" GCNĐKNH số 65740 cấp ngày 12/08/2005, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Mặc dù cùng là sản phẩm thuộc nhóm 09, nhưng sản phẩm đăng ký là các sản phẩm nghe nhìn hoàn chỉnh "Hàng điện tử (Tivi, đầu đĩa, amli, loa)", trong khi nhóm 09 của nhãn hiệu đối chứng là các thiết bị khoa học, điện, các linh kiện điện tử, máy vi tính ..., nên không cùng kênh tiêu thụ (không được bày bán ở cùng địa điểm), vì thế không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi cùng sử dụng cho các sản phẩm nhóm 09.

- Về nhãn hiệu: Hai nhãn hiệu chỉ có cùng phần chữ "TAIYO" nhưng xét về tổng thể, các nhãn hiệu này không tương tự gây nhầm lẫn vì cấu trúc, cách thể hiện khác nhau. Nhãn hiệu nộp đơn TAIYO gồm phần chữ TAIYO (in nghiêng) nằm trong phần hình elip màu đen có viền trắng (gần giống nhãn hiệu TAI YO (màu xanh trắng) đã cấp GCNĐKNH số 48659, nhóm 11 của người nộp đơn, trong khi nhãn đối chứng có màu đen trắng thông thường.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điều 6.1b) Nghị định 63/CP quy định "Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình, trong đó, phần chữ "TAIYO" không có nghĩa trong các ngôn ngữ thông

dụng, chiếm vị trí chủ đạo trong dấu hiệu, tác động mạnh đến ấn tượng thị giác và khả năng nhận biết của người tiêu dùng, phần hình của nhãn hiệu đăng ký được thể hiện bởi hình elip màu đen có viền trắng (phần chữ "TAIYO" in nghiêng nằm trong phần hình). Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều có phần chữ "TAIYO" (không có nghĩa trong các ngôn ngữ thông dụng, trùng về các ký tự và cách phát âm). Xét tổng thể, nhãn hiệu đăng ký có bố cục và cách sắp xếp các yếu tố tương tự với các nhãn hiệu đối chứng (phần chữ "TAIYO" nằm ở đầu nhãn hiệu) làm tăng khả năng nhầm lẫn của người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Các sản phẩm thuộc nhóm 09 mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 09 mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc và cách phát âm, hơn nữa lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 09, nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại Điều 6.1b) Nghị định 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2005-07473 ngày 22/06/2005 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 37245/QĐ-SHTT ngày 30/6/2009 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-07473 ngày 22/06/2005.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Nikko Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Công ty cổ phần Nikko Việt Nam (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136865/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MONSTER ENERGY COMPANY
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2014-00801 ngày 15/8/2014 của MONSTER ENERGY COMPANY; địa chỉ: 1 Monster Way, Corona, California 92879, U.S.A; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-22860 ngày 29/10/2010 theo Quyết định số 37362/QĐ-SHTT ngày 30/6/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4664/BC-TTKN

ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MONSTER ENERGY COMPANY với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MONSTER" đăng ký theo đơn số 4-2010-22860 bị từ chối cấp GCNĐKNH cho các nhóm sản phẩm 05, 29, 30 & 33 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 839310, GCNĐKNH số 182546 và GCNĐKNH số 35615 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 839310 bảo hộ nhãn hiệu "MONSTER HOTEL" nhóm 16, 28, 30 & 41 đã bị chấm dứt hiệu lực đối với các sản phẩm thuộc nhóm 30 theo Quyết định số 773/QĐ-SHTT ngày 15/04/2013 của Cục Sở hữu trí tuệ. Như vậy, với việc bị chấm dứt hiệu lực đối với các sản phẩm thuộc nhóm 30, nhãn hiệu theo ĐKQT số 839310 không còn thuộc phạm vi xem xét là nhãn hiệu đối chứng của nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 182546 bảo hộ nhãn hiệu "MONSTER" cho các nhóm 05 & 32: Người nộp đơn và chủ sở hữu của GCNĐKNH số 182546 thực chất cùng là một pháp nhân nhưng đã sử dụng địa chỉ khác nhau. Do đó, để khắc phục sự không thống nhất về địa chỉ nêu trên, chủ nhãn hiệu đối chứng đã tiến hành sửa đổi địa chỉ của chủ GCNĐKNH số 182546 theo địa chỉ của người nộp đơn là 1 Monster Way, Corona, California 92879, U.S.A.

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 35615 bảo hộ nhãn hiệu "MONSTER", cụ thể như sau:

+ Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 gồm "chất diệt nấm, diệt cỏ và thuốc trừ sâu; chế phẩm diệt cỏ dại và động vật có hại", trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 gồm "chất bổ sung dinh dưỡng (dùng trong ngành y)" và các sản phẩm không liên quan thuộc nhóm 29, 30 & 33.

- Ngoài ra, nhãn hiệu 'MONSTER" kết hợp với các thành phần khác của người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ như X-PRESSO MONSTER, MONSTER RIPPER, MONSTER REHAB, MONSTER DETOX, MONSTER REHABITUATE.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng là GCNĐKNH số 35615: Nhãn hiệu đối chứng nêu trên và nhãn hiệu đăng ký đều là phần chữ "MONSTER" trùng nhau. Tuy nhiên, sản phẩm "Chất diệt nấm, diệt cỏ và thuốc trừ sâu; chế phẩm diệt cỏ dại và động vật có hại" thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng và các sản phẩm "Chất bổ sung dinh dưỡng [dùng trong ngành y]" thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh thương mại. Do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng là GCNĐKNH số 182546: Hiện tại, địa chỉ của chủ đơn và chủ nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã được sửa đổi về cùng địa chỉ. Do đó, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 182546 không còn là đối chứng để từ chối đối với đơn số 4-2010-22860.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng là ĐKQT số 839310: Nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã có Quyết định số 773/QĐ-SHTT ngày 15/4/2013 về việc chấm dứt hiệu lực đối với nhóm 30. Quyết định nêu trên được ban hành trước thời điểm Cục sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 37362/QĐ-SHTT ngày 30/6/2014 về việc từ chối cấp GCNĐKNH. Do đó, nhãn hiệu theo ĐKQT số 839310 không phải là nhãn hiệu đối chứng để từ chối đối với đơn số 4-2010-22860.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-22860 ngày 29/10/2010, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 37362/QĐ-SHTT ngày 30/6/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2010-22860 ngày 29/10/2010.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2010-22860 ngày 29/10/2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MONSTER ENERGY COMPANY (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136866/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp Vi Thiện Nhân
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00105 ngày 10/3/2025 của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp Vi Thiện Nhân; địa chỉ: Số 8 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-36042 theo Quyết định số 124490/QĐ-SHTT.IP ngày 28/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4672/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp Vi Thiện Nhân với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "JLPLAL" đăng ký theo đơn số 4-2021-36042 cho nhóm 07, 11, 21 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "JIPLAI, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 260561, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký chỉ bao gồm phần chữ là chữ "JLPLAL", còn phần chữ của nhãn hiệu đối chứng là "JIPLAI".

- Về số lượng âm tiết: Nhãn hiệu đăng ký có 6 âm tiết, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ có 2 âm tiết. Chỉ riêng sự khác biệt về số lượng âm tiết đã tạo ra sự khác biệt rất lớn trong cách phát âm và cảm quan thính giác; không tạo sự nhầm lẫn khi một chữ được phát âm rất dài (6 âm tiết) với một chữ được phát âm rất ngắn (chỉ 2 âm tiết).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "JLPLAL" và phần chữ của nhãn hiệu đối chứng "JIPLAI" đều có 6 ký tự và có các ký tự "J", "I", "L", "A" trùng nhau và cùng vị trí. Việc khác nhau ở ký tự "L" và "I" (vị trí thứ hai và vị trí thứ sáu theo thứ tự từ trái qua phải) của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng không đủ để tạo ra khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu.

- Về hàng hóa: Các hàng hóa thuộc nhóm 11 mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự nhau.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự về cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho các hàng hóa tương tự nhau nên có thể

khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-36042 ngày 23/09/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 124490/QĐ-SHTT.IP ngày 28/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-36042 ngày 23/09/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp Vi Thiện Nhân có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ tổng hợp Vi Thiện Nhân có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136867/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Alpargatas S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2014-01021 ngày 09/10/2014 của Alpargatas S.A.; địa chỉ: Rua Funchal, 160, Vila Olimpia, São Paulo, Brazil; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-26958 theo Quyết định số 39695/QĐ-SHTT ngày 09/7/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4652/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Alpargatas S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "" đăng ký theo đơn số 4-2012-26958 nộp ngày 29/11/2012 bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại khoản 5 Điều 73, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp hình elip và hình chiếc dép. Hình chiếc dép là hình vẽ thông thường và mang tính mô tả sản phẩm "đồ đi chân" trong nhóm 25, có cách thể hiện đơn giản.

- Ngoài ra, trong đơn đăng ký còn có các sản phẩm thuộc nhóm 18, "quần áo, đồ đội đầu (trang phục)" thuộc nhóm 25, nhóm 35. Việc sử dụng hình ảnh chiếc dép sẽ gây nhầm lẫn về công dụng, tính năng của các sản phẩm hay dịch vụ nói trên.

- Tài liệu đã cung cấp nhằm chứng minh nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu nổi tiếng không phù hợp vì nhãn hiệu theo các tài liệu đó khác biệt với nhãn hiệu theo đơn đăng ký.

Người khiếu nại đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu mang tính phân biệt với sự kết hợp độc đáo của các yếu tố cấu thành, không phải là một dấu hiệu thông thường, mô tả sản phẩm dịch vụ trong nhóm 18, 25, 35 và cũng không lừa dối người tiêu dùng và hoàn toàn đáp ứng các quy định tại khoản 5 Điều 73, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ:

- Nhãn hiệu đăng ký là hình ảnh một con mắt cách điệu rất độc đáo và có tính phân biệt cao, hoàn toàn đáp ứng các chức năng của một nhãn hiệu và không phải là hình vẽ thông thường, không mô tả các sản phẩm trong nhóm 18, 25 và 35;

- Nhãn hiệu đăng ký là một tổng thể độc đáo và hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân và là một biểu tượng đặc trưng gắn với tên tuổi của chủ đơn trên toàn thế giới, nên nhãn hiệu này không làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng…của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu;

- Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại nhiều nước trên thế giới, kể cả Việt Nam trước thời điểm nộp đơn (29/11/2012) và do đó, đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng. Nhãn hiệu

"Hình" được biết đến như là một biểu tượng đặc trưng đi kèm với danh tiếng của Alpargatas S.A.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được cấp văn bằng bảo hộ tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Điều này chứng tỏ nhãn hiệu "Hình" hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân và cũng không gây nhầm lẫn hoặc lừa dối người tiêu dung về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng…của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký là phần hình elip, bên trong có hình chiếc dép đặt nằm ngang. Cả hai phần hình nêu trên đều có cách thể hiện đơn giản, không có tính độc đáo và không tạo được ấn tượng đối với người tiêu dùng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả và là hình vẽ của sản phẩm đăng ký, không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2 b và c Luật Sở hữu trí tuệ khi sử dụng cho sản phẩm "đồ đi chân" thuộc nhóm 25. Bên cạnh đó, khi được sử dụng cho các sản phẩm liên quan đến "quần áo, trang phục" thuộc nhóm 25, nhãn hiệu đăng ký bị coi là dấu hiệu gây nhầm lẫn về tính năng, công dụng của sản phẩm, dịch vụ đăng ký, không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại Điều 73.5, điểm b và c khoản 2 Điều 74, Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-26958 ngày 29/11/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 39695/QĐ-SHTT ngày 09/7/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-26958 ngày 29/11/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Alpargatas S.A. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Alpargatas S.A. (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136868/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Arbonne International, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00112 ngày 08/02/2017 của Arbonne International, LLC; địa chỉ: 9400 Jeronimo Road, Irvine, CA 92618, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1251504 theo Thông báo số 2015/43 NTH32 ngày 27/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4653/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Arbonne International, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ARBONNE" đăng ký theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1251504 của Arbonne International LLC bị từ chối bảo hộ một phần nhóm danh mục sản phẩm/dịch vụ, cụ thể là từ chối bảo hộ cho các nhóm 05, 14 & 35 tại Việt Nam do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "AIRBORNE" GCN ĐKNH số 120187, đơn số 4-2014-06567 và ĐQT số 1198047 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do:

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm 07 ký tự với trật tự sắp xếp /A-R-B-O-N-N-E/, trong khi đó các nhãn hiệu đối chứng có số lượng ký tự nhiều hơn (08 ký tự) và được sắp xếp theo trật tự là /A-I-R-B-O-R-N-E/.

Mặc dù nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều có ký tự đầu tiên và ký tự cuối cùng trùng nhau nhưng do số lượng ký tự tạo thành nhãn hiệu cũng như trật tự sắp xếp các ký tự trong mỗi nhãn hiệu có sự khác biệt nhất định với nhau nên xét về tổng thể, nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với các nhãn hiệu đối chứng về mặt cấu trúc.

- Về phát âm nhãn hiệu: Chính sự khác iệt về cấu trúc như trên đã tạo nên sự khác biệt về cách phát âm giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể như sau:

• ARBONNE: /a – bon – ne/

• AIRBORNE: /e – bon/

Có thể thấy, trong khi nhãn hiệu đăng ký được phát âm với 03 âm tiết thì nhãn hiệu đối chứng thường chỉ được phát âm với 02 âm tiết như được thể hiện trên đây.

- Về ý nghĩa: Nhãn hiệu đăng ký là tên tự đặt và không có nghĩa, đồng thời chính là tên thương mại của người nộp đơn. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là một tính từ trong tiếng Anh, có nghĩa tiếng Việt tương ứng là "không vận (được chuyên chở bằng máy bay)" hoặc "ở trên không". Thông thường, ý nghĩa của nhãn hiệu là một trong những yếu tố rất quan trọng để giúp nhận biết và phân biệt các nhãn hiệu của các nhà cung cấp sản phẩm/dịch vụ khác nhau. Trong trường hợp này, với việc các nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh có nghĩa còn nhãn hiệu đăng ký lại là tên tự đặt và không có bất cứ ý nghĩa cụ thể nào, thì khả năng phân biệt về mặt ý nghĩa giữa nhãn hiệu đăng ký so với các nhãn hiệu đối chứng là hoàn toàn rõ ràng.

- Ngoài ra, để nhằm tạo ra sự khác biệt hơn nữa giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, người nộp đơn cũng đã loại bỏ một số dịch vụ thuộc nhóm 35 bằng việc giới hạn danh mục tại WIPO.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của 07 ký tự, tạo thành 03 âm tiết "AR-BON-NE" và được phát âm là /a/bon/ne/, còn nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của 08 ký tự, tạo thành 03 âm tiết "AIR-BOR-NE" và được phát âm là /ae/bon/. Như vậy, các nhãn hiệu nêu trên đều được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa và có 6 ký tự trùng nhau. Có thể thấy nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng khác nhau ở ký tự "I" và "R" (đặt trước phần chữ "NE" trong nhãn hiệu đối chứng nhưng sự khác biệt nêu trên chưa đủ để tạo ra khả năng phân biệt cho hai nhãn hiệu.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Mặc dù người nộp đơn đã loại bỏ một số dịch vụ trong nhóm 35 nhưng danh mục sản phẩm, dịch vụ còn lại vẫn còn nhóm 05 và 14 tương tự với sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm

tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu nêu trên có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1251504 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/43 NTH32 ngày 27/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1251504.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Arbonne International, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Arbonne International, LLC (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136869/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Anhui Jianghuai Automobile Group Corp., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2018-00631 ngày 28/9/2018 của Anhui Jianghuai Automobile Group Corp., Ltd.; địa chỉ: No. 176 Dongliu Road, Hefei City, Anhui Province, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-07786 theo Quyết định số 45783/QĐ-SHTT ngày 29/6/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4651/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Anhui Jianghuai Automobile Group Corp., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "JAC" đăng ký theo đơn số 4-2011-07786 bị tạm thời từ chối bảo hộ cho các nhóm 35 và 37 tại Việt Nam do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng thuộc đơn số 4-2010-19529, GCNĐKNH số 42342 và đăng ký quốc tế số 630342, căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về cấu trúc:

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng "CAR JACK & hình" (GCNĐKNH số 42342): Nhãn hiệu gồm phần hình và phần chữ, trong đó phần hình được tạo bởi hình chữ "C" thuộc phần chữ "CAR" cách điệu đổ bóng độc đáo tạo nên các tia nằm ngang với màu đen nhạt dần từ phải sang trái. Phần hình và phần chữ "CAR" được trình bày với kích thước lớn có màu đen đậm nên là phần nổi bật của nhãn hiệu. Phần chữ "JACK" màu trắng được trình bày với kích thước nhỏ hơn với các đường viền nét nhỏ và mờ nằm bên dưới, do đó đây không phải là thành phần nổi bật của nhãn hiệu. Mặc dù 'CAR" là yếu tố không được bảo hộ riêng, nhãn hiệu trên đã được bảo hộ tổng thể bao gồm cả cách trình bày của phần chữ "CAR".

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng "CAR JACK" (ĐKQT số 630342): Nhãn hiệu là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh 'CAR" và "JACK" có nghĩa tương ứng là "ô tô" và "quả mít'. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký chỉ bao gồm phần chữ duy nhất "JAC" mà không có bất kỳ phần hình nào hay mang bất kỳ ý nghĩa nào.

- Về cách phát âm: Các nhãn hiệu đối chứng gồm hai âm tiết là "ka: dʒæk/, trong khi đó nhãn hiệu đăng ký chỉ gồm một âm tiết là /jac/.

- Về danh mục sản phẩm/dịch vụ: Danh mục sản phẩm mang các nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm thuộc nhóm 12, cụ thể là các bộ phận của xe mô tô. Trong khi đó, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm dịch vụ 35 và 37.

Người nộp đơn đồng thời là chủ sở hữu của ĐKQT số 824584 đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam cho nhóm 12, cụ thể là: "xe ô tô; xe buýt; xe tải; xe ben; thân xe ô tô; các bộ phận có thể tháo rời của xe ô tô và xe tải, xe tải chuyên chở hàng; các loại xe cộ". Trong khi đó, dịch vụ thuộc nhóm 37 của nhãn hiệu đăng ký gồm "bảo dưỡng và sửa chữa cho động cơ xe cộ; trạm phục

vụ xe cộ (nạp nhiên liệu và bảo dưỡng); rửa xe ô tô" là những dịch vụ liên quan đến sản phẩm nhóm 12 của ĐKQT nêu trên.

+ Đối với đối chứng "JAC" (đơn số 4-2010-19529) có ngày nộp đơn là 16/09/2010 - sau thời điểm ĐKQT số 824584 chỉ định tại Việt Nam (ngày 31/03/2004). Do đó, nhãn hiệu đối chứng trên bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam.

+ Đến thời điểm hiện tại cả hai đối chứng là GCNĐKNH số 42342 và ĐKQT số 630342 đã hết hạn hiệu lực tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu:

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng là đơn số 4-2010-19529: Nhãn hiệu đối chứng nêu trên và nhãn hiệu đăng ký đều được tạo thành bởi ba ký tự giống nhau "J, A, C". Đồng thời, hai nhãn hiệu đều được sử dụng cho các dịch vụ tương tự nhau thuộc nhóm 35 và 37. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

+ Đối với các nhãn hiệu đối chứng còn lại: "CAR" là phần chữ mang tính mô tả đối với các dịch vụ liên quan đến ô tô, do vậy, thành phần có khả năng phân biệt trong các nhãn hiệu đối chứng nêu trên là "JACK", thành phần này tương tự với nhãn hiệu đăng ký "JAC" vì có 3 ký tự đầu tiên trùng nhau và

cách phát âm tương tự nhau /JAC/. Việc nhãn hiệu đối chứng có thêm âm tiết "K" ở vị trí cuối không tạo nên sự khác biệt của nhãn hiệu đăng ký so với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên về cấu trúc và cách phát âm.

- Về sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu: Các dịch vụ thuộc nhóm 35 và 37 mang nhãn hiệu đăng ký và các sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự nhau.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-07786 ngày 26/04/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 45783/QĐ-SHTT ngày 29/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-07786 ngày 26/04/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Anhui Jianghuai Automobile Group Corp., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Anhui Jianghuai Automobile Group Corp., Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136870/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Dệt may Thanh Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2020-01136 ngày 17/11/2020 của Công ty TNHH Dệt may Thanh Nam; địa chỉ: Thôn Vĩnh Trị, xã Yên Trị, huyện ý Yên, tỉnh Nam Định; điện thoại: 0968012786; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-22811 theo Quyết định số 64697/QĐ-SHTT ngày 17/8/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4581/BC-

TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Dệt may Thanh Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VATINO, hình" đăng ký theo đơn số 4-2017-22811 cho nhóm 25 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 317842, 141607, 307087 và đơn số 4-2017-05347, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Về cấu trúc: nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng không trùng nhau về phần chữ.

- Về âm tiết: nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có chung bộ nguyên âm theo thứ tự A*I*O. Trong thực tế cũng như trên cơ sở dữ liệu đăng ký nhãn hiệu, có thể thấy các nhãn hiệu có cấu trúc A*I*O cho lĩnh vực thuộc nhóm 25 hoặc nhóm 18 được đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ rất phổ biến, ví dụ Valentino, Vasaio, Vario, Sanrio, Malino, Parino, Satino v.v... Do đó, việc nhãn hiệu đăng ký sử dụng cấu trúc nguyên âm này không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng có chung cấu trúc. Ngoài ra, với việc bộ cấu trúc được sử dụng phổ biến thông dụng như nêu trên, chỉ cần sự khác biệt rất nhỏ về 1 hoặc 1 vài ký tự là đủ để tạo sự phân biệt giữa các nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Nội dung khiếu nại không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 64697/QĐ-SHTT ngày 17/8/2020.

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp

đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2017-05374 (được bảo hộ theo GCNĐKNH số 374764) và nhãn hiệu đối chứng số 317842: Phần chữ "VATINO" trong nhãn hiệu đăng ký có tất cả các ký tự trùng với phần chữ "VATINO" trong các nhãn hiệu đối chứng nêu trên. Sự khác nhau ở phần chữ "LEO" (trong nhãn hiệu đối chứng số 374764) và "LA" (trong nhãn hiệu đối chứng số 317842) không đủ để tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký so với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên khi các nhãn hiệu đều được sử dụng cho sản phẩm tương tự thuộc nhóm 25.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 141607 và 307087: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng nêu trên có 5/6 ký tự trùng nhau, sự khác nhau ở một ký tự "L" (trong nhãn hiệu đối chứng số 141607) và "d" (trong nhãn hiệu đối chứng số 307087) không đủ để tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký so với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên khi các nhãn hiệu đều được sử dụng cho sản phẩm tương tự thuộc nhóm 25.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cách phát âm và cấu trúc, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 25 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-22811 ngày 24/07/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 64697/QĐ-SHTT ngày 17/8/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-22811 ngày 24/07/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Dệt may Thanh Nam có quyền khiếu nại đến Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Dệt may Thanh Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136871/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần kiến trúc cảnh quan sinh thái Tùng Lâm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2021-00825 ngày 01/9/2021 của Công ty cổ phần kiến trúc cảnh quan sinh thái Tùng Lâm; địa chỉ: Số 315 Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội; điện thoại: 0969343686; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-24874 theo Quyết định số 52418/QĐ-SHTT ngày 24/6/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4573/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần kiến trúc cảnh quan sinh thái Tùng Lâm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TUNG LAM GARDEN, hình" đăng ký theo đơn số 4-2018-24874 cho nhóm 31, 35, 37, 44 bị từ chối cấp GCNĐKNH cho "Cây giống; hạt giống; cây cảnh" ở nhóm 31, "Mua bán: cây cảnh; hạt giống, cây giống" ở nhóm 35, nhóm 37, 42, 44, vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng số 181261, 313335, 326631, 250743, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Với đối chứng 181261, chủ đơn đã chứng minh nhãn hiệu đối chứng "DAI TUNG LAM" không còn hoạt động từ năm 2014 nên không làm đối chứng từ chối.

- Sau khi loại bỏ một số sản phẩm, dịch vụ, có sự khác biệt giữa dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng, cụ thể là:

+ Nhãn hiệu đăng ký:

Nhóm 37: Thi công sân vườn, tiểu cảnh (cụ thể là hồ cá koi)

Nhóm 44: Dịch vụ cho thuê thiết bị trồng trọt [440084]; dịch vụ thiết kế sân vườn, tiểu cảnh cụ thể là hồ cá koi [440199].

+ Nhãn hiệu đối chứng:

Nhóm 37: Thi công xây dựng, lắp đặt và sửa chữa: công trình dân dụng và công nghiệp.

Nhóm 44: Dịch vụ trồng rừng, trồng cây thuốc, trồng hoa và cây cảnh.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 181261: Tại thời điểm ban hành Quyết định số 52418/QĐ-SHTT ngày 24 tháng 06 năm 2021 về việc từ chối cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-24874, nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã hết hiệu lực chưa quá 5 năm. Do đó, tại thời điểm ban hành Quyết định từ chối nêu trên, Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Mặc dù người nộp đơn đã cung cấp các thông tin, tài liệu nhằm chứng minh chủ nhãn hiệu đối chứng nêu trên không còn hoạt động kinh doanh từ năm 2014 và đã có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tuy nhiên, các thông tin và tài liệu nêu trên không đủ cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đối chứng đã bị chấm dứt hiệu lực. Hơn nữa, kể cả trong trường hợp người nộp đơn bổ sung được Quyết định chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng thì Quyết định này cũng bị coi là tình tiết mới nên không được chấp nhận trong quá trình giải quyết khiếu nại.

- Với các nhãn hiệu đối chứng còn lại: Phần chữ "TUNG LAM" trong nhãn hiệu đăng ký tương tự với phần chữ trong các nhãn hiệu đối chứng còn lại. Mặc dù người nộp đơn đã loại bỏ một số dịch vụ, tuy nhiên các dịch vụ còn lại trong danh mục dịch vụ đăng ký vẫn tương tự với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng số 313335, 326631 và 250743.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-24874 ngày 26/07/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 52418/QĐ-SHTT ngày 24/6/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-24874 ngày 26/07/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần kiến trúc cảnh quan sinh thái Tùng Lâm có quyền

khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần kiến trúc cảnh quan sinh thái Tùng Lâm có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136872/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Linh Mỹ Tiên
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2018-00473 ngày 18/7/2018 của Ông/Bà Nguyễn Linh Mỹ Tiên; địa chỉ: 221D Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại: 0906323861; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-19549 theo Quyết định số 27791/QĐ-SHTT ngày 26/4/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4576/BC-

TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Linh Mỹ Tiên với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MT flowers" đăng ký theo đơn số 4-2015-19549 ngày 23/07/2015 của Bà Nguyễn Linh Mỹ Tiên bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 27791/QĐ-SHTT ngày 26/04/2019 do trùng với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 274478 ngày 30/12/2016. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do người nộp đơn đã có Thư đồng ý của Công ty TNHH hoa cưới MT cho phép đăng ký nhãn hiệu nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là phần chữ "MT flowers" trùng nhau và được sử dụng cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau thuộc nhóm 35 và 31 nên hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

Mặc dù trong đơn khiếu nại, người khiếu nại đã nộp kèm Thư đồng ý của Công ty TNHH hoa cưới MT cho phép Bà Nguyễn Linh Mỹ Tiên đăng ký nhãn hiệu "MT flowers" tại Việt Nam. Tuy nhiên, văn bản Thư đồng ý nêu trên được nộp trong giai đoạn giải quyết khiếu nại nên không được chấp nhận với lý do là tình tiết mới. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-19549 ngày 23/07/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 27791/QĐ-SHTT ngày 26/4/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-19549 ngày 23/07/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Nguyễn Linh Mỹ Tiên có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Nguyễn Linh Mỹ Tiên có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136873/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dịch vụ dầu nhớt chính hãng Toàn Cầu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2024-00866 ngày 21/10/2024 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ dầu nhớt chính hãng Toàn Cầu; địa chỉ: 242 hương lộ 80, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-39737 theo Quyết định số 57697/QĐ-SHTT.IP ngày 16/5/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4574/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dịch vụ dầu nhớt chính hãng Toàn Cầu với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "www.daunhottoancau.com" đăng ký theo đơn số 4-2021-39737 cho nhóm 04 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 289780, 303767, 358037 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Phân tích phần chữ:

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 303767: Phần chữ của nhãn hiệu đối chứng nêu trên được kết hợp giữa cụm từ "PETRO GLOBAL Tiết kiệm hơn, Mạnh mẽ hơn" được trình bày thành hai dòng, chữ "O" được trình bày cách điệu giống hình ngọn lửa và cụm từ "Tiết kiệm hơn, Mạnh mẽ hơn" được trình bày ở giữa hai đường kẻ cách điệu nằm ngang. Tổng thể nhãn hiệu có màu xanh dương, đỏ, trắng, đen. Việc bóc tách và so sánh thành phần chữ "PETRO GLOBAL" tại nhãn hiệu đối chứng với thành phần chữ "daunhottoancau" tại nhãn hiệu đăng ký là chưa thỏa đáng và hợp lý vì "PETRO" là không có khả năng bảo hộ riêng và từ "GLOBAL" có nghĩa tiếng Việt là "toàn cầu" cũng có khả năng phân biệt thấp khi người tiêu dùng trên thực tế có xu hướng nhìn nhận cụm từ này là "trên khắp thế giới" hoặc "trên phạm vi toàn thế giới" (mô tả phạm vi cung cấp hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu) thay thì nhìn nhận cụm từ dưới dạng tên riêng.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 358037: Nhãn hiệu đối chứng nêu trên gồm hình ngọn lửa cách điệu; cụm từ "PETRO GLOBAL"; từ "PG"; cụm từ "PETRO GLOBAL Tiết kiệm hơn, Mạnh mẽ hơn DẦU NHỜN CAO CẤP" được trình bày thành ba dòng, chữ "O" được trình bày cách điệu giống hình ngọn lửa và cụm từ "Tiết kiệm hơn, Mạnh mẽ hơn" được trình bày ở giữa hai đường kẻ cách điệu nằm ngang. Tổng thể nhãn hiệu có màu trắng, xanh, đỏ, đen và vàng.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 289780: Dù hai nhãn hiệu có chung thành phần "toancau"/"TOANCAU", tuy nhiên, người khiếu nại cho rằng thành phần này có khả năng phân biệt thấp khi người tiêu dùng trên thực tế có xu hướng nhìn nhận cụm từ này là "trên khắp thế giới" hoặc "trên phạm vi toàn thế giới" (mô tả phạm vi cung cấp hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu) thay thì nhìn nhận cụm từ dưới dạng tên riêng.

- Phân tích phần hình:

+ Nhãn hiệu đăng ký là một cụm hình gồm hình giọt nước và vòng xoáy nước tượng trưng cho giọt dầu và vũng dầu có màu cam, vàng và trắng. Phần hình của hai nhãn hiệu hoàn toàn khác biệt về thiết kế và màu sắc. Đồng thời, với việc các dấu hiệu chữ tại hai nhãn hiệu là các thành phần có khả năng phân biệt yếu, sự khác biệt giữa phần hình của hai nhãn hiệu là đủ để giúp người tiêu dùng phân biệt được hai nhãn hiệu trên thực tế.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 303767: Nhãn hiệu có phần hình là ngọn lửa được tạo bởi hai đường cong cách điệu có màu xanh và đỏ, tượng trưng cho chữ cái "O" trong cụm từ "PETRO" và hình các đường kẻ ngang cách điệu bên dưới.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 358037: Nhãn hiệu có phần hình là ngọn lửa được tạo bởi hai đường cong cách điệu có màu xanh và đỏ, tượng trưng cho chữ cái "O" trong cụm từ "PETRO" có màu đỏ, xanh và vàng; hình các đường kẻ ngang cách điệu tại hai đầu cụm từ "Tiết kiệm hơn - mạnh mẽ hơn" có màu đen; và hình các khung hình chữ nhật có màu xanh.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 289780: Phần số "6" có màu đỏ và chữ "S" có màu xanh cách điệu, kết hợp lại giống hình ngọn lửa.

- Về ấn tượng tổng thể: Sự kết hợp, sắp xếp, tỷ lệ bố trí của các thành phần trong từng nhãn hiệu cũng cần được cân nhắc so sánh trong việc thẩm định. Bởi có thể dễ dàng nhận thấy dấu hiệu hình tại nhãn hiệu đăng ký là thành phần phân biệt mạnh được trình bày với kích thước lớn, chính giữa nhãn hiệu, phía dưới là cụm từ www.daunhottoancau.com mang tính chất bổ sung thông tin cho người tiêu dùng. Đặc biệt người tiêu dùng dễ dàng có thể kiểm tra sản phẩm thông qua website nêu trên để từ đó nhận biết và phân biệt với các sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu của cá nhân/tổ chức khác. Ở phía ngược lại, dấu hiệu chữ và hình tại nhãn hiệu đối chứng được kết hợp lồng ghép với tỷ lệ cân bằng với nhau. Cùng với việc hai nhãn hiệu có sự khác biệt về màu sắc, hoàn toàn có cơ sở để khẳng định nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng số 303767 đem lại ấn tượng thị giác theo những cách đặc biệt và khác nhau đến người tiêu dùng trên thực tế.

- Đồng thời. chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký là nhà sản xuất trực tiếp và duy nhất các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký. Nhãn hiệu đăng ký sẽ được gắn trực tiếp trên bao bì sản phẩm là bình, chai dầu nhớt, nhiên liệu. Ở phía ngược lại, các dịch vụ thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng có bản chất là dịch vụ mua bán, phân phối trung gian. Vì vậy, nhãn hiệu đối chứng sẽ chỉ được gắn

trên các phương tiện dịch vụ, phương tiện kinh doanh mà không gắn trực tiếp trên hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa.

- Các sản phẩm nhóm 04 mang nhãn hiệu đăng ký gồm "Dầu nhờn (lubricants); Dầu để bôi trơn (lubricating oil); Xăng (Petroleum ether); Nhiên liệu (Carburant); Mỡ công nghiệp (Industrial grease); Mỡ bôi trơn (Lubricating grease)" có bản chất là nhiên liệu cho động cơ là chủ yếu, sử dụng cho mục đích vận hành động cơ, máy móc, xe cộ. Ngược lại, các dịch vụ thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng "mua bán ga; mua bán bếp ga, linh kiện bếp ga; mua bán xăng dầu; mua bán khí đốt; quảng cáo trưng bày sản phẩm từ nhiên liệu" có bản chất là quảng cáo, bày bán các loại vật dụng, linh kiện sử dụng khí đốt, vật liệu cháy sáng, dùng cho mục đích gia dụng như nấu ăn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu:

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 303767 và 358037: Nhãn hiệu đăng ký có các dấu hiệu như "www.", "daunhottoancau", ".com", trong đó, "www." và ".com" là các dấu hiệu của tên miền và địa chỉ website nên không có khả năng phân biệt, "daunhot" có thể bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả sản phẩm. Thành phần "daunhottoancau" trong nhãn hiệu đăng ký mặc dù được viết liền, không dấu, nhưng với trật tự sắp xếp các ký tự như được thể hiện trong nhãn hiệu, phần chữ nêu trên thường được phát âm là "dầu nhớt toàn cầu". Trong khi đó, phần chữ "PETRO GLOBAL" - yếu tố tạo khả năng phân biệt cho hai nhãn hiệu đối chứng nêu trên là sự kết hợp của từ "PETRO" tuy không xuất hiện trong các từ điển chính thống nhưng đều được hiểu là "xăng, dầu" và từ "GLOBAL" là từ tiếng Anh có nghĩa là "toàn cầu", tạo thành cụm từ có ý nghĩa tương tự với phần chữ "dầu nhớt toàn cầu" trong nhãn hiệu đăng ký.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng số 289780: Phần chữ

"www.daunhottoancau.com" trong nhãn hiệu đăng ký có thành phần tạo khả năng phân biệt là "toancau" tương tự với phần chữ "TOANCAU" trên nhãn hiệu đối chứng cả về cấu trúc và cách phát âm.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau thuộc nhóm 04 và 35.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cách phát âm, cấu trúc và hình thức thể hiện, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu nêu trên có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-39737 ngày 20/10/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 57697/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 16/5/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-39737 ngày 20/10/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH thương mại dịch vụ dầu nhớt chính hãng Toàn Cầu có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại dịch vụ dầu nhớt chính hãng Toàn Cầu có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136874/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Rafferty's Garden Ptv Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00227 ngày 03/3/2017 của Rafferty's Garden Ptv Limited; địa chỉ: Building A, Level 1, 13 Compark Circuit, MULGRAVE VIC 3170; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1285279 theo Thông báo số 2016/04 VTB20 ngày 18.01.2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4720/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Rafferty's Garden Ptv Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RAFFERTY'S GARDEN" theo ĐQT số 1285279 bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/04 VTB 20 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "Rafferty's Garden, hình" theo đơn đăng ký số 4-2013-15503 ngày 16/7/2013.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại Thông báo nêu trên với lý do: Nhãn hiệu đối chứng có thể bị coi là bỏ đơn vì Cục đã ra Quyết định từ chối ngày 02/6/2016 vì người nộp đơn không nộp lệ phí sau khi đã có thông báo cấp văn bằng bảo hộ ngày 26/8/2025. Do vậy, đơn này không dùng làm đối chứng.

Ngoài ra, người nộp đơn nộp kèm thêm các bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cho nhãn hiệu này tại nhiều nước trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "Rafferty's Garden, hình" đăng ký theo đơn số 4-2013-15503 ngày 16/7/2013 đã bị từ chối cấp GCNĐKNH nên không còn là đối chứng để từ chối đối với đơn quốc tế số 1285279. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1285279, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/04 VTB20 ngày 18.01.2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1285279.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1285279.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Rafferty's Garden Ptv Limited (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136875/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TANNERIES HAAS (Société par Actions Simplifiée)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2014-00567 ngày 17/6/2014 của TANNERIES HAAS (Société par Actions Simplifiée); địa chỉ: F-67140 Eichhoffen, France; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1150095 theo Thông báo số 2013/08 NTH42 ngày 27/02/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4721/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TANNERIES HAAS (Societé par Actions Simplifiée) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BARENIA" theo ĐQT số 1150095 bị tạm thời từ chối vì mang tính mô tả theo quy định tại Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại trình bày lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không phải là từ ngữ, thuật ngữ, dấu hiệu dùng để chỉ ra hay mô tả thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá đăng ký ở nhóm 18, 25 và hoàn toàn có khả năng phân biệt.

- Về ý nghĩa, "BARENIA" là từ tự đặt - không có trong từ điển. Trên thực tế, nhãn hiệu này cũng đã được chấp nhận đăng ký và bảo hộ tại Châu Âu, Mê-xi-cô, Hồng Kông, Đài Loan.

- Ngoài ra, người nộp đơn nộp kèm các tài liệu nhằm chứng minh việc sử dụng rộng rãi của nhãn hiệu "BARENIA".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "BARENIA" được hiểu là một loại da bê tự nhiên cao cấp. Khi sử dụng cho các sản phẩm "Da và các loại da đã qua chế biến, và nói chung là da và các loại da; da giả; rương và va li; các mặt hàng bằng da hoặc da giả (trừ các loại hộp đựng phù hợp với các sản phẩm mà chúng được dùng để đựng, găng tay và thắt lưng)" thuộc nhóm 18 và các sản phẩm "Găng tay, thắt lưng; quần áo; giày dép (trừ giày chỉnh hình); mũ bảo hiểm" thuộc nhóm 25, nhãn hiệu đăng ký bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả chất liệu của hàng hóa đăng ký và không có khả năng phân biệt.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "BARENIA" bị coi là mang tính mô tả và không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1150095 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/08 NTH42 ngày 27/02/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1150095.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, TANNERIES HAAS (Société par Actions Simplifiée) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TANNERIES HAAS (Société par Actions Simplifiée) (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136876/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của LABORATOIRES SVR
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00346 ngày 20/3/2017 của LABORATOIRES SVR; địa chỉ: ZAC de la Tremblaie, Rue de la Mare à Blot, F-91220 Le Plessis Pate,; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1268411 theo Thông báo số 2015/47 NDT35 ngày 24/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4719/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của LABORATOIRES SVR với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PHYSIO PURE" theo ĐQT số 1268411 bị tạm thời từ chối bảo hộ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng số 842068, 622885 và 1177237, người nộp đơn có ý kiến như sau:

- Đối với hai nhãn hiệu đối chứng số 842068 và 622885 của L'OREAL: theo dữ liệu trên hệ thống Madrid WIPO, các nhãn hiệu này đã hết hiệu lực do không được gia hạn từ năm 2014. Điều này cho thấy chủ sở hữu không còn duy trì quyền đối với các nhãn hiệu này. Ngoài ra, hai nhãn hiệu này là nhãn hiệu phức hợp với phần chữ và ký hiệu khác biệt rõ rệt, trong đó có yếu tố "H 5.5" hoặc "VICHY" thể hiện nổi bật. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký "PHYSIO PURE" là nhãn hiệu chữ đơn giản, không chứa yếu tố hình, với cấu trúc, phát âm và ý nghĩa hoàn toàn khác biệt.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 1177237 của PDT COSMETICI S.R.L.: đây là một nhãn hiệu phức hợp gồm phần hình sóng nước, giọt nước trong chữ "O" và dòng chữ "PHYSIO Natura" mang tính chất mô tả xu hướng thiên nhiên. Ngược lại, nhãn hiệu "PHYSIO PURE" là từ tự tạo, không mang thông điệp tương tự và hoàn toàn không chứa yếu tố hình ảnh. Về phát âm và cấu trúc, hai nhãn hiệu có sự khác biệt rõ ràng. Sản phẩm mang hai nhãn hiệu cũng có bản chất và mục đích sử dụng khác nhau, trong đó nhãn hiệu đối chứng bao gồm cả các sản phẩm tẩy rửa, giặt giũ, còn nhãn hiệu xin đăng ký chỉ tập trung vào mỹ phẩm cá nhân, trừ sản phẩm làm tóc.

Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy rằng xét trên tổng thể về yếu tố cấu trúc, phát âm, ý nghĩa, cảm quan và phạm vi sản phẩm/dịch vụ, nhãn hiệu "PHYSIO PURE" không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với bất kỳ nhãn hiệu đối chứng nào. Do đó, người nộp đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 1268411 của LABORATOIRES SVR.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Đối với các nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 842068 và 622885: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng nêu trên đều có phần chữ "PHYSIO" tuy được thể hiện bởi kiểu chữ khác nhau nhưng có các ký tự và cách phát âm trùng nhau, đồng thời, các nhãn hiệu nêu trên đều được sử dụng cho sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 03 nên các nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO cho thấy hai nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã hết hiệu lực lần lượt vào ngày 19/11/2014 và 08/7/2014 nên không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1268411.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 1177237: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng nêu trên đều có phần chữ "PHYSIO" là thành phần chính, các thành phần còn lại "Natura" (từ tiếng Anh có nghĩa là "tự nhiên"), "PURE" (có nghĩa là "nguyên chất, tinh khiết") nên mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Như vậy, thành phần chính trong hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự về cấu trúc, trùng về cách phát âm, trong khi hai nhãn hiệu lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 03 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù các nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 842068 và 622885 đã hết hiệu lực và không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1268411, tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký vẫn tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 1177237. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và h khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1268411 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/47 NDT35 ngày 24/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1268411.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, LABORATOIRES SVR có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LABORATOIRES SVR (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136877/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của H-D U.S.A., LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2014-00973 ngày 29/9/2014 của H-D U.S.A., LLC; địa chỉ: 3700 West Juneau Avenue, Milwaukee, WI 53208, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-08560 theo Quyết định số 37528/QĐ-SHTT ngày 30/6/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4473/BC-

TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của H-D U.S.A., LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MOTORCLOTHES" đăng ký theo đơn số 4-2012-08560 bị từ chối vì không đáp ứng quy định tại Điều 74.2b và Điều 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại trình bày lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "MOTORCLOTHES" là một từ tự tạo, không có nghĩa. Kết quả tra cứu trên các từ điển Anh-Anh và Anh-Việt đều không tìm thấy từ "MOTORCLOTHES". Ngay cả khi tra cứu trên công cụ tìm kiếm Google, các kết quả cho từ khóa "MOTORCLOTHES" chỉ đề cập đến nhãn hiệu "MOTORCLOTHES" của người nộp đơn, không phải là một từ hay một thuật ngữ dùng để mô tả sản phẩm quần áo cho người đi mô tô. Do đó, "MOTORCLOTHES" không phải là tên gọi thông thường của sản phẩm, cũng không mang tính mô tả cho các sản phẩm xin đăng ký.

- Nhãn hiệu đăng ký "MOTORCLOTHES" phải được xem xét và đánh giá như một tổng thể vì các chữ cái cấu thành được thể hiện cùng một phông chữ, cỡ chữ và không có bất kỳ khoảng trống nào giữa các thành phần "MOTOR" và "CLOTHES". Việc chia tách nhãn hiệu đăng ký thành hai phần để đánh giá khả năng đăng ký tự thân là không hợp lý và đi ngược với nguyên tắc không chia tách - một trong nguyên tắc cơ bản trong Tài liệu hướng dẫn thẩm định nhãn hiệu của INTA.

- Thậm chí, ngay cả khi chia tách thành hai thành phần riêng lẻ, thì "MOTOR" cũng không phải là yếu tố mô tả, bởi "MOTOR" không có nghĩa là "mô tô - hay còn gọi là xe máy/xe gắn máy (motorcyles). Thực tế, nghĩa của "MOTOR" là "động cơ/mô-tơ" - một thiết bị tạo ra chuyển động, như một động cơ, nó thường được dùng để chỉ một động cơ điện hoặc một động cơ đốt trong. Do đó, khi kết hợp với "CLOTHES" thành cụm từ "MOTOR CLOTHES", thì cụm từ này cũng không đưa lại bất kỳ ý nghĩa thông dụng nào, càng không làm cho người tiêu dùng liên tưởng đến sản phẩm quần áo dùng khi đi mô tô/xe máy/xe gắn máy.

- Thực tế, người tiêu dùng, nhà sản xuất hay kinh doanh trong cùng lĩnh vực cũng không dùng "MOTORCLOTHES" hoặc "MOTOR CLOTHES" để đề cập đến sản phẩm quần áo dùng khi đi mô tô/xe máy/xe gắn máy. Những từ, cụm từ tiếng Anh thường được dùng để nhắc đến sản phẩm quần áo/trang phục đi mô tô/xe máy/xe gắn máy là "motorcycle apparel" hoặc "riding clothes" hoặc "motorcycle clothes".

- Nhãn hiệu đăng ký "MOTORCLOTHES" đã được sử dụng lâu dài và rộng rãi trên thế giới và tại Việt Nam từ trước thời điểm nộp đơn:

+ Nhãn hiệu đăng ký được thiết kế và sử dụng đầu tiên từ năm 1989, rất lâu trước thời điểm nộp đơn tại Việt Nam vào năm 2014. Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng liên tục và nhất quán cho các sản phẩm may mặc và phụ kiện, bao gồm áo khoác, trang phục mặc ngoài, gang tay, đồ đội đầu, quần, quần bò, áo sơ mi, áo thun, áo nỉ, áo len,… Do đó, tạo nên một ấn tượng và mối liên hệ chặt chẽ giữa Nhãn hiệu đăng ký và Người nộp đơn.

+ Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng ít nhất ở 76 quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam, với 1350 đại lý ủy quyền.

+ Nhãn hiệu đăng ký được quảng cáo rộng rãi trên phạm vi toàn cầu và Việt Nam, thông qua hệ thống các trang web, mạng xã hội, và đặc biệt là Hội những người sở hữu xe Harley-Davidson (H.O.G) trên toàn cầu với khoảng 1 triệu thành viên.

+ Doanh thu từ các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký trên toàn cầu và tại Việt Nam cũng vô cùng ấn tượng, minh chứng rõ ràng cho việc sử dụng rộng rãi và liên tục Nhãn hiệu đăng ký.

+ Nhãn hiệu đăng ký thu hút sự chú ý lớn từ công chúng thông qua các phương tiện truyền thông. Từ trước khi có đại lý ủy quyền chính thức tại Việt Nam năm 2013, các sản phẩm may mặc và phụ kiện mang nhãn hiệu đăng ký đã được giới thiệu rộng rãi thông qua các diễn đàn, các ấn phẩm báo điện tử phổ biến tại Việt Nam, như Báo Dân Trí, Tạp chí kinh tế Sài Gòn, diễn đàn xe máy "2 Bánh".

- Nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ tại 66 quốc gia trên thế giới. Trong đó, có nhiều quốc gia nói tiếng Anh, ví dụ Hoa Kỳ, Úc, các quốc gia Liên Minh Châu Âu,… Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn không bị đánh giá là mô tả tại các quốc gia này. Điều này minh chứng rằng, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân, không phải tên gọi thông thường của sản phẩm, cũng không mô tả bất kỳ đặc tính nào của sản phẩm xin đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa

điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "MOTORCLOTHES" là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh viết liền nhau "MOTOR" và "CLOTHES", trong đó, "MOTOR" có nghĩa là "động cơ mô tô, mô tô, ô tô, đi mô tô", "CLOTHES" có nghĩa là "quần áo". Khi sử dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 18 và 25 trong danh mục sản phẩm đăng ký, nhãn hiệu nêu trên có thể khiến người tiêu dùng cho rằng sản phẩm mang nhãn hiệu đó là quần áo giành cho những người đi mô tô/ô tô. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả và là tên gọi thông thường của sản phẩm, không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2b và 74.2c Luật Sở hữu trí tuệ. Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp chưa đủ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-08560 ngày 27/04/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 37528/QĐ-SHTT ngày 30/6/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-08560 ngày 27/04/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, H-D U.S.A., LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và H-D U.S.A., LLC (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136878/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty sản xuất Thép úc SSE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00580 ngày 14/10/2019 của Công ty sản xuất Thép úc SSE; địa chỉ: Km 9, Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-02220 theo Quyết định số 57271/QĐ-SHTT ngày 16/07/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4585/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty sản xuất Thép úc SSE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THEP CHUOT TUI" cho sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 06, 35, 40 theo đơn số 4-2016-02220 ngày 25/01/2016 bị từ chối cấp GCNĐKNH đối với toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "KANGAROO" được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 144702, 247600 và 252017 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 144702, 247600 và 252017 do có sự khác nhau về mặt thị giác, thính giác, ấn tượng tổng thể nhãn hiệu và danh mục sản phẩm.

+ Về thị giác: Nhãn hiệu đăng ký khác biệt hoàn toàn với các nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" về mặt cấu trúc thị giác. Trong đó, nhãn hiệu đăng ký là dòng chữ "THEP CHUOT TUI" trong khi nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho chữ "KANGAROO" viết in hoa thông thường màu đen.

+ Về thính giác: nhãn hiệu đối chứng KANGAROO có 3 âm tiết được phát âm là /kæŋ.gəˈruː/, nhãn hiệu đăng ký là cụm từ tiếng Việt gồm 3 âm tiết có cách phát âm khác biệt là "THEP-CHUOT-TUI". Chính sự khác nhau về cách phát âm các âm tiết khiến cho người tiêu dùng sẽ không bị nhầm lẫn khi các nhãn hiệu nêu trên cùng xuất hiện trên thị trường liên quan đến các sản phẩm đăng ký.

+ Về nội dung và ý nghĩa: các nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn không có bất kỳ điểm chung nào về nội dung trình bày và về ý nghĩa vì cách đọc (về phát âm) cũng như cấu tạo của chúng (về thị giác) có sự khác biệt rõ rệt như đã trình bày ở trên. Các nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "KANGAROO" là một loại thú có tên là Căng-ga-ru, là một biểu tượng của nước Úc. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký là dòng chữ tiếng Việt "THEP CHUOT TUI" hoàn toàn không có nghĩa trong bất kỳ ngôn ngữ nào. Do vậy không tồn tại khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi các nhãn hiệu cùng được sử dụng trên thị trường.

+ Về ấn tượng tổng thể: Vì nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều có thiết kế đơn giản nên việc đánh giá khả năng gây nhầm lẫn về mặt tổng thể cần dựa vào việc trả lời câu hỏi có hay không sự nhầm lẫn của người tiêu dùng khi tiếp xúc với các nhãn hiệu ở tất cả các phương diện nghe, nhìn, hiểu. Phù hợp với các phân tích trên đây, nhãn hiệu đăng ký không có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách phát âm và thị giác dẫn

tới về tổng thể nhãn hiệu đăng ký có đủ khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

+ Về danh mục sản phẩm: Vác sản phẩm đăng ký tại các Nhóm 06, 35 của nhãn hiệu đăng ký khác biệt về bản chất, công dụng và mục đích sử dụng so với các sản phẩm đăng ký tại nhóm 06 của các nhãn hiệu đối chứng KANGAROO theo đăng ký số 144702 và 252017. Cụ thể, các sản phẩm đăng ký của nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm sắt và thép dùng cho mục đích xây dựng khác biệt hoàn toàn về bản chất, công dụng và mục đích sử dụng so với các sản phẩm đăng ký của nhãn hiệu đối chứng gồm: dây kim loại thường, kẹp dây cáp, ống dẫn bằng kim loại, két an toàn, tủ đựng dụng cụ bằng kim loại, đều là các sản phẩm dùng cho mục đích gia dụng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "THEP CHUOT TUI" cho sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 06, 35, 40 theo đơn số 4-2016-02220 ngày 25/01/2016 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 06, 35, 40 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 144702, 247600 và 252017. Nhãn hiệu đăng ký gồm 3 từ "THEP CHUOT TUI" có thể được hiểu là "THÉP CHUỘT TÚI" nhưng viết dưới dạng không dấu của tiếng Việt. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" là một từ tiếng Anh, có nghĩa là "Chuột Túi" trong tiếng Việt - trùng với chữ "CHUỘT TÚI" của nhãn hiệu đăng ký. Hơn nữa, chữ "THEP" trong nhãn hiệu đăng ký cũng được hiểu là "THÉP" - một sản phẩm được chỉ định đăng ký trong nhóm 06 và đối tượng liên quan đến các dịch vụ nhóm 35 và 40 nên bị coi là mô tả và không có khả năng phân biệt. Do nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức nhầm lẫn và không có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp

GCNĐKNH cho đơn 4-2016-02220 ngày 25/01/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 57271/QĐ-SHTT ngày 16/07/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-02220 ngày 25/01/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty sản xuất Thép úc SSE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty sản xuất Thép úc SSE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136879/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty sản xuất thép úc SSE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2019-00176 ngày 24/5/2019 của Công ty sản xuất thép úc SSE; địa chỉ: Km 9, Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-02216 theo Quyết định số 14223/QĐ-SHTT ngày

PTT366

25/02/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4583/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty sản xuất thép úc SSE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Thép Kangaroo" cho sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 06, 35, 40 theo đơn số 4-2016-02216 ngày 25/01/2016 bị từ chối cấp GCNĐKNH đối với toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 06 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 247600 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 247600 do có sự khác nhau về mặt thị giác, thính giác và ấn tượng tổng thể nhãn hiệu.

+ Về thính giác: Nhãn hiệu đăng ký "Thép Kangaroo" có 4 âm tiết, được phát âm là /THÉP- /kæŋ.gəˈruː/, trong khi nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" có 3 âm tiết, được phát âm là /kæŋ.gəˈruː/. Chính sự khác nhau về số lượng âm tiết, cách phát âm các âm tiết đã dẫn tới sự khác nhau về mặt phát âm giữa hai nhãn hiệu. Cách phát âm các âm tiết làm cho người tiêu dùng sẽ không bị nhầm lẫn khi các nhãn hiệu nêu trên cùng xuất hiện trên thị trường liên quan đến các sản phẩm đăng ký.

+ Về thị giác: Nhãn hiệu đăng ký "Thép Kangaroo" khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" về mặt thị giác, cách thức thể hiện các dấu hiệu chữ in hoa và viết thường tạo nên những ấn tượng nhất định cho nhãn hiệu. Trong nhãn hiệu đối chứng, chữ "KANGAROO" được viết in hoa màu đen, trong khi đó, các chữ trong nhãn hiệu yêu đăng ký được viết với phông chữ thông thường, trong đó chữ "T" trong từ "Thép" và chữ "K" trong từ "Kangaroo" được viết hoa màu đen.

+ Về ấn tượng tổng thể: Chính sự khác biệt về thị giác và thính giác của nhãn hiệu đăng ký so với các nhãn hiệu đối chứng đã tạo nên một tổng thể với cách thức thể hiện nhãn hiệu hoàn toàn khác biệt khiến cho nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Nhãn hiệu "Thép Kangaroo" cho sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 06, 35, 40 theo đơn số 4-2016-02216 ngày 25/01/2016 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "KANGAROO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 06 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 247600. Nhãn hiệu đăng ký "Thép Kangaroo" và nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" có phần chữ "KANGAROO" trùng nhau, trong khi đó, chữ "Thép" trong nhãn hiệu đăng ký là một sản phẩm được được chỉ định đăng ký trong nhóm 06 và đối tượng liên quan đến các dịch vụ nhóm 35 và 40 nên bị coi là mô tả và không có khả năng phân biệt. Do nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức nhầm lẫn và không có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn 4-2016-02216 ngày 25/01/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 14223/QĐ-SHTT ngày 25/02/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-02216 ngày 25/01/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty sản xuất thép úc SSE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty sản xuất thép úc SSE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136880/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty sản xuất thép úc SSE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2019-00175 ngày 24/5/2019 của Công ty sản xuất thép úc SSE; địa chỉ: Km 9, Vật Cách, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-02218 theo Quyết định số 14224/QĐ-SHTT ngày 25/02/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4578/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty sản xuất thép úc SSE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "THEP KANGAROO" cho sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 06, 35, 40 theo đơn số 4-2016-02218 ngày 25/01/2016 bị từ chối cấp GCNĐKNH đối với toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 06 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 247600 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 247600 do có sự khác nhau về mặt thị giác, thính giác và ấn tượng tổng thể nhãn hiệu.

+ Về thính giác: Nhãn hiệu đăng ký "THEP KANGAROO" có 4 âm tiết, được phát âm là /THEP- /kæŋ.gəˈru:/, trong khi nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" có 3 âm tiết, được phát âm là / kæŋ.gəˈru: /

+ Về thị giác: Nhãn hiệu đăng ký "THEP KANGAROO" khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" về mặt thị giác, cách thức thể hiện các dấu hiệu chữ in hoa và viết thường tạo nên những ấn tượng nhất định cho nhãn hiệu. Trong nhãn hiệu đối chứng, chữ "KANGAROO" được viết in hoa màu đen, trong khi đó, các chữ trong nhãn hiệu đăng ký được viết với phông chữ thông thường, gồm dòng chữ "THEP KANGAROO" được viết hoa màu đen, trong đó chữ "THEP" là từ không có nghĩa cần được xem xét là yếu tố tạo nên sự phân biệt giữa hai nhãn hiệu.

+ Về ấn tượng tổng thể: sự khác biệt về thị giác và thính giác của nhãn hiệu đăng ký so với các nhãn hiệu đối chứng đã tạo nên một tổng thể với cách thức thể hiện nhãn hiệu hoàn toàn khác biệt khiến cho nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "THEP KANGAROO" cho sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 06, 35, 40 theo đơn số 4-2016-02218 ngày 25/01/2016 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "KANGAROO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 06 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 247600. Nhãn hiệu đăng ký "THEP KANGAROO" và nhãn hiệu đối chứng "KANGAROO" có phần chữ "KANGAROO" trùng nhau, trong khi đó, chữ "THEP" trong nhãn hiệu đăng ký có thể hiểu là "THÉP" viết không dấu trong tiếng Việt - một sản phẩm được được chỉ định đăng ký trong nhóm 06 và đối tượng liên quan đến các dịch vụ nhóm 35 và 40 nên bị coi là mô tả và không có khả năng phân biệt. Do nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức nhầm lẫn và không có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn 4-2016-02218 ngày 25/01/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 14224/QĐ-SHTT ngày 25/02/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-02218 ngày 25/01/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty sản xuất thép úc SSE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty sản xuất thép úc SSE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136881/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Tuấn Tú
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2018-00089 ngày 02/02/2018 của Công ty TNHH Tuấn Tú; địa chỉ: 921 quốc lộ Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-24461 ngày 10/10/2014 theo Quyết định số 77632/QĐ-SHTT ngày 06/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4575/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Tuấn Tú với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Z ENYCook, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 theo đơn số 4-2014-24461 ngày 10/10/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "ZENCOOK, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 261179 của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Hương Giang, địa chỉ: số 41 đường Trần Phú, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng:

- Về ấn tượng thị giác: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tuy đều chứa từ "Cook" nhưng có cách trình bày và màu sắc khác biệt rõ rệt, tạo nên ấn tượng thị giác khác nhau. Nhãn hiệu đăng ký có chữ "Z" cách điệu như tia chớp, tách biệt với "ENY" và "Cook", mỗi phần được thể hiện với màu sắc riêng biệt trên nền đen; trong khi nhãn hiệu đối chứng là cụm từ liền "zencook" hoặc "zencooh" màu mận chín, có hình ngọn lửa trên chữ "o" và đặt trên nền trắng. Từ "Cook" mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt mạnh, nên yếu tố "ENY" hoặc "Z ENY" trong nhãn hiệu đăng ký mới là thành phần giúp người tiêu dùng nhận biết và ghi nhớ, tạo nên sự khác biệt rõ ràng với nhãn hiệu đối chứng.

- Về phát âm: Nhãn hiệu đối chứng là một cụm từ viết liền, không có nghĩa rõ ràng, khiến người tiêu dùng dễ coi đây là một từ duy nhất, trong khi nhãn hiệu đăng ký phân tách rõ ràng các yếu tố, đặc biệt là từ "Cook" được viết riêng và mang màu sắc khác biệt, nhấn mạnh tính mô tả liên quan đến sản phẩm nhà bếp. Do đó, trong bối cảnh người tiêu dùng có nhận thức trung bình, họ có thể phân biệt nhãn hiệu đăng ký "Z ENY Cook" với nhãn hiệu đối chứng "zencook" hoặc "zencooh" nhờ vào ấn tượng thị giác rõ ràng và cách trình bày khác biệt. Yếu tố "ENY" trong nhãn hiệu đăng ký chính là điểm nhấn tạo khả năng phân biệt, giúp tránh gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng trên thị trường.

- Về ấn tượng tổng thể: Do các nhãn hiệu có cách phát âm và thiết kế hình ảnh khác nhau nên các nhãn hiệu về mặt tổng thể không bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn, do đó, người tiêu dùng có thể phân biệt được các nhãn hiệu khi sử dụng.

- Thực tiễn thẩm định nhiều nhãn hiệu có kết cấu tương tự cùng được bảo hộ như "YACOOK" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 162419 và "YAMACOOK được bảo hộ theo GCNĐKNH số 165377, "KENCOOK được bảo hộ theo GCNĐKNH số 94152 và "ZENCOOK" được bảo hộ theo

GCNĐKNH số 261179, "ICOOK" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69074 và "HICOOK" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 74719, "NESS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 115474 và "NESE" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 138725.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Z ENYCook, hình" có phần chữ tạo khả năng phân biệt là "ZENY" khác biệt về cấu trúc từ và cách phát âm với phần chữ "ZEN" của nhãn hiệu đối chứng "ZENCOOK" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 261179, phần chữ còn lại "Cook" tương tự với phần chữ "COOK" của nhãn hiệu đối chứng nhưng đây là thành phần mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Ngoài ra, hai nhãn hiệu có hình thức trình bày và màu sắc khác nhau, từ đó tạo ra ấn tượng thị giác riêng biệt đối với người tiêu dùng. Mặc dù, các sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 11 nhưng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng khác biệt về mặt dấu hiệu nên nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng. Vì vậy đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-24461 ngày 10/10/2014, không bảo hộ riêng từ "Cook", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 77632/QĐ-SHTT ngày 06/11/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-24461 ngày 10/10/2014.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2014-24461 ngày 10/10/2014, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng từ "Cook".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Tuấn Tú (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136882/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PLANTATION PRODUCTS, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2018-00129 ngày 13/02/2018 của CERESOLUTION, LP; địa chỉ: 12610 SATICOY STREET SOUTH, North Hollywood CA 91605, United States of America.; nay là: PLANTATION PRODUCTS, LLC; địa chỉ: 202 South Washington St. Norton MA 02760, United States of America; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc

tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1322417 theo Thông báo số 2016/48 NNL16 ngày 02/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4572/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PLANTATION PRODUCTS, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "SUPERTHRIVE" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1322417 cho các sản phẩm thuộc nhóm 01 bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/48 NNL16 ngày 02/11/2017 vì nhãn hiệu là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "SUPERTHRIVE" là từ tự đặt, không có ý nghĩa nên có khả năng tự phân biệt.

Về mặt cấu tạo, nhãn hiệu đăng ký là một từ tự đặt, được cấu tạo bởi 11 ký tự La-tinh viết liền "S-U-P-E-R-T-H-R-I-V-E", tạo thành một chuỗi ký tự liên tục, không có ý nghĩa. Do đó, cần thiết phải đánh giá nhãn hiệu dựa trên nguyên tắc đánh giá tổng thể. Nguyên tắc đánh giá tính phân biệt của nhãn hiệu trên phương diện tổng thể là nguyên tắc chung được thừa nhận bởi đa số các quốc gia. Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã áp dụng nguyên tắc này trên thực tiễn bằng việc thừa nhận khả năng phân biệt tự thân và cấp bằng bảo hộ cho các nhãn hiệu có cấu tạo tương tự như nhãn hiệu đăng ký, điển hình là nhãn hiệu "Eurowindow" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 97961 cho sản phẩm "cửa sổ" thuộc nhóm 19; nhãn hiệu "FRESHAIRS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 110333 cho sản phẩm "Dung dịch khử khuẩn không khí dùng trong y tế" thuộc nhóm 05. Một số trường hợp khác nhãn hiệu có cấu tạo tương tự với nhãn hiệu đăng ký đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận bảo hộ như: "SUPERGROW", "SUPERMAX", "SUPERSIZE", "BP SUPERGAS", "RS SUPERBIKE", "TIREPOWER", "NiceLady", "NiceLand", "ULTRAGAIN", "Hairgain",...

- Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ ở nhiều quốc gia trên thế giới, cụ thể là Mỹ (nước xuất xứ), Canada, China, Australia và Singapore.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "SUPERTHRIVE" theo ĐQT số 1322417 gồm hai từ tiếng Anh "SUPER" và "THRIVE" viết liền nhau, trong đó chữ "SUPER" có nghĩa là "siêu" và "THRIVE" có nghĩa là "phát triển tốt". Do đó, có thể hiểu nhãn hiệu đăng ký "SUPERTHRIVE" có nghĩa là "siêu phát triển" hoặc "phát triển siêu tốt", khi áp dụng cho các sản phẩm liên quan đến "Phân bón, thức ăn thực vật, chất dinh dưỡng thực vật, hormone thực vật (phytohormone)" thuộc nhóm 1 nhãn hiệu đang ký mô tả tính năng, công dụng của các sản phẩm. Do đó, nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt.

- Thông tin về việc nhãn hiệu "SUPERTHRIVE" đã được bảo hộ tại một số quốc gia chỉ có giá trị tham khảo. Việc đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký được thực hiện căn cứ vào quy định pháp luật của Việt Nam.

- Việc bảo hộ nhãn hiệu được xem xét trên cơ sở từng trường hợp cụ thể, do đó các trường hợp mà người nộp đơn viện dẫn được chấp nhận bảo hộ không thuộc phạm vi giải quyết của đơn khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "SUPERTHRIVE" cho các sản phẩm thuộc nhóm 01 theo đơn quốc tế số 1322417 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/48 NNL16 ngày 02/11/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1322417.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, PLANTATION PRODUCTS, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PLANTATION PRODUCTS, LLC (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136883/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Ma San
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2014-01183 ngày 28/11/2014 của Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Ma San; địa chỉ: tầng 12, tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-22020 ngày 02/10/2012 theo Quyết định số 51342/QĐ-SHTT ngày 28/08/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4569/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Ma San với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MICOCO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29, 30 và 32 theo đơn số 4-2012-22020 ngày 02/10/2012 của Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Ma San bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "MICO, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 212348 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng:

+ Về cấu trúc từ ngữ: mặc dù cùng chứa phần tiền tố "MIC nhưng điều này không đủ dẫn đến sự tương tự giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng nhờ vào sự khác biệt đến từ phần hầu tố lặp là "COCO". Phần hậu tố sẽ có tác động mạnh mẽ hơn nhiều so với phần tiền tố vì hậu tố lặp là phần được người tiêu dùng dễ dàng ghi nhớ. Sự khác biệt của thành phần hậu tố lặp thường dẫn đến sự khác biệt về tổng thể giữa các nhãn hiệu. Phần tiền tố phổ biến như "MI" thường chỉ có vai trò thứ yếu trong việc đưa ra kết luận có tương tự hay không giữa hai nhãn hiệu.

+ Về nội dung và ý nghĩa: người tiêu dùng sẽ dễ dàng và có xu hướng ghi nhớ cả nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng vì đều là những từ tự đặt, không có nghĩa. Do đó, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là những từ riêng độc đáo và có thể phân biệt.

+ Về âm tiết và phát âm: nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /mi co co/ khác biệt với nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /mi co/. Đối với các nhãn hiệu có âm tiết lặp thì âm tiết lặp này chính là điểm mạnh trong phát âm có tác động mạnh hơn đến nhận thức của người tiêu dùng. Đặc biệt, nhãn hiệu đối chứng có chữ "O" cách điệu tới mức người tiêu dùng có thể nhận định là chữ "e" hoặc không phải là chữ cái thông thường và phát âm nhãn hiệu đối chứng thành /mic/.

+ Về cấu trúc và hình thức thể hiện: nhãn hiệu đăng ký được thể hiện dưới dạng chữ thường, trong khi nhãn hiệu đăng ký thể hiện dạng màu và chữ cách điệu, đặc biệt là chữ "O" dễ bị ghi nhận là "e". Do đó, về mặt thị giác, có thể thấy nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt rõ ràng với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "MICOCO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29, 30 và 32 trùng phần chữ "MIC" với nhãn hiệu đối chứng "MIC O, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 212348 nhưng có khác biệt ở hai ký tự cuối (CO) so với nhãn hiệu đối chứng. Đồng thời, phần chữ là "MICOCO" trong nhãn hiệu đăng ký là từ tự đặt, không có nghĩa, tạo ra cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "MIC O, hình". Do đó, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2012-22020 ngày 02/10/2012, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 51342/QĐ-SHTT ngày 28/08/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-22020 ngày 02/10/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-22020 ngày 02/10/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Ma San (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136884/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Chr. Hansen A/S
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00731 ngày 13/7/2017 của Chr. Hansen A/S; địa chỉ: Boge Allé 10-12, DK-2970 Horsholm, Denmark; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1259993 ngày 28/05/2015 theo Thông báo số 2015/31 VTB14 ngày 04/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4531/BC-TTKN

ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Chr. Hansen A/S với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CHR. HANSEN BB-12" theo ĐQT số 1259993 ngày 28/05/2015 bị tạm thời từ chối bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 tại Việt Nam vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "HANSEN THẬN BẢO NAM HẢI (hình)" theo GCNĐKNH số 201573 và nhãn hiệu đối chứng "HANSEN THAN BAO NAM HAI" theo GCNĐKNH số 159090. Người khiếu nại đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm trong nhóm 05 với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng về mặt cấu trúc tổng thể, cách trình bày, yếu tố cấu thành, ấn tượng thị giác và thính giác.

- Sản phẩm đăng ký hoàn toàn khác biệt với sản phẩm mang các nhãn hiệu đối chứng về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh phân phối.

- Yếu tố "HANSEN" trong nhãn hiệu đăng ký là một thành phần chính và có tính phân biệt cao trong tên thương mại (Chr. Hansen A/S) của người khiếu nại, đã đạt tính phân biệt cao thông qua quá trình sử dụng rộng rãi và lâu dài từ năm 1874 cho các sản phẩm trong nhóm 05 trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu có chứa yếu tố "HANSEN" của người khiếu nại đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới. Các nhãn hiệu có chứa yếu tố "HANSEN" của người khiếu nại đồng tồn tại với các nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm trong nhóm 05 tại Việt Nam.

- Hiện tại các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 201573 và 159090 thuộc nhóm 05 đã hết hiệu lực quá 3 năm. Như vậy, các nhãn hiệu đối chứng này sẽ không còn phù hợp để làm đối chứng ngăn cản việc đăng ký bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký.

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1259993 cho nhóm 05.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "CHR. HANSEN BB-12" và các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201573 và 159090 có thành phần chính "HANSEN" trùng về các ký tự và cách phát âm. Đồng thời, các nhãn hiệu nêu trên lại được sử dụng cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 05. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

Tuy nhiên, các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 201573 và 159090 nêu trên đã bị hết hiệu lực từ ngày 10/07/2019 và ngày 08/06/2019 mà không được chủ sở hữu thực hiện thủ tục gia hạn hiệu lực nên không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1259993. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại người người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1259993, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/31 VTB14 ngày 04/8/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259993 ngày 28/05/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1259993 ngày 28/05/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Chr. Hansen A/S (qua Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136885/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Babas Nadi (M) Sdn Bhd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2018-00242 ngày 28/3/2018 của Babas Nadi (M) Sdn Bhd; địa chỉ: Block C, Lot 46911, Taman Perindustrian Selayang, 68100 Batu Caves, Selangor Darul Ehsan, Malaysia; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-04461 theo Quyết định số 93251/QĐ-SHTT ngày 29/12/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4522/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Babas Nadi (M) Sdn Bhd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BABA'S, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-04461 ngày 14/03/2012 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng sau: Nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 35372, 71192, 82785, 82786, 82787 của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Thống Nhất và nhãn hiệu BABA NOVEL (theo GCNĐKNH số 180667) của Novel Commodities S.A. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Người khiếu nại đã tiến hành giới hạn danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký. Việc giới hạn danh mục sản phẩm đã chính thức được ghi nhận theo Thông báo số 10025/TB-SHTT. Cụ thể là, người khiếu nại đã loại bỏ các sản phẩm liên quan đến "bột bánh, bột mì, bột kê và bột gạo" ra khỏi danh mục xin đăng ký nhóm 30. Như vậy, sản phẩm xin đăng ký sau khi giới hạn chỉ còn liên quan đến các sản phẩm là "các loại bột gia vị và bột hỗn hợp gia vị có thành phần chủ yếu là các gia vị như nghệ, rau mùi, thì là, quế, đinh hương, hoa hồi, ớt, tiêu".

- Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng từ 1~5 về mặt tổng thể nhãn hiệu và sản phẩm xin đăng ký sau khi giới hạn khác biệt với sản phẩm "mì ăn liền" trong các nhãn hiệu đối chứng về mặt bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh phân phối.

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng 6 về phát âm, ấn tượng thị giác, tổng thể giữa các nhãn hiệu với nhau và sản phẩm xin đăng ký sau khi giới hạn khác biệt với sản phẩm "gạo" trong nhãn hiệu đối chứng này về mặt bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh phân phối.

- Sự đồng tồn tại của yếu tố "BABA" trong các nhãn hiệu đối chứng của các chủ sở hữu khác nhau cho thấy khi yếu tố này được kết hợp với các thành phần khác nhau có tính phân biệt, các nhãn hiệu này được coi là có tính phân biệt về mặt tổng thể.

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-04461.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

- Khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn".

- Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 180667: Mặc dù nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã hết hiệu lực từ ngày 18/02/2019 và không được gia hạn tại Việt Nam, tuy nhiên, tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 93251/QĐ-SHTT ngày 29/12/2017 về việc từ chối cấp GNCĐKNH, nhãn hiệu đối chứng nêu trên vẫn còn hiệu lực. Do đó, tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 93251/QĐ-SHTT nêu trên, Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là hoàn toàn phù hợp với các quy định pháp luật.

- Đối với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 35372, 71192,82785, 82766, 82787: Phần chữ "BABA'S" trong nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng nêu trên có 4/5 ký tự trùng nhau "B, A, B, A" và có cách phát âm tương tự nhau là /ba/bas/ - /ba/ba/; sự khác nhau ở hình thức thể hiện và ký tự "'s" trong nhãn hiệu đăng ký không đủ để tạo nên sự khác biệt cho nhãn hiệu đăng ký so với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên về cấu trúc và cách phát âm. Mặt khác, các sản phẩm thuộc nhóm 30 mang các nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

Việc loại bỏ một phần sản phẩm ra khỏi danh mục sản phẩm đăng ký được thực hiện trong giai đoạn giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, yêu cầu của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận

thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-04461 ngày 14/03/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 93251/QĐ-SHTT ngày 29/12/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-04461 ngày 14/03/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Babas Nadi (M) Sdn Bhd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Babas Nadi (M) Sdn Bhd (qua Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136886/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1108682 của NGUYEN, TUONG (US) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DTX488

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2013-00751 ngày 28/6/2013 của Ông/Bà NGUYEN, TUONG; địa chỉ: 101132 TYLER CT. WESTMINSTER CA 92683 United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự.

Lý do đình chỉ: Đăng ký quốc tế số 1108682 đã hết hiệu lực từ ngày

06/01/2022 và không được gia hạn tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà NGUYEN, TUONG (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136887/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn số B3080-00494(08) ngày 25/6/2024 của Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam (tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp của Probiotics International Limited) xin rút đơn khiếu nại số KN4-2018-00684.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DTX488

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2018-00684 ngày 29/10/2018 của Probiotics International Limited; địa chỉ: Lopen Head, Somerset, TA13 5JH, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam.

Lý do đình chỉ: Probiotics International Limited (qua Công ty Luật TNHH

ROUSE Việt Nam) có Công văn số B3080-00494(08) ngày 25/6/2024 xin rút đơn khiếu nại số KN4-2018-00684.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Probiotics International Limited (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136889/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BIOFARMA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00082 ngày 25/01/2017 của BIOFARMA; địa chỉ: 50 rue Carnot, F-92284 SURESNES CEDEX (FR); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1270014 theo Thông báo số 2015/41 NNL05 ngày 13/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4361/BC-

TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BIOFARMA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký 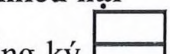 ("Hình") theo Đơn quốc tế (ĐQT) số 1270014 bị từ chối bảo hộ vì là dấu hiệu hình đơn giản theo quy định tại Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "Hình" theo ĐQT số 1270014 với các lý do sau:

1. Vấn đề khiếu nại: đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại Thông báo từ chối tạm thời số 2015/41 NNL05 ngày 13/10/2016 của Đăng ký nhãn hiệu quốc tế 1270014. Nhãn hiệu xin đăng ký bị từ chối vì bị cho là không có tính phân biệt và không thỏa mãn các yêu cầu bảo hộ quy định tại điều 74.2.a của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt tự thân vì không phải là hình và hình học đơn giản mà là dấu hiệu hình có khả năng phân biệt tự thân. Bên cạnh đó, nhãn hiệu xin đăng ký đã được sử dụng rộng rãi cho sản phẩm yêu cầu đăng ký và người tiêu dùng có thể dễ dàng nhận biết nguồn gốc của sản phẩm thông qua nhãn hiệu xin đăng ký.

- Nhãn hiệu xin đăng ký là dấu hiệu hình bao bồm hai hình chữ nhật được xếp cạnh nhau theo chiều dọc từ trên xuống dưới, trong đó, hình chữ nhật bên trên có chiều rộng lớn hơn, còn hình chữ nhật bên dưới có chiều rộng nhỏ hơn. Cả hai hình chữ nhật này đều có nền màu trắng và được viền quanh bởi một đường viền đậm màu xanh dương có mã màu là Pantone 280. Nhãn hiệu xin đăng ký là sự kết hợp của hai hình chữ nhật và của hai màu là trắng và xanh dương, tạo nên một tổng thể có khả năng phân biệt như thể hiện trên mẫu nhãn hiệu.

- Trên thực tế, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp đăng ký cho một loạt nhãn hiệu có cấu trúc tương tự như nhãn hiệu xin đăng ký như:  (GCNĐKNH số 271179),  (ĐKNH số 274821),  (ĐKNH số 267326).

- Nhãn hiệu xin đăng ký đã được sử dụng liên tục làm bao bì của sản phẩm thuốc DAFLON tại Việt Nam và trên thế giới kể từ năm 1993 khi lần đầu tiên DAFLON được tung ra thị trường.

2. Kiến nghị: người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt đối với các sản phẩm được chỉ định thuộc nhóm 5. Do vậy, người nộp đơn kính đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại Thông báo từ chối tạm thời số 2015/41 NNL05 ngày 13/10/2016 và chấp nhận bảo hộ cho Đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1270014 cho nhãn hiệu 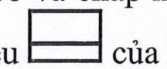 của BIOFARMA tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp

các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "Hình" được mô tả là "bao gồm hai hình chữ nhật có chiều rộng khác nhau được giới hạn bởi đường viền màu xanh (mã màu là Pantone 280)" bị coi là dấu hiệu hình và hình học đơn giản không có bất kỳ đặc điểm phân biệt nào, không tạo được khả năng phân biệt đối với người tiêu dùng.

- Các tài liệu để chứng minh nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi không cụ thể và không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1270014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/41 NNL05 ngày 13/10/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1270014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, BIOFARMA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BIOFARMA (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136890/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Bata Brands SA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2015-00837 ngày 17/9/2015 của Bata Brands SA; địa chỉ: Avenue d'Ouchy 61 CH-1006 Lausanne (CH); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1189721 theo Thông báo số 2014/20 NDT12 ngày 23/5/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4360/BC-

TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Bata Brands SA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "TOMY TAKKIES" đăng ký theo ĐQT số 1189721 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "TOMMY JEANS" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký (GCNĐKNH) số 9834 và nhãn hiệu "TOMMY HILFIGER" bảo hộ theo GCNĐKNH số 9833. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "TOMY TAKKIES" theo đơn số ĐQT số 1189721 với lý do sau:

Chủ các nhãn hiệu đối chứng là Tommy Hilfiger Licensing LLC (nay là Tommy Hilfiger Licensing B.V.) đã đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "TOMY TAKKIES" đăng ký theo ĐQT số 1189721 cho các sản phẩm thuộc nhóm 25.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "TOMY TAKKIES" và các nhãn hiệu đối chứng "TOMMY JEANS" và nhãn hiệu "TOMMY HILFIGER" mặc dù cùng có phần chữ "TOMY"/ "TOMMY" tương tự nhau, nhưng về tổng thể các nhãn hiệu có khả năng phân biệt tự thân. Đồng thời, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "TOMY TAKKIES" theo ĐQT số 1189721 cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 qua đó loại trừ được khả năng tranh chấp giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1189721, không áp dụng quy định tại các điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/20 NDT12 ngày 23/5/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1189721.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1189721.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Bata Brands SA (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136891/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1258315 của INVISTA Textiles (U.K.) Limited (GB) đã bị hết hiệu lực vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

TTN105

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00924 ngày 03/11/2016 của INVISTA Textiles (U.K.) Limited; địa chỉ: One St. Peter's Square, Manchester M2 3DE, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ

HA VIP.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế hết hiệu lực từ ngày 23/9/2019 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và INVISTA Textiles (U.K.) Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136892/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1176173 của AURA LIGHT INTERNATIONAL AB (SE) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

TTN105

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2015-00452 ngày 19/5/2015 của AURA LIGHT INTERNATIONAL AB; địa chỉ: Vretenvägen 2 SOLNA SE-171 54 (SE); đại diện bởi: Công ty TNHH Ban Ca.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế hết hiệu lực từ ngày 27/5/2023 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và AURA LIGHT INTERNATIONAL AB (qua Công ty TNHH Ban Ca) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136893/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần tập đoàn Sao Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2012-00074 ngày 08/02/2012 của Công ty cổ phần tập đoàn Sao Việt Nam; địa chỉ: Phòng 903, tầng 9, toà nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2009-15740 theo Quyết định số 47894/QĐ-SHTT ngày 23/11/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4383/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần tập đoàn Sao Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ các điểm e, h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "V-STAR VIETNAM STAR GROUP, hình" theo Đơn số 4-2009-15740 cho các sản phẩm thuộc nhóm 06, 35, 36, 37, 39, 41, 43 và 45 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "V-STAR, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 116163, nhãn hiệu "VISTAR, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 124413, nhãn hiệu "VIETNAM STAR TOUR, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 18315, nhãn hiệu "SAO VIỆT, SAO VIET, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 39467, nhãn hiệu "VIETSTAR, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 60690, nhãn hiệu "SAOVIET, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 60691, nhãn hiệu "SAO VIỆT, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 67131, nhãn hiệu "SAOVIET, CONSTRUCTION ENGINEERING, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 82045, nhãn hiệu "SAOVIET, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 107740, nhãn hiệu "LUẬT SAO VIỆT, VIET STAR LAW, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 149892, nhãn hiệu "VIET STAR, hình" đơn số 4-2007-26255 và nhãn hiệu "SAO VIỆT" theo đơn số 4-2007-22846. Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu "V-STAR VIETNAM STAR GROUP, hình" theo Đơn số 4-2009-15740 với lý do:

Nhãn hiệu "V-STAR VIETNAM STAR GROUP, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-15740 đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam dưới tên Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Việt Nam.

Công ty cổ phần Sao Việt Nam được thành lập từ năm 2005 và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/04/2005 với các ngành nghề kinh doanh là: kinh doanh bất động sản; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; đầu tư tài chính; đại lý vận tải biển; vận tải container đường bộ và đường thủy; kinh doanh thương mại; nạo vét luồng vào cảng sông, cảng biển, cầu cảng, trụ, triền, phun hút, tạo bãi... Hiện tại Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Việt Nam có 5 Công ty thành viên và 2 Công ty liên kết, cụ thể như sau:

a. 5 Công ty thành viên của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Việt Nam:

(i) Công ty cổ phần vận tải biển và Logistics Việt Nam, Số 14 dãy B10 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

(ii) Công ty cổ phần thương mại Sao Việt Nam, 9B Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

(ii) Công ty cổ phần thương mại Hachimex, Số 50 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng;

(iv) Công ty cổ phần Điện Biên, 50 Điện Biên Phủ, Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng;

(v) Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng đường thủy, Số 8B Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

b. 2 Công ty liên kết của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Việt Nam:

(i) Công ty cổ phần bất động sản Vinalines, Lầu 2, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội;

(ii) Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu súc sản gia cầm HP, Số 16 Cù Chính Lan, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Đặc biệt vào tháng 09 năm 2011, Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Việt Nam đã được Tổ chức Guardian Independent Certification (thành viên của tổ chức chứng nhận quốc tế UKAS) trao chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 cho các nghiệp vụ kinh doanh bất động sản.

Với uy tín và sự lớn mạnh của mình, Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Việt Nam đã và đang triển khai một số dự án bất động sản tại các tỉnh thành lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, điển hình như:

- Khu đô thị sinh thái Sông Cà Lồ (Hà Nội)
- Khu đô thị sinh thái Holyland (Hải Phòng)
- Khu đô thị sinh thái Tuần Hoàn Cổ Mã (Vân Phong-Khánh Hòa)
- Dự án căn hộ cao cấp The Blue Star (Hồ Chí Minh)
- Khu Công nghiệp Vạn Thắng (Khánh Hòa)

Cùng với sự phát triển của mình, nhãn hiệu xin đăng ký "V-STAR VIETNAM STAR GROUP, hình" đã được Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Việt Nam sử dụng rộng rãi trên trang web và trên các tài liệu của Công ty cũng như trên các dự án của Công ty ở khắp các tỉnh thành trên cả nước. Do vậy, nhãn hiệu xin đăng ký "V-STAR VIETNAM STAR GROUP, hình" đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi này.

2. "V", "Star", "Sao" và "Việt" là các dấu hiệu được sử dụng chung và không thuộc độc quyền của bất kỳ chủ thể nào.

Trên thực tế, "V", "Star", "Sao" và "Việt" là các dấu hiệu sử dụng chung, đã được sử dụng kết hợp với các dấu hiệu khác để tạo thành nhãn hiệu và cùng được bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm/dịch vụ trùng hoặc tương tự về bản chất và chức năng dưới tên các chủ thể khác nhau.

3. Nhãn hiệu "V-STAR VIETNAM STAR GROUP, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-15740 có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng trên cơ sở sự khác biệt về hình thức tổng thể nhãn hiệu.

Dấu hiệu "V-STAR VIETNAM STAR GROUP, hình" là một tổng thể bởi sự kết hợp của dòng chữ "VIETNAM STAR GROUP" viết in hoa màu xanh

dương, có nghĩa là "Tập đoàn Sao" và là tên công ty. Bên trên là hình quả địa cầu màu xanh dương vẽ cách điệu với dòng chữ "V-STAR" màu vàng viết in hoa đặt trong một hình chữ nhật nền màu xanh dương và hình chữ nhật này đặt ngang trên quả địa cầu. Tất cả các dấu hiệu chữ và hình kết hợp như nêu trên tạo nên một nhãn hiệu mang tính sáng tạo của người nộp đơn, nhờ đó mà nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt riêng về ấn tượng về thị giác và cảm quan đối với người tiêu dùng, cụ thể được thể hiện như sau:

VIETNAM STAR GROUP

Nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng về ấn tượng thị giác đối với hình thức tổng thể nhãn hiệu, cụ thể như sau:

- Nhãn hiệu đối chứng 1 V-STAR là nhãn hiệu kết hợp giữa dòng chữ "V-STAR" (là các dấu hiệu sử dụng chung, không có khả năng phân biệt) in hoa màu xanh dương với chữ cái V được viết to hơn và phía trên là hình các dấu chấm nhỏ màu đỏ được sắp xếp thành hình một chữ cái V cách điệu. Nhãn hiệu có hình thức tổng thể hoàn toàn khác với nhãn hiệu xin đăng ký.

- Nhãn hiệu đối chứng 2 gồm từ VISTAR viết in hoa màu đỏ (khác biệt với dấu hiệu chữ "V-STAR" của nhãn hiệu đăng ký), và từ VISTAR này được đặt trong một hình tròn màu trắng cách điệu và hình tròn này lại được đặt trong một hình vuông màu đỏ. Nhãn hiệu này có hình thức tổng thể hoàn toàn khác với nhãn hiệu xin đăng ký.

- Nhãn hiệu đối chứng 3 gồm phần chữ "VIETNAM STAR TOUR" viết in hoa và phía trên dòng chữ này là hình ngôi sao vẽ cách điệu. Tất cả các thành phần này được đặt trong một hình tròn.

- Nhãn hiệu này có hình thức tổng thể hoàn toàn khác với nhãn hiệu xin đăng ký. Đối với phần chữ "VIETNAM STAR TOUR" của nhãn hiệu, thành phần này mang tính mô tả và chứa các dấu hiệu được sử dụng chung nên không được coi là đối chứng đối với phần chữ V-STAR và VIETNAM STAR GROUP của nhãn hiệu xin đăng ký.

- Tương tự như vậy, các nhãn hiệu đối chứng 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 cùng chứa dấu hiệu được sử dụng chung "Sao", "Star" và "Viet", và các dấu hiệu này không thể được coi là đối chứng đối với phần chữ V-STAR và VIETNAM STAR GROUP của nhãn hiệu xin đăng ký. Các nhãn hiệu này có khả năng phân biệt với nhãn hiệu xin đăng ký về hình thức tổng thể.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Nhãn hiệu đăng ký "V-STAR VIETNAM STAR GROUP, hình" và các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 116163 và GCNĐKNH số 124413 đều có chung phần chữ "V-STAR"/"V-STAR"/"VISTAR" có cách phát âm và thể hiện giống nhau, cùng áp dụng cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, 36 và 37, nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc dịch vụ.

- Phần chữ "VIETNAM STAR GROUP" đối với các sản phẩm, dịch vụ nhóm 19, 35, 36, 37, 39, 41, 43, 45 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 18315;

- Phần chữ "SAO VIỆT" bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 39467, 60690, 60691, 67131;

- Phần chữ "SAOVIET" bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 82045, GCNĐKNH số 107740, 149892; đơn số 4-2007-22846;

- Phần chữ "VIET STAR" tương tự với nhãn hiệu theo đơn số 4-2007-26255.

b. Các tài liệu do người nộp đơn cung cấp để chứng minh nhãn hiệu đã được thừa nhận và sử dụng rộng rãi chưa đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại các điểm e, h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2009-15740 ngày 29/07/2009 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 47894/QĐ-SHTT ngày 23/11/2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-15740 ngày 29/07/2009.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần tập đoàn Sao Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần tập đoàn Sao Việt Nam (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136894/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ildong Foodis Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

TTN105

Xét đơn số KN4-2025-00035 ngày 17/01/2025 của Ildong Foodis Co., Ltd.; địa chỉ: 77, Guuigangbyeon-ro, Gwangjin-gu, Seoul, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-22258 theo Quyết định số 122315/QĐ-SHTT.IP ngày 21/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4455/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ildong Foodis Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "TRUEMOM" theo đơn số 4-2019-22258 tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "TRUEMUM" bảo hộ theo GCNĐKNH số 213219 và nhãn hiệu "TH true MOM, hình" theo GCNĐKNH số 242403 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu
"TRUEMOM" theo đơn số 4-2019-22258 với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đối chứng 2 "TH true Mom, hình" theo ĐKNH số 242403 của Công ty sữa TH đã chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 05/09/2023 vì chủ sở hữu không tiến hành thủ tục gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo kết quả điều tra của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại thuộc Bộ Công Thương, không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "TH true Mom, hình" theo ĐKNH số 242403 của Công ty sữa TH tại Việt Nam trong vòng 5 năm liên tục trước ngày hết hạn hiệu lực của ĐKNH nêu trên, cụ thể là từ ngày 05/09/2018 đến ngày 05/09/2023 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 tại Việt Nam.

Do đó, không có khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký "TRUEMOM" theo đơn nhãn hiệu số 4-2019-22258.

Một trong những điều kiện để nhãn hiệu được đăng ký và bảo hộ là đảm bảo rằng nhãn hiệu không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng với các nhãn hiệu đã được đăng ký trước đó trong thương mại. Khi nhãn hiệu đối chứng 2 "TH true Mom, hình" không còn được sử dụng 5 năm liên tục, có nghĩa là nhãn hiệu đã đăng ký không được tiếp xúc và nhận biết trong các hoạt động thương mại, quảng cáo, hoặc sản phẩm hàng ngày trong một thời gian dài.

Khi nhãn hiệu không còn xuất hiện trên thị trường, khả năng gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu khác không thể xảy ra. Chính vì thế, việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "TRUEMOM" sẽ hoàn toàn không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, vì không còn nhãn hiệu đối chứng trong thương mại.

Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định rằng nhãn hiệu không được sử dụng trong năm năm liên tục mà không có lý do chính đáng sẽ bị chấm dứt hiệu lực. Điều này có thể xem như là nhãn hiệu đối chứng 2 "TH true Mom, hình" thuộc trường hợp bị chấm dứt hiệu lực tại thời điểm hết hạn hiệu lực vì không sử dụng trong 5 năm liên tục trước thời điểm đó. Như vậy cũng đảm bảo sự công bằng và

không gây cản trở cho những người khác được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tương tự vì khả năng gây nhầm lẫn không xảy ra.

Do đó, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại rằng nhãn hiệu đối chứng 2 "TH true Mom, hình" không còn là đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký vì tương tự về cấu trúc, phát âm, ý nghĩa, bản chất sản phẩm và kênh thương mại, nên nhãn hiệu đăng ký "TRUEMOM" hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 2 "TH true Mom, hình", và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 74.2.e Luật SHTT.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "TRUEMUM" theo GCNĐKNH số 213219

Do trong Quyết định số 122315/QĐ-SHTT.ip ngày 21/10/2024 Cục Sở hữu đã trả lời nhãn hiệu đối chứng trên đã bị chấm dứt hiệu lực từ ngày 14/12/2022 nên không còn là đối chứng đối với nhãn hệu đăng ký.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "TH true MOM, hình" theo GCNĐKNH số 242403

Nhãn hiệu đăng ký "TRUEMOM" và nhãn hiệu đối chứng "TH true MOM, hình" có phần chữ "TRUEMOM"/"true MOM" trùng nhau cả về cấu tạo từ, phát âm và ý nghĩa, cụ thể: "TRUE" có nghĩa là "sự thật, thật", "MOM" là "mẹ, người mẹ". Đồng thời, sản phẩm mà các nhãn hiệu áp dụng tuy xếp vào các nhóm khác nhau theo Bảng phân loại hàng hóa Ni-xơ nhưng đều có bản chất giống nhau, chung đối tượng tiêu dùng và kênh phân phối, cụ thể nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 05: Thực phẩm cho em bé được làm từ các sản phẩm nông nghiệp; thực phẩm cho em bé được làm từ các sản phẩm động vật sống; thực phẩm cho em bé được làm từ các sản phẩm thủy sản; sữa bột cho em bé; sữa công thức cho trẻ sơ sinh và nhãn hiệu đối chứng nhóm 29: "Sữa; sản phẩm sữa; đồ uống làm từ sữa (sữa là chủ yếu); sữa khuấy". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

- Tài liệu do người nộp đơn cung cấp về việc nhãn hiệu không được sử dụng chỉ là một nguồn tài liệu dùng để tham khảo không khẳng định về việc nhãn hiệu đó đã không được sử dụng. Bên cạnh đó, nhãn hiệu đối chứng mới hết hiệu lực từ ngày 05/9/2023 và tính đến thời điểm ra Quyết định từ chối chính thức là ngày 21/10/2024 nhãn hiệu đối chứng hết hiệu lực chưa quá 5 năm.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-22258 ngày 19/06/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 122315/QĐ-SHTT.IP ngày 21/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22258 ngày 19/06/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ildong Foodis Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ildong Foodis Co., Ltd. (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136895/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Royalty Bugaboo GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2016-00420 ngày 10/5/2016 của Royalty Bugaboo GmbH; địa chỉ: Schmidgasse 3 CH-6300 Zug, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1235601 Thông báo số 2015/06 VTB16 ngày 01/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4396/BC-TTKN

ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Royalty Bugaboo GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký bugaboo ("bugaboo") theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1235601 tương tự với nhãn hiệu đối chứng "BUGABOO" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 156800 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "bugaboo, hình" theo ĐQT 1235601 với cá lý do sau:

1. Giới hạn danh mục sản phẩm

Để tránh gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, người nộp đơn theo ĐQT nêu trên đã giới hạn danh mục sản phẩm/dịch vụ như sau:

Nhóm 18: Va li; túi mua hàng (có khung và bánh xe), túi (có khung và bánh xe), túi xách tay, túi du lịch, túi đựng đồ dùng chăm sóc em bé, ba lô đựng đồ chăm sóc em bé, túi đựng tã em bé; ô và ô che nắng, địu bằng vải dệt và dây đai dùng để địu em bé; túi và khung đeo dùng để địu em bé, hệ thống hành lý hiện đại.

Nhóm 35: Quản lý kinh doanh và dịch vụ bán lẻ (bao gồm cả việc thực hiện các dịch vụ này qua mạng kết nối điện tử như Internet) trong lĩnh vực: xe cộ, bao gồm xe đẩy, xe đẩy trẻ em, xe bug-gi, xe đạp, xe hẩy chân, xe đạp có toa nhỏ phía sau và ô tô nhỏ dùng để di chuyển khi chơi gôn; bộ phận và phụ tùng cho tất cả các hàng hóa này, không thuộc các nhóm khác, và ghế ngồi cho xe đạp, ghế ngồi cho trẻ em trong ô tô; mái che cho xe đẩy và xe bug-gi, mui cho xe đẩy và xe bug-gi; túi đựng chăn, chăn quấn, tã quấn trẻ sơ sinh; nôi cho trẻ sơ sinh [bộ phận của xe đẩy]; xe đẩy trẻ em; xe ba bánh, xe đẩy đôi; ghế ăn dặm loại cao, ghế ăn dặm dạng tháo lắp, ghế ngồi trẻ em có thể lắp vào bàn; đồ đạc cho trẻ em, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; túi đựng đồ khi di chuyển/túi cho xe đẩy; mái che nắng cho xe đẩy, xe đẩy trẻ em, xe ba bánh, xe đẩy đôi; nôi có mui bằng mây đan, giường cũi, nôi cho trẻ (chẳng hạn như: đồ dùng cho giường, quây cũi và tấm che cũi, tấm trải, chăn, khăn trải giường, tấm bảo vệ cho ga giường, đệm và ga bọc đệm); tấm thay tã lót, miếng đệm thay tã; thảm chơi; túi đựng chăn, chăn quấn, tã quấn cho trẻ em, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; nôi cho trẻ sơ sinh [bộ phận của xe đẩy]; xe đẩy trẻ em; xe ba bánh, xe đẩy đôi; trò chơi và đồ chơi cho trẻ em, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ: bao gồm búp bê, thú bông, thú nhồi bông; cái xúc xắc; đồ chơi có nhạc; đồ chơi, xe đẩy tay đồ chơi, xe đẩy đồ chơi, trò chơi và đồ chơi có tính giáo dục và phát triển cho trẻ em, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; dụng cụ thể dục và thể thao cho trẻ em và trẻ nhỏ, không thuộc các nhóm khác, bao gồm dụng cụ tập thể dục cho trẻ em (ví dụ, đồ chơi có tính thể dục, thảm chơi, xe tập đi, ghế nhún tập đứng, ghế rung cho trẻ, nôi lắc cho trẻ, nôi lắc có thể mang đi

được), xe hẩy chân không có động cơ, xe ô tô nhỏ dùng để di chuyển khi chơi gôn, không có động cơ và bộ phận thay thế cho tất cả các hàng hóa vừa nêu trên. Như vậy, sau khi giới hạn danh mục sản phẩm/dịch vụ như nêu trên, các sản phẩm/dịch vụ còn lại thuộc nhóm 18, 35 khác biệt hoàn toàn với các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng, cụ thể là:

1.1. Nhãn hiệu đăng ký:

Nhóm 18: Va li; túi mua hàng (có khung và bánh xe), túi (có khung và bánh xe), túi xách tay, túi du lịch, túi đựng đồ dùng chăm sóc em bé, ba lô đựng đồ chăm sóc em bé, túi đựng tã em bé; ô và ô che nắng, địu bằng vải dệt và dây đai dùng để địu em bé; túi và khung đeo dùng để địu em bé, hệ thống hành lý hiện đại.

Nhóm 35: Quản lý kinh doanh và dịch vụ bán lẻ (bao gồm cả việc thực hiện các dịch vụ này qua mạng kết nối điện tử như Internet) trong lĩnh vực: xe cộ, bao gồm xe đẩy, xe đẩy trẻ em, xe bug-gi, xe đạp, xe hẩy chân, xe đạp có toa nhỏ phía sau và ô tô nhỏ dùng để di chuyển khi chơi gôn; bộ phận và phụ tùng cho tất cả các hàng hóa này, không thuộc các nhóm khác, và ghế ngồi cho xe đạp, ghế ngồi cho trẻ em trong ô tô; mái che cho xe đẩy và xe bug-gi, mui cho xe đẩy và xe bug-gi; túi đựng chăn, chăn quấn, tã quấn trẻ sơ sinh; nôi cho trẻ sơ sinh [bộ phận của xe đẩy]; xe đẩy trẻ em;…

Bản chất:

- Sản xuất các loại túi xách, đồ dùng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ;
- Dịch vụ quản lý kinh doanh và bán lẻ các loại xe và đồ sơ sinh

Mục đích sử dụng:

- phục vụ nhu cầu đi lại , di chuyển
- phục vụ các nhu cầu của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

Kênh phân phối:

- Cửa hàng bán ô tô, xe máy;
- Cửa hàng đồ sơ sinh

1.2. Nhãn hiệu đối chứng:

- Túi ngủ dùng khi đi cắm trại;
- Lều;
- Quần áo, mũ nón, giày dép (không được xếp vào các nhóm khác)

Bản chất:

- Sản xuất sản phẩm liên quan đến cắm trại ngoài trời (túi ngủ, lều) và quần áo giày dép

Mục đích sử dụng:

- phục vụ nhu cầu cắm trại và may mặc

Kênh phân phối:

- Cửa hàng bán đồ cắm trại;

- Cửa hàng quần áo

2. Chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng đã đồng ý và cho phép chủ ĐQT đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "bugaboo" cho các sản phẩm/ dịch vụ nhóm 18, 35 như nêu tại 1.

Sau khi xem xét, chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng nhận thấy nhãn hiệu xin đăng ký không gây tổn hại đến lợi ích của họ và không có nguy cơ gây nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm với nhãn hiệu đối chứng. Do đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã đồng ý và cho phép chủ ĐQT số 1235601 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu bugaboo cho các sản phẩm/dịch vụ nêu trên thuộc nhóm 18, 35 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Người nộp đơn đã giới hạn lại danh mục sản phẩm thuộc nhóm 18: "Va li; túi mua hàng (có khung và bánh xe); túi (có khung và bánh xe), túi xách tay, túi du lịch, túi đựng đồ dùng chăm sóc em bé, ba lô đựng đồ chăm sóc em bé, túi đựng tã em bé, hộp đựng tã em bé; ô và ô che nắng, địu bằng vải dệt và dây đai dùng để địu em bé và trẻ em; địu em bé và địu trẻ em" và dịch vụ thuộc nhóm 35: "Dịch vụ quản lý kinh doanh thương mại; dịch vụ bán lẻ (bao gồm thông qua các mạng điện tử như Internet) các phương tiện vận chuyển, bao gồm xe đẩy trẻ em, xe bug-gi, xe đạp, xe kéo hàng, xe hẩy chân, rơ moóc cho xe đạp, ô tô nhỏ dùng để di chuyển khi chơi gôn, phụ tùng để thay thế cho tất cả các sản phẩm nêu trên, và ghế cho xe đạp và ghế cho trẻ em, màn che cho xe đẩy trẻ em, mui xe đẩy trẻ em, ghế ngồi ô tô cho trẻ em,..., xe bug-gi, xe ba bánh, xe đẩy đôi dùng cho xe đẩy, ô tô nhỏ dùng để di chuyển khi chơi gôn, không có động cơ và các phụ tùng thay thế, vali, túi mua sắm (có khung và bánh xe), túi (có khung và có bánh xe), túi, va li [hành lý], túi cho trẻ em, túi đựng cho tã và hộp đựng tã, ô và ô che nắng, vai dệt và dây đai bằng vải dệt để địu em bé và trẻ em,..." và đã được WIPO ghi nhận theo Công báo số 2016/25 ngày 30/6/2016.

b. Nhãn hiệu đối chứng "BUGABOO" bảo hộ theo GCNĐKNH số 156800

Nhãn hiệu đăng ký bugaboo ("bugaboo, hình") được trình bày chữ in thường, 2 chữ "O" trong nhãn hiệu được nối với một hình tròn giống chữ "O" của chữ "O" đầu tiên nối xuống khiến người ta liên tưởng là "G" và chữ "O" cuối cùng

nối sang ngang như thành 2 chữ "O", tuy nhiên trên thực tế nhãn hiệu đăng ký "bugaboo, hình" và nhãn hiệu đối chứng "BUGABOO" có cách trình bày khác biệt nhau. Do vậy, về tổng thể các nhãn hiệu có khả năng phân biệt được với nhau.

Bên cạnh đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là Công ty Columbia Sportwear Company (Hoa Kỳ) đã có Thư đồng ý chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "bugaboo, hình" theo ĐQT số 1235601 cho các sản phẩm thuộc nhóm 18 và dịch vụ nhóm 35 Việt Nam mà không có bất kỳ sự khiếu nại nào, qua đó loại trừ được khả năng tranh chấp giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1235601, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/06 VTB16 ngày 01/02/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1235601.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1235601.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Royalty Bugaboo GmbH (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138243/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 504490

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (sau đây gọi là Nghị định số 65/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN);

DTX488

Xét đơn số ĐN4-2024-00360 ngày 31/10/2024 của Công ty TNHH nệm Thắng Lợi, địa chỉ: 83/5 tổ 17, ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 504490, cấp ngày 28/08/2024 cho Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (VN);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 31/10/2024, Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi nộp đơn số ĐN4-2024-

00360 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 504490 với lý do như sau:

- Nhãn hiệu "TLV Việt Thắng Lợi, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 504490 của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 343947 của Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi.

- Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi đã tiến hành thủ tục giám định và có kết luận của Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ với nội dung: Nhãn hiệu "TLV Việt Thắng Lợi, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 504490 có yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi, hình" của Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi.

II. Ý kiến của chủ văn bằng bảo hộ

Ngày 24/12/2024 và 02/4/2025, Cục Sở hữu trí tuệ đã gửi các Công văn số 126635/SHTT-TTKN.IP và 33390/SHTT-TTKN.IP thông báo cho Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - chủ sở hữu GCNĐKNH số 504490 về yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực nêu trên. Ngày 24/6/2025, Cục Sở hữu trí tuệ nhận được Công văn trả lời của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng với nội dung như sau:

- Cho đến ngày 19/6/2025, Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng mới nhận được Công văn số 126635/SHTT-TTKN.IP của Cục Sở hữu trí tuệ. Vì người nộp đơn không nhận được Thông báo nêu trên nên không thể thực hiện quyền phản đối/giải trình của mình trong thời hạn mà Cục Sở hữu trí tuệ đã ấn định.

- Nhãn hiệu "TLV VIỆT THẮNG LỢI, hình" đã đáp ứng đầy đủ điều kiện được bảo hộ theo quy định của pháp luật, cụ thể là: Căn cứ quy định tại Chương VIII Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành hiện nay, để được cấp văn bằng bảo hộ, đơn phải trải qua quá trình thẩm định của Cục Sở hữu trí tuệ bao gồm việc đăng công báo và xem xét các điều kiện bảo hộ, đặc biệt là khả năng phân biệt. Trong suốt quá trình thẩm định và đăng công báo, không có bất kỳ sự phản đối nào từ bất kỳ cá nhân/cơ quan tổ chức trước khi được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 504490. Do đó, việc Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi cho rằng nhãn hiệu của người nộp đơn không đáp ứng điều kiện được bảo hộ theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ" là không có cơ sở.

- Về phần chữ: Nhãn hiệu "TLV VIỆT THẮNG LỢI, hình" là một cụm từ ngắn gọn, độc đáo, với các yếu tố phân biệt mạnh là "TLV" và "VIỆT". Trong khi nhãn hiệu "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi" của Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi là một cụm từ có cấu trúc phức tạp, dài, bao gồm cả chữ cái ("V"),

câu slogan bằng tiếng Anh ("Your happiness is our Victory") và cụm từ mô tả ("Nệm Thắng Lợi"). Như vậy, có thể thấy rõ hai nhãn hiệu có sự khác biệt rất lớn về cấu trúc, độ dài, ngôn ngữ (Việt - Anh) và cách phát âm, không gây nhầm lẫn hoặc có dấu hiệu nhầm lẫn trong bất kỳ trường hợp nào.

- Về phần hình: Phần hình của nhãn hiệu "TLV VIỆT THẮNG LỢI, hình" là hình dấu tick (v) được cách điệu, bên trong có chữ "TL". Biểu tượng này mang ý nghĩa về sự "đạt chuẩn", "chất lượng được công nhận". Phần hình trong nhãn hiệu đối chứng "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi" được tạo bởi hai chiếc lá, mang ý nghĩa về sự "tự nhiên" hoặc "victory" (chiến thắng).

- Như vậy, có thể thấy cả phần chữ và phần hình trong hai nhãn hiệu nêu trên hoàn toàn khác nhau về ý tưởng thiết kế, phong cách và thông điệp truyền tải của chủ sở hữu đến người tiêu dùng cũng như cách truyền tải thông tin liên quan đến chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất.

- Về tổng thể nhãn hiệu và ấn tượng thương mại: Có thể thấy sự kết hợp các yếu tố trong nhãn hiệu "TLV VIỆT THẮNG LỢI, hình" tạo ra ấn tượng về một thương hiệu hiện đại, có tên riêng "TLV Việt" và có sự khẳng định về chất lượng (logo "v"). Ngược lại, nhãn hiệu "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi" lại tạo ra một ấn tượng hoàn toàn khác mang tính mô tả thông điệp về sản phẩm gửi đến người tiêu dùng nhiều hơn. Mặt khác, sự tương đồng duy nhất của hai nhãn hiệu là ở cụm từ "Thắng Lợi" cũng đã bị lu mờ hoàn toàn bởi các yếu tố khác biệt, có khả năng phân biệt cao hơn rất nhiều. Do đó, không có khả năng người tiêu dùng có thể nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu này trên thị trường.

- Theo khoản 5 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ: "Kết luận giảm định là một trong các nguồn chứng cứ để cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết vụ việc. Kết luận giám định không kết luận về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc kết luận về vụ tranh chấp". Như vậy, kết luận giám định mà Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi cung cấp chỉ có giá trị tham khảo chứ không có tính ràng buộc để hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ.

- Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi liệt kê các vụ việc xử phạt đối với các bên thứ ba nhưng không có tài liệu nào chứng minh nhãn hiệu "TLV VIỆT THẮNG LỢI, hình" có liên quan đến các hành vi vi phạm đó.

III. Kết quả xem xét yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

- Điểm b khoản 2 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ quy định "Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực nếu toàn bộ hoặc một phần văn bằng bảo hộ đó không đáp ứng quy định của Luật này về quyền đăng ký, điều kiện bảo hộ,

sửa đổi, bổ sung đơn, bộc lộ sáng chế, nguyên tắc nộp đơn đầu tiên trong các trường hợp sau đây: b) Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ quy định tại Điều 8 và Chương VII của Luật này".

- Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 hoặc bị hủy bỏ hiệu lực theo quy định tại Điều 96 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở so sánh nhãn hiệu "TLV Việt Thắng Lợi, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 504490 của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng và nhãn hiệu đối chứng "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 343947 của Công ty TNHH Nệm Thắng Lợi, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu "TLV Việt Thắng Lợi, hình" là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ, trong đó, phần hình được tạo bởi chữ "V" cách điệu và hình tròn, bên trong hình tròn có chữ "TL" viết in hoa cách điệu; phần chữ "IỆT THẮNG LỢI" được đặt kế tiếp chữ "V" tạo thành dòng chữ "VIỆT THẮNG LỢI" được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi, hình" cũng là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ, trong đó, phần hình được thể hiện bởi hình hai chiếc lá ghép lại với nhau tạo thành chữ "V" cách điệu, phía dưới có dòng chữ tiếng Anh "Your happiness is our Victory" (có nghĩa là "Hạnh phúc của bạn là chiến thắng của chúng tôi") với cỡ chữ nhỏ và "NỆM THẮNG LỢI" được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa cách điệu với cỡ chữ lớn hơn. Khi so sánh hai nhãn hiệu nêu trên, có thể thấy cả hai nhãn hiệu đều được thể hiện bởi màu xanh lá cây và trắng, đều có phần chữ "V" với kích thước lớn, chiếm vị trí chủ đạo trong nhãn hiệu và có hình thức thể hiện tương tự nhau. Đồng thời, phần chữ của hai nhãn hiệu đều bao gồm ba âm tiết, trong đó, âm tiết đầu tiên "NỆM" trong nhãn hiệu "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi, hình" là tên gọi của sản phẩm nên không có khả năng

phân biệt; âm tiết đầu tiên "VIỆT" trong nhãn hiệu "TLV Việt Thắng Lợi, hình" thường khiến người tiêu dùng cho rằng sản phẩm đó của Việt Nam nên có khả năng phân biệt yếu. Phần chữ còn lại "THẮNG LỢI" được coi là thành phần chính tạo nên khả năng phân biệt trong hai nhãn hiệu nêu trên lại trùng về cấu trúc và cách phát âm. Như vậy, trong hai nhãn hiệu nêu trên, phần hình tương tự về hình thức thể hiện, phần chữ tương tự về cấu trúc và cách phát âm. Do đó, xét tổng thể, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Hai nhãn hiệu nêu trên đều được đăng ký cho sản phẩm trùng nhau là "đệm (nệm)" thuộc nhóm 20.

Như vậy, nhãn hiệu "TLV Việt Thắng Lợi, hình" và nhãn hiệu đối chứng "V Your happiness is our Victory Nệm Thắng Lợi, hình" có sự tương tự về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện, trong khi lại sử dụng cho sản phẩm trùng nhau "đệm (nệm)" nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm rằng hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc hoặc là biến thể của nhau. Do đó, căn cứ quy định tại điểm c(i) khoản 8 Điều 26 Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

Từ các nhận định và đánh giá trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng yêu cầu của Công ty TNHH nệm Thắng Lợi về việc hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 504490, cấp ngày 28/08/2024 cho Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm b khoản 2 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 504490, cấp ngày 28/08/2024 của Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng theo yêu cầu của Công ty TNHH nệm Thắng Lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 504490, cấp ngày 28/8/2024 cho Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (VN) theo yêu cầu của Công ty TNHH nệm Thắng Lợi.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (Địa chỉ: 310/10 khu phố 6 Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại: 0903018007) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH nệm Thắng Lợi; địa chỉ: 83/5 tổ 17, ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139044/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HERBACIN COSMETIC GMBH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2017-00540 ngày 05/5/2017 của HERBACIN COSMETIC GMBH; địa chỉ: 1, Kahlenberger Strasse, 99848 WUTHA-FARNRODA, Germany; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 609475 theo Thông báo số 2016/04 NTH45 ngày 19/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4374/BC-

TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HERBACIN COSMETIC GMBH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu Herbacin theo ĐQT số 609475 bị từ chối bảo hộ đối với tất cả các sản phẩm thuộc các nhóm 09 tại Việt Nam với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu HERBATINT theo ĐKQT số 1210740 của Antica Erboristeria S.p.A. (nhãn hiệu đối chứng 1), và nhãn hiệu Yerbasin theo ĐKQT số 1201474 của Drossapharm AG (nhãn hiệu đối chứng 2) theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký trên cơ sở những lý do dưới đây:

- Nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng về dấu hiệu nhãn hiệu:

Về phát âm: trong tiếng Việt, nhãn hiệu xin đăng ký được phát âm là /hơ-ba-kin/. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng 1 được phát âm là /hơ-ba-tin/ và nhãn hiệu đối chứng 2 được phát âm là /Ơ-ba-sin/. Việc phát âm giữa các nhãn hiệu khác nhau sẽ tạo ra sự khác biệt rõ rệt về ấn tượng thính giác.

- Thành phần "Herba" là thành phần đã được đồng bảo hộ đồng thời trong nhiều nhãn hiệu đăng ký các sản phẩm thuộc nhóm 03

"Herba" có thể được hiểu là bắt nguồn từ "herbaceous" (trong tiếng Việt có nghĩa là: "(thuộc) cỏ, (thuộc) thảo mộc; dạng cỏ, dạng thảo mộc"). Qua tra cứu sơ bộ trên cơ sở dữ liệu trực tuyến của Cục SHTT, người khiếu nại nhận thấy thành phần này được sử dụng làm thành phần tiền tố và trung tố trong nhiều nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 (cũng như nhiều nhóm sản phẩm/dịch vụ khác có liên quan) và các nhãn hiệu này đã được đồng bảo hộ tại Việt Nam như HERBALIFE theo GCNĐKNH số 72611 cho các sản phẩm nhóm 03 và 05, "HERBALIFE, hình" theo GCNĐKNH số 174277 cho các sản phẩm/dịch vụ nhóm 03, 05, 30, 32, 35, 41 và 44, nhãn hiệu "HERBADERM" theo GCNĐKNH số 669882 cho các sản phẩm nhóm 03 và 05, "HERBATINT" theo ĐKQT số 1210740 cho các sản phẩm nhóm 3, "HERBACOYUSA" theo GCNĐKNH số 230436 cho các sản phẩm/dịch vụ nhóm 03 và 35... Do đó, thành phần "herba" có thể được xem là thành phần yếu, không có khả năng phân biệt trong nhãn hiệu đăng ký cho nhóm 03 (cũng như là các nhóm sản phẩm/dịch vụ khác có liên quan).

Tổng thể của nhãn hiệu xin đăng ký "Herbacin" (là sự kết hợp giữa thành phần được sử dụng chung "herba" và hậu tố "cin") hoàn toàn có khả năng phân biệt với tổng thể của nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1210740 "HERBATINT" (nhãn hiệu đối chứng 1) (là sự kết hợp giữa thành phần được sử dụng chung "herba" và hậu tố "tint") bởi sự khác biệt rõ rệt trong thành phần hậu tố của hai nhãn hiệu đang so sánh.

- Nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 1 đã đồng tồn tại tại nhiều quốc gia trên thế giới (đặc biệt là các quốc gia thuộc Cộng đồng Châu Âu)

Nhãn hiệu xin đăng ký "Herbacin" của HERBACIN COSMETIC GMBH và nhãn hiệu đối chứng số 1210740 "HERBATINT" (nhãn hiệu đối chứng 1) của Antica Erboristeria S.p.A. cùng được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có nhiều quốc gia nói tiếng Anh, bao gồm: 28 quốc gia thuộc Cộng đồng Châu Âu, Mỹ, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ, Phi-lip-pin, Thụy Sĩ, Trung Quốc, Morocco, Liên bang Nga, Serbia, Ukraine, Singapore và Na-uy. Đặc biệt là, cả nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 1 đều đã được bảo hộ tại I-ta-li (là nước xuất xứ của nhãn hiệu đối chứng 1) và Đức (là nước xuất xứ của nhãn hiệu xin đăng ký).

- Hai nhãn hiệu nêu trên đã cùng tồn tại trong một thời gian rất dài, ít nhất là 25 năm, tại thị trường Châu Âu, và người tiêu dùng tại các quốc gia này (bao gồm nhiều quốc gia nói tiếng Anh) đều có khả năng phân biệt rõ ràng nhãn hiệu của hai Công ty, không có khả năng nhầm lẫn nhãn hiệu này là của Công ty kia và ngược lại. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cũng đã cấp thư đồng ý, đồng ý cho Người khiếu nại đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1201474 "Yerbasin" (nhãn hiệu đối chứng 2) đã đồng tồn tại ở một số quốc gia trên thế giới:

Hai nhãn hiệu đã cùng được bảo hộ tại một số quốc gia như Phi-lip-pin và Singapore.

Nhãn hiệu xin đăng ký cũng đã được bảo hộ tại Thụy Sĩ – nước xuất xứ của nhãn hiệu đối chứng 2.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn

hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Herbacin" theo ĐQT số 609475 và nhãn hiệu đối chứng "HERBATINT" có chung tiền tố "Herba-", khác biệt phần hậu tố "-cin" (đọc là /xin/ và "-TINT" (phát âm là /tint/. Tiền tố "Herba-" đã được sử dụng phổ biến cho các sản phẩm thuộc nhóm 03. Vì vậy, hai nhãn hiệu so sánh nêu trên có cấu trúc, phát âm khác nhau sẽ không tương tự gây nhầm lẫn khi sử dụng cho cùng loại sản phẩm thuộc nhóm 03.

Về nhãn hiệu đối chứng "Yerbasin" so sánh với nhãn hiệu đăng ký "Herbacin", chúng khác biệt ký tự đầu tiên "Y" so với "H"; khác biệt về cấu trúc và phát âm. Ngoài ra, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng "Yerbasin" đã đồng ý đối với việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu "Herbacin" tại Việt Nam cho sản phẩm thuộc nhóm 03. Do đó, đề nghị trong đơn khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 609475, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/04 NTH45 ngày 19/01/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 609475.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 609475.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế,

Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HERBACIN COSMETIC GMBH (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139046/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Protector Alsafe Pty Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2017-00382 ngày 28/3/2017 của Protector Alsafe Pty Ltd.; địa chỉ: Level 11, 40 The Esplanade, PERTH 6000 Western Australia, Australia; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-21317 theo Quyết định số 85669/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4631/BC-

TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Protector Alsafe Pty Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2014-21317 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì mang tính mô tả sản phẩm, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký "PROSAFE" có khả năng phân biệt tự thân và hoàn toàn có thể thực hiện chức năng của một nhãn hiệu. "PROSAFE" là từ tự đặt độc đáo, không có nghĩa, không xuất hiện trong bất kỳ từ điển nào và do vậy "PROSAFE" không có khả năng gợi dẫn cho người tiêu dùng đến một khái niệm nào. "PROSAFE" không mang tính mô tả sản phẩm: "PROSAFE" không phải là dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả các sản phẩm đăng ký ở các nhóm 09, 17, 21 và cũng không phải là dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc mang tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng công dụng….của các sản phẩm này. Nhãn hiệu đã được chấp nhận đăng ký tại nhiều nước trong đó có một số nước sử dụng tiếng Anh như Australia, New Zealand, Nam Phi mà không hề vấp phải sự từ chối nào của các cơ quan đăng ký nhãn hiệu tại các quốc gia này vì không có khả năng phân biệt tự thân. Điều đó càng cho thấy nhãn hiệu đăng ký "PROSAFE" vốn là từ tự đặt độc đáo, hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân và có thể thực hiện chức năng của một nhãn hiệu.

- Thứ hai, thực tiễn bảo hộ đối với các nhãn hiệu gợi dẫn (suggestive marks) tại Việt Nam. Nhiều nhãn hiệu được cấu tạo bởi các thành phần mang tính chất gợi dẫn/ chỉ thành phần hoặc công dụng/đặc tính của sản phẩm đã được chấp nhận bảo hộ, chẳng hạn như: nhãn hiệu SPRAYSAFE (Đăng ký số 83380), VitaminWorld (đăng ký số 144632), DRY-MAX (đăng ký số 102322), Word Pro (đăng ký số 19629), v.v. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký vốn là một từ tự đặt độc đáo cũng phải được coi là có khả năng phân biệt tự thân và đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "PROSAFE" theo đơn số 4-2014-21317 là từ tự đặt, không có nghĩa. Mặc dù là sự sáng tạo độc đáo của người nộp đơn, dễ nhận biết, dễ ghi nhớ nhưng phát âm thành /pro-safe/ là cụm từ có nghĩa "bảo vệ một cách chuyên nghiệp". Cụm từ này mang tính mô tả các sản phẩm theo đơn số 4-2014-21317 bao gồm các sản phẩm dùng cho mục đích bảo vệ, bảo hộ, phòng chống tai nạn. Do vậy, dấu hiệu đăng ký không có khả năng thực hiện chức năng phân biệt của một nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-21317 ngày 10/9/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 85669/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-21317 ngày 10/09/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Protector Alsafe Pty Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Protector Alsafe Pty Ltd. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139047/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Lưu Hoàng Cẩm Tú
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-01070 ngày 03/12/2021 của Ông/Bà Lưu Hoàng Cẩm Tú; địa chỉ: 113 Nguyễn Trãi, khu phố 2, phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; đại diện bởi: Công ty Luật Hợp danh bản quyền Quốc tế (CIS LAW FIRM); khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-22103 theo Quyết định số 79140/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số Số: 4819/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Lưu Hoàng Cẩm Tú với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Thiên Phúc, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-22103 ngày 05/7/2018 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 79140/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 225637 ngày 05/6/2014 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

(i) Quyết định số 79140/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ được ban hành căn cứ vào kết quả thẩm định áp dụng sai pháp luật. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều là nhãn hiệu kết hợp, bao gồm thành phần hình và thành phần chữ, trong đó:

- Xét về phần hình: Phần hình trong hai nhãn hiệu hoàn toàn khác biệt. Phần hình trong nhãn hiệu đăng ký được mô tả đơn thuần là "con chim đang bay", không xác định loài chim và không mang tính mô tả cụ thể. Hình vẽ cách điệu có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, và nếu hình vẽ là chim yến (có tính mô tả), lẽ ra phải bị từ chối bảo hộ theo điểm c khoản 2 Điều 74 Luật SHTT. Tuy nhiên, kết luận từ chối căn cứ theo điểm e khoản 2 Điều 74 (vì nhãn hiệu tương tự nhãn hiệu trước), không nêu lý do mô tả, cho thấy phần hình không bị coi là mô tả.

- Xét về phần chữ: Trong Quyết định số 79140/QĐ-SHTT, phần chữ "Thiên Phúc" được cho là trùng về ý nghĩa với phần chữ tương ứng trong nhãn hiệu đối chứng là chưa thỏa đáng. Tại Công văn số 717/CV-CIS/20' nộp ngày 14/12/2020, người nộp đơn đã trình bày, chứng minh rõ ràng rằng dấu hiệu trong nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt đáng kể với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, nội dung, cách phát âm, ý nghĩa và hình thức thể hiện.

- Xét về mặt ý nghĩa và phát âm của thành tố "Phúc" và "Phước": Từ "Phúc" trong tiếng Việt có nhiều tầng ý nghĩa khác nhau, trong khi đó từ "Phước" chỉ có một ý nghĩa duy nhất, và không bao hàm các nghĩa phong phú, đa tầng như từ "Phúc". Do đó, xét về mặt ý nghĩa, chữ "Phúc" không thể bị coi là trùng với chữ "Phước", mà ngược lại, "Phúc" có phạm vi ngữ nghĩa rộng hơn đáng kể. Về mặt phát âm, kết luận cho rằng "Phước" là cách gọi khác của "Phúc", và người dân miền Nam thường dùng "Phước" thay cho "Phúc" là không đủ căn cứ bởi trong hệ thống tiếng Việt hiện đại, được giảng dạy thống nhất trên toàn quốc, "Phúc" và "Phước" là hai từ hoàn toàn khác nhau về cả hình thức viết lẫn phát âm. Hơn nữa, quyền đối với nhãn hiệu khi được cấp văn bằng

bảo hộ sẽ có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam, không bị giới hạn bởi vùng miền. Do đó, không thể chỉ căn cứ vào thói quen phát âm của một bộ phận dân cư tại một khu vực địa lý cụ thể để đưa ra nhận định chung cho toàn quốc, càng không thể sử dụng yếu tố phát âm mang tính lịch sử để làm căn cứ đánh giá sự tương tự về phát âm giữa hai dấu hiệu trong thời điểm hiện tại.

(ii) Quyết định số 79140/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ có nhận định, kết luận không phù hợp với các tình tiết, chứng cứ của vụ việc. Cụ thể:

- Quyết định số 79140/QĐ-SHTT đã chưa đánh giá một cách toàn diện, khách quan và đầy đủ tổng thể các yếu tố cấu thành hai nhãn hiệu - đặc biệt là các thành phần có khả năng phân biệt rõ ràng về hình thức, nội dung và cách phát âm. Việc chỉ tập trung phân tích một phần chữ riêng lẻ ("Thiên Phước" và "Thiên Phúc"), trong khi bỏ qua các yếu tố khác trong cấu trúc tổng thể của nhãn hiệu đối chứng, như thành phần chữ "Skygift", phần hình, bố cục, cách thiết kế, đã dẫn đến kết luận thiếu thuyết phục rằng hai nhãn hiệu là "tương tự gây nhầm lẫn". Trên thực tế, hai nhãn hiệu không giống hệt nhau, không phải là biến thể của nhau, cũng không tạo được mối liên hệ thị giác hay âm thanh đủ mạnh để khiến người tiêu dùng trung bình tưởng rằng chúng xuất phát từ cùng một chủ thể. Do đó, việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký là không có cơ sở pháp lý và không phù hợp với quy định tại điểm c(i) khoản 39.8 Mục 39 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN.

- Trong Công văn số 717/CV-CIS/20', người nộp đơn còn dẫn chứng 08 trường hợp có tính chất tương tự và kiến nghị việc xem xét một cách toàn diện, hợp lý và thống nhất giữa các vụ việc có tính chất tương đồng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Sau khi xem xét các lập luận của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "Thiên Phúc, hình" bao gồm phần chữ "Thiên Phúc" được thể hiện mềm mại, dễ đọc, dễ nhớ, là thành phần có khả năng phân biệt. Phần chữ này có sự tương đồng cao với phần chữ "Thiên Phước" trong nhãn hiệu đối chứng. Về cấu trúc, các phần chữ đều bao gồm hai thành tố có độ dài tương đương. Về cách phát âm, cả hai cụm từ có âm đầu

giống nhau bắt đầu bằng từ "Thiên", thành tố thứ hai là "Phúc" và "Phước" có âm tiết gần giống nhau. Về ý nghĩa, cả hai đều mang hàm ý tích cực, gợi đến may mắn, tốt lành.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng đăng ký cho sản phẩm yến sào thuộc nhóm 29.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa, đồng thời đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự nhau. Do đó, có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

2.2. Các dẫn chứng của người nộp đơn trong đơn khiếu nại mang tính tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-22103 ngày 05/7/2018 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 79140/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-22103 ngày 05/7/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Lưu Hoàng Cẩm Tú có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Lưu Hoàng Cẩm Tú (qua CIS LAW FIRM) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139049/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 736962 của EJOT GmbH & Co. KG (DE) đã hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực từ ngày 08/6/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DAD778

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2015-01062 ngày 19/11/2015 của EJOT GmbH & Co. KG; địa chỉ: Untere Bienhecke 57334 Bad Lassphe Germany; đại diện bởi: CÔNG TY TNHH DƯƠNG VÀ TRẦN.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế số 736962 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 08/6/2020 và không được gia hạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và EJOT GmbH & Co. KG (qua CÔNG TY TNHH DƯƠNG VÀ TRẦN) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139050/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Lương Thế Hùng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2022-00159 ngày 18/02/2022 của Ông/Bà Lương Thế Hùng; địa chỉ: Số 108, Nguyễn Khuyến, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-21840 theo Quyết định số 105069/QĐ-SHTT ngày 31/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4794/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Lương Thế Hùng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MELAND, hình" trong đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-21840 ngày 17/6/2019 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 105069/QĐ-SHTT ngày 31/12/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 309380, 349376 và 357469 (nhãn hiệu đối chứng) dù đã được Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đồng ý cho phép sử dụng và đăng ký.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký căn cứ theo Thư chấp thuận của Chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng (Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang. Cụ thể:

- Các nhãn hiệu đối chứng là tài sản của Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang, do đó Công ty có quyền định đoạt.

- Việc Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang đồng ý cho người nộp đơn sử dụng và đăng ký phần hình trong nhãn hiệu đăng ký "MELAND, hình" là phù hợp pháp luật.

- Hành vi này không gây nhầm lẫn về nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm đối với người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều có cấu trúc gồm hai phần tách biệt rõ ràng, phần hình được đặt ở phía trên, riêng biệt so với phần chữ nằm ở phía dưới, trong đó các phần hình có mức độ tương đồng đáng kể xét về bố cục, đường nét và cảm nhận thị giác tổng thể.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng (theo Đăng bạ quốc gia số 309380) sử dụng cho các dịch vụ

trùng nhau, bao gồm mua bán, môi giới, cho thuê, quản lý và đại lý cho thuê bất động sản.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc và cảm nhận thị giác tổng thể, đồng thời đăng ký cho các dịch vụ trùng nhau thuộc nhóm 36. Do đó, mặc dù Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng (Công ty cổ phần cà phê Mê Trang) đã có Thư chấp thuận cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng phần hình, tuy nhiên nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn nên Thư chấp thuận này chưa đáp ứng đủ điều kiện để được xem là chứng cứ vượt qua lý do từ chối đối với đơn số 4-2019-21840.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-21840 ngày 17/6/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 105069/QĐ-SHTT ngày 31/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-21840 ngày 17/6/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Lương Thế Hùng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Lương Thế Hùng (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139052/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Logitech International S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2017-00058 ngày 20/01/2017 của Logitech International S.A.; địa chỉ: Les Chatagnis CH-1143 Apples Switzerland (nay là EPFL - Quartier de l'Innovation Daniel Borel Innovation Center CH-1015 Lausanne, Switzerland); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH RHTLAW TAYLORWESSING Việt Nam (nay là Công ty Luật TNHH RHTLAW Việt Nam); khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271836 theo Thông báo số 2015/43 TDH24 ngày 21/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4804/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Logitech International S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LOGI" theo đơn quốc tế số 1271836 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/43 TDH24 ngày 21/10/2016, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 814947 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký khác biệt đáng kể so với nhãn hiệu đối chứng về mặt cấu trúc, ý nghĩa, phát âm và tổng thể các yếu tố. Cụ thể:

- Về phần chữ: Nhãn hiệu đăng ký "LOGI" gồm 4 chữ cái, phát âm thành hai âm tiết "LO-GI" và toàn bộ chữ được trình bày đơn sắc, đơn giản; trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm nhiều chữ cái được viết thành các từ "Network", "Logy", "Net", "Technology", được trình bày bằng màu xanh da trời và màu trắng kết hợp xen kẽ.

- Về ý nghĩa: Từ "LOGI" là một phần trong tên của chủ đơn, không có nghĩa; trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm nhiều yếu tố chữ bao gồm "Network", "Logy", "Net", "Technology", mỗi từ có thể mang hoặc không mang ý nghĩa, trong đó:

"Network" và "Net": có nghĩa là "mạng lưới";

"Technology": có nghĩa là "công nghệ";

"Logy": không có nghĩa.

- Về phần hình: Nhãn hiệu đăng ký không có phần hình; trong khi đó nhãn hiệu đối chứng bao gồm phần hình là một hình tứ giác kích cỡ lớn, nằm ở vị trí chính giữa nhãn hiệu, được trình bày màu trắng và xanh da xen kẽ với phần chữ.

- Về cấu trúc tổng thể: Nhãn hiệu đăng ký chỉ bao gồm duy nhất một yếu tố chữ, không có yếu tố hình, màu sắc hay bố cục đặc biệt. Nhãn hiệu đối có cấu trúc phức tạp hơn bao gồm cả phần hình và phần chữ, phần hình chiếm diện tích lớn, nằm giữa, có màu trắng và xanh, kết hợp với các yếu tố chữ có độ dài khác nhau.

(ii) Nhãn hiệu đăng ký cho nhóm 28 không trùng hoặc gây nhầm lẫn với sản phẩm thuộc nhóm 09 của nhãn hiệu đối chứng. Các sản phẩm nhóm 28 thường phục vụ giải trí, trong khi nhóm 09 thiên về thiết bị khoa học, kỹ thuật, do đó mục đích sử dụng và phân khúc thị trường khác biệt rõ ràng. Vì vậy, người nộp đơn đề nghị xem xét chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký đối với

nhóm sản phẩm 28. Ngoài ra, chủ đơn là doanh nghiệp nước ngoài lớn, hoạt động toàn cầu, có mong muốn phát triển thị trường tại Việt Nam thông qua nhãn hiệu "LOGI". Doanh nghiệp này cũng đã sở hữu nhiều nhãn hiệu nổi tiếng được phân phối rộng rãi tại Việt Nam, đặc biệt là "Logitech". Việc đăng ký nhãn hiệu "LOGI" là cơ hội để mở rộng kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng Việt Nam thông qua các sản phẩm chất lượng cao.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các lập luận của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về dấu hiệu: Trong nhãn hiệu đối chứng "Network Logy Net Technology", phần chữ "Logy" được trình bày với cỡ chữ lớn tách biệt, là yếu tố chính có khả năng phân biệt, trong khi các thành phần khác "Network", "Net" hay "Technology" chỉ mang tính mô tả. Nhãn hiệu đăng ký "LOGI" có cấu trúc gần giống với phần chữ "Logy", đặc biệt trùng hoàn toàn ở ba ký tự đầu "LOG", sự khác biệt giữa "I" và "Y" ở cuối không tạo ra sự phân biệt rõ về mặt cấu trúc. Về phát âm, "LOGI" và "Logy" đều có cách phát âm gần giống nhau trong cả tiếng Việt và tiếng Anh. Về ý nghĩa, cả hai từ đều không mang nghĩa rõ ràng.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký cho sản phẩm thuộc nhóm 28 bao gồm "Thiết bị điều khiển trò chơi video..., tất cả các thiết bị này *được dùng với máy vi tính*" có mối liên quan về chức năng với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 9 bao gồm "máy tính; thiết bị xử lý dữ liệu và *máy vi tính*".

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về mặt cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa, đồng thời được đăng ký cho các sản phẩm có mối liên hệ về chức năng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức có thể gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, khiến người tiêu dùng lầm tưởng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này có cùng một nguồn gốc.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271836 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/43 TDH24 ngày 21/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271836.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Logitech International S.A. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Logitech International S.A. (qua Công ty Luật TNHH RHTLAW Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139053/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của KATAOKA & CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00249 ngày 17/3/2021 của KATAOKA & CO., LTD.; địa chỉ: 21-6, Shimbashi 6-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-08037 theo Quyết định số 111124/QĐ-SHTT ngày 30/12/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4787/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của KATAOKA & CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DRIP COFFEE MON CAFÉ, hình" theo đơn đăng kỹ nhãn hiệu số 4-2017-08037 ngày 31/3/2017 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận nhãn hiệu theo Quyết định số 111124/QĐ-SHTT ngày 30/12/2020, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 216590 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) "MON CAFÉ" trong nhãn hiệu đăng ký, dù được trình bày thành hai dòng, cụm từ này luôn đi cùng nhau, xuất hiện hai lần với kiểu chữ, màu sắc và bố cục thống nhất, khẳng định đây là một tổng thể không tách rời. Cụm từ có nghĩa tiếng Pháp là "cà phê của tôi", không thể tách riêng từ "MON" để so sánh với từ "MON" trong nhãn hiệu đối chứng.

- Về cách trình bày: "MON CAFÉ" được trình bày bằng chữ in hoa thông thường, khác biệt hoàn toàn với cách điệu của "MON" trong nhãn hiệu đối chứng.

- Về phát âm: "MON CAFÉ" theo tiếng Pháp được đọc là /mông/cà/phê/, khác với cách đọc đơn âm /mon/.

- Về ý nghĩa: "MON CAFÉ" có nghĩa là "cà phê của tôi", trong khi "MON" trong nhãn hiệu đối chứng lại mang ý nghĩa đặc thù "người sành ăn Ý, Nhật".

Việc tách "MON" khỏi "MON CAFÉ" để đối chiếu là không phù hợp với nguyên tắc đánh giá nhãn hiệu trên tổng thể. Nhãn hiệu đăng ký với phần chữ "DRIP COFFEE", "MON CAFÉ" và yếu tố hình ảnh tạo nên một tổng thể dễ nhận biết, không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng đã đăng ký cho dịch vụ quán cà phê.

(ii) Việc loại khỏi danh sách các nhãn hiệu đối chứng (nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 72962) trong Quyết định số 111124/QĐ-SHTT ngày 30/12/2020 thể hiện việc thừa nhận các cụm từ như "MY COFFEE" hoặc "MON CAFÉ" chỉ mang tính mô tả sản phẩm thuộc nhóm 30 và không có khả năng phân biệt độc lập để được bảo hộ riêng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "DRIP COFFEE MON CAFÉ, hình" có phần chữ "MON CAFÉ" được trình bày tách biệt khỏi phần hình, thành hai dòng với cỡ chữ lớn, rõ nét, nổi bật, trong đó từ "MON" được đặt riêng trên một dòng (dòng trên), đứng độc lập với từ "CAFÉ", là yếu tố chính tạo nên khả năng phân biệt của dấu hiệu. Yếu tố này trùng với phần chữ "MON" trong nhãn hiệu đối chứng xét về cấu trúc và cách phát âm.

- Về sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu: Các sản phẩm (cà phê) mang nhãn hiệu đăng ký có liên quan về chức năng với dịch vụ (nhà hàng ăn uống, dịch vụ quán cà phê, cung cấp đồ uống) mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc và cách phát, đồng thời đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ có mối liên quan về chức năng với nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, có thể khiến người tiêu dùng lầm tưởng hàng hóa, dịch vụ mang các nhãn hiệu này có cùng một nguồn gốc.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-08037 ngày 31/3/2017 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 111124/QĐ-SHTT ngày 30/12/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-08037 ngày 31/3/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, KATAOKA & CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KATAOKA & CO., LTD. (qua Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139054/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH tư vấn xây dựng Tống Nghĩa
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00694 ngày 08/7/2021 của Công ty TNHH tư vấn xây dựng Tống Nghĩa; địa chỉ: ô 2B, lô K22, đường DE1, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, Bình Dương; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Nhất Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-45475 theo Quyết định số 41005/QĐ-SHTT ngày 24/5/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4798/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH tư vấn xây dựng Tống Nghĩa với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Tống Nghĩa, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-45475 ngày 24/12/2018 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) theo Quyết định số 41005/QĐ-SHTT ngày 24/5/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 333337.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ với các lý do sau:

- Ngày 14/01/2021, người nộp đơn có nhận được Thông báo số 72/SHTT-NH ngày 04/01/2021 việc dự định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đối với đơn số 4-2018-45475 do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ. Sau khi nhận được thông báo, người nộp đơn đã không thể liên hệ ngay được với chủ đơn do thời gian gần với kỳ nghỉ lễ Tết cùng với dịch bệnh diễn biến phức tạp mà trụ sở của chủ đơn lại ở một tỉnh thành khác do đó việc liên hệ khó khăn nên không thể phúc đáp theo đúng thời gian quy định.

- Sau khi nhận được công văn, người nộp đơn đã trao đổi với chủ đơn về ý kiến trong công văn, chủ đơn đã xem xét và tiến hành trao đổi với chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và các bên thống nhất chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu công nghiệp văn bằng bảo hộ số 333337 cho người nộp đơn theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 26/6/2021. Theo đó, nhãn hiệu đối chứng không còn là căn cứ để xem xét theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Tiếp theo, ngày 19/11/2024, người nộp đơn cung cấp thêm thông tin Hợp đồng chuyển nhượng đã được đăng ký và ghi nhận theo Quyết định số 39872w/QĐ-SHTT ngày 08/6/2023.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 333337 được ghi nhận theo Quyết định số 39872w/QĐ-SHTT ngày 08/6/2023 nêu trên cho Bên nhận chuyển nhượng là CÔNG TY CỔ

PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ TỔNG NGHĨA, không phải Công ty TNHH tư vấn xây dựng Tổng Nghĩa. Ngoài ra, thiếu tài liệu chứng minh hai pháp nhân đã nêu là cùng một chủ thể. Do đó, lập luận yêu cầu loại bỏ nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 333337 khỏi căn cứ đối chứng là không có đủ cơ sở chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-45475 ngày 24/12/2018 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 41005/QĐ-SHTT ngày 24/5/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-45475 ngày 24/12/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH tư vấn xây dựng Tổng Nghĩa có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH tư vấn xây dựng Tổng Nghĩa (qua Công ty Luật TNHH Nhất Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139056/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Wilmar Trading (China) Pte. Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00034 ngày 10/01/2024 của Wilmar Trading (China) Pte. Ltd.; địa chỉ: 28 Biopolis Road, Singapore 138568; đại diện bởi: Công ty cổ phần FAS INVEST; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-34010 ngày 31/8/2021 theo Quyết định số 102896/QĐ-SHTT ngày 22/11/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4758/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Wilmar Trading (China) Pte. Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "JIN LONG YU [jin long yu: cá rồng vàng]" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-34010 ngày 31/8/2021 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 102896/QĐ-SHTT.IP ngày 22/11/2023, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN với lý do nhãn hiệu tương đăng ký tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 47800 và 53944 (nhãn hiệu đối chứng) theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 41380/SHTT-NH.IP ngày 28/7/2023 và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Người nộp đơn không nhận được Thông báo số 41380/SHTT-NH.IP nêu trên. Vì vậy đã không trả lời thông báo này.

- Trên cơ sở Quyết định từ chối số 102896/QĐ-SHTT.IP ngày 22/11/2023, Người nộp đơn xin khẳng định chủ nhãn hiệu đăng ký cũng chính là chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng 47800 và 53944 (các nhãn hiệu này được cấp ở thời điểm trước đây nên có tên và địa chỉ cũ). Sau khi nhận được Quyết định trên, chủ đơn đã tiến hành nộp hồ sơ sửa đổi tên và địa chỉ của các văn bằng 47800 và 53944, được ghi nhận theo SB4-2024-00043 ngày 04/01/2024. Với việc sửa thông tin chủ bằng như trên, đơn nhãn hiệu số 4-2021-34010 và các nhãn hiệu đối chứng 47800 và 53944 đã thống nhất là cùng một chủ và đơn hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn được bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Việc ghi nhận tên và địa chỉ của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng số 47800 và 53944 (trước đây đã được cấp dưới tên và địa chỉ cũ) theo Quyết định số 99474/QĐ-SHTT.IP ngày 06/6/2025 cho đơn số SB4-2024-00043 nêu trên đã

xác lập nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ thể là Wilmar Trading (China) Pte. Ltd. (SG), địa chỉ: 28 Biopolis Road, Singapore 138568. Vì vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-34010 ngày 31/8/2021, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 102896/QĐ-SHTT ngày 22/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-34010 ngày 31/8/2021.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-34010 ngày 31/8/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Wilmar Trading (China) Pte. Ltd. (qua Công ty cổ phần FAS INVEST) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139057/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần kỹ thuật cao Genmex
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-01046 ngày 29/11/2021 của Công ty cổ phần kỹ thuật cao Genmex; địa chỉ: Số 36 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH GK & ASSOCIATES; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-38598 theo Quyết định số 43705/QĐ-SHTT ngày 31/5/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4441/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần kỹ thuật cao Genmex với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TOMEX" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-38598 ngày 05/12/2016 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 43705/QĐ-SHTT ngày 31/5/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 306143 và 298164 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Chủ sở hữu hai nhãn hiệu đối chứng và chủ nhãn hiệu đăng ký nhãn là hai vợ chồng, nên họ đã cùng làm cam kết thỏa thuận cho phép sử dụng nhãn hiệu giữa hai công ty mà không có bất kỳ sự phản đối hay khiếu nại nào trong việc đăng ký cũng như sử dụng trên thị trường thông qua hình thức "thư cam kết và chấp thuận". Người nộp đơn cho rằng, mặc dù Quyết định số 43705/QĐ-SHTT nêu trên từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký và hai nhãn hiệu đối chứng chỉ có sự khác biệt nhỏ ở một ký tự nên dễ gây nhầm lẫn, đối với một nhãn hiệu đăng ký nếu tương tự với nhãn hiệu đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và đang được bảo hộ, nếu muốn sử dụng phải được sự đồng ý cho phép của chủ sở hữu nhãn hiệu đã được cấp qua hình thức "thư chấp thuận". Trong trường hợp này, chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu hai nhãn hiệu đối chứng đã có có sự bàn bạc, thống nhất thỏa thuận trước khi đăng ký phân chia thị trường, lĩnh vực và phạm vi sử dụng nhãn hiệu để tránh gây nhầm lẫn.

- Người nộp đơn còn dẫn chứng, cùng ngày 12/01/2021, người nộp đã nộp hai công văn trả lời với các nội dung y hệt như nhau, kết quả là nhãn hiệu cho nhóm 10 được cấp văn bằng, nhưng nhãn hiệu đăng ký cho nhóm 35 thì bị từ chối. Ngoài ra, người nộp đơn còn cho rằng nhiều nhãn hiệu tương tự nhau của các doanh nghiệp đã được cấp và đến nay cũng chưa có trường hợp nào khiếu kiện, phản đối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, và dẫn chứng một số trường hợp cụ thể. Theo đó, đề nghị xem xét hủy Quyết định số 43705/QĐ-SHTT và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Lập luận cho rằng nhãn hiệu đăng ký và hai nhãn hiệu đối chứng không gây nhầm lẫn vì chủ nhãn hiệu đăng ký (Công ty cổ phần kỹ thuật cao TOPMEC, nay là Công ty cổ phần kỹ thuật cao GENMEX) và chủ sở hữu hai nhãn hiệu đối chứng (Công ty cổ phần thương mại và sản xuất TOPMEX) là hai vợ chồng và đã có "thư cam kết và chấp thuận" giữa hai công ty là không có cơ sở pháp lý thuyết phục.

Chủ nhãn hiệu đăng ký (Công ty cổ phần kỹ thuật cao TOPMEC) và chủ sở hữu hai nhãn hiệu đối chứng (Công ty cổ phần thương mại và sản xuất TOPMEX) là hai pháp nhân độc lập theo quy định của pháp luật. Quan hệ cá nhân giữa những người đứng sau công ty không làm thay đổi bản chất pháp lý giữa hai chủ thể này.

Hơn nữa, nhãn hiệu đăng ký "TOMEX" và nhãn hiệu đối chứng "TOPMEX" chỉ khác nhau duy nhất ở ký tự "P" trong thành phần ở giữa cấu trúc của nhãn hiệu đối chứng, trong khi các yếu tố còn lại ("TO", "MEX") hoàn toàn trùng khớp về độ dài, cấu tạo, cách phát âm và hình thức thể hiện. Sự khác biệt này là không đáng kể, đặc biệt khi nhóm hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu trùng hoặc tương tự nhau, khiến cho người tiêu dùng lầm tưởng hai nhãn hiệu là một hoặc nhãn hiệu này là biến thể của nhãn hiệu kia.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-38598 ngày 05/12/2016 theo Quyết định số 43705/QĐ-SHTT ngày 31/5/2021 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43705/QĐ-SHTT ngày 31/5/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-38598 ngày 05/12/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần kỹ thuật cao Genmex có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần kỹ thuật cao Genmex (qua Công ty TNHH GK & ASSOCIATES) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139058/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SINOTRON UNITED PTE LTD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2018-00080 ngày 26/01/2018 của SINOTRON UNITED PTE LTD; địa chỉ: 40 Penjuru Lane, #03-12 C&P Logistic Hub 1, Office Tower 2 Singapore 609216, Singapore; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH VIETTHINK; khiếu nại về việc từ chối tạm thời bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1315371 theo Thông báo số 2016/42 NTH28 ngày 12/9/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4486/BC-

TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SINOTRON UNITED PTE LTD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu  theo đơn quốc tế số 1315371 ngày 09/6/2016 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/42 NTH28 ngày 12/9/2017, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu  theo Đăng bạ quốc gia số 145705 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Trên thực tế, Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là nhà phân phối, chuyên nhập các sản phẩm mang nhãn hiệu  của chủ nhãn hiệu đăng ký (SINOTRON UNITED PTE LTD) tại Singapore để phân phối và bán tại Việt Nam. Việc nộp đơn đăng ký nhãn hiệu của Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

- Chủ nhãn hiệu đăng ký (SINOTRON UNITED PTE LTD) đang trong giai đoạn thu thập tài liệu để tiến hành hủy hiệu lực nhãn hiệu đối chứng dựa trên cơ sở cạnh tranh không lành mạnh và sẽ bổ sung bản sao đơn yêu cầu hủy hiệu lực nhãn hiệu đối chứng ngay sau khi đơn được nộp. Theo đó, đề nghị tạm dừng xét nghiệm đơn khiếu nại này tới khi yêu cầu hủy hiệu lực này được bổ sung.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Căn cứ hồ sơ khiếu nại và nội dung Thông báo số 2016/42 NTH28 ngày 12/9/2017, nhãn hiệu đăng ký bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Người nộp đơn khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đối chứng đã được đăng ký không trung thực, có dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh, và thông báo đang trong quá trình thu thập tài liệu để yêu cầu hủy hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, bản sao đơn yêu cầu hủy hiệu lực như đã đề cập vẫn chưa được nộp. Do đó, việc đề nghị tạm dừng xét nghiệm đơn khiếu nại để chờ kết quả hủy văn bằng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1315371 theo Thông báo số 2016/42 NTH28 ngày 12/9/2017 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/42 NTH28 ngày 12/9/2017 về việc từ chối tạm thời bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1315371.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SINOTRON UNITED PTE LTD có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SINOTRON UNITED PTE LTD (qua Công ty Luật TNHH VIETTHINK) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139059/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Philipp Plein
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2017-01241 ngày 29/11/2017 của Philipp Plein; địa chỉ: Via Dufour 20 CH-6900 Lugano Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX; khiếu nại về việc từ chối tạm thời đối với đơn quốc tế số 1312432 ngày 19/8/2015 theo Thông báo số 2016/39 TDH23 ngày 09/8/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4700/BC-TTKN

ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Philipp Plein với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "P P 7 8" theo đơn quốc tế số 1312432 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo Thông báo số 2016/39 TDH23 ngày 09/8/2018, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 189530 (nhãn hiệu đối chứng 1) và 131295 (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt và không bị nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 1.

- Về hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký gồm chữ "PP" màu đen và số "78" quay lưng lại với nhau, ngăn cách bởi dấu thập khuyết ở giữa, đặt trong hình lục giác. Gây ấn tượng mạnh về thị giác và thể hiện sự khỏe khoắn. Nhãn hiệu đối chứng 1 gồm chữ "QP" màu trắng quay lưng, đặt trong hình đa giác màu đen, kèm theo phần chữ "QUÝ PHÁT".

- Về cấu trúc và ấn tượng thị giác: Hai nhãn hiệu có bố cục, màu sắc và hình học thể hiện khác biệt rõ rệt, tạo ra ấn tượng thị giác không giống nhau.

- Về phần chữ "QUÝ PHÁT": Đây là thành phần mạnh và nổi bật của nhãn hiệu đối chứng, giúp phân biệt rõ với nhãn hiệu đăng ký.

- Về phạm vi và cách sử dụng nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký được dùng trực tiếp trên sản phẩm thuộc nhóm 14. Nhãn hiệu đối chứng lại đăng ký cho dịch vụ mua bán nhóm 35, được sử dụng trên biển hiệu, giấy tờ giao dịch, chứ không gắn trực tiếp trên sản phẩm.

(ii) Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt và không bị nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 2.

- Về chữ cái: Chữ "QP" của nhãn hiệu đối chứng không nằm trong hình lục giác như nhãn hiệu đăng ký, nên ấn tượng về thị giác đối với hai nhãn hiệu này rõ ràng là khác biệt.

- Về cách trình bày: Nhãn hiệu đăng ký có hình lục giác, trong khi nhãn hiệu đối chứng 2 không có hình bao quanh, do đó ấn tượng thị giác khác biệt.

- Nhãn hiệu đối chứng 2 có thêm dòng chữ "QP-FASHION", còn nhãn hiệu đăng ký chỉ gồm "PP 78" trong hình lục giác. Dòng chữ "QP-FASHION" có thể phát âm được, là yếu tố từ ngữ nổi bật và là thành phần mạnh giúp phân biệt. Người tiêu dùng dễ dàng gọi tên nhãn hiệu đối chứng là "QP FASHION", không thể nhầm với "PP 78".

(iii) Ngoài ra, người nộp đơn còn dẫn chứng một số trường hợp đã được bảo hộ và đề nghị xem xét, chấp thuận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ Nhóm 14, 25 và 35 theo đơn quốc tế số 1312432.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

7.1. Nhãn hiệu đối chứng 2 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 18/01/2018 và không được gia hạn, theo đó không còn là căn cứ đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký.

7.2. Nhãn hiệu đăng ký 

"P P 7 8" có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng 1, 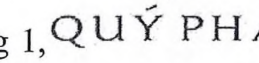

"Quý Phát qp pp, hình", với lý do sau đây.

Nhãn hiệu đăng ký được trình bày theo cục hình học cân đối gồm số "78" và chữ "PP" quay lưng lại với nhau, phân cách rõ ràng bởi dấu thập khuyết ở giữa, tất cả được đặt trong hình lục giác, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng gồm phần hình lục giác không đều chứa phần chữ tương tự, cùng với phần chữ "QUÝ PHÁT" tách biệt rõ ràng khỏi phần hình. Hai nhãn hiệu có bố cục và hình học thể hiện khác biệt, tạo ấn tượng thị giác không giống nhau. Đáng chú ý, phần chữ "QUÝ PHÁT" là chữ in hoa có sự rõ ràng về ngữ nghĩa tiếng Việt và là thành phần mạnh của nhãn hiệu đối chứng, giúp phân biệt với nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1312432, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/39 TDH23 ngày 09/8/2018 về việc từ chối tạm thời đối với đơn quốc tế số 1312432.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1312432, không bảo hộ riêng "Ꟁ", "P", "7", "8".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Philipp Plein (qua Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139060/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ALFASIGMA S.P.A
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2011-00190 ngày 03/3/2011 của SIGMA-TAU lNDUSTRIE FARMACEUTICHE RIUNITE S.p.A., địa chỉ: Viale Shakespeare, 47 - 00144 ROME - Italy (nay là ALFASIGMA S.P.A., địa chỉ Via Ragazzi del 99, 5 I-40133 BOLOGNA, Italy); đại diện bởi: Công ty TNHH VINTELL Sáng chế và thương hiệu; khiếu nại về việc từ chối tạm thời bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1018012 theo Thông báo số 2009/45 20DT ngày 09/11/2010;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4348/BC-TTKN ngày 05/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SIGMA-TAU lNDUSTRIE FARMACEUTICHE RlUNITE S.p.A. (nay là ALFASIGMA S.P.A.) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VIDHA PLUS" theo đơn quốc tế số 1018012 ngày 23/7/2009 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2009/45 20DT ngày 09/11/2010, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "VITHA" theo Đăng bạ quốc gia số 61490 ngày 01/4/2005 (nhãn hiệu đối chứng).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

(i) Sự khác biệt giữa nhãn hiệu đăng ký "VIDHA PLUS" và nhãn hiệu đối chứng "VITHA" theo ấn tượng thị giác, cách đọc, ý nghĩa và ấn tượng tổng thể sẽ làm cho người dùng có thể phân biệt hàng hóa mang hai nhãn hiệu mà không xảy ra bất kỳ sự nhầm lẫn nào. Cụ thể bao gồm:

- Chữ "D" nhìn khác hoàn toàn với chữ "T", và có thêm từ "PLUS", nên "VIDHA PLUS" khác biệt với "VITHA" theo ấn tượng thị giác;

- Hai nhãn hiệu này cũng khác nhau về cách đọc;

- "VITHA" liên tưởng tới tên Việt Thành (Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng), trong khi "VIDHA PLUS" liên tưởng đến VITAMIN và DHA (Docosahexaenoic acid) và các thành phần khác PLUS.

(ii) Các sản phẩm mang hai nhãn hiệu nêu trên liên quan trực tiếp đến sức khỏe, bệnh tật và tính mạng người tiêu dùng, và việc sử dụng chứng được các bác sĩ thông báo, khuyên răn, tư vấn và lựa chọn, được bán và phân phối bởi các dược sĩ có trình độ học vấn cao, do đó khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng là không thể xảy ra. Hơn nữa, sự nhầm lẫn không thể xảy ra khi đối tượng của sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là một nhóm người rất hẹp mà là các phụ nữ mang thai, nên càng làm tăng sự thận trọng trong việc lựa chọn.

(iii) Trong thực tế sử dụng, nhãn hiệu đối chứng "VITHA" không xuất hiện một mình mà được sử dụng kết hợp với các yếu tố khác, cụ thể là "Vitha Liverman", làm cho người tiêu dùng càng dễ phân biệt với nhãn hiệu đăng ký "VIDHA PLUS".

(iv) Ngoài ra, sự khác biệt căn bản giữa các thông tin bắt buộc phải ghi trên sản phẩm thuộc nhóm 5 như tên, địa chỉ của nhà sản xuất, xuất xứ của sản phẩm, v.v., giúp làm giảm thiểu khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc của hàng hóa mang hai nhãn hiệu nêu trên.

(v) Theo đó, người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký đối với sản phẩm "các chế phẩm dược và các chất ăn kiêng dùng trong y tế, cụ thể là các chất bổ sung ăn kiêng cho phụ nữ mang thai".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Sau khi xem xét lập luận (i) nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

- Về ấn tượng thị giác: Nhãn hiệu đăng ký "VIDHA PLUS" có phần chữ "VIDHA" là yếu tố chính tương tự với nhãn hiệu đối chứng "VITHA" về cấu trúc và hình thức trình bày. Chữ cái "D" và "T" tuy khác nhau, hai chữ cái này đều là phụ âm đơn có hình dạng tương đối giống nhau khi viết in hoa, đặc biệt khi xuất hiện trong cùng cấu trúc 5 chữ cái giống nhau ở vị trí còn lại ("VI_HA") dễ gây nhầm lẫn về mặt thị giác.

- Về cách đọc: Mặc dù có thể có sự khác biệt nhỏ trong phát âm giữa "VIDHA" và "VITHA", nhưng âm tiết đầu "VI" và âm tiết cuối "HA" là hoàn toàn trùng khớp. Do đó, xét về phương diện âm thanh, hai nhãn hiệu vẫn có khả năng gây nhầm lẫn cao.

- Về ý nghĩa: Lập luận cho rằng "VIDHA" gợi liên tưởng đến vitamin và DHA, trong khi "VITHA" gợi đến tên "Việt Thành" của chủ sở hữu là không có cơ sở. "VIDHA" không phải là từ ngữ phổ biến hay mô tả rõ ràng để người tiêu dùng thông thường có thể lập tức liên tưởng đến vitamin hay DHA. Tương tự, "VITHA" cũng không phải là từ ngữ mô tả hoặc gây ấn tượng mạnh mẽ với người tiêu dùng về nghĩa "Việt Thành".

- Về ấn tượng tổng thể: Nhãn hiệu đăng ký "VIDHA PLUS" không tạo ra ấn tượng khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng "VITHA" khi xem xét theo tổng thể cấu trúc và cảm nhận thông thường của người tiêu dùng. "VIDHA" là yếu tố chính, trong khi "PLUS" chỉ là từ phụ bổ nghĩa có tính mô tả, được trình bày tách biệt trong tổng thể nhãn hiệu. Vì vậy, trong nhận thức tổng thể, người tiêu dùng dễ hiểu hoặc nhầm lẫn "VIDHA PLUS" là một biến thể của "VITHA".

2.2. Lập luận (ii) cho rằng sản phẩm liên quan đến sức khỏe nên người tiêu dùng sẽ luôn cẩn trọng, do đó không thể nhầm lẫn, là không thuyết phục.

Sự tương đồng về mặt thị giác và phát âm giữa dấu hiệu "VIDHA" và "VITHA" làm gia tăng đáng kể nguy cơ nhầm lẫn trong nhận thức của người tiêu dùng. Trong bối cảnh thương mại, bao gồm các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, hậu tố "PLUS" thường được hiểu là chỉ một sản phẩm cải tiến hoặc phiên bản cao cấp của sản phẩm gốc. Do đó, dấu hiệu "VIDHA PLUS" rất dễ khiến người tiêu dùng nhầm lẫn sản phẩm mang nhãn hiệu này có mối liên hệ thương mại hoặc cùng nguồn gốc với sản phẩm mang nhãn hiệu "VITHA".

2.3. Lập luận (iii) cho rằng nhãn hiệu đối chứng "VITHA" không gây nhầm lẫn vì trên thực tế được sử dụng kèm theo yếu tố bổ sung như "Vitha Liverman", và (iv) cho rằng sự khác biệt về các thông tin bắt buộc trên nhãn sản phẩm như tên, địa chỉ nhà sản xuất, xuất xứ hàng hóa, v.v., giúp giảm thiểu khả năng gây nhầm lẫn là không phù hợp với nguyên tắc đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Theo quy định pháp luật, việc đánh giá khả năng gây nhầm lẫn được thực hiện độc lập, dựa trên sự so sánh giữa dấu hiệu trong nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng.

2.4. Lập luận (v) thu hẹp hạn danh mục hàng hóa thuộc Nhóm 5 để biện minh cho tính phân biệt hoặc khả năng bảo hộ. Tuy nhiên, danh mục sau khi thu hẹp (các chế phẩm dược và các chất ăn kiêng dùng trong y tế, cụ thể là các chất bổ sung ăn kiêng cho phụ nữ mang thai) vẫn thuộc nhóm hàng hóa tương tự hoặc gần giống với dược phẩm trong nhóm 5 của nhãn hiệu đối chứng, do đó nhãn hiệu đăng ký vẫn bị xem là tương tự nhau đến mức gây nhầm lẫn với lý do như nêu trên.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1018012 theo Thông báo số 2009/45 20DT ngày 09/11/2010 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2009/45 20DT ngày 09/11/2010 về việc từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1018012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SIGMA-TAU INDUSTRIE FARMACEUTICHE RIUNITE S.p.A. (nay là ALFASIGMA S.P.A.) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SIGMA-TAU INDUSTRIE FARMACEUTICHE RIUNITE S.p.A.

(nay là ALFASIGMA S.P.A., và qua Công ty TNHH VINTELL Sáng chế và thương hiệu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139061/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại
của Shenzhen CAPCHEM Technology Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2022-00212 ngày 04/3/2022 của Shenzhen CAPCHEM Technology Co., Ltd.; địa chỉ: Shabo Tongfuyu Industry Zone, Maluan Street, Pingshan District, Shenzhen City, 518118 Guangdong Province, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1412218 ngày 05/4/2018 theo Quyết định số 759/QĐ-SHTT ngày 14/02/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4423/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Shenzhen CAPCHEM Technology Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CAPCHEM" theo đơn quốc tế số 1412218 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 759/QĐ-SHTT ngày 14/02/2022, căn cứ điểm a, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 1099136 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đã nộp hồ sơ tới Văn phòng quốc tế để ghi nhận về việc thay đổi địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và đã được ghi nhận vào ngày 06/6/2019, theo đó chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã thuộc cùng một chủ trước khi Thông báo tạm thời từ chối số 2018/26 HBN06 ngày 21/6/2019 được ban hành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Căn cứ hồ sơ và các tài liệu liên quan, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy ý kiến của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đã thuộc cùng một chủ thể trước thời điểm Thông báo tạm thời từ chối số 2018/26 HBN06 được ban hành là có cơ sở chấp nhận.

Cụ thể, theo Công báo Nhãn hiệu Quốc tế của WIPO ("WIPO Gazette of International Marks") số 26/2019 ngày 11/7/2019, Văn phòng Quốc tế đã ghi nhận việc thay đổi tên và/hoặc địa chỉ chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng ("Change in the name or address of the holder") vào ngày 06/6/2019, từ đó xác lập nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là thuộc cùng một chủ thể (cùng

tên và cùng địa chỉ) trước thời điểm Thông báo tạm thời từ chối số 2018/26 HBN06 được ban hành (ngày 21/6/2019). Theo đó, nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 1099136 không còn là căn cứ đối chứng để xem xét đối với nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1412218; không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 759/QĐ-SHTT ngày 14/02/2022 về việc từ chối bảo hộ đối với đơn quốc tế số 1412218.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1412218, không bảo hộ phần chữ Hán.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Shenzhen CAPCHEM Technology Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139062/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét công văn số 130-02/KNNH ngày 07/7/2025 của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới đề nghị rút đơn khiếu nại số KN4-2012-00679;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DAD778

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2012-00679 ngày 26/7/2012 của UNILEVER N.V.; địa chỉ: Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới.

Lý do đình chỉ: Người nộp đơn xin rút đơn khiếu nại theo Công văn số 130-

02/KNNH ngày 07/7/2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và UNILEVER N.V. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139063/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Huỳnh Khoa Phú Quốc
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2020-00657 ngày 31/7/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Huỳnh Khoa Phú Quốc; địa chỉ: Số 103/24 đường Bạch Đằng, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-

2017-25792 ngày 16/08/2017 theo Quyết định số 46315/QĐ-SHTT ngày 29/6/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4545/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Huỳnh Khoa Phú Quốc với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-25792 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 46315/QĐ-SHTT ngày 29/6/2020 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 10002/SHTT-NH ngày 10/3/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 86226.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn khẳng định chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 86226 và nhãn hiệu đăng ký là một. Tuy nhiên, do nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực nên chủ đơn không thể yêu cầu sửa đổi tên và địa chỉ thống nhất với nhãn hiệu đăng ký. Người nộp đơn gửi kèm theo đơn khiếu nại này là Bản gốc của GCNĐKNH số 86226 để Cục Sở hữu trí tuệ xem xét.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 10002/SHTT-NH ngày 10/3/2020 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-25792 ngày 16/8/2017.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-25792 ngày 16/8/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 46315/QĐ-SHTT ngày 29/6/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-25792 ngày 16/08/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-25792 ngày 16/08/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Huỳnh Khoa Phú Quốc (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 10002/SHTT-NH ngày 10/3/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 10002/SHTT-NH ngày 10/3/2020.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139064/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Trà Dâu Bà Chế
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2024-00374 ngày 17/5/2024 của Công ty TNHH Trà Dâu Bà Chế; địa chỉ: 3A16, ấp 3 tỉnh lộ 10, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh , điện thoại 0941781515; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2022-29766 ngày 26/07/2022 theo Quyết định số 35988/QĐ-SHTT.IP ngày 28/3/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4490/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Trà Dâu Bà Chế với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-29766 ngày 26/7/2022 bị từ chối chấp nhận đơn theo Quyết định số 35988/QĐ-SHTT.IP ngày 28/3/2024 vì có các thiếu sót nêu tại điểm 13.3 của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn và mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu sửa chữa trong Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 38406/SHTT-NH ngày 06/9/2022, nhưng người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, chấp nhận hợp lệ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-29766 ngày 26/7/2022 và cho phép người nộp đơn sửa chữa các thiếu sót theo Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 38406/SHTT-NH ngày 06/9/2022 do người nộp đơn không nhận được thông báo. Người nộp đơn gửi kèm theo đơn khiếu nại này là công văn số 01/2024/CV-TDBC ngày 17/5/2024 xin điều chỉnh phân loại nhóm theo hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ để khắc phục những thiếu sót trong Thông báo kết quả thẩm định hình thức nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 38406/SHTT-NH ngày 06/9/2022 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để khắc phục các thiếu sót theo yêu cầu. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp

đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-29766 ngày 26/7/2022.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-29766 ngày 26/7/2022.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 35988/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 28/3/2024 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2022-29766 ngày 26/07/2022.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-29766 ngày 26/07/2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Trà Dâu Bà Chế có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 38406/SHTT-NH ngày 06/9/2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 38406/SHTT-NH ngày 06/9/2022.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139065/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Tập Đoàn Sun World
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2022-00397 ngày 07/4/2022 của Công ty cổ phần tập đoàn Sun World, nay là Công ty TNHH Tập Đoàn Sun World; địa chỉ: 36-38 Bạch Đằng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, điện thoại 0983229481; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-06973 ngày 12/03/2018 theo Quyết định số 45753/QĐ-SHTT ngày 07/6/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4747/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Tập Đoàn Sun World với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-06973 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 45753/QĐ-SHTT ngày 07/6/2021 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9998/SHTT-NH ngày 09/3/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với một phần hàng hóa/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 277691.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9998/SHTT-NH ngày 09/3/2020 và Quyết định số 45753/QĐ-SHTT ngày 07/6/2021 là vì Thông báo và Quyết định được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19, gián tiếp ảnh hưởng đến công tác giao nhận công văn dẫn đến việc không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến

kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9998/SHTT-NH ngày 09/3/2020 và Quyết định số 45753/QĐ-SHTT ngày 07/6/2021 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo và Quyết định nêu trên nên không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2018-06973 ngày 12/3/2018.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2018-06973 ngày 12/3/2018.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 45753/QĐ-SHTT ngày 07/6/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-06973 ngày 12/03/2018.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-06973 ngày 12/03/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Tập Đoàn Sun World có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9998/SHTT-NH ngày 09/3/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9998/SHTT-NH ngày 09/3/2020.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139066/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Tập Đoàn Sun World
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2022-00396 ngày 07/4/2022 của Công ty cổ phần tập đoàn Sun World, nay là Công ty TNHH Tập Đoàn Sun World; địa chỉ: 36-38 Bạch Đằng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, điện thoại 0983229481; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-30920 ngày 10/9/2018 theo Quyết định số 7886/QĐ-SHTT ngày 27/01/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4744/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Tập Đoàn Sun World với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-30920 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 7886/QĐ-SHTT ngày 27/01/2022 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39812/SHTT-NH ngày 06/10/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với một phần hàng hóa/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 310400.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39812/SHTT-NH ngày 06/10/2021 và Quyết định số 7886/QĐ-SHTT ngày 27/01/2022 là vì Thông báo và Quyết định được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19, gián tiếp ảnh hưởng đến công tác giao nhận công văn dẫn đến việc không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39812/SHTT-NH ngày 06/10/2021 và Quyết định số 7886/QĐ-SHTT ngày 27/01/2022 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo và Quyết định nêu trên nên không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2018-30920 ngày 10/9/2018.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2018-30920 ngày 10/9/2018.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 7886/QĐ-SHTT ngày 27/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-30920 ngày 10/09/2018.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-30920 ngày 10/09/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Tập Đoàn Sun World có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39812/SHTT-NH ngày 06/10/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39812/SHTT-NH ngày 06/10/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139068/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sistema Plastics Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2017-00760 ngày 28/7/2017 của Sistema Plastics Limited; địa chỉ: 80 Hugo Johnson Drive, Penrose Auckland 1061 New Zealand (địa chỉ hiện tại: 15 Te Tiki Road, Mangere, Auckland 2022 NZ); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1292482 theo Thông báo số 2016/10 TDH28 ngày 09/03/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4679/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sistema Plastics Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐQT) số 1292482 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì phần chữ "SISTEMA" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 642562, phần còn lại mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì các lý do sau:

- Nhãn hiệu đối chứng được loại bỏ khỏi lý do từ chối bảo hộ nhãn hiệu quốc tế vì thuộc trường hợp ngoại lệ được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74, bởi:

Nhãn hiệu đối chứng đã không được sử dụng tại Việt Nam trong hơn 5 năm liên tiếp, do đó thủ tục yêu cầu chấm dứt hiệu lực Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu đối chứng là không còn cần thiết (căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ).

Văn bằng bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực và cũng đã hết thời gian ân hạn cho việc gia hạn trễ. Đồng thời đã có trường hợp tương tự đã được cấp GCNĐKNH (nhãn hiệu "HUBERROSS" số đơn 4-2013-24068).

- Nhãn hiệu quốc tế không mang tính mô tả, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ:

Phần hình gồm các hình tổng thể và hình chiếu của khóa cài được kết hợp với phần chữ "Sistema" theo cách thức độc đáo, đó không phải hình của sản phẩm xin bảo hộ, mà gồm hình tổng thể và các hình chiếu của khóa cài được thiết kế khác biệt kết hợp với phần chữ "Sistema" được trình bày trên khóa cài tạo ra tổng thể có tính phân biệt nhằm mục đích làm cho sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký được nhận biết và khác biệt với sản phẩm cùng loại của nhà sản xuất khác.

Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận tại một số quốc gia và khu vực khác như NewZealand, Australia, khu vực Châu Âu, Philippines, Mỹ, HongKong, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Peru.

Từ những lý do trên, kiến nghị xem xét chấp nhận nhãn hiệu theo ĐQT số 1292482.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 642561 đã hết hiệu lực ngày 10/05/2015. Do vậy, nhãn hiệu này không được dùng làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1292482.

Nhãn hiệu đăng ký là hình ba chiều của khóa cài, dùng cho sản phẩm thuộc nhóm 21 bao gồm các sản phẩm "đồ chứa đựng dùng trong gia đình hoặc trong bếp; dụng cụ và đồ chứa dùng trong gia đình hoặc trong bếp (không bằng kim loại),…". Do đó, dấu hiệu mang tính mô tả hình dáng bên ngoài của một bộ phận của sản phẩm mang nhãn hiệu liệt kê trong danh mục, cụ thể là khóa cài của chúng, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74Luật Sở hữu trí tuệ. Do vậy đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1292482 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/10 TDH28 ngày 09/03/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1292482.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sistema Plastics Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sistema Plastics Limited (qua Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139069/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Rulmenti S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2021-01102 ngày 23/12/2021 của Rulmenti S.A.; địa chỉ: 320 Republicii Street, Vaslui, zip code 731130, Bârlad, Romania; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-26467 theo Quyết định số 75421/QĐ-SHTT ngày 27/9/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4674/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Rulmenti S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "URB, hình" theo đơn số 4-2017-26467 nộp ngày 22/08/2017 bị từ chối bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "URB" theo Đăng ký quốc tế số 249112. Công ty TNHH Trà và Cộng sự đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp thư chấp thuận cho việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-26467, nộp ngày 22/08/2017 cho nhóm 06 và 07, dưới tên của chủ đơn là công ty Rulmenti S.A. Đồng thời, giữa chủ đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã ký kết hợp đồng li-xăng độc quyền cho phép sử dụng nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 249112 tại Việt Nam.

Trên cơ sở đó, có thể khẳng định rằng trên thị trường sẽ không xuất hiện các sản phẩm mang nhãn hiệu "URB" do chính chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng sản xuất. Thực tế, toàn bộ các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng cũng như nhãn hiệu đăng ký đều do cùng một thực thể là công ty Rulmenti S.A. sản xuất và phân phối. Do vậy, sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

Với mối quan hệ pháp lý đặc biệt giữa hai bên, bao gồm việc cấp thư chấp thuận và ký hợp đồng li-xăng độc quyền, người tiêu dùng sẽ không có cơ sở để cho rằng các nhãn hiệu nói trên là của các chủ thể khác nhau hoặc là những biến thể riêng biệt. Việc nhận diện nhãn hiệu trong trường hợp này sẽ không dẫn đến sự hiểu nhầm về nguồn gốc sản phẩm trên thị trường.

Bên cạnh đó, trên thực tế, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đã cùng được đăng ký và tồn tại hợp pháp tại nhiều quốc gia khác nhau. Điều này cho thấy việc cho phép đồng tồn tại hai nhãn hiệu nêu trên không làm phát sinh khả năng gây nhầm lẫn trong nhận thức của người tiêu dùng tại các thị trường có hệ thống pháp luật tương đồng với Việt Nam. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để xem xét khả năng đăng ký và sử dụng nhãn hiệu mà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Mặc dù người nộp đơn đã nộp kèm thư đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, tuy nhiên trên thực tế nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "URB, hình" và nhãn hiệu đối chứng vẫn thuộc quyền sở hữu của hai chủ thể khác nhau. Trong trường hợp giữa nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng không tồn tại sự khác biệt rõ rệt, việc hai nhãn hiệu cùng tồn tại trên thị trường có thể khiến người tiêu dùng hiểu lầm rằng các nhãn hiệu là biến thể của nhau hoặc có cùng một nguồn gốc thương mại.

Việc các nhãn hiệu đã được đăng ký và cùng tồn tại tại một số quốc gia khác chỉ mang tính chất tham khảo và không thể coi là căn cứ xác đáng để khẳng định khả năng bảo hộ tại Việt Nam, do mỗi quốc gia có tiêu chuẩn và quy định riêng trong việc đánh giá khả năng gây nhầm lẫn của nhãn hiệu.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở để xem xét chấp thuận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-26467 ngày 22/8/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 75421/QĐ-SHTT ngày 27/9/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-26467 ngày 22/08/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Rulmenti S.A. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và

Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Rulmenti S.A. (qua Công ty TNHH Trà và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139071/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của General Brands, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2015-00600 ngày 01/7/2015 của General Brands, Inc.; địa chỉ: 6 Floor, 13, Bongeunsa-ro 57-gil, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-20416 ngày 06/09/2013 theo Quyết định số 24456/QĐ-SHTT ngày 27/4/2015;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4608/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của General Brands, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "DUFT & DOFT" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-20416 bị từ chối bảo hộ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

Dấu hiệu "DUFT & DOFT" có khả năng tự phân biệt vì không phải là cụm từ thuộc bất kỳ ngôn ngữ thông dụng nào tại Việt Nam. Cụ thể, "DUFT" trong tiếng Đức và "DOFT" trong tiếng Thụy Điển đều có nghĩa là "mùi thơm". Tuy nhiên, ngoài tiếng Anh, tiếng Pháp, và trước đây là tiếng Trung Quốc và tiếng Nga, vốn được coi là các ngôn ngữ nước ngoài thông dụng tại Việt Nam, thì tiếng Đức và tiếng Thụy Điển chưa bao giờ được xem là phổ biến. Thực tế sử dụng ngôn ngữ tại Việt Nam cho thấy phần lớn người tiêu dùng với nhận thức trung bình không có khả năng nhận biết hoặc hiểu được các từ tiếng Đức hoặc tiếng Thụy Điển.

Do đó, cụm từ "DUFT & DOFT" sẽ được người tiêu dùng Việt Nam cảm nhận như những từ ngữ tự tạo, không mang nghĩa cụ thể trong tiếng Việt. Với nhận thức thông thường, người tiêu dùng khó có thể liên tưởng hay hiểu rằng dấu hiệu này có nội hàm mô tả thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hay bất kỳ đặc điểm nào khác của hàng hóa thuộc nhóm 03. Vì vậy, dấu hiệu "DUFT & DOFT" không mang tính mô tả.

Ngoài ra, dấu hiệu "DUFT & DOFT" được hình thành dựa trên sự kết hợp giữa hai từ có cách viết và cách phát âm gần như giống nhau, chỉ khác biệt không đáng kể ở nguyên âm "U" và "O". Sự tương đồng trong phát âm giữa hai từ này thể hiện sự sáng tạo trong việc xây dựng một nhãn hiệu có khả năng gây ấn tượng và gợi nhớ đối với người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, người nộp đơn cũng đã cung cấp các tài liệu chứng minh việc nhãn hiệu "DUFT & DOFT" đã được sử dụng một cách rộng rãi và liên tục tại Việt Nam từ trước thời điểm nộp đơn đến nay, góp phần củng cố khả năng phân biệt và khả năng nhận biết của nhãn hiệu trên thị trường.

Với các lập luận nêu trên, dấu hiệu "DUFT & DOFT" có khả năng tự phân biệt và có thể được bảo hộ dưới danh nghĩa nhãn hiệu, không thuộc trường hợp bị loại trừ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch

vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Dấu hiệu "DUFT & DOFT" là sự kết hợp giữa hai từ có nghĩa lần lượt là "mùi thơm" trong tiếng Đức và tiếng Thụy Điển. Tuy nhiên, đây đều là những ngôn ngữ không phổ biến tại Việt Nam. Thực tế sử dụng ngôn ngữ tại Việt Nam cho thấy phần lớn người tiêu dùng với nhận thức trung bình không có khả năng nhận biết hoặc hiểu được các từ thuộc tiếng Đức hoặc tiếng Thụy Điển. Do đó, cụm từ "DUFT & DOFT" không được cảm nhận như những từ ngữ mang nội hàm mô tả mà được hiểu như những dấu hiệu tự tạo, không có nghĩa cụ thể trong tiếng Việt.

Ngoài ra, nhãn hiệu "DUFT & DOFT" còn thể hiện sự sáng tạo trong cách cấu tạo, khi kết hợp hai từ có hình thức viết và phát âm gần giống nhau, chỉ khác biệt nhẹ ở nguyên âm "U" và "O". Sự tương đồng này tạo nên hiệu ứng ghi nhớ thị giác và âm thanh đối với người tiêu dùng, qua đó củng cố khả năng phân biệt của dấu hiệu trong môi trường thương mại.

Bên cạnh đó, người nộp đơn cũng đã cung cấp tài liệu chứng minh việc nhãn hiệu "DUFT & DOFT" đã được sử dụng rộng rãi và liên tục tại Việt Nam từ trước thời điểm nộp đơn đến nay, góp phần tăng cường khả năng nhận biết và ghi nhớ của người tiêu dùng đối với nhãn hiệu này.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy ý kiến của đại diện Người nộp đơn là có cơ sở. Nhãn hiệu "DUFT & DOFT" theo đơn số 4-2013-20416 đáp ứng điều kiện được bảo hộ, không thuộc trường hợp bị loại trừ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-20416 ngày 06/9/2013, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 24456/QĐ-SHTT ngày 27/4/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-20416 ngày 06/09/2013.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2013-20416 ngày 06/09/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký,

Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và General Brands, Inc. (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139072/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1215515 của Valve Corporation đã bị chấm dứt hiệu lực.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

NMD368

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2015-00953 ngày 23/10/2015 của Valve Corporation; địa chỉ: 10900 NE 4th Street, Suite. 500, Bellevue WA 98004-4359, United States of America.; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ.

Lý do đình chỉ: đơn quốc tế số 1215515 bị chấm dứt hiệu lực từ ngày 11/9/2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Valve Corporation (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139073/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần sơn và thiết bị ô tô APE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2020-00749 ngày 21/8/2020 của Công ty cổ phần sơn và thiết bị ô tô APE; địa chỉ: Số 11, ngõ 154 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Tư vấn ENCO; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-20351 ngày 06/07/2017 theo Quyết định số 57770/QĐ-SHTT ngày 30/7/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4694/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần sơn và thiết bị ô tô APE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-20351 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 57770/QĐ-SHTT ngày 30/7/2020 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 15382/SHTT-NH ngày 14/4/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 323486.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 15382/SHTT-NH ngày 14/4/2020 là vì Thông báo được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19 dẫn đến việc không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Đây là lý do khách quan không mong muốn, do đó đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Đồng thời, người nộp đơn đồng ý loại bỏ các dịch vụ không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo Thông báo nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 15382/SHTT-NH ngày 14/4/2020 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-20351 ngày 06/7/2017.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-20351 ngày 06/7/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 57770/QĐ-SHTT ngày 30/7/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-20351 ngày 06/07/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-20351 ngày 06/07/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần sơn và thiết bị ô tô APE (qua Công ty Cổ phần Tư vấn ENCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 15382/SHTT-NH ngày 14/4/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 15382/SHTT-NH ngày 14/4/2020.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139074/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sistema Plastics Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2017-00655 ngày 21/6/2017 của Sistema Plastics Limited; địa chỉ: 80 Hugo Johnson Drive, Penrose Auckland 1061 New Zealand(địa chỉ hiện tại: 15 Te Tiki Road, Mangere, Auckland 2022 NZ); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291609 theo Thông báo số 2016/09 NNL06 ngày 01/03/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4683/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sistema Plastics Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐQT) số 1292482 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì phần chữ "SISTEMA" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 642562, phần còn lại mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì các lý do sau:

- Nhãn hiệu đối chứng được loại bỏ khỏi lý do từ chối bảo hộ nhãn hiệu quốc tế vì thuộc trường hợp ngoại lệ được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74, bởi:

Nhãn hiệu đối chứng đã không được sử dụng tại Việt Nam trong hơn 5 năm liên tiếp, do đó thủ tục yêu cầu chấm dứt hiệu lực Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu đối chứng là không còn cần thiết (căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ).

Văn bằng bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực và cũng đã hết thời gian ân hạn cho việc gia hạn trễ. Đồng thời đã có trường hợp tương tự đã được cấp GCNĐKNH (nhãn hiệu "HUBERROSS" số đơn 4-2013-24068).

- Nhãn hiệu quốc tế không mang tính mô tả, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ:

Phần hình gồm các hình tổng thể và hình chiếu của khóa cài được kết hợp với phần chữ "Sistema" theo cách thức độc đáo, đó không phải hình của sản phẩm xin bảo hộ, mà gồm hình tổng thể và các hình chiếu của khóa cài được thiết kế khác biệt kết hợp với phần chữ "Sistema" được trình bày trên khóa cài tạo ra tổng thể có tính phân biệt nhằm mục đích làm cho sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký được nhận biết và khác biệt với sản phẩm cùng loại của nhà sản xuất khác.

Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận tại một số quốc gia và khu vực khác như NewZealand, Australia, khu vực Châu Âu, Philippines, Mỹ, HongKong, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Peru.

Từ những lý do trên, kiến nghị xem xét chấp nhận nhãn hiệu theo ĐQT số 1292482.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 642561 đã hết hiệu lực ngày 10/05/2015. Do vậy, nhãn hiệu này không được dùng làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1291609.

Nhãn hiệu đăng ký là hình ba chiều của khóa cài, dùng cho sản phẩm thuộc nhóm 21 bao gồm các sản phẩm "đồ chứa đựng dùng trong gia đình hoặc trong bếp; dụng cụ và đồ chứa dùng trong gia đình hoặc trong bếp (không bằng kim loại),…". Do đó, dấu hiệu mang tính mô tả hình dáng bên ngoài của một bộ phận của sản phẩm mang nhãn hiệu liệt kê trong danh mục, cụ thể là khóa cài của chúng, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Do vậy đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cbảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1291609 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/09 NNL06 ngày 01/03/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291609.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sistema Plastics Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sistema Plastics Limited (qua Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139075/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH đầu tư Thanh Hằng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778 *Xét đơn số KN4-2020-00856 ngày 16/9/2020 của Công ty TNHH đầu tư Thanh Hằng; địa chỉ: 169 Bùi Thị Xuân, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-26285 theo Quyết định số 41923/QĐ-SHTT ngày 16/6/2020;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4564/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH đầu tư Thanh Hằng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Macron, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-26285 ngày 21/8/2017 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 41923/QĐ-SHTT ngày 16/6/2020, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 1215489 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng với các lý do sau:

(i) Khác biệt về thành phần chữ, hình thức, cách trình bày, ấn tượng thị giác: Nhãn hiệu đăng ký "Macron, hình" là nhãn hiệu màu vàng đồng gồm chữ "MACRON" với tất cả chữ cái được cách điệu, đặc biệt chữ "M" được thiết kế nổi bật và có họa tiết hình thoi trang trí. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là tập hợp chữ "MALKRON" đơn giản, đen trắng, không có yếu tố gây ấn tượng thị giác. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tạo được ấn tượng thị giác mạnh và có sự khác biệt rõ rệt về thành phần chữ, hình thức và cách trình bày so với nhãn hiệu đối chứng.

(ii) Khác biệt về sản phẩm: Sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng có chức năng chăm sóc sức khỏe răng miệng, thuộc nhóm sản phẩm phổ thông với số lượng và chủng loại đa dạng, hướng đến đối tượng người tiêu dùng rộng rãi ở mọi giới tính và độ tuổi. Trong khi đó, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký chỉ gồm một mặt hàng duy nhất là mặt nạ dưỡng da, có chức năng làm đẹp da mặt, nhắm vào phân khúc người tiêu dùng hẹp, chủ yếu là nữ giới trẻ. Do chức năng sản phẩm khác nhau nên công nghệ sản xuất, nguyên liệu, thiết bị và yêu cầu kỹ thuật giữa hai loại sản phẩm cũng khác biệt rõ rệt. Ngoài ra, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là thành viên của Tập đoàn dược phẩm GlaxoSmithKline, một tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm và các sản phẩm liên quan như chăm sóc sức khỏe răng miệng, hoàn toàn không sản xuất hoặc kinh doanh sản phẩm chăm sóc da mặt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Luận điểm (i) cho rằng nhãn hiệu đăng ký tạo được ấn tượng thị giác mạnh và có sự khác biệt rõ rệt về thành phần chữ, hình thức và cách trình bày so với nhãn hiệu đối chứng là không thuyết phục.

Nhãn hiệu đăng ký "MACRON, hình" có sự cách điệu nhất định về màu sắc và hình thức trình bày, tuy nhiên phần chữ "MACRON", thành phần mạnh của nhãn hiệu, lại có mức độ tương đồng cao với phần chữ "MALKRON" của nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, thứ tự ký tự, âm tiết và cách phát âm. Cả hai đều bắt đầu bằng âm "MA-" và kết thúc bằng "-RON", tạo nên sự tương đồng rõ rệt về mặt âm tiết và nhịp điệu. Trong tổng thể cấu trúc, có tới 5 chữ cái giống nhau (M, A, R, O, N) xuất hiện ở vị trí tương ứng. Mặc dù "MACRON" không có chữ "L" như trong "MALKRON", phần "-CRON" và "-KRON" mang âm tiết gần giống nhau do "C" và "K" đều phát âm là /k/. Chính sự trùng lặp và tương đồng đáng kể trong thành phần chữ, đặc biệt ở phần đầu và phần cuối, hai nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Vì vậy, lập luận nêu trên là không có cơ sở xác đáng.

2.2. Luận điểm (ii) liên quan đến sản phẩm mang nhãn hiệu cũng không có cơ sở xác đáng.

Mặc dù sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là "mặt nạ dưỡng da" thuộc nhóm 03, các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng chủ yếu liên quan đến chăm sóc răng miệng thuộc nhóm 03 và 05, trong đó bao gồm "chế phẩm tẩy vết bẩn cho mục đích thẩm mỹ" ("cosmetic stain removal preparations"). Cả hai đều là sản phẩm mỹ phẩm hoặc sản phẩm có chức năng làm đẹp, chăm sóc cá nhân. Chính vì vậy, các sản phẩm này có thể cùng tồn tại trong hệ thống phân phối chung, cùng với đối tượng tiêu dùng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-26285 ngày 21/8/2017 theo Quyết định số 41923/QĐ-SHTT ngày 16/6/2020 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 41923/QĐ-SHTT ngày 16/6/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-26285 ngày 21/8/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH đầu tư Thanh Hằng có quyền khiếu nại đến Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH đầu tư Thanh Hằng (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139077/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất - thương mại Nhựa Chợ Lớn
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2021-00597 ngày 17/6/2021 của Công ty TNHH sản xuất-thương mại Nhựa Chợ Lớn; địa chỉ: Số 8H An Dương Vương, phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 02862537885; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-35729 ngày 16/10/2018 theo Quyết định số 25911/QĐ-SHTT ngày 31/3/2021;

NAT779

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4702/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất - thương mại Nhựa Chợ Lớn với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-35729 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 25911/QĐ-SHTT ngày 31/3/2021 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 58032/SHTT-NH ngày 04/12/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 119037, 120282, 237447, 259296.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 58032/SHTT-NH ngày 04/12/2020 là vì Thông báo được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19 và thay đổi nhân sự phụ trách dẫn đến việc không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Đây là lý do khách quan không mong muốn, do đó đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Người nộp đơn gửi kèm theo đơn khiếu nại này là công văn số 2505/NCL-CV ngày 17/6/2021 phản hồi Thông báo kết quả thẩm định nội dung nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt

hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 58032/SHTT-NH ngày 04/12/2020 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để khắc phục các thiếu sót theo yêu cầu. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2018-35729 ngày 16/10/2018.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2018-35729 ngày 16/10/2018.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 25911/QĐ-SHTT ngày 31/3/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-35729 ngày 16/10/2018.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-35729 ngày 16/10/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký,

Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất-thương mại Nhựa Chợ Lớn có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 58032/SHTT-NH ngày 04/12/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 58032/SHTT-NH ngày 04/12/2020.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139078/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật Bình Minh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00173 ngày 25/02/2021 của Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật Bình Minh; địa chỉ: 51/6C Phạm Văn Chiêu, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-25408 ngày 31/07/2018 theo Quyết định số 101286/QĐ-SHTT ngày 30/11/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4698/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật Bình Minh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-25408 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 101286/QĐ-SHTT ngày 30/11/2020 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 36861/SHTT-NH ngày 14/8/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 154185.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo và Quyết định nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cho phép được tiếp tục trả lời Thông báo nêu trên đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-25408.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ

xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 36861/SHTT-NH ngày 14/8/2020 và Quyết định số 101286/QĐ-SHTT ngày 30/11/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo và Quyết định nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-25408 ngày 31/7/2018.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2018-25408 ngày 31/7/2018.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 101286/QĐ-SHTT ngày 30/11/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-25408 ngày 31/07/2018.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-25408 ngày 31/07/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật Bình Minh có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 36861/SHTT-NH ngày 14/8/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 36861/SHTT-NH ngày 14/8/2020.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139099/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH EBC Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00331 ngày 17/3/2017 của Công ty TNHH EBC Việt Nam; địa chỉ: 433/11 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Trung tâm Tư vấn phát triển thương hiệu và chất lượng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-11123 theo Quyết định số 10243/QĐ-SHTT ngày 20/02/2017;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4675/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH EBC Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-11123 ngày 30/05/2013 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ của nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 176489 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

Cục Sở hữu trí tuệ đã dùng 2 nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 15325 và 176489 để làm đối chứng. Trong đó, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 15325 đã được đề nghị chấm dứt hiệu lực vì không được sử dụng trong 5 năm liên tiếp và đã được chấp thuận chấm dứt theo quyết định số 3972/QĐ-SHTT ngày 28/09/2016. Đồng thời, phía chủ đơn cũng tiến hành thủ tục đề nghị chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 176489 cùng với lý do không được sử dụng trong 05 năm liên tiếp từ ngày cấp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Theo Quyết định số 10243/QĐ-SHTT ngày 20/02/2017 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-11123, Cục Sở hữu trí tuệ đã đồng ý về việc không sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 15325 làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-11123.

Tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 10243/QĐ-SHTTngày 20/02/2017, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 176489 đang có hiệu lực. Hơn nữa, đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực Văn bằng bảo

hộ số ĐN1-2017-00062 ngày 10/03/2017 được nộp sau Quyết định nêu trên. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-11123 ngày 30/05/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 10243/QĐ-SHTT ngày 20/02/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-11123 ngày 30/05/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH EBC Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH EBC Việt Nam (qua Trung tâm Tư vấn phát triển thương hiệu và chất lượng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139100/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BRONCO BILLY CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2017-00048 ngày 19/01/2017 của BRONCO BILLY CO., LTD.; địa chỉ: 1-75, Heiwagaoka, Meito-ku, Nagoya-city Aichi 465-0097 Japan; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư A Hoà; khiếu nại về việc từ chối tạm thời đối với đơn quốc tế số 1268759 ngày 13/7/2015 theo Thông báo số 2015/40 HBN42 ngày 07/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4638/BC-TTKN

ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BRONCO BILLY CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BRONCOBILLY" theo đơn đăng ký quốc tế số 1268759 (nhãn hiệu đăng ký bị tạm thời từ chối theo Thông báo số 2015/40 HBN42 ngày 07/10/2016, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, với lý do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 228165 (nhãn hiệu đối chứng 1) và 221326 (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt so với các nhãn hiệu đối chứng.

- Về ý nghĩa: "BRONCOBILLY" là từ ghép viết liền, không có nghĩa rõ ràng, trong khi "Billy" của các nhãn hiệu đối chứng là từ có nhiều nghĩa.

- Về cấu trúc: Trong cấu trúc của nhãn hiệu đăng ký có chứa một phần chủ yếu của đối chứng nhưng phần chủ yếu của đối chứng bị chứa trong cấu trúc đó KHÔNG tạo thành phần chủ yếu của dấu hiệu. Do vậy, hai nhãn hiệu hoàn toàn không tương tự gây nhầm lẫn về cấu trúc.

- Về cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký được phát ân thành 4 âm tiết, trong đó 02 âm tiết cuối là hậu tố "BILLY", người nghe thường ghi nhớ âm tiết đầu tiên. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng 1 và 2 chỉ có 2 âm tiết chính là "Billy", kết hợp lần lượt với từ "Restaurant" và "Cafe".

- Về hình thức thể hiện: Toàn bộ hoặc phần chủ yếu của nhãn hiệu đăng ký và toàn bộ hoặc phần chủ yếu của đối chứng được trình bày theo phong cách hoàn toàn khác nhau nên hình thức thể hiện hoàn toàn khác nhau, tạo nên ấn tượng thị giác hoàn toàn khác nhau.

- Về mối liên hệ giữa nhãn hiệu và tên thương mại: "BRONCOBILLY" được xây dựng từ chính tên thương mại của người nộp đơn (BRONCO BILLY CO., LTD..) có lịch sử hoạt động từ năm 1978 và đã xây dựng được vị thế nhất định trên thị trường. Việc sử dụng nhãn hiệu trùng với tên thương mại là chủ đích của người nộp đơn nhằm tạo ấn tượng mạnh với người tiêu dùng, xác lập sự liên kết trực tiếp giữa tên thương hiệu và tên công ty và tránh nhầm lẫn với các chủ thể khác.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký 

"BRONCOBILLY" là dấu hiệu từ ngữ kết hợp, cấu thành từ hai yếu tố "BRONCO" và "BILLY" được thể hiện bằng kiểu chữ cách điệu, liền mạch như một tổng thể thống nhất, không có nghĩa rõ ràng trong tiếng Việt và không bao gồm yếu tố hình ảnh so với với các nhãn hiệu đối chứng 

"Restaurant Billy, hình" và 

"Billy Café, hình". Mặc dù có sự tương đồng về phần chữ "BILLY", tuy nhiên "BRONCO" là thành tố đứng đầu trong nhãn hiệu đăng ký, được người tiêu dùng chú ý đầu tiên khi đọc, nghe hoặc nhìn thấy. Sự khác biệt về cấu trúc từ ngữ, độ dài tổng thể, vị trí thành tố và cách trình bày giúp nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt so với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1268759, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/40 HBN42 ngày 07/10/2016 về việc từ chối tạm thời đối với đơn quốc tế số 1268759.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1268759.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BRONCO BILLY CO., LTD. (qua Văn phòng Luật sư A Hoà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139101/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Tập đoàn viễn thông quân đội (VIETTEL)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2013-00820 ngày 18/7/2013 của Tập đoàn viễn thông quân đội (VIETTEL); địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Tân Hà; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-00471 ngày 10/01/2012 theo Quyết định số 20712/QĐ-SHTT ngày 18/4/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4611/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Tập đoàn viễn thông quân đội (VIETTEL) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VIETTEL Tiin vn, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-00471 ngày 10/01/2012 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 20712/QĐ-SHTT ngày 18/4/2013, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí với lý do ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 170763 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký về tổng thể có tính phân biệt. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu kết hợp 3 màu sắc ấn tượng bao gồm màu xanh lô gô, màu hồng rực rỡ và màu vàng, với sự cách điệu kiểu chữ tạo nên ấn tượng thị giác, trong khi nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu đen trắng với cách thể hiện chỉ gồm các chữ in thường, viết ngay ngắn.

(ii) Cách phát âm, hình thức trình bày và ý nghĩa của hai nhãn hiệu hoàn toàn khác biệt, người tiêu dùng dễ dàng phân biệt và không gây nhầm lẫn. Cụ thể:

- Về cấu trúc và phát âm: Nhãn hiệu đăng ký "Tiin.vn" gồm 3 yếu tố (Tiin, dấu chấm, vn), có thể đọc theo tiếng Việt hoặc tiếng Anh, đều gồm 4 âm tiết, trong khi nhãn hiệu đối chứng "Tiinlab" là một từ liền mạch, chỉ gồm 2 âm tiết (tin/láp).

- Về hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký "Tiin.vn" có chữ "Tiin" màu hồng, cách điệu; "vn" nằm trong ngôi sao màu cam, tạo dấu ấn thị giác mạnh với người tiêu dùng; phối màu chủ đạo "xanh, hồng, cam" giúp tăng khả năng nhận diện, trong khi TiinLab thể hiện đơn giản, không có màu sắc nổi bật, chữ "Lab" thường được hiểu là phòng thí nghiệm, một khái niệm hoàn toàn khác.

- Về ý nghĩa nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "Tiin.vn" gợi nhớ đến trang web tin tức giải trí cho giới trẻ; "tiin" liên tưởng đến "teen", ".vn" gợi liên hệ đến website Việt Nam, trong khi "TiinLab" không mang nghĩa tương đồng, không tạo liên tưởng rõ ràng đến dịch vụ giải trí hay giới trẻ.

(iii) Nhãn hiệu đăng ký còn khác nhãn hiệu đối chứng ở hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu. Nhãn hiệu đăng ký gắn với các dịch vụ viễn thông, truyền thông, giải trí, trong khi nhãn hiệu đối chứng gắn với các sản phẩm hàng hóa như thiết bị điện tử, thiết bị truyền thông. Các lĩnh vực sử dụng hoàn toàn khác nhau, không có sự trùng lặp về chức năng, mục đích hay kênh phân phối. Do đó, người tiêu dùng có thể dễ dàng phân biệt, không gây nhầm lẫn.

(iv) Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng phổ biến thông qua website tiin.vn, hoạt động từ ngày 18/5/2011, chuyên cung cấp nội dung giải trí, đặc biệt thu hút giới trẻ. Website này có lượng truy cập lớn, được liên kết với nhiều nền tảng và trang thông tin điện tử khác, trong đó có Facebook. Google cũng ghi nhận lượng tìm kiếm từ khóa "Tiin.vn" lên đến hơn 3 triệu kết quả, cho thấy sự quan tâm đáng kể từ người tiêu dùng, không thể có khả năng gây ra sự nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu.

(v) Người nộp đơn khẳng định luôn tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và không xâm phạm quyền của người khác. Nhãn hiệu đăng ký "Tiin.vn" được sử dụng hợp pháp, có định hướng chiến lược rõ ràng và hoàn toàn có khả năng phân biệt, không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

(vi) Ngoài ra, người nộp đơn còn dẫn chứng một số ví dụ về nhãn hiệu đã chấp nhận bảo trước đó và đề nghị xem xét, chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các luận điểm của người nộp đơn trong đơn khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ nhận định như sau:

Nhãn hiệu đăng ký 

"VIETTEL Tiin vn, hình" có cấu trúc gồm ba thành tố tách biệt "VIETTEL", "Tiin" và ".vn", trong đó "VIETTEL" là thành tố phân biệt mạnh, được thể hiện riêng biệt bằng chữ in hoa màu xanh; "Tiin" được thiết kế với chữ cái "T" cách điệu, màu hồng; và ".vn" được thể hiện nhỏ hơn nằm trong hình ngôi sao màu cam, được nối với từ "Tiin" bằng móc nối nhỏ. Dấu hiệu kết hợp ba màu sắc, cùng với kiểu chữ cách điệu và biểu tượng hình ngôi sao màu cam tạo ra hiệu ứng thị giác dễ nhận biết.

Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng 

"T L TiinLab, hình" có cấu trúc

bao gồm hai thành tố chính, trong đó phần chữ "TiinLab" được viết liền mạch, sử dụng kiểu chữ đơn giản, màu đen, không có yếu tố màu sắc hay hiệu ứng đặc biệt; phần hình được thiết kế tương đối trừu tượng, không dễ gợi ra ý nghĩa cụ thể đối với người tiêu dùng phổ thông.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký "VIETTEL Tiin vn, hình" có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng "T L TiinLab, hình".

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn 4-2012-00471 ngày 10/01/2012, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 20712/QĐ-SHTT ngày 18/4/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-00471 ngày 10/01/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-00471 ngày 10/01/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Tập đoàn viễn thông quân đội (VIETTEL) (qua Văn phòng Luật sư Tân Hà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139102/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1194764 của Bleistahl-Produktions GmbH & Co KG. (DE) đã hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực từ ngày 27/12/2023.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

DAD778

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2015-00656 ngày 15/7/2015 của Bleistahl-Produktions GmbH & Co KG.; địa chỉ: OsterfeldstraBe 51 58300 Wetter/Ruhr, Germany; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế số 1194764 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 27/12/2023 và không được gia hạn..

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Bleistahl-Produktions GmbH & Co. KG (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139103/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của UNITED LIFE SCIENCES PRIVATE LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2014-00838 ngày 26/8/2014 của UNITED LIFE SCIENCES PRIVATE LIMITED; địa chỉ: 1 Sophia Road, #08 - 01/04 Peace Centre, Singapore 228149; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Tân Hà; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-16789 theo Quyết định số 29672/QĐ-SHTT ngày 26/5/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4734/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của UNITED LIFE SCIENCES PRIVATE LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BPPro" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-16789 ngày 09/8/2010 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 29672/QĐ-SHTT ngày 26/5/2014, căn cứ điểm e, h và i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu trong Đăng bạ quốc gia số 477, 3297 và 3298 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Các nhãn hiệu đối chứng không phải là nhãn hiệu nổi tiếng. Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Công ước Paris, một nhãn hiệu chỉ được coi là nổi tiếng khi được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam và quốc tế. Qua kiểm tra trên các trang web uy tín, không có nhãn hiệu nào tên "BP, hình" được công nhận là nhãn hiệu nổi tiếng.

(ii) Nhãn hiệu "BP, hình" không phải là nhãn hiệu nổi tiếng và chỉ được bảo hộ trong lĩnh vực dầu khí. Việc từ chối nhãn hiệu "BPPro" chỉ vì chứa chữ "BP" là không hợp lý, vì "BP" là từ viết tắt phổ biến, có nhiều ý nghĩa trong các lĩnh vực khác như y tế và dược phẩm. Bảo hộ độc quyền "BP" cho một chủ thể trong mọi lĩnh vực là hạn chế quyền xã hội và vi phạm nguyên tắc cân bằng lợi ích trong sở hữu trí tuệ.

(iii) Nhãn hiệu đối chứng không hề được biết đến trong lĩnh vực dược phẩm thuộc nhóm 05. Nhãn hiệu "BP, hình" không hề được sử dụng hay biết đến trong lĩnh vực dược phẩm nhóm 05 tại Việt Nam. Không có sản phẩm dược nào mang nhãn hiệu BP được cấp số lưu hành, cũng như không có hoạt động nào liên quan đến dược phẩm trên trang web của BP P.L.C (GB) hoặc qua tra cứu trên Internet. Người tiêu dùng chỉ biết đến BP như một công ty dầu khí, không liên hệ gì với lĩnh vực dược.

(iv) Sự khác biệt giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng. Nhãn hiệu "BPPro" là một tổng thể thống nhất, không thể tách rời, có cách phát âm và cấu trúc hoàn toàn khác với phần chữ "BP" trong nhãn hiệu đối chứng. Việc tách "BP" và "Pro" để so sánh là không hợp lý, vì "Pro" có nhiều ý nghĩa khác nhau trong lĩnh vực y tế và dược phẩm. Việc suy diễn tách rời các yếu tố và từ chối bảo hộ sẽ gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chủ đơn.

(v) Sản phẩm mang nhãn hiệu "BPPro" thuộc nhóm dược phẩm, phân phối theo kênh đặc thù (qua bác sĩ, dược sĩ và nhà thuốc), không trùng lặp với sản phẩm dầu khí của BP P.L.C (GB). Do đó, người tiêu dùng, đặc biệt là giới chuyên môn, sẽ không thể nhầm lẫn hai nhãn hiệu này về nguồn gốc thương mại.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này*".

Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ quy định tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng: "*Việc xem xét, đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng được lựa chọn từ một số hoặc tất cả các tiêu chí sau đây:*

1. Số lượng người tiêu dùng liên quan đã biết đến nhãn hiệu thông qua việc mua bán, sử dụng hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu hoặc thông qua quảng cáo;

2. Phạm vi lãnh thổ mà hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đã được lưu hành;

3. Doanh số từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ mang nhãn hiệu hoặc số lượng hàng hóa đã được bán ra, lượng dịch vụ đã được cung cấp;

4. Thời gian sử dụng liên tục nhãn hiệu;

5. Uy tín rộng rãi của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Việc dẫn nguồn Wikipedia và thông tin khái quát về hoạt động dầu khí của BP P.L.C (chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng) chưa đủ căn cứ để cho rằng các nhãn hiệu đối chứng "BP, hình" được xem là nhãn hiệu nổi tiếng theo quy định tại Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, không áp dụng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

2.2. Ý kiến cho rằng các nhãn hiệu đối chứng không hề được biết đến trong lĩnh vực dược phẩm thuộc nhóm 05 không được xem là thuyết phục vì các thông tin về việc tra cứu dữ liệu từ Cục Quản lý Dược và trang web của BP P.L.C (GB) cũng như kết quả tìm kiếm trên Internet chỉ mang tính tham khảo, thiếu tài liệu xác thực trong hồ sơ đơn chứng minh mức độ nhận biết của nhãn hiệu đối chứng trong lĩnh vực dược phẩm tại Việt Nam.

2.3. Nhãn hiệu đăng ký "BPPro" có thành tố đầu "BP" được thể hiện bằng kiểu chữ in hoa, đậm, cỡ lớn và in đậm, đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định khả năng phân biệt. Thành tố này trùng hoàn toàn với yếu tố chữ "BP", vốn cũng là thành phần giữ vai trò chủ yếu và có khả năng phân biệt cao trong các nhãn hiệu đối chứng. Trong khi đó, phần còn lại "Pro" thường được hiểu là dạng viết tắt của từ tiếng Anh "Professional", có khả năng phân biệt thấp, đặc biệt khi phần chữ "ro" được thể hiện bằng kiểu chữ nhỏ hơn và không in hoa. Do đó, yếu tố "BP" là thành phần chủ yếu dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng, đặc biệt trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu là trùng hoặc tương tự nhau.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại các điểm e, h khoản 2 Điều 74 và Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-16789 ngày 09/8/2010 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29672/QĐ-SHTT ngày 26/5/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-16789 ngày 09/8/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, UNITED LIFE SCIENCES PRIVATE LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và UNITED LIFE SCIENCES PRIVATE LIMITED (qua Văn phòng Luật sư Tân Hà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139105/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Hộ kinh doanh Baker House
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00381 ngày 20/5/2024 của Hộ kinh doanh Baker House; địa chỉ: 85 Ngô Quyền, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; đại diện bởi: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-29462 theo Quyết định số 32707/QĐ-SHTT.IP ngày

25/3/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4332/BC-TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Hộ kinh doanh Baker House với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

1. Nhãn hiệu "HANOI BAKERY, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-29462 ngày 15/7/2021 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) theo Quyết định số 32707/QĐ-SHTT.IP ngày 25/3/2024, căn cứ khoản 5 Điều 73 và khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do:

- Nhãn hiệu đăng ký chứa phần chữ "HANOI" được hiểu thông dụng là "Hà Nội" trong khi địa chỉ chủ đơn đăng ký tại tỉnh Đắk Lắk, gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa/dịch vụ;

- Nhãn hiệu đăng ký "HANOI BAKERY, hình" là sự kết hợp của phần chữ và phần hình, việc người nộp đơn đề nghị loại bỏ phần chữ "HANOI" ra khỏi mẫu nhãn hiệu làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu so với ban đầu và không được chấp nhận.

2. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký gồm phần chữ "HANOI BAKERY" và phần hình. Trong đó, "BAKERY" là từ mô tả hàng hóa/dịch vụ; "HANOI" được nhận định là từ chỉ địa danh (Hà Nội), có thể gây nhầm lẫn về nguồn gốc do chủ đơn có địa chỉ tại Đắk Lắk. Ngoài ra, phần chữ được thiết kế rất nhỏ so với phần hình, nên bị xem là thành phần phụ trong tổng thể nhãn hiệu.

(ii) Việc loại bỏ phần chữ "HANOI" không làm thay đổi cấu trúc, màu sắc hay thành phần chính của nhãn hiệu so với mẫu đã nộp, do đó không làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu so với nhãn hiệu ban đầu.

(iii) Ngoài ra, Người nộp đơn còn viện dẫn trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung (số 54873/SHTT-NH.IP), Cục Sở hữu trí tuệ nêu rõ: "*Trường hợp một phần của nhãn hiệu hoặc một phần sản phẩm, dịch vụ không đáp ứng điều kiện bảo hộ, phần còn lại sẽ được Cục Sở hữu trí tuệ xem xét sau khi người nộp đơn có ý kiến bằng văn bản về việc đồng ý với nội dung của thông báo và nộp phí thẩm định yêu cầu sửa đổi theo quy định. Riêng trong trường hợp một phần của nhãn hiệu không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ, người nộp đơn cần nộp thêm 05 mau nhãn hiệu đã loại bỏ phần không đáp ứng*". Theo đó đề nghị xem xét, chấp thuận cấp Văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp không được mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn và không được làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn, đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất của đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Đối với luận điểm (i) và (ii)

Nhãn hiệu đăng ký 

bao gồm phần chữ "HANOI BAKERY" và phần hình, trong đó phần chữ được đặt trong khung riêng biệt so với phần hình. Phần chữ này có nội dung từ ngữ rõ nghĩa, dễ ghi nhớ, đóng vai trò xác lập khả năng phân biệt. Đây cũng là yếu tố mà người tiêu dùng sử dụng để gọi tên, tìm kiếm và ghi nhớ nhãn hiệu, nên được xem là yếu tố mạnh trong tổng thể dấu hiệu. Do đó, việc loại bỏ từ "HANOI" ra khỏi phần chữ làm biến đổi trực tiếp cấu trúc ngôn ngữ và khả năng phân biệt của nhãn hiệu, từ đó thay đổi bản chất của đối tượng đăng ký xét về ý nghĩa và yếu tố định danh, không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

2.2. Việc viện dẫn nội dung trong Thông báo thẩm định để làm cơ sở sửa đổi như nêu trong lập điểm (iii) không áp dụng trong trường hợp việc sửa đổi nhãn hiệu làm thay đổi bản chất như nêu trên.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 và khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-29462 ngày 15/7/2021 theo Quyết định số 32707/QĐ-SHTT.IP ngày 25/3/2024 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 32707/QĐ-SHTT.IP ngày 25/3/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-29462 ngày 15/7/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Hộ kinh doanh Baker House có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hộ kinh doanh Baker House (qua CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139126/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ISAIA & ISAIA S.p.A
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2013-00745 ngày 27/6/2013 của ISAIA & ISAIA S.p.A; địa chỉ: Via L. Giordano, 15 I-80127 NAPOLI, Italy (nay là Via Toledo, 106 I-80134 NAPOLI, Italy); đại diện bởi: Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đối với đơn quốc tế số 899312 ngày 06/8/2010 theo Thông báo số 2012/11 NDT27 ngày 21/3/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4354/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ISAIA & ISAIA S.p.A với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ISAIA NAPOLI" theo đơn quốc tế số 899312 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2012/11 NDT27 ngày 21/3/2013, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SAIA" theo Đăng ký quốc tế số 383938 đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm 9.

Người nộp đơn chấp thuận ý kiến nêu trên, đồng ý loại bỏ nhóm 9 và đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Hiện tại, cơ sở dữ liệu đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo hệ thống MADRID của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) thể hiện Đăng ký quốc tế số 383938 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 06/01/2012 và không được gia hạn. Theo đó, nhãn hiệu "SAIA" theo Đăng ký quốc tế này không còn là căn cứ đối chứng để xem xét đối với nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 899312, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2012/11 NDT27 ngày 21/3/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đối với đơn quốc tế số 899312.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 899312, không bảo hộ riêng "NAPOLI".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ISAIA & ISAIA S.p.A (qua Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139128/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Wilmar Trading (China) Pte. Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00033 ngày 10/01/2024 của Wilmar Trading (China) Pte. Ltd.; địa chỉ: 28 Biopolis Road, Singapore 138568; đại diện bởi: Công ty cổ phần FAS INVEST; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-34009 ngày 31/8/2021 theo Quyết định số 102915/QĐ-SHTT.IP ngày 22/11/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4756/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Wilmar Trading (China) Pte. Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ARAWANA" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-34009 ngày 31/8/2021 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 102915/QĐ-SHTT.IP ngày 22/11/2023, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 47800 và 54506 (nhãn hiệu đối chứng) theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 41420/SHTT-NH.IP ngày 28/7/2023 và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Người nộp đơn không nhận được Thông báo số 41420/SHTT-NH.IP nêu trên. Vì vậy đã không trả lời thông báo này.

- Trên cơ sở Quyết định từ chối số 102915/QĐ-SHTT.IP, Người nộp đơn xin khẳng định chủ nhãn hiệu đăng ký cũng chính là chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng 47800 và 54506 (các nhãn hiệu này được cấp ở thời điểm trước đây nên có tên và địa chỉ cũ). Sau khi nhận được Quyết định trên, chủ đơn đã tiến hành nộp hồ sơ sửa đổi tên và địa chỉ của các văn bằng 47800 và 54506, được ghi nhận theo SB4-2024-00043 nộp ngày 04/01/2024. Với việc sửa thông tin chủ bằng như trên, đơn nhãn hiệu số 4-2021-34009 và các nhãn hiệu đối chứng 47800 và 54506 đã thống nhất là cùng một chủ và đơn hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn được bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Việc ghi nhận tên và địa chỉ của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng số 47800 và 54506 (trước đây đã được cấp dưới tên và địa chỉ cũ) theo Quyết định số 99474/QĐ-SHTT.IP ngày 06/6/2025 cho đơn số SB4-2024-00043 nêu trên đã xác lập nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ thể là

Wilmar Trading (China) Pte. Ltd (SG), địa chỉ: 28 Biopolis Road, Singapore 138568. Vì vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-34009 ngày 31/8/2021, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 102915/QĐ-SHTT.IP ngày 22/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-34009 ngày 31/8/2021.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-34009 ngày 31/8/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Wilmar Trading (China) Pte. Ltd. (qua Công ty cổ phần FAS INVEST) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139129/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kleiberit SE & Co. KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2015-00243 ngày 16/3/2015 của Klebchemie M. G. Becker GmbH & Co. KG (nay là Kleiberit SE & Co. KG); địa chỉ: Max-Becker-Str.4, 76356 Weingarten, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đối với đơn quốc tế số 1183623 theo Thông báo số 2013/47 NTK37 ngày 27/11/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4211/BC-

TTKN ngày 02/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Klebchemie M. G. Becker GmbH & Co. KG (nay là Kleiberit SE & Co. KG) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Competence PUR" theo đơn quốc tế số 1183623 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2013/47 NTK37 ngày 27/11/2014, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu mang tính mô tả hàng hóa mang nhãn hiệu.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

i) Nhãn hiệu đăng ký chỉ bao gồm một thành phần mang tính mô tả, thành phần còn lại không mang tính mô tả. Cụ thể, "Competence PUR" là dấu hiệu ghép bao gồm hai thành phần: thành phần "PUR" mang tính mô tả vì là viết tắt của "polyurethane", một loại vật liệu tổng hợp dùng trong sản xuất (http://en.wikipedia.org/wiki/Polyurethane), còn thành phần "Competence" có nghĩa là "năng lực, khả năng", không mang tính mô tả (http://vdict.com/word?word=Competence&select-dictionary=1#comments). Do đó, xét tổng thể, nhãn hiệu không mang tính mô tả.

ii) Người nộp đơn còn dẫn chứng việc nhãn hiệu đăng ký "Competence PUR" được chấp nhận bảo hộ ở các quốc gia trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Nhãn hiệu đăng ký "Competence PUR" bao gồm phần chữ "PUR" được viết hoa hoàn toàn và được tách biệt so với phần chữ "Competence" được viết thường. Việc viết hoa không chỉ làm tăng khả năng nhận biết của người tiêu dùng, mà còn làm nổi bật ý nghĩa mô tả của phần chữ "PUR", là dạng viết tắt của "polyurethane" - một loại vật liệu tổng hợp. Hơn nữa, "Competence" (có nghĩa "khả năng", "năng lực" trong tiếng Việt) cũng mang tính mô tả. Do đó, toàn bộ dấu hiệu không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

2.2. Người nộp đơn dẫn chứng rằng nhãn hiệu đăng ký "Competence PUR" đã được chấp nhận bảo hộ tại một số quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, việc một nhãn hiệu được bảo hộ tại các quốc gia khác chỉ mang tính tham khảo, không có giá trị ràng buộc pháp lý đối với quá trình thẩm định tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đối với đơn quốc tế số 1183623 theo Thông báo số 2013/47 NTK37 ngày 27/11/2014 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/47 NTK37 ngày 27/11/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đối với đơn quốc tế số 1183623.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kleiberit SE & Co. KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kleiberit SE & Co. KG (qua Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139152/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần hóa chất xây dựng A&P
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2014-01188 ngày 01/12/2014 của Công ty cổ phần hóa chất xây dựng A&P; địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, Yên Viên, Gia Lâm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu Công nghiệp IPS; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-16916 ngày 01/8/2012 theo Quyết định số 52048/QĐ-SHTT ngày 30/8/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4770/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần hóa chất xây dựng A&P với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MOVA REDYMIX Sạch tạp hại, tuổi thọ cao, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-16916 ngày 01/8/2012 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 52048/QĐ-SHTT ngày 30/8/2014, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 146500 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

- Tổng thể nhãn hiệu đăng ký "MOVA REDYMIX, sạch tạp hại, tuổi thọ cao, hình" là sự kết hợp của nhiều dấu hiệu trong đó dấu hiệu "MOVA" là thành phần chính trong tổng thể nhãn hiệu. Dấu hiệu này đã được bảo hộ cùng nhiều dấu hiệu khác để tạo thành nhãn hiệu của chủ đơn như "MOVAGROUT", MOVADECO", "MOVAPLASTIC", "MOVANFIRED", "MOVASUMO", "MOVASKIM", v.v. (đều đăng ký cho nhóm 19 và 35).

- Dấu hiệu "REDYMIX" được thiết kế nhỏ hơn so với dấu hiệu "MOVA" bên cạnh các dấu hiệu khác trong tổng thể nhãn hiệu gồm "Sạch tạp hại, tuổi thọ cao, hình", do đó chỉ là yếu tố phụ trong tổng thể nhãn hiệu.

Như vậy khi tiếp cận mua sản phẩm người tiêu dùng sẽ không thể nhầm lẫn do liên tưởng rằng "MOVA REDYMIX, sạch tạp hại. tuổi thọ cao, hình" thuộc cùng nguồn gốc thương mại với "READYMIX", hay nói cách khác nhãn hiệu trong đơn nêu trên sẽ làm cho ấn tượng ghi nhớ của người tiêu dùng khác hăn với ghi nhớ đối với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký 

"MOVA REDYMIX, sạch tạp hại, tuổi thọ cao, hình" bao gồm phần chữ "MOVA" là thành tố đầu tiên, được thể hiện bằng chữ in hoa lớn, nổi bật với chữ "V" cách điệu và tách biệt về mặt thị giác so với phần chữ còn lại "REDYMIX" được thể hiện với kích thước nhỏ hơn. Do đó, "MOVA" là yếu tố chủ đạo tạo khả năng phân biệt, không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "READYMIX".

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số số 4-2012-16916 ngày 01/8/2012, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 52048/QĐ-SHTT ngày 30/8/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-16916 ngày 01/8/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-16916 ngày 01/8/2012. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "sạch tạp hại, tuổi thọ cao".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần hóa chất xây dựng A&P (qua Công ty TNHH Sở hữu Công nghiệp IPS) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139153/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ADTRAN, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2013-00913 ngày 16/8/2013 của ADTRAN, Inc.; địa chỉ: 901 Explorer Blvd. NW, Huntsville, AL 358062807, US; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1113296 theo Thông báo số 2012/20 NHT09 ngày 14/5/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4209/BC-TTKN ngày 02/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ADTRAN, lnc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ADTRAN" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1113296 đã bị từ chối bảo hộ đối với nhóm sản phẩm/dịch vụ nhóm 09 và 37 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "DTRAN, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 194234. Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "ADTRAN" với các lý do sau:

Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu "ADTRAN" theo ĐKQT số 1113296 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "DTRAN, hình" khi xét tổng thể về cấu trúc, hình thức trình bày, phát âm và danh mục sản phẩm/dịch vụ.

Về hình thức thể hiện, "ADTRAN" là dấu hiệu chữ thuần túy, sử dụng phông chữ tiêu chuẩn, không có yếu tố đồ họa hoặc cách điệu. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là tổ hợp giữa phần hình và phần chữ được cách điệu mạnh: chữ "D" mô phỏng mũi tên quay trái, chữ "R" uốn lượn như dải lụa, kết hợp hai đường cong đối xứng tạo ấn tượng thị giác rõ rệt. Sự khác biệt đáng kể về bố cục và thiết kế giúp người tiêu dùng dễ dàng phân biệt giữa hai dấu hiệu.

Về phát âm, "ADTRAN" bắt đầu bằng nguyên âm "A" (/æd-træn/), còn "DTRAN" bắt đầu bằng phụ âm "D" (/di:-træn/ hoặc /đờ-tran/), tạo nên sự khác biệt về âm đầu – vị trí đóng vai trò quan trọng trong nhận diện âm thanh. Mặc dù phần "TRAN" trùng nhau, âm đầu khác biệt vẫn đảm bảo khả năng phân biệt về mặt âm học.

Về sản phẩm/dịch vụ, dù cùng thuộc nhóm 09, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm phần mềm máy tính – sản phẩm phi vật lý, dành cho người dùng chuyên môn. Ngược lại, "ADTRAN" bao gồm thiết bị viễn thông, truyền dữ liệu, phần mềm quản lý thiết bị và dịch vụ lắp đặt, sửa chữa (nhóm 37). Danh mục sản phẩm/dịch vụ có tính chuyên biệt cao, khác biệt rõ về công dụng và đối tượng tiêu dùng.

Ngoài ra, từ "TRAN" được xem là yếu tố mô tả phổ biến trong các nhãn hiệu thuộc nhóm 09, bắt nguồn từ các từ như "transfer", "transmit". Việc yếu tố này được sử dụng rộng rãi dẫn đến khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu

sẽ phụ thuộc chủ yếu vào phần còn lại – cụ thể là "AD" và "D", vốn khác nhau cả về phát âm lẫn cấu trúc chữ.

Từ các phân tích trên, có thể thấy nhãn hiệu "ADTRAN" có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "DTRAN, hình" và không gây nhầm lẫn trong điều kiện giao dịch thông thường.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Xét về cấu trúc và cách phát âm, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "ADTRAN" theo ĐKQT số 1113296 có độ dài 6 ký tự, trong khi nhãn hiệu đối chứng "DTRAN, hình" theo GCN ĐKNH số 194234 có độ dài 5 ký tự. Hai nhãn hiệu có 5 ký tự trùng nhau là "D", "T", "R", "A", "N", xuất hiện tại các vị trí tương ứng. Mặc dù có sự khác biệt ở ký tự đầu tiên ("A" và "D"), nhưng trong thực tế phát âm, âm "A" trong "ADTRAN" có thể bị lược hoặc không rõ khi phát âm nhanh, dẫn đến việc hai nhãn hiệu đều có thể được nghe như bắt đầu bằng âm "D". Bên cạnh đó, phần "TRAN" trong cả hai nhãn hiệu đều phát âm giống nhau. Do đó, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký được đánh giá là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về mặt cấu trúc và phát âm.

Xét về danh mục sản phẩm, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "ADTRAN" theo ĐKQT số 1113296 đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 gồm: thiết bị điện tử viễn thông và truyền thông dữ liệu, thiết bị xử lý dữ liệu trong ngành viễn thông, sách hướng dẫn sử dụng điện tử đi kèm, và phần mềm điều hành, kiểm soát, quản lý, cấu hình thiết bị viễn thông và hệ thống thiết bị xử lý dữ liệu. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "DTRAN, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 194234 cũng được đăng ký cho sản phẩm thuộc nhóm 09 là phần mềm máy tính. Như vậy, cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho các sản phẩm

phần mềm máy tính hoặc có chứa phần mềm, sử dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin – viễn thông, có thể có cùng mục đích sử dụng, kênh phân phối và đối tượng khách hàng. Do đó, các sản phẩm nêu trên được coi là tương tự nhau về bản chất và chức năng.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "ADTRAN" theo ĐKQT số 1113296 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1113296 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2012/20 NHT09 ngày 14/5/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1113296.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ADTRAN, lnc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ADTRAN, lnc. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136664/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của LLOYD LABORATORIES INC.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2012-00277 ngày 30/3/2012 của LLOYD LABORATORIES INC.; địa chỉ: 10 Lloyd Avenue, F.B.I.C, Tikay, Malolos, Bulacan, Philippines; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2009-23769 theo Quyết định số 49059/QĐ-SHTT ngày 29/11/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4212/BC-TTKN ngày 02/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của LLOYD LABORATORIES INC. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Olmegard" theo đơn đăng ký số 4-2009-23769 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 05 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "OMEGAST" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 74775. Công ty CP Sở hữu công nghiệp Investip đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "Olmegard" với các lý do sau:

Nhãn hiệu "OLMEGARD" không tương tự với nhãn hiệu đối chứng "OLMEGAST" về mặt cấu trúc. Sự khác biệt về chữ thể hiện ở sự khác nhau về phần hậu tố của các nhãn hiệu. Nhãn hiệu nộp đơn có phần hậu tố là "GARD" trong khi đó nhãn hiệu đối chứng có phần hậu tố là "GAST".

Người nộp đơn thừa nhận cả hai nhãn hiệu có chung phần tiền tố "OLME". Tuy nhiên, tiền tố này được sử dụng rất nhiều trong việc đặt tên thuốc cho các sản phẩm dược thuộc nhóm 05 và cũng được đồng tồn tại trong nhiều nhãn hiệu.

Có thể thấy do đặc thù của các sản phẩm dược, các nhãn hiệu thường có chung phần tiền tố hoặc hậu tố nhưng không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Trên thực tế, người nộp đơn thấy dược phẩm là một loại sản phẩm đặc biệt. Không giống như các mặt hàng tiêu dùng khác như thực phẩm, đồ uống, quần áo…, mà ai cũng có thể mua, sử dụng ở bất kỳ thời điểm nào tại khắp mọi nơi, các sản phẩm dược thường được mua theo đơn của bác sĩ hoặc sự hướng dẫn của người có chuyên môn. Khi có ý định mua sản phẩm dược, người tiêu dùng sẽ phải xin tư vấn từ bác sĩ hoặc người có chuyên môn, rồi mới đến cửa hàng thuốc, cùng với sự chỉ dẫn cụ thể để mua sản phẩm đó. Nói cách khác, khi đến các cửa hàng dược trong các bệnh viện hay hiệu thuốc, người tiêu dùng sẽ phải hỏi người bán thuốc để kiểm tra xem thuốc có đúng với loại mình cần mua hay không.

Tương tự, các dược sĩ hay người bán thuốc cũng phải kiểm tra tính chính xác của đơn thuốc trước khi cấp phát thuốc đến người tiêu dùng. Với quy trình mua dược phẩm khá chặt chẽ như trên, việc nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu là điều khó có thể xảy ra. Vì vậy, rất khó có thể nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu thuốc mang nhãn hiệu "Olmegard" và "OLMEGAST".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Xét về mặt cấu trúc và cách phát âm, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "Olmegard" theo đơn đăng ký số 4-2009-23769 có độ dài 8 ký tự, nhãn hiệu đối chứng "OLMEGAST" theo GCN ĐKNH số 74775 cũng có độ dài 8 ký tự. Trong cấu trúc hai nhãn hiệu, có đến 7/8 ký tự trùng nhau là "O", "L", "M", "E", "G", "A", "D" đồng thời xuất hiện tại các vị trí tương ứng. Do đó, hai nhãn hiệu có thể tạo ra âm thanh tương tự, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn về mặt cấu trúc và phát âm. Do vậy, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký được đánh giá là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về mặt cấu trúc và phát âm.

Các sản phẩm mang hai nhãn hiệu đều thuộc nhóm dược phẩm – là lĩnh vực mà sự an toàn và rõ ràng trong nhận diện là đặc biệt quan trọng. Trong điều kiện thực tế, người tiêu dùng không phải lúc nào cũng có đủ kiến thức chuyên môn để phân biệt chính xác giữa các nhãn hiệu tương tự nhau, đặc biệt khi việc kê đơn, mua thuốc có thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố thị giác hoặc âm thanh.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "Olmegard" theo đơn đăng ký số 4-2009-23769 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2009-23769 ngày 03/11/2009 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 49059/QĐ-SHTT ngày 29/11/2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-23769 ngày 03/11/2009.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, LLOYD LABORATORIES INC. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LLOYD LABORATORIES INC. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139155/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

NMD368

Xét đơn số KN4-2024-00553 ngày 14/6/2024 của Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An; địa chỉ: Số 08A, Quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-52162 theo Quyết định số 26372/QĐ-SHTT ngày 14/3/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4762/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Texas 5" theo đơn số 4-2021-52162 nộp ngày 28/12/2021 bị từ chối bảo hộ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Trà và Cộng sự đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu xin đăng ký "Texas" không có khả năng gây hiểu sai lệch, nhầm lẫn hoặc mang tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính chất hoặc chất lượng của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu. Theo lập luận của người nộp đơn, các sản phẩm và dịch vụ đăng ký dưới nhãn hiệu này hoàn toàn không có liên quan đến địa danh "Texas" của Hoa Kỳ, do đó không tạo ra sự liên hệ cụ thể nào về nguồn gốc địa lý trong nhận thức của người tiêu dùng.

Ngoài ra, người nộp đơn cũng cung cấp thông tin về thực tiễn đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam, theo đó đã có nhiều nhãn hiệu chứa tên các thành phố, quốc gia được cấp văn bằng bảo hộ, mặc dù chủ sở hữu của các nhãn hiệu đó không có trụ sở hay xuất xứ từ những địa danh tương ứng. Thực tiễn này được người nộp đơn viện dẫn nhằm củng cố lập luận rằng dấu hiệu "Texas" không mang tính mô tả hoặc gây nhầm lẫn về địa lý trong bối cảnh cụ thể của nhãn hiệu xin đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký có chứa dấu hiệu "Texas" – là tên một tiểu bang của Hoa Kỳ, trong khi chủ đơn là doanh nghiệp Việt Nam, không có liên hệ về nguồn gốc hoặc địa lý với địa danh này. Việc sử dụng dấu hiệu "Texas"

trong nhãn hiệu có thể gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng về xuất xứ hàng hóa, dẫn đến khả năng nhầm lẫn hoặc mang tính chất lừa dối.

Việc bổ sung số "5" trong nhãn hiệu "Texas 5" không làm thay đổi bản chất nhận diện của dấu hiệu "Texas", cũng không đủ để loại trừ khả năng gây nhầm lẫn nêu trên.

Các dẫn chứng do người nộp đơn cung cấp chỉ mang tính tham khảo, không phải là căn cứ pháp lý để bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam.

Từ các nhận định trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-52162 ngày 28/12/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 26372/QĐ-SHTT ngày 14/3/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-52162 ngày 28/12/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Long An (qua Công ty TNHH Trà và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139157/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH đầu tư Vĩnh Phú
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2017-00843 ngày 07/8/2017 của Công ty TNHH đầu tư Vĩnh Phú; địa chỉ: Lầu 6, Master Building, 41-43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Ban Ca; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-21362 theo Quyết định số 28682/QĐ-SHTT ngày 08/5/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4239/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH đầu tư Vĩnh Phú với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "city home, hình" theo đơn số 4-2012-21447 ngày 10/9/2014 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nổi tiếng "city, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 37382, "city" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 160162 và "CITYHOME Chăm chút từng cm không gian, hình" theo GCN ĐKNH số 110864. Công ty TNHH Banca đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lýdo sau:

Đối với nhãn hiệu đối chứng "CITYHOME Chăm chút từng cm không gian, hình" theo GCN ĐKNH số 110864, theo điều tra của người nộp đơn, nhãn hiệu này đã không được sử dụng tại Việt Nam cho các dịch vụ đã đăng ký trong suốt 05 năm gần nhất tính đến thời điểm khiếu nại. Ngoài ra, nhãn hiệu cũng đã hết hiệu lực kể từ ngày 08/5/2016 do không được gia hạn. Do vậy, nhãn hiệu đối chứng nêu trên không đủ điều kiện để làm căn cứ từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

Đối với các nhãn hiệu đối chứng "citi, hình" theo GCN ĐKNH số 37382 và "citi" theo GCN ĐKNH số 160162, theo quy định tại điểm 39.8 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, việc đánh giá khả năng gây nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu cần được tiến hành trên cơ sở so sánh toàn diện về cấu trúc, nội dung, ý nghĩa, hình thức thể hiện của dấu hiệu, đồng thời so sánh các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Về cấu trúc và cách trình bày, các nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm từ "citi" hoặc "citi" kèm theo một đường vòng cung ôm lấy các chữ cái. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của hai từ "citi" và "home" được thể hiện bằng màu xanh, cùng phần hình ảnh tòa nhà cách điệu màu đỏ nằm giữa hai từ, tạo nên một bố cục thị giác hoàn toàn khác biệt.

Về ý nghĩa, từ "citi" trong các nhãn hiệu đối chứng có thể được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau trong các ngôn ngữ khác nhau như Esperanto, Ý, Latvia, Rumani... và không nhất thiết mang nghĩa "thành phố". Trong khi đó, từ "citi" trong nhãn hiệu đăng ký kết hợp với từ "home" tạo thành "citi home" – một cách viết khác của "city home", mang nghĩa "nhà phố". Ý nghĩa này khác biệt hoàn toàn với các nhãn hiệu đối chứng.

Về phạm vi dịch vụ, nhãn hiệu "citi home, hình" được đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 36 và nhóm 37. Đặc biệt, nhóm 37 bao gồm các dịch vụ xây dựng, lắp đặt và sửa chữa, vốn không trùng hoặc tương tự với các sản phẩm, dịch vụ đã được đăng ký cho các nhãn hiệu đối chứng. Sự khác biệt về phạm vi bảo hộ này góp phần tăng khả năng phân biệt giữa các nhãn hiệu.

Từ các phân tích trên, người nộp đơn cho rằng:

Đối với nhóm 37: Với sự khác biệt rõ rệt về hình thức thể hiện, ý nghĩa và dịch vụ mang nhãn hiệu, nhãn hiệu "citi home, hình" có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng và đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm 39.8 và điểm 39.9 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Đối với nhóm 36: Dù có sự tương đồng nhất định về danh mục dịch vụ, nhưng sự khác biệt về cấu trúc, nội dung và cách trình bày của dấu hiệu vẫn bảo đảm khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký.

Bên cạnh đó, người nộp đơn không đồng ý với việc Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng các nhãn hiệu "citi" và "citi, hình" là nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam và viện dẫn Điều 74.2.i) Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ. Theo người nộp đơn được biết, hiện chưa có danh sách chính thức nào về các nhãn hiệu được công nhận là nổi tiếng tại Việt Nam.

Từ các phân tích và dẫn chứng nêu trên, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu "citi home, hình" có đầy đủ khả năng phân biệt và đáp ứng điều kiện bảo hộ đối với toàn bộ dịch vụ thuộc nhóm 36 và nhóm 37 theo đơn đăng ký số 4-2012-21447.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được coi là nổi tiếng của người khác đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ không tương tự, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phân biệt của nhãn hiệu nổi tiếng hoặc việc đăng ký nhãn hiệu nhằm lợi dụng uy tín của nhãn hiệu nổi tiếng".

2. Nhận định, đánh giá:

Trong nhãn hiệu đăng ký, phần chữ "home" là yếu tố mang tính mô tả đối với danh mục dịch vụ yêu cầu bảo hộ, do đó không có khả năng phân biệt. Phần chữ "citi" là thành phần có chức năng phân biệt chính và trùng với phần chữ "citi" trong các nhãn hiệu đối chứng.Bên cạnh đó, danh mục dịch vụ trong

đơn đăng ký số 4-2014-21362 ngày 10/9/2014 trùng hoặc tương tự với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng, do đều liên quan đến lĩnh vực bất động sản và dịch vụ đầu tư tài chính.

Đối với nhãn hiệu "CITIHOME Chăm chút từng cm không gian, hình" theo GCN ĐKNH số 110864 cấp ngày 09/10/2008, có thể nhận thấy rằng phần chữ "citi home" trong nhãn hiệu đăng ký trùng hoàn toàn về ký tự và phát âm với phần chữ "CITYHOME" trong nhãn hiệu đối chứng. Sự khác biệt nhỏ giữa ký tự "i" trong nhãn hiệu đăng ký và ký tự "y" trong nhãn hiệu đối chứng không tạo ra sự thay đổi trong cách phát âm và nhận thức thị giác tổng thể của người tiêu dùng.

Xét về danh mục dịch vụ, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký bao gồm các dịch vụ liên quan đến "xây dựng, trang thiết kế xây dựng", trong khi nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho các dịch vụ "thiết kế trang trí nội ngoại thất; thiết kế xây dựng dân dụng". Các dịch vụ nêu trên có mối liên hệ mật thiết và thường được cung cấp cùng nhau trong thực tiễn thương mại, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại giữa các nhãn hiệu.

Mặc dù nhãn hiệu đối chứng số 110864 đã hết hiệu lực kể từ ngày 09/5/2016, tuy nhiên, tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 28682/QĐ-SHTT ngày 08/5/2017 về việc từ chối cấp GCN ĐKNH cho đơn số 4-2014-21362 thì nhãn hiệu nêu trên vẫn còn được coi là căn cứ từ chối theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Đồng thời, tài liệu kèm theo đơn khiếu nại là Công văn số 100/VKTTC-BTTT-CVNH của Học viện Tài chính – Bộ Tài chính ngày 05/10/2017 không chứng minh được rằng nhãn hiệu số 110864 bị chấm dứt hiệu lực do không sử dụng, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ. Các dẫn chứng được nêu trong đơn khiếu nại chỉ mang tính tham khảo và không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết của vụ việc này.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy ý kiến của người nộp đơn nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-21362 ngày 10/9/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 28682/QĐ-SHTT ngày 08/5/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-21362 ngày 10/09/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH đầu tư Vĩnh Phú có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH đầu tư Vĩnh Phú (qua Công ty TNHH Ban Ca) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139158/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Estee Lauder Cosmetics Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HNT162

Xét đơn số KN5-2025-00110 ngày 14/3/2025 của Estee Lauder Cosmetics Ltd.; địa chỉ: 161 Commander Blvd Agincourt ON M1S 3K9; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1675682 theo Quyết định số 146438/QĐ-SHTT.IP ngày 13/12/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 3988/BC-TTKN ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Estee Lauder Cosmetics Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PR-DEFENSE" theo đơn quốc tế số 1675682 (nhãn hiệu đăng ký) của Estee Lauder Cosmetics Ltd bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 146438/QĐ-SHTT.IP ngày 13/12/2024 vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 146438/QĐ-SHTT.IP ngày 13/12/2024 với lý lẽ sau:

Xét về tổng thể, nhãn hiệu đăng ký là từ tự đặt, không có nghĩa, không khiến người tiêu dùng liên tưởng đến những đặc tính của các sản phẩm liên quan. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không có ý nghĩa mô tả cho các sản phẩm xin đăng ký và hoàn toàn không chỉ dẫn trực tiếp thông tin về các sản phẩm xin đăng ký đến cho người tiêu dùng.

Ngoài ra, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã từng chấp nhận bảo hộ cho các nhãn hiệu tương tự, như các nhãn hiệu được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 424897, 74004, 124949,…

Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có: Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Anh Quốc, Singapore,…

Từ những lập luận trên, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt tự thân và đáp ứng các điều kiện để được bảo hộ với tư cách là một nhãn hiệu tại Việt Nam. Do đó, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng "PR" và "DEFENSE".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường*

hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "FR-DEFENSE" được tạo thành bởi sự kết hợp giữa chữ "FR" và "DEFENSE" bằng dấu gạch nối, tạo thành một tổ hợp không phổ biến trong cách sử dụng ngôn ngữ. Mặc dù nếu tách riêng từng thành phần thì chữ "FR" là hai ký tự không phát âm được thành một từ, "DEFENSE" là từ tiếng Anh có nghĩa là "bảo vệ" hoặc "chống lại", khi sử dụng cho các sản phẩm mỹ phẩm hoặc sản phẩm chăm sóc da có thể gợi liên tưởng đến công dụng bảo vệ của sản phẩm. Tuy nhiên, sự kết hợp chữ "FR" với từ "DEFENSE" lại không phải là cách kết hợp phổ biến, sự kết hợp này tạo ra một cấu trúc dễ nhận biết về mặt thị giác.

Chính cách tổ hợp từ ngữ không phổ biến này tạo nên khả năng phân biệt nhất định cho nhãn hiệu, dù từng thành phần riêng lẻ không có tính phân biệt cao.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1675682, không áp dụng quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 146438/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 13/12/2024 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1675682.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1675682.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Estee Lauder Cosmetics Ltd. (qua Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139365/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Bayer Intellectual Property GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2016-00379 ngày 28/4/2016 của Bayer Intellectual Property GmbH; địa chỉ: Alfred-Nobel-Str.10, 40789 Monheim am Rhein, Germany; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-29727 ngày 16/12/2013 theo Quyết định số 5922/QĐ-SHTT ngày 01/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4635/BC-

TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Bayer Intellectual Property GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2013-29727 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 236785 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn và có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng. Mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng có các âm tiết đầu "DER/MA" nhưng người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được hai nhãn hiệu nhờ vào âm tiết cuối "LEEN" và "VEEN". Sự khác nhau giữa chữ V và L tạo ra khả năng phân biệt về cảm quan và phát âm giữa "LEEN" và "VEEN". "LEEN" được đọc là "lin" trong khi "VEEN" được đọc là "vin". Sự khác nhau ở âm tiết cuối VEEN/LEEN dẫn đến sự khác nhau về tổng thể cấu trúc và phát âm giữa nhãn hiệu đăng ký DERMALEEN và nhãn hiệu đối chứng DERMAVEEN. Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là đờ/ma/lin trong khi nhãn hiệu đối chứng được đọc là đờ/ma/vin. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và phát âm. Trên thực tế, một số trường hợp nhãn hiệu có mức độ tương tự kiểu như trường hợp của DERMALEEN và DERMAVEEN nhưng vẫn được cùng được chấp nhận bảo hộ ở Việt Nam cho các sản phẩm nhóm 3, 5 như: DERMASIL (ĐK số 20442 nhóm 3) và DERMASKIN (ĐK số 138631 nhóm 3); DERMASKIN (ĐK số 138631 nhóm 3) và DERMAGLIN (ĐK số 157746 nhóm 3); SONCEF (ĐK số 201006 nhóm 5) và DONCEF (ĐK số 64797 nhóm 5); SORANA (ĐK số 133853 nhóm 5) và SORAVAR (ĐK số 157136 nhóm 5).

- Thứ hai, sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký và sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng khác biệt nhau. Cụ thể, sản phẩm thuộc nhóm 3 mang nhãn hiệu đăng ký là "mỹ phẩm dành cho động vật", sản phẩm nhóm 5 là "Sản phẩm dùng trong thú y; chế phẩm chống ký sinh trùng", tức là mục đích, đối tượng sử dụng là động vật. Các sản phẩm này chỉ được bán, tiêu thụ ở các cửa hàng dành riêng cho động vật. Trong khi đó các sản phẩm nhóm 3 của nhãn hiệu đối chứng là "Chế phẩm chăm sóc da, kem dưỡng da, dầu gội đầu, bánh xà phòng" là các sản phẩm dùng cho con người. Các sản phẩm nhóm này được trong các cửa hàng thời trang, mỹ phẩm ….dành cho con người. Sản phẩm nhóm 5 của nhãn hiệu đối chứng gồm "Chế phẩm dùng cho da có chứa thuốc" cũng là một trong các sản phẩm để điều trị các bệnh về da cho người của chủ nhãn hiệu đối chứng. Và

các sản phẩm này cũng sẽ có kênh phân phối riêng, được bán trong các cửa hàng thuốc, mỹ phẩm, được tư vấn/kê đơn bởi bác sĩ da liễu. Như vậy, mục đích, chức năng, đối tượng sử dụng, kênh tiêu thụ của các sản phẩm nhóm 3 và nhóm 5 mang hai nhãn hiệu là hoàn toàn khác nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2013-29727 tương tự về cấu trúc với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 236785. Tuy nhiên, đối tượng sử dụng sản phẩm thuộc nhóm 03, 05 mang nhãn hiệu đăng ký là động vật và dùng trong thú y, khác biệt với đối tượng sử dụng sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là con người. Các sản phẩm này khác nhau về chức năng và mục đích sử dụng, được lưu thông theo kênh thương mại khác nhau trên thị trường, không được coi là hàng hóa cùng loại theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không dùng nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 236785 làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2013-29727. Do đó, đề nghị trong đơn khiếu nại của chủ đơn số 4-2013-29727 có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-29727 ngày 16/12/2013, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 5922/QĐ-SHTT ngày 01/02/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-29727 ngày 16/12/2013.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2013-29727 ngày 16/12/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Bayer Intellectual Property GmbH (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139619/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PAN RAJDHEVEE GROUP PUBLIC COMPANY LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2014-01167 ngày 21/11/2014 của PAN RAJDHEVEE GROUP PUBLIC COMPANY LIMITED; địa chỉ: 50/234-275 Moo 3, Lat Sa Wai, Lam Lukka, Pathumthani, 12150, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-21976 ngày 18/10/2011 theo Quyết định số 51072/QĐ-SHTT ngày 28/8/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4753/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PAN RAJDHEVEE GROUP PUBLIC COMPANY LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "PAN DERMACARE Nano Herbs, hình" theo đơn số 4-2011-21976 tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "DERMALCARE" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 28536, nhãn hiệu "PAN Cosmetics+, hình" theo GCNĐKNH số 74505 và nhãn hiệu "DermaCare, hình" theo đơn số 4-2008-02437 theo các Điều 74.2.e, c và Điều 90.2 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộ đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "PAN DERMACARE Nano Herbs, hình" với các lý do sau:

1. Dấu hiệu "PAN DERMACARE Nano Herbs, hình" xin đăng ký theo Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-21976 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "DermaCare, hình" theo Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-02437 về tổng thể nhãn hiệu và sản phẩm/dịch vụ.

1.1 Sự khác biệt về tổng thể nhãn hiệu

Nhãn hiệu xin đăng ký theo Đơn nhãn hiệu số 4-2011-21976:

Nhãn hiệu đối chứng theo Đơn nhãn hiệu số 4-2008-02437:

Nhãn hiệu xin đăng ký "PAN DERMACARE Nano-Herbs & Hình" theo Đơn nhãn hiệu số 4-2011-29976 là một tổng thể cách điệu cách điệu, bao gồm từ "DERMACARE" viết in hoa to màu xanh dương và được cách điệu ở hai chữ cái "E" và là cụm từ tự đặt, không có nghĩa. Phía trên từ "DERMACARE" là từ "PAN" viết in hoa nhỏ hơn màu xanh dương với hình cầu vồng nhỏ màu xanh dương ở bên trái từ "PAN". Phía dưới từ "DERMACARE" là một dấu gạch ngang và phía dưới dấu gạch ngang là dòng chữ "Nano-Herbs" viết in thường nhỏ màu xanh dương với hai chữ cái đầu "N" và "H" viết in hoa. Phía dưới của tổng thể trên là sự lặp lại của tổng thể này với màu đen.

Trong khi, nhãn hiệu đối chứng "DermaCare & Hình" bao gồm cụm từ "DermaCare" được viết cách điệu màu trắng với 2 chữ cái "D" và "C" được viết in hoa to và các chữ cái còn lại viết in thường nhỏ, tạo thành 2 từ riêng biệt có nghĩa là "Derma" và "Care". Phía trên cụm từ "DermaCare" là hình một dải lụa cách điệu. Tất cả các thành phần này được đặt trong một hình chữ nhật màu đen nhạt.

Vì vậy, nhãn hiệu xin đăng ký "PAN DERMACARE Nano-Herbs & Hình" có khả năng phân biệt riêng về ấn tượng về thị giác và cảm quan đối với

người tiêu dùng về hình thức tổng thể nhãn hiệu đối với các nhãn hiệu đối chứng "DermaCare & Hình".

1.2. Sự khác biệt về sản phẩm/dịch vụ

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-21975 "PAN DERMACARE" xin đăng ký cho các sản phẩm "mỹ phẩm và mỹ phẩm chứa thuốc" thuộc nhóm 03 và 05, trong khi đó Đơn nhãn hiệu đối chứng số 4-2008-02437 "DermaCare, hình" xin đăng ký cho các dịch vụ "buôn bán, đào tạo và chăm sóc da" thuộc nhóm 35, 41, 44. Do vậy, theo quy định, các sản phẩm "mỹ phẩm và mỹ phẩm chứa thuốc" thuộc nhóm 03 và 05 không bị coi là tương tự với các vụ "buôn bán, đào tạo và chăm sóc da" thuộc nhóm 35, 41, 44.

2. Nhãn hiệu xin đăng ký "PAN DERMACARE Nano-Herbs, hình" theo Đơn nhãn hiệu số 4-2011-29976 khác biệt với Nhãn hiệu đối chứng "DERMALCARE" dưới đăng ký số 28536 trên cơ sở các yếu tố sau:

2.1 Sự khác biệt về tổng thể nhãn hiệu

Nhãn hiệu xin đăng ký theo Đơn nhãn hiệu số 4-2011-21976: DERMALCARE

Nhãn hiệu đối chứng số 28536: DERMALCARE

Như đã phân tích ở phần (1), dấu hiệu xin đăng ký "PAN DERMACARE Nano-Herbs, Hình" theo đơn nhãn hiệu số 4-2011-29976 là một tổng thể cách điệu. Trong khi, nhãn đối chứng số 28536 chỉ là một từ "DERMALCARE" viết in hoa ở phông chữ thông thường.

Do vậy, nhãn hiệu xin đăng ký "PAN DERMACARE Nano-Herbs & Hình" có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "DERMALCARE" về ấn tượng thị giác đối với hình thức tổng thể nhãn hiệu.

2.2 Sự khác biệt về sản phẩm xin đăng ký, mục đích sử dụng và kênh phân phối

Các sản phẩm xin đăng ký theo Đơn nhãn hiệu số 4-2011-21976:

Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem chống lão hóa da; chế phẩm chống rám nắng (mỹ phẩm); mỹ phẩm làm sạch mụn trứng cá; kem bôi chống mụn trứng cá (mỹ phẩm); kem trang điểm (mỹ phẩm); kem làm trắng da (mỹ phẩm); mỹ phẩm chăm sóc da; tinh dầu dùng cho mục đích trang điểm (mỹ phẩm); mặt nạ làm đẹp (mỹ phẩm); mỹ phẩm dạng lỏng dùng cho mục đích trang điểm; chế phẩm dùng để làm trắng và làm sạch da dùng cho mục đích trang điểm.

Nhóm 05: Chế phẩm giữ ẩm da (dược phẩm); chế phẩm chống nắng (dược phẩm); kem và chế phẩm làm sạch mụn trứng cá (dược phẩm); kem chống mụn trứng cá (dược phẩm); chế phẩm làm sạch da có chứa thuốc (ngoại trừ xà

phòng); chế phẩm dạng lỏng giữ ẩm da và cơ thể (dược phẩm); chế phẩm dạng lỏng có chứa thuốc dùng chăm sóc da

Sản phẩm đăng ký dưới nhãn hiệu đối chứng số 28536:

Nhóm 01: Hóa chất, cụ thể là các thành phần lỏng dạng dầu dùng trong sản xuất kem mỹ phẩm, dầu thơm, dầu gội đầu.

Các sản phẩm xin đăng ký theo đơn số 4-2011-21976 là các sản phẩm mỹ phẩm (nhóm 03) và các sản phẩm dược mỹ phẩm (nhóm 05) cho mục đích làm đẹp, trong khi sản phẩm đăng ký dưới nhãn hiệu đối chứng số 28536 lại là các hóa chất dùng để sản xuất mỹ phẩm (nhóm 01).

Vì vậy, căn cứ Điểm 39.9 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN thì các sản phẩm "mỹ phẩm và dược mỹ phẩm" thuộc các nhóm 03 & 05 xin đăng ký theo đơn nhãn hiệu số 4-2011-21976 "PAN DERMACARE Nano-Herbs, hình" không bị coi là tương tự với các sản phẩm "hóa chất" nhóm 01 đã đăng ký dưới nhãn hiệu đối chứng số 28536 trên cơ sở sự khác biệt về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh phân phối sản phẩm.

2.3 Thực tế xử lý đơn nhãn hiệu khác của Công ty PAN RAJDHEVEE cho nhãn hiệu trùng lặp "PAN DERMACARE" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 & 05

Ở một trường hợp tương tự của chính Công ty PAN RAJDHEVEE, cụ thể là đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-21975 cho các sản phẩm nhóm 03 & 05 cho nhãn hiệu trùng lặp "PAN DERMACARE", Đăng ký nhãn hiệu số 28536 "DERMALCARE" cho các sản phẩm nhóm 01 không được coi là nhãn hiệu đối chứng chống lại đơn nhãn hiệu số 4-2011-21975 "PAN DERMACARE" cho các sản phẩm nhóm 03 & 05 dưới Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 43312/SHTT-NH1 ngày 24/12/2012.

Rõ ràng, theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 43312/SHTT-NH1 ngày 24/12/2012, nhãn hiệu "PAN DERMACARE" cho các sản phẩm nhóm 03 & 05 hoàn toàn khác biệt và không bị coi là tương tự với nhãn hiệu "DERMALCARE" cho các sản phẩm nhóm 01.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là

không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "DERMALCARE" theo GCNĐKNH số 28536

Nhãn hiệu đăng ký "PAN DERMACARE Nano-Herbs, hình" mặc dù có phần chữ "DERMACARE" tương tự với nhãn hiệu đối chứng "DERMALCARE" về cấu tạo từ và phát âm, nhưng về tổng thể các nhãn hiệu có khả năng phân biệt với nhau, đồng thời sản phẩm mà các nhãn hiệu áp dụng được xếp vào các nhóm khác nhau trong Bảng phân loại hàng hóa do khác nhau về bản chất, đối tượng người tiêu dùng và kênh thương mại, cụ thể nhãn hiệu đăng ký cho sản phẩm thuộc nhóm 03: "Mỹ phẩm; kem chống lão hóa da, chế phẩm chống rám năng (mỹ phẩm); mỹ phẩm làm sạch mụn trứng cá; kem bôi chống mụn trứng cá (mỹ phẩm), kem trang điểm (mỹ phẩm), kem làm trắng da (mỹ phẩm); mỹ phẩm chăm sóc da, tinh dầu dùng cho mục đích trang điểm (mỹ phẩm), mặt nạ làm đẹp (mỹ phẩm), mỹ phẩm dạng lỏng dùng cho mục đích trang điểm; chế phẩm dùng để làm trắng và làm sạch da dùng cho mục đích trang điểm" và nhóm 05: "Chế phẩm giữ ẩm da (dược phẩm), chế phẩm chống nắng (dược phẩm) kem và chế phẩm làm sạch mụn trứng cá (dược phẩm), kem chống mụn trứng cá (dược phẩm); chế phẩm làm sạch da có chứa thuốc (ngoại trừ xà phòng); chế phẩm dạng lỏng giữ ẩm da và cơ thể (dược phẩm); chế phẩm dạng lỏng có chứa thuốc dùng chăm sóc da", trong khi nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho nhóm 01: "Hoá chất, cụ thể là các thành phần lỏng dạng dầu dùng trong sản xuất kem mỹ phẩm, dầu thơm, dầu gội đầu".

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "PAN Cosmetics+, hình" theo GCNĐKNH số 74505

Người nộp đơn là chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng này nên không lấy nhãn hiệu này làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

c. Đối với nhãn hiệu đối chứng "DermaCare, hình" theo đơn số 4-2008-02437

Nhãn hiệu đăng ký "PAN DERMACARE, Nano-Herbs, hình" và nhãn hiệu đối chứng "DermaCare, hình" đều cùng có thành phần "DERMACARE"/"DermaCare" nhưng nhãn hiệu trong đăng ký có cách trình bày 02 chữ "E" cách điệu như 3 đường kẻ ngang chồng lên nhau và nhãn hiệu đối chứng nhãn hiệu cũng được trình bày cách điệu nên về tổng thể các nhãn hiệu có khả năng phân biệt với nhau, đồng thời phần chữ "DermaCare" trong nhãn hiệu đối chứng không được bảo hộ riêng, bên cạnh đó nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho các sản phẩm mỹ phẩm thuộc nhóm 03 và 05 và nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho các dịch vụ nhóm 35, 41 và 44. Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu như vậy cũng không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm hoặc nguồn cung ứng dịch vụ.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "PAN DERMACARE, Nano-Herbs, hình", không bảo hộ riêng "DERMACARE", "Nano-Herbs".

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số số 4-2011-21976 ngày 18/10/2011, không áp dụng quy định tại các điểm c, e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 51072/QĐ-SHTT ngày 28/8/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-21976 ngày 18/10/2011.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu với việc bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "PAN DERMACARE, Nano-Herbs, hình", không bảo hộ riêng "DERMACARE", "Nano-Herbs" theo đơn số 4-2011-21976 ngày 18/10/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PAN RAJDHEVEE GROUP PUBLIC COMPANY LIMITED (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139620/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1158529 của Summit Entertainment, LLC (US) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

TTN105

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2014-00836 ngày 26/8/2014 của Summit Entertainment, LLC; địa chỉ: 2700 Colorado Avenue, Suite 200 Santa Monica CA 90404 (US); đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh.

Lý do đình chỉ: Căn cứ đăng ký quốc tế số 1158529 hết hiệu lực từ ngày 10/12/2022 và không được chủ gia hạn hiệu lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Summit Entertainment, LLC (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139624/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Samsung Electronics Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-01249 ngày 01/12/2017 của Samsung Electronics Co., Ltd.; địa chỉ: 129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 16677, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH WINCO; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1314078 theo Thông báo số 2016/40 LMT09 ngày 14/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4451/BC-TTKN

ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Samsung Electronics Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "GEAR 360" theo ĐQT số 1314078 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "UK GEAR, hình" theo ĐKQT số 964829 và "Gear" theo ĐKQT số 815769. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "GEAR 360" theo ĐQT số 1314078 với lý do:

1. Sự khác biệt giữa nhãn hiệu nộp đơn và các nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách trình bày và/hoặc sản phẩm mang nhãn hiệu

Nhãn hiệu nộp đơn bao gồm phần chữ và số "GEAR 360" được trình bày trên cùng một dòng với cùng kích thước, trong đó phần chữ "GEAR" được viết in hoa. Đây là một sự kết hợp theo ý tưởng sáng tạo rất riêng của người nộp đơn và theo đó tạo nên một ấn tượng cũng rất riêng biệt về mặt thị giác cho người nhìn/người tiêu dùng.

1.1. Đối với nhãn hiệu đối chứng " GEAR " thuộc ĐKQT số 964829:

Nhãn hiệu đối chứng này gồm phần hình và phần chữ. Phần hình được lấy ý tưởng từ hai chữ cái "U" và "K"; cụ thể là: phần hình mũi tên nét đôi được uốn cong từ trên xuống dưới và kéo dài từ trái qua phải vừa tạo thành phần nét của chữ "U" vừa tạo nên nét móc phía trên của chữ "K". Phần chữ "GEAR" được trình bày in nghiêng với nét đậm.

Trong khi phần hình được thể hiện nổi bật với kích thước lớn thì phần chữ "GEAR" có kích thước nhỏ hơn và được đặt ở phía dưới của phần hình nói trên.

Trên thực tế, phần chữ "GEAR" là một thành phần không có tính phân biệt đối với các sản phẩm thuộc nhóm 09 và có rất nhiều nhãn hiệu bao gồm phần chữ "gear" đều đã được chấp nhận bảo hộ đồng thời cho nhóm sản phẩm 09 tại Việt Nam. Vì thế, việc đánh giá tính tương tự giữa các nhãn hiệu cần được dựa trên sự xem xét về tổng thể trình bày của nhãn hiệu chứ không đơn thuần chỉ xem xét riêng phần chữ "GEAR" được sử dụng kết hợp trong nhãn hiệu.

Trong trường hợp này, với cách kết hợp phần hình và phần chữ độc đáo trong nhãn hiệu đối chứng dựa trên ý tưởng riêng của chủ nhãn hiệu cùng với sự sáng tạo trong bố cục sắp xếp và cách thể hiện các yếu tố chữ và hình của nhãn hiệu như đã phân tích trên đây, có thể thấy rằng nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt rất lớn và không thể bị nhầm lẫn với nhãn hiệu nộp đơn về cấu trúc cũng như về cách trình bày nhãn hiệu.

Do đó, nhãn hiệu nộp đơn có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng thuộc ĐKQT số 964829.

1.2. Đối với nhãn hiệu đối chứng "Gear" thuộc ĐKQT số 815769:

Dễ thấy, nhãn hiệu đối chứng trên được đăng ký cho các sản phẩm hoàn toàn khác biệt so với các sản phẩm yêu cầu đăng ký cho nhãn hiệu nộp đơn. Cụ thể là:

Các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng gồm có "Thiết bị đo tọa độ và các bộ phận đi kèm; phần mềm được sử dụng trong công nghệ đo lường".

Trong khi đó, các sản phẩm yêu cầu đăng ký cho nhãn hiệu nộp đơn bao gồm "Máy ảnh kỹ thuật số; máy quay phim; thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh; Máy ảnh tiêu chuẩn đa khung hình; máy ảnh; giá ba chân dùng cho máy ảnh; giá máy ảnh; máy quay video xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình; máy quay hành trình; pin dùng cho máy ảnh kỹ thuật số và máy quay video xách tay; pin dùng cho máy ảnh/máy ảnh kỹ thuật số; pin; bộ sạc pin; thiết bị sạc pin cho máy ảnh/máy ảnh kỹ thuật số; ứng dụng phần mềm máy tính có thể tải xuống được; chương trình máy tính (phần mềm có thể tải xuống được); phần mềm máy tính để xử lý hình ảnh kỹ thuật số; phần mềm máy tính để tạo và xem hình ảnh kỹ thuật số và ảnh chụp; phần mềm máy tính để xử lý dữ liệu; phần mềm máy tính để tăng cường tính năng nghe nhìn của các ứng dụng đa phương tiện, cụ thể là tích hợp văn bản, âm thanh, đồ họa, hình ảnh tĩnh và hình ảnh động".

Rõ ràng là, trong khi các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là các loại thiết bị đo lường và phần mềm chuyên dụng cho kỹ thuật đo lường thì các sản phẩm của nhãn hiệu nộp đơn lại là các loại thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh như: máy ảnh, máy quay phim, phần mềm máy tính ứng dụng chuyên biệt trong nhiếp ảnh và các phụ kiện chuyên dụng đi kèm.

Theo đó, các sản phẩm đăng ký cho nhãn hiệu nộp đơn và nhãn hiệu đối chứng hoàn toàn khác biệt nhau về bản chất và chức năng, được hướng tới những đối tượng người tiêu dùng khác nhau và được phân phối theo các kênh thương mại cũng hoàn toàn khác nhau.

Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng trên cũng có sự khác biệt nhất định so với nhãn hiệu nộp đơn về cấu trúc và cách trình bày; đó là: nhãn hiệu này chỉ gồm duy nhất phần chữ "Gear" trong đó chữ cái đầu tiên được viết in hoa và các chữ cái còn lại đều được thể hiện ở dạng chữ in thường và chân phương. Chính cách thể hiện nhãn hiệu như trên cũng đã tạo nên ấn tượng riêng về mặt thị giác cho nhãn hiệu đối chứng và khác biệt với nhãn hiệu nộp đơn.

Như vậy, nhãn hiệu nộp đơn hoàn toàn có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng về các sản phẩm mang nhãn hiệu cũng như có sự khác biệt nhất định về cấu trúc và cách trình bày.

2. Nhãn hiệu nộp đơn đã được bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 tại nhiều quốc gia trên thế giới

Để nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình đối với nhãn hiệu nộp đơn, người nộp đơn - Công ty Samsung Electronics Co., Ltd. đã tiến hành đăng ký nhãn hiệu nộp đơn tại nhiều quốc gia trên thế giới. Hiện nay, nhãn hiệu nộp đơn đã được đăng ký thành công và được chấp nhận bảo hộ tại các quốc gia sau đây: Cộng đồng châu Âu (bao gồm 28 quốc gia: Áo, Bỉ, Bungary, Cộng hòa Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Ailen, Ý, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Rumani, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Anh), Niu Di-lân, Hàn Quốc, Philippin, Singapo, Anh và Mỹ.

Như vậy, có thể thấy rằng các quốc gia trên đều có chung quan điểm rằng nhãn hiệu nộp đơn có khả năng phân biệt được cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 và do đó đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ đối với một nhãn hiệu.

Đồng thời, căn cứ vào cơ sở dữ liệu trực tuyến của Cơ quan Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO liên quan đến các Đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1314078, 964829 và 815769, tại một số quốc gia như: Anh, Singapo, Nhật Bản, mặc dù các nhãn hiệu đối chứng đã được bảo hộ từ rất lâu trước đó nhưng các Cơ quan Sở hữu trí tuệ của nước sở tại vẫn tiếp tục chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nộp đơn. Điều này đã cho thấy rằng khả năng phân biệt của nhãn hiệu nộp đơn đã hoàn toàn được thừa nhận tại các quốc gia này và sự tồn tại đồng thời của nhãn hiệu nộp đơn cùng với các nhãn hiệu đối chứng sẽ không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của các sản phẩm mang nhãn hiệu.

Người nộp đơn xin gửi kèm theo đây bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký và Tuyên bố bảo hộ nhãn hiệu nộp đơn tại các quốc gia nêu trên để Cục Sở hữu trí tuệ tham khảo.

3. Kết luận

Với toàn bộ những nội dung đã trình bày trên đây, người nộp đơn cho rằng hoàn toàn có cơ sở để khẳng định nhãn hiệu nộp đơn có khả năng phân biệt so với các nhãn hiệu đối chứng; theo đó, nhãn hiệu nộp đơn hoàn toàn đáp ứng các tiêu chí của một nhãn hiệu được bảo hộ theo quy định về sở hữu trí tuệ của luật pháp Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp

các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "UK GEAR, hình" theo ĐKQT số 964829

Do nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã hết hiệu lực từ ngày 30/11/2017 và không được chủ sở hữu gia hạn lại hiệu lực, nên không lấy nhãn hiệu theo ĐKQT số 964829 làm đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "Gear" theo ĐKQT số 815769

Mặc dù, cả 2 nhãn hiệu đều có phần chữ "Gear" nhưng nhãn hiệu đăng ký thêm phần chữ "360" cũng tạo nên sự khác biệt, đồng thời cùng áp dụng nhóm 09 nhưng sản phẩm các nhãn hiệu áp dụng khác nhau về bản chất, đối tượng người tiêu dùng và kênh phân phối, cụ thể: nhãn hiệu đăng ký chủ yếu cho sản phẩm: "máy ảnh, máy quay phim, phần mềm máy tính ứng dụng chuyên biệt trong nhiếp ảnh và các phụ kiện chuyên dụng đi kèm", trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ áp dụng trong lĩnh vực chuyên biệt là đo lường: "Thiết bị đo tọa độ và các bộ phận đi kèm; phần mềm được sử dụng trong công nghệ đo lường".

Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "GEAR 360", không bảo hộ riêng "360".

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1314078, không áp dụng quy định tại các điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/40 LMT09 ngày 14/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1314078.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "GEAR 360", không bảo hộ riêng "360" theo đơn quốc tế số 1314078.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Samsung Electronics Co., Ltd. (qua Công ty Luật TNHH WINCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139625/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2015-00661 ngày 16/7/2015 của ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD.; địa chỉ: 8-1, Tatsumi-1-chome, Ikuno-ku, Osaka 544-8666, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-24985 theo Quyết định số 24906/QĐ-SHTT ngày 27/4/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4784/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DermaZ" theo đơn số 4-2012-24985 bị từ chối vì là tập hợp các chữ cái "Z" đơn giản, "Derma" mang tính mô tả cho sản phẩm liên quan đến da hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng nếu sản phẩm có tác dụng trên theo Điều 74.2.(a,c) và khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "DermaZ" theo đơn số 4-2012-24985 dựa trên các lý do sau:

Người nộp đơn đã tiến hành sửa đổi mẫu nhãn hiệu từ "DermaZ" thành "DERMAZ" theo đơn số 4-2012-24985, đồng thời ngày 18/5/2016 người nộp đơn bổ sung Thông báo số 3110/TB-SHTT ngày 27/4/2016 về ghi nhận sửa đổi mẫu nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn đã sửa đổi mẫu nhãn hiệu từ "DermaZ" thành "DERMAZ" theo đơn số 4-2012-24985 theo Thông báo số 3110/TB-SHTT

ngày 27/4/2016, tuy nhiên việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 74, khoản 5 Điều 73 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-24985 ngày 07/11/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24906/QĐ-SHTT ngày 27/4/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-24985 ngày 07/11/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD. (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139626/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SUEZ INTERNATIONAL
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00496 ngày 24/4/2017 của SUEZ INTERNATIONAL; địa chỉ: Tour CB 21 16 place de l'Iris F-92040 PARIS LA DEFENSE CEDEX; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH WINCO; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1284721 theo Thông báo số 2016/03 NNL36 ngày 12/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4779/BC-

TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SUEZ INTERNATIONAL với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Nhãn hiệu "suez" đăng ký theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1284721 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "SUEZ, hình" được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1005885, nhãn hiệu "SUEZ" bảo hộ theo ĐKQT số 774915, nhãn hiệu "GDF SUEZ" bảo hộ theo ĐKQT số 966407 và nhãn hiệu "GDF SUEZ" bảo hộ theo ĐKQT số 978452. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "suez" theo ĐQT số 1284721 với lý do sau:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "SUEZ, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 1005885

Chủ nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã cấp Thư đồng ý cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "" theo ĐQT số 1284721

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "SUEZ, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 774915

Thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu trên lần lượt từ Công ty ENGIE sang cho Công ty SUEZ IP sau đó từ Công ty SUEZ IP sang cho SUEZ và hiện nay là SUEZ INTERNATIONAL; địa chỉ như sau: SUEZ INTERNATIONAL; Tourr CB21, 16 Place, F-92040 Paris La Defense Cedex (FR) và đang được WIPO ghi nhận.

c. Đối với các nhãn hiệu đối chứng "GDF SUEZ" bảo hộ theo ĐKQT số 966407 và nhãn hiệu "GDF SUEZ" bảo hộ theo ĐKQT số 978452

Chủ các nhãn hiệu đối chứng nêu trên là cổ đông của người nộp đơn, do đó chủ các nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "suez" tại Việt Nam theo ĐQT số 1284721 mà không có bất kỳ ý kiến phản đối nào.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "SUEZ, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 1005885

Do nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã hết hiệu lực từ ngày 13/01/2019 và không được chủ sở hữu gia hạn lại hiệu lực nên không lấy nhãn hiệu trên làm đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "SUEZ, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 774915

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã thực hiện việc chuyển nhượng nhãn hiệu nêu trên sang cho người nộp đơn, theo đó tên và địa chỉ thống nhất như sau: SUEZ INTERNATIONAL; Tourr CB21, 16 Place, F-92040, PARIS LA DEFENSE CEDEX (FR);

c. Đối với các nhãn hiệu đối chứng "GDF SUEZ" bảo hộ theo ĐKQT số 966407 và nhãn hiệu "GDF SUEZ" bảo hộ theo ĐKQT số 978452

Nhãn hiệu đăng ký "suez" và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt ở phần chữ "GDF" của các nhãn hiệu đối chứng, đồng thời chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho phép chủ ĐQT số 1284721 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "suez" tại Việt Nam mà không có bất kỳ ý kiến phản đối nào, qua đó loại trừ được khả năng tranh chấp giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1284721, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/03 NNL36 ngày 12/01/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1284721.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1284721.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SUEZ INTERNATIONAL (qua Công ty Luật TNHH WINCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139627/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của NON-CHANGE ENTERPRISE CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2015-01129 ngày 07/12/2015 của NON-CHANGE ENTERPRISE CO., LTD.; địa chỉ: 6F.-11, No.12, Lane 609, Sec.5, Chongxin Road, Sanchong District, New Taipei City 24159, Taiwan; đại diện bởi: Công ty cổ phần Tư vấn S&B; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-07714 theo Quyết định số 68530/QĐ-SHTT ngày 31/10/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4785/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của NON-CHANGE ENTERPRISE CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "VentiPro" theo đơn số 4-2014-07714 tương tự với nhãn hiệu đối chứng "Venti, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 241311 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "VentiPro" theo đơn số 4-2014-07714 theo các lý do sau:

Ngày 07/12/2015, người nộp đơn đã nộp đơn khiếu nại số KN4-2015-01129, trong đó khẳng định rằng nhãn hiệu của người nộp đơn không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng đồng thời đã sử dụng trước thời điểm nộp đơn. Ngày 11/05/2018, người nộp đơn đã nộp bổ sung thông báo số 4003/TB-SHTT ghi nhận yêu cầu sửa đổi đơn nói trên, theo đó, danh mục sản phẩm đăng ký được ghi nhận sau khi sửa đơn là: "Ống thông đường tiểu; hệ thống hỗ trợ hô hấp; thiết bị phụ cho mục đích y tế". Với việc ghi nhận sửa đổi này, người nộp đơn xin khẳng định, danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu của người nộp đơn hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng và đáp ứng yêu cầu bảo hộ theo quy định.

Ngày 28/06/2018, người nộp đơn đã gửi Công văn yêu cầu giải quyết khiếu nại lần 1 cho Cục Sở hữu trí tuệ, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ giải quyết khiếu nại cho vấn đề nêu trên. Sau đó, ngày 15/08/2018 người nộp đơn tiếp tục gửi Công văn yêu cầu khiếu nại lần 2. Ngày 07/01/2021, người nộp đơn tiếp tục gửi Công văn yêu cầu khiếu nại lần 3. Tuy nhiên, đến nay đã hơn 05 năm kể từ ngày nộp khiếu nại, người nộp đơn vẫn chưa nhận được quyết định Giải quyết khiếu nại của Cục Sở hữu trí tuệ.

1. Nhãn hiệu đăng ký "VentiPro"

Nhãn hiệu bao gồm các ký tự cách điệu, viết thẳng rõ nét trong đó phần chữ "Venti" màu đen ghép với phần chữ "Pro" màu xám. Nhãn hiệu gồm phần chữ "VENTI" ghép liền với phần chữ "PRO" và được phát âm thành 4 âm tiết /ven-ti-pờ-rô/

Sản phẩm mang nhãn hiệu là các thiết bị y tế chuyên dụng. Các thiết bị này có chức năng vận chuyển khí cho người dùng.

Đối tượng sử dụng sản phẩm mang nhãn hiệu chủ yếu là các chuyên gia trong lĩnh vực y tế hoặc người được yêu cầu sử dụng | theo chỉ định của chuyên gia y tế.

2. Nhãn hiệu đối chứng "Venti"

Nhãn hiệu bao gồm các ký tự trình bày uốn lượn, nét chấm phía trên chữ i được cách điệu thành hình bông hoa. Nhãn hiệu chỉ gồm phần chữ "VENTI" và được phát âm thành 2 âm tiết /ven-ti/

Sản phẩm mang nhãn hiệu chủ yếu là các vật dụng bằng vải dùng trong y tế (khẩu trang, áo nịt bụng, băng, băng treo, khăn vải)

Đối tượng sử dụng đa dạng và sử dụng hằng ngày, không cần hướng dẫn sử dụng của chuyên gia y tế

Lĩnh vực kinh doanh là ngành dệt may.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "VentiPro" được kết hợp từ hai từ "Venti" là thành phần chính mang tính phân biệt của nhãn hiêu và "Pro" tiếng Việt có nghĩa là "chuyên nghiệp" là thành phần mang tính mô tả nên khả năng phân biệt không cao, cả cụm từ có nghĩa là "Venti chuyên nghiệp", trong khi đó nhãn hiệu đối chứng "Venti, hình" có từ "Venti" là thành phần chính, chủ yếu của nhãn hiệu, do vậy các nhãn hiệu tương tự nhau về dấu hiệu chữ.

- Người nộp đơn đã giới hạn lại danh mục sản phẩm thuộc nhóm 10 và đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận và ghi nhận sửa đổi theo Thông báo số 4003/TB-SHTT ngày 07/5/2018, theo đó sản phẩm sau khi giới hạn thuộc nhóm 10 là: "Ống thông đường tiểu; hệ thống hỗ trợ hô hấp; thiết bị phun cho mục đích y tế". Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc

quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-07714 ngày 11/04/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 68530/QĐ-SHTT ngày 31/10/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-07714 ngày 11/04/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, NON-CHANGE ENTERPRISE CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và NON-CHANGE ENTERPRISE CO., LTD. (qua Công ty cổ phần Tư vấn S&B) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139628/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha Studio Ghibli
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2023-00029 ngày 31/01/2023 của Kabushiki Kaisha Studio Ghibli; địa chỉ: 1-4-25, Kajino-Cho, Koganei-Shi, Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-35797 theo Quyết định số 96837/QĐ-SHTT ngày 31/10/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4771/BC-

TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha Studio Ghibli với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "STUDIO GHIBLI" theo đơn số 4-2019-35797 bị từ chối nhóm 28 vì tương tự với nhãn hiệu đối chứng "GHIBLI" bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1008031 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "STUDIO GHIBLI" theo đơn số 4-2019-35797 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về phát âm, ý nghĩa, tổng thể nhãn hiệu và thực tế sử dụng nhãn hiệu.

- Về phát âm, ý nghĩa và tổng thể nhãn hiệu

Nhãn hiệu xin đăng ký STUDIO GHIBLI được phát âm là /ˈstju:diou ˈgibli/. Xét về ý nghĩa, nhãn đăng ký bao gồm "STUDIO" có nghĩa là "xưởng, phòng chụp ảnh, trường quay phim", "GHIBLI" có nghĩa là "Gió nóng sa mạc Sahara" và cả cụm từ STUDIO GHIBLI có thể hiểu là "xưởng Gió nóng sa mạc Sahara".

Trong khi đó nhãn đối chứng chỉ bao gồm từ "GHIBLI" được phát âm là /ˈgibli/ và có nghĩa là "Gió nóng sa mạc Sahara".

Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về phát âm, ý nghĩa và tổng thể nhãn hiệu.

- Các nhãn hiệu đã sử dụng trong thương mại tại nhiều quốc gia trên thế giới và không có bất kỳ xung đột cũng như sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng

Người nộp đơn, KABUSHIKI KAISHA STUDIO GHIBLI là công ty chuyên sản xuất phim hoạt hình của Nhật Bản được thành lập từ năm 1985. STUDIO GHIBLI được biết đến nhiều nhất trong lĩnh vực sản xuất phim hoạt hình (phim anime Nhật Bản), ngoài ra hãng cũng sản xuất phim ngắn, quảng cáo trên truyền hình và phim hoạt hình nhiều tập chiếu trên truyền hình. Tại Việt Nam, các sản phẩm phim hoạt hình của STUDIO GHIBLI đã được biết đến rộng rãi, được giới thiệu trên các báo, tạp chí chuyên ngành và có uy tín trong giới khách hàng phim anime Nhật Bản.

Trong khi đó, chủ nhãn đối chứng, MASERATI S.P.A. là công ty chuyên sản xuất xe ô tô thể thao hạng sang của Ý được thành lập từ năm 1914. Maserati Ghibli là mẫu xe sedan hạng sang cỡ trung của MASERATI ra mắt vào năm 2013. Xe ô tô Maserati Ghibli cũng được bán và biết đến rộng rãi trong phân khúc thị trường xe ô tô hạng sang tại Việt Nam.

Ngoài ra, trên thực tế sử dụng nhãn hiệu, nhãn hiệu xin đăng ký luôn được sử dụng ở dạng tổng thể là STUDIO GHIBLI, không sử dụng thành phần GHIBLI độc lập cho các các sản phẩm thuộc nhóm 28.

Vì vậy, trong quá trình sử dụng thực tế gắn với hoạt động kinh doanh đặc thù khác nhau của người nộp đơn và chủ nhãn hiệu, nhãn hiệu xin đăng ký

STUDIO GHIBLI và nhãn hiệu đối chứng GHIBLI không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm. Hai nhãn hiệu này đã cùng tồn tại trong nhiều năm tại nhiều quốc gia trên thế giới bao gồm Việt Nam mà không có bất cứ xung đột nào.

2. Chủ nhãn đối chứng, Công ty MASERATI S.P.A. đã cấp Thư đồng ý cho chủ đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu STUDIO GHIBLI cho các sản phẩm thuộc nhóm 28 tại Việt Nam vì đã qua kiểm chứng thực tế việc đồng sử dụng nhãn hiệu STUDIO GHIBLI và GHIBLI cho các sản phẩm nhóm 28 không gây phương hại đến lợi ích của nhãn hiệu GHIBLI của MASERATI S.P.A. và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm.

MASERATI S.P.A. xét thấy rằng nhãn hiệu xin đăng ký có những dấu hiệu phân biệt với nhãn hiệu GHIBLI của mình về phát âm, ý nghĩa tổng thể nhãn hiệu và đã kiểm chứng thực tế đối với việc hai nhãn hiệu đã đồng sử dụng trên thị trường nhiều năm, qua kênh thương mại ở nhiều quốc gia trên thế giới, chủ nhãn hiệu đối chứng MASERATI S.P.A. đã thấy rằng nhãn hiệu STUDIO GHIBLI không có khả năng làm người tiêu dùng bị nhầm lẫn với nhãn hiệu GHIBLI.

Xét dưới góc độ lợi ích, MASERATI S.P.A. là đối tượng chịu sự ảnh hưởng trực tiếp về lợi ích nếu có sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng giữa nhãn hiệu STUDIO GHIBLI với nhãn hiệu GHIBLI. Vì vậy, chủ nhãn hiệu đối chứng được xem như là đại diện cho người tiêu dùng để xác định họ có bị nhầm lẫn giữa nhãn xin đăng ký và nhãn đối chứng hay không (vì cơ quan đăng ký nhãn hiệu hay các bên có liên quan không thể xác nhận trực tiếp với người tiêu dùng việc này).

Ở góc độ xét nghiệm khả năng tương tự của nhãn hiệu theo quy định pháp luật, việc đánh giá tương tự của thẩm định viên thường mang tính kỹ thuật theo các tiêu chí của luật pháp chứ không được kiểm chứng thực tế là người tiêu dùng có bị nhầm lẫn hay không. Vì vậy, ý kiến của chủ nhãn đối chứng về kết quả thẩm định cũng nên được như là ý kiến của đại diện người tiêu dùng bởi người bị thiệt hại trực tiếp nếu có sự tương tự xảy ra trước hết là chủ nhãn hiệu đối chứng.

Vì vậy thực tiễn xem xét việc đăng ký nhãn hiệu ở tất cả các quốc gia đã chấp nhận khi chủ nhãn hiệu đối chứng xác nhận khả năng không bị nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu của họ (mà cơ quan đăng ký lấy đối chứng) bằng một Thư đồng ý (letter of consent). Và Việt Nam từ trước đến nay cũng đều chấp nhận việc này và coi Thư đồng ý (letter of consent) của chủ nhãn hiệu đối chứng như là sự xác nhận về khả năng phân biệt của nhãn hiệu xin đăng ký so với nhãn hiệu đối chứng và khả năng không bị nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Vì vậy, người nộp đơn kính đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét Thư đồng ý của MASERATI S.P.A cấp cho KABUSHIKI KAISHA STUDIO GHIBLI

được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "STUDIO GHIBLI" theo Đơn nhãn hiệu số 4-2019-35797 cho các sản phẩm thuộc nhóm 28 tại Việt Nam là cơ sở để xem xét khả năng phân biệt của nhãn hiệu xin đăng ký và không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm.

3. Thực tế xét nghiệm các đơn đăng ký nhãn hiệu có Thư đồng ý tại Việt Nam.

Tại Việt Nam, trên cơ sở Thư đồng ý do chủ sở hữu nhãn hiệu nhãn đối chứng cấp cho Người nộp đơn đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tương tự với nhãn hiệu đã được bảo hộ, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận việc cùng đăng ký cho nhiều nhãn hiệu.

4. Nhãn hiệu đăng ký đồng đăng ký với nhãn hiệu đối chứng tại một số quốc gia trên thế giới.

Cũng do sự khác biệt về tổng thể nhãn hiệu và thực tế sử dụng như đã phân tích ở trên, nhãn hiệu đăng ký đã được đồng đăng ký với nhãn hiệu đối chứng tại Canada và Hàn Quốc cho các sản phẩm thuộc nhóm 28, chi tiết về các đăng ký nhãn hiệu ở các quốc gia này như sau:

a. Quốc gia: Canada

- Nhãn hiệu: STUDIO GHIBLI; Số ĐKNH: TMA1101768; Ngày đăng ký: 10/6/2021; (Nhóm 6, 9, 14, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 26, 27, 28, 34, 41);

- Nhãn hiệu: GHIBLI; Số ĐKNH: TMA935694; Ngày đăng ký: 23/4/2016; (Nhóm 12, 28)

b. Quốc gia: Hàn Quốc

- Nhãn hiệu: STUDIO GHIBLI; Số ĐKNH: 4500340200000; Ngày đăng ký: 5/3/2011; (Nhóm 9, 14, 16, 20, 21, 24, 25, 26, 27, 28, 31, 34, 41, 9, 14, 16, 20, 26, 41);

- Nhãn hiệu: GHIBLI; Số ĐKNH: 1008031; Ngày đăng ký: 17/6/2009; (Nhóm 28)

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "STUDIO GHIBLI" được ghép từ 02 từ trong đó "STUDIO" có nghĩa là "phòng thu", "xưởng phim" ghép lại thành từ "xưởng phim ghibli" và nhãn hiệu đối chứng "GHIBLI" nên cả hai nhãn hiệu đều có

chung từ "GHIBLI" được coi là thành phần chính, tạo khả năng phân biệt của các nhãn hiệu. Đồng thời, các nhãn hiệu đều áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 28 nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

- Việc chủ sở hữu đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu chỉ được xem là một nguồn tài liệu để tham khảo vì chưa đủ để tạo ra khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-35797 ngày 16/09/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 96837/QĐ-SHTT ngày 31/10/2022 về việc đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-35797 ngày 16/09/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kabushiki Kaisha Studio Ghibli có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kabushiki Kaisha Studio Ghibli (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139629/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HODOGAYA CHEMICAL CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2016-00864 ngày 10/10/2016 của HODOGAYA CHEMICAL CO., LTD.; địa chỉ: 2-4-1, Yaesu, Chuo-ku, Tokyo, 104-0028 Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH WINCO; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1252965 theo Quyết định số 2015/24 HBN35/QĐ-SHTT ngày 16/6/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4793/BC-

TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HODOGAYA CHEMICAL CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "HODOGAYA CHEMICAL" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1252965 đăng ký cho các sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 01, 02, 03, 05, 17, 40 bị tạm thời từ chối bảo hộ do không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 74 và khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký nêu trên với lý do sau:

1. Nhãn hiệu đăng ký là tên của người nộp đơn, đã được sử dụng và công nhận rộng rãi tại rất nhiều quốc gia dưới danh nghĩa một nhãn hiệu

Nhãn hiệu đăng ký được lấy ý tưởng từ tên của người nộp đơn là HODOGAYA CHEMICAL CO., LTD. với lịch sử hình thành cách đây hơn 100 năm. Trên thực tế, người nộp đơn đã và đang sử dụng nhãn hiệu nộp đơn như là một nhãn hiệu công ty gắn liền với rất nhiều chủng loại sản phẩm do người nộp đơn sản xuất tại Nhật Bản và các quốc gia khác trên thế giới.

Hodogaya Chemical Co., Ltd. đã xây dựng một hệ thống các Công ty chi nhánh rộng khắp tại nhiều quốc gia trên thế giới (như: Trung Quốc, Hàn Quốc và Mỹ) và phát triển lớn mạnh thành một tập đoàn kinh doanh có uy tín trên quy mô quốc tế. Tập đoàn Hodogaya Chemical luôn cam kết cung cấp những sản phẩm/dịch vụ chất lượng cao có khả năng đáp ứng được những yêu cầu đa dạng của các khách hàng, nhờ đó đã gây dựng được danh tiếng và giành được sự tín nhiệm của đông đảo người tiêu dùng trên thế giới.

Doanh thu bán hàng liên quan đến các sản phẩm gắn nhãn hiệu đăng ký đã đạt được những con số rất ấn tượng. Cụ thể là: tổng doanh thu bán hàng trong các năm tài chính từ 2012 đến 2015 lần lượt là 4.222.526.000 JPY vào năm 2012; 4.850.842.000 JPY vào năm 2013; 6.465.489.000 JPY vào năm 2014 và 6.529.966.000 JPY vào năm 2015.

Tại Việt Nam, các sản phẩm của HODOGAYA CHEMICAL CO., LTD. (bao gồm các chế phẩm hóa học được sử dụng gắn với các sản phẩm làm từ cao su như lốp xe với mã sản phẩm được ký hiệu là: WV62) đã được phân phối vào thị trường từ năm 2009 thông qua nhà sản xuất lốp xe tại Nhật Bản là Công ty Bridgestone Company.

Như vậy, có thể khẳng định rằng nhãn hiệu nộp đơn đã được sử dụng và công nhận rộng rãi tại rất nhiều quốc gia (bao gồm cả Việt Nam) dưới danh nghĩa một nhãn hiệu.

2. Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và đã được chấp nhận bảo hộ tại rất nhiều quốc gia trên thế giới.

Người nộp đơn đã tiến hành đăng ký nhãn hiệu nộp đơn, nhãn hiệu tương tự với nhãn hiệu nộp đơn tại rất nhiều quốc gia trên thế giới và đã được chấp nhận bảo hộ tại hầu hết các quốc gia, cụ thể là: Nhật Bản, Ca-na-đa, Trung Quốc, Cộng đồng châu Âu (bao gồm 28 quốc gia), Hồng Công, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a, Ả Rập Xê Út, Xinh-ga-po, Hàn Quốc, Thụy Sĩ, Đài Loan, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ.

Tại Việt Nam, người nộp đơn đã đăng ký thành công nhãn hiệu "HODOGAYA & hình" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1183867 vào năm 2015. Nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 1183867 cũng bao gồm phần chữ "HODOGAYA"; do đó, nhãn hiệu đăng ký "HODOGAYA CHEMICAL" của cùng chủ sở hữu cũng có khả năng phân biệt tương tự và đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam.

Hơn nữa, "HODOGAYA" chỉ là tên của một trong các đơn vị hành chính cấp phường của thành phố Yokohama trực thuộc tỉnh Kanagawa. Là một Công ty của Nhật Bản, được thành lập và hoạt động kinh doanh theo luật pháp Nhật Bản, người nộp đơn cho rằng "HODOGAYA" không phải là một địa danh được biết đến rộng rãi ngay cả ở tại nước Nhật. Trên thực tế, không nhiều người tiêu dùng Nhật Bản có hiểu biết rằng "HODOGAYA" là tên gọi địa lý. Theo đó, đối với đông đảo những người tiêu dùng có hiểu biết thông thường tại Việt Nam, việc nhận biết được "HODOGAYA" là tên gọi địa lý của Nhật Bản là điều không thể. Vì vậy, nhãn hiệu nộp đơn được bảo hộ tại Việt Nam sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng Việt Nam về nguồn gốc địa lý của các sản phẩm mang nhãn hiệu.

Với việc các sản phẩm gắn nhãn hiệu đăng ký đã thực sự được phân phối rộng rãi tại thị trường Việt Nam như đã đề cập trên đây, người tiêu dùng Việt Nam hoàn toàn có thể dễ dàng nhận biết về nguồn gốc của các sản phẩm này cũng như đã có sự công nhận nhất định về uy tín cũng như chất lượng của các sản phẩm.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "HODOGAYA CHEMICAL" chứa địa danh "HODOGAYA" là một quận của thành phố Yokohama, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản. Việc sử dụng dấu hiệu "HODOGAYA" sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng rằng các sản phẩm và dịch vụ đăng ký có nguồn gốc xuất xứ từ địa danh Hodogaya, trong khi địa chỉ của người nộp đơn ở Tokyo mà không phải là Hodogaya.

- Do vậy, dấu hiệu đăng ký không được bảo hộ với danh nghĩa là một nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 74 và khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1252965 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/24 HBN35 ngày 16/6/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1252965.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HODOGAYA CHEMICAL CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và HODOGAYA CHEMICAL CO., LTD. (qua Công ty Luật TNHH WINCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139630/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Alcon Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN5-2014-00720 ngày 23/7/2014 của Alcon Inc.; địa chỉ: Rue Louis-d'Affry 6, 1701 Fribourg, Switzerland; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư MINERVAS; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1155243 theo Thông báo số 2013/14 HBN08 ngày 04/04/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4827/BC-TTKN

ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Alcon Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Q-VUE" theo đơn quốc tế số 1155243 cho Nhóm 10 bị từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2013/14 HBN08 ngày 04/04/2014 trên cơ sở của Điều 74.2.a và Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ: nhãn hiệu xin đăng ký bị coi là không có khả năng phân biệt và mang tính mô tả sản phẩm mang nhãn hiệu.

Ngày 23/07/2014, Novartis AG; địa chỉ: CH-4002 Basel, Switzerland; đại diện bởi: Văn phòng luật sư MINERVAS có đơn khiếu nại số KN4-2014-00720 đề nghị bảo hộ tổng thể cho nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1155243 trên các cơ sở như sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký "Q-VUE" về tổng thể có khả năng tự phân biệt, và không mô tả sản phẩm mang nhãn hiệu:

- Nhãn hiệu xin đăng ký "Q-VUE" bao gồm thành phần chữ cái Q và chữ VUE được liên kết với nhau bởi một dấu gạch ngang "-" ở giữa.

- Thành phần chữ VUE trong tiếng Pháp có rất nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa thông dụng là cách nhìn, cái nhìn, sự nhìn, khoảng nhìn, quang cảnh, cảnh, ý kiến, quan điểm, cửa sổ.

- "Q-VUE" như vậy có nghĩa người là cách nhìn Q, cái nhìn Q, khoảng nhìn Q, quang cảnh Q, cảnh Q, ý kiến Q, quan điểm Q, cửa sổ Q.

Thứ hai, thực tiễn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam cho thấy rất nhiều nhãn hiệu có thành phần mang tính mô tả được thể hiện rõ hơn thành phần VUE của nhãn hiệu xin đăng ký và được chấp nhận bảo hộ, ví dụ như: "V-WATER" (GCNĐKNH số 97778) có nghĩa là "Nước V" cho sản phẩm nước uống Nhóm 32; "S-Mobile" (ĐK số 43729) có nghĩa là "Điện thoại S" cho sản phẩm điện thoại di động nhóm 09; "X-FASHION" (ĐK số 124102) có nghĩa là "Thời trang X" cho sản phẩm túi xách, quần áo nhóm 18, 25; "G-Land" (ĐK số 104504) có nghĩa là "Đất G" cho dịch vụ bất động sản nhóm 36,… Trong khi đó, nhãn hiệu "Q-VUE" khi mang ý nghĩa cách nhìn Q, cái nhìn Q, khoảng nhìn Q, quang cảnh Q, cảnh Q, ý kiến Q, quan điểm Q, cửa sổ Q đăng ký cho các sản phẩm thiết bị phẫu thuật mắt nhóm 10 về tổng thể hoàn toàn có khả năng tự phân biệt, không mang tính mô tả.

Thứ ba, nhãn hiệu "Q-VUE" theo đơn quốc tế số 1155243 đã được chỉ định tại 30 quốc gia. Trong đó ngoại trừ Việt Nam, các quốc gia đều chấp nhận bảo hộ đối với nhãn hiệu này, ví dụ tại Armenia, Austria, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Benelux, Belarus, China, Cuba, Czech Republic, Germany, Spain, France, Croatia, Hungary, Italy, Kazakhstan, Latvia, Republic of Moldova, Montenegro, Poland,

Portugal, Romania, Serbia, Russian Federation, Slovenia, Slovakia, Ukraine,... Việc nhãn hiệu Q-VUE được chấp nhận tại các quốc gia trên thế giới, trong đó có Pháp cho thấy nhãn hiệu Q-VUE không mang tính mô tả và hoàn toàn có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu"*.

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và các quy định pháp luật có liên quan, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Q-VUE" được tạo thành từ chữ cái "Q" và từ "VUE", liên kết với nhau bởi một dấu gạch ngang "-" ở giữa. Thành phần chữ "VUE" trong tiếng Pháp có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa thông dụng là tầm nhìn, cách nhìn, cái nhìn, sự nhìn, khoảng nhìn, quang cảnh, cảnh, ý kiến, quan điểm, cửa sổ. Dù thành phần "VUE" có thể khiến người tiêu dùng liên tưởng đến thị lực/thị giác (gắn với chức năng thiết bị phẫu thuật mắt), nhưng "Q-VUE" là cách thể hiện không thông dụng; từ "Q-VUE" không trực tiếp mô tả đặc điểm, công dụng, chức năng của sản phẩm; nhãn hiệu là một tổ hợp độc đáo, không phải từ ngữ phổ thông, phát âm ngắn gọn, dễ nhớ nên mang tính nhận diện thương mại cao.

Từ các đánh giá trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy nhãn hiệu "Q-VUE" theo đơn quốc tế số 1155243 của Novartis AG không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1155243, không áp dụng quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/14 HBN08 ngày 04/04/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1155243.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1155243.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Alcon Inc. (qua Văn phòng Luật sư MINERVAS) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139637/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2015-01119 ngày 02/12/2015 của Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation); địa chỉ: 20-1, Sakado 1-Chome, Takatsu-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa 213-0012, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1213192 theo Thông báo số 2014/32 NTH21 ngày 14/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4442/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "M^3 Solution Center" theo ĐQT số 1213192 bị tạm thời từ chối bảo hộ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "M^3 Solution Center" theo ĐQT số 1213192 với lý do:

1. Người nộp đơn - Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation) là nhà sản xuất và cung cấp các thiết bị đo nổi tiếng trên toàn thế giới

Được thành lập vào năm 1934 tại Tokyo, Nhật Bản, Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation) (dưới đây được gọi là "Công ty") là nhà sản xuất và cung cấp dụng cụ đo hàng đầu thế giới.

Công ty là một trong những nhà sản xuất thiết bị đo chính xác giúp sản xuất ra các vật dụng vô cùng quen thuộc với cuộc sống hàng ngày như: máy tính cá nhân, thiết bị gia dụng, ô tô, điện thoại di động, vv... Cụ thể, Công ty sản xuất vi kế và thước kẹp, các dụng cụ khác như dụng cụ đo tọa độ, dụng cụ đo khuôn mẫu, dụng cụ đo quang học. Các sản phẩm của công ty được giới thiệu và bán phổ biến tại Việt Nam gồm: thước kẹp, thước đo, Pamne đo (cơ khí, điện tử), đồng hồ so, đế gá pamne, vv...

Trong lịch sử hơn 80 năm, công ty đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn dễ dàng thấy nhất đó là sự phát triển từ một trung tâm nghiên cứu nhỏ với diện tích 230m2 thành một công ty toàn cầu như hiện nay. Tinh thần tiên phong mạnh mẽ trong mỗi nhân viên của Công ty đã làm nên sự thành công ngày nay của Mitutoyo. Công ty luôn nỗ lực để giới thiệu các sản phẩm tốt nhất có thể với tư cách là nhà sản xuất và cung cấp hàng đầu thế giới trong lĩnh vực đo lường. Khi chúng ta bước vào thời đại công nghệ Na-nô, tức là đòi hỏi trình độ công nghệ cao và vô cùng chính xác, Công ty luôn chủ động nắm lấy ưu thế công nghệ mình đang có để mở đường cho sự phát triển sang giai đoạn mới, đồng thời giữ vững vị thế của người dẫn đầu.

Năm 2014, Công ty có 5.107 nhân viên với doanh thu là 112.848 triệu yên, tương đương hơn 22 nghìn tỷ VNĐ.

Với tiêu chí "Chất lượng hàng đầu" (Quality First), Công ty mong muốn giới thiệu công nghệ tiên tiến tới ngày càng nhiều khách hàng thông qua các sự kiện và triển lãm, có thể kể đến như: "Mitutoyo 80 Annuiversary Private Show" tại Sendai, Nhật Bản tháng 9 năm 2015; "Measuring Technology Expo 2015" tại Tokyo, Nhật Bản; "Japan Testing Technology Show 2015" tại Tokyo, Nhật Bản; 18W Mechanical Components & Materials Technology Expo Osaka" tại Osaka,

Nhật Bản,vv... Công ty tham dự các triển lãm tại các quốc gia khác nhau trên thế giới, bao gồm: Châu Âu, Canada, Mỹ, Mê-hi-cô, Bra-xin, Ac- hen-ti-na, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan và Đông Nam Á.

Xin tham chiếu Phụ lục A – Thông tin về Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation). và các sản phẩm tại trang web http://www.mitutoyo.co.jp/eng

2. Nhãn hiệu "M³ Solution Center" có khả năng phân biệt tự thân, và đồng thời cũng đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi trong thương mại

Nhãn hiệu "M³ Solution Center" được công ty sử dụng lần đầu tiên năm 2003 tại Nhật Bản, đây là tên thống nhất dùng cho các phòng trưng bày của công ty trên toàn thế giới. "M3" là viết tắt của 3 chữ cái "M" gồm: "Mitutoyo" (tên thương mại của công ty), "Measurements" (Đo lường) và "Metrology" (Đo lường học).

"M³ Solution Center" là nơi giới thiệu và cung cấp các công nghệ tiên tiến cho khách hàng trên toàn cầu. Phòng trưng bày "M³ Solution Center" không chỉ giúp khách hàng tiếp cận sản phẩm mà còn giúp giải quyết các vấn đề liên quan đến các công cụ đo lường trong quá trình sử dụng thực tế các sản phẩm và đề xuất công nghệ đo lường mới nhất cho khách hàng. Tại "M³ Solution Center", các kỹ sư lành nghề sẽ tư vấn về kỹ thuật cho khách hàng bằng những bí quyết vận hành và kỹ năng thực tế trong lĩnh vực đo lường của họ. Ngoài ra, các phòng trưng bày "M³ Solution Center" cũng nhận các yêu cầu về đo lường cũng như các yêu cầu tư vấn lắp đặt hệ thống đo lường thông qua việc cung cấp các giải pháp đo lường vượt trội.

Thực tế cho thấy, dịch vụ tư vấn tại "M³ Solution Center" được sử dụng gắn liền với các sản phẩm đo lường cũng như trong các hoạt động giao dịch của công ty. Với lần ra mắt đầu tiên năm 2003 tại Nhật Bản - Thị trường công nghệ lớn và khó tính hàng đầu thế giới, các dịch vụ mang nhãn hiệu "M³ Solution Center" của Công ty đã được triển khai trên toàn cầu cùng với sự hiện hiện của các chi nhánh công ty Mitutoyo tại 51 quốc gia, bao gồm, Áo, Công hòa Séc, Phần Lan, Đức, Italy, Na Uy, Bồ Đào Nha, Nga, Thụy Điển Thổ Nhĩ Kỳ, Bi, Đan Mạch, Pháp, Hung-ga-ry, Hà Lan, Ba Lan, Ru-ma-ni, Tây Ban Nha, Thụy Sỹ, Anh, Canada, Mỹ, Trung Quốc, Nhật, Đài Loan, Ấn Độ, Hàn Quốc, Úc, Ma-lay-xi- a, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-ne-xi-a, New Zealand, Singapore, Ac-hen-ti-na, Brazil, Co lum-bi-a, Ecuador, Guatemala, Panama, Pê-ru, Venezuala, Bô-li-vi-a, Chi Lê, Costa Rica, El Salvador, Mê-hi-cô, Paraguay, Uruguay và Việt Nam.

Tại Việt Nam, Công ty đã đánh dấu sự hiện diện của mình bằng việc thiết lập Công ty TNHH Mitutoyo Việt Nam năm 2011 và một văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh cùng với 3 nhà phân phối ủy quyền. Bên cạnh đó, các

phòng trưng bày "M³ Solution Center" được thành lập tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và quận Từ Liêm, Hà Nội để tư vấn cũng như nhận các yêu cầu cho các khách hàng.

Tại "M³ Solution Center", công việc tư vấn kỹ thuật liên quan đến các sản phẩm, dụng cụ đo lường của công ty luôn gắn liền với hoạt động giới thiệu và bán các sản phẩm đo lường liên quan. Vì vậy, doanh thu từ dịch vụ tại "M³ Solution Center" trên thị trường thế giới luôn gắn liền/không tách biệt khỏi doanh thu của công ty. Theo tài liệu của công ty, doanh thu của Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation) ngày càng tăng: năm 2011 là xấp xỉ 90 triệu đô la Yên (tương đương với 18 nghìn tỷ đồng), trong khi đó, con số này năm 2014 tăng lên mức 112.848 triệu Yên (tương đương hơn 22 nghìn tỷ đồng). Xin tham chiếu Trang 30 - Doanh thu của công ty từ năm 2010 đến 2014 trang 30 Tài liệu giới thiệu về công ty.

Các số liệu về doanh thu đã chứng tỏ rằng "M³ Solution Center" đã thực hiện chức năng nhãn hiệu trong một thời gian dài, liên tục và đã được người tiêu dùng nhận biết và thừa nhận trên toàn thế giới.

3. Nhãn hiệu "M³ Solution Center" có khả năng phân biệt tự thân và vì vậy đã được đăng ký tại nhiều quốc gia

Dấu hiệu "M³ Solution Center" theo ĐQT số 1213192 là một tập hợp chữ cái, từ và số. Trong đó, chữ cái "M" đầu tiên được viết in hoa hơi cách điệu cùng với số 3 với kích thước nhỏ hơn ở phía trên bên phải chữ "M". Như đã nói ở trên, "M3" là tượng trưng cho 3 chữ cái "M", cụ thể "Mitutoyo" (tên thương mại của công ty), "Measurements" (Đo lường) và "Metrology" (Đo lường học). Từ "Solution" có nghĩa tiếng Việt là "dung dịch, giải pháp", từ "center" có nghĩa là "trung tâm".

"M³ Solution Center" là sự kết hợp giữa chữ cái, từ và số. Trong nhiều trường hợp, các chữ cái, từ, số này có thể là dấu hiệu thông thường khi sử dụng độc lập từng yếu tố cho các dịch vụ liên quan đến nhóm 42, tuy nhiên sự kết hợp giữa các chữ cái, từ và số này với nhau tạo nên tổng thể dấu hiệu "M³ Solution Center" mang ý nghĩa riêng, độc đáo thể hiện tính sáng tạo cho nhãn hiệu của người nộp đơn.

Chính vì lý do này, nhãn hiệu "M³ Solution Center" đã được đăng ký lần đầu tiên năm 2003 tại Nhật Bản, hiện nay nhãn hiệu đã được đăng ký tại 35 quốc gia/vùng lãnh thổ khác trên thế giới bao gồm 28 quốc gia thành viên của Cộng đồng Châu Âu, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Sỹ, Singapore, Mê-hi-cô, Ác-hen-ti-na và Đài Loan.

Do vậy, trên cơ sở các lập luận cùng các tài liệu chứng minh, Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation) đệ trình rằng nhãn hiệu "M³ Solution Center" theo ĐQT số 1213192 có khả năng phân biệt tự thân, đã được chấp nhận đăng ký tại nhiều quốc gia, đồng thời nhãn hiệu này đã thực hiện

được chức năng nhãn hiệu qua quá trình sử dụng thực tế trên toàn thế giới. Vì thế, tổng thể nhãn hiệu "M³ Solution Center" theo ĐQT số 1213192 đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và không thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 74.2.(a) và (c) Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "M³ Solution Center" bao gồm phần chữ "M³ có chữ "M" hoa và số "3" nhỏ như dấu mũ trên đầu chữ "M" thuộc dấu hiệu bị loại trừ theo Điều 74.2.a và phần chữ "Solution Center" có nghĩa là "trung tâm giải pháp M³" nên nhãn hiệu mang tính mô tả cho dịch vụ mà nhãn hiệu áp dụng, không có khả năng phân biệt thuộc các dấu hiệu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Nhãn hiệu mới chỉ đăng ký tại một số quốc gia không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam.

- Các tài liệu để chứng minh nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi không cụ thể và không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại các điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1213192 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/32 NTH21 ngày 14/8/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1213192.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở

hữu trí tuệ, Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kabushiki Kaisha Mitutoyo (d/b/a Mitutoyo Corporation) (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139638/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của United Business Media (M) Sdn Bhd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2014-00995 ngày 02/10/2014 của United Business Media (M) Sdn Bhd; địa chỉ: A-8-1, Level 8, Hampshire Place Office, 157 Hampshire, 1 Jalan Mayang Sari, 50450, Kuala Lumpur, Malaysia; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-03274 theo Quyết định số 50325/QĐ-SHTT ngày 25/8/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4805/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của United Business Media (M) Sdn Bhd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm c, điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu "VIETSTOCK, hình" đăng ký theo đơn số 4-2012-03274 bị từ chối bảo hộ vì mang tính mô tả dịch vụ đăng ký và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "V VIETSTOCK financial information, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 124229 ngày 05/5/2009. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do:

1. Về nhãn hiệu:

• Về thị giác: Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác biệt với nhãn đối chứng như chỉ ra trong bảng so sánh dưới đây:

- Nhãn hiệu đăng ký bao gồm 5 ô chữ nhật màu đen có hình 5 loài vật khác nhau đặt bên trong xếp thành hình một tam giác cân đặt nằm ngang và dòng chữ "VIETSTOCK" viết in hoa, không có nghĩa đặt bên cạnh phía trên.

- Nhãn đối chứng gồm một hình tròn màu xanh với hai mũi tên màu trắng đỏ đối xứng bên trong và các chữ IET được cách điệu màu đỏ và chữ "STOCK" màu xanh. Hơn nữa, còn có dòng chữ "financial information" rõ ràng trong nhãn đối chứng. Vì vậy, sự khác nhau trực quan giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn đối chứng là rõ ràng.

- Thông thường, người tiêu dùng nhớ tới nhãn hiệu bởi cái nhìn tổng quát hoặc bởi một vài chi tiết trực quan, do đó chúng tôi khẳng định rằng người tiêu dùng với cái nhìn tổng quát về Nhãn Hiệu sẽ không bị hiểu lầm hoặc bị lừa dối để tin rằng nhãn đối chứng là tương tự với Nhãn Hiệu của Người nộp đơn và ngược lại.

• Về phần chữ:

- Phần chữ của nhãn hiệu đăng ký là một từ "VIETSTOCK" viết in hoa, không có nghĩa trong tiếng Việt. Trái lại nhãn đối chứng được thiết kế thành hai từ riêng biệt và rõ ràng: "VIET" màu đỏ và "STOCK" màu xanh có nghĩa;

- Chính vì được thiết kế thành 2 từ riêng biệt có nghĩa trong đó "STOCK" mang tính mô tả cho các dịch vụ mang nhãn nên nhãn đối chứng bảo hộ tổng thể, từ "STOCK" không được bảo hộ riêng.

- Rõ ràng về mặt ý nghĩa và cách trình bày phần chữ "VIETSTOCK" của nhãn hiệu đăng ký khác với phần chữ của nhãn đối chứng.

• Cục Sở hữ trí tuệ bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu có chứa tiền tố "VIET" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 như "VIETFISH, hình", "VietGame", "VIETLOGOS"... Do đó, nhãn hiệu đăng ký "VIETSTOCK, hình" cũng không phải là trường hợp ngoại lệ và hoàn toàn có thể song song tồn tại cùng nhãn đối chứng. Hơn nữa, chủ đơn còn sở hữu nhãn hiệu chứa tiền tố "VIET" cho dịch vụ nhóm 35, cụ thể là nhãn hiệu "VIET WATER, hình" theo đăng ký số 201038 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 28/02/2013.

2. Dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác với dịch vụ mang

nhãn đối chứng:

- Dịch vụ thương mại là rất rộng, bao gồm nhiều dịch vụ khác nhau và có khả năng phân biệt với nhau, ví dụ như "dịch vụ quảng cáo", "dịch vụ quản lý khách sạn", "dịch vụ mua bán"… đều là các dịch vụ mang tính thương mại trong nhóm 35. Tuy nhiên, các dịch vụ này hoàn toàn khác nhau về bản chất, chức năng, cách thức cung cấp dịch vụ và đối tượng sử dụng dịch vụ và do đó có khả năng phân biệt với nhau.

- Trên thực tế, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận đăng ký các nhãn hiệu trùng của các chủ khác nhau cho các dịch vụ đều mang tính thương mại trong nhóm 35 (ví dụ: nhãn hiệu TIARA theo đăng ký số 126086 và 135182).

• Trong trường hợp cụ thể này:

- Các dịch vụ nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký là: "Dịch vụ điều hành sự kiện (tổ chức các cuộc triển lãm hoặc hội chợ thương mại cho mục đích thương mại/bán hàng hoặc quảng cáo) trong nhóm 35". Trong khi đó, các dịch vụ nhóm 35 mang nhãn đối chứng là: "Tư vấn điều hành kinh doanh; mua bán phần mềm máy tính".

- Mặc dù đều bảo hộ cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 nhưng các dịch vụ mang hai nhãn hiệu này hoàn toàn khác nhau. Cụ thể, các dịch vụ nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký là các dịch vụ tổ chức triển lãm, hội chợ hoàn toàn khác biệt với các dịch vụ liên quan tới tài chính, bất động sản và tin học mang nhãn đối chứng. Chính nhờ sự khác nhau rõ rệt này, người tiêu dùng khó có cơ hội nhầm lẫn các dịch vụ mang hai nhãn hiệu này với nhau.

3. Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng lần đầu tại Việt nam từ năm 2004 – "VIETSTOCK" là tên Triển lãm ngành công nghiệp chăn nuôi và chế biến thịt hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Qua hơn 10 năm sử dụng liên tục tại Việt nam, nhãn hiệu đăng ký và các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký đã được đánh giá là Triển lãm ngành công nghiệp chăn nuôi và chế biến thịt hàng đầu khu vực Đông Nam Á và tại Việt nam và đã được người tiêu dùng Việt nam biết đến rộng rãi, có khả năng phân biệt cao trên thị trường.

- VIETSTOCK 2010 - Triển lãm ngành công nghiệp chăn nuôi và chế biến thịt hàng đầu khu vực Đông Nam Á được tổ chức tại Trung tâm Hội chợ và Triển lãm Quốc tế Sài gòn từ ngày 10 đến ngày 12/11/2010. Bản sao tài liệu in từ trang web www.dolicovn.com viết về VIETSTOCK 2010 được đính kèm công văn.

- VIETSTOCK 2011 - Triển lãm ngành công nghiệp chăn nuôi và chế biến thịt hàng đầu khu vực Đông Nam Á được tổ chức tại Trung tâm Hội chợ và Triển lãm Quốc tế Sài gòn từ ngày 9 đến ngày 11/11/2011. Bản sao tài liệu in từ trang web www.heo.com.vnv viết về VIETSTOCK 2011 được đính kèm công văn.

- VIETSTOCK 2012 - Triển lãm ngành công nghiệp chăn nuôi và chế biến thịt hàng đầu khu vực Đông Nam Á - do Cục Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) bảo trợ được khai mạc ngày 10/10/2012 tại Trung tâm Triển lãm & Hội chợ Sài Gòn (SECC). Bản sao tài liệu in từ trang web của chủ

đơn có http://www.vietstock.org/ viết về VIETSTOCK 2012 được đính kèm công văn.

- VIETSTOCK 2014 - Triển lãm ngành công nghiệp chăn nuôi và chế biến thịt hàng đầu khu vực Đông Nam Á – sẽ được tổ chức ngày 15-17/10/2014 tại Trung tâm Triển lãm & Hội chợ Sài Gòn (SECC). Bản sao tài liệu in từ trang web của chủ đơn có http://www.vietstock.org/ viết về VIETSTOCK 2014 được đính kèm công văn.

• Các cuộc triển lãm VIETSTOCK được tổ chức hàng năm tại Việt nam dưới sự bảo trợ của Cục Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam). Như vậy nhãn hiệu cũng đã được các cơ quan có thẩm quyền của Việt nam biết đến và công nhận.

• Điều đặc biệt, nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng 10 năm liên tục tại Việt nam mà không hề bị phản đối bởi chủ nhãn đối chứng. Điều này một lần nữa cho thấy chủ nhãn đối chứng không coi hai nhãn hiệu là tương tự và hai công ty không có cạnh tranh trực tiếp với bên kia.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "VIETSTOCK, hình" tương tự với nhãn hiệu đối chứng "V VIETSTOCK financial information, hình" về nội dung nhãn hiệu vì đều có chung thành phần chính và chủ yếu của nhãn hiệu là "VIETSTOCK" và cách phát âm.

- Mặc dù, cách trình bày và kiểu chữ khác biệt của nhãn hiệu đăng ký là một từ "VIETSTOCK" viết in hoa liền mạch tạo thành một từ không có nghĩa trong tiếng Việt khác với nhãn đối chứng được thiết kế thành hai từ riêng biệt và rõ ràng: "VIET" màu đỏ và "STOCK" màu xanh, nhưng nhãn hiệu đăng ký vẫn được phát âm thành 2 từ riêng biệt. Đặc biệt, dấu hiệu "STOCK" cũng có nghĩa tiếng Việt khác là "chứng khoán" nên có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu

đối chứng.

- Các tài liệu để chứng minh nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi không cụ thể và không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-03274 ngày 29/02/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 50325/QĐ-SHTT ngày 25/8/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-03274 ngày 29/02/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, United Business Media (M) Sdn Bhd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và United Business Media (M) Sdn Bhd (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139639/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Paradise Group Holdings Pte. Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2020-00517 ngày 02/7/2020 của Paradise Group Holdings Pte. Ltd.; địa chỉ: 91 Defu Lane 10 #07-00 Swee Hin Building Singapore 539211; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-02433 theo Quyết định số 24088/QĐ-SHTT ngày 31/3/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4800/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Paradise Group Holdings Pte. Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "PARADISE GROUP, LE TIAN, Chữ Trung Quốc" theo đơn số 4-2017-02433 tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "PARADISE, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 81678, nhãn hiệu "PARADISE, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 273242 và nhãn hiệu "PARADISE GROUP, hình" theo GCNĐKNH số 223469 cho cùng dịch vụ nhóm 43 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "PARADISE GROUP, LE TIAN, Chữ Trung Quốc" theo đơn số 4-2017-02433 với lý do sau:

Người nộp đơn cần có thêm thời gian thu thập bằng chứng chứng minh khả năng đăng ký của nhãn hiệu đăng ký. Do vậy, người nộp đơn xin gia hạn bổ sung tài liệu cho đơn khiếu nại thêm một thời hạn đến ngày 30/9/2020.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Trong đơn khiếu nại người nộp đơn đề cập đến việc sẽ bổ sung tài liệu thêm một thời hạn đến ngày 30/9/2020, tuy nhiên cho đến thời điểm hiện nay người nộp đơn vẫn chưa bổ sung được tài liệu như đã nêu trong đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký "PARADISE GROUP, LE TIAN, Chữ Trung Quốc" có phần chữ "PARADISE GROUP" trùng với phần chữ của nhãn hiệu đối chứng "PARADISE GROUP, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 223469 và thành phần chính tạo khả năng phân biệt "PARADISE" trùng với các thành phần phân biệt tương ứng của các nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 81678 và 273242, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho dịch vụ dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ cung cấp đồ ăn thức uống, khách sạn, dịch vụ quán cà phê,… và nhiều dịch vụ khác liên quan thuộc nhóm 43 nên sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn cung ứng dịch vụ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-02433 ngày 09/02/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24088/QĐ-SHTT ngày 31/3/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-02433 ngày 09/02/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Paradise Group Holdings Pte. Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Paradise Group Holdings Pte. Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139643/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Paradise Group Holdings Pte. Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2020-00516 ngày 02/7/2020 của Paradise Group Holdings Pte. Ltd.; địa chỉ: 91 Defu Lane 10 #07-00 Swee Hin Building Singapore 539211; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-02432 theo Quyết định số 24087/QĐ-SHTT ngày 31/3/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4802/BC-

TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Paradise Group Holdings Pte. Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "PARADISE GROUP, LE TIAN, Chữ Trung Quốc" theo đơn số 4-2017-02432 tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "PARADISE, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 81678, nhãn hiệu "PARADISE, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 273242 và nhãn hiệu "PARADISE GROUP, hình" theo GCNĐKNH số 223469 cho cùng dịch vụ nhóm 43 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "PARADISE GROUP, LE TIAN, Chữ Trung Quốc" theo đơn số 4-2017-02432 với lý do sau:

Người nộp đơn cần có thêm thời gian thu thập bằng chứng chứng minh khả năng đăng ký của nhãn hiệu đăng ký. Do vậy, người nộp đơn xin gia hạn bổ sung tài liệu cho đơn khiếu nại thêm một thời hạn đến ngày 30/9/2020.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Trong đơn khiếu nại người nộp đơn đề cập đến việc sẽ bổ sung tài liệu thêm một thời hạn đến ngày 30/9/2020, tuy nhiên cho đến thời điểm hiện nay người nộp đơn vẫn chưa bổ sung được tài liệu như đã nêu trong đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký "PARADISE GROUP, LE TIAN, Chữ Trung Quốc" có phần chữ "PARADISE GROUP" trùng với phần chữ của nhãn hiệu đối chứng "PARADISE GROUP, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 223469 và thành phần chính tạo khả năng phân biệt "PARADISE" trùng với các thành phần phân biệt tương ứng của các nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 81678 và 273242, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho các dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ cung cấp đồ ăn thức uống, khách sạn, dịch vụ quán cà phê,… và nhiều dịch vụ khác liên quan thuộc nhóm 43 nên sẽ dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn cung ứng dịch vụ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-02432 ngày 09/02/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24087/QĐ-SHTT ngày 31/3/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-02432 ngày 09/02/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Paradise Group Holdings Pte. Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Paradise Group Holdings Pte. Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139645/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CTBAT International Co. Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2016-00644 ngày 22/7/2016 của CTBAT International Co. Limited; địa chỉ: 29th Floor, Oxford House, Taikoo Place, 979 King's Road, Island East, Hong Kong; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-24230 theo Quyết định số 23455/QĐ-SHTT ngày 26/04/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4427/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CTBAT International Co. Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "SHUANGXI, hình" theo đơn số 4-2014-24230 (nhãn hiệu đăng ký) của người nộp đơn CTBAT International Co. Limited đã được cấp GCNĐKNH số 261609 theo Quyết định số 23455/QĐ-SHTT ngày 26/04/2016 với nội dung "Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng phần chữ Hán".

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 23455/QĐ-SHTT ngày 26/04/2016 đề nghị bảo hộ riêng thành phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thành phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt vì đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa là một nhãn hiệu.

Phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu cho các sản phẩm thuốc lá của Tập đoàn Công ty Thuốc lá Quốc gia Trung Quốc, rất được ưa chuộng tại Hồng Kông từ năm 1906 và Trung Quốc từ năm 1916. Vào năm 2013, Công ty Thuốc lá Quốc gia Trung Quốc đã bán quyền sở hữu của họ đối với nhãn hiệu hình chữ Hán trên toàn cầu (trừ Trung Quốc) cho người nộp đơn.

Các sản phẩm mang nhãn hiệu hình chữ Hán đã được bán tại nhiều thị trường trên thế giới như Úc, Hà Lan, Pháp, Đức, Quatar, Anh, Campuchia, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Nga, Peru, Macao, v.v...

Doanh số bán sản phẩm mang nhãn hiệu hình chữ Hán đã tăng nhanh trên toàn cầu (chỉ trong vòng hai năm từ 2014 đến tháng 7/2016 đã bán được hơn 358,5 triệu điếu thuốc lá mang nhãn hiệu này). Điều này cho thấy nhãn hiệu đã được người tiêu dùng liên quan biết đến rộng rãi và trở thành một chỉ dẫn về nguồn gốc sản phẩm của người nộp đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký và các biến thể của nhãn hiệu này đã được chấp thuận bảo hộ tại hơn 30 quốc gia trên thế giới cho các sản phẩm trong cùng Nhóm 34, trong đó thành phần hình chữ Hán không bị loại trừ bảo hộ.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu hình chữ Hán cho Nhóm 34 tại Việt Nam trong đó thành phần chữ Hán không bị loại trừ theo GCNĐKNH số 260357.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Dấu hiệu chữ Hán "囍" (phiên âm là [shuangxi], dịch nghĩa là "song hỷ") trong nhãn hiệu đăng ký là loại ký tự thuộc hệ thống chữ tượng hình tiếng Trung Quốc – nhưng được trình bày dưới dạng đồ họa cách điệu. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, bản thân chữ Hán khi thể hiện dưới dạng thông thường không được coi là có khả năng phân biệt, do người tiêu dùng Việt Nam phổ thông không có khả năng nhận biết, ghi nhớ hay phát âm các ký tự tượng hình nếu không có kiến thức tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, trong trường hợp cụ thể này, chữ "囍" trong nhãn hiệu đăng ký được thể hiện theo hình thức cách điệu rõ ràng với cấu trúc hình học đối xứng màu trắng tạo thành hình tròn, phần chữ này được đặt trong một hình tròn nền đen, tổng thể tạo thành một dấu hiệu đồ họa có khả năng nhận diện.

Với cách thể hiện cách điệu, dấu hiệu chữ dấu hiệu chữ Hán "囍" đã không còn thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ nữa mà nó được xem như một dấu hiệu thể hiện dạng hình họa. Trong trường hợp này, nhãn hiệu được chấp nhận bảo hộ nhưng phạm vi bảo hộ chỉ giới hạn ở cách trình bày hình họa của chữ Hán như đã thể hiện trong mẫu nhãn hiệu, không bao gồm bản thân chữ "囍", phiên âm hay dịch nghĩa của ký tự này.

Do đó, phần giới hạn "Không bảo hộ riêng phần chữ Hán" truyền tải nội dung phạm vi bảo hộ không bao gồm bản thân chữ "囍", phiên âm hay dịch nghĩa của ký tự này.

Người nộp đơn có cung cấp các chứng cứ để chứng minh dấu hiệu chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng, tuy nhiên, các chứng cứ này không đủ chứng minh được dấu hiệu này đã đạt được khả năng phân biệt do đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam với danh nghĩa là nhãn hiệu.

Việc thành phần hình chữ Hán đã được bảo hộ riêng cho hàng hóa thuộc Nhóm 34 theo GCNĐKNH số 260357 cho chính người nộp đơn, cũng như việc nhãn hiệu đăng ký và các biến thể của nó đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các hàng hóa thuộc Nhóm 34, trong đó thành phần hình chữ Hán không bị loại trừ bảo hộ không phải là căn cứ để xác định phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký trong vụ việc này.

Từ các phân tích nêu trên, cho thấy việc không bảo hộ riêng phần chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký là phù hợp quy định pháp luật.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-24230 với phần giới hạn có chứa nội dung không bảo hộ riêng phần chữ Hán là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 23455/QĐ-SHTT ngày 26/04/2016 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-24230 ngày 09/10/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CTBAT International Co. Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và CTBAT International Co. Limited (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139646/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CTBAT International Co. Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2016-00712 ngày 17/8/2016 của CTBAT International Co. Limited; địa chỉ: 29th Floor, Oxford House, Taikoo Place, 979 King's Road, Island East, Hong Kong.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-22817 theo Quyết định số 29072/QĐ-SHTT ngày 20/05/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4407/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CTBAT International Co. Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "TOBACCO BLENDS INSPIRED BY THE ORIENT [shuangxi: song hỉ], hình" theo đơn số 4-2014-22817 (nhãn hiệu đăng ký) của người nộp đơn CTBAT International Co. Limited đã được cấp GCNĐKNH số 262695 theo Quyết định số 29072/QĐ-SHTT ngày 20/05/2016 với nội dung "Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng các thành phần "TOBACCO BLENDS", "INSPIRED BY THE ORIENT", phần chữ Hán".

Người nộp đơn đã nộp đơn khiếu nại số KN4-2016-00712 ngày 17/08/2016 và tài liệu bổ sung ngày 13/09/2016, đề nghị bảo hộ riêng cho thành phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thành phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt vì đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa là một nhãn hiệu.

Phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu cho các sản phẩm thuốc lá của Tập đoàn Công ty Thuốc lá Quốc gia Trung Quốc, rất được ưa chuộng tại Hồng Kông từ năm 1906 và Trung Quốc từ năm 1916. Vào năm 2013, Công ty Thuốc lá Quốc gia Trung Quốc đã bán quyền sở hữu của họ đối với nhãn hiệu hình chữ Hán trên toàn cầu (trừ Trung Quốc) cho người nộp đơn.

Các sản phẩm mang nhãn hiệu hình chữ Hán đã được bán tại nhiều thị trường trên thế giới như Úc, Hà Lan, Pháp, Đức, Quatar, Anh, Campuchia, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Nga, Peru, Macao, v.v...

Doanh số bán sản phẩm mang nhãn hiệu hình chữ Hán đã tăng nhanh trên toàn cầu (chỉ trong vòng hai năm từ 2014 đến tháng 7/2016 đã bán được hơn 358,5 triệu điếu thuốc lá mang nhãn hiệu này). Điều này cho thấy nhãn hiệu đã được người tiêu dùng liên quan biết đến rộng rãi và trở thành một chỉ dẫn về nguồn gốc sản phẩm của người nộp đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký và các biến thể của nhãn hiệu này đã được chấp thuận bảo hộ tại hơn 30 quốc gia trên thế giới cho các sản phẩm trong cùng nhóm 34, trong đó thành phần hình chữ Hán không bị loại trừ bảo hộ.

Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu hình chữ Hán cho nhóm 34 tại Việt Nam trong đó thành phần chữ Hán không bị loại trừ như GCNĐKNH số 262695.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Dấu hiệu chữ Hán "囍" (phiên âm là [shuangxi], dịch nghĩa là "song hỷ") trong nhãn hiệu đăng ký là loại ký tự thuộc hệ thống chữ tượng hình tiếng Trung Quốc - nhưng được trình bày dưới dạng đồ họa cách điệu. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, bản thân chữ Hán khi thể hiện dưới dạng thông thường không được coi là có khả năng phân biệt, do người tiêu dùng Việt Nam phổ thông không có khả năng nhận biết, ghi nhớ hay phát âm các ký tự tượng hình nếu không có kiến thức tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, trong trường hợp cụ thể này, chữ "囍" trong nhãn hiệu đăng ký được thể hiện theo hình thức cách điệu rõ ràng với cấu trúc hình học đối xứng màu trắng tạo thành hình tròn, phần chữ này được đặt trong một hình tròn nền đen, tổng thể tạo thành một dấu hiệu đồ họa có khả năng nhận diện.

Với cách thể hiện cách điệu, dấu hiệu chữ dấu hiệu chữ Hán "囍" đã không còn thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ nữa mà nó được xem như một dấu hiệu thể hiện dạng hình họa. Trong trường hợp này, nhãn hiệu được chấp nhận bảo hộ nhưng phạm vi bảo hộ chỉ giới hạn ở cách trình bày hình họa của chữ Hán như đã thể hiện trong mẫu nhãn hiệu, không bao gồm bản thân chữ "囍", phiên âm hay dịch nghĩa của ký tự này.

Do đó, phần giới hạn "Không bảo hộ riêng phần chữ Hán" truyền tải nội dung phạm vi bảo hộ không bao gồm bản thân chữ "囍", phiên âm hay dịch nghĩa của ký tự này.

Người nộp đơn có cung cấp các chứng cứ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng, tuy nhiên, các chứng cứ này không đủ chứng minh được nhãn hiệu đăng ký đã đặt được khả năng phân biệt do đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam với danh nghĩa là nhãn hiệu.

Việc thành phần hình chữ Hán đã được bảo hộ riêng cho hàng hóa thuộc Nhóm 34 theo GCNĐKNH số 260357 cho chính người nộp đơn, cũng như việc nhãn hiệu đăng ký và các biến thể của nó đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các hàng hóa thuộc Nhóm 34, trong đó thành phần hình chữ Hán không bị loại trừ bảo hộ không phải là căn cứ để xác định phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký trong vụ việc này.

Từ các phân tích nêu trên cho thấy việc không bảo hộ riêng phần chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký là phù hợp quy định pháp luật.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-22817 với phần giới hạn có chứa nội dung không bảo hộ riêng phần chữ Hán là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29072/QĐ-SHTT ngày 20/05/2016 về việc cấp GCNĐKNH đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-22817 ngày 25/09/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CTBAT International Co. Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và CTBAT International Co. Limited (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139647/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CTBAT International Co. Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2017-00260 ngày 09/3/2017 của CTBAT International Co. Limited; địa chỉ: 29th Floor, Oxford House, Taikoo Place, 979 King's Road, Island East, Hong Kong; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-14431 theo Quyết định số 81785/QĐ-SHTT ngày 13/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4411/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CTBAT International Co. Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu xin đăng ký "[shuangxi: song hi], hình" theo đơn số 4-2015-14431 (nhãn hiệu đăng ký) của người nộp đơn CTBAT International Co. Limited đã được cấp GCNĐKNH số 273490 theo Quyết định số 81785/QĐ-SHTT ngày 13/12/2016 với nội dung "Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng phần chữ Hán".

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 81785/QĐ-SHTT ngày 13/12/2016, đề nghị bảo hộ riêng cho thành phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thành phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt do đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa là một nhãn hiệu.

Phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu cho các sản phẩm thuốc lá của Tập đoàn Công ty Thuốc lá Quốc gia Trung Quốc, rất được ưa chuộng tại Hồng Kông từ năm 1906 và Trung Quốc từ năm 1916. Vào năm 2013, Công ty Thuốc lá Quốc gia Trung Quốc đã bán quyền sở hữu của họ đối với nhãn hiệu hình chữ Hán trên toàn cầu (trừ Trung Quốc) cho người nộp đơn.

Các sản phẩm mang nhãn hiệu hình chữ Hán đã được bán tại nhiều thị trường trên thế giới như Úc, Hà Lan, Pháp, Đức, Quatar, Anh, Campuchia, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Nga, Peru, Macao, v.v...

Doanh số bán sản phẩm mang nhãn hiệu hình chữ Hán đã tăng nhanh trên toàn cầu (chỉ trong vòng hai năm từ 2014 đến tháng 7/2016 đã bán được hơn 358,5 triệu điếu thuốc lá mang nhãn hiệu này). Điều này cho thấy nhãn hiệu đã được người tiêu dùng liên quan biết đến rộng rãi và trở thành một chỉ dẫn về nguồn gốc sản phẩm của người nộp đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký và các biến thể của nhãn hiệu này đã được chấp nhận bảo hộ tại gần 50 quốc gia trên thế giới cho các sản phẩm trong cùng Nhóm 34, trong đó thành phần hình chữ Hán không bị loại trừ bảo hộ.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu hình chữ Hán cho Nhóm 34 tại Việt Nam cho chính người nộp đơn trong đó thành phần chữ Hán không bị loại trừ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký có dạng hình tròn với nền hoa văn trang trí, ở vị trí trung tâm là ký tự chữ Hán "囍" (song hỷ) được thể hiện dưới dạng cách điệu và đặt trong một khung hình vuông nổi bật.

Dấu hiệu chữ Hán "囍" (phiên âm là [shuangxi], dịch nghĩa là "song hỷ") trong nhãn hiệu đăng ký là loại ký tự thuộc hệ thống chữ tượng hình tiếng Trung Quốc – nhưng được trình bày dưới dạng đồ họa cách điệu. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, bản thân chữ Hán khi thể hiện dưới dạng thông thường không được coi là có khả năng phân biệt, do người tiêu dùng Việt Nam phổ thông không có khả năng nhận biết, ghi nhớ hay phát âm các ký tự tượng hình nếu không có kiến thức tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, trong trường hợp cụ thể này, chữ "囍" được thể hiện với hình thức cách điệu rõ ràng, đặt trong khung hình vuông và bao quanh bởi họa tiết hình tròn nền hoa văn, tạo thành một tổng thể đồ họa có bố cục hài hòa, nổi bật, từ đó giúp người tiêu dùng có thể dễ dàng nhận diện và phân biệt dấu hiệu này với các nhãn hiệu khác.

Với cách thể hiện cách điệu, dấu hiệu chữ dấu hiệu chữ Hán "囍" đã không còn thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ nữa mà nó được xem như một dấu hiệu thể hiện dạng hình họa. Trong trường hợp này, nhãn hiệu được chấp nhận bảo hộ nhưng phạm vi bảo hộ chỉ giới hạn ở cách trình bày hình họa của chữ Hán như đã thể hiện trong mẫu nhãn hiệu, không bao gồm bản thân chữ "囍", phiên âm hay dịch nghĩa của ký tự này.

Do đó, phần giới hạn "Không bảo hộ riêng phần chữ Hán" truyền tải nội dung phạm vi bảo hộ không bao gồm bản thân chữ "囍", phiên âm hay dịch nghĩa của ký tự này.

Người nộp đơn có cung cấp các chứng cứ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng, tuy nhiên, các chứng cứ này không đủ chứng minh được nhãn hiệu đăng ký đã đặt được khả năng phân biệt do đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam với danh nghĩa là nhãn hiệu.

Việc phần chữ Hán đã được bảo hộ riêng cho hàng hóa thuộc Nhóm 34 cho chính người nộp đơn, cũng như việc nhãn hiệu đăng ký và các biến thể của nó đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các hàng hóa thuộc Nhóm 34, trong đó phần chữ Hán không bị loại trừ bảo hộ không phải là căn cứ để xác định phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký trong vụ việc này.

Từ các phân tích nêu trên, cho thấy việc không bảo hộ riêng phần chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký là phù hợp quy định pháp luật.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-14431 với phần giới hạn có chứa nội dung không bảo hộ riêng phần chữ Hán là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 81785/QĐ-SHTT ngày 13/12/2016 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-14431 ngày 05/06/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CTBAT International Co. Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CTBAT International Co. Limited (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139648/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CTBAT International Co. Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2017-00429 ngày 07/4/2017 của CTBAT International Co. Limited; địa chỉ: 29th Floor, Oxford House, Taikoo Place, 979 King's Road, Island East, Hong Kong; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-22816 theo Quyết định số 1486/QĐ-SHTT ngày 11/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4413/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CTBAT International Co. Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "[shuangxi: song hỉ], hình" theo đơn số 4-2014-22816 (nhãn hiệu đăng ký) của người nộp đơn CTBAT International Co. Limited đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 274773 theo Quyết định số 1486/QĐ-SHTT ngày 11/01/2017 với nội dung khác (phần giới hạn): "Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng phần chữ Hán".

Người nộp đơn nộp đơn khiếu nại số KN4-2017-00429 ngày 07/04/2017, đề nghị bảo hộ riêng cho thành phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

- Thành phần hình chữ Hán đã được bảo hộ riêng trong nhãn hiệu đã đăng ký theo GCNĐKNH số 260357 của cùng người nộp đơn. Đây là cơ sở pháp lý cho quyền sở hữu của người nộp đơn đối với thành phần hình chữ Hán. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký cũng phải được bảo hộ mà không loại trừ thành phần hình chữ Hán này.

- Thành phần hình chữ Hán đã được chấp nhận bảo hộ riêng và sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các sản phẩm trong cùng Nhóm 34 như là một sự khẳng định cho cơ sở pháp lý về sự thừa nhận rộng rãi cho khả năng phân biệt của phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký.

Phần hình chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu cho các sản phẩm thuốc lá của Tập đoàn Công ty Thuốc lá Quốc gia Trung Quốc, rất được ưa chuộng tại Hồng Kông từ năm 1906 và Trung Quốc từ năm 1916. Vào năm 2013, Công ty Thuốc lá Quốc gia Trung Quốc đã bán quyền sở hữu của họ đối với nhãn hiệu hình chữ Hán trên toàn cầu (trừ Trung Quốc) cho người nộp đơn.

Các sản phẩm mang nhãn hiệu hình chữ Hán đã được bán tại nhiều thị trường trên thế giới như Úc, Hà Lan, Pháp, Đức, Quatar, Anh, Campuchia, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Nga, Peru, Macao, v.v...

Doanh số bán sản phẩm mang nhãn hiệu hình chữ Hán đã tăng nhanh trên toàn cầu (chỉ trong vòng hai năm từ 2014 đến tháng 7/2016 đã bán được

hơn 358,5 triệu điếu thuốc lá mang nhãn hiệu này). Điều này cho thấy nhãn hiệu đã được người tiêu dùng liên quan biết đến rộng rãi và trở thành một chỉ dẫn về nguồn gốc sản phẩm của người nộp đơn.

- Nhãn hiệu đăng ký và các biến thể của nhãn hiệu này đã được chấp thuận bảo hộ tại hơn 30 quốc gia trên thế giới cho các sản phẩm trong cùng Nhóm 34, trong đó thành phần hình chữ Hán không bị loại trừ bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Dấu hiệu chữ Hán "囍" (phiên âm là [shuangxi], dịch nghĩa là "song hỷ") trong nhãn hiệu đăng ký là loại ký tự thuộc hệ thống chữ tượng hình tiếng Trung Quốc – nhưng được trình bày dưới dạng đồ họa cách điệu. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, bản thân chữ Hán khi thể hiện dưới dạng thông thường không được coi là có khả năng phân biệt, do người tiêu dùng Việt Nam phổ thông không có khả năng nhận biết, ghi nhớ hay phát âm các ký tự tượng hình nếu không có kiến thức tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, trong trường hợp cụ thể này, chữ "囍" trong nhãn hiệu đăng ký được thể hiện theo hình thức cách điệu rõ ràng với cấu trúc hình học đối xứng màu trắng tạo thành hình tròn, phần chữ này được đặt trong một hình tròn nền đen, tổng thể tạo thành một dấu hiệu đồ họa có khả năng nhận diện.

Với cách thể hiện cách điệu, dấu hiệu chữ dấu hiệu chữ Hán "囍" đã không còn thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ nữa mà nó được xem như một dấu hiệu thể hiện dạng hình họa. Trong trường hợp này, nhãn hiệu được chấp nhận bảo hộ nhưng phạm vi bảo hộ chỉ giới hạn ở cách trình bày hình họa của chữ Hán như đã thể hiện trong mẫu nhãn hiệu, không bao gồm bản thân chữ "囍", phiên âm hay dịch nghĩa của ký tự này.

Do đó, phần giới hạn "Không bảo hộ riêng phần chữ Hán" truyền tải nội dung phạm vi bảo hộ không bao gồm bản thân chữ "囍", phiên âm hay dịch nghĩa của ký tự này.

Người nộp đơn có cung cấp các chứng cứ để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng, tuy nhiên, các chứng cứ này không đủ chứng minh được nhãn hiệu đăng ký đã đặt được khả năng phân biệt do đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam với danh nghĩa là nhãn hiệu.

Việc phần chữ Hán đã được bảo hộ riêng cho hàng hóa thuộc Nhóm 34 theo GCNĐKNH số 260357 cho chính người nộp đơn, cũng như việc nhãn hiệu đăng ký và các biến thể của nó đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới cho các hàng hóa thuộc Nhóm 34, trong đó phần chữ Hán không bị loại trừ bảo hộ không phải là căn cứ để xác định phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký trong vụ việc này.

Từ các phân tích nêu trên, cho thấy việc loại trừ bảo hộ phần chữ Hán trong nhãn hiệu đăng ký là phù hợp quy định pháp luật.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-22816 với phần giới hạn có chứa nội dung không bảo hộ riêng phần chữ Hán là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 1486/QĐ-SHTT ngày 11/01/2017 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-22816 ngày 25/09/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CTBAT International Co. Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng

Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CTBAT International Co. Limited (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139649/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần PRIME GROUP
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2015-00410 ngày 04/5/2015 của Công ty cổ phần PRIME GROUP; địa chỉ: Khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; đại diện bởi: Công ty TNHH Luật Gia Phạm; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-27360 ngày 04/12/2012 theo Quyết định số 7508/QĐ-SHTT ngày 31/01/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4420/BC-TTKN

ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần PRIME GROUP với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PRIME Evolution" theo đơn đăng ký số 4-2012-27360 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Cổ phần Prime Group bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 7508/QĐ - SHTT ngày 31/01/2015 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại điểm c khoản 2 điều 74.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

Nhãn hiệu "PRIME Evolution" đã được sử dụng trước thời điểm nộp đơn. Từ năm 2011, nhãn hiệu đã được sử dụng cho dòng sản phẩm gạch ốp lát nhà tắm cao cấp và phân phối thông qua 97 nhà phân phối trên toàn quốc. Doanh thu năm đầu đạt trên 23 tỷ đồng và liên tục tăng trưởng khoảng 30% mỗi năm.

Sản phẩm mang nhãn hiệu "PRIME Evolution" đã được quảng cáo trên các tạp chí chuyên ngành uy tín như: Kiến trúc Nhà đẹp, Hiệp hội Gốm sứ Xây dựng Việt Nam, Kiến trúc Đời sống,… với mỗi kỳ phát hành ít nhất 10.000 bản. Đồng thời, nhãn hiệu còn được sử dụng trong các bản chào hàng, catalogue với số lượng phát hành tối thiểu 8.000 bản/lần.

Từ năm 2011, người nộp đơn đã xuất khẩu sản phẩm mang nhãn hiệu "PRIME Evolution" sang các thị trường như Hàn Quốc, Malaysia, Indonesia, Iraq, Đài Loan và Thái Lan. Tính tới thời điểm hiện tại, tổng doanh thu dựa trên hoạt động xuất khẩu của nhãn hiệu Prime Evulotion khoảng hơn 1.000.000 USD (Bằng chữ: Một triệu đô la Mỹ).

Những căn cứ và lập luận trên cho thấy nhãn hiệu PRIME Evolution đã đạt được khả năng tự phân biệt với các nhãn hiệu khác trong quá trình sử dụng. Vì vậy, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 7508/QĐ-SHTT và tiến hành thủ tục cấp văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu PRIME Evolution cho nhóm 19.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "PRIME Evolution" là sự kết hợp giữa hai từ tiếng Anh là "PRIME" và "Evolution". Trong đó: "PRIME" mang nghĩa phổ biến là "chủ yếu", "chất lượng cao" hoặc "hàng đầu"; "Evolution" có nghĩa là "sự tiến hóa", "sự phát triển". Nhãn hiệu "PRIME Evolution" khi được sử dụng cho gạch lát, vật liệu xây dựng không bằng kim loại truyền đạt ý nghĩa mang tính mô tả chất lượng, công nghệ hoặc đặc điểm sản phẩm, không tạo ra dấu hiệu phân biệt rõ ràng về nguồn gốc thương mại.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2012-27360, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 7508/QĐ-SHTT ngày 31/01/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-27360 ngày 04/12/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-27360 ngày 04/12/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần PRIME GROUP (qua Công ty TNHH Luật Gia Phạm) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139651/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thương mại POLVITA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2014-00975 ngày 29/9/2014 của Công ty cổ phần thương mại POLVITA; địa chỉ: A22 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-25946 ngày 08/12/2010 theo Quyết định số 36769/QĐ-SHTT ngày 27/06/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4629/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thương mại POLVITA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "POLVITA, hình" theo đơn số 4-2010-25946 ngày 08/12/2010 bị từ chối cấp GCNĐKNH đối với toàn bộ nhãn hiệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 72513, 77681, 127416 và đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-20608 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 1 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký "POLVITA" không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "FONVITA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 72513 ngày 02/06/2006 và "FONVITA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 127416 ngày 17/06/2009 và "POLVIT" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 77681 ngày 11/12/2006 vì khác biệt về thị giác, cách phát âm và tổng thể nhãn hiệu. Đồng thời, nhãn hiệu đối chứng "FONVITA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 72513 đã hết hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 23/11/2014, nhãn hiệu đối chứng "FONVITA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 24/12/2017 đã hết hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 23/11/2014, nhãn hiệu đối chứng "POLVIT" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 77681 đã hết hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 01/04/2015 do chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng không tiến hành gia hạn. Đối với chủ nhãn hiệu đối chứng "POLVIT" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 77681 là Công ty TNHH đầu tư phát triển Việt Nam - Ba Lan, trên dữ liệu tại website chính thức của Tổng Cục thuế, chủ sở hữu nhãn hiệu đã dừng đăng ký kinh doanh từ 30/11/2006 và không còn tồn tại, do đó, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 95, nhãn hiệu đối chứng "POLVIT" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 77681 đã không còn hiệu lực.

+ Về mặt hình thức: Nhãn hiệu đối chứng "FONVITA" được viết dưới dạng chữ thường màu đen, trong khi đó nhãn hiệu đăng ký "POLVITA" được viết dưới dạng cách điệu, chữ màu trắng đặt trên hình bầu dục nền đen nổi bật.

+ Về mặt phát âm: Trong tiếng Việt, âm /p/ và /ph/ được phát âm khác nhau. Đặc biệt, chữ cái "F" không thuộc hệ chữ tiếng Việt nên cách phát âm của chữ này không thống nhất và không chính xác, vì vậy, nếu cho rằng phát âm chữ cái "F" và "P" tương tự nhau là không hợp lý. Mặt khác, chính Cục Sở hữu trí

tuệ đã từng bảo hộ cho nhãn hiệu "POLVIT" theo GCNĐKNH số 77681 và nhãn hiệu "FONVIT" theo GCNĐKNH số 72395 cho cùng sản phẩm dược từ năm 2006 là một minh chứng cho thấy chữ "P" và "F" không có khả năng nhầm lẫn với nhau.

+ Về tính phân biệt giữa các nguyên âm "O-I-A": Theo Quyết định số 36769/QĐ-SHTT ngày 27/06/2014, Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng 2 nhãn hiệu có phần phát âm giống nhau gồm các nguyên âm chính là "O-I-A". Tuy nhiên, người khiếu nại đã đưa ra các dẫn chứng về tính phân biệt về cách phát âm của các nguyên âm "O-I-A" khi Cục Sở hữu trí tuệ áp dụng đánh giá để cấp văn bằng bảo hộ cho các nhãn hiệu có trước. Đặc biệt, nhãn hiệu "FONVITA" và nhãn hiệu "FORRVITA" đều được bảo hộ cho sản phẩm dược, mặc dù theo lập luận trong Quyết định từ chối của Cục Sở hữu trí tuệ, các nhãn hiệu này cũng phải bị từ chối và không được bảo hộ.

- Nhãn hiệu đối chứng "POLOVITA" theo đơn số 4-2010-20608 đã bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 3113/QĐ-SHTT ngày 20/01/2016 và chủ đơn không khiếu nại nên nhãn hiệu này không còn được sử dụng là căn cứ từ chối đối với nhân hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "POLVITA, hình" theo đơn số 4-2010-25946 ngày 08/12/2010 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 72513, 77681, 127416 và đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-20608.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "FONVITA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 72513 và 127416: mặc dù nhãn hiệu đăng ký "POLVITA" và nhãn hiệu đối chứng "FONVITA" trùng âm tiết cuối "VITA" nhưng khác nhau ở phần âm tiết đầu "POL" và "FON". Phần âm tiết đầu đóng luôn tạo ấn tượng mạnh về thị giác và phát âm cho người tiêu dùng. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký "POLVITA" còn được kết hợp với phần hình, có hình thức trình bày và màu sắc khác biệt, từ đó tạo ra ấn tượng thị giác riêng biệt đối với người tiêu dùng. Chính sự khác nhau ở phần âm tiết đầu "POL" và "FON" và hình thức thể hiện đã tạo ra sự khác biệt rõ rệt về mặt cấu trúc, phát âm, ấn tượng tổng thể giữa hai nhãn hiệu. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "FONVITA".

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "POLVIT" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 77681: mặc dù nhãn hiệu đăng ký "POLVITA" trùng 06/07 ký tự với nhãn hiệu đối chứng "POLVIT" được bảo hộ theo GCNDKNH số 77681 nhưng nhãn hiệu đăng ký có thêm chữ "A" ở vị trí cuối làm thay đổi cấu trúc từ và tạo thành 3 âm tiết được phát âm là /POL-VI-TA/ khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "POLVIT" chỉ có 2 âm tiết /POL-VIT/. Ngoài ra, hai nhãn hiệu có hình thức trình bày và màu sắc khác nhau, tạo ra sự khác biệt về ấn tượng tổng thể. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "POLVIT".

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "POLOVITA" theo đơn số 4-2010-20608: đến thời điểm hiện tại, nhãn hiệu đối chứng này đã bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 3113/QĐ-SHTT ngày 20/01/2016 và chủ đơn không khiếu nại nên nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

Vì các lý do nêu trên, nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn và có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng, nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-25946 ngày 08/12/2010, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 36769/QĐ-SHTT ngày 27/06/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2010-25946 ngày 08/12/2010.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2010-25946 ngày 08/12/2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần thương mại POLVITA (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141502/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 150915

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00085 ngày 21/4/2022 của Soho Group Co., Ltd., địa chỉ: 40 Sukhumvit Road Soi 11 (Chai Yot), Klong Toey Nua, Wattana, Bangkok 10110, Thailand; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 150915, cấp ngày 10/08/2010 cho HAVANA CLUB HOLDING S.A. (LU);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 21/4/2022, Soho Group Co., Ltd. (qua Công ty Luật TNHH T&G) nộp

đơn ĐN1-2022-00085 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150915 với lý do nhãn hiệu "HAVANA CLUB" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2015 đến ngày 17/01/2022 (Căn cứ theo công văn số 30/TT-TTKTQT ngày 17/01/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 14/7/2022 và ngày 07/9/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 6242/SHTT-TTKN và 59178/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Havana Club Holding S.A (qua Công ty TNHH T & T Invenmark SHTT Quốc tế) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Soho Group Co., Ltd. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Havana Club Holding S.A.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "HAVANA CLUB" theo GCNĐKNH số 150915 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2015 đến ngày 17/01/2022 và chủ GCNĐKNH số 150915 không có ý kiến trả lời văn số 6242/SHTT-TTKN và 59178/SHTT-TTKN.ip về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 150915.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150915 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150915, cấp ngày 10/08/2010 theo yêu cầu của Soho Group Co., Ltd.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 150915, cấp ngày 10/08/2010 cho HAVANA CLUB HOLDING S.A. (LU) theo yêu cầu của Soho Group Co., Ltd.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. HAVANA CLUB HOLDING S.A. (LU) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HAVANA CLUB HOLDING S.A. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Soho Group Co., Ltd.; địa chỉ: 40 Sukhumvit Road Soi 11 (Chai Yot), Klong Toey Nua, Wattana, Bangkok 10110, Thailand (qua Công ty Luật TNHH T&G) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141552/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 12371

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00126 ngày 10/6/2022 của JEBSEN & JESSEN PTE. LTD., địa chỉ: 2 CORPORATION ROAD, #03-06 CORPORATION PLACE Singapore 618494; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 12371, cấp ngày 28/06/1994 cho JEBSEN & CO., LTD. (HK);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 10/6/2022, JEBSEN & JESSEN PTE. LTD. (qua Công ty Luật TNHH

Vietthink) nộp đơn ĐN1-2022-00126 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 12371 với lý do nhãn hiệu "Jebsen" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2017 đến ngày 03/6/2022 (Căn cứ theo công văn số 246/TT-TTKTQT ngày 03/6/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 12/8/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 7284/SHTT-TTKN thông báo cho Jebsen & Co., Ltd (qua Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của JEBSEN & JESSEN PTE. LTD.. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Jebsen & Co., Ltd.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Jebsen" theo GCNĐKNH số 12371 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2017 đến ngày 03/6/2022 và chủ GCNĐKNH số 12371 không có ý kiến trả lời văn số 7284/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 12371.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 12371 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 12371, cấp ngày 28/06/1994 theo yêu cầu của JEBSEN & JESSEN PTE. LTD.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 12371, cấp ngày 28/06/1994 cho JEBSEN & CO., LTD. (HK) theo yêu cầu của JEBSEN & JESSEN PTE. LTD.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. JEBSEN & CO., LTD. (HK) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và JEBSEN & CO., LTD. (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- JEBSEN & JESSEN PTE. LTD.; địa chỉ: 2 CORPORATION ROAD, #03-06 CORPORATION PLACE Singapore 618494 (qua Công ty Luật TNHH VIETTHINK) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141554/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 230259

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đầy gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00166 ngày 26/7/2022 của A. RAYMOND ET CIE, địa chỉ: 111-113 Cours Berriat, 38000 GRENOBLE, France; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 230259, cấp ngày 20/08/2014 cho Công ty TNHH kim loại màu Việt Nam (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 26/7/2022, A. RAYMON ET CIE (qua Công ty TNHH sở hữu trí tuệ

S&O) nộp đơn ĐN1-2022-00166 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 230259 với lý do nhãn hiệu "POWA, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 11/7/2017 đến ngày 15/7/2022 (Căn cứ theo công văn số 307/TT-TTKTQT ngày 15/7/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 09/9/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 8084/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH kim loại màu Việt Nam về đề nghị chấm dứt hiệu lực của A. RAYMON ET CIE. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH kim loại màu Việt Nam.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "POWA, hình" theo GCNĐKNH số 230259 tại Việt Nam từ ngày 11/7/2017 đến ngày 15/7/2022 và chủ GCNĐKNH số 230259 không có ý kiến trả lời văn số 8084/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 230259.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 230259 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 230259, cấp ngày 20/08/2014 theo yêu cầu của A. RAYMON ET CIE.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 230259, cấp ngày 20/08/2014 cho Công ty TNHH kim loại màu Việt Nam (VN) theo yêu cầu của A. RAYMOND ET CIE.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH kim loại màu Việt Nam (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH kim loại màu Việt Nam (Số 569 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- A. RAYMOND ET CIE; địa chỉ: 111-113 Cours Berriat, 38000 GRENOBLE, France (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141556/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 256097

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2022-00258 ngày 26/10/2022 của APIÁRIO POLENECTAR LTDA, địa chỉ: Rua Alto Belo, 550 - Vila Antonieta - São Paulo - SP - Brazil CEP 03478-040; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 256097, cấp ngày 30/12/2015 cho Công ty TNHH MELDOSOL Việt Nam (VN);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 26/10/2022, APIÁRIO POLENECTAR LTDA (qua Công ty TNHH

Banca) nộp đơn ĐN1-2022-00258 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 256097 với lý do nhãn hiệu "APIARIO POLENECTAR, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 15/10/2022 (Căn cứ theo công văn số 68/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 25/10/2022 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 24/2/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 2021w/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH MELDOSOL Việt Nam (qua Công ty TNHH tư vấn và chuyển giao công nghệ) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của APIÁRIO POLENECTAR LTDA. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH MELDOSOL Việt Nam.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "APIARIO POLENECTAR, hình" theo GCNĐKNH số 256097 tại Việt Nam trong thời hạn 05 năm gần đây đến ngày 15/10/2022 và chủ GCNĐKNH số 256097 không có ý kiến trả lời văn số 8084/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 256097.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 256097 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 256097, cấp ngày 30/12/2015 theo yêu cầu của APIÁRIO POLENECTAR LTDA.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 256097, cấp ngày 30/12/2015 cho Công ty TNHH MELDOSOL Việt Nam (VN) theo yêu cầu của APIÁRIO POLENECTAR LTDA.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH MELDOSOL Việt Nam (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH MELDOSOL Việt Nam (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- APIÁRIO POLENECTAR LTDA; địa chỉ: Rua Alto Belo, 550 - Vila Antonieta - São Paulo - SP - Brazil CEP 03478-040 (qua Công ty TNHH BANCA) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141557/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 165599

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2022-00065 ngày 23/3/2022 của Purple Brand International Holdings Inc., địa chỉ: 270 East 1st Avenue, Vancouver, British Columbia V5T 1A6, Canada; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 165599, cấp ngày 14/06/2011 cho The Polo/Lauren Company, L.P. (US);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 23/3/2022, Purple Brand International Holdings Inc (qua Công ty TNHH Trường Xuân) nộp đơn ĐN1-2022-00065 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 165599 với lý do nhãn hiệu "PURPLE LABEL" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 08/11/2015 đến ngày 22/3/2022 (Căn cứ theo công văn số 111/TT-TTKTQT ngày 22/3/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 13/5/2022 và ngày 07/9/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 3696/SHTT-TTKN và 59177/SHTT-TTKN.ip thông báo cho The Polo/Lauren Company, L.P (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm nhìn mới) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Purple Brand International Holdings Inc.

Ngày 12/7/2022, Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP đại diện The Polo/Lauren Company, L.P có công văn gia hạn trả lời công văn số 3696/SHTT-TTKN thêm 01 kỳ hạn đến ngày 13/09/2022.

Ngày 13/9/2022, Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP tiếp tục có công văn phản hồi thông báo số 3696/SHTT-TTKN với nội dung: The Polo/Lauren Company, L.P vẫn đang trong quá trình thu thập tài liệu/bằng chứng để gửi phản hồi thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, việc tái bùng phát của dịch bệnh Covid-19 và các biến chủng mới tại Mỹ - quốc gia của chủ sở hữu đăng ký nhãn hiệu cũng ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ thu thập tài liệu của chủ đơn và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét vụ việc sau khi chúng tôi bổ sung tài liệu/lập luận/bằng chứng để phản hồi về thông báo nêu trên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được tài liệu bổ sung/lập luận/bằng chứng theo ý kiến nêu trên.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ

thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "PURPLE LABEL" theo GCNĐKNH số 165599 tại Việt Nam từ ngày 08/11/2015 đến ngày 22/3/2022 và chủ GCNĐKNH số 165599 không bổ sung được tài liệu/lập luận/bằng chứng chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng nhãn hiệu "PURPLE LABEL" trong thời gian từ ngày 08/11/2015 đến ngày 22/3/2022. .

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 165599 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 165599, cấp ngày 14/06/2011 theo yêu cầu của Purple Brand International Holdings Inc.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 165599, cấp ngày 14/06/2011 cho The Polo/Lauren Company, L.P. (US) theo yêu cầu của Purple Brand International Holdings Inc..

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. The Polo/Lauren Company, L.P. (US) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Polo/Lauren Company, L.P. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Purple Brand International Holdings Inc.; địa chỉ: 270 East 1st Avenue, Vancouver, British Columbia V5T 1A6, Canada (qua Công ty TNHH Trường Xuân) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141558/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 276466

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2022-00048 ngày 04/3/2022 của GUANGDONG AP TENON SCI. & TECH.CO., LTD., địa chỉ: 8Floor No.3, Zexi Street, Hanxi Business Center, Panyu District, Guangzhou City 510000 Guangdong Province; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 276466, cấp ngày 22/02/2017 cho Công ty TNHH phụ kiện văn phòng Ánh Phát (VN);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 04/3/2022, GUANGDONG AP TENON SCI. & TECH.CO., LTD (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) nộp đơn ĐN1-2022-00048 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 276466 đối với các hàng hóa "Thiết bị báo động âm thanh (tiếng động); chuông báo động điện tử; thiết bị báo động; thiết bị báo hiệu chống trộm; khóa điện" thuộc nhóm 09 với lý do nhãn hiệu "TELON, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 22/02/2017 đến ngày 01/3/2022 (Căn cứ theo công văn số 85/TT-TTKTQT ngày 01/3/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 13/5/2022 và ngày 07/9/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 3697/SHTT-TTKN và số 59176/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Công ty TNHH phụ kiện văn phòng Ánh Phát về đề nghị chấm dứt hiệu lực của GUANGDONG AP TENON SCI. & TECH.CO,, LTD. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH phụ kiện văn phòng Ánh Phát.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "TELON, hình" theo GCNĐKNH số 276466 đối với các hàng hóa "Thiết bị báo động âm thanh (tiếng động); chuông báo động điện tử; thiết bị báo động; thiết bị báo hiệu chống trộm; khóa điện" thuộc nhóm 09 tại Việt Nam từ ngày 22/02/2017 đến ngày 01/3/2022 và chủ GCNĐKNH số 276466 không có ý kiến trả lời văn số 3697/SHTT-TTKN và số 59176/SHTT-TTKN.ip về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 276466.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 276466 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 276466, cấp ngày 22/02/2017 theo yêu cầu của GUANGDONG AP TENON SCI. & TECH.CO., LTD.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 276466, cấp ngày 22/02/2017 đối với các hàng hóa "Thiết bị báo động âm thanh (tiếng động); chuông báo động điện tử; thiết bị báo động; thiết bị báo hiệu chống trộm; khóa điện" thuộc nhóm 09 của Công ty TNHH phụ kiện văn phòng Ánh Phát (VN) theo yêu cầu của GUANGDONG AP TENON SCI. & TECH.CO., LTD.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH phụ kiện văn phòng ánh Phát (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH phụ kiện văn phòng ánh Phát (611/111 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- GUANGDONG AP TENON SCI. & TECH.CO., LTD.; địa chỉ: 8Floor No.3, Zexi Street, Hanxi Business Center, Panyu District, Guangzhou City 510000 Guangdong Province (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141559/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 253097

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2022-00183 ngày 16/8/2022 của Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Công nghệ Cao Việt Nam, địa chỉ: Lô 16 cụm CN Khắc Niệm, phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 253097, cấp ngày 16/10/2015 cho Cơ sở kinh doanh thuốc y học cổ truyền Hồng Huệ (VN);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 16/8/2022, Công ty cổ phần phát triển và đầu tư công nghệ cao Việt

Nam (qua Công ty TNHH Dương và Đồng sự) nộp đơn ĐN1-2022-00183 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 253097 với lý do nhãn hiệu "THIÊN VƯƠNG, chữ Hán" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 16/10/2015 đến ngày 20/7/2022 (Căn cứ theo công văn số 313/TT-TTKTQT ngày 20/7/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 16/9/2022 và ngày 13/9/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 8361/SHTT-TTKN và 61001/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Cơ sở kinh doanh thuốc y học cổ truyền Hồng Huệ (qua Công ty TNHH Võ Trần) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty cổ phần phát triển và đầu tư công nghệ cao Việt Nam. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Cơ sở kinh doanh thuốc y học cổ truyền Hồng Huệ.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "THIÊN VƯƠNG, chữ Hán" theo GCNĐKNH số 253097 tại Việt Nam từ ngày 16/10/2015 đến ngày 20/7/2022 và chủ GCNĐKNH số 253097 không có ý kiến trả lời văn số 8361/SHTT-TTKN và 61001/SHTT-TTKN.ip về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 253097.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 253097 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 253097, cấp ngày 16/10/2015 theo yêu cầu của Công ty cổ phần phát triển và đầu tư công nghệ cao Việt Nam.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 253097, cấp ngày 16/10/2015 cho Cơ sở kinh doanh thuốc y học cổ truyền Hồng Huệ (VN) theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Công nghệ Cao Việt Nam.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Cơ sở kinh doanh thuốc y học cổ truyền Hồng Huệ (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cơ sở kinh doanh thuốc y học cổ truyền Hồng Huệ (qua Công ty TNHH Võ Trần) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Công nghệ Cao Việt Nam; địa chỉ: Lô 16 cụm CN Khắc Niệm, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (qua Công ty TNHH Dương và Đồng sự) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141560/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SHIMANO INC.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2014-00529 ngày 11/6/2014 của SHIMANO INC.; địa chỉ: 3-77 Oimatsu-cho, Sakai-ku, Sakai City Osaka 590-8577 Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1152435 theo Thông báo số 2013/11 NTH33 ngày 18/3/2014;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4681/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SHIMANO INC. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "XTR" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1152435 bị từ chối bảo hộ cho nhóm 12 tại Việt Nam vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "CITROËN XTR" theo ĐKQT số 802291, theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ 2005. Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh đã nộp đơn khiếu nại yêu cầu bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký trên với các lý do sau:

Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đối chứng "CITROËN XTR" theo Đăng ký quốc tế số 802291 có thành phần "CITROËN" là thành phần mạnh, mang tính phân biệt cao, đóng vai trò chính tạo nên khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Trong khi đó, thành phần "XTR" chỉ là yếu tố thứ yếu, bởi lẽ đây là tên gọi thường thấy của các dòng xe ô tô, ví dụ như Mazda XTR, Ford XTR, Bailey Blade XTR, Tramontana XTR,… Vì vậy, "XTR" không phải là dấu hiệu có khả năng được bảo hộ độc quyền riêng cho bất kỳ hãng ô tô nào. Do đó, nhãn hiệu đăng ký "XTR" có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng "CITROËN XTR" về mặt dấu hiệu.

Về sản phẩm: Nhãn hiệu đăng ký "XTR" theo Đăng ký quốc tế số 1152435 được nộp đơn cho các sản phẩm là xe đạp cùng các bộ phận và phụ tùng của xe đạp thuộc nhóm 12. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "CITROËN XTR" theo Đăng ký quốc tế số 802291 được đăng ký và sử dụng chủ yếu cho các sản phẩm ô tô. Mặc dù cả hai nhãn hiệu đều thuộc nhóm 12, nhưng xe đạp và ô tô là hai sản phẩm khác nhau rõ rệt về đối tượng sử dụng cũng như kênh phân phối. Trên thực tế, hai loại sản phẩm này phục vụ các đối tượng tiêu dùng khác nhau và không được bày bán trong cùng một hệ thống cửa hàng. Vì vậy, có thể nhận định rằng các sản phẩm mang nhãn hiệu trong hai trường hợp là khác biệt nhau.

Hơn nữa, trong ngành công nghiệp sản xuất xe đạp, dấu hiệu "XTR" không được sử dụng phổ biến như một thuật ngữ mô tả dòng sản phẩm, khác với ngành công nghiệp ô tô. Cụ thể, trong lĩnh vực ô tô, "XTR" thường được dùng để chỉ các dòng xe khác nhau, do đó không mang tính phân biệt cao. Ngược lại, trong lĩnh vực sản xuất xe đạp, "XTR" không phải là một dấu hiệu mô tả thông

dụng, mà có thể được nhìn nhận là dấu hiệu mang tính phân biệt và đủ điều kiện để được bảo hộ làm nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu "XTR" là tên gọi thường được các hãng xe sử dụng để chỉ các phiên bản hoặc gói trang bị đặc biệt của các dòng xe ô tô, đặc biệt là xe địa hình và xe bán tải. Do được sử dụng rộng rãi và phổ biến bởi nhiều nhà sản xuất khác nhau trong lĩnh vực ô tô, dấu hiệu "XTR" mang tính mô tả đặc điểm, tính năng của sản phẩm và không có khả năng được bảo hộ riêng biệt cho sản phẩm ô tô. Tuy nhiên, trong lĩnh vực xe đạp, "XTR" không được sử dụng như một chỉ dẫn phổ biến và do đó vẫn có khả năng tạo ra sự phân biệt.

Về sản phẩm, xe đạp và ô tô tuy cùng thuộc nhóm 12 nhưng khác biệt rõ rệt về đặc tính kỹ thuật, mục đích sử dụng, đối tượng tiêu dùng và kênh phân phối. Ô tô là phương tiện cơ giới phục vụ di chuyển ở cự ly dài, trong khi xe đạp thường dùng cho mục đích thể thao, rèn luyện sức khỏe hoặc di chuyển ở cự ly ngắn. Hai loại phương tiện này không được bày bán tại cùng hệ thống phân phối và khó gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "XTR" theo ĐKQT số 1152435 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1152435, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2

Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/11 NTH33 ngày 18/3/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1152435.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1152435.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SHIMANO INC. (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141563/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Lê Quốc Việt
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

NMD368

Xét đơn số KN4-2024-00575 ngày 21/6/2024 của Ông/Bà Lê Quốc Việt; địa chỉ: 11 Phú Xuân 3, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-52011 ngày 28/12/2021 theo Quyết định số 56049/QĐ-SHTT.IP ngày 15/5/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4901/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Lê Quốc Việt với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-52011 ngày 28/12/2021 của Ông/Bà Lê Quốc Việt bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì chủ đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 78421/SHTT-NH_{IP} ngày 20/10/2023 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí. Do đó, người nộp đơn đã không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu. Đồng thời, người nộp đơn xin được nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Cục Sở hữu trí tuệ đã chuyển phát Thông báo số 78421/SHTT-NH_{IP} ngày 20/10/2023 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí đến địa chỉ của người nộp đơn. Tuy nhiên, người nộp đơn khẳng định không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu. Người nộp đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-52011.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2024-52011 ngày 28/12/2021

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 56049/QĐ-SHTT.IP ngày 15/5/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-52011 ngày 28/12/2021.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-52011 ngày 28/12/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Lê Quốc Việt có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 78421/SHTT-NH.IP ngày 20/10/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 78421/SHTT-NH.IP ngày 20/10/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141564/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Mr. Manop ThuamYang
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00031 ngày 15/01/2025 của Mr. Manop ThuamYang; địa chỉ: 229/279 Soi Lomkao 15 Sansab Minburi District Bangkok Thailand 10520; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2022-15785 theo Quyết định số 121259/QĐ-SHTT.IP ngày 17/10/2024;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4952/BC-

TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Mr. Manop ThuamYang với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Eepro" theo đơn số 4-2022-15785 nộp ngày 29/04/2022 bị từ chối bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 29551. Công ty TNHH Trà và Cộng sự đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt rõ rệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, hình thức thể hiện, cách phát âm và ý nghĩa. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu phức hợp gồm phần chữ "Eepro" trình bày cách điệu kết hợp với hình vẽ tựa mũi tên hoặc dấu móc treo. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu đơn, chỉ bao gồm phần hình tựa đường cong, không có yếu tố chữ.

Về phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể đọc thành ba âm tiết "e-p-ro", trong khi nhãn hiệu đối chứng không thể phát âm do chỉ là hình vẽ. Về ý nghĩa, nhãn hiệu đăng ký là từ tự đặt, không có nghĩa cụ thể; còn nhãn hiệu đối chứng không mang nội dung ngữ nghĩa rõ ràng.

Ngoài ra, nhiều nhãn hiệu có chứa hình tựa mũi tên đã được cấp văn bằng bảo hộ cho các sản phẩm cùng nhóm 28 tại Việt Nam, cho thấy đây không phải là yếu tố đặc thù dễ gây nhầm lẫn.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đã được chấp nhận cùng tồn tại tại một số quốc gia khác. Nhãn hiệu đăng ký cũng đang được chủ đơn sử dụng thực tế trên bao bì sản phẩm và trên website, không ghi nhận phản ánh tiêu cực từ thị trường.

Từ các phân tích trên, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt rõ ràng và không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Việc từ chối bảo hộ là không có cơ sở.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về cấu trúc và hình thức thể hiện, nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu phức hợp, bao gồm phần chữ "Eepro" được trình bày cách điệu kết hợp với hình họa tựa như mũi tên hoặc móc treo. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu hình, chỉ bao gồm một dải cong hoặc đường cong đơn giản. Do đó, mặc dù có một số điểm khác biệt về cấu trúc và hình thức thể hiện, nhưng hình họa của hai nhãn hiệu đều mang tính tối giản, có khả năng gợi liên tưởng tương tự nhau về mặt thị giác.

Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể đọc thành ba âm tiết /e-p-ro/, trong khi nhãn hiệu đối chứng không có yếu tố chữ nên không có khả năng phát âm. Tuy nhiên, do phần hình đóng vai trò chủ đạo trong tổng thể nhãn hiệu đăng ký và có đặc điểm thị giác tương tự với hình ảnh trong nhãn hiệu đối chứng, sự khác biệt về ngữ âm không đủ để loại trừ khả năng gây nhầm lẫn.

Xét tổng thể cấu trúc, đặc điểm thể hiện và ấn tượng thị giác của hai nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nhãn hiệu đăng ký có dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu đối chứng về phần hình, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng ý kiến của đại diện người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2022-15785 ngày 29/4/2022 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 121259/QĐ-SHTT.IP ngày 17/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-15785 ngày 29/04/2022.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Mr. Manop ThuamYang có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Mr. Manop ThuamYang (qua Công ty TNHH Trà và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141565/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của THE BURTON CORPORATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2023-00656 ngày 30/10/2023 của THE BURTON CORPORATION; địa chỉ: 180 Queen City Park Rd., Burlington, VT 05401, United States; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-26788 ngày 09/07/2020 theo Quyết định số 57293/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 31/7/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4655/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của THE BURTON CORPORATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BURTON" đăng ký theo đơn số 4-2020-26788 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "BUXTON" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 331931 (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với các lý lẽ sau: - Nhãn hiệu đối chứng "BUXTON" theo GCNĐKNH số 331931 cấp ngày 07/10/2019 đã được Cục Sở hữu trí tuệ thừa nhận là khác biệt và chấp nhận việc đăng ký đồng tồn tại với Nhãn hiệu "BURTON" theo GCNĐKNH số 221224 cấp ngày 11/03/2014. Do đó, người khiếu nại đề nghị áp dụng thống nhất nguyên tắc pháp lý và quy chế thẩm định đối với khả năng đăng ký của cùng một đối tượng trong cùng một bối cảnh;

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng về cách phát âm, hình thức thể hiện và ý nghĩa. Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký có hai âm tiết [bɜːr-tən] trong khi nhãn hiệu đối chứng có hai âm tiết [bʌks-tən]. Trong phát âm tiếng Anh đối với từ có hai âm tiết, âm tiết đầu thường đóng vai trò quan trọng và mang tính quyết định. Đặc biệt, trong trường hợp này, trọng âm của cả hai nhãn hiệu đều rơi vào âm tiết đầu và rất khác biệt giữa /bɜːr/ và /bʌks/, trong khi âm tiết sau /tən/ chỉ là âm hơi, nhẹ, dẫn đến tổng thể phát âm khác nhau rõ ràng giữa hai nhãn hiệu. Đối với người Việt Nam không biết tiếng Anh, do sự khác biệt về cách phát âm giữa phụ âm "R" và "X", là các phụ âm không tạo vần với nguyên âm "u" trong tiếng Việt, hiển nhiên khó có thể ghép vần khi đọc "UR" và "UX". Theo đó, họ có xu hướng đọc theo cách dễ nhất là đọc riêng các phụ âm này là /e-rờ/ và /ích-xì/, đưa đến cách đọc khác nhau giữa /bu-e-rờ-ton/ và /bu-ích-xì-ton/.

Về hình thức thể hiện, mặc dù chứa chung 5/6 chữ cái ở cùng vị trí, nhưng sự khác biệt rõ ràng về hình thức và nét chữ của chữ cái thứ 3 giữa "R" và "X" là đủ để dẫn đến sự phân biệt tổng thể giữa hai dấu hiệu về hình thức thể hiện.

Về ý nghĩa, nhãn hiệu đăng ký là tên riêng của Chủ đơn- The Burton Corporation, hoặc có nghĩa là "một loại thiết bị cầu nhẹ", trong khi nhãn hiệu đối chứng là tên riêng của Chủ sở hữu- Buxton Acquisition Co., LLC, do đó khác biệt về nội dung.

Nhãn hiệu đăng ký đã được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng tạiÚc, Hàn Quốc, New Zealand, Singapore và Canada. Người nộp đơn đã sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại nhiều quốc gia trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký "BURTON" và nhãn hiệu đối chứng "BUXTON", Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký 'BURTON" khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "BUXTON" ở chữ cái thứ 3, điều này đã tạo nên sự khác biệt ấn tượng thị giác và cách phát âm. Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /bɜːr-tən/ (bơ tần) trong khi nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /bʌks-tən/ (băk-tần). Âm tiết đầu của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tạo ra sự khác biệt rõ ràng về cách phát âm giữa hai dấu hiệu có hai âm tiết. Vì vậy, người tiêu dùng sẽ không lầm tưởng hai nhãn hiệu là một hoặc nhãn hiệu này là biến thể của nhãn hiệu kia hoặc hai nhãn hiệu đó có cùng một nguồn gốc.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đăng ký theo dấu hiệu "BURTON" tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng "BUXTON".

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho sản phẩm tương tự, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc và cách phát âm của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-26788 ngày 09/7/2020, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 57293/QĐ-SHTT.IP ngày 31/7/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-26788 ngày 09/7/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-26788 ngày 09/7/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và THE BURTON CORPORATION (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141566/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MOMO DESIGN s.r.l.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2012-00906 ngày 20/9/2012 của MOMO DESIGN s.r.l.; địa chỉ: Via G. Meda, 45 I-20141 MILANO; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2008-17051 theo Quyết định số 34032/QĐ-SHTT ngày 28/6/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4548/BC-

TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MOMO DESIGN s.r.l. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-17051 ngày 08/8/2008 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 34032/QĐ-SHTT ngày 28/6/2012 của Cục Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Tại Công văn số 96/KN-NH ngày 12/9/2012 của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại diện (IPACO)

- Người nộp đơn đề nghị loại bỏ sản phẩm thuộc nhóm 18, 25; giữ nguyên các sản phẩm thuộc nhóm 09 như trước khi loại bỏ theo Công văn số 267/CV-IPACO ngày 15/01/2010 về việc trả lời Thông báo thẩm định nội dung;

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng số 90961 về ký tự, âm tiết, cách trình bày và sản phẩm.

b) Tại Công văn số 30/2013/KN-NH ngày 23/4/2013 của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại diện (IPACO)

- Người nộp đơn đề nghị loại bỏ sản phẩm thuộc nhóm 18, 25; giữ nguyên các sản phẩm thuộc nhóm 09 như trước khi loại bỏ theo Công văn số 267/CV-IPACO ngày 15/01/2010 do nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2008-06480 đã bị từ chối cấp GCNĐKNH do không nộp phí/lệ phí cấp văn bằng bảo hộ;

- Tiếp tục khẳng định nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng số 90961 về ký tự, âm tiết, cách trình bày, ý nghĩa và sản phẩm.

c) Tại Công văn số 20/14 KN/IPAC0 ngày 14/04/2014 của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại diện (IPACO)

- Người nộp đơn thông báo về việc thực hiện thủ tục khôi phục lại các thủ tục thuộc nhóm 09 như đã đề nghị trong Công văn số 267/CV-IPACO ngày 15/01/2010 theo đơn số SĐ4-2014-00362 ngày 14/4/2014;

d) Tại Công văn số 138/2014/KN-NH/IPAC0 ngày 21/12/2014 của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại diện (IPACO)

- Người nộp đơn xin không khôi phục các sản phẩm thuộc nhóm 09 như trước khi loại bỏ theo Công văn số 267/CV-IPACO ngày 15/01/2010;

e) Tại Công văn số 032-25/KN-IPAC0 ngày 27/3/2015 của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại diện (IPACO)

- Người nộp đơn đồng ý loại bỏ các sản phẩm thuộc nhóm 09 như trước khi loại bỏ theo Công văn số 267/CV-IPACO ngày 15/01/2010;

- Nhãn hiệu đối chứng số 90961 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 20/04/2015, nên không được coi là đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

a) Đối với các đề nghị liên quan đến giới hạn danh mục đăng ký:

Tại Công văn số 96/KN-NH ngày 12/9/2012 của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại diện (IPACO) nộp kèm theo đơn KN4-2012-00906 ngày 20/9/2012 người nộp đơn đề nghị loại bỏ sản phẩm thuộc nhóm 18, 25 và giữ nguyên các sản phẩm thuộc nhóm 09 sau khi đã thu hẹp danh mục sản phẩm theo Công văn số 267/CV-IPACO ngày 15/01/2010 tại giai đoạn thẩm định nội dung đơn. Đề nghị thay đổi danh mục sản phẩm đăng ký tại Công văn số 96/KN-NH ngày 12/9/2012 được thực hiện sau khi Quyết định số 34032/QĐ-SHTT ngày 28/6/2012 của Cục Sở hữu trí tuệ được ban hành.

Do đó, đề nghị này trái với quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ và không được xem xét trong quá trình giải quyết khiếu nại. Như vậy, các đề nghị liên quan đến giới hạn danh mục đăng ký của nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2008-17051 ngày 08/8/2008 tại các Công văn tiếp theo của Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại diện (IPACO) đều không được xem xét trong quá trình giải quyết khiếu nại.

b) Đối với đối chứng theo GCNĐKNH số 9096, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký có thành phần phân biệt chính là "MOMO" tương ttự với thành phần "MoMo" của nhãn hiệu đăng ký về cấu trúc, cách phát âm.

Trong khi sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, tại thời điểm ban hành Quyết định số 34032/QĐ-SHTT ngày 28/6/2012, nhãn hiệu đối chứng số 90961 còn hiệu lực đến ngày 20/04/2015, do đó, vẫn được coi căn cứ từ chối nhãn hiệu đăng ký theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, liên quan đến nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2008-06480 ngày 28/3/2008 không được coi là đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký, do đó không áp dụng căn cứ theo tại Điều 90.1 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối nhãn hiệu đăng ký. Liên quan đến đối chứng số 90961, tại thời điểm ban hành Quyết định số 34032/QĐ-SHTT ngày 28/6/2012, nhãn hiệu đối chứng số 90961 còn hiệu lực đến ngày 20/4/2015, do đó, giữ nguyên căn cứ Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối nhãn hiệu đăng ký. Như vậy, tại thời điểm ban hành Quyết định số 34032/QĐ-SHTT ngày 28/6/2012, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp quy định pháp luật, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2008-17051 ngày 08/8/2008 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 34032/QĐ-SHTT ngày 28/6/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-17051 ngày 08/8/2008.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, MOMO DESIGN s.r.l. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MOMO DESIGN s.r.l. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141567/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Beacon Pictures, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2018-00141 ngày 21/02/2018 của Beacon Pictures, LLC; địa chỉ: #2 2900 Olympic Boulevard, Santa Monica CA 90404, United States of America; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1323340 theo Thông báo số 2016/49 NTH26 ngày 07/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4816/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Beacon Pictures, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BEACON" theo đơn quốc tế số 1323340 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối theo Thông báo số 2016/49 NTH26 ngày 07/11/2017, căn cứ khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-26616, đơn số 4-2013-26617 và đơn quốc tế số 1209484 (các nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng (Apple Inc.) đã có Thư đồng ý (Letter of consent) đồng ý cho người nộp đơn được nộp đơn xin bảo hộ và sử dụng nhãn hiệu "BEACON" nhóm 09 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Nhãn hiệu đăng ký bị tạm thời từ chối theo Thông báo số 2016/49 NTH26 ngày 07/11/2017 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng sau đây:

- Nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-26616 (đã được cấp Giấy chứng nhận số 312743 ngày 07/01/2019);

- Nhãn hiệu theo đơn số 4-2013-26617 (đã được cấp Giấy chứng nhận số 312744 ngày 07/01/2019);

- Nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1209484.

2.2. Nhãn hiệu đăng ký "BEACON" tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ tương ứng của các nhãn hiệu đối chứng, đồng thời đăng ký cho các sản phẩm trùng hoặc tương tự thuộc nhóm 09. Do đó, mặc dù có Thư đồng ý của Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng, việc bảo hộ đồng thời cho nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1323340 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/49 NTH26 ngày 07/11/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1323340.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Beacon Pictures, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Beacon Pictures, LLC (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141592/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH IVYCATION Tư Vấn Giáo Dục Quốc Tế
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2018-00713 ngày 16/11/2018 của Công ty TNHH IVYCATION Tư Vấn Giáo Dục Quốc Tế; địa chỉ: Số 27 Trúc Bạch, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-14843 ngày 30/06/2014 theo Quyết định số 58937/QĐ-SHTT ngày 17/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4298/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH IVYCATION Tư Vấn Giáo Dục Quốc Tế với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "IVYCATION" theo đơn số 4-2014-14843 nộp ngày 30/06/2014 bị từ chối bảo hộ theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "IVY INTELLIGENT VIETNAMESE YOUTH, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 102199. Công ty TNHH Trà và Cộng sự đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Trước hết, xét về cách phát âm, "IVYCATION" gồm bốn âm tiết, trong khi "IVY" chỉ có hai âm tiết. Đối với công chúng không thông thạo ngoại ngữ, sự khác biệt này được nhận biết rõ ràng qua cách đọc. Đối với người biết tiếng Anh, "IVY" được hiểu là "cây thường xuân", còn "IVYCATION" là từ do người nộp đơn tự tạo, không mang nghĩa nào trong tiếng Việt hay tiếng Anh. Sự khác biệt về nghĩa giúp công chúng dễ dàng phân biệt hai nhãn hiệu.

Về ấn tượng thị giác, "IVYCATION" có số lượng ký tự nhiều hơn và được thể hiện dưới dạng chữ liền mạch; ngược lại, nhãn hiệu đối chứng gồm từ "IVY" kết hợp các yếu tố "INTELLIGENT VIETNAMESE YOUTH" cùng phần hình. Tổng thể trình bày và độ dài khác nhau tạo nên ấn tượng thị giác riêng biệt, bảo đảm khả năng phân biệt của mỗi nhãn hiệu.

Về phạm vi dịch vụ, cả hai nhãn hiệu đều được đăng ký cho dịch vụ đào tạo và tư vấn giáo dục. Tuy nhiên, đối tượng khách hàng của lĩnh vực này chủ yếu là người trưởng thành hoặc học sinh đã có nhận thức rõ ràng về nội dung, chất lượng dịch vụ; do đó, nguy cơ nhầm lẫn nguồn gốc thương mại giữa hai nhãn hiệu là rất thấp.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH Trà và Cộng sự đã thành lập và hoạt động từ năm 2013 trong lĩnh vực đào tạo tiếng Anh, luyện thi và tư vấn du học. Nhãn hiệu "IVYCATION" đã được sử dụng trung thực, liên tục và công khai kể từ thời điểm đó, đồng thời cũng là một phần tên thương mại của công ty. Việc sử dụng ổn định này chứng minh quá trình xây dựng uy tín và nhận diện riêng của nhãn hiệu.

Với những khác biệt nêu trên về phát âm, ý nghĩa, hình thức thể hiện và hoàn cảnh sử dụng, nhãn hiệu "IVYCATION" có khả năng phân biệt rõ ràng so với nhãn hiệu đối chứng, không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc

dịch vụ. Công ty TNHH Trà và Cộng sự đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét chấp thuận bảo hộ nhãn hiệu "IVYCATION".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về cấu trúc và hình thức thể hiện, nhãn hiệu yêu cầu đăng ký chỉ bao gồm phần chữ "IVYCATION" dưới dạng chữ thường, liền mạch. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng bao gồm phần chữ "IVY" được thể hiện cách điệu, kết hợp với các yếu tố chữ "INTELLIGENT VIETNAMESE YOUTH" và phần hình. Như vậy, hai nhãn hiệu có sự khác biệt đáng kể về mặt cấu trúc và hình thức trình bày.

Về ý nghĩa, nhãn hiệu đăng ký là từ tự tạo, không mang nghĩa cụ thể trong tiếng Việt. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng có thể được hiểu là "cây thường xuân" và "thế hệ trẻ Việt Nam thông minh". Điều này cho thấy giữa hai nhãn hiệu có sự khác nhau rõ ràng về mặt ý nghĩa.

Từ các yếu tố phân tích nêu trên, có thể thấy nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng, không gây nhầm lẫn về mặt thị giác, phát âm hoặc nội dung nhận biết đối với người tiêu dùng.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng ý kiến của đại diện người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-14843 ngày 30/6/2014, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 58937/QĐ-SHTT ngày 17/8/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-14843 ngày 30/06/2014.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2014-14843 ngày 30/06/2014, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "INTELLIGENT VIETNAMESE YOUTH".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH IVYCATION Tư Vấn Giáo Dục Quốc Tế (qua Công ty TNHH Trà và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141593/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Amann & Sohne GmbH & Co. KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2015-00369 ngày 22/4/2015 của Amann & Sohne GmbH & Co. KG; địa chỉ: Hauptstr. 1, 74357 Bonnigheim, Germany; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1189879 ngày 18/12/2013 theo Thông báo số 2014/02 TDH11 ngày 13/01/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4739/BC-TTKN

ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Amann & Sohne GmbH & Co. KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "UNIVERSAL AMANN" theo đơn quốc tế số 1189879 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2014/02 TDH11 ngày 13/01/2015, căn cứ điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do dấu hiệu có ý nghĩa mô tả, tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 1012855 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã có thư chấp thuận (Letter of Consent) cho phép chủ nhãn hiệu đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Hiện tại, cơ sở dữ liệu đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo hệ thống MADRID của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới thể hiện nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực từ ngày 23/6/2019 và không được gia hạn. Do đó, không còn là căn cứ đối chứng để xem xét đối với nhãn hiệu đăng ký.

Ngoài ra, phần chữ "UNIVERSAL" của nhãn hiệu đăng ký không có ý nghĩa mô tả trực tiếp sản phẩm thuộc nhóm trong đơn đăng ký. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1189879, không áp dụng quy định tại điểm c, e khoản 2

Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/02 TDH11 ngày 13/01/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1189879.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1189879.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Amann & Sohne GmbH & Co. KG (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141594/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BMJ INDUSTRIES FZE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2023-00657 ngày 30/10/2023 của BMJ INDUSTRIES FZE; địa chỉ: Al Hamra Industrial Zone-FZ, RAK, United Arab Emirates; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-21643 ngày 11/06/2020 theo Quyết định số 57286/QĐ-SHTT.IP ngày 31/7/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4705/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BMJ INDUSTRIES FZE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu " MAC MAN " đăng ký theo đơn số 4-2020-21643 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu " MAC GOLD" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 50518 (nhãn hiệu đối chứng 1), và nhãn hiệu "



" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 50303 (nhãn hiệu đối chứng 2), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với các lý lẽ sau:

- Thành phần "MAC" trong các nhãn hiệu là thành phần có khả năng phân biệt thấp cho các sản phẩm nhóm 34 do hệ quả của việc đồng tồn tại ít nhất NĂM nhãn hiệu cùng chứa thành phần này ở vị trí đầu tiên trong nhãn hiệu, thuộc bốn chủ sở hữu khác nhau. Do đó, việc chứa chung thành phần "MAC" trong nhãn hiệu đăng ký là không đủ và không thể để dẫn đến sự tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về tổng thể hình thức thể hiện, cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký " mac man " và các nhãn hiệu đối chứng "MAC GOLD", "MAC 111", Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "mac man" được thể hiện cách điệu độc đáo với kiểu chữ vuông, bo tròn các góc, các nét chữ trái phải phình to và thuôn ở phần đuôi tạo ấn tượng thị giác khác biệt. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng 1 là cụm từ "MAC GOLD" được thể hiện ở kiểu chữ in thường. Nhãn hiệu đối chứng 2 là sự kết hợp giữa thành phần số "111" được thể hiện to nổi bật màu trắng, đặt trong hình vuông màu đen, bên dưới là thành phần "MAC 111" được thể hiện ở kiểu chữ thường, tất cả các thành phần này nằm trong một hình chữ nhật viền đen.

Mặc dù, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cùng chứa thành phần "MAC", đây là thành phần có khả năng phân biệt yếu cho các sản phẩm nhóm 34 vì đã tồn tại nhiều nhãn hiệu của các chủ sở hữu khác nhau cùng chứa thành phần "MAC". Do đó, việc chứa chung "MAC" không dẫn đến hệ quả các nhãn hiệu là biến thể của nhau.

Như vậy, về tổng thể nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm: Sản phẩm "Thuốc lá điếu thành phẩm" thuộc nhóm 34 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với sản phẩm "thuốc lá" thuộc nhóm 34 mang các nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho sản phẩm trùng hoặc tương tự, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện của nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-21643 ngày 11/6/2020, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 57286/QĐ-SHTT.IP ngày 31/7/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-21643 ngày 11/6/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-21643 ngày 11/6/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BMJ INDUSTRIES FZE (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141596/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Đỗ Minh Tâm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2015-01198 ngày 23/12/2015 của Ông/Bà Đỗ Minh Tâm; địa chỉ: Số 40 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-07329 theo Quyết định số 59595/QĐ-SHTT ngày 28/9/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4714/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Đỗ Minh Tâm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VICTORIASILKYLEILANEUSA, hình" bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "VICTORIA'S SECRET" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 11590, nhãn hiệu "VICTORIA'S SECRET SECOND SKIN SATIN" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 34598, nhãn hiệu "BODY BY VICTORIA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 53981 và phần hình mang tính mô tả sản phẩm.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nói trên với các lý do sau: - So sánh với nhãn hiệu đối chứng 11590: Nhãn hiệu đăng ký theo đơn 4-2012-07329 có 23 ký tự, được trình bày liền mạch với hình con chai cách điệu, phát âm thành 10 âm tiết, nhãn hiệu đối chứng "VICTORIA'S SECRET" gồm 15 ký tự, được trình bày thành 2 cụm từ riêng biệt, phát âm thành 6 âm tiết . - So sánh với nhãn hiệu đối chứng 34598: Nhãn hiệu đăng ký theo đơn 4-2012-07329 có 23 ký tự, được trình bày liền mạch, với hình con chai cách điệu, phát âm thành 10 âm tiết. Nhãn hiệu đối chứng "VICTORIA'S SECRET SECOND SKIN SATIN" có 30 ký tự viết thành 5 cụm khác nhau, phát âm thành 11 âm tiết. - So sánh với nhãn hiệu đối chứng 53981: Nhãn hiệu đăng ký theo đơn 4-2012-07329 có 23 ký tự, được trình bày liền mạch, với hình con chai cách điệu, phát âm thành 10 âm tiết. Nhãn hiệu đối chứng "BODY BY VICTORIA" gồm 14 ký tự, có 7 âm tiết và được trình bày thành 3 cụm từ viết in hoa. Như vậy nhãn hiệu đăng ký khác với các nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc ấn tượng thị giác, về phát âm nên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Nội dung khiếu nại không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 59595/QĐ-SHTT ngày 28/9/2015.

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Phần chữ "VICTORIA" trong nhãn hiệu " VICTORIASILKYLEILANEUSA, hình" trùng với phần chữ "VICTORIA" là thành phần phân biệt chính của các nhãn hiệu đối chứng "VICTORIA'S SECRET" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 11590, nhãn hiệu "VICTORIA'S SECRET SECOND SKIN SATIN' được bảo hộ theo GCNĐKNH số 34598, nhãn hiệu "BODY BY VICTORIA" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 53981 nên dễ khiến người tiêu dùng nhầm lẫn khi chọn mua sản phẩm.

- Phần hình là hình con trai và viên ngọc trai cách điệu mang tính mô tả sản phẩm thuộc nhóm 03 mang nhãn hiệu đăng ký.

Tổng hợp các nhận định cho thấy, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c và 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-07329 ngày 16/4/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 59595/QĐ-SHTT ngày 28/9/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-07329 ngày 16/04/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Đỗ Minh Tâm có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Đỗ Minh Tâm (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141597/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Deep Dive LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-00621 ngày 16/5/2022 của Deep Dive LLC; địa chỉ: Corporation Trust Center, 1209 Orange Street, Wilmington, Delaware 19801, USA; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-11465 ngày 13/04/2018 theo Quyết định số 14904/QĐ-SHTT ngày 28/02/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4708/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Deep Dive LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "DEEP SCREEN" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-11465 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc nhóm 9 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký "DEEP SCREEN" không mang tính mô tả cho các sản phẩm yêu cầu đăng ký thuộc nhóm 9. Cụ thể, "DEEP SCREEN" không phải là tên công nghệ trình chiếu, bởi định nghĩa được nhắc đến theo quyết định từ chối là "anamorphosis" (nghệ thuật phối cảnh biến dạng), chứ không phải "DEEP SCREEN". "Anamorphosis" là một loại hình ảnh/tranh vẽ, không phải công nghệ. Không có định nghĩa nào của "anamorphosis" đề cập "deep screen" là một công nghệ để tạo ra hiệu ứng phối cảnh này. Do đó, "deep screen" không phải là tên gọi thông thường cho bất kỳ loại công nghệ nào và có chức năng như một nhãn hiệu thông thường.

"DEEP SCREEN" là một cụm từ tự tạo, độc đáo. Người nộp đơn là bên duy nhất nộp đơn đăng ký nhãn hiệu này cho nhóm 9 và cụm từ này chưa từng xuất hiện trong lịch sử ngành công nghệ trình chiếu hay màn hình.

Kể cả khi "DEEP SCREEN" là tên của một công nghệ, chủ sở hữu hoàn toàn có quyền đặt tên và xác lập quyền độc quyền với tên đó, tương tự các nhãn hiệu như "IMAX" (của Imax Corporation theo GCN ĐKNH số 112358) và "TRINITRON" (của Sony Corporation theo ĐQT số 349847) đã được bảo hộ tại Việt Nam.

Hơn nữa, người nộp đơn cho rằng có nhiều nhãn hiệu có cấu trúc tương tự "DEEP SCREEN" cũng đã được chấp nhận bảo hộ. Các ví dụ điển hình bao gồm "BURGER KING" (GCN ĐKNH số 147973), "Heyday! BEER" (GCN ĐKNH số 304740), "PARAMOUNT BED" (GCN ĐKNH số 106487), "PARAMOUNT CHANNEL" (GCN ĐKNH số 324708). Một số nhãn hiệu có chứa từ "DEEP" đăng ký cho sản phẩm tương tự trong nhóm 9 cũng đã được chấp nhận bảo hộ mà không bị từ chối với lý do mô tả hoặc không có khả năng phân biệt (ví dụ: nhãn hiệu chứa "DEEP STUDY" (ĐKQT số 1408706) cho phần mềm giáo dục trẻ em, phần mềm ứng dụng; nhãn hiệu chứa "DEEP COOL" (ĐKQT số 1025927) cho ổ đĩa máy vi tính, thiết bị ngoại vi).

"DEEP SCREEN" đã được cấp văn bằng bảo hộ tại 120 quốc gia/khu vực trên thế giới, bao gồm Úc, Trung Quốc, EUTM, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Vương Quốc Anh, Hoa Kỳ, v.v.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

"DEEP SCREEN" là một cụm từ tiếng Anh, trong đó "DEEP" là một từ tiếng anh đa nghĩa. Theo nghĩa đen, "DEEP" mô tả kích thước vật lý (ví dụ: nước sâu, không gian sâu). Theo nghĩa bóng, "DEEP" thường bao hàm sắc thái cảm xúc hoặc ngầm thể hiện một ý kiến, làm cho mô tả sự vật/hành động trở nên sâu sắc, mạnh mẽ hơn.

Khi kết hợp với "SCREEN", từ "DEEP SCREEN" không nhằm diễn đạt nghĩa đen (chiều sâu) của từ này bởi lẽ "SCREEN" (màn hình) thường có dạng một khối hình hộp chữ nhật với ba chiều kích – dài, rộng, cao. Trong khi đó, chiều sâu không phải là một kích thước dùng trong đo đạc màn hình. Mặt khác, "DEEP SCREEN" ngay cả khi được hiểu là "màn hình sâu" cũng không phải thuật ngữ dùng để mô tả công nghệ làm cong hình ảnh/video để tạo ảo ảnh chiều sâu 3D trên màn hình phẳng. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký "DEEP SCREEN" không mô tả trực tiếp các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký trong nhóm 9 bao gồm "*Máy vi tính; phần cứng máy vi tính; thiết bị di động điện tử; phần mềm máy tính [ghi sẵn hoặc có thể tải xuống được]*".

Ngoài ra, việc các nhãn hiệu khác được bảo hộ mà người nộp đơn nêu trong đơn khiếu nại không thuộc phạm vi xem xét khiếu nại này. Thông tin nhãn hiệu đăng ký đã được cấp văn bằng bảo hộ tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ mang tính chất tham khảo.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký không mang tính mô tả trực tiếp các sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 9. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt, đáp ứng điều kiện bảo hộ nhãn hiệu và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-11465 ngày 13/4/2018, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 14904/QĐ-SHTT ngày 28/02/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-11465 ngày 13/04/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-11465 ngày 13/04/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Deep Dive LLC (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141643/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00386 ngày 28/3/2017 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, P.R.China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1276154 theo Thông báo số 2015/47 NTH34 ngày 24/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4669/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FusionSphere" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1276154 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/47 NTH34 ngày 24/11/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FUSION" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 45974 (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn không đồng ý với nội dung Thông báo nêu trên và đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1276154 với các lý do sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng khi so sánh tổng thể cũng như từng khía cạnh dưới đây:

- Về cấu trúc tổng thể và cấu trúc từ ngữ, nhãn hiệu đăng ký là một sự kết hợp độc đáo bởi 02 từ tiếng Anh viết liền tạo thành một tổng thể không thể tách rời "FusionSphere". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm một từ duy nhất "FUSION".

- Về ý nghĩa & nội dung, nhãn hiệu đăng ký "FusionSphere" có nghĩa là "khối cầu nóng chảy/hợp nhất" trong khi nhãn hiệu đối chứng "FUSION" có nghĩa là "sự nóng chảy/hợp nhất".

- Về âm tiết, nhãn hiệu đăng ký "FusionSphere" luôn được đọc và phát âm thành ba âm tiết là /ˈfju:-ʒən-sfɪr/, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfju:-ʒən/.

- Về cảm nhận thị giác, do sự khác biệt về cấu trúc tổng thể, cấu trúc từ ngữ, nội dung ý nghĩa và âm tiết như đã trình bày ở trên, cảm nhận thị giác của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là khác biệt.

Thứ hai, trên thực tế, một số nhãn hiệu có cùng cấu trúc từ ngữ như nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là cùng chứa thành phần "FUSION", đã được Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng và chấp nhận bảo hộ dù danh mục sản phẩm thuộc nhóm 09 của các nhãn hiệu đó đều bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Thứ ba, trên thế giới, nhãn hiệu đăng ký "FusionSphere" cũng được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUSION" khi cả hai cùng đăng ký cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 09 ở một số quốc gia, bao gồm nhưng

không giới hạn ở 28 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Singapore, Philippines, Hồng Kông, Trung Quốc, Mỹ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký gồm 12 chữ cái tạo thành bởi hai từ tiếng Anh "Fusion" và "Sphere", trong đó chữ cái đầu tiên của mỗi từ được viết hoa, tạo ấn tượng như hai từ đứng tách biệt nhau; nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" gồm 6 chữ cái. Do các chữ cái của nhãn hiệu đăng ký được sắp xếp liền nhau nhưng chữ cái F và S được viết hoa, nổi bật so với các chữ cái còn lại khiến cho dấu hiệu này tạo ấn tượng với người tiêu dùng thành hai từ "Fusion" và "Sphere" với nghĩa tiếng Việt tương ứng là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất' và "khối cầu", trong khi nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" có nghĩa là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất". Vì vậy, ý nghĩa của nhãn hiệu đăng ký khác biệt với ý nghĩa của nhãn hiệu đối chứng. Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký do cách bố trí các ký tự như đã phân tích ở trên nên có thể được phát âm thành 3 âm tiết là /ˈfju:-ʒən-sfɪr/; nhãn hiệu đối chứng được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfju:-ʒən/.

Đánh giá chung về cấu trúc, hình thức thể hiện, ý nghĩa và cách phát âm thì dấu hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định ở phần chữ "Sphere", đủ để người tiêu dùng không lầm tưởng hai đối tượng đó là một hoặc đối tượng này là biến thể của đối tượng kia hoặc hai đối tượng đó có cùng một nguồn gốc.

Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đăng ký theo dấu hiệu "FusionSphere" tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho sản

phẩm tương tự, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.

Từ các phân tích ở trên cho thấy lập luận của người nộp đơn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) về việc nhãn hiệu đăng ký "FusionSphere" theo ĐQT số 1276154 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1276154, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/47 NTH34 ngày 24/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1276154.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1276154.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141652/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Takii & Company, Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2018-00256 ngày 09/4/2018 của Takii & Company, Limited; địa chỉ: 180, Minamiebisu-cho, Inokuma-higashiiru, Umekoji-dori, Shimogyo-ku, Kyoto-shi Kyoto 600-8686; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1328128 theo Thông báo số 2016/53 HBN08 ngày 19/12/2017;

NAT779

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4656/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Takii & Company, Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu **SUNRICH** "SUNRICH, hình" đăng ký theo ĐQT số 1328128 bị từ chối chấp nhận bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "SUNRICH ORGANIC, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 198653, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định. Cụ thể: nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần chữ "SUNRICH" và phần hình đặt trên phần chữ là hình tròn bên trong có các vòng tròn màu da cam nhạt dần từ ngoài vào trong, chính giữa là hình bông hoa tám cánh. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng gồm phần hình chữ nhật màu xanh lá cây, chính giữa là hình mặt trời cách điệu với khuôn mặt cười, ngộ nghĩnh và phần chữ "SUNRICH ORGANIC" được viết cách điệu ở bên dưới.

- Sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định: sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 31, chủ yếu là các loại hạt, cây cỏ, hoa tự nhiên và rau củ tươi, có bản chất là các sản phẩm tự nhiên, mục đích để gieo trồng, nhân, tạo giống. Trong khi đó, sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là "phân bón" thuộc nhóm 01, vốn là những chất, hợp chất chứa các nguyên tố dinh dưỡng qua xử lý công nghiệp, nhằm thúc đẩy sự phát triển, sinh trưởng của cây trồng.

- Chủ đơn nhãn hiệu đăng ký đang tiến hành đàm phán xin Thư chấp thuận từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và sẽ bổ sung ngay khi nhận được.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được

đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

GCNĐKNH số 198653 của nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực vào ngày 13/5/2021 mà không tiếp tục gia hạn. Do đó, nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 198653 không còn là đối chứng để từ chối đối với nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1328128 ngày 31/8/2016.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1328128 ngày 31/8/2016, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/53 HBN08 ngày 19/12/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1328128 ngày 31/8/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1328128 ngày 31/8/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Takii & Company, Limited (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141653/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần công nghệ CNC Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2020-00690 ngày 11/8/2020 của Công ty cổ phần công nghệ CNC Việt Nam; địa chỉ: Số 66 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0909319886; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-29173 ngày 12/09/2017 theo Quyết định số 58017/QĐ-SHTT ngày 30/7/2020;

NAT779

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4677/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần công nghệ CNC Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-29173 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 58017/QĐ-SHTT ngày 30/7/2020 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9610/SHTT-NH ngày 05/3/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 132660, 203894.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9610/SHTT-NH ngày 05/3/2020 là vì Thông báo được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19 dẫn đến việc không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Đây là lý do khách quan không mong muốn, do đó đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Đồng thời, người nộp đơn đồng ý loại bỏ nhóm hàng hóa không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo Thông báo nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9610/SHTT-NH ngày 05/3/2020 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-29173 ngày 12/9/2017.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-29173 ngày 12/9/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 58017/QĐ-SHTT ngày 30/7/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-29173 ngày 12/09/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-29173 ngày 12/09/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần công nghệ CNC Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9610/SHTT-NH ngày 05/3/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 9610/SHTT-NH ngày 05/3/2020.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141654/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ An Vi
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2021-00956 ngày 25/10/2021 của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ An Vi; địa chỉ: 123/9 đường số 8, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0937885378; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-46106 ngày 28/12/2018 theo Quyết định số 32142/QĐ-SHTT ngày

NAT779

22/4/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4815/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHh sản xuất thương mại dịch vụ An Vi với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-46106 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 32142/QĐ-SHTT ngày 22/4/2021 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 62881/SHTT-NH ngày 31/12/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và sẽ bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đã nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 62881/SHTT-NH ngày 31/12/2020 nhưng do có những thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đội ngũ nhân sự cùng tình hình bệnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong thời gian này nên chủ đơn đã không kịp thời có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Do đó, chủ đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và cho phép gia hạn trả lời Thông báo nói trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến

kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 62881/SHTT-NH ngày 31/12/2020 đã được chuyển phát thành công. Mặc dù người nộp đơn đã nhận được Thông báo nêu trên nhưng do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trong thời gian này dẫn đến khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như thay đổi đội ngũ nhân sự nên đã không có ý kiến trả lời đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2018-46106 ngày 28/12/2018.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2018-46106 ngày 28/12/2018.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 32142/QĐ-SHTT ngày 22/4/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-46106 ngày 28/12/2018.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-46106 ngày 28/12/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ An Vi có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 62881/SHTT-NH ngày 31/12/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 62881/SHTT-NH ngày 31/12/2020

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141655/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Giáo Dục Tín Tâm An
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00988 ngày 05/11/2021 của Công ty TNHH Giáo Dục Tín Tâm An; địa chỉ: 1/5, KP10, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, điện thoại 0329241345; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-17168 ngày 29/05/2018 theo Quyết định số 110621/QĐ-SHTT ngày 28/12/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4820/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Giáo Dục Tín Tâm An với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-17168 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 110621/QĐ-SHTT ngày 28/12/2020 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38422/SHTT-NH ngày 20/8/2020 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên chứa yếu tố không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và sẽ bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đã nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38422/SHTT-NH ngày 20/8/2020 nhưng do có những thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đội ngũ nhân sự cùng tình hình bệnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong thời gian này nên chủ đơn đã không kịp thời có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Do đó, chủ đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và cho phép gia hạn trả lời Thông báo nói trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến

kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38422/SHTT-NH ngày 20/8/2020 đã được chuyển phát thành công. Mặc dù người nộp đơn đã nhận được Thông báo nêu trên nhưng do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trong thời gian này dẫn đến khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như thay đổi đội ngũ nhân sự nên đã không có ý kiến trả lời đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2018-17168 ngày 29/5/2018.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2018-17168 ngày 29/5/2018.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 110621/QĐ-SHTT ngày 28/12/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-17168 ngày 29/05/2018.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-17168 ngày 29/05/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Giáo Dục Tín Tâm An có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38422/SHTT-NH ngày 20/8/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38422/SHTT-NH ngày 20/8/2020.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141657/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TAKARA BELMONT CORPORATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN5-2018-00267 ngày 11/4/2018 của TAKARA BELMONT CORPORATION; địa chỉ: 2-1-1, Higashi-Shinsaibashi, Chuo-ku, Osaka-shi Osaka 542-0083 (JP); đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1329981 theo Thông báo số 2017/04 NKL01 ngày 09/01/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4630/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TAKARA BELMONT CORPORATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Rufor" đăng ký theo ĐQT số 1329981 bị từ chối chấp nhận bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "RUFFO" theo ĐQT số 798154, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt nhất định với nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể: nhãn hiệu đăng ký /R-U-F-O-R/ có cấu tạo khác biệt với nhãn hiệu đối chứng /R-U-F-F-O/, sự khác biệt về cấu tạo cũng dẫn đến sự khác biệt về cách phát âm của hai nhãn hiệu. Nhãn hiệu đăng ký chỉ gồm nhóm 03, trong khi nhãn hiệu đối chứng gồm cả nhóm 03, 09, 18, 25.

- Chủ đơn nhãn hiệu đăng ký đang tiến hành đàm phán xin Thư chấp thuận/chuyển nhượng từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và sẽ bổ sung ngay khi nhận được.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "Rufor" và nhãn hiệu đối chứng "RUFFO" tương tự về cấu trúc vì có 5/6 ký tự trùng nhau được sắp xếp ở các vị trí tương đồng và đều có thể được phát âm là /ru-pho/. Sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng trùng/tương tự nhau vì đều là các sản phẩm liên quan đến mỹ

phẩm, chế phẩm chăm sóc tóc thuộc nhóm 03. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc và cách phát âm, lại được đăng ký cho các sản phẩm trùng/tương tự có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

- Người nộp đơn có đề cập đến việc đang đàm phán và sẽ bổ sung Thư chấp thuận/bản sao ghi nhận chuyển nhượng nhãn hiệu đối chứng nhưng đến thời điểm hiện tại Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được bất cứ tài liệu bổ sung nào khác.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1329981 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2017/04 NKL01 ngày 09/01/2018 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1329981.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, TAKARA BELMONT CORPORATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TAKARA BELMONT CORPORATION (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141658/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH FXCE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-01426 ngày 16/12/2022 của Công ty TNHH FXCE; địa chỉ: 19 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0948116814; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-29668 ngày 28/07/2020 theo Quyết định số 72668/QĐ-SHTT ngày 19/8/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4620/BC-TTKN

ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH FXCE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-29668 ngày 28/7/2020 của Công ty TNHH FXCE bị từ chối cấp GCNĐKNH vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp GCNĐKNH cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 17636/SHTT-NH ngày 29/4/2022 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 72668/QĐ-SHTT ngày 19/8/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-29668 ngày 28/7/2020. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:"Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 17636/SHTT-NH ngày 29/4/2022 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 72668/QĐ-SHTT ngày 19/8/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-29668 ngày 28/7/2020 không được chuyển phát thành công và đã được chuyển hoàn lại Cục Sở hữu trí tuệ. Vì lý do này, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-29668 ngày 28/7/2020.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-29668 ngày 28/7/2020.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 72668/QĐ-SHTT ngày 19/8/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-29668 ngày 28/7/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-29668 ngày 28/7/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH FXCE có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 17636/SHTT-NH ngày 29/4/2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 17636/SHTT-NH ngày 29/4/2022.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141659/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kraft Foods Group Brands LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2016-00749 ngày 29/8/2016 của Kraft Foods Group Brands LLC; địa chỉ: Three Lakes Drive Northfield IL 60093, U.S.A. (nay là: 200 E. Randolph St., Chicago IL 60601, U.S.A.) ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1246879 theo Thông báo số 2015/18 NDT08 ngày 05/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4593/BC-TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kraft Foods Group Brands LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1246879 bị dự định từ chối đối với toàn bộ sản phẩm đăng ký trong Nhóm 29 vì có thể khiến người tiêu dùng hiểu sai lệch hoặc nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký theo Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Từ "Bologna" là một từ tiếng Anh có nghĩa là "xúc xích hun khói". Người tiêu dùng trên khắp thế giới, bao gồm cả Việt Nam đã quen thuộc và biết đến từ "Bologna" với nghĩa để chỉ đến một loại thực phẩm cụ thể. Đặc biệt, khi từ "Bologna" được sử dụng trong cụm từ kết hợp trong nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là: "BOLOGNA MADE WITH CHICKEN & PORK", và nhãn hiệu đăng ký được sử dụng cho sản phẩm xin đăng ký là "xúc xích hun khói (bologna)", người tiêu dùng sẽ hiểu ngay rằng sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là một loại xúc xích hun khói (được chế biến từ thịt gà và thịt lợn), chứ không thể nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm là tên một địa danh Bologna;

- Để chứng minh cho lập luận trên, người khiếu nại đã nộp bản gốc Bản Tuyên thệ chứng minh rằng từ "Bologna" trong nhãn hiệu đăng ký đã được công nhận rộng rãi và phổ biến bởi người tiêu dùng trên thế giới và Việt Nam như một loại sản phẩm xúc xích đã được nấu chín hoặc hun khói, chứ không phải là thành phố Bologna của Ý, và việc sử dụng từ này trong nhãn hiệu đăng ký sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là từ Ý.

- Người khiếu nại xin được bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng cho cụm từ "QUALITY MEAT NO FILLERS BOLOGNA MADE WITH CHICKEN & PORK", trong đó có từ "Bologna";

- Có nhiều nhãn hiệu chứa từ "Bologna" đã được chấp nhận bảo hộ tại một số quốc gia trên thế giới cho cùng sản phẩm xúc xích hun khói trong Nhóm 29, và người khiếu nại của các nhãn hiệu này không cư trú tại thành phố Bologna của Ý. Điều này cũng khẳng định cho lập luận việc sử dụng từ "Bologna" trong nhãn hiệu đăng ký không thể nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm là tên thành phố Bologna.

- Với các lập luận và chứng cứ nêu trên, "Bologna" đã được người tiêu dùng toàn cầu, bao gồm Việt Nam, hiểu là từ chỉ sản phẩm xúc xích hun khói.

Việc sử dụng "Bologna" cùng cụm "MADE WITH CHICKEN & PORK" chỉ nhằm mô tả chủng loại và thành phần sản phẩm, không gây nhầm lẫn về nguồn gốc từ thành phố Bologna (Ý). Do đó, người khiếu nại kính đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ tổng thể cho Nhãn hiệu xin đăng ký tại Việt Nam, nhưng không bảo hộ riêng cụm từ "QUALITY MEAT NO FILLERS BOLOGNA MADE WITH CHICKEN & PORK".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Bologna" là thành phần phân biệt chính, là tên của một thành phố Bologna của Ý, trong khi địa chỉ của chủ đơn đăng ký nhãn hiệu tại Three Lakes Drive Northfield IL 60093, U.S.A. (nay là: : 200 E. Randolph St., Chicago IL 60601, U.S.A.). Do đó, sự kết hợp của phần chữ "Bologna" với các thành phần còn lại của nhãn hiệu tạo thành một tổng thể có thể làm người tiêu dùng hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ, của hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 29.

Bản Tuyên thệ chứng minh rằng từ "Bologna" trong nhãn hiệu đăng ký đã được công nhận rộng rãi và phổ biến bởi người tiêu dùng trên thế giới và Việt Nam của người khiếu nại chưa đủ cơ sở chứng minh nhãn hiệu được thừa nhận sử dụng rộng rãi trước ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam.

Ngoài ra, thông tin nhiều nhãn hiệu chứa từ "Bologna" đã được chấp nhận bảo hộ tại một số quốc gia trên thế giới chỉ mang tính chất tham khảo và không nằm trong phạm vi nội dung xem xét của khiếu nại này.

Tổng hợp nhận định trên cho thấy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1246879 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/18 NDT08 ngày 05/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1246879.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kraft Foods Group Brands LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kraft Foods Group Brands LLC (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141660/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BlueScope Steel Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2021-00772 ngày 04/8/2021 của BlueScope Steel Limited; địa chỉ: Level 11, 120 Collins Street, Melbourne, Victoria, Australia; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-33666 ngày 28/09/2018 theo Quyết định số 48001/QĐ-SHTT ngày 14/6/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4601/BC-TTKN

ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BlueScope Steel Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ECO-COOL" (Nhãn hiệu đăng ký) cho các sản phẩm Nhóm 40 theo đơn số 4-2018-33666 ngày 28/09/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu EcoCool (Nhãn hiệu đối chứng 1) theo GCNĐKNH số 221026 ngày 07/03/2014 cho các sản phẩm nhóm 06 và nhãn hiệu ECOCOOL (Nhãn hiệu đối chứng 2) theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 677202, ngày 07/04/1997 cho các sản phẩm nhóm 01 theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Dịch vụ xin đăng ký trong nhóm 40 của nhãn hiệu đăng ký (Dịch vụ xử lý vật liệu cụ thể là xử lý vật liệu liên quan đến công nghệ phản xạ năng lượng mặt trời) không có mối liên quan với nhau về chức năng với các sản phẩm trong Nhóm 1 (chất lỏng được làm từ dầu hoặc chất bôi trơn, có thể trộn với nước để xử lý kim loại) và Nhóm 6 (Van bằng kim loại, mối nối bằng kim loại, lò xo bằng kim loại, ống bằng kim loại, hợp kim của đồng và thiếc) của các nhãn hiệu đối chứng.

Người tiêu dùng không thể nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và hai nhãn hiệu đối chứng trên thực tế vì thực tế chủ đơn và chủ sở hữu của Nhãn hiệu đối chứng hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Chủ đơn hoạt động trong ngành xây dựng (sản phẩm và giải pháp về thép); Chủ sở hữu Nhãn hiệu đối chứng 1 là đơn vị kinh doanh thiết bị vật tư ngành lạnh, chủ sở hữu Nhãn hiệu đối chứng 2 sản xuất, kinh doanh chất bôi trơn, dầu nhờn.

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 2 được sử dụng cho các sản phẩm/dịch vụ khác biệt trên thực tế (công nghệ giúp giảm nhiệt mái tôn và chất lỏng pha với nước để cắt kim loại).

Nhãn hiệu đăng ký đc sử dụng cho công nghệ độc quyền của chủ đơn dành riêng cho loại tôn lợp đặc trưng của Chủ đơn, đã được người tiêu dùng biết đến rộng rãi (có kèm bằng chứng sử dụng) do đó không thể xảy ra khả năng nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ giữa các nhãn hiệu.

Nhãn hiệu đối chứng 1 (nhóm 6 -các vật liệu kim loại) đồng tồn tại với nhãn hiệu đối chứng 2 (nhóm 1 -chất lỏng được làm từ dầu hoặc chất bôi trơn, có thể trộn với nước để xử lý kim loại) do đó, sản phẩm nhóm 1 thuộc nhãn hiệu đối chứng 2 không tương tự với nhóm 6- các vật liệu kim loại cũng như nhóm 40 là các dịch vụ liên quan đến xử lý kim loại của nhãn hiệu đăng ký

Cục Sở hữu trí tuệ đã từng cho rằng nhãn hiệu đối chứng 1 không tương tự với Nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là đơn ĐKNH cho "ECO-COOL" (4-2014-06677) cho dịch vụ tương tự nhóm 40 không bị từ chối bởi nhãn hiệu đối chứng

1 "EcoCool" nhóm 6. Do vậy, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ áp dụng nhất quán quan điểm.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "ECO-COOL" và các nhãn hiệu đối chứng "ECOCOOL" tương tự về cấu trúc, nội dung, cách phát âm vì đều gồm các chữ "ECO", "COOL" sắp xếp theo thứ tự giống nhau.

- Về sản phẩm/dịch vụ:

Dịch vụ của Nhãn hiệu đăng ký tại nhóm 40 (Dịch vụ xử lý vật liệu, cụ thể là xử lý vật liệu liên quan đến công nghệ phản xạ năng lượng mặt trời) có bản chất là một loại công nghệ/phương pháp kĩ thuật, có chức năng giúp cải tiến chất lượng vật liệu, cụ thể là giúp vật liệu phản xạ ánh sáng mặt trời để cách nhiệt tốt hơn, từ đó hạn chế các tác động xấu của ánh sáng mặt trời. Phương thức thực hiện của dịch vụ này là tác động lên tính chất của bề mặt vật liệu (cụ thể là khả năng phản xạ nhiệt) nhưng không làm thay đổi hình dạng, kích thước của vật liệu. Dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký được ứng dụng cho vật liệu xây dựng làm mái nhà, trần nhà, vách tường.

Trong khi đó, các sản phẩm nhóm 6 của nhãn hiệu đối chứng 1 (Van bằng kim loại; mối nối bằng kim loại; lò xo bằng kim loại (tất cả đều không phải là bộ phận của máy); ống bằng kim loại; hợp kim của đồng và thiếc) là các sản phẩm hoàn chỉnh làm bằng kim loại, là bộ phận để lắp ghép/cấu tạo nên các thiết bị kĩ thuật và dụng cụ khác. Do đó, các sản phẩm này không có chức năng cải tiến chất lượng vật liệu hay làm thay đổi hình dạng vật liệu. Các sản phẩm này là đối tượng tác động vật lý như rèn, cắt, cán, đúc, hàn, không phải là đối tượng được áp dụng công nghệ phản xạ năng lượng mặt trời của dịch vụ xin đăng ký. Vì vậy, các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng 1 không phải là đối tượng của các dịch vụ xử lý kim loại nói chung và dịch vụ xin đăng ký nói riêng. Theo đó, không có mối liên quan về bản chất, chức năng hay phương thức thực hiện với dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký.

Đối với các sản phẩm nhóm 1 của nhãn hiệu đối chứng 2 (Chất lỏng được làm từ dầu hoặc chất bôi trơn, có thể trộn với nước để xử lý kim loại) có

bản chất là chất lỏng phụ trợ có chức năng để cắt kim loại, làm thay đổi hình dạng các vật liệu kim loại, được ứng dụng chủ yếu trong quá trình sản xuất vật liệu/thiết bị/máy móc/dụng cụ bằng kim loại. Sản phẩm này làm thay đổi về hình dạng, kích thước của vật liệu kim loại chịu tác động, nhưng không thay đổi được tính chất của vật liệu đó. Do đó, sản phẩm này không được sử dụng trong cho dịch vụ xin đăng ký và do đó, không liên quan đến dịch vụ xin đăng ký về bản chất, chức năng hay phương thức thực hiện.

Như vậy, xét về bản chất, chức năng, phương thức thực hiện thì dịch vụ xin đăng ký thuộc nhóm 40 khác biệt hoàn toàn với các sản phẩm nhóm 6 và nhóm 1 của các nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc, nội dung, cách phát âm nhưng được sử dụng cho sản phẩm/dịch vụ không tương tự. Do đó, trên cơ sở đánh giá tổng thể, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được coi là có khả năng phân biệt và đáp ứng điều kiện bảo hộ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-33666 ngày 28/9/2018 , không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 48001/QĐ-SHTT ngày 14/6/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-33666 ngày 28/9/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-33666 ngày 28/9/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BlueScope Steel Limited (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141661/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2016-00965 ngày 24/11/2016 của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt; địa chỉ: Tầng 15, tháp Tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-21613 theo Quyết định số 69607/QĐ-SHTT ngày 28/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4584/BC-

TTKN ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-21613 ngày 12/09/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 69607/QĐ-SHTT ngày 28/10/2016 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Thứ nhất, chủ đơn của nhãn hiệu đăng ký đã cung cấp Công văn chấp thuận việc sử dụng nhãn hiệu Bản Việt của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt ("Quỹ Bản Việt") và Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng Bản Việt"); Văn bản giải trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Quỹ Bản Việt; và Giấy phép thay đổi địa chỉ trụ sở chính số 10/GPĐC-UBCK ngày 16/5/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Thứ hai, Quỹ Bản Việt đã nộp tờ khai sửa đổi, điều chỉnh trụ sở chính trên văn bằng bảo hộ nhãn hiệu cho thống nhất thông tin trong tờ khai.

Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký vẫn bị từ chối theo Quyết định số 69607/QĐ-SHTT ngày 28/10/2016 của Cục Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "Chứng khoán Bản Việt" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

Về dịch vụ: Các dịch vụ thuộc nhóm 35, 36 của Nhãn hiệu đăng ký trùng và tương tự với các dịch vụ đang được bảo hộ của các nhãn hiệu đối chứng.

Chủ đơn cung cấp thông tin về chiến lược kinh doanh của chủ đơn và các chủ sở hữu của 02 nhãn hiệu đối chứng về việc yếu tố "Bản Việt" được các bên cùng sử dụng và cùng khai thác kinh doanh trên thị trường. Tuy nhiên, xem xét bản chất của nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Do đó, dù chủ đơn đã cung cấp các Văn bản chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng số 158900 và 206671, tuy nhiên trên

thực tế nhãn hiệu đăng ký vẫn bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng số 158900 và 206671, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng rằng các nhãn hiệu này là biến thể của nhau hoặc có cùng một nguồn gốc.

Từ các nhận định và đánh giá trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ nhận định rằng nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn số 4-2014-21613 là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-21613 ngày 12/9/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 69607/QĐ-SHTT ngày 28/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-21613 ngày 12/9/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141664/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH mực in Mita
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2021-00963 ngày 26/10/2021 của Công ty TNHH mực in Mita; địa chỉ: 135/28 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0908128467; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-32378 theo Quyết định số 64174/QĐ-SHTT ngày 29/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4566/BC-

TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH mực in Mita với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-32378 ngày 20/9/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 64174/QĐ-SHTT ngày 29/7/2021 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau: Theo tìm hiểu của người nộp đơn nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 1147474 không kinh doanh tại thị trường Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 64174/QĐ-SHTT ngày 29/7/2021, nhãn hiệu đối chứng đang còn hiệu lực tại Việt Nam. Ngoài ra, thông tin nhãn hiệu đối chứng theo đăng ký quốc tế số 1147474 được bảo hộ ở Việt Nam nhưng không kinh doanh tại thị trường Việt Nam do người nộp đơn cung cấp mà không kèm theo các tài liệu, chứng cứ kèm theo để chứng minh, nên chỉ mang tính tham khảo, chưa đủ cơ sở để khẳng định nhãn hiệu đối chứng không sử dụng tại Việt Nam. Do đó, tại thời điểm ban hành Quyết định số 64174/QĐ-SHTT ngày 29/7/2021, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-32378 ngày 20/9/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 64174/QĐ-SHTT ngày 29/7/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-32378 ngày 20/9/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH mực in Mita có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH mực in Mita có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141665/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2021-00163 ngày 22/02/2021 của Ông/Bà Vũ Quý Anh; địa chỉ: 158D/401 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chi Minh, điện thoại 0383989886; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-22429 theo Quyết định số 99649/QĐ-SHTT ngày 26/11/2020;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4335/BC-

TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Ming [Minh: sáng sủa]" theo đơn đăng ký số 4-2018-22429 ngày 09/7/2018 bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Minh coffee, hình" số 292719 ngày 18/12/2017.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại và chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau: nhãn hiệu đăng ký là một tập hợp các dấu hiệu, có sự phân biệt rõ ràng với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi phần chữ Hán là dấu hiệu không được bảo hộ, thành phần phân biệt "Ming" tương tự với "Minh" - thành phần phân biệt của nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 292719 ngày 18/12/2017 về cấu trúc, phát âm do có 03/04 ký tự trùng nhau ở cùng vị trí (trùng nhau 03 ký tự đầu "Min-"). Đồng thời, "Minh" là cách đọc nôm của phần chữ Hán trong nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và "Ming" là bính âm của phần chữ Hán này (theo giải thích trong công văn trả lời của người nộp đơn), do đó hai nhãn hiệu tương tự về ý nghĩa. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, phát âm và ý nghĩa. Trong khi, sản phẩm mang nhãn hiệu nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, do đó, không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Tại thời điểm ban hành nguyên Quyết định số 99649/QĐ-SHTT ngày 26/11/2020, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là hoàn toàn phù hợp và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-22429 ngày 09/7/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 99649/QĐ-SHTT ngày 26/11/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-22429 ngày 09/7/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Vũ Quý Anh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Quý Anh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141666/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2019-00819 ngày 13/12/2019 của Ông/Bà Vũ Quý Anh; địa chỉ: 158D/401 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0383989886; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-27301 theo Quyết định số 45253/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4328/BC-

TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Shere khan" theo đơn đăng ký số 4-2014-27301 ngày 10/11/2014 bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SHERE KHAN" số 206103 ngày 22/5/2013

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại và chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau: Sản phẩm "đồ uống trên cơ sở cà phê" mang nhãn hiệu đăng ký và sản phẩm "cà phê" mang nhãn hiệu đối chứng không cùng loại và khác có mã khác nhau trong bảng phân loại Ni-xơ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Shere khan" trùng về số lượng ký tự, cách phát âm với nhãn hiệu đối chứng, sự khác biệt về kiểu chữ in hoa và in thường không đủ tạo khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng. Trong khi, sản phẩm "đồ uống trên cơ sở cà phê" mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm "cà phê" mang nhãn hiệu đối chứng cùng thuộc nhóm 30 do cùng được tạo ra từ cà phê và dùng làm đồ uống (thức uống) cho con người.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Tại thời điểm ban hành nguyên Quyết định số 45253/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là hoàn toàn phù hợp và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-27301 ngày 10/11/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 45253/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-27301 ngày 10/11/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Vũ Quý Anh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Quý Anh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141667/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2019-00821 ngày 13/12/2019 của Ông/Bà Vũ Quý Anh; địa chỉ: 158D/401 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0383989886; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-27303 theo Quyết định số 45255/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4324/BC-

TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Kaa" theo đơn đăng ký số 4-2014-27303 ngày 10/11/2014 bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "KAA" số 213651 ngày 03/10/2013

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại và chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau: Sản phẩm "đồ uống trên cơ sở cà phê" mang nhãn hiệu đăng ký và sản phẩm "cà phê" mang nhãn hiệu đối chứng không cùng loại và khác có mã khác nhau trong bảng phân loại Ni-xơ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Kaa" trùng về số lượng ký tự, cách phát âm với nhãn hiệu đối chứng, sự khác biệt về kiểu chữ in hoa và in thường không đủ tạo khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng. Trong khi, sản phẩm "đồ uống trên cơ sở cà phê" mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm "cà phê" mang nhãn hiệu đối chứng cùng thuộc nhóm 30 do cùng được tạo ra từ cà phê và dùng làm đồ uống (thức uống) cho con người.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Tại thời điểm ban hành nguyên Quyết định số 45255/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là hoàn toàn phù hợp và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-27303 ngày 10/11/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 45255/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-27303 ngày 10/11/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Vũ Quý Anh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Quý Anh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141668/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần FBF
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2018-00347 ngày 24/5/2018 của Công ty cổ phần FBF; địa chỉ: Số 58, ngõ 51, phố Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0912002929; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2017-07621 ngày 29/03/2017 theo Quyết định số 19830/QĐ-SHTT ngày 27/3/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4337/BC-TTKN

ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần FBF với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-07621 ngày 29/3/2017 của Công ty cổ phần FBF bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ do người nộp đơn không sửa chữa những thiếu sót trong thời hạn 01 tháng theo theo Thông báo số 14954/SHTT-NH2 ngày 03/5/2017 về kết quả thẩm định hình thức.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, tạo điều kiện cho người nộp đơn sửa chữa những thiếu sót theo Thông báo số 14954/SHTT-NH2 ngày 03/5/2017 về kết quả thẩm định hình thức cho đơn 4-2017-07621 ngày 29/3/2017 do người nộp đơn không nhận được thông báo nêu trên. Ngoài ra, người nộp đơn xin điều chỉnh phân loại nhóm để khắc phục những thiếu sót trong Thông báo nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 14954/SHTT-NH2 ngày 03/5/2017 về kết quả thẩm định hình thức cho đơn 4-2017-07621 ngày 29/3/2017 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết không nhận được Thông báo số 14954/SHTT-NH2 ngày 03/5/2017 nên đã không phản hồi Thông báo trên trong thời gian quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý phát sinh đối với thông tin do mình cung cấp. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn tiếp tục trả lời Thông báo số số 14954/SHTT-NH2 ngày 03/5/2017.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-07621 ngày 29/3/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 19830/QĐ-SHTT ngày 27/3/2018 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2017-07621 ngày 29/3/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-07621 ngày 29/3/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định nhãn hiệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần FBF có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 01 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 14954/SHTT-NH2 ngày 03/5/2017./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 14954/SHTT-NH2 ngày 03/5/2017.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141669/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Tín Trực
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-00831 ngày 07/8/2017 của Công ty TNHH Tín Trực; địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang , điện thoại 0438735751; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2016-28478 ngày 14/09/2016 theo Quyết định số 33172/QĐ-SHTT ngày 23/5/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4339/BC-TTKN

ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Tín Trực với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-28478 ngày 14/9/2016 của Công ty TNHH Tín Trực bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ do người nộp đơn không sửa chữa những thiếu sót trong thời hạn 01 tháng theo Thông báo số 6561/SHTT-NH1 ngày 28/02/2017 về kết quả thẩm định hình thức.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, tạo điều kiện cho người nộp đơn sửa chữa những thiếu sót theo Thông báo số 6561/SHTT-NH1 ngày 28/02/2017 về kết quả thẩm định hình thức cho đơn 4-2016-28478 ngày 14/9/2016 do người nộp đơn không nhận được thông báo nêu trên. Ngoài ra, người nộp đơn xin điều chỉnh phân loại nhóm để khắc phục những thiếu sót trong Thông báo nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 6561/SHTT-NH1 ngày 28/02/2017 về kết quả thẩm định hình thức cho đơn 4-2016-28478 ngày 14/9/2016 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết nhận được Thông báo số 6561/SHTT-NH1 ngày 28/02/2017 khi đã quá thời hạn trả lời nêu trong thông báo nên đã không phản hồi Thông báo trên trong thời gian quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý phát sinh đối với thông tin do mình cung cấp. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn tiếp tục trả lời Thông báo số 6561/SHTT-NH1 ngày 28/02/2017.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-28478 ngày 14/9/2016.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 33172/QĐ-SHTT ngày 23/5/2017 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2016-28478 ngày 14/9/2016.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-28478 ngày 14/9/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Tín Trực có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 01 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 6561/SHTT-NH1 ngày 28/02/2017./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 6561/SHTT-NH1 ngày 28/02/2017.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141672/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2019-00818 ngày 13/12/2019 của Ông/Bà Vũ Quý Anh; địa chỉ: 158D/401 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0383989886; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-27300 theo Quyết định số 45252/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4318/BC-

TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-27300 ngày 10/11/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 45252/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau: Sản phẩm "đồ uống trên cơ sở cà phê" mang nhãn hiệu đăng ký và sản phẩm "cà phê" mang nhãn hiệu đối chứng không cùng loại và khác có mã khác nhau trong bảng phân loại Ni-xơ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Bagheera" trùng về số lượng ký tự, cách phát âm với nhãn hiệu đối chứng, sự khác biệt về kiểu chữ in hoa và in thường không đủ tạo khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng. Trong khi, sản phẩm "đồ uống trên cơ sở cà phê" mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm "cà phê" mang nhãn hiệu đối chứng cùng thuộc nhóm 30 do cùng được tạo ra từ cà phê và dùng làm đồ uống (thức uống) cho con người.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-27300 ngày 10/11/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 45252/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-27300 ngày 10/11/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Vũ Quý Anh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Quý Anh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141673/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ư
Công ty TNHH thương mại sản xuất kỹ thuật cơ khí An Pha
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-00451 ngày 12/4/2017 của Công ty TNHH thương mại sản xuất kỹ thuật cơ khí An Pha; địa chỉ: 17/18/26 liên khu 5-6, Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-28963 ngày 25/11/2014 theo Quyết định số 18364/QĐ-SHTT ngày 27/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4311/BC-TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại sản xuất kỹ thuật cơ khí An Pha với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-28963 ngày 25/11/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 18364/QĐ-SHTT ngày 27/3/2017 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký là cùng một chủ sở hữu, người nộp đơn đã thực hiện thủ tục sửa đổi địa chỉ của nhãn hiệu đối chứng thống nhất thông tin với nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký là cùng một chủ sở hữu, sau khi thực hiện thủ tục sửa đổi địa chỉ của nhãn hiệu đối chứng, thông tin của nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đối chứng thống nhất về cùng một địa chỉ "17/18/26 liên khu 5-6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh". Do đó, không có cơ sở để từ chối cấp GCNĐKNH đối với nhãn hiệu đăng ký theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-28963 ngày 25/11/2014, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 18364/QĐ-SHTT ngày 27/3/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-28963 ngày 25/11/2014.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2014-28963 ngày 25/11/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại sản xuất kỹ thuật cơ khí An Pha có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141674/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Chế biến cà phê Việt Trung
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-01188 ngày 17/10/2022 của Công ty TNHH Chế biến cà phê Việt Trung; địa chỉ: Số nhà 17, đường Phù Đổng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, điện thoại 0367083015; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-23470 theo Quyết định số 51159/QĐ-SHTT ngày 18/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4253/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Chế biến cà phê Việt Trung với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-23470 ngày 19/10/2012 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 51159/QĐ-SHTT ngày 18/8/2016 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký "Neat cafe" là một cụm từ không có nghĩa, do đó nhãn hiệu không mang tính mô tả như nêu trong Thông báo về kết quả thẩm định nội dung đơn 4-2012-23470 ngày 19/10/2012.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Neat cafe" theo đơn số 4-2012-23470 ngày 19/10/2012 được cấu tạo bởi hai từ "Neat" và "cafe" được tách biệt bởi dấu cách, đây là hai từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt và khi đi cùng nhau sẽ có nghĩa là "cà phê nguyên chất" (cà phê không pha tạp). Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký cho sản phẩm "cà phê hòa tan" thuộc nhóm 30. Do đó, nhãn hiệu mang tính mô tả cho tính chất, chất lượng sản phẩm đăng ký, không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Mặc dù chữ "T" có cách thể hiện cách điệu và chữ "e" có màu đỏ khác biệt với màu đen ở các chữ cái còn lại nhưng chưa đủ tạo nên sự cách điệu độc đáo, ấn tượng thị giác và khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ và đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-23470 ngày 19/10/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 51159/QĐ-SHTT ngày 18/8/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-23470 ngày 19/10/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Chế biến cà phê Việt Trung có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Chế biến cà phê Việt Trung có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141675/QĐ-SHTT.JP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sơn Kolite Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00763 ngày 08/8/2024 của Công ty TNHH sơn Kolite Việt Nam; địa chỉ: D16/34a Tổ 16, Ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0903145619; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2022-02718 ngày 21/01/2022 theo Quyết định số 20444/QĐ-SHTT.JP ngày 28/02/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4492/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sơn Kolite Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "KOLITE, hình" đăng ký theo đơn số 4-2022-02718 ngày 21/01/2022 cho các sản phẩm thuộc nhóm 02 của Công ty TNHH sơn Kolite Việt Nam bị từ chối cấp GCNĐKNH vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo số 86814/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 07/11/2023 về kết quả thẩm định đơn nội dung, nên đơn số 4-2022-02718 bị từ chối theo quy định tại điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do:

- Người nộp đơn không nhận được Thông báo số 86814/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 07/11/2023 về kết quả thẩm định đơn nội dung đối với đơn số 4-2022-02718, do đó không có cơ sở để phản hồi trong thời hạn quy định.

- Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng số 132523, 90746.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 86814/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 07/11/2023 về kết quả thẩm định nội dung đối với đơn số 4-2022-02718 ngày 21/01/2022 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết không nhận được Thông báo 86814/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 07/11/2023 nên đã không phản hồi Thông báo trên trong thời gian quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý phát sinh đối với

thông tin do mình cung cấp. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn tiếp tục trả lời Thông báo số 86814/SHTT-NH.IP ngày 07/11/2023.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2022-02718 ngày 21/01/2022.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 20444/QĐ-SHTT.IP ngày 28/02/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2022-02718 ngày 21/01/2022.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-02718 ngày 21/01/2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sơn Kolite Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 86814/SHTT-NH.IP ngày 07/11/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 86814/SHTT-NH.IP ngày 07/11/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141712/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư Công Nghệ Xanh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00767 ngày 26/8/2020 của Công ty cổ phần đầu tư Công Nghệ Xanh; địa chỉ: Đường 10, xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn Luật ALIATLEGAL; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-23788 ngày 01/08/2017 theo Quyết định số 12141/QĐ-SHTT ngày 12/02/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4276/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư Công Nghệ Xanh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-23788 ngày 01/8/2017 của Công ty cổ phần đầu tư Công Nghệ Xanh bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 58599/SHTT-NH ngày 31/10/2019 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 12141/QĐ-SHTT ngày 12/02/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-23788 ngày 01/8/2017. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:"Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 58599/SHTT-NH ngày 31/10/2019 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 12141/QĐ-SHTT ngày 12/02/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-23788 ngày 01/8/2017 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết không nhận được Thông báo số 58599/SHTT-NH ngày 31/10/2019 và Quyết định số 12141/QĐ-SHTT ngày 12/02/2020. Vì lý do nêu trên, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện được nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về cam kết của mình trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các

khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-23788.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-23788 ngày 01/8/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 12141/QĐ-SHTT ngày 12/02/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-23788 ngày 01/8/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-23788 ngày 01/8/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư Công Nghệ Xanh (qua Công ty TNHH Tư vấn Luật ALIATLEGAL) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 58599/SHTT-NH ngày 31/10/2019./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 58599/SHTT-NH ngày 31/10/2019.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141714/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH tìm nguồn cung ứng Toàn Cầu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-01375 ngày 30/11/2022 của Công ty TNHH tìm nguồn cung ứng Toàn Cầu; địa chỉ: Số 76 đường số 2, khu dân cư Lê Thành, khu phố 3, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-13518 ngày 22/04/2019 theo Quyết định số 47624/QĐ-SHTT ngày 08/6/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4244/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH tìm nguồn cung ứng Toàn Cầu với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-13518 ngày 22/4/2019 của Công ty TNHH tìm nguồn cung ứng Toàn Cầu bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên đã không nhận được Thông báo số 13709/SHTT-NH ngày 31/3/2021 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 47624/QĐ-SHTT ngày 08/6/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-13518 ngày 22/4/2019. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:"Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 13709/SHTT-NH ngày 31/3/2021 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí Quyết định số 47624/QĐ-SHTT ngày 08/6/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-13518 ngày 22/4/2019 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên đã không nhận được Thông báo số 13709/SHTT-NH ngày 31/3/2021 và Quyết định số 47624/QĐ-SHTT ngày 08/6/2022. Vì lý do nêu trên, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện được nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở

hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-13518.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-13518 ngày 22/4/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 47624/QĐ-SHTT ngày 08/6/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-13518 ngày 22/4/2019.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-13518 ngày 22/4/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH tìm nguồn cung ứng Toàn Cầu có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 13709/SHTT-NH ngày 31/3/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 13709/SHTT-NH ngày 31/3/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141720/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của
Công ty TNHH Business Connections International
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây

trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;


HTM620

Xét đơn số KN4-2023-00743 ngày 28/11/2023 của Công ty TNHH Business Connections International; địa chỉ: 87-89 Hồ Bá Kiện, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0918581947; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-10595 theo Quyết định số 57181/QĐ-SHTT.IP ngày 28/7/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4219/BC-TTKN ngày 02/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Business Connections International với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-10595 ngày 26/3/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 57181/QĐ-SHTT.IP ngày 28/7/2023vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau: Tổng thể nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của các yếu tố chữ, được trình bày khác biệt về màu sắc, kích thước, trong đó "franchise success" là tên riêng của đơn, không mang tính mô tả và có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký bao gồm các phần chữ "franchise", "success", "GATE WAY TO PROSPERITY", mặc dù được cho là tên riêng của đơn và được trình bày bằng màu sắc và kích thước khác nhau, nhưng vẫn có nghĩa tiếng Việt là "Nhượng quyền thương mại", "Thành công" , "Cánh cửa đến sự thịnh vượng". Tất cả các phần chữ này hoàn toàn mang tính mô tả về loại hình, công dụng và giá trị đối với các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 35, 41. Do đó. tổng thể nhãn hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt, không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-10595 ngày 26/3/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 57181/QĐ-SHTT.IP ngày 28/7/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-10595 ngày 26/3/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Business Connections International có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Business Connections International có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141721/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2019-00820 ngày 13/12/2019 của Ông/Bà Vũ Quý Anh; địa chỉ: 158D/401 Pasteur, phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh , điện thoại 038989886; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-27302 theo Quyết định số 45254/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4322/BC-

TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Quý Anh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Baloo" theo đơn đăng ký số 4-2014-27302 ngày 10/11/2014 bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Bubbaloo" số 29652 ngày 09/02/1999

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại và chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Nhãn hiệu đối chứng "Bubbaloo" có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đăng ký "Baloo". Trong khi, sản phẩm "đồ uống trên cơ sở cà phê" mang nhãn hiệu đăng ký và sản phẩm "cà phê" mang nhãn hiệu đối chứng không cùng loại và khác có mã khác nhau trong bảng phân loại Ni-xơ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nhãn hiệu đăng ký, lý do khiếu nại và các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đối chứng "Bubbaloo" và nhãn hiệu đăng ký "Baloo" đều có phần đuôi "-baloo", và cách phát âm tương tự, có thể khiến cho người tiêu dùng nhầm lẫn rằng nhãn hiệu đăng ký "Baloo" là biến thể của nhãn hiệu đối chứng "Bubbaloo". Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng. Trong khi, sản phẩm "đồ uống trên cơ sở cà phê" mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm "cà phê" mang nhãn hiệu đối chứng cùng thuộc nhóm 30 do cùng được tạo ra từ cà phê và dùng làm đồ uống (thức uống) cho con người.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-27302 ngày 10/11/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 45254/QĐ-SHTT ngày 28/6/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-27302 ngày 10/11/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Vũ Quý Anh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Quý Anh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141724/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Hộ kinh doanh cá thể Nữ Hoàng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2015-00201 ngày 02/3/2015 của Hộ kinh doanh cá thể Nữ Hoàng; địa chỉ: ấp Tân Xuân, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-02950 theo Quyết định số 72794/QĐ-SHTT ngày 29/11/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4474/BC-

TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Hộ kinh doanh cá thể Nữ Hoàng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-02950 ngày 07/02/2013 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 72794/QĐ-SHTT ngày 29/11/2014 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.h Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau: Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là đơn vị tiền thân của chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký nhưng do nhãn hiệu đã hết hạn nên không làm thủ tục sửa đổi thông tin trên GCNĐKNH được.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 72794/QĐ-SHTT ngày 29/11/2014, thông tin trên nhãn hiệu đăng ký số 4-2013-02950 ngày 07/02/2013 và các nhãn hiệu đối chứng số 2424 và 2425 là khác nhau. Mặc dù các nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực nhưng đến thời điểm ban hành Quyết định số 72794/QĐ-SHTT ngày 29/11/2014 chưa quá 05 năm nên vẫn được coi là đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký theo quy định tại Điều 74.2.h Luật Sở hữu trí tuệ. Đồng thời, người nộp đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng là tiền thân của Hộ kinh doanh cá thể Nữ Hoàng - chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký.

Do đó, tại thời điểm ban hành Quyết định số 72794/QĐ-SHTT ngày 29/11/2014, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp quy định pháp luật và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-02950 ngày 07/02/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 72794/QĐ-SHTT ngày 29/11/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-02950 ngày 07/02/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Hộ kinh doanh cá thể Nữ Hoàng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hộ kinh doanh cá thể Nữ Hoàng (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141725/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Con Cò Vàng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-00143 ngày 16/02/2022 của Công ty TNHH Con Cò Vàng; địa chỉ: 23 lô B, đường số 1, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0908128467; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-32978 theo Quyết định số 98056/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4191/BC-

TTKN ngày 01/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Con Cò Vàng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-32978 ngày 25/9/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 98056/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ do phần chữ được cách điệu, lồng ghép tạo sự khác biệt, dễ ghi nhớ cho người tiêu dùng.

- Dấu hiệu "COFFEE, hình" được chủ đơn đăng ký gắn trên bao bì phân phón và đã được cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp số 30041.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "COFFEE, hình" theo đơn số 4-2018-32978 ngày 25/9/2018, mặc dù được trình bày cách điệu, tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký vẫn có ấn tượng thị giác là chữ "COFFEE" có nghĩa tiếng Việt là cà phê trong khi đăng ký cho các sản phẩm phân bón trong nông nghiệp. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là gây nhầm lẫn về sản phẩm yêu cầu đăng ký và không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, việc Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp số 30041 không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu này. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-32978 ngày 25/9/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 98056/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-32978 ngày 25/9/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Con Cò Vàng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Con Cò Vàng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141727/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tâm Khoa HEARTMIND
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-01205 ngày 14/11/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tâm Khoa HEARTMIND; địa chỉ: R2.09.09 Tòa nhà Everich Tower, 968 đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-32222 theo Quyết định số 59019/QĐ-SHTT ngày 28/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4494/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tâm Khoa HEARTMIND với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-32222 ngày 25/12/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 59019/QĐ-SHTT ngày 28/8/2017 vì hết thời hạn ấn định người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo Thẩm định nội dung, nên đơn nêu trên bị từ chối theo quy định tại Điều 74.2.h Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Loại bỏ phần nhóm 35 ra khỏi đơn và đăng ký phần hình và phần chữ cho nhóm 44;

- Loại bỏ phần chữ HeartMind trong đơn đăng ký và đăng ký phần hình cho nhóm 35 và 44.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Việc người nộp đơn đề nghị giới hạn danh mục đăng ký bằng việc loại bỏ nhóm 35 được thực hiện sau khi Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 59019/QĐ-SHTT ngày 28/8/2017 về việc từ chối cấp GCNĐKNH số 4-2014-32222 ngày 25/12/2014 là trái với quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-32222 ngày 25/12/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 59019/QĐ-SHTT ngày 28/8/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-32222 ngày 25/12/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty trách nhiệm hữu hạn Tâm Khoa HEARTMIND có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tâm Khoa HEARTMIND có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141729/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty CP Amazon Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00857 ngày 14/10/2024 của Công ty CP Amazon Việt Nam; địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-30954 theo Quyết định số 86112/QĐ-SHTT.IP ngày 18/7/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4560/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty CP Amazon Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-30954 ngày 27/7/2021bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 86112/QĐ-SHTT.IP ngày 18/7/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau: Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách thức thể hiện và ý nghĩa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "AMAZON VIETNAM JOINT STOCK COMPANY CONFIRM YOUR LEVEL A, hình" số 4-2021-30954 ngày 27/7/2021, được cấu tạo bởi phần chữ và phần hình, trong đó phần chữ "VIETNAM JOINT STOCK COMPANY CONFIRM YOUR LEVEL" mang tính mô tả không được bảo hộ, phần chữ "A" cách điệu và phần chữ "AMAZON" là thành phần phân biệt chính của nhãn hiệu. Trong đó, phần chữ "AMAZON" trùng với phần chữ "AMAZON" trong các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 36801 và Đăng ký quốc tế số 0751641D, 0756850C. Do đó, mặc dù, chữ "A" được cách điệu mang tính độc đáo, tuy nhiên, sự kết hợp của các yếu tố trong nhãn hiệu đăng ký chưa tạo được khả năng phân biệt và bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng. Trong khi đó, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 35 bị coi là tương tự với dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 35.

Tổng hợp các nhận định đánh giá trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, khiến cho người tiêu dùng rằng nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2021-30954 ngày 27/7/2021 là biến thể của nhãn hiệu đối chứng và chúng cùng thuộc về một nhà sản xuất.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-30954 ngày 27/7/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 86112/QĐ-SHTT.IP ngày 18/7/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-30954 ngày 27/7/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty CP Amazon Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty CP Amazon Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141730/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thương mại y dược MPH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00422 ngày 04/6/2020 của Công ty cổ phần thương mại y dược MPH; địa chỉ: Số 1 52b Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-08317 theo Quyết định số 18482/QĐ-SHTT ngày 10/3/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4508/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần thương mại y dược MPH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-08317 ngày 04/4/2017 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 18482/QĐ-SHTT ngày 10/3/2020 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, nội dung và cách phát âm;
- Ngoài ra, có có một số trường hợp tương tự đã được cấp GCNĐKNH như nhãn hiệu "AMAXXMAN" và "MAXXWOMEN".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi phần chữ phần chữ "Trinh nữ hoàng cung" mang tính mô tả sản phẩm, không được bảo hộ và phần chữ "spewomen" là thành phần phân biệt chính. Phần chữ "spewomen" mặc dù được viết liền không dấu, nhưng có phát âm và ấn tượng thị giác thành 2 phần tách biệt "spe" và "women". Đối chiếu với nhãn hiệu đối chứng số 102504 ngày 05/06/2008, cho thấy, mặc dù khác nhau về số lượng ký tự, âm tiết nhưng cấu trúc của hai nhãn hiệu tương đồng nhau, cụ thể là đều được tạo thành bởi tiền tố "spe" và hậu tố "women", "MAN" (có ý nghĩa lần lượt là "phụ nữ", "đàn ông", chỉ dẫn về đối tượng sử dụng sản phẩm nên được coi là thành phần yếu). Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách phát âm. Trong khi khi, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự thuộc nhóm 05.

Ngoài ra, các trường hợp khác được người nộp đơn nêu trong đơn khiếu nại không nằm trong phạm vi giải quyết khiếu nại này.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, khiến cho người tiêu dùng rằng nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-08317 ngày 04/04/2017 là biến thể của nhãn hiệu đối chứng và chúng cùng thuộc về một nhà sản xuất.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-08317 ngày 04/4/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 18482/QĐ-SHTT ngày 10/3/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-08317 ngày 04/4/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần thương mại y dược MPH có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần thương mại y dược MPH (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141732/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SUN CONTACT LENS CO., LTD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2016-00323 ngày 14/4/2016 của SUN CONTACT LENS CO., LTD; địa chỉ: 475 Sasayacho Ebisugawaagaru Fuyacho-dori Nakagyo-ku Kyoto Japan 604-0983; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-14199 ngày 23/06/2014 theo Quyết định số 9887/QĐ-SHTT ngày 24/2/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4715/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SUN CONTACT LENS CO., LTD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SUN, hình" đăng ký theo đơn số 4-2014-14199 bị từ chối vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 7410 và 78849. Người khiếu nại có ý kiến như sau:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng  được bảo hộ theo GCNĐKNH số 7410 cho nhóm 09:

+ Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu phức hợp, kết hợp giữa hình ảnh và chữ. Cụ thể, nhãn hiệu này gồm hình một bông hoa tròn với các cánh màu vàng bao quanh nhụy màu da cam, phía dưới là chữ "SUN" in hoa, có màu xanh xám. Trong khi nhãn hiệu đối chứng là một logo cách điệu, gồm các chữ "U/N" màu đen đậm, được thiết kế đan xen và lồng ghép theo cặp trái chiều. Các chữ cái này được đặt trên nền hình chữ thập trắng, tạo thành một hình vuông đứng theo đường chéo.

+ Về sản phẩm: Mặc dù hai nhãn hiệu đăng ký và đối chứng đều thuộc nhóm 09, nhưng phạm vi sản phẩm và đối tượng sử dụng lại hoàn toàn khác biệt. Nhãn hiệu của chủ đơn đăng ký cho các sản phẩm chuyên ngành nhãn khoa như kính áp tròng, hộp đựng kính áp tròng, thấu kính hiệu chỉnh, kính đeo mắt,… vốn dành riêng cho người có khuyết tật khúc xạ và thường sử dụng theo chỉ định của bác sĩ nhãn khoa. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho các thiết bị và dụng cụ thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật số như máy tính, thiết bị ghi âm - hình, máy bán hàng tự động, thiết bị dập lửa,… thường do người tiêu dùng có chuyên môn kỹ thuật lựa chọn.

- Đối với đối chứng SUN theo GCNĐKNH số 78849 nhóm 09, 16, 35, 37, 38, 41, 42:

+ Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu phức hợp, kết hợp giữa hình ảnh và chữ, gồm hình một bông hoa tròn với cánh màu vàng, nhụy màu da cam ở giữa, nằm phía trên dòng chữ "SUN" in hoa, màu xanh xám. Trong khi đó, dấu hiệu đối chứng chỉ bao gồm chữ "SUN" chữ in đơn giản, màu đen, không kèm theo bất kỳ yếu tố hình ảnh nào.

+ Về sản phẩm: Dù cả hai nhãn hiệu đăng ký và đối chứng đều thuộc

Nhóm 09, nhưng hoàn toàn khác biệt về bản chất, công dụng và đối tượng sử dụng. Nhãn hiệu đăng ký liên quan đến sản phẩm nhãn khoa như kính áp tròng, dành cho người có tật khúc xạ và thường sử dụng theo chỉ định bác sĩ. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng liên quan đến thiết bị điện, điện tử và công nghệ thông tin như máy vi tính, phần mềm, thiết bị viễn thông,… thuộc lĩnh vực kỹ thuật số.

Do sự khác biệt về tổng thể nhãn hiệu ở cấu trúc, màu sắc, cách trình bày, cảm quan và dùng cho sản phẩm khác biệt, nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký " SUN " và các nhãn hiệu đối chứng " " và SUN , Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

a) Đối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 7410:

Nhiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần hình (bông hoa với các cánh màu vàng, nhụy màu da cam) và chữ "SUN" màu xanh xám. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng nêu trên bao gồm phần chữ "UN" cách điệu tạo thành hình thoi. Như vậy, về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện, hai nhãn hiệu nêu trên có sự khác biệt. Bên cạnh đó, mặc dù hai nhãn hiệu đều sử dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 09, nhưng các sản phẩm cụ thể có sự khác biệt về bản chất, công dụng và kênh thương mại nên nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt.

b) Đối với nhãn hiệu đối chứng SUN được bảo hộ theo GCNĐKNH

số 78849:

Nhiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần hình (bông hoa với các cánh màu vàng, nhụy màu da cam) và chữ "SUN" màu xanh xám. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng nêu trên gồm phần chữ "SUN". Như vậy hai nhãn hiệu có phần chữ "SUN" trùng nhau. Tuy nhiên, sản phẩm mang hai nhãn hiệu có sự khác biệt về bản chất, công dụng và kênh thương mại nên nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-14199 ngày 23/06/2014, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 9887/QĐ-SHTT ngày 24/2/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-14199 ngày 23/06/2014.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2014-14199 ngày 23/06/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SUN CONTACT LENS CO., LTD (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141733/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần NIKKO Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2009-00451 ngày 19/6/2009 của Công ty cổ phần NIKKO Việt Nam; địa chỉ: 440 Trần Khát Chân, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2004-01878 ngày 11/03/2004 theo Quyết định số 13560/QĐ-SHTT ngày 20/3/2009;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4726/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần NIKKO Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu NIKKOα ALPHA đăng ký theo đơn số 4-2004-01878 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng alpha được bảo hộ theo GCNĐKNH số 60602 theo quy định tại Điều 6(1.b) Nghị định 63/CP. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký bao gồm thành phần "NIKKO", ký hiệu α và thành phần "ALPHA" thể hiện rất nhỏ dưới phông chữ thông thường ở góc phải phía trên. Trong đó "NIKKO" là thành phần mạnh của nhãn hiệu, cũng là nhãn hiệu đã được bảo hộ của người nộp đơn. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là chữ "alpha" được viết cách điệu dưới nền chữ nhật màu đen.

Như vậy, cấu trúc, ý nghĩa và cách thể hiện của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là hoàn toàn nhau, do đó, người tiêu dùng hoàn toàn có khả năng phân biệt nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng khi cùng được sử dụng cho sản phẩm nhóm 11.

Ngoài ra, người nộp đơn còn viện dẫn các nhãn hiệu chứa thành phần "alpha" được bảo hộ cho cùng nhóm sản phẩm, dịch vụ.

Do vậy, việc người nộp đơn số 4-2004-01878 xin đăng ký bảo hộ nhãn hiệu bổ sung "NIKKO α alpha" cho các sản phẩm nhóm 11 tại Việt Nam sẽ không gây xung đột với nhãn hiệu đối chứng "ALPHA và hình".

Với lý do như trình bày trên đây, người nộp đơn đề nghị xem xét chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "NIKKO α alpha" theo đơn số 4-2004-01878.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điều 6.1b) Nghị định 63/CP quy định "Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký NIKKOα ALPHA và nhãn hiệu đối chứng alpha, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa các thành phần "NIKKO" (được phát âm là "ni-kô"), ký tự "α" (alpha) và "ALPHA", trong đó, các thành phần này được thể hiện bởi kiểu chữ thường, có màu đen, phần chữ "NIKKOα" được viết in nghiêng là thành phần mạnh của nhãn hiệu; phần chữ "ALPHA" được thể hiện rất nhỏ ở phía trên, là thành phần thứ yếu. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng được thể hiện bởi phần chữ "alpha" (được phát âm là "an-pha") với kiểu chữ cách điệu, đặt trong hình chữ nhật màu đen. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt về cấu trúc và hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Sản phẩm thuộc nhóm 11 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 11 mang nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho sản phẩm tương tự thuộc nhóm 11, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc và hình thức thể hiện của nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2004-01878 ngày 11/03/2004, không áp dụng quy định tại Điều 6.1b) Nghị định 63/CP để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 13560/QĐ-SHTT ngày 20/3/2009 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2004-01878 ngày 11/03/2004.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2004-01878 ngày 11/03/2004, không bảo hộ riêng ký tự alpha.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký,

Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần NIKKO Việt Nam (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141734/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 374406

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00161 ngày 15/7/2022 của Công ty cổ phần nước khoáng Quảng Ninh, địa chỉ: Tổ 3A, khu 4, phố Suối Mơ, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 374406, cấp ngày 24/12/2020 cho Công ty cổ phần FUZI Việt Nam (VN);

DTX488

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 15/7/2022, Công ty Luật TNHH Thắng Phạm và Cộng sự (đại diện cho Công ty cổ phần nước khoáng Quảng Ninh) nộp đơn số ĐN1-2022-00161 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 374406 với lý do nhãn hiệu Faitli (Faitli) được bảo hộ theo GCNĐKNH số 374406 của Công ty cổ phần FUZI Việt

Nam tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 318196 của Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ. Cụ thể là:

- Về nhãn hiệu: Theo quy định tại Điểm 39.6 (c) - Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, việc đánh giá tính phân biệt của dấu hiệu kết hợp giữa dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình cho thấy dấu hiệu chữ thường là thành phần mạnh, đóng vai trò quan trọng hơn dấu hiệu hình. Đối với nhãn hiệu "Faith" của Công ty nước khoáng Quảng Ninh theo GCN ĐKNH số 318196, thành phần chữ "Faith" sẽ đóng vai trò quan trọng hơn phần hình và được coi là thành phần chính của nhãn hiệu, có chức năng phân biệt hàng hóa giữa các chủ thể. "Faith" và "Faitli" có trật tự sắp xếp các ký tự hoàn toàn trùng lặp. Cụ thể là 4/6 chữ cái đầu của "Faitli" trùng lặp với 4/5 chữ cái đầu của "Faith". "Faith" và "Faitli" có cấu trúc, trật tự sắp xếp các ký tự tạo âm tiết /fait/ hoàn toàn trùng lặp và là yếu tố chủ đạo. Phông chữ cách điệu của hai nhãn hiệu hoàn toàn trùng lặp từ màu sắc, viết chéo từ trái qua phải, đặc biệt là hình thức cách điệu chữ "F" của hai nhãn hiệu.

- Về sản phẩm và kênh phân phối: Các sản phẩm được đăng ký theo GCN ĐKNH số 374406 của Công ty Fuzi trùng lặp với các sản phẩm đã được đăng ký của Công ty nước khoáng Quảng Ninh.

Trên cơ sở các lý do trình bày trên đây, Công ty nước khoáng Quảng Ninh khẳng định rằng nhãn hiệu "Faitli" theo GCNĐKNH số 374406 không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ và phải bị hủy bỏ hiệu lực theo quy định tại Điều 96.1 (b) Luật Sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng nhãn hiệu "Faitli" của Công ty Fuzi chắc chắn sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa hoặc mối quan hệ giữa Công ty nước khoáng Quảng Ninh và Công ty Fuzi.

II. Ý kiến của chủ văn bằng bảo hộ

Ngày 16/9/2022, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Công văn số 8383/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần FUZI Việt Nam - chủ sở hữu GCNĐKNH số 374406 về yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực nêu trên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ vẫn chưa nhận được Công văn trả lời của Công ty cổ phần FUZI Việt Nam.

III. Kết quả xem xét yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

- Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

- Điểm b khoản 2 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ quy định Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực nếu "Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ quy định tại Điều 8 và Chương VII của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở so sánh nhãn hiệu 

(Faitli) được bảo hộ theo GCNĐKNH số 374406 của Công ty cổ phần FUZI Việt Nam và nhãn hiệu đối chứng 

(Faith NƯỚC KHOÁNG QUANG HANH, hình) được bảo hộ theo GCNĐKNH số 318196 của Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu "Faitli" là sự kết hợp của 06 ký tự "F, a, i, t, l, i" có màu xanh lá cây, trong đó, ký tự "F" được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa cách điệu, các ký tự còn lại được thể hiện bởi kiểu chữ thường; trong khi đó, phần chữ "Faith" trong nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của 05 ký tự "F, a, i, t, h" có màu xanh lá cây, trong đó, ký tự "F" cũng được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa cách điệu, các ký tự còn lại được thể hiện bởi kiểu chữ thường. Khi so sánh hai nhãn hiệu nêu trên, có thể thấy, phần chữ "Faitli" và "Faith" đều được thể hiện bởi màu xanh lá cây, trong đó, 04 ký tự đầu tiên "F, a, i, t" trùng nhau, các ký tự được đặt nghiêng từ trái qua phải, ký tự "F" trong hai nhãn hiệu có hình thức thể hiện trùng nhau. Do đó, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc, trật tự sắp xếp của các ký tự và hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được sử dụng cho các sản phẩm trùng/tương tự nhau thuộc nhóm 03.

Như vậy, mặc dù hai nhãn hiệu nêu trên khác nhau ở một số ký tự cuối "l, i" và "h" nhưng có sự tương tự cao về hình thức thể hiện, cấu trúc và trật tự sắp xếp

của các ký tự, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm trùng/tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

IV. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm b khoản 2 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 374406, cấp ngày 24/12/2020 của Công ty cổ phần FUZI Việt Nam theo yêu cầu của Công ty cổ phần nước khoáng Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 374406, cấp ngày 24/12/2020 cho Công ty cổ phần FUZI Việt Nam (VN) theo yêu cầu của Công ty cổ phần nước khoáng Quảng Ninh.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần FUZI Việt Nam (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần FUZI Việt Nam (Số 8, ngõ 215 Đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty cổ phần nước khoáng Quảng Ninh; địa chỉ: Tổ 3A, khu 4, phố Suối Mơ, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (qua Công ty Luật TNHH Thắng Phạm và Cộng sự) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141735/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-01319 ngày 28/12/2017 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, P.R.China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-33195 ngày 25/04/2014 theo Quyết định số 68522/QĐ-SHTT ngày 30/9/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4659/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VMALL" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 theo đơn số 4-2015-33195 ngày 25/4/2014 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "TMALL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 218346 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiêu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng:

+ Về cấu trúc từ ngữ:

Mặc dù cùng chứa phần hậu tố "MALL" nhưng điều này là không đủ dẫn đến sự tương tự giữa nhẫn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng nhờ vào sự khác biệt đến từ phần tiền tố "V" và "T". Phần tiền tố sẽ có tác động mạnh mẽ hơn nhiều so với phần hậu tố vì tiền tố là phần đầu tiên được người tiêu dùng nhìn, đọc và ghi nhận. Sự khác biệt của thành phần tiền tố thường dẫn đến sự khác biệt về tổng thể giữa các nhãn hiệu. Phần hậu tố thường chỉ có vai trò thứ yếu trong việc đưa ra kết luận có tương tự hay không giữa hai nhãn hiệu.

+ Về nội dung và ý nghĩa liên tưởng:

Người tiêu dùng sẽ dê dàng và có xu hướng ghi nhận cả nhãn hiệu đang ký và nhãn hiệu đối chứng gồm 02 thành phần, tiền tô "V""T" và hậu tố "MALL", trong đó, phân hậu tố"MALL" có nghĩa là "trung tâm mua sắm". Do đó, người tiêu dùng sẽ ghi nhận ý nghĩa tổng thể của nhãn hiệu đăng ký là "trung tâm mua sắm V" khác biệt với ý nghĩa "trung tâm mua sắm T" của nhãn hiệu đối chứng.

+ Về âm tiết và phát âm:

Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /vi:-mol/ khác biệt với nhãn hiệu đối chứng được phát âm là /ti:-mol/. Đối với các nhãn hiệu chỉ gồm 02 âm tiết thì âm tiết đầu bao giờ cũng có tác động mạnh hơn đên nhận thức của người tiêu dùng, do đó, sự tương tự đến từ âm tiết cuối ít quan trọng là không đủ để tạo ra sự nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu về mặt âm tiết và phát âm.

+ Về khả năng lầm tưởng trong ý thức của người tiêu dùng:

Mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đôi chứng cùng chứa phần chữ "MALL", tuy nhiên, đây là phân hậu tô mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt, có tác động không nhiều đến nhận thức của người tiêu dùng. Do đó, thành phần "MALL" không phải là một đặc trưng riêng có của nhãn hiệu đối

chứng và vì vậy, việc có chứa thành phần "MALL" không đủ và không thể làm căn cứ để xác định nhãn hiệu đăng ký là biến thể của nhãn hiệu đối chứng.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng.

+ Nhãn hiệu đăng ký đã được thừa nhận là khác biệt và được chấp nhận bao hộ song song với nhãn hiệu đôi chứng cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 tại gân 40 quốc gia trên thế giới, bao gồm: Trung Quốc, Hồng Kông, Úc, Singapore, Thụy Sĩ, Chile, Mê-xi-cô, Malaysia và 28 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu,

+ Nhãn hiệu đăng ký đã được sáng tạo và sử dụng bởi người nộp đơn trong suốt 05 năm từ ngày 18/3/2012 đến ngày nộp đơn khiếu nại cho dịch vụ kinh doanh trực tuyến các dịch vụ điện tử thuộc nhóm 35, cụ thể là điện thoại, máy tính, đồng hồ thông minh cũng như các bộ phận, phụ kiện của những dịch vụ này qua website https://www.vmall.com/ tại ít nhất 17 quốc gia. Người tiêu dùng sẽ dễ dàng nhận biết nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu gắn liền với các dịch vụ và dịch vụ liên quan đến điện tử của người nộp đơn mà không bị nhầm lẫn với các nhãn hiệu của các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Mặc dù nhãn hiệu "VMALL" theo đơn số 4-2015-33195 trùng phần chữ "MALL" với nhãn hiệu đối chứng "TMALL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 218346 nhưng có khác biệt ở ký tự đứng đầu ("V" và "T") so với nhãn hiệu đối chứng. Đồng thời, phần chữ trùng "MALL" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "trung tâm thương mại" mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt và đã được các chủ thê khác nhau sử dụng cho dịch vụ thuộc nhóm 35, trong khi phần chữ khác biệt là ký tự đứng đầu tạo ấn tượng mạnh về thị giác và phát âm cho người tiêu dùng. Do đó, sự khác biệt này đủ tạo ra khả năng phân biệt về cấu trúc và phát âm giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng dù hai nhãn hiệu cùng được sử dụng cho các dịch vụ trùng và tương tự với nhau thuộc nhóm 35.

Vì các lý do nêu trên cho thấy, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-33195 ngày 25/4/2014, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 68522/QĐ-SHTT ngày 30/9/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-33195 ngày 25/4/2014.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-33195 ngày 25/04/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141736/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SEPHORA société anonyme
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2017-00744 ngày 21/7/2017 của SEPHORA société anonyme; địa chỉ: 65 avenue Edouard Vaillant 92100 Boulogne Billancourt - FRANCE; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-10252 ngày 24/04/2015 theo Quyết định số 24996/QĐ-SHTT ngày 21/4/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4749/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SEPHORA société anonyme với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "hình" đăng ký theo đơn số 4-2015-10252 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng số 114995 và 966731. Người khiếu nại trình bày lý do như sau:

- Về hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là hình ngọn lửa cách điệu hoặc chữ "S", trong khi các nhãn hiệu đối chứng là dấu cảm thán "!" và kết hợp yếu tố chữ "Sunsilk". Theo phân loại hình của WIPO, các yếu tố hình trong các nhãn hiệu này cũng thể hiện nội dung và ý nghĩa khác nhau.

- Về sản phẩm, dù cùng thuộc nhóm 03, nhãn hiệu của SEPHORA bao gồm các sản phẩm mỹ phẩm đa dạng với mục đích sử dụng rộng rãi, còn nhãn hiệu của Unilever chủ yếu liên quan đến mỹ phẩm chăm sóc tóc. Kênh phân phối cũng khác biệt, cụ thể là SEPHORA bán sản phẩm qua chuỗi cửa hàng mang thương hiệu riêng, còn Unilever phân phối qua các kênh bán lẻ.

- Ngày 18/3/2016, Unilever Việt Nam đã rút đơn phản đối, xác nhận không có mâu thuẫn về quyền, lợi ích giữa các nhãn hiệu. Ngoài ra, nhãn hiệu hình ngọn lửa của SEPHORA đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia, bao gồm các nước châu Âu và quốc gia khác như Malaysia, Mexico, Bosnia & Herzegovina; riêng tại Israel, ban đầu bị từ chối do nhãn hiệu của Unilever, nhưng sau đó đã được chấp nhận bảo hộ.

Với các căn cứ trên, người nộp đơn đề nghị xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-10252.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký " " và các nhãn hiệu đối chứng , , Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký được thể hiện bởi chữ "S" hoặc ngọn lửa cách điệu, khác biệt rõ rệt so với các nhãn hiệu đối chứng là các dấu chấm than cách điệu. Hơn nữa, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 114995 ngoài phần hình còn có phần chữ "SUNSILK" đặt ngang, tại vị trí giữa của dấu chấm than cách điệu. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt so với các nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm, dịch vụ: Sản phẩm thuộc nhóm 03 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 03 mang nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho sản phẩm tương tự thuộc nhóm 03, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc và hình thức thể hiện của nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-10252 ngày 24/04/2015, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 24996/QĐ-SHTT ngày 21/4/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-10252 ngày 24/04/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-10252 ngày 24/04/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SEPHORA société

anonyme (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141737/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ravensburger Verlag GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2013-01223 ngày 02/12/2013 của Ravensburger Aktiengesellschaft (nay là Ravensburger Verlag GmbH); địa chỉ: Robert-Bosch-Str. 1 88214 Ravensburg Germany; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc tạm thời từ chối chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1124593 theo Thông báo số 2012/32 NTH34 ngày 14/8/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4825/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ravensburger Aktiengesellschaft (nay là Ravensburger Verlag GmbH) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

- Nhãn hiệu "Ravensburger" theo đơn quốc tế số 1124593 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2012/32 NTH34 ngày 14/8/2013, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 23848 (nhãn hiệu đối chứng).

- Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã có Thư chấp thuận (Letter of consent) chấp thuận cho người nộp đơn được phép đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 09, 16 và 28 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "Ravensburger" là một cụm từ được viết liền không có khoảng trắng, thống nhất trong cấu trúc thị giác, bao gồm 12 ký tự, dài gấp đôi so với nhãn hiệu đối chứng "Ravens" có 6 ký tự. Về cách phát âm, "Ravensburger" có bốn âm tiết /ˈreɪ.vənz.bɜː.gər/, dài và rõ hơn so với hai âm tiết của "Ravens" /ˈreɪ.vənz/. Về ý nghĩa, "Ravensburger" không phải là một từ có nghĩa phổ thông trong tiếng Việt, trong khi "Ravens" mang nghĩa thông thường là những con quạ. Do đó, với sự khác biệt về cấu trúc, âm thanh và ý nghĩa, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

- Ngoài ra, người nộp đơn cũng đã cung cấp thông tin về Thư chấp thuận (Letter of Consent) từ Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 09, 16 và 28 tại Việt Nam.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn đơn quốc tế số 1124593, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2012/32 NTH34 ngày 14/8/2013 về việc tạm thời từ chối chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1124593.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1124593.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ravensburger Verlag GmbH (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141738/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Chuew Huad Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2012-01021 ngày 23/10/2012 của Chuew Huad Co., Ltd.; địa chỉ: 500 Moo 13, Tambol Saensuk, Amphur Muang Chonburi, Chonburi Province, Thailand; đại diện bởi: Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2006-22950 theo Quyết định số 57654/QĐ-SHTT ngày 15/10/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4516/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Chuew Huad Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "[Chal-hark-thong: nhãn hiệu vàng] GoldLabel" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-22950 ngày 29/12/2006 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 57654/QĐ-SHTT ngày 15/10/2012, căn cứ điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với bị coi là hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ trong GCNĐKNH số 91962 và 115307 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực của các nhãn hiệu đối chứng và xem xét cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Nhãn hiệu "GoldLabel" đã được người nộp đơn (Chuew Huad Co., Ltd.), một công ty nổi tiếng của Thái Lan, sử dụng từ năm 2003 và được đăng ký bảo hộ tại Thái Lan.

- Các nhãn hiệu đối chứng là bản sao đến từng chi tiết sản phẩm của người nộp đơn và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng (Công ty TNHH sản xuất - thương mại - dịch vụ - bách hoá xuất nhập khẩu Gia Đô) đã chiếm dụng bất hợp pháp nhãn sản phẩm của người nộp đơn để đăng ký độc quyền.

- Người nộp đơn đang tiến hành thủ tục hủy bỏ hiệu lực của các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn cho rằng các nhãn hiệu đối chứng là bản sao của sản phẩm do mình sản xuất và đang tiến hành thủ tục hủy bỏ hiệu lực các nhãn hiệu

này, tuy nhiên đến nay người nộp đơn không cung cấp thêm thông tin về kết quả thủ tục hủy bỏ hiệu lực các nhãn hiệu đối chứng nêu trên. Ngoài ra, căn cứ vào tình trạng của các nhãn hiệu được bảo hộ trong GCNĐKNH số 91962 và 115307, các nhãn hiệu đối chứng này đã được ghi nhận chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH theo Quyết định số 3407/QĐ-SHTT ngày 28/12/2015 cho đơn số ĐC4-2015-0004H ngày 19/8/2015, do chính Chủ sở hữu (Công ty TNHH sản xuất - thương mại - dịch vụ - bách hoá xuất nhập khẩu Gia Đô) đề nghị chấm dứt hiệu lực do không còn sử dụng nhãn hiệu.

Đề nghị của người khiếu nại không ảnh hưởng đến tính hợp pháp quyết định của Quyết định số 57654/QĐ-SHTT ngày 15/10/2012 do các nhãn hiệu đối chứng vẫn là căn cứ hợp lệ tại thời điểm quyết định được ban hành.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2006-22950 ngày 29/12/2006 theo Quyết định số 57654/QĐ-SHTT ngày 15/10/2012 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 57654/QĐ-SHTT ngày 15/10/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-22950 ngày 29/12/2006.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Chuew Huad Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Chuew Huad Co., Ltd. (qua Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141739/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Caesars Interactive Entertainment, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2015-00442 ngày 14/5/2015 của Caesars Interactive Entertainment, Inc. (nay là Bracelet IP Limited); địa chỉ: One Caesars Palace Drive Las Vegas NV 89109 United States of America (địa chỉ hiện tại: Suite C, Third Floor, Apex Business Center, Blackthorn Road, Sandyford Business Park, Dublin 18 D18Y3Y9 IE); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1191395 theo Thông báo số 2014/04 TDH08 ngày 30/01/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4512/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Caesars Interactive Entertainment, Inc. (nay là Bracelet IP Limited) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu WORLD SERIES OF POKER theo đơn quốc tế số 1191395 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì là dấu hiệu không có khả năng phân biệt, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký trên cơ sở nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước ngày chỉ định Việt Nam theo ĐQT số 1191395 (trước ngày 22.07.2013).

WORLD SERIES OF POKER (dưới đây còn gọi là WSOP) là một loạt các giải đấu bài Poker đỉnh cao ở Sự kiện chính (Main Event) nhằm tìm ra người Vô địch Poker Thế giới. Giải WSOP là sự kiện chơi bài lâu nhất, lớn nhất, giàu có nhất và uy tín nhất trên thế giới, có lịch sử 45 năm kể từ năm 1970, và tính đến nay, giải đấu này đã trả hơn 1,8 tỷ USD tổng tiền thưởng. Người chơi poker có thể tham gia WORLD SERIES OF POKER từ bất kỳ nơi nào trên thế giới bằng cách trả phí gia nhập hoặc bằng cách tham gia các giải đấu "vệ tinh" nhỏ hơn được cấp phép, cho phép những người chiến thắng được tham gia Sự kiện chính và có cơ hội thi đấu để dành các giải thưởng tiền mặt lớn. Tính đến năm 2004, người khiếu nại đã thu hút 2.576 người chơi trong Sự kiện chính với tổng số 14.054 người chơi trong năm đó. Năm 2012, WSOP đã có 61 sự kiện poker khác nhau diễn ra liên tục trong hơn 50 ngày.

Người khiếu nại đã tham gia quảng bá các giải đấu WORLD SERIES OF POKER và sản phẩm liên quan trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Từ những nỗ lực này, quy mô và danh tiếng của các giải đấu WORLD SERIES OF POKER" đã phát triển theo cấp số nhân, thu hút được những người chơi poker giỏi nhất trên thế giới. Số lượng người chơi tham gia WORLD SERIES OF POKER tăng từ hơn 7,5 nghìn người (năm 2003) lên đến trên 82 nghìn người (năm 2014) và số tiền thưởng cũng tăng từ hơn 21 triệu đô la Mỹ (năm 2003) lên đến trên 227 triệu đô la Mỹ (năm 2014).

Người hâm mộ ở bất kỳ nơi nào trên thế giới cũng có thể truy cập trang thông tin điện tử trên Internet của người khiếu nại tại địa chỉ worldseriespoker.com và WSOP.com để có thông tin về WORLD SERIES OF

POKER, xem lịch phát sóng các giải đấu, đặt chỗ để tham dự WORLD SERIES OF POKER và mua sản phẩm mang thương hiệu WORLD SERIES OF POKER.

Trước đây, người khiếu nại đã ký thỏa thuận cấp quyền sử dụng nhãn hiệu với Glu Mobile và Electronic Arts để cung cấp nội dung mang thương hiệu WSOP thông qua các thiết bị di động. Kể từ năm 2007, các trò chơi theo chủ đề WORLD SERIES OF POKER được cung cấp cho điện thoại di động và các thiết bị di động thông qua nhà phát triển trò chơi Playtika, một công ty trực thuộc của người khiếu nại, dưới hình thức một trò chơi mạng xã hội trên Facebook.

Kể từ năm 1993, các giải đấu WORLD SERIES OF POKER đã được phát sóng trên truyền hình đến hàng trăm triệu khán giả truyền hình trên toàn thế giới thông qua kênh thể thao nổi tiếng ESPN hoặc các nhà phân phối của ESPN. Năm 2004, WORLD SERIES OF POKER trên ESPN thu hút nhiều người xem hơn so với các chương trình khác trên ESPN, ngoại trừ NFL và NASCAR. Ngoài ra, người khiếu nại còn cấp phép cho ESPN để đưa tin trên trang thông tin điện tử http://sports.espn.go.com/espn/poker/wsop. Các giải đấu WORLD SERIES OF POKER cũng được phát lại trong suốt năm.

Các giải đấu và các sản phẩm "WORLD SERIES OF POKER" của người khiếu nại đã được người tiêu dùng Việt Nam biết đến thông qua nhiều bài viết trên các trang thông tin điện tử tiếng Việt.

Từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 3 năm 2015, đã có 29.320 bản cài đặt trò chơi trên Facebook và trên ứng dụng điện thoại di động có nguồn gốc từ Việt Nam, với 607 người dùng hoạt động hàng ngày của trò chơi trên Facebook và trên ứng dụng điện thoại di động có nguồn gốc từ Việt Nam.

Thông qua việc sử dụng lâu dài và rộng rãi tên thương hiệu và các nhãn hiệu WORLD SERIES OF POKER, người khiếu nại và các công ty trực thuộc/công ty liên kết đã đạt được lợi thế thương mại to lớn và danh tiếng quan trọng đối với các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp mang các nhãn hiệu WORLD SERIES OF POKER. Các nhãn hiệu WORLD SERIES OF POKER đã trở nên nổi tiếng và là tài sản quý giá của người khiếu nại. Do đó, trong tâm trí người tiêu dùng, các nhãn hiệu WORLD SERIES OF POKER được liên tưởng thuộc về người khiếu nại và các công ty trực thuộc/liên kết của người khiếu nại.

WORLD SERIES OF POKER đã được chấp nhận bảo hộ tại 59 quốc gia và vùng lãnh thổ theo 347 Đăng ký Nhãn hiệu. Trong số đó, có 201 đăng ký nhãn hiệu cho WORLD SERIES OF POKER (nhãn hiệu chữ) (bằng chứng chứng minh việc đăng ký và sử dụng rộng rãi nhãn hiệu đã được nộp kèm theo hồ sơ đơn khiếu nại).

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký WORLD SERIES OF POKER bị tạm thời từ chối bảo hộ vì là tên gọi thông thường của dịch vụ và mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Người khiếu nại cung cấp chứng cứ, chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước ngày nộp đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1191395 tại Việt Nam. Cụ thể: nhãn hiệu đăng ký "WORLD SERIES OF POKER" viết tắt "WSOP" là tên của giải đấu môn POKER có lịch sử trên 45 năm kể từ năm 1970. Số lượng người tham gia và giá trị giải thưởng tăng trưởng vượt bậc qua các năm. Kể từ năm 1993, các giải đấu WORLD SERIES OF POKER đã được phát sóng trên truyền hình, bao gồm kênh thể thao nổi tiếng ESPN và/hoặc các nhà phân phối của ESPN, thu hút hàng trăm triệu khán giả truyền hình trên toàn thế giới. Từ năm 2007, các trò chơi theo chủ đề của "WORLD SERIES OF POKER" được cung cấp cho điện thoại di động và các thiết bị di động dưới hình thức một trò chơi mạng xã hội trên Facebook. Ở Việt Nam, các ứng dụng trò chơi "WORLD SERIES OF POKER" đã có trên điện thoại từ trước năm 2013 và liên tục cập nhật trong những năm sau đó. Với những bằng chứng về thời gian sử dụng, số lượng người tiêu dùng biết tới dịch vụ; doanh số kinh doanh dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký; phạm vi và mức độ sử dụng dấu hiệu "WORLD SERIES OF POKER" trên toàn cầu cũng như ở Việt Nam; bằng chứng về việc sử dụng liên tục, không gián đoạn của dấu hiệu cho các hàng hóa/dịch vụ liệt kê trong nhóm 09, 28, 41. Trên cơ sở đó, Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng, các bằng chứng nêu trên đủ để chứng minh dấu hiệu WORLD SERIES OF POKER theo ĐQT số 1191395 đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng thừa nhận một cách rộng rãi

về việc dấu hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hóa, dịch vụ liên quan trước ngày nộp đơn.

Ngoài ra, việc đã có 201 nhãn hiệu chứa dấu hiệu chữ "WORLD SERIES OF POKER" đã được chấp nhận bảo hộ ở 59 quốc gia, cho thấy nhãn hiệu đăng ký này đã đáp ứng tiêu chí ngoại lệ về điều kiện bảo hộ đối với dấu hiệu không có khả năng phân biệt. Thêm vào đó, người khiếu nại đề xuất giới hạn phạm vi bảo hộ: nhãn hiệu đăng ký bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "WORLD SERIES", "POKER". Vì vậy, đề nghị trong đơn khiếu nại của chủ đơn ĐQT số 1191395 có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo ĐQT số 1191395, không bảo hộ riêng "WORLD SERIES", "POKER", không áp dụng quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/04 TDH08 ngày 30/01/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1191395.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1191395, không bảo hộ riêng "WORLD SERIES", "POKER".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Caesars Interactive Entertainment, Inc. (nay là Bracelet IP Limited) (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141740/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CrossFit, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2013-01277 ngày 19/12/2013 của CrossFit, Inc. (nay là CrossFit, LLC); địa chỉ: 1500 Green Hills Road, Suite 201, Scotts Valley, CA 95066 (địa chỉ hiện tại: 2617 Broadway, Boulder Colorado 80304 US); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1126136 theo Thông báo số 2012/34 NHT10 ngày 27/08/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4384/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CrossFit, Inc. (nay là CrossFit, LLC) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1126136 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì phần chữ "FITNESS" mô tả sản phẩm và dịch vụ xin đăng ký, và phần chữ "FORGING ELITE" bị coi là tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 48558 và nhãn hiệu theo ĐQT số 949195 theo quy định tại ddiemr c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì:

- Thứ nhất, nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng

Nhãn hiệu xin đăng ký là cụm từ "FORGING ELITE FITNESS" màu đen, in hoa theo phông chữ tiêu chuẩn, trong đó "FORGING ELITE" ở dòng trên, và chữ "FITNESS" ở dòng dưới. "FORGING" là một danh từ có nguồn gốc từ chuyên ngành kim khí và có nghĩa là "mẩu kim loại thành hình nhờ ép nén" nên hoàn toàn không liên quan đến các sản phẩm bị từ chối thuộc nhóm 25 và 41. Bởi vậy, FORGING là yếu tố chính và quan trọng nhất trong nhãn hiệu xin đăng ký. Từ "ELITE" có nghĩa là "tốt nhất, đẹp nhất", là yếu tố mô tả chất lượng và giá trị của sản phẩm/dịch vụ xin đăng ký. Yếu tố chữ này không có khả năng phân biệt và chỉ đóng vai trò phụ trợ trong nhãn hiệu xin đăng ký.

Các nhãn hiệu đối chứng 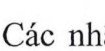 và 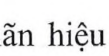được tạo nên từ chữ "ELITE" cách điệu. Do bản thân chữ "ELITE" không có khả năng phân biệt như phân tích trên đây, các nhãn hiệu đối chứng này chỉ được bảo hộ về mặt tổng thể với cách trình bày cách điệu, không bảo hộ riêng từ "ELITE".

Cả nhãn hiệu xin đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cùng chứa từ "ELITE" nhưng cách trình bày phần chữ này ở các nhãn hiệu này hoàn toàn khác biệt. Bản thân là một từ không có khả năng phân biệt, từ "ELITE" trong các nhãn hiệu đối chứng không thể là căn cứ để từ chối các nhãn hiệu "ELITE" khác khi cách trình bày các nhãn hiệu này không giống nhau.

Đặc biệt là, việc có thêm hai từ "FORGING" và "FITNESS" trong nhãn hiệu xin đăng ký đã làm cho nhãn hiệu này khác biệt hoàn toàn về mặt hình thức, cấu trúc, cách phát âm, ngữ nghĩa và ấn tượng thị giác tổng thể với các nhãn hiệu đối chứng.

Nhãn hiệu xin đăng ký 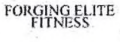

là một tổng thể, việc tách rời riêng chữ "ELITE" trong nhãn hiệu này ra để đánh giá và so sánh với các nhãn hiệu đối

chứng là không hợp lý, bởi tổng thể nhãn hiệu này chính là dấu hiệu, là cách mà người tiêu dùng quan sát và tiếp cận trên thực tế.

- Thứ hai, nhãn hiệu đối chứng 1 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 03/12/2019

Nhãn hiệu đối chứng 1 theo ĐKNH số 48558 đã hết hạn hiệu lực kể từ ngày 03/12/2019 do không được gia hạn hiệu lực. Điều đó cho thấy chủ sở hữu nhãn hiệu này không còn nhu cầu đăng ký và sử dụng nhãn hiệu cho các sản phẩm "quần áo" thuộc Nhóm 25. Đồng thời, người khiếu nại cũng không tìm thấy bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu élite liên quan đến các sản phẩm quần áo trên thị trường. Do chưa từng được sử dụng hay có sự hiện diện trên thực tế, người tiêu dùng không có bất kỳ ấn tượng nào liên quan đến nhãn hiệu này. Chính vì vậy, khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn giữa nhãn hiệu xin đăng ký với nhãn hiệu đối chứng 1 không thể xảy ra.

- Thứ ba, nhãn hiệu đối chứng 2 đã bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam

Nhãn hiệu đối chứng 2 elite theo ĐKQT số 949195 đã bị từ chối tại Việt Nam từ ngày 21/01/2009 cho các sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 03, 05, 09, 11, 12, 16, 20, 25, 26, 28, 35, 38, 43 và 44 vì tương tự gây nhầm lẫn với 8 đơn đăng ký/Đăng ký trước tại Việt Nam. Cho tới nay, thông tin về tình trạng của nhãn hiệu đối chứng 2 vẫn được ghi nhận là « từ chối ». Điều đó cho thấy, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng số 2 đã mặc định chấp nhận sự từ chối của Cục SHTT hoặc Cục SHTT đã giữ nguyên quyết định từ chối đối với ĐKQT số 949195.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 48558 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 03/12/2019 nên Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không dùng nhãn hiệu này làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1126136.

So sánh nhãn hiệu đối chứng "elite" theo ĐQT số 949195 và nhãn hiệu đăng ký "FORGING ELITE FITNESS", hai nhãn hiệu không gây nhầm lẫn về cấu trúc, hình thức thể hiện, ngữ nghĩa, cách phát âm. Do vậy, đề nghị trong đơn khiếu nại của chủ đơn ĐQT số 1126136 có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1126136 ngày 30/05/2012, không áp dụng quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2012/34 NHT10 ngày 27/08/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1126136.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1126136, không bảo hộ riêng "FITNESS".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CrossFit, Inc. (nay là CrossFit, LLC) (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141741/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần phân bón Hà Lan
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2018-00203 ngày 14/3/2018 của Công ty cổ phần phân bón Hà Lan; địa chỉ: Lô F2A, đường số 2, KCN Tân Kim, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-10073 theo Quyết định số 3575/QĐ-SHTT ngày 13/01/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4877/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần phân bón Hà Lan với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HUMAX" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-10073 ngày 24/4/2015 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số Quyết định số 3575/QĐ-SHTT ngày 13/01/2018, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 175796 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực từ ngày 23/06/2016 do không được gia hạn, nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng liên tục trong 5 năm, tính từ ngày 15/02/2013, cho các sản phẩm thuộc Nhóm 01 và Nhóm 35. Tài liệu xác minh kèm theo bao gồm (i) Bản in từ Thư viện số của Cục Sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu đối chứng và (ii) Công văn số 23A/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 12/0/2018 từ Viện Kinh tế Tài chính, xác nhận việc không sử dụng nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các lập luận của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn nhiệu: Nhãn hiệu đăng ký là chữ "HUMAX" và nhãn hiệu đối chứng là "HUMAT, hình" có phần chữ tương đồng đáng kể bao gồm 5 chữ cái, với 4/5 chữ cái đầu giống nhau ("HUMA–"), đăng ký sản phẩm tương tự (phân bón và phân bón vi lượng; phân bón lá). Do đó, hai nhãn hiệu bị coi là tương tự, có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

- Về lập luận của người khiếu nại: Người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực từ ngày 23/6/2016 do không được gia hạn và không sử dụng liên tục trong 5 năm tính từ ngày 15/02/2013. Tuy nhiên, tính đến thời điểm Quyết định số 3575/QĐ-SHTT được ban hành ngày 13/01/2018,

nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực nhưng chưa quá năm năm và không có bất kỳ yêu cầu chấm dứt hiệu lực nào đối với nhãn hiệu này được nộp và/hoặc được Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận chính thức thông qua Quyết định chấm dứt hiệu lực. Do đó, tại thời điểm ban hành Quyết định số 3575/QĐ-SHTT nêu trên là phù hợp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-10073 ngày 24/4/2015 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 3575/QĐ-SHTT ngày 13/01/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-10073 ngày 24/4/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần phân bón Hà Lan có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần phân bón Hà Lan (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 141742/QĐ-SHTT.IP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Nha Khoa Xinh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2017-01152 ngày 25/10/2017 của Công ty TNHH Nha Khoa Xinh; địa chỉ: 173-175 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-14280 theo Quyết định số 50145/QĐ-SHTT ngày 26/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4890/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Nha Khoa Xinh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NHA KHOA Xinh" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-14280 ngày 04/6/2015 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) theo Quyết định số 50145/QĐ-SHTT ngày 26/7/2017, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 86335 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đã hoàn tất thủ tục đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với nhãn hiệu đối chứng nêu trên theo Quyết định số 3063/QĐ-SHTT ngày 12/10/2018. Theo đó, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 86335 không còn là căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Quyết định số 3063/QĐ-SHTT ngày 12/10/2018 về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 86335 trên cơ sở xem xét đơn đề nghị số ĐN1-2017-00261 ngày 30/10/2017 được thực hiện sau thời điểm Quyết định số 50145/QĐ-SHTT được ban hành (ngày 26/7/2017). Do đó, tại thời điểm ban hành, Quyết định số 50145/QĐ-SHTT nêu trên là phù hợp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-14280 ngày 04/6/2015 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 50145/QĐ-SHTT ngày 26/7/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-14280 ngày 04/6/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Nha Khoa Xinh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Nha Khoa Xinh (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141743/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 60562

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2023-00325 ngày 27/12/2023 của Công ty TNHH Picare Viet Nam, địa chỉ: 68/104A Đồng Nai, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp Nguyễn và Cộng sự; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 60562, cấp ngày 01/03/2005 cho MR. VICHAI KULWUTHIVILAS (TH);

DTX488

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 27/12/2023, Công ty TNHH Picare Viet Nam (qua Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp Nguyễn và Cộng sự) nộp đơn số ĐN1-2023-00325 yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 60562 với lý do MR. VICHAI KULWUTHIVILAS - chủ sở hữu GCNĐKNH số 60562 đã không sử dụng nhãn hiệu "PICANE, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 trong 5 năm liên tục tại Việt Nam theo văn bản tra cứu số 643/TT-TTKTQT ngày 21/12/2023 của Trung

tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công thương.

Ngày 15/7/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã gửi công văn số 69510/SHTT-TTKN.IP thông báo về yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 60562 cho MR. VICHAI KULWUTHIVILAS nhưng cho đến nay, MR. VICHAI KULWUTHIVILAS vẫn không có ý kiến trả lời.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng: mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo theo công văn số 69510/SHTT-TTKN.IP ngày 15/7/2024 về yêu cầu chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH Picare Viet Nam đối với GCNĐKNH số 60562, nhưng MR. VICHAI KULWUTHIVILAS - chủ sở hữu GCNĐKNH số 60562 đã không có ý kiến trả lời. Do đó, yêu cầu của Công ty TNHH Picare Viet Nam về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 60562 là có cơ sở.

Từ các nhận định và đánh giá trên đây, yêu cầu của Công ty TNHH Picare Viet Nam về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 60562, cấp ngày 01/03/2005 cho MR. VICHAI KULWUTHIVILAS là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 60562, cấp ngày 01/03/2005 của MR. VICHAI KULWUTHIVILAS theo yêu cầu của Công ty TNHH Picare Viet Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 60562, cấp ngày 01/03/2005 cho MR. VICHAI KULWUTHIVILAS (TH) theo yêu cầu của Công ty TNHH Picare Viet Nam.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. MR. VICHAI KULWUTHIVILAS (TH) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MR. VICHAI KULWUTHIVILAS (qua Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH Picare Viet Nam; địa chỉ: 68/104A Đồng Nai, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh (qua Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ tổng hợp Nguyễn và Cộng sự) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141744/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Fontainebleau Resort Properties II, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2013-00060 ngày 14/01/2013 của Fontainebleau Resort Properties II, LLC; địa chỉ: 2827 Paradise Road Las Vegas, Nevada 89109, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2006-17618 ngày 19/10/2006 theo Quyết định số 57628/QĐ-SHTT ngày 15/10/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4746/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Fontainebleau Resort Properties II, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FONTAINEBLEAU" đăng ký theo đơn số 4-2006-17618 bị từ chối vì là tên một thị trấn của Pháp, không có khả năng phân biệt. Người nộp đơn đề nghị xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho nhãn hiệu đăng ký vì "FONTAINEBLEAU" là tên một khách sạn nổi tiếng có giá trị lịch sử, kiến trúc và thương mại lớn tại Miami, Hoa Kỳ. Kèm theo đơn là Tuyên bố của đại diện JS IP LLC, các tài liệu chứng minh sự nổi tiếng trong và ngoài nước của khách sạn này, cùng các nhãn hiệu "FONTAINEBLEAU" được đăng ký tại nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Canada, EU, UAE, Nhật Bản, Hồng Kông, Ma Cao, Mexico.

Người nộp đơn cũng viện dẫn thực tiễn Cục Sở hữu trí tuệ đã từng chấp nhận bảo hộ cho các nhãn hiệu chứa tên địa danh như "LONDON", "PARIS BY NIGHT", "PHOENIX", "EVEREST". Do đó, người nộp đơn đề nghị chấp thuận bảo hộ nhãn hiệu "FONTAINEBLEAU".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

- Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

- Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu là "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

"FONTAINEBLEAU" là tên một thị trấn của nước Pháp và chủ đơn có địa chỉ tại "2827 Paradise Road Las Vegas, Nevada 89109, USA, United States of America". Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là dấu hiệu gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa/dịch vụ theo quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, theo Quyết định số 57628/QĐ-SHTT ngày 15/10/2012 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2006-17618, nhãn hiệu đăng ký bị coi

là không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2đ Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2006-17618.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2006-17618 ngày 19/10/2006.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 57628/QĐ-SHTT ngày 15/10/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2006-17618 ngày 19/10/2006.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-17618 ngày 19/10/2006.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Fontainebleau Resort Properties II, LLC (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141764/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Advance Magazine Publishers Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2019-00668 ngày 29/10/2019 của Advance Magazine Publishers Inc.; địa chỉ: Four Times Square, New York, NY 10036, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-29113 theo Quyết định số 63080/QĐ-SHTT ngày 31/07/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4270/BC-TTKN ngày 03/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Advance Magazine Publishers Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "KG, hình"  theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-29113 (nhãn hiệu đăng ký) của Advance Magazine Publishers Inc. đã bị từ chối bảo hộ đối với toàn bộ sản phẩm và dịch vụ trong các Nhóm 16, 35, 41 theo Quyết định số 63080/QĐ-SHTT ngày 31/07/2019 do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu sau (các nhãn hiệu đối chứng), theo điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ:

-  theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 203012 cho các nhóm 16, 35, 41, 42 của Conde Nast Asia/Pacific, Inc. (nhãn hiệu đối chứng 1).

 theo GCNĐKNH số 1106 cho nhóm 18 của Supara Company Limited (nhãn hiệu đối chứng 2).

 theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-01266 cho nhóm 25 của Công ty TNHH sản xuất - thương mại - dịch vụ thời trang Li Ta (nhãn hiệu đối chứng 3).

 theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-28871 cho các nhóm 14, 16, 18, 25, 40, 42 của Tăng Thành Sơn (nhãn hiệu đối chứng 4).

Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 1 thuộc cùng một chủ đơn. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 1.

Người nộp đơn Advance Magazine Publishers Inc. và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng 1 Conde Nast Asia/Pacific, Inc. đã ký Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu đăng ký từ "Advance Magazine Publishers Inc." cho "Conde Nast Asia/Pacific, Inc." vào ngày 12/11/2019. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 1 sẽ cùng thuộc chủ sở hữu là "Conde Nast Asia/Pacific, Inc." và nhãn hiệu đăng ký không còn bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 1.

Thứ hai, nhãn hiệu đối chứng 3 và 4 đã chính thức bị từ chối tại Việt Nam và không còn khả năng ngăn chặn việc đăng ký của nhãn hiệu đăng ký.

Nhãn hiệu đối chứng 3 đã bị từ chối chính thức vào ngày 03/12/2014 do chủ đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn luật định và trong Quyết định số 63080/QĐ-SHTT, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã đồng ý không lấy nhãn hiệu này là nhãn hiệu đối chứng. Nhãn hiệu đối chứng 4 cũng đã bị từ chối vào ngày 17/10/2018 và người nộp đơn của nhãn hiệu đối chứng 4 không có bất kỳ khiếu nại gì đối với quyết định từ chối của Cục Sở hữu trí tuệ. Như vậy, các nhãn hiệu đối chứng 3 và 4 đã bị coi là bị từ bỏ bởi các chủ đơn tương ứng và không còn khả năng ngăn chặn việc đăng ký của nhãn hiệu đăng ký.

Thứ ba, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 2. Hơn nữa, nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm tại Việt Nam. Do đó, người tiêu dùng không thể nhầm lẫn nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng 2.

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 2 đều được tạo thành bởi hai chữ cái G và Q mà không phát âm được như một từ. Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, phạm vi bảo hộ đối với các nhãn hiệu bao gồm hai chữ cái không thể phát âm thành một từ mà được thể hiện cách điệu chỉ giới hạn ở cách thể hiện và sự kết hợp của các chữ cái đó, còn bản thân các chữ cái này sẽ không được bảo hộ. Việc không bảo hộ riêng hai chữ cái "GQ" trong nhãn hiệu đối chứng 1 có thể minh chứng cho lập luận đã nêu.

Trong trường hợp này, cách thể hiện và nét cách điệu của các thành phần cấu tạo của nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn khác biệt với nhãn hiệu đối chứng 2. Cụ thể, hai chữ cái G và Q trong nhãn hiệu đăng ký được trình bày cách điệu cao và được lồng vào nhau đặt theo phương nằm ngang trong đó chữ G có những đoạn màu trắng đặt lồng bên dưới chữ Q. Trong khi đó, ở nhãn hiệu đối

chứng 2 chữ G được đặt trên chữ Q theo phương thẳng đứng. Do đó, cách thể hiện và cấu trúc cũng như ấn tượng thị giác của các nhãn hiệu này hoàn toàn khác nhau.

Cũng với quan điểm như trên cho nên Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận cùng bảo hộ nhãn hiệu đối chứng 1 và nhãn hiệu đối chứng 2 tại Việt Nam với việc không bảo hộ riêng hai chữ "GQ" cho các sản phẩm và dịch vụ liên quan với nhau.

Do nhãn hiệu đăng ký đã được chuyển nhượng cho chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng 1 cho nên nhãn hiệu đăng ký sẽ được coi là một nhãn hiệu liên kết của nhãn hiệu đối chứng 1. Và tương tự như nhãn hiệu đối chứng 1, nhãn hiệu đăng ký cũng phải được coi là có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 2 và phải được bảo hộ tại Việt Nam.

Thêm vào đó, với việc sử dụng và được biết đến rộng rãi của nhãn hiệu đăng ký, người tiêu dùng liên quan trên thế giới và tại Việt Nam càng dễ dàng phân biệt nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng 2.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: *"Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Các nhãn hiệu đối chứng theo các đơn nhãn hiệu số 4-2010-01266 và 4-2012-28871 đã bị từ chối chính thức và người nộp đơn của các nhãn hiệu đối chứng này đã không có bất kỳ khiếu nại nào đối với các Quyết định từ chối của Cục Sở hữu trí tuệ. Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không sử dụng các nhãn hiệu này làm đối chứng với nhãn hiệu đăng ký.

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 2 theo GCNĐKNH số 1106 vì hai nhãn hiệu khác biệt rõ ràng về cách trình bày và ấn tượng thị giác. Do đó, người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được hai nhãn hiệu với nhau.

Với đối chứng 1, theo quy định của pháp luật, việc sửa đổi, chuyển nhượng đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có Quyết định từ chối chính thức sẽ không được chấp nhận. Do đó, nhãn hiệu đăng ký vẫn thuộc người nộp đơn và nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 1 vẫn thuộc hai chủ thể khác nhau.

Vì vậy, nhãn hiệu vẫn bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 1, không thỏa mãn điều kiện bảo hộ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc không sử dụng nhãn hiệu đối chứng 2, 3 và 4 là có cơ sở. Tuy nhiên, do nhãn hiệu đăng ký vẫn tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 1 nên căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-29113 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 63080/QĐ-SHTT ngày 31/07/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-29113 ngày 24/12/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Advance Magazine Publishers Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Advance Magazine Publishers Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141778/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 202533

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đầy gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

CVH140

Xét đơn số ĐN1-2019-00087 ngày 29/3/2019 của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Mai, địa chỉ: Số 4 ngách 11, ngõ 565 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 202533, cấp ngày 25/03/2013 cho Ông/Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung (VN);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 29/3/2019, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Mai (qua Công ty Luật TNHH Link & Partners) nộp đơn ĐN1-2019-00087 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 202533 với lý do nhãn hiệu "R sabella, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/01/2013 đến ngày 27/3/2019 (Căn cứ theo công văn số 128/TT-TTKTQT ngày 27/3/2019 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 24/9/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 18904/SHTT-TTKN thông báo cho Ông/Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung (qua Công ty TNHH sở hữu trí tuệ Brandlink) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Mai. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Ông/Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "R sabella, hình" theo GCNĐKNH số 202533 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2013 đến ngày 27/3/2019 và chủ GCNĐKNH số 202533 không có ý kiến trả lời văn số 18904/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 202533.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 202533 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 202533, cấp ngày 25/03/2013 theo yêu cầu của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Mai.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 202533, cấp ngày 25/03/2013 cho Ông/Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung (VN) theo yêu cầu của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Mai.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Ông/Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung (qua Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư BRANDLINK) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Mai; địa chỉ: Số 4 ngách 11, ngõ 565 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội (qua Công ty Luật TNHH LINK&PARTNERS) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141795/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 189659

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00153 ngày 18/6/2019 của FlyLevel UK Limited, địa chỉ: Waterside, PO Box 365, Speedbird Way, Harmondsworth UB7 0GB, United Kingdom; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 189659, cấp ngày 16/08/2012 cho Công ty cổ phần đầu tư và du lịch LV (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 18/6/2019, FlyLevel UK Limited (qua cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) nộp đơn ĐN1-2019-00153 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 189659 với lý do nhãn hiệu "LEVEL HOTEL, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 26/02/2019 (Căn cứ theo công văn số 10A/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 26/02/2019 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 22/7/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 14155/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần đầu tư và du lịch LV về đề nghị chấm dứt hiệu lực của FlyLevel UK Limited. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần đầu tư và du lịch LV.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "LEVEL HOTEL, hình" theo GCNĐKNH số 189659 tại Việt Nam thời gian 05 năm gần đây đến ngày 26/02/2019 và chủ GCNĐKNH số 189659 không có ý kiến trả lời văn số 14155/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 189659.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 189659 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 189659, cấp ngày 16/08/2012 theo yêu cầu của FlyLevel UK Limited.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 189659, cấp ngày 16/08/2012 cho Công ty cổ phần đầu tư và du lịch LV (VN) theo yêu cầu của FlyLevel UK Limited.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần đầu tư và du lịch LV (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư và du lịch LV (Số 71, Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- FlyLevel UK Limited; địa chỉ: Waterside, PO Box 365, Speedbird Way, Harmondsworth UB7 0GB, United Kingdom (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141866/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Hard Rock Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2019-00724 ngày 15/11/2019 của Hard Rock Limited; địa chỉ: 13-14 Esplanade, St. Helier JE1 1BD Jersey; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-00571 ngày 08/01/2014 theo Quyết định số 95053/QĐ-SHTT ngày 28/10/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4889/BC-TTKN

ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Hard Rock Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BUDDY JR" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-00571 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối bảo hộ đối với hàng hóa thuộc Nhóm 25 theo Quyết định số 95053/QĐ-SHTT ngày 28/10/2019 do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "JUST BUDDY & hình" theo đăng ký quốc gia số 58353 (nhãn hiệu đối chứng), căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do và lập luận như sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đối chứng sẽ không còn khả năng ngăn chặn việc đăng ký của nhãn hiệu đăng ký nếu nhãn hiệu này bị chấm dứt hiệu lực vì lý do không sử dụng theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, xét thực tiễn xét nghiệm tại Cục Sở hữu trí tuệ từ trước tới nay, Cục Sở hữu trí tuệ vẫn luôn chấp nhận rút bỏ các Thông báo kết quả thẩm định nội dung (từ chối) hoặc các Quyết định từ chối đăng ký nhãn hiệu dựa trên việc chấm dứt hiệu lực của các nhãn hiệu đối chứng.

Trong vụ việc này, vào ngày 22/09/2015, người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2015-00204 đối với nhãn hiệu đối chứng do nhãn hiệu này không được sử dụng trong thời hạn năm năm trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực. Người nộp đơn đã yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ tạm dừng thẩm định đơn của nhãn hiệu đăng ký cho đến khi có kết quả của yêu cầu chấm dứt hiệu lực. Tuy nhiên, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Quyết định số 95053/QĐ-SHTT ngày 28/10/2019 (sau ngày nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng).

Trên cơ sở các lập luận ở trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ tạm dừng xem xét đơn khiếu nại này cho đến khi có kết quả của đơn số ĐN1-2015-00204.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là*

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn đã tiến hành thủ tục chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng từ trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 95053/QĐ-SHTT ngày 28/10/2019 và việc xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng vẫn chưa hoàn tất. Trong trường hợp này khả năng bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký phải căn cứ vào kết quả giải quyết đơn số ĐN1-2015-00204.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-00571.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 95053/QĐ-SHTT ngày 28/10/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-00571 ngày 08/01/2014.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2014-00571 ngày 08/01/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hard Rock Limited (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141871/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Donaldson Company, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2018-00102 ngày 06/02/2018 của Donaldson Company, Inc. (trước là Donaldson Filtration Deutschland GmbH; địa chỉ: Bussingstrasse 1, 42781 Haan, Germany); đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1324865 theo Thông báo số 2016/50 NNL10 ngày 17/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4903/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Donaldson Company, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LifeTec" theo đơn quốc tế số 1324865 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "LifeTech, hình" bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 864734 của Guangdong Zhenhua Electrical Appliance Co., Ltd.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1324865 với lý do như sau:

Hàng hóa thuộc nhóm 07 của nhãn hiệu đăng ký là máy lọc, máy để sấy khô, làm sạch, làm lạnh và xử lý không khí, hơi nước, khí (gas) và chất lỏng và các bộ phận đi kèm. Dùng để lọc, sấy khô, làm sạch, làm lạnh và xử lý không khí, hơi nước, khí (gas) và chất lỏng. Sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký có thể sử dụng cho mục đích công nghiệp hay gia dụng nhưng mục đích sử dụng là hoàn toàn khác so với mục đích sử dụng của sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng, đối tượng khách hàng là tổ chức/cá nhân có nhu cầu lọc nước, không khí,…

Hàng hóa thuộc Nhóm 07 theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 864734 là máy sục khí và máy bơm nước. Dùng để sục khí khí, dùng để bơm nước. Trên thực tế sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là các loại máy bơm, máy sục khí dùng cho bể cá, đối tượng khách hàng là những người chủ hồ cá, những người buôn cá sống.

Nhãn hiệu đối chứng gồm cụm từ "LifeTech" được thể hiện theo lối viết đặc biệt và các ký tự Trung Quốc; trong khi đó nhãn hiệu đăng ký chỉ gồm duy nhất cụm từ "LifeTec" được trình bày theo phông chữ tiêu chuẩn.

Nhãn hiệu đăng ký và đối chứng đều đã được các cơ quan sở hữu trí tuệ tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ chấp nhận bảo hộ đồng thời, trong đó có các quốc gia có hệ thống đánh giá nhãn hiệu nghiêm ngặt như: Đức, Pháp, Na Uy, Thụy Sỹ, Belarus, Bosnia and Herzegovina, Hungary...

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét nội dung khiếu nại, các tài liệu kèm theo và căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, có cơ sở để xác định rằng dấu hiệu "LifeTec" theo đơn quốc tế số 1324865 là dấu hiệu tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "LifeTech, chữ Hán" đã được bảo hộ tại Việt Nam theo ĐKQT số 864734. Cụ thể, hai dấu hiệu đều có cấu trúc gần giống, cùng sử dụng từ ghép giữa "Life" và "Tec(h)", trong đó phần phát âm "LifeTec" và "LifeTech" chỉ có khác biệt rất nhỏ ở âm cuối, không đủ tạo ra sự phân biệt rõ ràng trong nhận thức thông thường của người tiêu dùng Việt Nam. Về mặt ngữ nghĩa, cả hai đều gợi lên hình ảnh hoặc thông điệp liên quan đến công nghệ cuộc sống, là yếu tố trung tính, dễ gây liên tưởng trùng lặp. Mặc dù nhãn hiệu đối chứng có thêm ký tự tiếng Trung, tuy nhiên phần chữ Latinh "LifeTech" là yếu tố chiếm ưu thế trong cấu trúc tổng thể, dễ ghi nhớ và dễ bị nhầm lẫn với "LifeTec" trong quá trình sử dụng thực tế. Xét về hàng hóa, cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 07 (thiết bị lọc, bơm khí, bơm chất lỏng...), có liên quan chặt chẽ về bản chất kỹ thuật, mục đích sử dụng, đối tượng tiêu dùng và kênh lưu thông.

Thực tiễn sử dụng và khả năng cùng tồn tại tại một số quốc gia khác không phải là yếu tố mang tính quyết định trong đánh giá tại Việt Nam, do pháp luật Việt Nam quy định đánh giá khả năng gây nhầm lẫn phải căn cứ vào nhận thức và hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ đơn quốc tế số 1324865 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/50 NNL10 ngày 17/11/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1324865.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Donaldson Company, Inc.có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Donaldson Company, Inc. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 141872/QĐ-SHTT.IP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ETIKA DAIRIES SDN BHD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00884 ngày 30/9/2021 của ETIKA DAIRIES SDN BHD; địa chỉ: Lot LS-1 Persiaran Satu, Meru Industrial Park, Off Persiaran Hamzah Alang, 42200 Klang, Selangor, Malaysia; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ZC (Việt Nam); khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-04052 theo Quyết định số 41051/QĐ-SHTT ngày 24/05/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4874/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ETIKA DAIRIES SDN BHD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DAILY" theo đơn đăng ký số 4-2017-04052 (nhãn hiệu đăng ký) của ETIKA DAIRIES SDN BHD bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 41051/QĐ-SHTT ngày 24/05/2021 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại điểm c khoản 2 điều 74 do "DAILY" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "hàng ngày, thường ngày". Theo nghĩa này, "DAILY" làm cho người tiêu dùng liên tưởng đến việc sử dụng sản phẩm hàng ngày. Vì thế, dấu hiệu này không có khả năng phân biệt vì mang tính mô tả.

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 41051/QĐ-SHTT ngày 24/05/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý lẽ sau:

- Dấu hiệu "DAILY" (nghĩa là "hàng ngày") không mô tả thời gian sử dụng, địa điểm, phương pháp sản xuất, tính chất hay công dụng của các sản phẩm thuộc Nhóm 29, chủ yếu là sữa và sản phẩm từ sữa. Việc sử dụng thực phẩm làm từ sữa không tuân theo lịch trình cụ thể hàng ngày, do đó không thể coi "daily" là mô tả thời gian sử dụng. Ngoài ra, "daily" cũng không có giá trị mô tả về thành phần, chất lượng, công dụng… như các từ phổ biến khác (như "sữa bò", "nguyên kem", "chống loãng xương"...).

- Dấu hiệu "DAILY" đã từng được Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ cho sản phẩm sữa cụ thể là nhãn hiệu "DAILY CHAMP" (GCNĐKNH số 248181) mà không loại trừ từ "DAILY".

- Thực tiễn xét nghiệm tại Việt Nam cho thấy nhiều nhãn hiệu chứa từ "DAILY" đã được bảo hộ. Người nộp đơn đã đưa ra dẫn chứng về một loạt nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam mà không bị coi là mô tả, như các nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số: 63270, 53711, 81023, 115369,…

Nhãn hiệu "DAILY" được chấp nhận bảo hộ cho Nhóm 29 tại nhiều quốc gia trong đó có các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính như

Anh, Mỹ, Úc, Canada... Điều này cho thấy dấu hiệu này có khả năng phân biệt tự thân, không bị coi là mô tả trong thực tiễn quốc tế.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".*

2. Nhận định, đánh giá:

"DAILY" là một từ tiếng Anh phổ thông, có nghĩa là "hằng ngày" hoặc "dùng mỗi ngày". Khi được sử dụng làm nhãn hiệu cho các hàng hóa thuộc Nhóm 29 bao gồm thực phẩm thiết yếu như sữa và các sản phẩm từ sữa thì dấu hiệu "DAILY" dễ khiến người tiêu dùng hiểu theo nghĩa mô tả về công dụng hoặc đặc tính của sản phẩm, như: "sản phẩm dùng hàng ngày", "thực phẩm tiện lợi cho sinh hoạt thường nhật", "món ăn thiết yếu trong khẩu phần hằng ngày".

Với ý nghĩa như vậy, từ "DAILY" có tính gợi tả trực tiếp về tần suất hoặc mục đích sử dụng của sản phẩm và không tạo được ấn tượng riêng biệt để phân biệt hàng hóa của chủ thể này với hàng hóa của chủ thể khác. Dấu hiệu này do đó thuộc trường hợp không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, việc bảo hộ của các nhãn hiệu mà người nộp đơn viện dẫn do nhiều lý do khác nhau và không thuộc phạm vi giải quyết của đơn đang xem xét; việc nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ tại nhiều quốc gia khác chỉ mang tính tham khảo, việc xem xét khả năng bảo hộ của nhãn hiệu căn cứ vào quy định pháp luật của Việt Nam.

Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-04052 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 41051/QĐ-SHTT ngày 24/05/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-04052 ngày 28/02/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ETIKA DAIRIES SDN BHD có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ETIKA DAIRIES SDN BHD (qua Công ty Luật TNHH ZC (Việt Nam)) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141877/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ETIKA DAIRIES SDN BHD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với

giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00885 ngày 30/9/2021 của ETIKA DAIRIES SDN BHD; địa chỉ: Lot LS-1 Persiaran Satu, Meru Industrial Park, Off Persiaran Hamzah Alang, 42200 Klang, Selangor, Malaysia; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ZC (Việt Nam); khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-04053 theo Quyết định số 41052/QĐ-SHTT ngày 24/05/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4876/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ETIKA DAIRIES SDN BHD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DAILY" theo đơn đăng ký số 4-2017-04053 (nhãn hiệu đăng ký) của ETIKA DAIRIES SDN BHD bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 41052/QĐ-SHTT ngày 24/05/2021 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ tại điểm c khoản 2 điều 74 do "DAILY" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "hàng ngày, thường ngày". Theo nghĩa này, "DAILY" làm cho người tiêu dùng liên tưởng đến việc sử dụng sản phẩm hàng ngày. Vì thế, dấu hiệu này không có khả năng phân biệt vì mang tính mô tả.

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 41052/QĐ-SHTT ngày 24/05/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý lẽ sau:

- Dấu hiệu "DAILY" (nghĩa là "hàng ngày") không mô tả thời gian sử dụng, địa điểm, phương pháp sản xuất, tính chất hay công dụng của các sản phẩm thuộc Nhóm 29, chủ yếu là sữa và sản phẩm từ sữa. Việc sử dụng thực phẩm làm từ sữa không tuân theo lịch trình cụ thể hàng ngày, do đó không thể coi "daily" là mô tả thời gian sử dụng. Ngoài ra, "daily" cũng không có giá trị mô tả về thành phần, chất lượng, công dụng… như các từ phổ biến khác (như "sữa bò", "nguyên kem", "chống loãng xương"...).

- Dấu hiệu "DAILY" đã từng được Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ cho sản phẩm sữa cụ thể là nhãn hiệu "DAILY CHAMP" (GCNĐKNH số 248181) mà không loại trừ từ "DAILY".

- Thực tiễn xét nghiệm tại Việt Nam cho thấy nhiều nhãn hiệu chứa từ "DAILY" đã được bảo hộ. Người nộp đơn đã đưa ra dẫn chứng về một loạt nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam mà không bị coi là mô tả, như các nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số: 63270, 53711, 81023, 115369,…

Nhãn hiệu "DAILY" được chấp nhận bảo hộ cho Nhóm 29 tại nhiều quốc gia trong đó có các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính như Anh, Mỹ, Úc, Canada... Điều này cho thấy dấu hiệu này có khả năng phân biệt tự thân, không bị coi là mô tả trong thực tiễn quốc tế.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".*

2. Nhận định, đánh giá:

"DAILY" là một từ tiếng Anh phổ thông, có nghĩa là "hằng ngày" hoặc "dùng mỗi ngày". Khi được sử dụng làm nhãn hiệu cho các hàng hóa thuộc Nhóm 29 bao gồm thực phẩm thiết yếu như sữa và các sản phẩm từ sữa thì dấu hiệu "DAILY" dễ khiến người tiêu dùng hiểu theo nghĩa mô tả về công dụng hoặc đặc tính của sản phẩm, như: "sản phẩm dùng hàng ngày", "thực phẩm tiện lợi cho sinh hoạt thường nhật", "món ăn thiết yếu trong khẩu phần hằng ngày".

Với ý nghĩa như vậy, từ "DAILY" có tính gợi tả trực tiếp về tần suất hoặc mục đích sử dụng của sản phẩm và không tạo được ấn tượng riêng biệt để phân biệt hàng hóa của chủ thể này với hàng hóa của chủ thể khác. Dấu hiệu này do đó thuộc trường hợp không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, việc bảo hộ của các nhãn hiệu mà người nộp đơn viện dẫn do nhiều lý do khác nhau và không thuộc phạm vi giải quyết của đơn đang xem xét; việc nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ tại nhiều quốc gia khác chỉ mang tính tham

khảo, việc xem xét khả năng bảo hộ của nhãn hiệu căn cứ vào quy định pháp luật của Việt Nam.

Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-04053 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 41052/QĐ-SHTT ngày 24/05/2025 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-04053 ngày 28/02/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ETIKA DAIRIES SDN BHD có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ETIKA DAIRIES SDN BHD (qua Công ty Luật TNHH ZC (Việt Nam)) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141878/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00470 ngày 11/5/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trưng Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-10265 ngày 05/04/2018 theo Quyết định số 25621/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4925/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MICEO 620EC 1 lít Đặc hiệu: Cỏ hòa bản, lá rộng, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-10265 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 25621/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021.

Theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 28392/SHTT-NH ngày 29/06/2020, nhãn hiệu không được bảo hộ phần hình lục giác cách điệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 278846, 278847, 281594, 281595. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo nêu trên người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, vì thế ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 25621/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên, chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa thành phần hình khối lục giác cách điệu trùng nhau. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký còn có các yếu tố phân biệt khác như phần chữ "MICEO" với kích cỡ lớn, nổi bật, các hình ảnh minh họa sản phẩm và bố cục phối màu đặc trưng. Sự kết hợp của các yếu tố này tạo thành một tổng thể phức hợp, dễ nhận diện và khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng vốn chỉ gồm một biểu tượng hình học đơn lẻ. Do đó, khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại là rất thấp. Thêm vào đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu đang xem xét, đồng thời cam kết không tranh chấp hoặc khiếu nại. Chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ sở hữu càng củng cố nhận định rằng không có rủi ro gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-10265, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 25621/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-10265 ngày 05/04/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-10265 ngày 05/04/2018. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "62OEC", "1 lít", "Đặc hiệu: Cỏ hòa bản, lá rộng", hình cỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141929/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00469 ngày 11/5/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-10264 ngày 05/04/2018 theo Quyết định số 25620/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4923/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ZURON 150WP 1 kg Kích thích sinh trưởng, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-10264 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 25620/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021.

Theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 28391/SHTT-NH ngày 29/06/2020, nhãn hiệu không được bảo hộ phần hình lục giác cách điệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 278846, 278847, 281594, 281595. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo nêu trên người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, vì thế ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 25620/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên, chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa thành phần hình khối lục giác cách điệu trùng nhau. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký còn có các yếu tố phân biệt khác như phần chữ "ZURON" với kích cỡ lớn, nổi bật, hình ảnh minh họa sản phẩm và bố cục phối màu đặc trưng. Sự kết hợp của các yếu tố này tạo thành một tổng thể phức hợp, dễ nhận diện và khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng vốn chỉ gồm một biểu tượng hình học đơn lẻ. Do đó, khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại là rất thấp. Thêm vào đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu đang xem xét, đồng thời cam kết không tranh chấp hoặc khiếu nại. Chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ sở hữu càng củng cố nhận định rằng không có rủi ro gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-10264, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 25620/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-10264 ngày 05/04/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-10264 ngày 05/04/2018. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "150WP), "Kích thích tăng trưởng", "1 kg".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141930/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00468 ngày 11/5/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-10263 ngày 05/04/2018 theo Quyết định số 25619/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4922/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TROBIN PLUS 400SC 240 ml Đặc trị: Đạo ôn hại lúa., hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-10263 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 25619/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021.

Theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 28390/SHTT-NH ngày 29/06/2020, nhãn hiệu không được bảo hộ phần hình lục giác cách điệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 278846, 278847, 281594, 281595. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo nêu trên người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, vì thế ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 25619/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên, chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa thành phần hình khối lục giác cách điệu trùng nhau. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký còn có các yếu tố phân biệt khác như phần chữ "TROBIN PLUS" với kích cỡ lớn, nổi bật, phần chữ "400SC", hình ảnh minh họa sản phẩm và bố cục phối màu đặc trưng. Sự kết hợp của các yếu tố này tạo thành một tổng thể phức hợp, dễ nhận diện và

khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng vốn chỉ gồm một biểu tượng hình học đơn lẻ. Do đó, khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại là rất thấp. Thêm vào đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu đang xem xét, đồng thời cam kết không tranh chấp hoặc khiếu nại. Chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ sở hữu càng củng cố nhận định rằng không có rủi ro gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-10263, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 25619/QĐ-SHTT ngày 31/03/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-10263 ngày 05/04/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-10263 ngày 05/04/2018. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "400SC", "Đặc trị: Đạo ôn hại lúa", "240 ml", hình đầu người trong vòng tròn, hình lá và bông lúa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141931/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-01072 ngày 06/12/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-33400 ngày 27/09/2018 theo Quyết định số 79106/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4926/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PHU NONG Anti-xo 200WP 25 g, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-33400 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 79106/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021.

Theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 49995/SHTT-NH ngày 23/10/2020, nhãn hiệu không được bảo hộ phần hình màu xanh lá cây bên trong có các đường cong gấp khúc vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 291870, 278846, 278847, 281594, 281595. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo nêu trên người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, vì thế ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 79106/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên, chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa thành phần hình khối lục giác cách điệu trùng nhau. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký còn có các yếu tố phân biệt khác như phần chữ "Anti-xo" kích cỡ lớn, nổi bật, phần chữ "PHU NONG", hình ảnh minh họa sản phẩm với bố cục phối màu đặc trưng. Sự kết hợp của các yếu tố này tạo thành một tổng thể phức hợp, dễ nhận diện và khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng vốn chỉ gồm một biểu tượng hình học đơn lẻ. Do đó, khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại là rất thấp. Thêm vào đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu đang xem xét, đồng thời cam kết không tranh chấp hoặc khiếu nại. Chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ sở hữu càng củng cố nhận định rằng không có rủi ro gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018_33400, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 79106/QĐ-SHTT ngày 15/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-33400 ngày 27/09/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-33400 ngày 27/09/2018. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "200W", "25gr", hình rau quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141932/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2022-00303 ngày 21/3/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-36482 ngày 22/10/2018 theo Quyết định số 97703/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4927/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DIAMIDE 200SC PHU NONG, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-36482 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 97703/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021.

Theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 45044/SHTT-NH ngày 28/09/2020, nhãn hiệu không được bảo hộ phần hình lục giác cách điệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 278846, 281594. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo nêu trên người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 97703/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa thành phần hình khối lục giác cách điệu trùng nhau. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký còn có các yếu tố phân biệt khác như phần chữ "DIAMIDE" kích cỡ lớn, nổi bật, phần chữ

"PHU NONG", các hình khối hình học phối màu đặc trưng. Sự kết hợp của các yếu tố này tạo thành một tổng thể phức hợp, dễ nhận diện và khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng vốn chỉ gồm một biểu tượng hình học đơn lẻ. Do đó, khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại là rất thấp. Thêm vào đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu đang xem xét, đồng thời cam kết không tranh chấp hoặc khiếu nại. Chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ sở hữu càng củng cố nhận định rằng không có rủi ro gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-36482, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 97703/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-36482 ngày 22/10/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-36482 ngày 22/10/2018. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "200SC".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141933/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-01073 ngày 06/12/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-33401 ngày 27/09/2018 theo Quyết định số 78608/QĐ-SHTT ngày 13/10/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4919/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PHU NONG Anti-xo 200WP 25 g, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-33401 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 78608/QĐ-SHTT ngày 13/10/2021.

Theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 49996/SHTT-NH ngày 23/10/2020, nhãn hiệu không được bảo hộ phần hình màu xanh lá cây bên trong có các đường cong gấp khúc vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 291870, 278846, 278847, 281594, 281595. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo nêu trên người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, vì thế ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 78608/QĐ-SHTT ngày 13/10/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa thành phần hình khối lục giác cách điệu trùng nhau. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký còn có các yếu tố phân biệt khác như phần chữ "Anti-xo" kích cỡ lớn, nổi bật, phần chữ "PHU NONG", hình ảnh minh họa sản phẩm với bố cục phối màu đặc trưng. Sự kết hợp của các yếu tố này tạo thành một tổng thể phức hợp, dễ nhận diện và khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng vốn chỉ gồm một biểu tượng hình học đơn lẻ. Do đó, khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại là rất thấp. Thêm vào đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu đang xem xét, đồng thời cam kết không tranh chấp hoặc khiếu nại. Chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ sở hữu càng củng cố nhận định rằng không có rủi ro gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-33401, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 78608/QĐ-SHTT ngày 13/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-33401 ngày 27/09/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-33401 ngày 27/09/2018. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "200W", "25gr", hình rau quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141935/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần dược phẩm VINACARE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HNT162

Xét đơn số KN4-2024-00895 ngày 13/11/2024 của Công ty cổ phần dược phẩm VINACARE; địa chỉ: Số nhà 18, ngách 19/15 Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng

ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-08973 theo Quyết định số 97805/QĐ-SHTT.IP ngày 16/08/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4931/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần dược phẩm VINACARE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "INTELLIPHARMA" theo đơn đăng ký số 4-2021-08973 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty cổ phần dược phẩm VINACARE bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 97805/QĐ-SHTT.IP ngày 16/08/2024 vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "INTELLIN" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 245583 và "INTELLI-PRO" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 203867 (các nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 97805/QĐ-SHTT.IP ngày 16/08/2024, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý lẽ sau:

Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng khác nhau hoàn toàn về các ký tự chữ cái (thị giác) và phát âm (thính giác). Người nộp đơn viện dẫn một số trường hợp tương tự đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp GCNĐKNH. Từ các lập luận và chứng cứ nêu trên, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký đã đáp ứng các điều kiện bảo hộ nhãn hiệu theo quy định của pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

- Về dấu hiệu: nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có phần tiền tố "INTELLI-" trùng nhau. Đây là phần chủ đạo tạo ra khả năng phân biệt của mỗi nhãn hiệu do phần hậu tố tương ứng của mỗi nhãn hiệu là "-PHARMA", "-IN", "-PRO" đều là thành phần yếu vì được xuất hiện phổ biến trong các nhãn hiệu sử dụng cho dược phẩm và thực phẩm chức năng.

- Về hàng hóa mang nhãn hiệu: nhãn hiệu cầu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều được sử dụng cho các hàng hóa trùng và tương tự nhau thuộc Nhóm 05 như "dược phẩm; thực phẩm chức năng; chế phẩm dinh dưỡng cho khoa nhi; sản phẩm dinh dưỡng bổ sung khi ăn kiêng dành riêng cho trẻ em…".

Từ những phân tích phía trên cho thấy nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, nếu nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ sẽ khiến cho người tiêu dùng nhầm lẫn hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký có cùng nguồn gốc với hàng hóa mang các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-08973 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 97805/QĐ-SHTT.IP ngày 16/08/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-08973 ngày 15/03/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần dược phẩm VINACARE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Công ty cổ phần dược phẩm VINACARE (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141936/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kao Kabushiki Kaisha (also trading as Kao Corporation)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2016-00581 ngày 28/6/2016 của Kao Kabushiki Kaisha (also trading as Kao Corporation); địa chỉ: 14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8210, Japan; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-13614 theo Quyết định số 17513/QĐ-

SHTT ngày 30/03/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4947/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kao Kabushiki Kaisha (also trading as Kao Corporation) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ALLIE" đăng ký theo đơn số 4-2014-13614 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 17513/QĐ-SHTT ngày 30/03/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu " 艾得莉 ATLIE " theo GCNĐKNH số 8856 của WU, Li-Ling (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cách thể hiện cấu trúc, cách phát âm và ngữ nghĩa.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu ALLIE cách điệu (ALLIE) có cùng cách phát âm với nhãn hiệu đăng ký của cùng người nộp đơn cho các sản phẩm trong Nhóm 03 theo GCNĐKNH số 60777.

- Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký của người nộp đơn đã được đăng ký và sử dụng hơn 19 năm và cho đến nay, chưa từng có bất kỳ một tranh chấp hay khiếu kiện nào từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng liên quan tới nhãn hiệu này.

- Thêm vào đó, đối với các sản phẩm mỹ phẩm, tên của chủ sở hữu hay nhà sản xuất luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình lựa chọn sản phẩm của người tiêu dùng. Cụ thể, người tiêu dùng khi lựa chọn các sản phẩm này sẽ xem xét rất kỹ xuất xứ và nguồn gốc của sản phẩm, và thường có thói quen lựa chọn sản phẩm theo tiêu chí nhà sản xuất.

Theo người nộp đơn, về tổng thể, nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký không thể bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "ALLIE" chỉ khác phần chữ "ATLIE" của nhãn hiệu đối chứng một ký tự (L và T) ở vị trí thứ 2. Với chỉ một ký tự khác biệt như vậy không đủ để tạo ra khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký so với nhãn hiệu đối chứng do ấn tượng thị giác, phát âm, cấu trúc của hai nhãn hiệu tương tự với nhau.

Nhãn hiệu ALLIE đã được bảo hộ theo GCNĐKNH số 60777 của người nộp đơn không trùng với nhãn hiệu đăng ký. Thông tin về việc nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ, sử dụng chỉ có tính chất tham khảo, việc đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký căn cứ vào quy định pháp luật.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-13614 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 17513/QĐ-SHTT ngày 30/03/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13614 ngày 17/06/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kao Kabushiki Kaisha (also trading as Kao Corporation) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kao Kabushiki Kaisha (also trading as Kao Corporation) (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141938/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần xây lắp sản xuất thương mại LTC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2012-01171 ngày 03/12/2012 của Công ty cổ phần xây lắp sản xuất thương mại LTC; địa chỉ: Số 114, khu Ga, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH BIZLINK; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-26763 theo Quyết định số 48977/QĐ-SHTT ngày

31/08/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4949/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần xây lắp sản xuất thương mại LTC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Mandol" theo đơn số 4-2010-26763 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 48977/QĐ-SHTT ngày 31/08/2012 do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Mannol" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 801738 (nhãn hiệu đối chứng) theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại quyết định nêu trên với lý do như sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký "Mandol" phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "Mannol"

Theo quan điểm của người nộp đơn, phần chữ của hai nhãn hiệu này là khác nhau. Trong khi nhãn hiệu "Mandol" được đọc thành hai âm khác nhau là "Man Đôl" thì nhãn hiệu "Mannol", do có sự nối âm, thường được đọc lướt thành "Ma Nol". Như vậy, cách phát âm của hai nhãn hiệu này là khác nhau. Bên cạnh đó, người nộp đơn cho rằng, với các nhãn hiệu có số lượng âm tiết không nhiều như trong trường hợp này, sự khác biệt ở một âm tiết sẽ làm nên sự khác biệt cơ bản của nhãn hiệu.

Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký "Mandol" đã được sử dụng rộng rãi trên thị trường

Hiện nay, là một đơn vị sản xuất và kinh doanh hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sơn tưởng sử dụng trong hoạt động xây dựng, Công ty cổ phần xây lắp sản xuất thương mại LTC đã đưa ra thị trường trong nước nhiều sản phẩm có chất lượng và uy tín. Do đó, về mặt thực tế, nhãn hiệu này đã đạt được khả năng phân biệt nhất định thông qua quá trình sử dụng và không hề gây xung đột với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong cùng lĩnh vực.

Thứ ba, hàng hóa mang nhãn hiệu "Mandol" và "Mannol" khác biệt nhau

Mặc dù hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký thuộc Nhóm 02 và trong danh mục hàng hóa đi kèm nhãn hiệu đối chứng có Nhóm 02 nhưng hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký khác biệt nhau. Trên thực tế, nhãn hiệu "Mandol" được đăng ký và sử dụng cho các loại sơn tường dùng trong xây dựng trong khi nhãn hiệu "Mannol" được đăng ký cho các sản phẩm dầu cho ôtô, dầu công nghiệp cho các máy móc thiết bị công nghiệp. Vì vậy, sản phẩm mang hai nhãn hiệu này hoàn toàn khác nhau.

Mặc dù vậy, để tránh gây ra bất kỳ sự nhầm lẫn nào, người nộp đơn đồng ý giới hạn lại sản phẩm chỉ bảo gồm các loại sơn tường. Theo đó, danh mục sản phẩm theo đơn đăng ký số 4-2010-26763 sẽ như sau;

Nhóm 02: Sơn xây dựng, cụ thể là sơn tường.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Thứ nhất, đề xuất giới hạn danh mục hàng hóa đi kèm nhãn hiệu đăng ký chỉ còn "Sơn xây dựng, cụ thể là sơn tường" không được chấp nhận do việc sửa đổi đơn chỉ được thực hiện trước khi Quyết định từ chối cấp GCNĐKNH được ban hành.

Thứ hai, đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng:

Về dấu hiệu, nhãn hiệu "Mandol" và "Mannol" đều là từ ngắn, gồm hai âm tiết, có cấu trúc và phát âm tương từ nhau. Về cấu trúc, khác biệt duy nhất

giữa hai nhãn hiệu nằm ở phụ âm đứng thứ tư trong 7 ký tự, thuộc âm tiết thứ hai. Tuy nhiên, sự khác biệt này không đủ để tạo ra sự khác biệt rõ rệt về mặt thị giác, âm thanh và ấn tượng tổng thể. Do đó nhãn hiệu đăng ký có sự tương tự cao với nhãn hiệu đối chứng.

Về hàng hóa sử dụng nhãn hiệu,

Nhãn hiệu đăng ký sử dụng cho sơn và các loại sơn chuyên dụng (như sơn chống lửa, sơn diệt khuẩn, sơn chống gỉ...). Về bản chất các sản phẩm này là chất phủ, dùng để tạo lớp bảo vệ hoặc trang trí trên bề mặt vật liệu, với phương thức sử dụng phổ biến là quét, lăn hoặc phun.

Trong khi đó, các sản phẩm thuộc danh mục đi kèm nhãn hiệu đối chứng như "anti-corrosive preparations", "rust solvents" và "contact sprays" là những chế phẩm hóa học chuyên dụng, thường ở dạng dung dịch hoặc bình xịt, được sử dụng để xử lý, bảo dưỡng hoặc bảo vệ bề mặt kim loại, linh kiện điện, mà không có chức năng tạo lớp phủ hoàn chỉnh như sơn.

Có thể thấy "sơn chống gỉ" thuộc danh mục hàng hóa đi kèm nhãn hiệu đăng ký tương tự với "anti-corrosive preparations" (chế phẩm chống ăn mòn) sử dụng nhãn hiệu đối chứng, do đó, hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự nhau.

Từ các phân tích ở trên cho thấy: nhãn hiệu đăng ký tương tự với nhãn hiệu đối chứng, được sử dụng cho các hàng hóa tương tự nhau nên nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-26763 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 48977/QĐ-SHTT ngày 31/08/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-26763 ngày 20/12/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần xây lắp sản xuất thương mại LTC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần xây lắp sản xuất thương mại LTC (qua Công ty Luật TNHH BIZLINK) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141954/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marvel Characters, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2016-00358 ngày 25/4/2016 của Marvel Characters, Inc.; địa chỉ: 500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-09681 theo Quyết định số 6103/QĐ-SHTT ngày 02/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4950/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marvel Characters, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MARVEL, hình" theo đơn số 4-2011-09681 của Marvel Characters, Inc. (nhãn hiệu đăng ký) đã bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) theo Quyết định số 6103/QĐ-SHTT ngày 02/02/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu sau đây theo quy định tại các điểm e và h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT):

Nhãn hiệu "M MARVELLO, hình" theo GCNĐKNH số 97178 của Công ty TNHH thương mại và trang trí nội thất Thành Trang (nhãn hiệu đối chứng 1).

Nhãn hiệu "8 MARVEL, hình" theo đơn số 4-2007-11772 dưới tên SCG Plastics Company Limited (nhãn hiệu đối chứng 2).

Nhãn hiệu "MARVEL" theo đăng ký quốc tế số 566607 của Henkel AG & Co. KGaA (nhãn hiệu đối chứng 3).

Người nộp đơn đề nghị Cục SHTT bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do như sau:

Thứ nhất, người nộp đơn đã xin giới hạn danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký. Cụ thể, người nộp đơn đã loại bỏ các sản phẩm "hộp đựng đồ ăn trưa, sọt rác" ra khỏi danh mục sản phẩm đã nộp đơn. Sản phẩm xin đăng ký chỉ còn lại "bức tượng, bức tượng nhỏ và tượng nhỏ (bằng chất dẻo, nhựa, gốm hay đất nung); con lợn tiết kiệm (để đựng tiền) không làm bằng kim loại; vật dụng chải chuốt dùng cho cá nhân, cụ thể là, bàn chải đánh răng, chổi thoa xà phòng cạo râu, bàn chải tóc, lược chải tóc; cái đựng bàn chải đánh răng, miếng bọt biển dùng để tắm.

Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 1 do sản phẩm và dịch vụ của hai nhãn hiệu hoàn toàn khác nhau về bản chất, mục đích sử dụng, công dụng và kênh phân phối sản phẩm. Cụ thể, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm vật dụng cá nhân, đồ dùng cá nhân phục vụ cho việc chải chuốt, vệ sinh, trong khi

đó sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng 1 là "đồ dùng nhà bếp, dịch vụ mua bán nguyên vật liệu xây dựng". Do có sự khác nhau về sản phẩm và dịch vụ cho nên người tiêu dùng không thể nhầm lẫn hai nhãn hiệu với nhau.

Thứ ba, nhãn hiệu đăng ký với danh mục sản phẩm đã được giới hạn hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng 2 vì sản phẩm mang hai nhãn hiệu này hoàn toàn khác nhau về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh phân phối sản phẩm. Sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng 2 là sản phẩm phục vụ cây trồng và vật nuôi. Trong khi đó, các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm vật dụng cá nhân, đồ dùng cá nhân phục vụ cho việc chải chuốt, vệ sinh cá nhân. Các sản phẩm này được phân phối ở kênh thương mại khác nhau cho những đối tượng người tiêu dùng khác nhau.

Thứ tư, trong Quyết định từ chối, Cục SHTT cũng đã chỉ kết luận rằng các sản phẩm "hộp đựng đồ ăn trưa, sọt rác" là tương tự với các sản phẩm và dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng 1 và 2. Tuy nhiên, người nộp đơn đã loại bỏ sản phẩm tương tự này khỏi danh mục xin đăng ký. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hai nhãn hiệu nói trên.

Thứ năm, nhãn hiệu đối chứng 3 không còn khả năng ngăn chặn việc bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký vì nhãn hiệu đối chứng này đã hết hạn hiệu lực từ ngày 19/01/2011, quá 05 năm trước ngày Cục SHTT ra Quyết định từ chối số 6103/QĐ-SHTT ngày 02/02/2016.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu*

đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: *"Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".*

2. Nhận định, đánh giá:

- Nội dung liên quan đến việc loại bỏ sản phẩm "hộp đựng đồ ăn trưa, sọt rác" – sản phẩm tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng 1 và 2 – ra khỏi danh mục sản phẩm xin đăng ký không được chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ và Điểm 22.1.c (i) Thông tư số 01/TT-BKHCN do việc giới hạn danh mục được thực hiện sau khi Quyết định số 6103/QĐ-SHTT ngày 02/02/2016 về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn số 4-2011-09681 được ban hành.

- Nhãn hiệu đối chứng 3 đã hết hạn hiệu lực từ ngày 19/01/2011. Như vậy, vào thời điểm Quyết định số 6103/QĐ-SHTT ngày 02/02/2016 được ban hành, nhãn hiệu đối chứng này đã bị chấm dứt hiệu lực quá năm năm, nên Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không sử dụng đối chứng này để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

- Về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng 1, 2:

Về dấu hiệu, cả nhãn hiệu đăng ký và hai nhãn hiệu đối chứng đều có phần chữ có khả năng phân biệt độc lập. Phần chữ "MARVEL" của nhãn hiệu đăng ký tương tự với phần chữ "MARVELLO" của nhãn hiệu đối chứng 1 và phần chữ "MARVEL" của nhãn hiệu đối chứng 2 do trùng hoặc nằm hoàn toàn trong phần chữ của nhãn hiệu đối chứng.

Về hàng hóa mang nhãn hiệu, sản phẩm đi kèm nhãn hiệu đăng ký là đối tượng được cung cấp bởi dịch vụ "mua bán hàng tiêu dùng" mang nhãn hiệu

đối chứng 1. Sản phẩm "hộp đựng đồ ăn trưa, sọt rác" cùng loại với các sản phẩm thuộc Nhóm 21 mang nhãn hiệu đối chứng 2.

Từ các phân tích nêu trên cho thấy nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-09681 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 6103/QĐ-SHTT ngày 02/02/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-09681 ngày 20/05/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Marvel Characters, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marvel Characters, Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141980/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của La Pointique internationaL Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2019-00631 ngày 22/10/2019 của La Pointique internationaL Ltd.; địa chỉ: 825 Van Ness Ave, Ste 602, San Francisco, CA 94/09, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-31671 ngày 11/11/2015 theo Quyết định số 60739/QĐ-SHTT ngày 24/07/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4946/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của La Pointique internationaL Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu 

theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-31671 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 60739/QĐ-SHTT ngày 24/07/2019 do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PJ PROJAGA & hình" theo đăng ký quốc gia số 190181 (nhãn hiệu đối chứng), căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với các lý do và lập luận như sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng.

Nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng do sản phẩm và dịch vụ của hai nhãn hiệu hoàn toàn khác nhau về bản chất, tính năng và kênh phân phối. Cụ thể, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là những sản phẩm ví, túi, va li dùng để chứa đựng đồ hoặc những sản phẩm để đi bộ, leo núi hay cưỡi ngựa. Những sản phẩm này được bán ở các cửa hàng túi xách, va li hoặc các cửa hàng chuyên bán các đồ để cưỡi ngựa. Trong khi đó, sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là quần áo, giày dép, là những sản phẩm dùng để mặc, là trang phục và được bán ở các cửa hàng quần áo.

Ngoài ra, hai nhãn hiệu còn có khả năng phân biệt về cách phát âm và ngữ nghĩa. Cụ thể:

- Về mặt phát âm: Nhãn hiệu đối chứng bao gồm các từ "PJ PROJAGA". Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký gồm các từ "LP SUPPORT" trong đó "LP" là các chữ cái đầu viết tắt từ tên thương mại của người đơn "La Pointique". Rõ ràng, hai nhãn hiệu này được phát âm hoàn toàn khác nhau.

- Về mặt ngữ nghĩa: Sự khác nhau về các thành phần chữ trong hai nhãn hiệu làm cho nhãn hiệu đăng ký có ý nghĩa hoàn toàn khác với nhãn hiệu

đối chứng. Nhãn hiệu đăng ký có nghĩa là "LP hỗ trợ" hoặc "LP ủng hộ" còn nhãn hiệu đối chứng không mang bất kỳ ý nghĩa nào.

Do đó, sự khác nhau về sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu, về cách phát âm và ngữ nghĩa của hai nhãn hiệu đủ để tạo ra khả năng phân biệt giữa chúng.

Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và biết đến rộng rãi trên toàn thế giới và đã trở thành biểu tượng thương mại của người nộp đơn.

Thứ ba, nhãn hiệu đối chứng sẽ không còn khả năng ngăn chặn việc đăng ký của nhãn hiệu đăng ký vì đã không được sử dụng và phải bị chấm dứt hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/01/2018, người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2018-00012 đối với nhãn hiệu đối chứng do nhãn hiệu này không được sử dụng trong thời hạn năm năm trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực. Người nộp đơn đã yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ tạm dừng thẩm định đơn của nhãn hiệu đăng ký cho đến khi có kết quả của yêu cầu chấm dứt hiệu lực. Tuy nhiên, Cục Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Quyết định số 60739/QĐ-SHTT ngày 24/07/2019 (sau ngày nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng) từ chối nhãn hiệu đăng ký.

Trên cơ sở các lập luận ở trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ tạm dừng xem xét đơn khiếu nại này cho đến khi có kết quả của đơn số ĐN1-2018-00012.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn đã tiến hành thủ tục chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng từ trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 60739/QĐ-SHTT ngày 24/07/2019 và việc xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng vẫn chưa hoàn tất. Trong trường hợp này khả năng bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký phải căn cứ vào kết quả giải quyết đơn số ĐN1-2018-00012.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2015-31671.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 60739/QĐ-SHTT ngày 24/07/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-31671 ngày 11/11/2015.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2015-31671 ngày 11/11/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và La Pointique internationaL Ltd. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141981/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của LA POINTIQUE INTERNATIONAL LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2016-00948 ngày 14/11/2016 của LA POINTIQUE INTERNATIONAL LTD.; địa chỉ: 1030 Industry Drive, Tukwila, WASHINGTON 98188, USA; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-17757 theo Quyết định số 50404/QĐ-SHTT ngày 15/08/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4941/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của LA POINTIQUE INTERNATIONAL LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu 

theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-17757 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 50404/QĐ-SHTT ngày 15/08/2016 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PJ PROJAGA & hình" theo đăng ký quốc gia số 190181 (nhãn hiệu đối chứng), căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn khiếu nại việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Nhãn hiệu đối chứng không còn khả năng ngăn chặn việc bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký vì đã không được sử dụng và phải bị chấm dứt hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/01/2018, người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực số ĐN1-2018-00012 đối với nhãn hiệu đối chứng do nhãn hiệu này không được sử dụng trong thời hạn năm năm trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực.

Trên cơ sở các lập luận ở trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Vào thời điểm Quyết định số 50404/QĐ-SHTT ngày 15/08/2016 được ban hành, nhãn hiệu đối chứng vẫn còn hiệu lực, do đó, việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký phù hợp quy định pháp luật.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-17757 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 50404/QĐ-SHTT ngày 15/08/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-17757 ngày 07/08/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, LA POINTIQUE INTERNATIONAL LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LA POINTIQUE INTERNATIONAL LTD. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141982/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00348 ngày 14/4/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91 , KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-37194 theo Quyết định số 9209/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4866/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "hình" theo đơn đăng ký số 4-2016-37194 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 9209/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo kết quả thẩm định nội dung đơn số 4-2016-37194 người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "trên thực tế, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng vẫn thuộc hai chủ sở hữu khác nhau. Do đó, trong trường hợp nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng không có sự khác biệt đáng kể, người tiêu dùng có thể nhầm lẫn nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng là một hoặc có cùng nguồn gốc."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 9209/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký có dạng hình chữ nhật đứng phối màu đỏ – trắng – vàng, trong đó yếu tố tạo khả năng phân biệt chính là hình lục giác cách điệu đặt

ở phần đầu hình chữ nhật. Tuy nhiên, hình lục giác này trùng hoàn toàn với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, đường nét và bố cục bên trong. Mặc dù chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý, việc bảo hộ một nhãn hiệu có yếu tố phân biệt chính trùng với nhãn hiệu đối chứng vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại. Khi cùng một yếu tố nhận diện nổi bật được bảo hộ cho các chủ thể khác nhau, người tiêu dùng có thể hiểu lầm rằng các sản phẩm đó có cùng nguồn gốc hoặc có liên hệ thương mại, từ đó làm suy giảm chức năng phân biệt của nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-37194 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 9209/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-37194 ngày 23/11/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141983/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Apple Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2016-00967 ngày 24/11/2016 của Apple Inc.; địa chỉ: 1 Infinite Loop Cupertino, CA 95014, U.S.A.; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1256163 theo Thông báo số 2015/27 HBN13 ngày 07/07/2016;

HNT162

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4902/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Apple Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký DIGITAL CROWN theo đơn quốc tế số 1256163 cho nhóm 14 (nhãn hiệu đăng ký) đã bị tạm thời từ chối theo Thông báo số 2015/27 HBN13 ngày 07/07/2016 do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng CROWN theo đăng ký quốc gia số 13686 của ROLEX SA (nhãn hiệu đối chứng) theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đã đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, bởi lẽ:

"CROWN" (là núm vặn để lên dây cót của đồng hồ) là thành phần mô tả cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 nên thành phần này không nên được bảo hộ riêng trong nhãn hiệu đối chứng.

"DIGITAL CROWN" của người nộp đơn có tính độc đáo, khả năng phân biệt tự thân do kết hợp giữa "CROWN" (mang ý nghĩa cơ học) với "DIGITAL" (mang ý nghĩa kỹ thuật số, công nghệ cao) nên có tính phân biệt tự thân cao khi đăng ký cho nhóm 14.

Vì các lý do trên, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tuy có cùng thành phần "CROWN" nhưng rõ ràng có sự khác biệt đáng kể, không tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

- Nhãn hiệu đăng ký của người nộp đơn đã và đang được sử dụng và thừa nhận rộng rãi, mà không có bất kỳ sự nhầm lẫn hoặc tranh chấp nào với nhãn hiệu đối chứng của Rolex SA. Chỉ duy nhất người nộp đơn Apple Inc. sử dụng nhãn hiệu DIGITAL CROWN cho các sản phẩm đồng hồ của mình. Đây là bằng chứng rõ ràng chứng minh rằng nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu độc đáo và chỉ dẫn về nguồn gốc của các sản phẩm của Apple.

- Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cũng như các nhãn hiệu chứa thành phần CROWN của Rolex SA đã và đang đồng tồn tại ở nhiều quốc gia trên thế giới. Điều này cho thấy khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng.

- Có nhiều nhãn hiệu chứa thành phần "CROWN" đang được bảo hộ và đồng tồn tại cho các sản phẩm thuộc Nhóm 14 tại Việt Nam dưới tên nhiều chủ thể khác nhau, chẳng hạn "ORIENT CROWN" (đăng ký quốc tế số 1470314) và "ROSE & CROWN" (đăng ký quốc tế số 1330037). Bản thân người nộp đơn Apple Inc. cũng đăng ký thành công nhãn hiệu "DIGITAL CROWN" trong nhóm 9 (gồm các sản phẩm thiết bị đeo kỹ thuật số tích hợp đồng hồ đeo tay). Việc đồng tồn tại của các nhãn hiệu chứa thành phần CROWN nói trên rõ ràng làm giảm thiểu khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ "DIGITAL CROWN" gồm hai thành phần chữ, trong đó từ "DIGITAL" mang tính mô tả đặc tính kỹ thuật số của hàng hóa, không tạo khả năng phân biệt còn từ "CROWN" trùng hoàn toàn với nhãn hiệu đối chứng và là yếu đóng vai trò chủ đạo tạo ra khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký.

Hàng hóa mang nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ là thiết bị điều khiển, nhập liệu cho đồng hồ và dụng cụ đo thời gian, có mối liên hệ chặt chẽ với đồng hồ và dụng cụ đo thời gian mang nhãn hiệu đối chứng, các hang hóa mang hai nhãn hiệu được coi là hàng hóa tương tự hoặc liên quan gần gũi với nhau.

Việc bổ sung từ "DIGITAL" không đủ loại trừ khả năng nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại, do đó nhãn hiệu "DIGITAL CROWN" không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Các trường hợp người nộp đơn dẫn chứng không tương tự với trường hợp đang xem xét.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1256163 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/27 HBN13 ngày 07/07/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1256163.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Apple Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Apple Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141984/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2022-00304 ngày 21/3/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-36483 ngày 22/10/2018 theo Quyết định số 97704/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4933/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DIAMIDE 200SC PHU NONG, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-36483 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 97704/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021.

Theo Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 45045/SHTT-NH ngày 28/09/2020, nhãn hiệu không được bảo hộ phần hình lục giác cách điệu vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 278847, 281595. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo nêu trên người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hóa."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 97704/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều chứa thành phần hình khối lục giác cách điệu trùng nhau. Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký còn có các yếu tố phân biệt khác như phần chữ "DIAMIDE" kích cỡ lớn, nổi bật, phần chữ

"PHU NONG", các hình khối hình học phối màu đặc trưng. Sự kết hợp của các yếu tố này tạo thành một tổng thể phức hợp, dễ nhận diện và khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng vốn chỉ gồm một biểu tượng hình học đơn lẻ. Do đó, khả năng người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại là rất thấp. Thêm vào đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho việc sử dụng và đăng ký nhãn hiệu đang xem xét, đồng thời cam kết không tranh chấp hoặc khiếu nại. Chủ nhãn hiệu đăng ký và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng thuộc cùng một chủ sở hữu càng củng cố nhận định rằng không có rủi ro gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-36483, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 97704/QĐ-SHTT ngày 20/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-36483 ngày 22/10/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-36483 ngày 22/10/2018. Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "200SC".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141986/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00350 ngày 14/4/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-10261 theo Quyết định số 9211/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4870/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "hình" theo đơn đăng ký số 4-2017-10261 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 9211/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo kết quả thẩm định nội dung đơn số 4-2017-10261 người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, vì thế ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 9211/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".*

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký có dạng hình chữ nhật đứng phối màu xanh lá – trắng – vàng, trong đó yếu tố tạo khả năng phân biệt chính là hình lục giác cách điệu đặt ở phần đầu hình chữ nhật. Tuy nhiên, hình lục giác này trùng hoàn toàn với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, đường nét và bố cục bên trong. Mặc dù chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp thư đồng ý, việc bảo hộ một nhãn hiệu có yếu tố phân biệt chính trùng với nhãn hiệu đối chứng vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại. Khi cùng một yếu tố nhận diện nổi bật được bảo hộ cho các chủ thể khác nhau, người tiêu dùng có thể hiểu lầm rằng các sản phẩm đó có cùng nguồn gốc hoặc có liên hệ thương mại, từ đó làm suy giảm chức năng phân biệt của nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-10261 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 9211/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-10261 ngày 19/04/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141987/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00351 ngày 14/4/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-10262 theo Quyết định số 9212/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4872/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "hình" theo đơn đăng ký số 4-2017-10262 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 9212/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo kết quả thẩm định nội dung đơn số 4-2017-10262 người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, vì thế ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 9212/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".*

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký có dạng hình chữ nhật đứng phối màu xanh lá - trắng - vàng, trong đó yếu tố tạo khả năng phân biệt chính là hình lục giác cách điệu đặt ở phần đầu hình chữ nhật. Tuy nhiên, hình lục giác này trùng hoàn toàn với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, đường nét và bố cục bên trong. Mặc dù chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp thư đồng ý, việc bảo hộ một nhãn hiệu có yếu tố phân biệt chính trùng với nhãn hiệu đối chứng vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại. Khi cùng một yếu tố nhận diện nổi bật được bảo hộ cho các chủ thể khác nhau, người tiêu dùng có thể hiểu lầm rằng các sản phẩm đó có cùng nguồn gốc hoặc có liên hệ thương mại, từ đó làm suy giảm chức năng phân biệt của nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-10262 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 9212/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-10262 ngày 19/04/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141988/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2021-00349 ngày 14/4/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông; địa chỉ: Quốc lộ 91 , KV Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-10260 theo Quyết định số 9210/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4869/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "hình" theo đơn đăng ký số 4-2017-10260 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 9210/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021 vì không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Mặc dù trong văn bản phản hồi Thông báo kết quả thẩm định nội dung đơn số 4-2017-10260 người nộp đơn đã nộp Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đang xem xét và cam kết không có tranh chấp hay khiếu nại nhưng không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận với lý do "nếu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được chấp thuận bảo hộ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, vì thế ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng."

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 9210/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ Quyết định nêu trên và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu*".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký có dạng hình chữ nhật đứng phối màu xanh lá – trắng – vàng, trong đó yếu tố tạo khả năng phân biệt chính là hình lục giác cách điệu đặt ở phần đầu hình chữ nhật. Tuy nhiên, hình lục giác này trùng hoàn toàn

với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, đường nét và bố cục bên trong. Mặc dù chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp thư đồng ý, việc bảo hộ một nhãn hiệu có yếu tố phân biệt chính trùng với nhãn hiệu đối chứng vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại. Khi cùng một yếu tố nhận diện nổi bật được bảo hộ cho các chủ thể khác nhau, người tiêu dùng có thể hiểu lầm rằng các sản phẩm đó có cùng nguồn gốc hoặc có liên hệ thương mại, từ đó làm suy giảm chức năng phân biệt của nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-10260 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 9210/QĐ-SHTT ngày 01/02/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-10260 ngày 19/04/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phú Nông (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141989/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00561 ngày 18/6/2024 của Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE; địa chỉ: Thôn Thanh Lương, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và


HNT162

Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-34900 theo Quyết định số 27764/QĐ-SHTT.IP ngày 18/03/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4937/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Mama Sữa Non Con hết biếng ăn GP, hình" theo đơn đăng ký số 4-2020-34900 (nhãn hiệu đăng ký) của Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - France bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 27764/QĐ-SHTT.IP ngày 18/03/2024 vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 141915, 186951, 141955, 186950, 216000, 141914, 141913, 186953, 141954, 186954. Mặc dù Cục Sở hữu trí tuệ đã gửi Thông báo số 88792/SHTT-NH.IP ngày 15/11/2023 về kết quả thẩm định nội dung đơn số 4-2020-34900, người nộp đơn đã có ý kiến phản hồi nhưng không thỏa đáng, cụ thể là người nộp đơn yêu cầu loại bỏ phần hình logo GP ra khỏi nhãn hiệu đăng ký. Tuy nhiên, việc loại bỏ phần hình logo GP ra khỏi mẫu nhãn đã làm thay đổi về mặt bản chất của nhãn hiệu đăng ký, do đó không được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận.

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 27764/QĐ-SHTT.IP ngày 18/03/2024 với lý lẽ sau: Người nộp đơn cho rằng phần chữ logo GP có diện tích rất nhỏ so với tổng thể cả mẫu nhãn nên việc loại bỏ phần chữ logo GP không làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu kết hợp gồm phần chữ và phần hình, trong đó, các thành phần chữ "Mama Sữa Non" và khẩu hiệu "Con hết biếng ăn" mô tả loại sản phẩm (sữa non) và công dụng dự kiến (hỗ trợ trẻ hết biếng ăn), nên không tạo ra khả năng phân biệt ; phần hình khung viền, phối màu và hình tròn với chữ "GP" cách điệu là điểm nhấn đồ họa, tuy nhiên, các yếu tố trang trí dạng khung và màu sắc đỏ - vàng thường gặp trên bao bì thực phẩm, sữa nên yếu tố tạo ra khả năng phân biệt chính của nhãn hiệu là phần hình tròn phía trên chứa chữ cách điệu "GP".

Việc loại bỏ phần hình tròn chứa chữ cách điệu "GP" đồng nghĩa với việc loại bỏ thành phần đặc trưng, khiến nhãn hiệu mất đi dấu hiệu nhận diện quan trọng do đó làm thay đổi bản chất so với mẫu nhãn hiệu đã đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-34900 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 27764/QĐ-SHTT.IP ngày 18/03/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-34900 ngày 27/08/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE (qua Công ty

TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141990/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 173169

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đầy gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00226 ngày 16/8/2019 của Seoul Guarantee Insurance Company, địa chỉ: (Yeonji-dong), 29, Kimsangok-ro, Jongno-gu, Seoul; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 173169, cấp ngày 06/10/2011 cho Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 16/8/2019, Seoul Guarantee Insurance Company (qua Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) nộp đơn ĐN1-2019-00226 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 173169 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 với lý do nhãn hiệu "S style television, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 14/8/2019 (Căn cứ theo công văn số 62-01/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 14/8/2019 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 07/11/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 22402/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (qua Công ty TNHH Trường Xuân) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Seoul Guarantee Insurance Company. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần truyền hình cáp STV.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "S style television, hình" theo GCNĐKNH số 173169 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 tại Việt Nam trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 14/8/2019 và chủ GCNĐKNH số 173169 không có ý kiến trả lời văn số 22402/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 173169.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 173169 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 173169, cấp ngày 06/10/2011 theo yêu cầu của Seoul Guarantee Insurance Company.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 173169, cấp ngày 06/10/2011 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 của Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN), theo yêu cầu của Seoul Guarantee Insurance Company.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Seoul Guarantee Insurance Company; địa chỉ: (Yeonji-dong), 29, Kimsangok-ro, Jongno-gu, Seoul (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141991/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của A. TESTONI S.P.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2014-00299 ngày 10/4/2014 của A. TESTONI S.P.A.; địa chỉ: Piazza XX Settembre, 1 I-40121 BOLOGNA Italy (nay là: Via Fratelli Rosselli 2, Fraz. Funo I-40050 ARGELATO (BO))*; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1047658 theo Thông báo số 2013/02 VTB04 ngày 15/01/2014;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4706/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của A. TESTONI S.P.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TESTONI" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1047658 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ do trùng/tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "TESTONI" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-11279 ngày 29/5/2012 (nhãn hiệu đối chứng),

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đối chứng "TESTONI" theo Đăng ký 228427 hết hạn quá 03 năm, cụ thể vào ngày 29/5/2022, mà không được gia hạn. Điều này chứng tỏ rằng chủ sở hữu nhãn hiệu này đã không còn quan tâm, hay nói cách khác là đã từ bỏ quyền của mình đối với nhãn hiệu này tại Việt Nam. Vì vậy, Đăng ký số 228427 sẽ không còn là đối chứng cản trở việc đăng ký và sử dụng của nhãn hiệu theo ĐKQT số 1047658.

Kính đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ nhanh chóng xem xét và ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với vụ việc trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 2-2012-11279 đã được cấp GCNĐKNH số 228427. Đến thời điểm hiện tại, GCNĐKNH số 228427 đã hết hạn hiệu lực kể từ ngày 29/5/2022 do chủ sở hữu không gia hạn hiệu lực.

Vì vậy, GCNĐKNH số 228427 đã bị chấm dứt hiệu lực quá 03 năm nên không còn là đối chứng để từ chối ĐKQT số 1047658.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1047658, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/02 VTB04 ngày 15/01/2014 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1047658.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1047658.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và A. TESTONI S.P.A. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141992/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 153396

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2015-00243 ngày 20/11/2015 của JOLLIBEE FOODS CORPORATION, địa chỉ: 6/F Jollibee Plaza Building., 10 F. Ortigas Jr. Avenue, Pasig City, Philippines yêu cầu chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 153396, cấp ngày 26/10/2010 cho YUM YUM DONUT SHOPS, INC (US);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 20/11/2015, JOLLIBEE FOODS CORPORATION (qua Công ty TNHH SHTT Havip) nộp đơn ĐN1-2015-00243 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 153396 với lý do nhãn hiệu "YUM YUM" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 20/11/2015 (Căn cứ theo công văn số 97/TCTTGC-CV ngày 20/11/2015 của Tạp chí thị trường giá cả - Bộ Tài chính).

Ngày 27/11/2015, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 10586/SHTT-TTKN thông báo cho YUM YUM DONUT SHOPS, INC (qua Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của JOLLIBEE FOODS CORPORATION.

Ngày 09/01/2016, Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội đại diện cho YUM YUM DONUT SHOPS, INC nộp công văn số 10/CV/2016 gia hạn trả lời Thông báo số 10586/SHTT-TTKN thêm một kỳ hạn đến ngày 10/02/2016.

Ngày 15/02/2016, Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội nộp công văn số 67/CV/2016 trả lời thông báo số 10586/SHTT-TTKN, trong đó có nội dung: Hiện nay, chủ nhãn hiệu YUM YUM DONUT SHOPS, INC và JOLLIBEE FOODS CORPORATION đang đàm phán để giải quyết vấn đề trên, cụ thể là YUM YUM DONUT SHOP, INC sẽ cấp thư đồng ý cho JOLLIBEE FOODS CORPORATION đăng ký nhãn hiệu của mình tại Việt Nam và JOLLIBEE FOODS CORPORATION sẽ rút lại đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với văn bằng số 153396. Các bên sẽ tiến hành các công việc theo thỏa thuận với Cục Sở hữu trí tuệ ngay sau khi hai bên kết thúc đàm phán. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được các tài liệu theo như ý kiến trả lời tại công văn số 67/CV/2016 ngày 05/02/2016 cũng như tài liệu chứng minh việc sử dụng nhãn hiệu "YUM YUM" của YUM YUM DONUT SHOPS, INC.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Tạp chí thị trường giá cả - Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu mà Bộ Tài chính đang lưu giữ cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên

quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "YUM YUM" theo GCNĐKNH số 153396 tại Việt Nam trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 20/11/2015 và chủ GCNĐKNH số 153396 không cung cấp được các tài liệu theo như ý kiến trả lời tại công văn số 67/CV/2016 ngày 05/02/2016 cũng như tài liệu chứng minh việc sử dụng nhãn hiệu "YUM YUM".

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 153396 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 153396, cấp ngày 26/10/2010 theo yêu cầu của JOLLIBEE FOODS CORPORATION.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 153396, cấp ngày 26/10/2010 cho YUM YUM DONUT SHOPS, INC (US) theo yêu cầu của JOLLIBEE FOODS CORPORATION.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. YUM YUM DONUT SHOPS, INC (US) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và YUM YUM DONUT SHOPS, INC (qua Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- JOLLIBEE FOODS CORPORATION; địa chỉ: 6/F Jollibee Plaza Building., 10 F. Ortigas Jr. Avenue, Pasig City, Philippines (qua Công ty TNHH SHTT HAVIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141993/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 186837

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2018-0122 ngày 13/6/2018 của Công ty cổ phần đầu tư My Way, địa chỉ: 21 Trần Duy Hưng, ô số 11, tập thể trung tâm y tế quận Cầu Giấy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 186837, cấp ngày 21/06/2012 cho Công ty cổ phần đầu tư Phú Gia Hà Nội (nay là: Công ty cổ phần My Way Việt Nam (VN));

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 13/6/2018, Công ty cổ phần đầu tư MY WAY (qua Công ty Trường Xuân) nộp đơn ĐN1-2018-00122 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 186837 đối với hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 05, 31, 35 với lý do nhãn hiệu "myway HOSPITALITY ENJOY IT YOUR WAY, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 21/6/2012 đến ngày 11/6/2018 (Căn cứ theo công văn số 49-03/VKTTC-BTTT-CVNH của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 06/8/2018 và ngày 11/8/2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 8684/SHTT-TTKN và số 10377/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần đầu tư Phú Gia Hà Nội về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực của Công ty cổ phần đầu tư MY WAY. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần đầu tư Phú Gia Hà Nội.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "myway HOSPITALITY ENJOY IT YOUR WAY, hình" theo GCNĐKNH số 186837 đối với hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 05, 31, 35 tại Việt Nam từ ngày 21/6/2012 đến ngày 11/6/2018 và chủ GCNĐKNH số 186837 không có ý kiến trả lời văn số 8684/SHTT-TTKN và số 10377/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 186837.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 186837 là có cơ sở

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 186837, cấp ngày 21/06/2012 theo yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư MY WAY.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 186837, cấp ngày 21/06/2012 đối với hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 05, 31, 35 của Công ty cổ phần My Way Việt Nam (VN) theo yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư My Way.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần My Way Việt Nam (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần My Way Việt Nam (Số 2, ngõ 86, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty cổ phần đầu tư My Way; địa chỉ: 21 Trần Duy Hưng, ô số 11, Tập thể trung tâm y tế quận Cầu Giấy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (qua Công ty TNHH Trường Xuân) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141995/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 72277

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2018-00176 ngày 09/8/2018 của Công ty TNHH Quốc tế D&N, địa chỉ: VP12, tầng 5 tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội yêu cầu chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 72277, cấp ngày 23/05/2006 cho Mitkammakon (Bangkok) Ltd., Part. (TH);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 09/8/2018, Công ty TNHH Quốc tế D&N nộp đơn ĐN1-2018-00176

đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 72277 với lý do nhãn hiệu "CLASSIX" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 24/7/2013 đến ngày 24/7/2018 (Căn cứ theo công văn số 425/TT-TTKTQT ngày 27/7/2018 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 16/10/2018, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 11277/SHTT-TTKN thông báo cho Mitkammakon (Bangkok) Ldt., Part. (qua Công ty Luật TNHH T&G) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty TNHH Quốc tế D&N.

Ngày 14/12/2018, Công ty Luật TNHH T&G có công văn số 3063/2018-TGVN gia hạn phúc đáp thông báo số 11277/SHTT-TTKN thêm một kỳ hạn đến ngày 16/02/2019. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Mitkammakon (Bangkok) Ldt., Part.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "CLASSIX" theo GCNĐKNH số 72277 tại Việt Nam từ ngày 24/7/2013 đến ngày 24/7/2018 và chủ GCNĐKNH số 72277 không có ý kiến trả lời văn số 11277/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 72277.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 72277 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 72277, cấp ngày 23/05/2006 theo yêu cầu của Công ty TNHH Quốc tế D&N.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 72277, cấp ngày 23/05/2006 cho Mitkammakon (Bangkok) Ltd., Part. (TH) theo yêu cầu của Công ty TNHH Quốc tế D &N.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Mitkammakon (Bangkok) Ltd., Part. (TH) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mitkammakon (Bangkok) Ltd., Part. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty TNHH Quốc tế D &N; địa chỉ: VP12, tầng 5 tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141996/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 198776

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00004 ngày 04/01/2019 của FOREST CITY BRANDING SDN. BHD., địa chỉ: Suite 7E, Level 7, Menara Ansar, 65 Jalan Trus, 80000 Johor Bahru, Malaysia yêu cầu chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 198776, cấp ngày 16/01/2013 cho Target Fashion Sdn Bhd (MY);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 04/01/2019, FOREST CITY BRANDING SDN. BHD (qua Công ty

TNHH Trà và Cộng sự) nộp đơn ĐN1-2019-00004 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 198776 với lý do nhãn hiệu "F FOREST, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/9/2013 đến ngày 18/12/2018 (Căn cứ theo công văn số 751/TT-TTKTQT ngày 18/12/2018 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 04/9/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 17919/SHTT-TTKN thông báo cho Target Fashion Sdn Bhd (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Winco) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của FOREST CITY BRANDING SDN. BHD. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Target Fashion Sdn Bhd.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "F FOREST, hình" theo GCNĐKNH số 198776 tại Việt Nam từ ngày 01/9/2013 đến ngày 18/12/2018 và chủ GCNĐKNH số 198776 không có ý kiến trả lời văn số 17919/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 198776.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 198776 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 198776, cấp ngày 16/01/2013 theo yêu cầu của FOREST CITY BRANDING SDN. BHD.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 198776, cấp ngày 16/01/2013 cho Target Fashion Sdn Bhd (MY) theo yêu cầu của FOREST CITY BRANDING SDN. BHD.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Target Fashion Sdn Bhd (MY) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Target Fashion Sdn Bhd (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- FOREST CITY BRANDING SDN. BHD. ; địa chỉ: Suite 7E, Level 7, Menara Ansar, 65 Jalan Trus, 80000 Johor Bahru, Malaysia (qua Công ty TNHH Trà và cộng sự) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141997/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 201232

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00045 ngày 25/02/2019 của Công ty cổ phần dầu cá Châu Á, địa chỉ: Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 201232, cấp ngày 05/03/2013 cho Công ty cổ phần Acecook Việt Nam (Acecook VietNam Jsc) (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 25/02/2019, Công ty cổ phần dầu cá Châu Á (qua Công ty TNHH tư

vấn A&S) nộp đơn ĐN1-2019-00045 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 201232 với lý do nhãn hiệu "bếp vàng VINA ACECOOK Nước Chấm Giảm Muối, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 25/01/2014 đến ngày 30/01/2019 (Căn cứ theo công văn số 06A/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 30/01/2019 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 24/9/2019 và ngày 27/11/2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 18905/SHTT-TTKN và số 14055/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần Acecook Việt Nam (qua Công ty TNHH sở hữu trí tuệ Việt IP) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty cổ phần dầu cá Châu Á. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần Acecook Việt Nam.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "bếp vàng VINA ACECOOK Nước Chấm Giảm Muối, hình" theo GCNĐKNH số 201232 tại Việt Nam từ ngày 25/01/2014 đến ngày 30/01/2019 và chủ GCNĐKNH số 201232 không có ý kiến trả lời văn số 18905/SHTT-TTKN và số 14055/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 201232.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 201232 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 201232, cấp ngày 05/03/2013 theo yêu cầu của Công ty cổ phần dầu cá Châu Á.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 201232, cấp ngày 05/03/2013 cho Công ty cổ phần Acecook Việt Nam (Acecook VietNam Jsc) (VN) theo yêu cầu của Công ty cổ phần dầu cá Châu Á.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần Acecook Việt Nam (Acecook VietNam Jsc) (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Acecook Việt Nam (Acecook VietNam Jsc) (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty cổ phần dầu cá Châu Á; địa chỉ: Quốc lộ 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp (qua Công ty TNHH Tư vấn A & S) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141998/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 171420

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00052 ngày 04/3/2019 của TVH FORKLIFT PARTS N.V. (TVH PARTS N.V.), địa chỉ: Brabantstraart 15 B-8790 WAREGEM, Belgium yêu cầu chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 171420, cấp ngày 09/09/2011 cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Vân Thiên Hùng (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 04/3/2019, TVH FORKLIFT PARTS N.V. (TVH PARTS N.V.) (qua

Công ty Luật TNHH T&G) nộp đơn ĐN1-2019-00052 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 171420 với lý do nhãn hiệu "VTH, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 09/9/2011 đến ngày 28/02/2019 (Căn cứ theo công văn số 84/TT-TTKTQT ngày 28/02/2019 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 05/8/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 15457/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Hùng (qua Công ty TNHH Luật Gia Phạm) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của TVH FORKLIFT PARTS N.V. (TVH PARTS N.V.). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Hùng.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "VTH, hình" theo GCNĐKNH số 171420 tại Việt Nam từ ngày 09/9/2011 đến ngày 28/02/2019 và chủ GCNĐKNH số 171420 không có ý kiến trả lời văn số 15457/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 171420.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 171420 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 171420, cấp ngày 09/09/2011 theo yêu cầu của TVH FORKLIFT PARTS N.V. (TVH PARTS N.V.).

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 171420, cấp ngày 09/09/2011 cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Vân Thiên Hùng (VN) theo yêu cầu của TVH FORKLIFT PARTS N.V. (TVH PARTS N.V.).

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH thương mại dịch vụ Vân Thiên Hùng (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại dịch vụ Vân Thiên Hùng (qua Công ty TNHH Luật Gia Phạm) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- TVH FORKLIFT PARTS N.V. (TVH PARTS N.V.); địa chỉ: Brabantstraart 15 B-8790 WAREGEM, Belgium (qua Công ty Luật TNHH T&G) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141999/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 201281

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2020-00383 ngày 23/11/2020 của Công ty cổ phần Tổ Chức Nhà Quốc Gia, địa chỉ: Tầng 19, khu văn phòng, Tòa nhà Indochina Park Tower, số 04 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 201281, cấp ngày 05/03/2013 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Leadgroup Industrial (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 23/11/2020, Công ty cổ phần Tổ Chức Nhà Quốc Gia (qua TNHH một thành viên Trường Luật) nộp đơn ĐN1-2020-00383 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 201281 với lý do nhãn hiệu "leadgroup PROPERTIES, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 01/11/2015 đến ngày 19/11/2020 (Căn cứ theo công văn số 79-01/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 19/11/2020 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 14/5/2021, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 4149/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH Leadgroup Industrial (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Công ty cổ phần Tổ Chức Nhà Quốc Gia. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH Leadgroup Industrial.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "leadgroup PROPERTIES, hình" theo GCNĐKNH số 201281 tại Việt Nam từ ngày 01/11/2015 đến ngày 19/11/2020 và chủ GCNĐKNH số 201281 không có ý kiến trả lời văn số 4149/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 201281.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 201281 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 201281, cấp ngày 05/03/2013 theo yêu cầu của Công ty cổ phần Tổ Chức Nhà Quốc Gia.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 201281, cấp ngày 05/03/2013 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Leadgroup Industrial (VN) theo yêu cầu của Công ty cổ phần Tổ Chức Nhà Quốc Gia.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Leadgroup Industrial (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn Leadgroup Industrial (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Công ty cổ phần Tổ Chức Nhà Quốc Gia; địa chỉ: Tầng 19, khu văn phòng, tòa nhà Indochina Park Tower, số 04 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142000/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 13789

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2020-00186 ngày 29/6/2020 của Central Retail International Ltd., địa chỉ: 520 S.7th Street, Suite C, Las Vegas, Nevada 89101 USA yêu cầu chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 13789, cấp ngày 18/10/1994 cho Wonderfarm Biscuits & Confectionery Sdn, Bhd (nay là: Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế (VN));

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 29/6/2020, Central Retail International Ltd (qua Công ty Luật TNHH

IPMAX) nộp đơn ĐN1-2020-00186 đề nghị chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 13789 với lý do nhãn hiệu "tops" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực (Căn cứ theo công văn số 272/TT-TTKTQT ngày 02/6/2020 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 02/10/2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 12321/SHTT-TTKN thông báo cho Wonderfarm Biscuites & Confectionery Sdn, Bdh (qua Công ty Luật TNHH BMVN) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của EURIAL. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Central Retail International Ltd.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "tops" theo GCNĐKNH số 13789 tại Việt Nam từ ngày 01/01/2014 đến ngày 02/6/2020 và chủ GCNĐKNH số 13789 không có ý kiến trả lời văn số 13789/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 13789.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 13789 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 13789, cấp ngày 18/10/1994 theo yêu cầu của Central Retail International Ltd.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 13789, cấp ngày 18/10/1994 cho Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế (VN) theo yêu cầu của Central Retail International Ltd..

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Central Retail International Ltd. ; địa chỉ: 520 S.7th Street, Suite C, Las Vegas, Nevada 89101 USA (qua CÔNG TY LUẬT TNHH IP MAX) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142001/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Admar International, Inc
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2019-00713 ngày 12/11/2019 của Admar International, Inc; địa chỉ: 3030 Aurora Avenue, Monroe, LA 71201 USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-17662 ngày 06/08/2013 theo Quyết định số 77070/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4671/BC-TTKN

ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Admar International, Inc với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NUBY" theo đơn số 4-2013-17662 ngày 06/8/2013 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 77070/QĐ-SHTT ngày 10/09/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2015-00046 và ĐN1-2015-00047 ngày 15/4/2015 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng số 145949 và 233167.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2015-00046 và ĐN1-2015-00047 ngày 15/4/2015 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng số 145949 và 233167 trước ngày ban hành Quyết định số 77070/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019 về việc từ chối GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-17662 ngày 06/8/2013. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2013-17662 ngày 06/8/2013.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2013-17662 ngày 06/8/2013.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 77070/QĐ-SHTT ngày 10/9/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2013-17662 ngày 06/8/2013.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với cho đơn số 4-2013-17662 ngày 06/8/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Admar International, Inc (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142002/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Chamberlain Group, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-01138 ngày 23/10/2017 của The Chamberlain Group, Inc.; địa chỉ: 845 Larch Avenue Elmhurst, Ilinois 60126, U.S.A; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Trần; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-08708 ngày 10/05/2011 theo Quyết định số 49258/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4676/BC-TTKN

ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Chamberlain Group, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LIFTMASTER" theo đơn số 4-2011-08708 gày 10/5/2011 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 49258/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2012-00158 ngày 16/11/2012 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng số 127831.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"..

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2012-00158 ngày 16/11/2012 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng số 127831 trước ngày ban hành Quyết định số 49258/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017 về việc từ chối GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-08708 gày 10/5/2011. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2011-08708 gày 10/05/2011.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2011-08708 ngày 10/5/2011.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 49258/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-08708 ngày 10/5/2011.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2011-08708 ngày 10/5/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Chamberlain Group, Inc. (qua Công ty TNHH Dương và Trần) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142004/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Index Living Mall Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00887 ngày 18/9/2020 của Index Living Mall Co., Ltd.; địa chỉ: 147 Soi Rama 2 Soi 50, Rama 2 Rd., Samaedam, Bangkhunthien, Bangkok 10150, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-08264 ngày 03/04/2017 theo Quyết định số 44039/QĐ-SHTT ngày 22/6/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4670/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Index Living Mall Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "W WINNER, hình" theo đơn số 4-2017-08264 ngày 03/4/2017 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 44039/QĐ-SHTT ngày 22/06/2020 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2019-350 và ĐN1-2019-351 ngày 21/11/2019 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng số 176104 ngày 23/11/2011 và 183553 ngày 20/04/2012.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2019-00350 và ĐN1-2019-00351 ngày 21/11/2019 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng số 176104 và 183553 trước ngày ban hành Quyết định số 44039/QĐ-SHTT ngày 22/6/2020 về việc từ chối GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-08264 ngày 03/4/2017. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2017-08264 ngày 03/4/2017.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-08264 ngày 03/4/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 44039/QĐ-SHTT ngày 22/6/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-08264 ngày 03/4/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-08264 ngày 03/4/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Index Living Mall Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142005/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Steppacafe
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-00628 ngày 24/6/2021 của Công ty cổ phần Steppacafe; địa chỉ: 1702-1704 Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-44917 ngày 19/12/2018 theo Quyết định số 43619/QĐ-SHTT ngày 31/5/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4851/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Steppacafe với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "STAPPA COFFEE" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-44917 ngày 19/12/2018 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) theo Quyết định số 43619/QĐ-SHTT ngày 31/5/2021, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng bảo hộ theo GCNĐKNH số 310212.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đã tiến hành thủ tục chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp để nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thuộc cùng một chủ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng bảo hộ theo GCNĐKNH số 310212. Tuy nhiên, chủ nhãn hiệu đăng ký đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu đối chứng, theo đó đã được ghi nhận theo Quyết định số 2075/QĐ-SHTT ngày 26/4/2022 cho đơn số CB4-2021-00521. Như vậy, nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thuộc cùng chủ sở hữu. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không sử dụng nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 310212 làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-44917 ngày 19/12/2018, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 43619/QĐ-SHTT ngày 31/5/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-44917 ngày 19/12/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-44917 ngày 19/12/2018, không bảo hộ riêng "COFFEE".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Steppacafe (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142006/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần quảng cáo - truyền thông Đại Dương Xanh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2014-01039 ngày 15/10/2014 của Công ty cổ phần quảng cáo - truyền thông Đại Dương Xanh; địa chỉ: 63 (lầu 3) Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-07443 theo Quyết định số 54551/QĐ-SHTT ngày 15/9/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4909/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần quảng cáo - truyền thông Đại Dương Xanh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BLUE OCEAN COMMUNICATION, hình" của Công ty cổ phần quảng cáo – truyền thông Đại Dương Xanh theo đơn số 4-2012-07443 ngày 17/4/2012 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 54551/QĐ-SHTT ngày 15/9/2014 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đăng ký số 78947 và 101344.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với lý do nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, cụ thể như sau:

Nhãn hiệu đăng ký cách điệu từ chữ BlueOcean dính liền, không theo nguyên tắc chính tả. Chữ E của Blue và chữ O trong Ocean kết hợp thành một ký hiệu thiết kế hình elip và không thể nhận ra hình dạng của hai chữ cái. Có nghĩa tiếng việt Đại Dương Xanh. Tuy nhiên về các chi tiết thiết kế to dày có xu hướng bo tròn và không có chân tạo cảm giác to mập về mặt thiết kế. Đối với phần chữ "BLUE OCEAN COMMUNICATION", đây không phải là một câu slogan mà là nhắc lại tên thương hiệu và lĩnh vực hoạt động bằng tiếng anh, font chữ không chân theo kiểu logic.

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với hai nhãn hiệu đối chứng. Mặc dù trùng về nhóm 35, 41, 42, nhưng dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và dịch vụ của các nhãn hiệu đối chứng khác nhau trong từng lĩnh vực cụ thể nên có thể dễ dàng nhận biết, có khả năng phân biệt rất cao, trong khi hình thức thể hiện, và ý nghĩa của nhãn hiệu khác biệt với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

a) Về nhãn hiệu:

Nhãn hiệu đăng ký "BLUE OCEAN COMMUNICATION, hình" có thành phần phân biệt chính là "BLUE OCEAN" có nghĩa tiếng Việt là "Đại dương Xanh" tương tự về ý nghĩa với nhãn hiệu đối chứng số 78947 (BIỂN XANH) và 101344 (BlueSea) có nghĩa tiếng Việt là "Biển xanh". Ngoài ra, phần chữ "BLUE OCEAN" bị coi là tương tự với phần chữ "BlueSea" về cấu tạo, do cùng có phần chữ "Blue", phần "Ocean" và "Sea" bị coi là tương tự về ý nghĩa. Dẫn đến sự tương tự về cách phát âm do có cùng âm tiết đầu /Bờ/lu/. Do đó, nhãn hiệu đang ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng.

b) Về sản phẩm/ dịch vụ:

Các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-07443 ngày 17/4/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 54551/QĐ-SHTT ngày 15/9/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-07443 ngày 17/04/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần quảng cáo - truyền thông Đại Dương Xanh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần quảng cáo - truyền thông Đại Dương Xanh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142008/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn số M0343-00004/03 ngày 30/6/2025 của Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2021-00746 ngày 26/7/2021 .

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2021-00746 ngày 26/7/2021 của Engis Corporation; địa chỉ: 105 West Hintz Road, Wheeling, Illinois 60090, USA; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam.

Lý do đình chỉ: Người khiếu nại có Công văn số M0343-00004/03

ngày 30/6/2025 về việc xin rút đơn khiếu nại số KN4-2021-00746 ngày 26/7/2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Engis Corporation (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142033/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Corkjoint (Malaysia) Sdn Bhd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00057 ngày 18/02/2019 của Corkjoint (Malaysia) Sdn Bhd; địa chỉ: 51, Jalan BRP 8/2, Bukit Rahman Putra Industrial Park, 47000 Sungai Buloh, Selangor Darul Ehsan, Malaysia; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-04722 ngày 04/03/2015 theo Quyết định số 92614/QĐ-SHTT ngày 20/12/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4915/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Corkjoint (Malaysia) Sdn Bhd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "SURE-STOP" theo đơn số 4-2015-04722 bị từ chối vì mang tính mô tả sản phẩm theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "SURE-STOP" theo đơn số 4-2015-04722 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu có ý nghĩa không mô tả sản phẩm mang nhãn đối với người tiêu dùng Việt Nam

- Một nhãn hiệu bị coi là mô tả khi nghĩa của nhãn hiệu mà người tiêu dùng biết đến có mô tả cho các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn.

- Nhãn hiệu xin đăng ký là "SURE-STOP". Đối với người tiêu dùng Việt Nam, tiếng Anh không phải là ngôn ngữ phổ biến, khi nhìn vào chữ "SURE" và "STOP" đại đa số người tiêu dùng sẽ nghĩ ngay đến nghĩa lần lượt của chúng là "chắc chắn" và "dừng lại, đứng lại" trong tiếng Việt. Và rõ ràng "chắc chắn-dừng lại" hay "dừng lại-chắc chắn" không có liên quan hay khiến người tiêu dùng Việt Nam liên tưởng tới các sản phẩm nhóm 17 mang nhãn hiệu.

- Theo các từ điển Anh-Việt phổ biến tại Việt Nam như wiktionary tiếng Việt, (https://vi.wiktionary.org/), (http://tratu.coviet.vn/), "STOP" luôn có nghĩa chính là "Sự ngừng lại, sự dừng, sự đỗ lại; Sự ở lại, sự lưu lại; Chỗ đỗ (xe khách...); Dấu chấm câu". Người nộp đơn tin rằng rất ít người tiêu dùng Việt Nam biết đến nghĩa thứ yếu khác của từ "STOP". Bởi vậy, với người tiêu dùng Việt Nam nhãn hiệu có khả năng phân biệt cho các sản phẩm mang nhãn. Như vậy, nhãn hiệu có khả năng phân biệt với đại bộ phận người tiêu dùng Việt Nam.

Hơn nữa, cần lưu ý rằng nhãn hiệu là một từ tự tạo "SURE-STOP" bao gồm hai từ "SURE" và "STOP" với dấu gạch ngang giữa hai từ chứ không phải chỉ gồm 2 từ "SURE" và "STOP". Xét về mặt ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh, từ "SURE-STOP" là một từ không có nghĩa, vì vậy, nó không thể mô tả cho bất cứ sản phẩm hay dịch vụ nào. Nói cách khác, nhãn hiệu không hề mang tính mô tả cho các sản phẩm mang nhãn

So với hai nhãn hiệu nêu trên, về ý nghĩa, nhãn hiệu còn có khả năng phân biệt hơn vì:

+ Về cấu trúc: các nhãn hiệu trên bao gồm 2 từ rõ ràng chứ không phải là một từ tự tạo như nhãn hiệu;

+ Về ý nghĩa: ý nghĩa thông dụng của các từ tiếng Anh trong các nhãn hiệu này mà người tiêu dùng Việt Nam biết đến đều "gợi ý" trực tiếp hơn đến chức năng, công dụng hay hiệu quả của các sản phẩm mang nhãn.

Theo thực tiễn đăng ký này, người nộp đơn tin rằng nhãn hiệu cũng cần được xem xét bảo hộ theo quan điểm tương tự.

2. Nhãn hiệu đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho các sản phẩm nhóm 17 tại nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới và tại Việt Nam, đạt được khả năng phân biệt cho các sản phẩm mang nhãn.

Việc nhãn hiệu đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi tại các quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam cho các sản phẩm nhóm 17 đã được chứng minh trong công văn số 952/NH ngày 16/11/2017 trả lời thông báo kết quả thẩm định nội dung số 37536/SHTT-NH2 của Cục Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "SURE-STOP" được ghép từ hai từ "SURE" và "STOP" và có dấu gạch nối "-" ở giữa có nghĩa tiếng Việt là "chắc chắn-dừng lại" nên tạo thành một từ có khả năng phân biệt tự thân, với cách hiểu của các nghĩa của từ trên thì không bị coi là mô tả trực tiếp cho các hàng hóa là vật liệu sử dụng trong xây dựng để sử dụng cho bê tông và để bịt kín và các sản phẩm thuộc nhóm 17. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số đơn số 4-2015-04722 ngày 04/03/2015, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 92614/QĐ-SHTT ngày 20/12/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-04722 ngày 04/03/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-04722 ngày 04/03/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Corkjoint (Malaysia) Sdn Bhd (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142050/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần giải pháp truyền thông và giải trí MES
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-01264 ngày 01/11/2022 của Công ty cổ phần giải pháp truyền thông và giải trí MES; địa chỉ: Số nhà 251 ngõ 143 phố Nguyễn Chính, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội , điện thoại 0432151075; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-19798 ngày 02/6/2020 theo Quyết định số 62202/QĐ-SHTT ngày 20/7/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4340/BC-TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần giải pháp truyền thông và giải trí MES với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-19798 ngày 02/6/2020 của Công ty cổ phần giải pháp truyền thông và giải trí MES bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 11556/SHTT-NH ngày 31/3/2022 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và biết được Quyết định số 62202/QĐ-SHTT ngày 20/7/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-19798 khi đến liên hệ với Cục Sở hữu trí tuệ ngày 27/10/2022. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:"Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 11556/SHTT-NH ngày 31/3/2022 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí đã không được chuyển phát thành công và được chuyển hoàn lại Cục Sở hữu trí tuệ. Trong khi đó, Quyết định số 62202/QĐ-SHTT ngày 20/7/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-19798 ngày 02/6/2020 đã không được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết chỉ biết được Quyết định số 62202/QĐ-SHTT ngày 20/7/2022 khi đến liên hệ với Cục Sở hữu trí tuệ ngày 27/10/2022. Vì lý do nêu trên, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện được nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp trong trường

hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Nhằm tạo điều kiện cho người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-19798 ngày 02/6/2020.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-19798 ngày 02/6/2020.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 62202/QĐ-SHTT ngày 20/7/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-19798 ngày 02/6/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-19798 ngày 02/6/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần giải pháp truyền thông và giải trí MES có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 11556/SHTT-NH ngày 31/3/2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 11556/SHTT-NH ngày 31/3/2022.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142051/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công Ty Cổ Phần Kasana
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00372 ngày 19/5/2020 của Công Ty Cổ Phần Kasana; địa chỉ: Số 02C, đường Trần Công Tường, ấp Long Hưng, xã Long Chánh, Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam, điện thoại 0916719779; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2019-19049 ngày 29/05/2019 theo Quyết định số 14208/QĐ-SHTT ngày 18/02/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4781/BC-TTKN

ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công Ty Cổ Phần Kasana với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-19049 ngày 29/5/2019 của Công ty cổ phần KASANA bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ theo Quyết định số 14208/QĐ-SHTT ngày 18/02/2020 do người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định hình thức trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, tiếp tục quá trình thẩm định cho đơn nêu trên do: Người nộp đơn đã khắc phục các thiếu sót trong Thông báo số 36401/SHTT-NH ngày 01/7/2019 về kết quả thẩm định hình thức cho đơn số 4-2019-19049 ngày 29/5/2019 và nộp 160.000 đồng phí thẩm định yêu cầu sửa đổi theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0066495.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã khắc phục những thiếu sót nêu trong Thông báo số 36401/SHTT-NH ngày 01/7/2019 về kết quả thẩm định hình thức cho đơn số 4-2019-19049 ngày 29/5/2019 và nộp 160.000 đồng phí thẩm định yêu cầu sửa đổi theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí theo mã số đơn KN4-2020-00372BS. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn đối với đơn số 4-2019-19049 ngày 29/5/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-19049 ngày 29/5/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 14208/QĐ-SHTT ngày 18/02/2020 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2019-19049 ngày 29/5/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-19049 ngày 29/5/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công Ty Cổ Phần Kasana có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142052/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2025-00128 ngày 01/4/2025 của Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group; địa chỉ: 182 tổ 4, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0988746527; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-00566 ngày 07/01/2021 theo Quyết định số 29868/QĐ-SHTT.IP ngày 20/3/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4761/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-00566 ngày 07/01/2021 của Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 53112/SHTT-NH.IP ngày 29/8/2023 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 29868/QĐ-SHTT.IP ngày 20/3/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-00566 ngày 07/01/2021. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:"Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 53112/SHTT-NH.IP ngày 29/8/2023 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 29868/QĐ-SHTT.IP ngày 20/3/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-00566 ngày 07/01/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết chỉ biết được nội dung của Thông báo và Quyết định nêu trên vào ngày 20/3/2025 khi đến Cục Sở hữu trí tuệ và làm việc việc với bộ phận một cửa. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu mọi trách nhiệm pháp lý phát sinh về cam kết của mình. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-00566.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-00566 ngày 07/01/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 29868/QĐ-SHTT.IP ngày 20/3/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-00566 ngày 07/01/2021.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-00566 ngày 07/01/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 53112/SHTT-NH.IP ngày 29/8/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 53112/SHTT-NH.IP ngày 29/8/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142053/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cổ phần sản xuất kem BLISS
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00177 ngày 18/3/2024 của Cổ phần sản xuất kem BLISS; địa chỉ: Số 77 Lê Liễu, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư AI IP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-42889 theo Quyết định số 119274/QĐ-SHTT.IP ngày 18/12/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4813/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cổ phần sản xuất kem BLISS với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-42889 ngày 19/10/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 19274/QĐ-SHTT.IP ngày 18/12/2023 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng số 344788 về tổng thể cấu trúc và hình thức thể hiện, trong khi sản phẩm/ dịch vụ của hai nhãn hiệu không tương tự, không có mối liên quan về bản chất, chức năng và phương thức thể hiện.

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với đối chứng số 208843 sau khi loại bỏ các dịch vụ "dịch vụ trung gian thương mại, trưng bày sản phẩm, đại lý xuất nhập khẩu", chỉ giữa lại "mua bán: kem lạnh, sữa chua đông lạnh [dạng kem lạnh], bánh ngọt, hạt, đã chế biến." như nêu trong Công văn số 100123/CVTL/AIIP của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư AI PI ngày 30/01/2023 trả lời Thông báo số 38074/SHTT-NH ngày 05/9/2022 về kết quả thẩm định nội dung đơn số 4-2020-42889 ngày 19/10/2020. Tuy nhiên, trong Quyết định số 19274/QĐ-SHTT.IP ngày 18/12/2023 không đề cập đến nội dung này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "BLISS, hình" 4-2020-42889 ngày 19/10/2020 có thành phần phân biệt chính là "BLISS" trùng về cấu tạo và cách phát âm với thành phần phân biệt chính của hai nhãn hiệu đối chứng số 344788 và số 208843. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các nhãn hiệu đối

chứng. Trong khi dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 35 bị coi là tương tự với dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 35 và 43.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, tại Công văn số 100123/CVTL/AIIP của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư AI PI ngày 30/01/2023 trả lời Thông báo số 38074/SHTT-NH ngày 05/9/2022 về kết quả thẩm định nội dung đơn số 4-2020-42889 ngày 19/10/2020 người nộp đơn chỉ đề nghị loại bỏ các dịch vụ "trưng bày sản phẩm, đại lý xuất nhập khẩu" thuộc nhóm 35. Đồng thời, người nộp đơn không thực hiện thủ tục sửa đơn theo quy định do đó, nội dung về giới hạn danh mục dịch vụ đăng ký theo đơn không được xem xét trong giai đoạn thẩm định.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Tại thời điểm ban hành Quyết định số 19274/QĐ-SHTT.IP ngày 18/12/2023, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp quy định của pháp luật và đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-42889 ngày 19/10/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 119274/QĐ-SHTT.IP ngày 18/12/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-42889 ngày 19/10/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cổ phần sản xuất kem BLISS có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cổ phần sản xuất kem BLISS (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư AI IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142054/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Thái Dương
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2016-00441 ngày 13/5/2016 của Công ty cổ phần Thái Dương; địa chỉ: Cụm công nghiệp La Phù, Hoài Đức, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-12717 ngày 24/06/2011 theo Quyết định số 9624/QĐ-SHTT ngày 23/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4824/BC-TTKN

ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Thái Dương với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-12717 ngày 24/06/2011 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số số 9624/QĐ-SHTT ngày 23/02/2016 do không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 90.2. Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2011-00765 ngày 13/01/2011 không đáp ứng điều kiện bảo hộ do tương tự với kiểu dáng công nghiệp số 16036 của chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký. Người nộp đơn đã nộp phản đối số PĐ4-2012-00087 ngày 10/02/2012 đề nghị Cục không cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-00765 ngày 13/01/2011 do không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cùng đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và cùng có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho đối tượng của một đơn duy nhất trong số các đơn đó theo thoả thuận của tất cả những người nộp đơn; nếu không thoả thuận được thì các đối tượng tương ứng của các đơn đó bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã nộp phản đối số PĐ4-2012-00087 ngày 10/02/2012 đề nghị Cục không cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-00765 ngày 13/01/2011 do không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự với kiểu dáng công nghiệp số 16036 của chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký.

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2011-00765 ngày 13/01/2011 bị từ chối theo Quyết định số 36587/QĐ-SHTT ngày 20/6/2016. Sau đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng tiếp tục thực hiện thủ tục khiếu nại đối với Quyết định từ chối nêu trên, tuy nhiên, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại không có cơ sở nên Cục Sở hữu trí tuệ giữ nguyên Quyết định số 36587/QĐ-SHTT ngày 20/6/2016 theo Quyết định số 125004/QĐ-SHTT.IP ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Công ty TNHH Thiên Tiến Phát. Do đó, nhãn hiệu đối chứng không đáp ứng điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và không được coi là đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2011-12717 ngày 24/6/2011 , không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 9624/QĐ-SHTT ngày 23/02/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-12717 ngày 24/6/2011.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-12717 ngày 24/6/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Thái Dương (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142057/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Natural Science Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00886 ngày 18/9/2020 của Natural Science Co., Ltd.; địa chỉ: 1-22-11 Shinkawa, Chuo-ku, Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-22142 ngày 21/07/2016 theo Quyết định số 44038/QĐ-SHTT ngày 22/6/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4665/BC-TTKN

ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Natural Science Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "REDNA" theo đơn số 4-2016-22142 ngày 21/7/2016 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 44038/QĐ-SHTT ngày 22/6/2020 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2019-00137 ngày 03/6/2019 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 443843.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2019-00137 ngày 03/6/2019 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 443843 trước ngày ban hành Quyết định số 44038/QĐ-SHTT ngày 22/6/2020 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-22142 ngày 21/7/2016. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2016-22142 ngày 21/7/2016.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2016-22142 ngày 21/07/2016.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 44038/QĐ-SHTT ngày 22/6/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-22142 ngày 21/7/2016.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định cho đơn số 4-2016-22142 ngày 21/7/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Natural Science Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142452/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Apple Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2016-00860 ngày 06/10/2016 của Apple Inc.; địa chỉ: 1 Infinite Loop, Cupertino, California 95014, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-13198 theo Quyết định số 41559/QĐ-SHTT ngày 08/07/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4858/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Apple Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký MAPS CONNECT theo đơn quốc gia số 4-2014-13198 cho Nhóm 09, 42 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 41559/QĐ-SHTT ngày 08/07/2016 vì là dấu hiệu mang tính mô tả hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về các đặc tính của sản phẩm và dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt tự thân cho các sản phẩm và dịch vụ xin đăng ký thuộc các Nhóm 09 và 42, không mô tả hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về đặc tính của các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu.

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp của hai từ "MAPS" - có nghĩa là "các bản đồ" và "CONNECT" - có nghĩa là "kết nối, liên kết". Dù người tiêu dùng Việt Nam có thể dịch "MAPS CONNECT" với nội dung là "các bản đồ kết nối" hay "kết nối các bản đồ", nhãn hiệu đăng ký không truyền tải bất kỳ một ý nghĩa cụ thể nào mô tả cho các sản phẩm và dịch vụ trong nhóm 09 và 42 mang nhãn hiệu đăng ký. Người tiêu dùng sẽ không thể hiểu "các bản đồ kết nối" hay "kết nối các bản đồ" có nghĩa cụ thể là gì. Về tổng thể, "MAPS CONNECT" cũng không truyền tải bất kỳ nghĩa nào liên quan trực tiếp đến các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bao gồm các sản phẩm và dịch vụ về máy vi tính, bộ trò chơi điện tử, thiết bị ghi và tái tạo âm thanh, đầu ghi, thiết bị âm thanh, thiết bị liên lạc, thiết bị đo, v.v...

Người nộp đơn cho rằng sự kết hợp giữa "bản đồ" (MAPS) và "kết nối" (CONNECT) là sự kết hợp độc đáo, không phải là cách sử dụng thông thường cho các sản phẩm và dịch vụ xin đăng ký. Về tổng thể, "MAPS CONNECT" không mô tả bất kỳ tính chất, đặc điểm, công dụng hay chức năng gì của các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký. Do đó, khi nhìn thấy dấu hiệu "MAPS CONNECT", người tiêu dùng sẽ không liên tưởng đến bất kỳ một loại sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể nào, mà sẽ coi đây là dấu hiệu để phân biệt các sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu.

- Nhãn hiệu đăng ký đã trở thành chỉ dẫn nguồn gốc cho các sản phẩm và dịch vụ của người nộp đơn Apple. Tra cứu từ khóa "MAPS CONNECT" trên công cụ tra cứu trực tuyến www.google.com.vn cho ra các kết quả chỉ liên quan đến sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu "MAPS CONNECT" của Apple, không phải là từ ngữ thông thường được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực liên quan.

- Nhiều nhãn hiệu chứa thành phần "MAP" hoặc "CONNECT" đã được bảo hộ cho các sản phẩm và dịch vụ Nhóm 09 hoặc 42, chẳng hạn như eMap, SuperMap, 7MAP, POWERMAP, MAPINFO, VIETMAP, MAPPRO, CONNECTSHARE v.v...

Các nhãn hiệu trên chứa thành phần "MAP" hoặc "CONNECT" đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam mà không bị từ chối vì mô tả hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về đặc tính của hàng hóa và dịch vụ mang nhãn hiệu, ngay cả khi các sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu này không liên quan đến bản đồ.

Với việc các nhãn hiệu trên đã được chấp nhận bảo hộ, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký cũng phải được coi là không mô tả hay gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và đáp ứng các điều kiện để được bảo hộ như một nhãn hiệu tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, chẳng hạn Argentina, Pháp, Đức, Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thụy Sĩ v.v... Việc nhãn hiệu đăng ký được bảo hộ tại các quốc gia nói trên là bằng chứng rõ ràng chứng minh rằng nhãn hiệu đăng ký không phải là dấu hiệu mang tính mô tả hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về đặc tính của các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu.

Từ những phân tích nói trên, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký không mô tả hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về đặc tính của các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu trong Nhóm 09 và 42. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: *"Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ"*.

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu"*.

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "MAPS CONNECT" là nhãn hiệu chữ, gồm từ tiếng Anh thông dụng. Từ "MAPS" có nghĩa tiếng Việt là "bản đồ", thường gắn với chức năng định vị, chỉ đường, hiển thị thông tin địa lý; từ "CONNECT" có nghĩa tiếng Việt là "kết nối", thường được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực công nghệ, chỉ việc kết nối người dùng, dữ liệu, hệ thống. Tổng thể cụm từ "MAPS CONNECT" được hiểu như là "kết nối bản đồ", "kết nối thông qua bản đồ" – một mô tả khá trực tiếp về chức năng của nhiều phần mềm và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ định vị và bản đồ số.

Danh mục hàng hóa, dịch vụ mà nhãn hiệu "MAPS CONNECT" dự kiến sử dụng có thể được chia thành các nhóm khái quát như sau: (1) Thiết bị điện tử đa chức năng và thiết bị định vị, như máy tính bảng, điện thoại thông minh, thiết bị có chức năng GPS, v.v.; (2) Phần mềm máy tính, gồm phần mềm GPS, phần mềm bản đồ, phần mềm lập kế hoạch hành trình, phần mềm tổ chức thông tin cá nhân, phần mềm quản lý dữ liệu, phần mềm truyền nội dung đa phương tiện; (3) Dịch vụ phần mềm và công nghệ thông tin như lập trình, tư vấn, bảo trì phần mềm, cung cấp phần mềm dạng dịch vụ (SaaS, ASP), lưu trữ dữ liệu điện tử, điện toán đám mây; (4) Dịch vụ bản đồ và thông tin địa lý như vẽ bản đồ, nghiên cứu bản đồ, tạo dữ liệu bản đồ số, cung cấp thông tin địa lý; (5) Thiết bị và linh kiện hỗ trợ công nghệ như thiết bị ngoại vi, bộ sạc, thiết bị lưu trữ dữ liệu, cáp kết nối, vỏ bảo vệ, linh kiện; (6) Nội dung số và ấn phẩm điện tử như sách điện tử, phần mềm đọc ấn phẩm; (7) Dịch vụ kết nối và nền tảng số như mạng xã hội, bảng tin điện tử, công cụ tìm kiếm thông tin địa lý.

Từ các phân tích trên, có thể kết luận rằng nhãn hiệu "MAPS CONNECT" không có khả năng phân biệt đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ liên quan đến thiết bị công nghệ, phần mềm, định vị, bản đồ số và dịch vụ công nghệ thông tin.

Trong trường hợp các sản phẩm, dịch vụ như thiết bị điện tử, phần mềm và hệ thống định vị, kết nối dữ liệu bản đồ hoặc dịch vụ lập trình, phát triển phần mềm bản đồ, tư vấn, nghiên cứu liên quan đến bản đồ, địa lý, định vị, thông tin địa điểm, nếu thực tế không có các tính năng như diễn đạt bởi từ "MAPS CONNECT", thì việc sử dụng dấu hiệu này sẽ khiến người tiêu dùng nhầm tưởng rằng sản phẩm hoặc dịch vụ có chức năng kết nối bản đồ, truy cập thông tin địa lý, hoặc hỗ trợ định vị.

Ngoài ra, những trường hợp người nộp đơn viện dẫn không tương tự với tình huống đang xem xét.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 ĐIều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-13198 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 41559/QĐ-SHTT ngày 08/07/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13198 ngày 12/06/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Apple Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Apple Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142453/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SoulCycle Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2019-00144 ngày 02/5/2019 của SoulCycle Inc.; địa chỉ: 609 Greenwich Street, New York NY 10014, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-10533 theo Quyết định số 9041/QĐ-SHTT/QĐ-SHTT ngày 30/01/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4904/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SoulCycle Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu SOUL theo đơn đăng ký số 4-2016-10533 cho Nhóm 25 bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 9041/QĐ-SHTT ngày 30/01/2019 do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu SOUL Source of Ultimate Living được bảo hộ theo GCNĐKNH số 163510 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn khiếu nại Quyết định số 9041/QĐ-SHTT ngày 30/01/2019 với lý lẽ như sau:

- Nhãn hiệu đối chứng khác biệt với nhãn hiệu đăng ký về tổng thể cách thể hiện, cấu trúc, cách phát âm. Nhãn hiệu đăng ký với chữ "O" được cách điệu dưới dạng hình bánh xe, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng bao gồm phần chữ "SOUL Source of Ultimate Living" và phần hình bông hoa bốn cánh đặt trong một hình chữ thập cách điệu. Với sự khác biệt về cách trình bày nêu trên, người tiêu dùng sẽ khó có thể nhầm lẫn hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký với dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

- Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi và đăng ký trong Nhóm 25 ở rất nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm Argentina, Liên minh Châu Âu (với 27 quốc gia thành viên), Hồng Kông, Mexico, Liên bang Nga, Singapore, Thụy Sỹ, Đài Loan, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, v.v.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu chứa thành phần "SOUL" cho các hàng hóa, dịch vụ tương tự, bao gồm nhãn hiệu "NATURAL SOUL" bảo hộ theo GCNĐKNH số 260328, nhãn hiệu "Viet soul, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 329553, nhãn hiệu "BLACK SOUL, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 332530, nhãn hiệu "SOUL NATURALIZER" bảo hộ theo GCNĐKNH số 380554, nhãn hiệu "Rubber Soul" bảo hộ theo GCNĐKNH số 382413, nhãn hiệu "SOUL SOUL ANKH, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 496887, nhãn hiệu "S soul specialty coffee, hình" bảo hộ theo GCNĐKNH số 517653.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

2. Nhận định, đánh giá:

Về dấu hiệu, nhãn hiệu đăng ký SOUL là nhãn hiệu kết hợp giữa các ký tự dạng chữ và hình được cách điệu. Mặc dù chữ cái "O" của nhãn hiệu đăng ký được thể hiện cách điệu hình bánh xe và hình bánh xe này đã được bảo hộ tại Việt Nam nhưng điều này về tổng thể không tạo sự khác biệt giữa phần chữ "SOUL" của nhãn hiệu đăng ký và phần chữ "SOUL" của nhãn hiệu đối chứng. Người tiêu dùng vẫn dễ dàng nhận ra nhãn hiệu đăng ký là từ "SOUL". Phần chữ này có cùng ký tự, ý nghĩa và phát âm với phần chữ được bảo hộ riêng trong nhãn hiệu đối chứng.

Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký được cung cấp bởi dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

Những trường hợp người nộp đơn viện dẫn không tương tự với trường hợp đơn đang xem xét.

Do đó, đánh giá tổng thể nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-10533 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 9041/QĐ-SHTT/QĐ-SHTT ngày 30/01/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-10533 ngày 15/04/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SoulCycle Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SoulCycle Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142454/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SoulCycle Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HNT162

Xét đơn số KN4-2020-00464 ngày 16/6/2020 của SoulCycle Inc.; địa chỉ: 609 Greenwich Street, New York NY 10014, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-10534 theo Quyết định số 22433/QĐ-SHTT ngày 23/03/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4893/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SoulCycle Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu SOUL theo đơn đăng ký số 4-2016-10534 cho Nhóm 35 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối bảo hộ theo Quyết định số 22433/QĐ-SHTT ngày 23/03/2020 do tương tự gây đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng sau, căn cứ theo điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ:

- ASOUL CLUB theo GCNĐKNH số 296077 (nhãn hiệu đối chứng 1)

- SOUL theo GCNĐKNH số 163510 (nhãn hiệu đối chứng 2)

- SOUL theo GCNĐKNH số 263285 (nhãn hiệu đối chứng 3)

- "SOUL BEER" theo đơn quốc gia số 4-2015-14269 (nhãn hiệu đối chứng 4)

Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN đề nghị bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng. Nhãn hiệu đăng ký là từ "SOUL" với chỉ ba chữ cái viết in hoa, trong khi thành phần nổi bật, gây sự chú ý của người tiêu dùng là chữ "O" được thể hiện giống hình bánh xe cách điệu. Dựa vào thiết kế bánh xe này, người tiêu dùng có thể liên tưởng về người nộp đơn SoulCycle ("cycle" có thể hiểu là vòng tròn, vòng xoay). Trong khi đó, phần chữ "SOUL" trong các nhãn hiệu đối chứng có cách trình bày hoàn toàn khác biệt, chỉ là các chữ in hoa theo phông chữ tiêu chuẩn. Ngoài ra, các

nhãn hiệu còn khác nhau về cấu trúc, cách trình bày, màu sắc và cách phát âm. Vì vậy, người tiêu dùng sẽ khó có thể nhầm lẫn dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký với các hàng hóa, dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng.

Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã chấp nhận đồng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng 1 và nhãn hiệu đối chứng 3 trong khi hai nhãn hiệu này cùng chứa thành phần "SOUL" và sản phẩm, dịch vụ của chúng là liên quan đến nhau (dịch vụ mua bán mỹ phẩm trong nhóm 35 và sản phẩm mỹ phẩm trong nhóm 3). Tương tự như vậy, nhãn hiệu đăng ký cũng phải được coi là có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng và phải được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam.

Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi và người nộp đơn đã đăng ký thành công cho nhãn hiệu này trong nhóm 35 ở rất nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm Argentina, Liên minh Châu Âu (với 27 quốc gia thành viên), Hồng Kông, Mexico, Liên bang Nga, Singapore, Thụy Sỹ, Đài Loan, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, v.v.

Nhãn hiệu đối chứng 4 đã bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối chính thức vào ngày 19/09/2018 và chủ đơn của nhãn hiệu này đã không khiếu nại gì quyết định từ chối đó. Vì vậy, nhãn hiệu đối chứng 4 không còn khả năng ngăn chặn việc bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: *"Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".*

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: *"Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày*

nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đối chứng 4 "SOUL BEER" theo đơn quốc gia số 4-2015-14269 đã bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối vào ngày 19/09/2018 và chủ đơn không có khiếu nại. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu này làm đối chứng.

Về dấu hiệu, nhãn hiệu đăng ký SOUL là nhãn hiệu kết hợp giữa các ký tự dạng chữ và hình được cách điệu. Mặc dù chữ cái "O" của nhãn hiệu đăng ký được thể hiện cách điệu hình bánh xe và hình bánh xe này đã được bảo hộ tại Việt Nam. Tuy nhiên, điều này về tổng thể không tạo sự khác biệt giữa phần chữ "SOUL" của nhãn hiệu đăng ký và phần chữ "SOUL" của các nhãn hiệu đối chứng. Người tiêu dùng vẫn dễ dàng nhận ra nhãn hiệu đăng ký là từ "SOUL". Phần chữ này có cùng ký tự, ý nghĩa và phát âm với phần chữ được bảo hộ riêng trong các nhãn hiệu đối chứng.

Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: các dịch vụ dự định mang nhãn hiệu đăng ký gồm "dịch vụ quảng cáo; dịch vụ bán lẻ, dịch vụ đặt hàng, dịch vụ cửa hàng bán lẻ, dịch vụ cửa hàng bán lẻ trực tuyến…" trùng và tương tự với các hàng hóa, dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đánh giá tổng thể nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng 1, 2 và 3.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-10534 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 22433/QĐ-SHTT ngày 23/03/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-10534 ngày 15/04/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, SoulCycle Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SoulCycle Inc. (qua Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142749/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MacFarms LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2016-01050 ngày 29/12/2016 của MacFarms LLC; địa chỉ: 89-406 Mamalahoa Highway Captain Cook HI 96704 (US); đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1273291 theo Thông báo số 2015/44 HBN08 ngày 03/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4822/BC-TTKN

ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MacFarms LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "MacFarms, hình" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1273291 tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "MAC" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 230555 và nhãn hiệu "MAC" theo GCNĐKNH số 12486 theo quy định tại các điều 74.2.(e,h) Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "MacFarms, hình" theo ĐQT 1273291 với các lý do sau:

- Về cấu trúc, hình thức thể hiện: Nhãn hiệu xin đăng ký là sự kết hợp độc đáo giữa phần hình và phần chữ, được thể hiện từ trên xuống dưới bao gồm: phần chữ "MacFarms" màu trắng được đổ bóng nằm trong hình chữ nhật với các đường viền màu xanh đậm và màu ghi, nền xanh dương chứa các hoa văn uốn lượn. Phía dưới và giao với hình chữ nhật là một hình thoi viền xanh đậm và ghi, chứa khung cảnh của cây cọ, đại dương, núi và nhiều hàng cây với nhiều màu sắc khác nhau. Tất cả tạo thành một tổng thể độc đáo.

Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm từ "MAC" màu đen trắng được trình bày theo phông chữ tiêu chuẩn.

- Về màu sắc: Nhãn hiệu xin đăng ký là sự kết hợp của nhiều màu sắc nổi bật xanh đậm, xanh lá cây, xanh nước biển, hồng, nâu, ghi, trắng. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm hai gam màu đen, trắng cơ bản.

- Về ấn tượng thị giác: Với sự khác nhau về cấu trúc, đặc biệt là hình thức thể hiện độc đáo và sự khác biệt hoàn toàn về phần hình như trên cùng với việc kết hợp các màu sắc nổi bật, nhãn hiệu xin đăng ký tạo ấn tượng thị giác hoàn toàn khác biệt so với các nhãn hiệu đối chứng.

- Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có Thư đồng ý cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "MacFarms, hình" theo ĐQT số 1273291 cho sản phẩm: "Hạt mắc ca đã qua chế biến" thuộc nhóm 29 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương

tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đối chứng "Mac" theo GCNĐKNH số 12486 đã hết hiệu lực từ ngày 09/12/2004 nên không lấy nhãn hiệu này làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

- Nhãn hiệu đăng ký "MacFarms, hình" và nhãn hiệu đối chứng "MAC" theo GCNĐKNH số 230555 mặc dù đều có phần chữ "MAC" nhưng nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "MacFarms" viết liền kết hợp với dấu hiệu hình một cánh đồng/nông trại cách điệu tạo nên một tổng thể tạo khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng được trình bày kiểu chữ in hoa chân phương. Đồng thời, các nhãn hiệu đều áp dụng nhóm 29, nhưng nhãn hiệu đăng ký chỉ đăng ký cho hàng hóa duy nhất là: "Hạt mắc ca đã qua chế biến", trong khi các nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho nhiều sản phẩm: Thịt, cá (không còn sống), thịt gia cầm và thú săn (không còn sống); chất chiết ra từ thịt, trái cây và rau củ được bảo quản, đông lạnh, sấy khô và nấu sẵn; nước quả nấu đông, mứt ướt, mứt trái cây ướt; dầu ăn và mỡ ăn; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ thịt, cá, thịt gia cầm, thịt thú săn, trứng, trái cây và rau củ; trái cây rán, khoai tây rán; đồ uống từ sữa (sữa là thành phần chủ yếu); xa lát trái cây và rau củ". Do vậy, các nhãn hiệu có khả năng phân biệt vì khác nhau về bản chất, mục đích sử dụng và đối tượng người tiêu dùng.

- Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có Thư chấp thuận đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "MacFarms, hình" theo ĐQT số 1273291 cho hàng hóa thuộc nhóm 29: "Hạt mắc ca đã qua chế biến" tại Việt Nam qua đó loại trừ được khả năng tranh chấp giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1273291, không áp dụng quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/44 HBN08 ngày 03/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1273291.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1273291.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MacFarms LLC (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142750/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của World of Jeans & Tops
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00126 ngày 10/02/2017 của World of Jeans & Tops; địa chỉ: 10 Whatney, Irvine CA 92618, United States of America; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1271293 theo Thông báo số 2015/42 NDT18 ngày 20/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4896/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của World of Jeans & Tops với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "BLUE CROWN" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1271293 bị từ chối đối với các sản phẩm nhóm 03 và 14 vì tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "CROWN" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký (GCNĐKNH) số 27926 và nhãn hiệu "CROWN, hình vương miện" theo GCNĐKNH số 13686 theo các điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "BLUE CROWN" theo ĐQT số 1271293 với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đối chứng theo Đăng ký quốc gia số 27926 – nhóm 3 đã hết hiệu lực từ ngày 05/04/2015 và chủ sở hữu nhãn hiệu đã không tiến hành gia hạn hiệu lực tại Việt Nam. Đồng thời, theo kết quả tra cứu sử dụng nhãn hiệu số 661/TT-TTKTQT ngày 30/12/2016 của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công thương cho thấy chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã không sử dụng nhãn hiệu này từ năm 2010 đến nay tại Việt Nam nên việc sử dụng nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

- Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng theo Đăng ký quốc gia số 13686 – nhóm 14 khác nhau về cấu trúc, cách phát âm, tên gọi, ý nghĩa, hình thức thể hiện, ấn tượng thương mại đối với người tiêu dùng, cụ thể nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp giữa các yếu tố chữ "CROWN" và hình vương miện đặt bên trên trong khi nhãn hiệu dăng ký là chữ "BLUE CROWN" đơn thuần. Hơn thế các sản phẩm đồ trang sức, đồ kim hoàn, đá quý thuộc nhóm 14 mang hai nhãn hiệu là sản phẩm xa xỉ, có giá trị cao, ảnh hưởng tới diện mạo người tiêu dùng và thường được bán tại showroom. Do đó, mức độ quan tâm và chú ý của người tiêu dùng khi quyết định mua các sản phẩm này sẽ cao hơn các hàng hóa thông thường khác. Vì vậy, người tiêu dùng khó có cơ hội nhầm lẫn khi mua các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này.

Đồng thời nhãn hiệu đăng ký đã được biết đến và sử dụng rộng rãi trên thế giới từ năm 2007, và tại hơn 100 quốc gia bao gồm Việt Nam từ năm 2010 (trước ngày nộp đơn của nhãn hiệu đăng ký), đạt doanh thu hàng năm hơn 100 triệu đô la Mỹ, nên đã đạt được sự công nhận và khả năng phân biệt của người tiêu dùng.

Đặc biệt, nhãn hiệu đăng ký cũng được sử dụng rộng rãi tại Thụy sĩ, nước xuất xứ của chủ nhãn hiệu đối chứng theo Đăng ký quốc gia số 13686 mà không bị chủ nhãn hiệu đối chứng này phản đối và cũng không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Người nôp đơn đã nộp kèm theo Bản Tuyên thệ cùng với những bằng

chứng chứng minh nhãn hiệu đã được chủ đơn sử dụng rộng rãi trên thế giới và tại Việt Nam.

Với các lý lẽ và chứng cứ nêu trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo Đơn quốc tế số 1271293 tại Việt nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "CROWN" theo GCNĐKNH số 27926

Do nhãn hiệu đối chứng trên đã hết hiệu lực từ ngày 05/4/2015 nên không lấy nhãn hiệu này làm đối chứng đối với ĐQT số 1271293.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "CROWN, hình vương miện" theo GCNĐKNH số 13686

Nhãn hiệu đăng ký "BLUE CROWN" và nhãn hiệu đối chứng đều có phần chữ "CROWN" là thành phần chính, tạo khả năng phân biệt của các nhãn hiệu, đồng thời từ "CROWN" có ý nghĩa là "vương miện" nên các nhãn hiệu tương tự nhau về cấu tạo từ và ý nghĩa, mặc dù nhãn hiệu đăng ký có thêm tính từ "BLUE" có nghĩa là "vương miện xanh" nhưng cũng không tạo khả năng phân biệt cho các nhãn hiệu. Đồng thời, các nhãn hiệu đều áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 14, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Đồ trang sức, kim hoàn, đồ nữ trang" và nhãn hiệu đối chứng: "Kim loại quý và các hợp kim của chúng, các sản phẩm làm từ các kim loại này hoặc bọc bằng các kim loại này không được xếp ở các nhóm khác; đồ trang sức, đồ kim hoàn; đá quí; đồng hồ và dụng cụ đo thời gian". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự

nhau cho các sản phẩm cùng loại sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

c. Tài liệu chứng minh về sử dụng rộng rãi của nhãn hiệu chưa đầy đủ và thiếu tính thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại các điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1271293 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/42 NDT18 ngày 20/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271293.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, World of Jeans & Tops có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và World of Jeans & Tops (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142751/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2021-00381 ngày 20/4/2021 của Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited; địa chỉ: 24/F Tower B-1 , Wanda Plaza, #79 Wanbo 2nd Rd., Panyu District, Guangzhou, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Trần; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-21900 theo Quyết định số 16030/QĐ-SHTT ngày 26/02/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4944/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "HAGO" theo đơn số 4-2018-21900 bị từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "HAGO.ME $ $, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 337405. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "HAGO" theo đơn số 4-2018-21900 với lý do:

Thứ nhất: Nhãn hiệu xin đăng ký "HAGO" trong đơn nhãn hiệu số 4-2018-21900 đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ và hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng theo điều 74.2 e) của Luật Sở hữu trí tuệ.

a) Sự khác nhau về cấu trúc, hình thức thể hiện

Người nộp đơn xin trình bày các nhãn hiệu đặt cạnh nhau để Cục Sở hữu trí tuệ tiện theo dõi:

Theo hướng dẫn tại Điểm 39.8.c (i), Thông tư 01/2007 quy định về việc đánh giá khả năng tương tự gây nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu, thì rõ ràng nhãn hiệu xin đăng ký "HAGO" có cách thể hiện hoàn toàn khác với nhãn đối chứng "HAGO.ME, hình" trong đăng ký số 337405, cụ thể là khác nhau về cấu trúc, hình thức thể hiện, cách phát âm và ý nghĩa. Trong Quyết định số 16030/QĐ-SHTT, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã khẳng định hai nhãn hiệu này có cách trình bày không trùng nhau.

Nếu đặt hai nhãn cạnh nhau để so sánh thì có thể thấy rõ ràng cách thức thể hiện của hai nhãn này hoàn toàn khác nhau. Nhãn hiệu xin đăng ký là từ "HAGO" được thể hiện ở dạng phông chữ cách điệu. Trong khi đó, nhãn đối chứng được cấu thành bởi các chữ "HAGO.ME" viết rất nhỏ ở phía dưới, được viết hoa ở dạng phông chữ thông thường. Thêm nữa, nhãn đối chứng còn có thành phần hình nổi bật với hai hình tròn khuyết màu xanh và đen cùng với hình đồng tiền đô la màu tương ứng trong mỗi hình. Phần hình của nhãn được trình bày và thể hiện với kích cỡ lớn hơn rất nhiều so với phần chữ, chiếm đến 80% toàn bộ nhãn hiệu. Vì vậy, khi nhìn vào nhãn hiệu đối chứng, ta có thể thấy ngay phần hình chính là yếu tố mạnh, là thành phần phân biệt chính, nổi bật của nhãn đối chứng. Rõ ràng là thành phần phân biệt chính của hai nhãn hiệu là hoàn toàn khác nhau. Chính điều này đã tạo ra sự khác biệt, gây chú ý và tạo nên ấn tượng mạnh mẽ vào thị giác của người tiêu dùng nên khi nhìn vào hai nhãn hiệu, người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được. Có thể nói, hình thức thể hiện chính

là yếu tố gây ấn tượng mạnh và mang lại khả năng phân biệt của hai nhãn hiệu là hoàn toàn khác nhau. Do đó, cấu trúc và hình thức thể hiện của hai nhãn hiệu này là hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn đối chứng và người tiêu dùng dễ dàng nhận biết được các nhãn hiệu mà không gây ra sự nhầm lẫn.

Như vậy xét về mặc cấu trúc, nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn khác biệt với nhãn đối chứng về cấu trúc và cách trình bày. Cách trình bày và ấn tượng xét về mặt thị giác là yếu tố quan trọng nhất khi xem xét đến ấn tượng tổng thể của hai nhãn đối với người tiêu dùng. Do vậy, xét một cách tổng thể, nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

(b) Về mặt phát âm:

Nhãn hiệu xin đăng ký được cấu thành bởi 2 âm tiết và được phát âm là [ha-go), còn nhãn đối chúng được cấu thành bởi 3 âm tiết và được phát âm là [ha-go-chấm-mi]. Cách phát âm của hai nhãn hiệu là hoàn toàn khác nhau. Các âm tiệt này hoàn toàn đủ mạnh để tạo ra sự khác biệt khi phát âm và người tiêu dùng sẽ không hề bị nhầm lẫn khi phát âm các nhãn hiệu trên.

c) Về ý nghĩa:

Nhãn hiệu xin đăng ký được viết tắt của hai từ đầu của chữ "Happy Go!" trong khi đó nhân đối chứng là từ tự tạo, không có nghĩa trong tiếng Việt.

Thứ hai: Lĩnh vực kinh doanh chính của người nộp đơn, Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited khác hoàn toàn so với lĩnh vực kinh doanh của chủ nhân đối chứng, Công ty TNHH thuong mai Hago.Me. Do vậy, danh mục sản phẩm đăng ký của hai nhãn hiệu này cũng khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh của chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng là một kênh mua sắm cung cấp nhiều loại sản phẩm tiêu dùng khác nhau cho khách hàng. Do đó, danh sách các dịch vụ của họ chủ yếu liên quan đến các kênh thương mại điện tử.

Trong khi đó, lĩnh vực kinh doanh của người nộp đơn là nền tảng truyền thông xã hội dựa trên video toàn cầu. Hoạt động kinh doanh chính của họ là cung cấp quyền truy cập và các nguồn tương tác cho các trò chơi trực tuyến. Vì vậy, hàng hóa, dịch vụ chính của người nộp đơn là phần mềm trò chơi máy tính; chương trinh ứng dụng điện thoại di động; phần mềm giải trí tương tác sử dụng với máy tính; cung cấp dịch vụ giải trí...

Người nộp đơn trình bày các sản phẩm/dịch vụ của các nhãn hiệu đặt cạnh nhau để Cục Sở hữu trí tuệ tiện theo dõi:

Có thể thấy rõ, hoạt động kinh doanh chính của chủ đơn khác với hoạt động kinh doanh chính của chủ nhãn hiệu đối chứng, vì vậy đối tượng khách

hàng hướng tới và đối tượng khách hàng sử dụng sản phẩm/ dịch vụ cũng hoàn toàn khác nhau. Cho nên kênh phân phối sản phẩm/ dịch vụ là không hề liên quan. Và do đó không có khả năng xảy ra nhầm lẫn cho người tiêu dùng có liên quan.

Thứ ba: Thực tiễn sử dụng nhãn hiệu "HAGO" của người nộp đơn, Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited trên thị trường.

Người nộp đơn, Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited, là một trong những công ty có tiếng trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ cổng trò chơi trực tuyến toàn cầu, bao gồm cả Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của họ là cung cấp quyền truy cập và các nguồn tương tác cho các trò chơi trực tuyến. Ứng dụng HAGO cho phép mọi người giao lưu với nhau khắp mọi vùng miền kết hợp với các mini game hấp dẫn đang được yêu thích nhất. Có thể nói ứng dụng mạng xã hội HAGO đang ngày là món ăn tinh thần không thể thiếu với mọi người sau một ngày làm việc mệt mỏi. Theo thống kê của APP ANNIE, ứng dụng HAGO đứng thứ 3 trong tổng số ứng dụng trên mạng xã hội do Điện thoại Android tải về tại Việt Nam. Thông tin về ứng dụng HAGO cũng như hướng dẫn tải về và cài đặt HAGO trên Android, Iphone cũng xuất hiện rất nhiều trên các trang website của Việt Nam, chẳng hạn như:

https://www.thegioididong.com/game-app/hago-choi-cung-ban-moi-noi-giai-tri-va-giao-luu-voi-ban-be-moi

Hago là gì? Hướng dẫn cách chơi Hago mới nhất 19/12/2020 (bitcoinvietnamnews.com)

play.google.com/store/apps/details?id=com.yy.hiyo&hl=vi&gl=US

https://9mobi.vn/cach-tai-va-cai-dat-hago-tren-dien-thoai-23613n.aspx

https://download.vn/cach-chuyen-khu-vuc-cho-iphone-de-cai-dat-hago-16032

https://apps.apple.com/vn/app/hago/id1400667917?l=vi

Khi search từ khóa "HAGO" trên trang Google, kết quả cho thấy có khoảng 54.300 kết quả trong 0,44 giây và chỉ liên quan đến nhãn hiệu "HAGO" của chủ đơn Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited. Như vậy, có thể thấy ứng dụng HAGO trên điện thoại di động trở thành một ứng dụng rất phổ biến trong người tiêu dùng, đặc biệt là các thế hệ trẻ.

Người nộp đơn xin đính kèm tại đây Bảng xếp hạng ứng dụng HAGO đã tải về ứng dụng mạng xã hội tại Việt Nam và một số trang web về ứng dụng HAGO để Cục Sở hữu trí tuệ tham khảo.

Thứ tư: Nhãn hiệu "HAGO" đã được chủ đơn đăng ký và được bảo hộ ở nhiều quốc gia trên thế giới, do vậy làm tăng khả năng phân biệt giữa nhãn đăng ký với nhãn đối chứng.

Nhãn hiệu "HAGO" đã được chủ đơn đăng ký và được chấp nhận bảo hộ ở nhiều nước khác nhau như là Singapore, Malaysia, Thailand, Philippines, Russia, United States, Mexico, Brazil, Algeria, UAE, Saudi Arabia, Isareal, Kuwait, Turkey, UK, Europe (Community Trade Mark), Republic of Korea, Cambodia and Cuba....

Danh sách và Bản sao các giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu của nhãn HAGO tại một số nước trên thế giới được đính kèm theo công văn để Quy cục tham khảo.

Thứ năm: Thực tiễn xét nghiệm tại Cục Sở hữu trí tuệ

Để hỗ trợ lập luận trên, người nộp đơn đã tìm kiếm và nhận thấy rằng có một số nhãn hiệu bao gồm từ tương tự "HAGO" đã được cấp và tồn tại đồng thời tại Việt Nam. Người nộp đơn xin đính kèm tài liệu này cung cấp danh sách các nhãn hiệu đã được cấp có chung thành phần "HAGO", được lấy từ cơ sở dữ liệu trực tuyến IPLIB của Cục Sở hữu trí tuệ.

Bằng những lập luận trên, chúng tôi cho rằng sự tương tự của nhãn xin đăng ký và nhãn đối chứng là không đủ để gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Nhãn "HAGO" trong đơn nhãn hiệu số 4-2018-21900 của Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited đủ điều kiện được bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 09, 38, 41 theo quy định của pháp luật hiện hành tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "HAGO" theo đơn số 4-2018-21900 và nhãn hiệu đối chứng "HAGO.ME, hình" có phần chữ "HAGO" là thành phần chính, tạo

khả năng phan biệt cho các nhãn hiệu nên tương tự nhau về cấu tạo từ và phát âm, đồng thời nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho các sản phẩm/ dịch vụ thuộc nhóm 09, 38 và 41 cụ thể: "Phần mềm trò chơi máy tính; chương trình ứng dụng trên điện thoại di động; phần mềm giải trí tương tác sử dụng với máy tính; chương trình và phần mềm đã ghi dùng để sử dụng với trò chơi điện tử các loại; âm nhạc, sách báo, tạp chí, bài báo và tài liệu quảng cáo có thể tải xuống trong lĩnh vực giải trí và trò chơi; tệp tin hình ảnh có thể tải về được dùng cho âm nhạc, phim ảnh, phim hoạt hình, chương trình thực tế, ảnh kỹ thuật số, trò chơi trên máy tính và trò chơi trên điện thoại di động"; dịch vụ nhóm 38: "Truyền hình qua mạng máy tính toàn cầu (netcasting); truyền âm thanh, hình ảnh, tín hiệu và dữ liệu qua vệ tinh, cáp và mạng; truyền video, phim ảnh, tranh, hình ảnh, văn bản, ảnh, trò chơi, nội dung do người dùng tự sản xuất (user-generated content), nội dung âm thanh và thông tin qua internet; dịch vụ cung cấp phòng nói chuyện cho mạng xã hội; dịch vụ cung cấp kết nối viễn thông đến mạng máy tính toàn cầu; truyền âm thanh số và truyền hình quảng bá số thông qua mạng máy tính toàn cầu" và nhóm 41: "Dịch vụ giải trí; cung cấp các dịch vụ giải trí trong nhà;.." và nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho các dịch vụ: "Thương mại điện tử (cụ thể là mua bán trực tuyến các hàng hóa như: máy tính và phần mềm máy tính,… " thuộc nhóm 35; dịch vụ: "Cung cấp dịch vụ kênh thông tin trực tuyến và bảng thông báo điện tử cho người sử dụng đã đăng ký để truyền tin nhắn liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa, mục rao vặt, chia sẻ hình ảnh và truyền hình ảnh; dịch vụ truyền phát dữ liệu điện tử liên quan đến việc sử dụng các thiết bị di động, cụ thể là tra cứu thông tin người sử dụng, gửi tin nhắn đến người sử dụng, gửi các thông tin mà người sử dụng có thể xem được" thuộc nhóm 38 và dịch vụ: "Cung cấp các lớp học, khóa đào tạo, chương trình giải trí, hoạt động nghệ thuật, biểu diễn, phim ảnh ưu đãi, giảm giá" thuộc nhóm 41, do đó việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm/dịch vụ giống nhau hoặc liên quan đến nhau sẽ gây nhầm lẫn cho người sử dụng về nguồn cung ứng dịch vụ đó.

- Việc nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại một số nước không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp

GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-21900 ngày 04/07/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 16030/QĐ-SHTT ngày 26/02/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-21900 ngày 04/07/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Guangzhou Huaduo Network Technology Company Limited (qua Công ty TNHH Dương và Trần) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142752/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BOXMARK Leather Holding GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00748 ngày 24/7/2017 của BOXMARK Leather Holding GmbH; địa chỉ: EuropastraBe 11 A-8330 Feldbach, Austria; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1295915 theo Thông báo số 2016/15 HBN01 ngày 30/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4957/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BOXMARK Leather Holding GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Xtreme COLLECTION" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1295915 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "XG, STREME GENERATION, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 53076, nhãn hiệu "XTREME COUTURE" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 934585 và nhãn hiệu đối chứng "Xtream" theo GCNĐKNH số 261510; phần chữ "COLLECTION" mang tính mô tả sản phẩm theo quy định tại các Điều 74.2.(e,c,h) Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "Xtreme COLLECTION" theo ĐQT số 1295915 với các lý do sau:

1. Liên quan đến phần chữ "COLLECTION" (Điều 74.2c Luật SHTT)

Phần chữ "COLLECTION" của nhãn hiệu đã được chủ đơn yêu cầu không bảo hộ riêng. Bằng chứng là trên cơ sở dữ liệu của WIPO đã ghi nhận nhãn hiệu không được bảo hộ từ "COLLECTION". Do đó, nhãn hiệu đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại Điều 74.2.c Luật SHTT.

2. Liên quan đến các nhãn đối chứng (Điều 74.2.e,h Luật SHTT)

2.1. Hạn chế danh mục sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu

Người nộp đơn đã gửi đơn yêu cầu hạn chế danh mục sản phẩm và dịch vụ cho nhãn hiệu tới Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), cụ thể là:

- Nhóm 20: Hạn chế danh mục sản phẩm nhóm 20 thành "Đồ đạc và đồ dùng trong nhà trừ tủ chứa máy tính; giá treo máy tính; tủ chứa máy tính có gắn các thanh phân phối cáp; giá treo thiết bị máy tính có gắn thêm các thanh phân phối cáp (tất cả còn rỗng, dùng để chứa và treo máy tính)";

- Nhóm 25: Xóa nhóm 25 khỏi danh mục sản phẩm của đơn;

- Nhóm 35: Xóa các dịch vụ "bán buôn liên quan đến quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu; bán lẻ liên quan đến quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu" khỏi danh mục dịch vụ nhóm 35;

Hạn chế danh mục sản phẩm nhóm 35 thành: "Dịch vụ bán buôn liên quan đến đồ đạc, đồ dùng trong nhà trừ tủ chứa máy tính; giá treo máy tính; tủ chứa máy tính có gắn các thanh phân phối cáp; giá treo thiết bị máy tính có gắn thêm các thanh phân phối cáp (tất cả còn rỗng, dùng để chứa và treo máy tính); Dịch vụ bán lẻ liên quan đến đồ đạc, đồ dùng trong nhà trừ tủ chứa máy tính; giá treo máy tính; tủ chứa máy tính có gắn các thanh phân phối cáp; giá treo thiết bị máy tính có gắn thêm các thanh phân phối cáp (tất cả còn rỗng, dùng để chứa và treo máy tính)";

- Nhóm 37: Hạn chế danh mục sản phẩm nhóm 37 thành "Bọc đệm đồ đạc; bảo dưỡng và sửa chữa đồ đạc; sửa chữa lại đồ đạc; sửa chữa đồ gỗ nhồi nệm; làm sạch và bảo dưỡng da thuộc và các sản phẩm làm từ da thuộc; tất cả không liên quan đến tủ chứa máy tính; giá treo máy tính; tủ chứa máy tính có gắn các thanh phân phối cáp; giá treo thiết bị máy tính có gắn thêm các thanh phân phối cáp (tất cả còn rỗng, dùng để chứa và treo máy tính)".

2.2. Liên quan đến nhãn đối chứng "XG XTREME GENERATION, hình" theo đăng ký số 53076 của Công ty TNHH may xuất khẩu Thùy Trâm

a. Nhãn hiệu khác nhãn đối chứng về hình thức:

- Nhãn hiệu bao gồm phần chữ "Xtreme" được thiết kế to, cách điệu nằm bên trên từ "COLLECTION" viết in hoa được thiết kế nhỏ hơn. Đặc biệt, chữ "X" màu đỏ được thiết kế cách điệu in đậm, to, nổi bật với một nét xiên hất lên cao hơn nét còn lại và có một đường cong màu trắng tách nét xiên này thành hai đường cong. Như vậy, chúng ta có thể thấy nhãn hiệu được thiết kế đặc biệt, thể hiện sự sáng tạo độc đáo riêng của chủ nhãn hiệu.

- Nhãn đối chứng bao gồm các chữ "XG" màu đen được thiết kế to nằm bên trên một đường thẳng cách điệu màu đen có chứa các từ "XTREME GENERATION" nhỏ màu trắng, tất cả nằm trong một hình bầu dục cách điệu. Trong đó, chữ cái G được thiết kế to, in đậm nổi bật hơn cả.

- Rõ ràng, nhãn hiệu và nhãn đối chứng được thiết kế hoàn toàn khác nhau.

b. Nhãn hiệu không có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn đối chứng:

- Ấn tượng của người tiêu dùng khi nhìn vào nhãn hiệu là từ "Xtreme" cách điệu với chữ "X" màu đỏ nổi bật được thiết kế đặc biệt. Còn khi nhìn vào nhãn hiệu đối chứng, người tiêu dùng sẽ bị ấn tượng bởi chữ "G" màu đen được thiết kế to nổi bật.

- Do ấn tượng về thị giác hoàn toàn khác nhau, người tiêu dùng khó có thể nhầm lẫn nhãn hiệu với nhãn hiệu đối chứng. Nói cách khác, nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

c. Nhãn đối chứng đã hết hạn từ ngày 28/10/2012 và đến ngày 28/10/2017 nhãn đối chứng sẽ không còn là đối chứng đối với nhãn hiệu.

2.3. Liên quan đến nhãn đối chứng "XTREME COUTURE" theo ĐKQT số 934585 của Xtreme Couture, Inc.

a. Danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu hoàn toàn khác với danh mục sản phẩm mang nhãn đối chứng

- Như đã trình bày trên đây, chủ đơn đã yêu cầu xóa nhóm 25 khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu và xóa dịch vụ: "Bán buôn liên quan

đến quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu; bán lẻ liên quan đến quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu" khỏi danh mục dịch vụ nhóm 35. Do vậy, sau khi việc xóa danh mục sản phẩm này được ghi nhận, các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu thuộc nhóm 18, 20, 35 và 37 hoàn toàn khác với các sản phẩm quần áo mang nhãn đối chứng thuộc nhóm 25.

b. Nhãn hiệu không có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn đối chứng

Các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu sau khi sửa hoàn toàn không liên quan tới sản phẩm quần áo thuộc nhóm 25 mang nhãn đối chứng nên đối tượng sử dụng hai nhãn hiệu này là hoàn toàn khác nhau. Nói cách khác, nhãn hiệu đăng ký là có khả năng phân biệt với nhãn đối chứng, không thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

2.4. Liên quan đến nhãn đối chứng "XTream" theo GCNĐKNH số 261510 của Công ty TNHH công nghệ Anh Minh

a. Nhãn hiệu đăng ký khác nhãn đối chứng về cấu trúc, cách phát âm và thiết kế:

- So sánh về cấu trúc:

Nhãn hiệu	X	T	R	E	M	E		C	O	L	L	E	C	T	I	O	N
Nhãn đối chứng	X	T	R	E	A	M											

Qua bảng phân tích trên đây, chúng ta có thể dễ dàng thấy tổng thể nhãn hiệu là các từ "XTREME COLLECTION" hoàn toàn khác biệt với nhãn đối chứng "XTREAM". Ngay cả khi so sánh riêng các từ "XTREME" và "XTREAM", ta cũng thấy ngay sự khác biệt ở hai chữ cái cuối cùng.

- So sánh về cách phát âm:

Do nhãn hiệu và nhãn đối chứng đều không phải từ thuần Việt nên người tiêu dùng Việt Nam thông thường sẽ đọc phần chữ "XTREME" của nhãn hiệu là [íc-tre-me] và nhãn đối chứng được đọc là [íc-tre-am]. Chính sự khác biệt ở phần hậu tố [me-am] hoàn toàn khác nhau này đã tạo nên khả năng phân biệt cho Nhãn Hiệu và nhãn đối chứng.

- So sánh về cách thiết kế:

+ Nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần chữ "Xtreme" được thiết kế to, cách điệu nằm bên trên từ "COLLECTION" viết in hoa được thiết kế nhỏ hơn. Đặc biệt, chữ "X" được thiết kế cách điệu in đậm, to, nổi bật với một nét xiên hất lên cao hơn nét còn lại và có một đường cong màu trắng tách nét xiên này thành hai

đường cong. Như vậy, có thể thấy nhãn hiệu được thiết kế đặc biệt, thể hiện sự sáng tạo riêng của chủ nhãn hiệu.

+ Nhãn đối chứng là từ "XTream" được thiết kế đơn giản dưới dạng chữ thường với hai chữ cái đầu tiên được viết in hoa.

+ Rõ ràng, khi người tiêu dùng nhìn vào nhãn hiệu sẽ bị ấn tượng bởi tổng thể các từ "XTREME COLLECTION" với chữ XTREME nổi bật, đặc biệt là chữ cái "X" được thiết kế độc đáo, hoàn toàn khác biệt với nhãn đối chứng "XTream" được thiết kế đơn giản, không tạo nên ấn tượng gì đặc biệt cho người tiêu dùng. Nói cách khác, ấn tượng về thị giác của người tiêu dùng đối với nhãn hiệu và nhãn đối chứng hoàn toàn khác biệt nhau.

b. Sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu khác biệt với sản phẩm mang nhãn đối chứng

- Danh mục sản phẩm mang nhãn đối chứng là: "Tủ chứa máy tính; giá treo máy tính; tủ chứa máy tính có gắn các thanh phân phối cáp; giá treo thiết bị máy tính có gắn thêm các thanh phân phối cáp (tất cả còn rỗng, dùng để chứa và treo máy tính)" thuộc nhóm 20.

- Các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 18, 20, 35 và 37 mang nhãn hiệu sau khi hạn chế đều không bao gồm và không liên quan đến các sản phẩm mang nhãn đối chứng "Tủ chứa máy tính; giá treo máy tính; tủ chứa máy tính có gắn các thanh phân phối cáp; giá treo thiết bị máy tính có gắn thêm các thanh phân phối cáp (tất cả còn rỗng, dùng để chứa và treo máy tính)".

- Do vậy, các sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu hoàn toàn khác các sản phẩm mang nhãn đối chứng.

c. Nhãn hiệu đăng ký không có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn đối chứng:

Như đã phân tích trên đây, nhãn hiệu và nhãn đối chứng khác nhau về cấu trúc, cách phát âm, cách thiết kế cũng như danh mục sản phẩm, dịch vụ mang hai nhãn hiệu này. Do đó, nhãn hiệu là có khả năng phân biệt với nhãn đối chứng, không thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "XG, STREME GENERATION, hình" theo GCNĐKNH số 53076

Do nhãn hiệu đối chứng này đã hết hiệu lực từ ngày 28/10/2012 nên không lấy nhãn hiệu trên làm đối chứng đối với đơn đăng ký.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "XTREME COUTURE" theo ĐKQT số 934585 cho sản phẩm nhóm 25

Do người nộp đơn đã loại bỏ nhóm 25 ra khỏi danh mục sản phẩm đăng ký và đã được Văn phòng quốc tế WIPO chấp thuận được ghi nhận tại Công báo số 2018/5 ngày 15/02/2018 và xóa dịch vụ: "Bán buôn liên quan đến quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu; bán lẻ liên quan đến quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu" khỏi danh mục dịch vụ nhóm 35 nên nhãn hiệu đăng ký cũng không còn các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến sản phẩm nhóm 25 của nhãn hiệu đối chứng.

c. Đối với nhãn hiệu đối chứng "Xtream" theo GCNĐKNH số 261510 cho sản phẩm nhóm 20

Nhãn hiệu đăng ký "Xtreme COLLECTION, hình" trong đó từ "Xtreme" được trình bày cách điệu về tổng thể khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "Xtream" trình bày kiểu chữ chân phương, đồng thời người nộp đơn đã giới hạn lại danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 20, 35 và 37, theo đó sau khi giới hạn lại danh mục sản phẩm/dịch vụ khác với sản phẩm nhóm 20 mà nhãn hiệu đối chứng áp dụng: "Tủ chứa máy tính; giá treo máy tính; tủ chứa máy tính có gắn các thanh phân phối cáp; giá treo thiết bị máy tính có gắn thêm các thanh phân phối cáp (tất cả còn rỗng, dùng để chứa và treo máy tính)". Bên cạnh đó, nhãn hiệu đối chứng này đã hết hạn hiệu lực từ ngày 29/8/2024.

Chấp nhận với đề nghị của người nộp đơn bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "Xtreme COLLECTION, hình", không bảo hộ riêng "COLLECTION" theo ĐQT số 1295915.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "Xtreme COLLECTION, hình", không bảo hộ riêng "COLLECTION" theo ĐQT số 1295915, không áp dụng quy định tại điểm c, e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/15 HBN01 ngày 30/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1295915.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "Xtreme COLLECTION, hình", không bảo hộ riêng "COLLECTION" theo đơn quốc tế số 1295915.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BOXMARK Leather Holding GmbH (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142753/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1038524 của LG Corp. (KR) đã bị hết hiệu lực vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

TTN105

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2011-00752 ngày 19/9/2011 của LG CORP.; địa chỉ: 128, Yeoui-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI.

Lý do đình chỉ: Đơn quốc tế hết hiệu lực từ ngày 13/4/2020 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và LG CORP. (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142754/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Microban Products Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2020-00830 ngày 10/9/2020 của Microban Products Company; địa chỉ: 11400 Vanstory Drive, Huntersville, North Carolina 28078, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-13404 theo Quyết định số 41507/QĐ-SHTT ngày 15/6/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4814/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Microban Products Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu đăng ký "Aegis Microbe Shield" theo Đơn số 4-2016-13404 vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "EGIS" bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 489832 và nhãn hiệu "EGIS, hình" bảo hộ theo ĐKQT số 493203 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "Aegis Microbe Shield" theo đơn số 4-2016-13404 với các lý do sau:

Người nộp đơn - Microban Products Company và chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng sau khi xem xét và bàn bạc về quyền lợi và lợi ích của hai bên thì thấy sản phẩm/dịch vụ kinh doanh của hai công ty không mâu thuẫn và xung đột, nên hai bên đã đi đến thống nhất và tự nguyện ký Thỏa thuận đồng tồn tại hai nhãn hiệu tại Việt Nam. Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "Aegis Microbe Shield" theo Đơn số 4-2016-13404 cho sản phẩm nhóm 05 tại Việt Nam và cam kết không gây nhầm lẫn giữa hai nhãn hiệu cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "EGIS" theo ĐKQT số 489832

Nhãn hiệu đăng ký "Aegis Microbe Shield" có phần chữ "Aegis" tương tự nhau về cấu tạo từ và phát âm với nhãn hiệu đối chứng "EGIS", chỉ khác ở nguyên âm "A" ở nhãn hiệu đăng ký, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 05, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Chế phẩm kháng khuẩn để điều trị nấm, mốc và vi khuẩn sử dụng cho hàng dệt may, nhựa và vật liệu xây dựng" và nhãn hiệu đối chứng "….; thuốc khử trùng; sản phẩm diệt côn trùng; thuốc diệt nấm; thuốc diệt cỏ". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về cùng nguồn gốc hàng hóa.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "EGIS, hình" bảo hộ theo ĐKQT số 493203

Nhãn hiệu đăng ký "Aegis Microbe Shield" và nhãn hiệu đối chứng "EGIS, hình" đều có phần chữ tương tự nhau về cấu tạo từ và phát âm, chỉ khác ở nguyên âm "A" của nhãn hiệu đăng ký và dấu hiệu hình ở nhãn hiệu đối

chứng, đồng thời các nhãn hiệu áp dụng cho các sản phẩm khác nhau ở Bảng phân loại hàng hóa Ni -xơ thuộc nhóm 05: "Chế phẩm kháng khuẩn để điều trị nấm, mốc và vi khuẩn sử dụng cho hàng dệt may, nhựa và vật liệu xây dựng" và nhãn hiệu đối chứng áp dụng mặc dù giới hạn danh mục sản phẩm chỉ còn nhóm 03: "Các chế phẩm và chất khác dùng để phun khí dung; chất gây ăn mòn và mài mòn, xà phòng, nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm, kem dưỡng tóc, kem đánh răng", tuy nhiên việc các nhãn hiệu tương tự nhau áp dụng cho các sản phẩm như nêu trên vẫn có thể gây liên tưởng cho người tiêu dùng về cùng một nhà sản xuất.

- Người nộp đơn và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là Egis Gyógyszergyár Zrt.ký kết đồng tồn tại là một dạng của Thư chấp thuận cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "Aegis Microbe Shield" cho sản phẩm thuộc nhóm 05 tại Việt Nam chỉ là một nguồn tài liệu để tham khảo vì chưa đủ để tạo ra khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-13404 ngày 12/05/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 41507/QĐ-SHTT ngày 15/6/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-13404 ngày 12/05/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Microban Products Company có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Microban Products Company (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142755/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Sài Gòn An Thái
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2022-01221 ngày 25/10/2022 của Công ty cổ phần Sài Gòn An Thái; địa chỉ: 263 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Ban Ca; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-27972 theo Quyết định số 64674/QĐ-SHTT ngày 27/7/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4807/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Sài Gòn An Thái với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "AN THÁI Việt Nam, hình" trong đơn số 4-2018-27972 bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm thuộc nhóm 30, 35, 43 theo điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "An Thái Cafe" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 39487, nhãn hiệu "ANTHAIGROUP, hình" theo GCNĐKNH số 211656, nhãn hiệu "An Thái Cafe" theo GCNĐKNH số 270215, nhãn hiệu "Anthai Make Our World Joyful, hình" theo GCN ĐKNH số 88053, và nhãn hiệu "at THỰC PHẨM AN THÁI, hình" theo GCN ĐKNH số 364855. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "AN THÁI Việt Nam, hình" trong đơn số 4-2018-27972 với lý do:

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký "AN THÁI Việt Nam, hình" không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng trong GCN ĐKNH số 39487, 211656, 270215 của Công ty TNHH An Thái về cấu tạo và cách trình bày. Hơn nữa, Công ty cổ phần Sài Gòn An Thái – chủ đơn số 4-2018-27972 và Công ty TNHH An Thái – chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng số 39487, 211656, 270215 là các công ty có quan hệ về sở hữu nên khả năng người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm mang nhãn hiệu của hai công ty sẽ không thể xảy ra, cụ thể:

+ Công ty cổ phần Sài Gòn An Thái và Công ty TNHH An Thái là các công ty thành viên thuộc Nhóm Các Công Ty An Thái (AnThaiGroup). Tất cả các thành viên góp vốn trong Công ty TNHH An Thái cũng đồng thời là các cổ đông chủ chốt (cổ phần chiếm tỉ lệ 100% vốn điều lệ) của Công ty cổ phần Sài Gòn An Thái. Mối quan hệ về sở hữu này được thể hiện qua các tài liệu như bản sao đăng ký kinh doanh của Công ty CP Sài Gòn An Thái và Công ty TNHH An Thái, bản sao biên bản họp đại hội đồng cổ đông của của Công ty CP Sài Gòn An Thái. Ngoài ra, các thông tin về hai công ty này và AnThaiGroup được đề cập tại trang web https://anthaigroup.vn/vn/thanh-vien.html

+ Các công ty trong AnThaiGroup đã ký kết Thỏa thuận về việc đồng sở hữu và đồng sử dụng tên "An Thái" trong đó cam kết các giải pháp để tránh xung đột về quyền sở hữu trí tuệ giữa các công ty thành viên và tránh việc đồng sử dụng dấu hiệu "An Thái" gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm/ dịch vụ.

- Cho đến nay, Nhóm Công Ty An Thái đã sử dụng dấu hiệu "An Thái" trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại liên tục hơn 25 năm mà không

xảy ra xung đột về quyền sở hữu trí tuệ giữa các công ty trong Nhóm và không có bất cứ phản ánh nào về sự nhầm lẫn của người tiêu dùng.

- Chủ các nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 39487, 211656, 270215 đã cấp Thư đồng ý cho người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "AN THÁI Việt Nam, hình" theo đơn số 4-2018-27972 tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng trong GCNĐKNH số 88053 do người nộp đơn xin được loại bỏ "dịch vụ giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông, cho mục đích bán lẻ; giới thiệu sản phẩm; tổ chức hội chợ thương mại cho mục đích bán hàng hoặc quảng cáo; cung cấp sàn giao dịch trực tuyến cho người mua và người bán hàng hoá và dịch vụ" trong nhóm 35 ra khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ của đơn số 4-2018-27972.

- Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng trong GCN ĐKNH số 364855 do người nộp đơn xin được loại bỏ toàn bộ các dịch vụ trong nhóm 43 ra khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ của đơn số 4-2018-27972, theo Công văn số 099/NH ngày 26/01/2022.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với các nhãn hiệu đối chứng bảo hộ theo GCNĐKNH số 39487, 211656 và GCNĐKNH số 270215

- Nhãn hiệu đăng ký "AN THÁI, Việt Nam, hình" có phần chữ "AN THÁI" tương tự gây nhầm lẫn với các phần chữ tương ứng của các nhãn hiệu đối chứng "AnTháiCafé" theo GCNĐKNH số 39487, nhãn hiệu "ANTHAIGROUP" theo GCNĐKNH số 211656 và nhãn hiệu "AnTháiCafé" theo GCNĐKNH số 270215, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 30 và dịch vụ nhóm 35 nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm/dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa và hoặc nguồn cung ứng của dịch vụ;

b. Nhãn hiệu đăng ký "AN THÁI, Việt Nam, hình" có phần chữ "AN THÁI" tương tự gây nhầm lẫn với các phần chữ tương ứng của các nhãn hiệu đối chứng "Anthai, Make Our World Joyful, hình" theo GCNĐKNH số 88053 và nhãn hiệu "THỰC PHẨM AN THÁI, at, hình" theo GCNĐKNH số 364855 cho cùng các dịch vụ thuộc nhóm 35, 43, do vậy việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm/dịch vụ cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa và hoặc nguồn cung ứng của dịch vụ;

- Việc chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 39487, GCNĐKNH số 211656 và GCNĐKNH số 270215 có bản thỏa thuận đồng tồn tại và cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "AN THÁI Việt Nam, hình" trong đơn số 4-2018-27972 chỉ là nguồn tài liệu tham khảo và chưa đủ để chứng minh khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký.

- Việc người nộp đơn đề nghị loại bỏ một phần dịch vụ thuộc nhóm 35 và nhóm 43 sau khi đã có Quyết định từ chối chính thức hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-27972 ngày 17/08/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 64674/QĐ-SHTT ngày 27/7/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-27972 ngày 17/08/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở

hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Sài Gòn An Thái có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Sài Gòn An Thái (qua Công ty TNHH Ban Ca) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142756/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Société des Produits Nestlé S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2017-00080 ngày 25/01/2017 của Société des Produits Nestlé S.A.; địa chỉ: CH-1800 Vevey, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Ban Ca; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 959811 theo Quyết định số 2015/48 NTH43/QĐ-SHTT ngày 01/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4846/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Société des Produits Nestlé S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "BOOST, hình" theo Đơn quốc tế (ĐQT) số 959811 tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "BOOTS" bảo hộ theo GCNĐKNH số 296 và nhãn hiệu "BOOST, Juice bars, hình" theo GCNĐKNH số 133361 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "BOOST, hình" theo ĐQT số 959811 với các lý do sau:

Người nộp đơn đã bổ sung các Thư đồng ý của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 296 và GCNĐKNH số 133361 đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "BOOST, hình" theo ĐQT số 959811 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "BOOTS"

Nhãn hiệu đăng ký "BOOST, hình" có phần chữ "BOOST" được trình bày kết hợp với hình người cách điệu trong hình ê líp màu đỏ, trong khi đó nhãn hiệu đối chứng "BOOTS" trình bày kiểu chữ in hoa thông thường, nên về dấu hiệu chữ các nhãn hiệu có sự khác biệt nhau. Đồng thời, dù cùng áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 05 nhưng các hàng hóa cũng có sự khác biệt nhất định, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Thực phẩm bổ sung có chứa carbohydrate; đồ uống ăn kiêng và thực phẩm dùng trong y tế; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng và chế độ ăn kiêng ở dạng rắn hoặc dạng lỏng; chế phẩm có nguồn gốc từ vitamin; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng có chứa khoáng chất" và nhãn hiệu đối chứng: "Dược phẩm, chất dùng cho thú và vệ sinh phòng bệnh; thức ăn cho trẻ em và người bệnh; cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và lấy dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt cỏ dại và động vật có hại".

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "BOOST, Juice bars, hình" theo GCNĐKNH số 133361

Nhãn hiệu đăng ký "BOOST, hình" và nhãn hiệu đối chứng "BOOST, Juice bars, hình" có phần chữ "BOOST" tương tự nhau, tuy nhiên hàng hóa mà các nhãn hiệu áp dụng khác biệt nhau khi nhãn hiệu đăng ký áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 05, còn nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống không chứa cồn); nước uống có ga; đồ uống không

chứa cồn; nước uống hoa quả, không chứa cồn; đồ uống dinh dưỡng làm từ trái cây (không chứa cồn, không dùng cho mục đích y tế); nước ép trái cây; nước ép dinh dưỡng làm từ trái cây (không chứa cồn, không dùng cho mục đích y tế); đồ uống làm từ rau, không chứa cồn; nước ép làm từ rau; đồ uống có hương vị hoa quả (không chứa cồn); đồ uống có hương vị rau (không chứa cồn), đồ uống dùng trong thể thao, không chứa cồn; nước uống đóng chai; hỗn hợp đồ uống gồm hoa quả tươi, nước ép hoa quả, kem trái cây và đá với nhiều hương vị khác nhau; hỗn hợp đồ uống gồm rau, nước ép từ rau, kem trái cây và đá với nhiều hương vị khác nhau; đồ uống có pha thêm hương vị sữa chua (không chứa cồn)".

c. Do nhãn hiệu đăng ký "BOOST, hình" có phần khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng "BOOTS" và "BOOST, Juice bars, hình" về cấu tạo từ và hình thức trình bày, đồng thời chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có Thư chấp thuận đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "BOOST, hình" theo ĐQT 959811 qua đó loại trừ được khả năng tranh chấp giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký. Do vậy, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 959811, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/48 NTH43 ngày 01/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 959811.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 959811.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Societé des Produits Nestlé S.A. (qua Công ty TNHH Ban Ca) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142757/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PT Sinergi Adimitra Jaya
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00136 ngày 25/4/2019 của PT Sinergi Adimitra Jaya; địa chỉ: Jl. Selayar II Blok D. 7 No.2, Jatiwangi, Cikarang Barat, Bekasi, Indonesia; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-12542 theo Quyết định số 14283/QĐ-SHTT ngày 25/02/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4850/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PT Sinergi Adimitra Jaya với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký  ("wecare, hình") theo đơn số 4-2015-12542 bị từ chối vì mang tính mô tả cho sản phẩm theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "wecare, hình" theo đơn số 4-2015-12542 theo các lý do sau:

Theo quy định tại điểm 39.6.c & d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, một dấu hiệu kết hợp được coi là có khả năng phân biệt khi dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình kết hợp thành một tổng thể có khả năng phân biệt, cụ thể:

"c) Trường hợp dấu hiệu kết hợp gồm các dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình không có hoặc ít có khả năng phân biệt nhưng cách thức kết hợp độc đáo của các dấu hiệu đó tạo ra một ấn tượng riêng biệt thì tổng thể kết hợp đó vẫn được coi là có khả năng phân biệt;

d) Dấu hiệu kết hợp gồm các thành phần chữ và hình không có hoặc ít có khả năng phân biệt nhưng tổng thể kết hợp đó đã đạt được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng theo quy định tại điểm 39.5 của Thông tư này".

Trong trường hợp này, nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng tự phân biệt, dựa trên các phân tích như dưới đây:

2. Tổng thể nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng tự phân biệt

Mẫu nhãn hiệu: 

Mô tả và diễn giải về nhãn hiệu: Nhãn hiệu xin đăng ký là một tổng thể gồm phần chữ "wecare" màu xanh lá cây, xanh dương và trắng kết hợp độc đáo với phần hình kiểu trái tim màu xanh dương được đặt phía trên phần chữ "care".

Trong một nhãn hiệu kết hợp, màu sắc thể hiện (ngoài màu đen, trắng) thì cách kết hợp/phối màu sắc cũng như cách thức kết hợp độc đáo các yếu tố trong nhãn hiệu đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo ấn tượng thị giác cho người tiêu dùng. Một nhãn hiệu tạo được ấn tượng thị giác chính là một nhãn hiệu có khả năng tự phân biệt.

Trong trường hợp này với việc kết hợp sử dụng màu xanh dương làm viền đổ bóng cho tất cả các yếu tố; lại tiếp tục có sự phối mầu xanh lá cây và xanh dương ở thân chữ cùng với yếu tố hình kiểu trái tim; tất cả đã tạo nên hiệu ứng nổi, đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất cho tổng thể nhãn hiệu. Hệ quả là đã có một ấn tượng thị giác cho người nhìn, nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng tự phân biệt.

Tiếp cận nhãn hiệu ở một góc độ khác, là nhãn hiệu xin đăng ký không đơn thuần là sự cóp nhặt, lắp ghép thông thường của các yếu tố phổ thông có sẵn trong công nghiệp tã lót (trong thông báo thẩm định nội dung đã không có bất cứ đối chứng nào được chỉ ra). Có thể thấy rằng một người bình thường không dễ dàng thiết kế nên được nhãn hiệu xin đăng ký. Ở đây đã có sự đầu tư, sáng tạo của chủ nhãn hiệu và/hoặc người thiết kế để tạo nên nhãn hiệu xin đăng ký hay

nói cách khác nhãn hiệu xin đăng ký là một sản phẩm trí tuệ riêng của người nộp đơn và do đó cần được bảo hộ là một tài sản trí tuệ.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng tự phân biệt và cần được bảo hộ.

Do đó, người nộp đơn xin được bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ "we" và "care".

2. Nhãn hiệu xin đăng ký cũng đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi từ trước ngày nộp đơn tại Việt Nam

Ngoài ra, các sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký cũng đã và đang được sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia láng giềng như Indonesia; Myanmar; Malaysia; Ấn Độ. Để quảng bá sản phẩm một cách rộng rãi đến người tiêu dùng, người nộp đơn đã đầu tư chi phí hàng trăm nghìn đô la Mỹ cho các hoạt động quảng cáo, cụ thể như sau: năm 2013 đạt 55.466 USD, năm 2014 đạt 258.300 USD, năm 2015 đạt 611.631 USD và năm 2016 đạt 972.374 USD.

Như vậy trung bình mỗi năm người nộp đơn đã chi khoảng 474.443 đô la Mỹ (tương đương 10,4 tỉ đồng) cho các hoạt động quảng bá nhãn hiệu xin đăng ký.

Nhờ đó, người nộp đơn đã đạt được khoản doanh thu đáng kể như sau: 2013 đạt 637.798 USD, năm 2014 đạt 2.788.160, năm 2015 đạt 3.566.848, năm 2016 đạt 5.151.076. Như vậy, mặc dù giá trị của từng sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký là rất nhỏ nhưng thông qua quá trình sử dụng rộng rãi, người nộp đơn đã đạt được khoản doanh thu khổng lồ (281,3 tỉ đồng) chỉ trong vòng 4 năm gần đây.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký 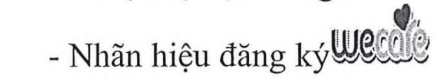 được kết hợp bởi 2 từ trong tiếng Anh đều có nghĩa: từ "we" được trình bày màu xanh dương và từ "care" trình bày màu xanh lá cây, nên cả nhãn hiệu tạo thành 2 từ riêng biệt, có nghĩa là "chúng tôi chăm sóc" áp dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 05: "Tã lót cho người lớn; tã lót dùng cho người không tự kiềm chế được; quần lót, thấm hút được, dùng cho người không tự kiềm chế" nên mang tính mô tả công dụng của hàng hóa, không có khả năng phân biệt.

- Các tài liệu chứng minh nhãn hiệu đăng ký sử dụng rộng rãi chỉ ở một số quốc gia như Indonesia, Myanmar, Malaysia, Ấn Độ mà không được thể hiện đã

sử dụng rộng rãi ở Việt Nam, do vậy việc chứng minh sử dụng như vậy chưa được đầy đủ và thiếu tính thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-12542 ngày 20/05/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 14283/QĐ-SHTT ngày 25/02/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-12542 ngày 20/05/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, PT Sinergi Adimitra Jaya có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PT Sinergi Adimitra Jaya (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142758/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FUMAKILLA LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2017-01129 ngày 20/10/2017 của FUMAKILLA LIMITED; địa chỉ: No. 11, Kanda-Mikuracho, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-24103 theo Quyết định số 49156/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4842/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FUMAKILLA LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký  ("Chữ Nhật Bản, hình") bị từ chối bảo hộ vì ngôn ngữ không thông dụng, phần hình ê líp là hình học đơn giản không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" theo đơn số 4-2013-01129 với các lý do sau:

1. Nhãn hiệu xin đăng ký  ("Chữ Nhật Bản, hình") là dấu hiệu có khả năng phân biệt tự thân và đóng vai trò như một nhãn hiệu độc lập.

Nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" là một thiết kế đồ họa sáng tạo của người nộp đơn bao gồm phần hình elip màu xanh da trời và phần chữ Nhật cách điệu màu trắng nổi bật trên nền xanh nằm bên trong hình elip. Vì vậy, mặc dù bao gồm phần chữ Nhật, nhưng nhãn hiệu xin đăng ký với sự kết hợp hình và màu sắc như nêu trên tạo nên một bố cục có cấu trúc đặc biệt, sáng tạo và vì thế nó trở thành một tác phẩm thiết kế đồ họa sáng tạo và đặc trưng của người nộp đơn.

"Chữ Nhật Bản, hình" là một nhãn hiệu có tính phân biệt tự thân. Nhãn hiệu này được sử dụng như logo, dấu hiệu nhận diện thương mại gắn trên các sản phẩm của người nộp đơn như liệt kê trong đơn đăng ký. Dưới góc độ của người tiêu dùng, họ nhận thức nhận thức nhãn hiệu bằng trực quan (mắt nhìn), "Chữ Nhật Bản" đóng vai trò là một nhãn hiệu hình, tác động đến thị giác, nhận thức trực quan, sau đó tác động đến nhận thức cảm quan và tạo ấn tượng trong nhận thức của người tiêu dùng.

2. Nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" của Công ty FUMAKILLA đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình đăng ký và sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới bao gồm Việt Nam.

2.1. Lược sử phát triển và danh tiếng của Công ty FUMAKILLA

Công ty FUMAKILLA được thành lập vào năm 1890 lấy tên là Oshirno Kaishundo và sau đó hoạt động kinh doanh tại thành phố Hiroshima chuyên sản xuất và tiếp thị thuốc trừ sâu Fumakilla Liquid Insecticides – sản phẩm được cấp bằng sáng chế vào năm 1920 và bắt đầu dẫn đầu thế giới về phát triển thuốc trừ sâu, nhằm giúp cải thiện môi trường sống tại Nhật Bản. Năm 1954, công ty đổi tên thành Fumakilla Limited. Năm 1963, công ty FUMAKILLA đã đưa ra thị trường thiết bị đuổi muỗi chạy điện đầu tiên và sau đó trở thành sản phẩm hàng đầu trên thị trường thuốc chống muỗi bởi sự tiện ích của sản phẩm.

Trong hơn 120 năm kể từ khi thành lập đến nay, Công ty FUMAKILLA đã mở rộng hoạt động từ thuốc trừ sâu sang các sản phẩm gia dụng, làm vườn và công nghiệp với các thương hiệu "Chữ Nhật Bản", Fumakilla, Vape, Jumbo, Kadan và trở thành một doanh nghiệp toàn cầu, kinh doanh không chỉ ở Nhật Bản mà còn trên toàn thế giới.

Công ty FUMAKILLA có 8 văn phòng/chi nhánh và thành lập các công ty con tại Nhật Bản như Toshiba Sangyo, Công ty TNHH Dược phẩm Oshita, Công ty TNHH Công nghiệp Nippon, Công ty TNHH Fumakira Total System và hai công ty khác. FUMAKILLA cũng được thành lập công ty tại các quốc gia khác như Fumakilla Italia S.pA, Fumakilla Europe S.A, P.T. Fumakilla Indonesia, PT.FUMAKILLA NOMOS, Fumakilla India Private Limited, Fumakilla America S.A.DE C. V., Fumakilla Asia Sdn. Bhd., Fumakilla Malaysia Berhad, Fumakilla (Thái Lan) Ltd., Fumakilla Vietnam Pte., Ltd., Vape Myanmar Limited. FUMAKILLA hiện mở rộng mạng lưới tới 70 quốc gia.

FUMAKILLA là công ty duy nhất ở Nhật bản được công nhận Eco Rail Mark - đây là nhãn hiệu chứng nhận Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải trao cho sản phẩm thân thiện với môi trường của các công ty sản xuất và bán thuốc trừ sâu.

2.2. Nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" của Công ty FUMAKILLA đã được đăng ký rộng rãi trên toàn thế giới

Công ty FUMAKILLA rất chú trọng phát triển và bán sản phẩm ở thị trường các nước châu Á nên đã sớm đăng ký nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" ở các thị trường này. Vì nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" là một nhãn hiệu hình (logo) có tính sáng tạo của người nộp đơn, nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" của Công ty FUMAKILLA đã được đăng ký tại các quốc gia như Nhật Bản, Indonesia, Singapore, Thái Lan, Philippines, Malaysia, Myanmar, Lào, Brunei, Campuchia, Trung Quốc, Mexico, Ấn Độ.

2.3. Nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" của Công ty FUMAKILLA đã được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới bao gồm Việt Nam

Nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" là logo chính của công ty đã được sử dụng trên tất cả các loại sản phẩm của công ty từ năm 1992. Các ký tự tiếng Nhật trong nhãn hiệu được phiên âm là "FUMAKILLA" - tên thương mại và cũng là nhãn hiệu đã đăng ký của công ty. Nhãn hiệu "FUMAKILLA" cũng đã được đăng ký ở Việt Nam theo Giấy chứng nhận số 721 ngày 25/08/1987 cho các sản phẩm thuộc nhóm 5, 11.

Các sản phẩm mang nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" rất đa dạng, bao gồm dòng sản phẩm diệt côn trùng bảo vệ con người khỏi các loài gây hại như

như diệt muỗi, ruồi, gián, ve, kiến, ong và rết...; dòng sản phẩm bảo vệ sức khỏe cho gia dụng như sản phẩm khử trùng rượu, khử trùng phấn hoa, chống vi rút, hút ẩm, thuốc chống côn trùng cho quần áo, chất tẩy rửa, hương liệu, khử mùi, khử trùng, thuốc chống côn trùng cho chó và mèo; dòng sản phẩm cho nông nghiệp thân thiện môi trường như thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm để làm vườn, chất chống sâu bệnh, thuốc chống côn trùng, thuốc diệt cỏ , phân bón, chất làm tăng cường sức sống; dòng sản phẩm dùng cho các ngành công nghiệp như sản phẩm kiểm soát và chống côn trùng cho các cửa hàng, nhà máy, nhà hàng.

Các sản phẩm mang nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" đã được bán rộng rãi trong mạng lưới công ty tại 70 quốc gia. Ngoài ra, các sản phẩm đã được bán trực tuyến tại trang web http://shop.fumakilla.jp/.

Tại Việt Nam, các sản phẩm mang nhãn hiệu "Chữ Nhật Bản, hình" đã được bán rộng rãi kể từ tháng 2 năm 2015 như bình xịt diệt côn trùng JUMPO VAPE One Push, hương diệt muỗi JUMPO VAPE, v.v. Các sản phẩm này đã được Cục Quản lý Môi trường Y tế thuộc Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 767/GCN ngày 27 tháng 8 năm 2014 và 812/GCN và 813/GCN ngày 10 tháng 3 năm 2015 cho thuốc diệt côn trùng và thuốc khử trùng cho hộ gia đình và sử dụng cho mục đích y tế.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "Chữ Nhật Bản" chỉ là các ký tự chữ Nhật Bản được trình bày trong hình ê líp màu xanh, các ký tự này thuộc ngôn ngữ không thông dụng tại Việt Nam vì rất khó ghi nhớ đối với người tiêu dùng thông thường nên thuộc đối tượng loại trừ theo quy định tại điều 74.2.a Luật Sở hữu trí tuệ.

- Các tài liệu và bằng chứng chứng minh nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-24103 ngày 16/10/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 49156/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-24103 ngày 16/10/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, FUMAKILLA LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FUMAKILLA LIMITED (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142759/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CANON KABUSHIKI KAISHA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2015-01164 ngày 11/12/2015 của CANON KABUSHIKI KAISHA; địa chỉ: 30-2, Shimomaruko 3-chome, Ohta-ku Tokyo 146-8501, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1214781 theo Thông báo số 2014/33 MDQ22 ngày 21/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4845/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CANON KABUSHIKI KAISHA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "CONNECT STATION" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1214781 bị từ chối bảo hộ vì mang tính mô tả sản phẩm theo Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "CONNECT STATION" theo ĐQT số 1214781 với các nội dung sau:

Canon Kabushiki Kaisha cho rằng dấu hiệu "CONNECT STATION" theo ĐKQT số 1214781 đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ trên cơ sở đệ trình tại Phụ lục III: Bản gốc tiếng Anh có xác nhận của Công chứng viên và phần dịch tiếng Việt Bản Tuyên bố (Declaration), do ông Hisashi Shimamura – Giám đốc phụ trách Bộ phận Nhãn hiệu và Kiểu dáng của Canon Kabushiki Kaisha thực hiện, với các thông tin và bằng chứng chứng minh nhãn hiệu "CONNECT STATION" đã được đăng ký và sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới, cụ thể như sau:

1. Người nộp đơn - Canon Kabushiki Kaisha là công ty hàng đầu thế giới trong sản xuất các sản phẩm về hình ảnh và quang học kỹ thuật cao

Được thành lập vào năm 1937, Công ty chuyên phát triển, sản xuất và đưa ra thị trường các dòng sản phẩm máy phô-tô, máy in, máy quay phim và các thiết bị công nghiệp khác. Trong hơn 60 năm qua, Công ty đã nhanh chóng trở thành nhà sản xuất máy quay nổi tiếng thế giới và trở thành tập đoàn đa phương tiện toàn cầu.

Tính đến năm 2014, Canon có 26.409 nhân viên tại 261 công ty con trên 46 quốc gia, đứng thứ 3 trong số 10 công ty có số lượng đơn đăng ký sáng chế nhiều nhất tại Mỹ.

Canon hiện đang điều hành công việc kinh doanh tại Nhật (19.2%), Châu Âu (30.1%), Châu Mỹ (28.4%) và các khu vực khác bao gồm, Trung Đông, Châu Phi, Châu Đại Dương và Châu Á (22.3%).

Nhờ việc đưa ra thị trường các sản phẩm chất lượng tuyệt vời, Canon đã nhận được nhiều giải thưởng cao quý, có thể kể đến như Red Dot Design Award: Product Design 2015, TIPA's 2013 Best Expert DSLR, Popular Photograph 2013 Pop Award cho sản phẩm Pixma Pro-10, TIPA's 2013 Best Expert Photo Printer cho Pixma Pro-10, EISA Best Product 2012-2013, Giải thưởng nhân ba của Hiệp hội về Âm thanh và Hình ảnh Châu Âu 2010-2011 cho Máy quay tốt nhất (Canon EOS 550D), Máy quay cao cấp SLR (Canon EOS 7D) và Máy quay phim dùng cho gia đình tốt nhất (Canon Legria HF M31). Năm 2012, Canon đã giành được giải thưởng Technology & Engineering Emma Award. Bên cạnh đó, mẫu sản phẩm Canon EOS-1D X ra mắt tháng 6 năm 2012

đã được các nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp sử dụng rộng rãi tại Thế vận hội mùa hè 2012 tại London.

Các sản phẩm của Canon đã có mặt tại Việt Nam từ đầu những năm 1980 thông qua các công ty phân phối được ủy quyền. Canon đã đánh dấu sự hiện diện của mình tại đây bằng việc thành lập ba nhà máy tại Hà Nội, Quế Võ và Bắc Ninh cùng hai văn phòng đại diện tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Điều này đã tạo công ăn việc làm cho hơn 20.000 người cũng như 300 đại lý trên toàn Việt Nam.

2. Nhãn hiệu "CONNECT STATION" đã được sử dụng rộng rãi và đã đạt được khả năng phân phân biệt của một nhãn hiệu thông qua quá trình sử dụng thực tế

Nhãn hiệu "CONNECT STATION" là tên một thiết bị là một loại thiết bị lưu trữ tiện lợi giúp cải tiến cách thức xem ảnh chụp và các đoạn phim với chất lượng cao trên màn hình lớn. Thiết bị này cho phép lưu trữ và sắp xếp ảnh từ các thiết bị khách nhau vào một hiết bị trung tâm để có thể dễ dàng xem và chia sẻ.

CONNECT STATION CS100 là thiết bị lưu trữ ảnh độc đáo cho phép người sử dụng lưu và chia sẻ hình ảnh/đoạn phim một cách nhanh chóng và dễ dàng. Với chức năng như là một thiết bị lưu trữ trung tâm với dung lượng lên tới 1TB (1 nghìn tỷ byte), toàn bộ ảnh và đoạn phim có thể được lưu vào thiết bị này từ máy quay phim Canon có tích hợp với thẻ NFC bằng cách đặt cho máy quay phim gần sát với thiết bị Connect Station CS100 hoặc thông qua thẻ nhớ SD/CF, USB hoặc Wi-Fi. Thiết bị Connect Station CS100 là cách tuyệt vời để nhớ lại những khoảnh khắc tuyệt vời của người dùng – từ những kỳ nghỉ tới lễ cưới – với những người bạn và gia đình tại nhà trên màn hình TV cỡ lớn.

Nhãn hiệu "CONNECT STATION" được giới thiệu lần đầu tiên tại thị trường Nhật Bản vào ngày 27.08.2015, tuy nhiên các sản phẩm mang nhãn hiệu này đã được giới thiệu trước đó tại Hội chợ Điện tử và Tiêu dùng quốc tế 2015 (CES 2015) diễn ra hồi tháng 1 năm 2015 tại Las Vegas, Mỹ. Tuy mới chỉ ra mắt được gần một năm, nhưng sản phẩm công nghệ mang nhãn hiệu "CONNECT STATION" đã nhanh chóng được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới với những tính năng độc đáo: dung lượng lớn, dễ lưu trữ và phân loại hình ảnh/đoạn phim, dễ chia sẻ, in ảnh trực tiếp, chế độ xem lại đoạn phim Full HD, lưu trữ với thẻ NFC…

Kể từ sau lần ra mắt đầu tiên, "CONNECT STATION" đã được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Sản phẩm mang nhãn hiệu "CONNECT STATION" đã được phân phối 46 quốc gia, bao gồm Úc, Brazil, Canada, Trung Quốc, 28 quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu, Hồng Kông, Ấn Độ, Nhật

Bản, Malaysia, Mexico, Na Uy, Philippines, Nga, Singapore, Hàn Quốc, Thụy Sỹ, Đài Loan, Thái Lan, Mỹ và Việt Nam.

Tại Việt Nam, các sản phẩm mang nhãn hiệu "CONNECT STATION" được lần đầu tiên giới thiệu tại Triển lãm quốc tế về thiết bị chụp hình và công nghệ hình ảnh 2015 (VIPI Show 2015) diễn ra tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 07.05.2015. Các sản phẩm "CONNECT STATION" đã thu hút rất nhiều người đến tham gia triển lãm bởi các tính năng độc đáo.

Như vậy, rõ ràng là các sản phẩm mang nhãn hiệu "CONNECT STATION" dù mới được ra mắt nhưng đã được sử dụng và đã được thừa nhận rộng rãi trên toàn thế giới, bao gồm cả Việt Nam.

3. Nhãn hiệu CONNECT STATION có khả năng phân biệt tự thân và vì vậy đã được đăng ký rộng rãi tại nhiều quốc gia

"CONNECT STATION" là một từ tự tạo, kết hợp giữa 2 từ "Connect" (có nghĩa tiếng Việt là "kết nối, liên hệ") và "Station" (có nghĩa tiếng Việt là "trạm, nhà ga, điểm") tạo thành một cụm từ "CONNECT STATION" có nghĩa tiếng Anh là "trạm kết nối". Với ý nghĩa này, nhãn hiệu xin đăng ký "CONNECT STATION" hoàn toàn không mô tả các sản phẩm "Máy phát vi-đê-ô kỹ thuật số, máy nghe nhạc kỹ thuật số, khung ảnh kỹ thuật số, ổ đĩa cứng, đầu đọc thẻ nhớ điện tử, bộ ghi thẻ nhớ điện tử, giao diện máy tính, thiết bị xử lý dư liệu, phần mềm máy tính, máy tính bản, máy tính cá nhân, phần mềm máy tính, phần mềm máy tính dùng để xem, phát lại, tải lên và tải về, chia sẻ, lưu trữ, dự phòng, truyền, nhận, truy cập, thu hồi và sắp xếp ảnh kỹ thuật số, vi-đê-ô kỹ thuật số và hình ảnh kỹ thuật số" thuộc nhóm 09.

Được đánh giá là có khả năng phân biệt tự thân và có khả năng thực hiện được chức năng nhãn hiệu khi được sử dụng trên các sản phẩm của Người nộp đơn, vì thế, nhãn hiệu đã được đăng ký lần đầu năm 2014 tại Nhật Bản. Hiện tại, nhãn hiệu "CONNECT STATION" đã được đăng ký tại 13 quốc gia trên thế giới bao gồm cả các nước sử dụng tiếng Anh, cụ thể là Úc, Thụy Sỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Mexico, Philippines, Singapore, Mỹ, Canada, Hồng Kông, Nhật Bản, Malaysia và Đài Loan. Công ty cũng đã nộp đơn xin đăng kỹ nhãn hiệu "CONNECT STATION" tại nhiều quốc gia khác như Brazil và Thái Lan.

Do vậy, trên cơ sở trình bày trên đây cùng các tài liệu chứng minh, Canon Kabushiki Kaisha đệ trình rằng nhãn hiệu "CONNECT STATION" theo ĐKQT số 1214781 có khả năng phân biệt tự thân, đã được chấp nhận đăng ký tại nhiều quốc gia, đồng thời nhãn hiệu này đã thực hiện được chức năng nhãn hiệu qua quá trình sử dụng thực tế trên toàn thế giới. Vì thế, nhãn hiệu "CONNECT

STATION" theo ĐKQT số 1214781 đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và không thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 74.2.c Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "CONNECT STATION" nghĩa tiếng Việt là "Trạm kết nối" áp dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 09: "Máy phát video kỹ thuật số; máy phát âm thanh kỹ thuật số; khung ảnh kỹ thuật số; ổ đĩa cứng; đầu đọc thẻ nhớ điện tử; đầu thẻ ghi nhớ điện tử; giao diện cho máy tính; thiết bị xử lý dữ liệu; phần cứng máy tính; máy tính cá nhân; phần mềm máy tính; phần mềm máy tính dùng để xem, phát lại, tải lên, tải xuống, chia sẻ, lưu trữ, sao lưu, truyền, nhận, truy cập, truy xuất và sắp xếp ảnh kỹ thuật số, video kỹ thuật số và hình ảnh kỹ thuật số" mang tính mô tả sản phẩm nên nhãn hiệu không tạo được khả năng phân biệt.

- Nhãn hiệu "CONNECT STATION" đăng ký tại một số quốc gia nói tiếng Anh không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam.

- Các tài liệu và bằng chứng chứng minh nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi không đủ sức thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1214781 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/33 MDQ22 ngày 21/8/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1214781.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CANON KABUSHIKI KAISHA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng

Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CANON KABUSHIKI KAISHA (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142760/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Chocolaterie Guylian N.V.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 06/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2006-00493 ngày 22/11/2006 của Chocolaterie Guylian N.V.; địa chỉ: 1, Europark-Oost, SINT-NIKLAAS (BE) B-9100 Benelux; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-

TTN105

2004-06716 theo Quyết định số 35114/QĐ-SHTT ngày 22/8/2006;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4836/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Chocolaterie Guylian N.V. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "hình" theo đơn số 4-2004-06716 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "BEL CHOLAT TM SEA SHELL, hình" theo đơn số 4-2004-06419 theo các Điều 6.1.c, 6.2.(a,c) Nghị định số 63/CP của Chính phủ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "hình" theo đơn số 4-2004-06716 với các lý do sau:

Như người nộp đơn đã đính chính trong Đơn khiếu nại số KN-2006-00493 và theo đơn nhãn hiệu số 4-2004-06716 có thể thấy rằng nhãn hiệu xin đăng ký là hình ba chiều (Hình con sò biển) kết hợp với nhãn hiệu "Ⓖ" – một nhãn hiệu đã được người nộp đơn đăng ký lần đầu tại Benelux từ năm 1986 và được bảo hộ tại 37 quốc gia trên thế giới.

2. "Hình con sò biển" và nhãn hiệu "Ⓖ" là các dấu hiệu mang tính phân biệt của Guylian, đã được sử dụng và đăng ký rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới

Như chúng tôi đã nêu trong Đơn khiếu nại KN-2006-00493 nộp ngày 22/11/2006, ý tưởng về bộ sưu tập sô cô la có hình các con sò biển độc đáo được Guy Foubert, người sáng lập ra Guylian, tạo ra. Guylian là chủ sở hữu nhãn hiệu 3 chiều "Hình thanh sô cô la có hình sò biển" (Đăng ký quốc tế số 803104, ngày ưu tiên 12/12/2002), nhãn hiệu 3 chiều "Hình con cá ngựa" (Đăng ký quốc tế số 790851, ngày ưu tiên 16/04/2004) và nhãn hiệu "Hình con cá ngựa có đuôi xoắn về phía sau" (Đăng ký quốc tế số 826169).

Nhãn hiệu "Hình thanh sôcôla có hình sò biển" theo đăng ký Quốc tế số 803104, là nhãn hiệu 3 chiều trên đó thể hiện hình tôm panđan, con sò, con cá ngựa có đuôi xoắn về phía sau và con trai. Nhãn hiệu này đã được bảo hộ tại 36 nước và sử dụng rộng rãi tại 104 nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Các dấu hiệu hình các con hải sản như tôm pađan, sò, cá ngựa, con trai, con ốc là dấu hiệu mang tính phân biệt của Guylian, gắn liền với lịch sử phát triển của Guylian và được đăng ký bảo hộ trước đơn quốc gia số 4-2004-06419 ngày 30/06/2004 của Công ty cổ phần Sô Cô la Bỉ.

Hơn nữa, việc gắn thêm nhãn hiệu "Ⓖ" - một nhãn hiệu nổi tiếng và được sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới – trên tất cả các viên sôcôla sò biển của Guylian sẽ giúp người tiêu dùng nhận biết rằng hàng hoá có nguồn gốc từ Công ty Guylian và càng làm nổi bật khả năng phân biệt của các sản phẩm sôcôla của Guylian. Đặc biệt là khi các sản phẩm hộp sôcôla sò biển của Guylian được bán trên khắp thế giới tại 104 nước thông qua các đội bán

hàng địa phương tại Anh, Pháp, Đức, Áo, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Ý, Ba Lan, Nhật Bản và Mỹ, tại các cửa hàng bán lẻ, các cửa hàng miễn thuế.

Như vậy, chúng tôi cho rằng nhãn hiệu xin đăng ký theo đơn số 4-2004-06716 "Hình con sò biển & ©" không tương tự gây nhầm lẫn với đơn quốc gia số 4-2004-06419 mà nếu có xem xét đánh giá sự tương tự giữa hai nhãn hiệu này thì nhãn hiệu theo đơn quốc gia số 4-2004-06419 sẽ phải bị xem xét huỷ bỏ hiệu lực do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Hình thanh sôcôla có hình các con sò biển" được đăng ký trước của Công ty Guylian (đăng ký Quốc tế số 803104, ngày ưu tiên 12/12/2002).

3. Quy định pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu ba chiều tại Việt Nam

Luật Quốc tế cũng như pháp luật Việt Nam đã ghi nhận các dấu hiệu ba chiều như một trong số các dấu hiệu có thể dùng làm Nhãn hiệu hàng hoá. Điều 72.1 - Luật Sở Hữu Trí Tuệ quy định một trong hai điều kiện đối với nhãn hiệu được bảo hộ "là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều mầu sắc".

Trở lại trường hợp đơn nhãn hiệu số 4-2004-06716 có thể nhận thấy dấu hiệu xin đăng ký là hình ba chiều của con sò biển kết hợp với nhãn hiệu © - nhãn hiệu nổi tiếng đã được người nộp đơn sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới – không tương tự gây nhầm lẫn với đơn quốc gia số 4-2004-06419 và là dấu hiệu mang tính phân biệt của Guylian, do đó, đáp ứng các điều kiện đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 63/CP của Chính phủ quy định dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hóa được công nhận là có khả năng phân biệt theo Điều 785 Bộ Luật dân sự nếu không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hóa nêu trong đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa đã nộp cho Cơ quan có thẩm quyền với ngày ưu tiên sớm hơn (kể cả các đơn về nhãn hiệu hàng hóa được nộp theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia).

Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP của Chính phủ quy định dấu hiệu không được Nhà nước bảo hộ với danh nghĩa làdấu hiệu không có khả năng phân biệt, như các hình và hình học đơn giản, các chữ số, chữ cái, các chữ không có khả năng phát âm như một từ ngữ, chữ nước ngoài thuộc các ngôn ngữ không thông dụng trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và đã được thừa nhận một cách rộng rãi.

Điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP của Chính phủ quy định dấu hiệu không được Nhà nước bảo hộ với danh nghĩa là nhãn hiệu hàng hóa là dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị mang tình mô tả hàng hóa, dịch vụ và xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký là hình ảnh viên socola được thiết kế hình con sò với màu đen và các hình vân sọc tương tự gây nhầm lẫn với hình viên sô cô la theo đơn số 4-2004-06419 (đã được cấp GCNĐKNH số 74794) theo Điều 6.1.c Nghị định số 63/CP.

- Nhãn hiệu "Hình" là viên sô cô la mang hình con sò là hình ảnh thông thường của sản phẩm, đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam nên không còn khả năng phân biệt;

- Chữ "G" là chữ cái thông thường nên không có khả năng phân biệt.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6, điểm a, c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2004-06716 ngày 08/07/2004 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 35114/QĐ-SHTT ngày 22/8/2006 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2004-06716 ngày 08/07/2004.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Chocolaterie Guylian N.V. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Chocolaterie Guylian N.V. (qua Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142761/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Charoen Pokphand Group Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00554 ngày 03/10/2019 của Charoen Pokphand Group Co., Ltd.; địa chỉ: 313 C.P. Tower 14th, 16th Floor, Silom Road, Silom Sub-district, Bangrak District, Bangkok, Thailand; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-10020 theo Quyết định số 54286/QĐ-SHTT ngày 04/7/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4968/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Charoen Pokphand Group Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "FIVE STAR, hình" theo đơn số 4-2015-10020 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "PHỞ 5 SAO" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 97760, nhãn hiệu "PHỞ 5 SAO, VIETNAM PHO NOODLE SOUP, hình" theo GCNĐKNH số 84099 theo Điều 74.2.h Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối nhãn hiệu "FIVE STAR, hình" theo đơn số 4-2015-10020 với các lý do sau:

Theo nguyên tắc cơ bản của pháp luật về nhãn hiệu, việc đánh giá về khả năng tương tự gây nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu cần được đánh giá dựa trên tổng thể nhãn hiệu, bao gồm sự khác biệt về hình thức, ý nghĩa, ấn tượng chung được tạo ra bởi tổng thể nhãn hiệu đối với người tiêu dùng xuyên suốt trong quá trình thương mại hóa các sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu cũng như sự khác biệt về các sản phẩm/ dịch vụ cụ thể mang nhãn hiệu.

Dựa trên các nguyên tắc đó, người nộp đơn cho rằng, nhãn hiệu không thể tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng bởi những lý do sau đây:

a. Khác biệt về hình thức

Nhãn hiệu	Các nhãn hiệu đối chứng	
	PHỞ 5 SAO	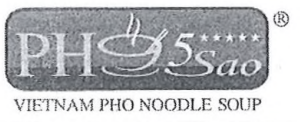

- Nhãn đối chứng 1 là các từ "PHỞ 5 SAO" viết in hoa ở dạng kiểu chữ cơ bản và nhãn hiệu đối chứng 2 bao gồm các từ "PHỞ 5 SAO" cách điệu với chữ "Ở" là hình tô phở bốc khói nằm trong hình chữ nhật cách điệu màu đỏ và xanh, tất cả đặt trên các từ "VIETNAM PHO NOODLE SOUP".

- Nhãn hiệu đăng ký bao gồm các chữ "FIVE STAR" màu trắng viết in hoa được đặt chếch một góc 45 độ dưới hình một con gà cách điệu và đặt trong một hình tròn có viền bao quanh.

- Rõ ràng, ấn tượng thị giác khi nhìn vào nhãn hiệu và nhãn hiệu đối chứng là hoàn toàn khác nhau. Nhìn vào nhãn hiệu đối chứng người tiêu dùng bình thường từ trẻ em tới người già, đều biết và nghĩ ngay tới cửa hàng bán phở, một món ăn rất phổ biến tại Việt nam. Trái lại, nhãn hiệu bao gồm từ "FIVE STAR" và hình con gà cách điệu được bố cục trong một hình tròn nền đen vừa góp phần tạo nên sự khác biệt rõ rệt về tổng thể nhãn hiệu vừa tạo ra sự khác biệt trong thị giác, giúp người tiêu dùng có thể phân biệt được nhãn hiệu và các nhãn hiệu đối chứng.

b. Khác biệt về cách phát âm

Nhãn hiệu đăng ký là từ tiếng Anh có nghĩa và có cách đọc là "Phai-sờ-ta" trong khi nhãn hiệu đối chứng là các từ tiếng Việt được đọc là "Phở-năm-sao". Theo thói quen thông thường, người tiêu dùng khi nhìn thấy nhãn hiệu sẽ chỉ ghi nhớ nhãn hiệu bởi tên nhãn hiệu và ấn tượng thị giác mà nhãn hiệu đó

đem lại chứ không tiến hành dịch trực tiếp tên nhãn hiệu từ các ngôn ngữ khác nhau sang tiếng Việt để gọi tên nhãn hiệu đó. Do vậy, với sự khác biệt hoàn toàn trong cách phát âm, người tiêu dùng khó có thể nhầm lẫn nhãn hiệu với các nhãn hiệu đối chứng.

c. Khác biệt về ý nghĩa và ấn tượng thương mại

- Nhìn vào nhãn hiệu đối chứng, người tiêu dùng ngay lập tức có suy nghĩ, hiểu và nhận thức rằng dịch vụ mà nhãn hiệu đối chứng cung cấp là cửa hàng kinh doanh mặt hàng phở với chất lượng tốt, chất lượng 5 sao.

- Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký, với sự khác biệt hoàn toàn về hình thức không thể khiến cho người tiêu dùng có sự liên tưởng giống như nhãn hiệu đối chứng hay hiểu nhầm rằng nhãn hiệu và nhãn hiệu đối chứng có mối liên quan với nhau.

- Nhãn hiệu là từ "FIVE STAR" là 2 từ tiếng anh cũng có nghĩa là "5 sao", tuy nhiên kết hợp với sự khác biệt hoàn toàn về tổng thể hình thức và cách đọc của Nhãn Hiệu và các Nhãn đối chứng, thì việc nhầm lẫn giữa những nhãn hiệu này là không thể xảy ra.

d. Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có chứa thành phần tương tự với nhãn hiệu của người nộp đơn đã được sử dụng tại Việt Nam, gắn liền với người nộp đơn và đạt được khả năng phân biệt với các nhãn hiệu khác

- Như đã trình bày trong công văn số 23/NH ngày 05/01/2018 về việc trả lời thông báo kết quả thẩm định nội dung của đơn đăng ký mang nhãn hiệu, người nộp đơn – tập đoàn Charoen Pokphand Group Co., Ltd. là chủ sở hữu của các nhãn hiệu sau tại Việt Nam:

+ Nhãn hiệu "" theo đăng ký số 54549 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29;

+ Nhãn hiệu "" theo đăng ký số 54548 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29;

+ Nhãn hiệu "

" theo đăng ký số 57243 cho các sản phẩm thuộc nhóm 29;

- Các nhãn hiệu này đã được người nộp đơn sử dụng tại Việt Nam từ lâu và bởi vậy người tiêu dùng Việt Nam đã phần nào trở nên quen thuộc với các nhãn hiệu của người nộp đơn, hay nói cách khác, các nhãn hiệu của người nộp đơn, với thành phần phân biệt chính là hình một con gà cách điệu và phần chữ "FIVE STAR", "NĂM SAO" đã trở thành chỉ dẫn thương mại gắn liền với người nộp đơn tại Việt Nam.

- Tuy nhiên, các bằng chứng về việc sử dụng nhãn hiệu của người nộp đơn dường như chưa được xem xét,đánh giá và kết luận trong Quyết định từ chối.

2. Người nộp đơn không đồng ý với ý kiến cho rằng kết luận "các nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn và chủ nhãn đối chứng không gia hạn chứng tỏ chủ nhãn đối chứng không còn quan tâm đến nhãn hiệu của mình là ý kiến chủ quan và không phù hợp".

Các kết luận của người nộp đơn đưa ra đều dựa trên các bằng chứng và thực tế khách quan phù hợp với vụ việc

a. Các nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn bảo hộ và không được sử dụng trong thời hạn 5 năm năm liên tiếp từ trước thời điểm chúng hết hạn

- Tra cứu dữ liệu nhãn hiệu online của Cục Sở hữu trí tuệ tại địa chỉ http://iplib.noip.gov.vn/WebUI/WSearch.php cho thấy tới thời điểm hiện tại, các đăng ký nhãn hiệu đối chứng đã hết thời hạn bảo hộ từ hơn 2 năm qua và chủ nhãn hiệu đối chứng cũng không gia hạn hay nộp đơn lại cho nhãn hiệu đối chứng. Điều này là bằng chứng và thực tế khách quan chứng minh chủ nhãn hiệu đối chứng không còn quan tâm tới các nhãn hiệu đối chứng này.

- Để chứng minh các nhãn hiệu đối chứng này đã không được sử dụng trong thời hạn 5 năm năm liên tiếp từ trước thời điểm chúng hết hạn, người nộp đơn đã tiến hành tra cứu việc sử dụng các nhãn hiệu đối chứng của Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Kim Tài tại Việt Nam thông qua Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại Bộ Công Thương. Kết quả tra cứu của Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại Bộ Công Thương không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Kim Tài sử dụng các nhãn hiệu đối chứng:

+ "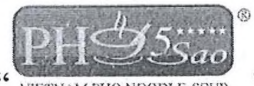

" với các dịch vụ "Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ nhà hàng giải khát" thuộc nhóm 43 kể từ năm 2011 tới nay tại thị trường Việt Nam.

+ "PHỞ 5 SAO" với các dịch vụ "Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ nhà hàng giải khát" thuộc nhóm 43 kể từ năm 2012 tới nay tại thị trường Việt Nam.

- Như vậy, rõ ràng chủ nhãn hiệu đối chứng đã không sử dụng nhãn hiệu đối chứng trong một thời gian dài, hơn 5 năm, và bằng chứng khách quan này đã chứng minh rằng:

+ Chủ các nhãn hiệu đối chứng đã không còn ý định sử dụng và cũng không còn quan tâm tới nhãn hiệu của mình;

+ Ấn tượng của người tiêu dùng đối với các nhãn hiệu đối chứng cho tới nay là không còn hoặc rất ít;

Như vậy, việc nhầm lẫn giữa nhãn hiệu và các nhãn hiệu đối chứng cũng như việc quyền lợi của chủ nhãn hiệu đối chứng bị ảnh hưởng đều sẽ không xảy ra. Hay nói cách khác, với việc các nhãn hiệu đối chứng đã không được sử dụng trong thời hạn (5) năm năm liên tiếp từ trước thời điểm chúng hết hạn, chúng sẽ không còn là đối chứng đối với nhãn hiệu nêu trên.

b. Trên thực tế chủ các nhãn hiệu đối chứng đã ngừng hoạt động

Người nộp đơn đã tiến hành tra cứu thông tin của Công ty nhân thương mại và dịch vụ Kim Tài (trước đây là Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Kim Tài) chủ các nhãn hiệu đối chứng trên trang web tra cứu thông tin điện

tử của Tổng Cục Thuế tại địa chỉ http://tracuunnt.gdt.gov.vn/tcnnt/mstdn.jsp Theo kết quả tra cứu, chủ các nhãn đối chứng và các chi nhánh đều đã ngừng hoạt động/đóng mã số thuế.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "PHỞ 5 SAO" theo GCNĐKNH số 97760

Nhãn hiệu đăng ký "FIVE STAR" có nghĩa tiếng Việt là "5 sao" tương tự với thành phần chữ "5 SAO" trong nhãn hiệu "PHỞ 5 SAO" về ý nghĩa, đây là các thành phần chính, tạo khả năng phân biệt cho các nhãn hiệu, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho dịch vụ thuộc nhóm 43, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Dịch vụ cung cấp thức ăn, đồ uống do nhà hàng thực hiện; dịch vụ nhà hàng ăn uống cung cấp đồ ăn tự phục vụ; dịch vụ nhà hàng ăn uống" và nhãn hiệu đối chứng: "Dịch vụ nhà hàng ăn uống: dịch vụ nhà hàng giải khát". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nhà cung cấp dịch vụ.

Nhãn hiệu đối chứng nêu trên hết hạn hiệu lực từ ngày 12/02/2017 và tính đến thời điểm ban hành Quyết định từ chối là 04/7/2019 thì nhãn hiệu đối chứng chưa hết hiệu lực quá 5 năm.

b. Nhãn hiệu đối chứng "PHỞ 5 SAO, VIETNAM PHO NOODLE SOUP, hình" theo GCNĐKNH số 84099

Nhãn hiệu đăng ký "FIVE STAR" có nghĩa tiếng Việt là "5 sao" tương tự với thành phần tương ứng "5 SAO" của nhãn hiệu nêu trên, nên các nhãn hiệu tương tự nhau về ý nghĩa, dấu hiệu "FIVE STAR"/"5 SAO" là các thành phần chính, tạo khả năng phân biệt cho các nhãn hiệu. Đồng thời, các nhãn hiệu đều áp dụng cho dịch vụ thuộc nhóm 43, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Dịch vụ cung cấp thức ăn, đồ uống do nhà hàng thực hiện; dịch vụ nhà hàng ăn uống cung cấp đồ ăn tự phục vụ; dịch vụ nhà hàng ăn uống" và nhãn hiệu đối chứng: "Dịch vụ nhà hàng ăn uống: dịch vụ nhà hàng giải khát". Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các dịch vụ cùng loại sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nhà cung cấp dịch vụ.

Nhãn hiệu đối chứng nêu trên hết hiệu lực từ ngày 07/9/2016 và tính đến thời điểm ban hành Quyết định từ chối là 04/7/2019 thì nhãn hiệu đối chứng chưa hết hiệu lực quá 5 năm.

c. Người nộp đơn cung cấp tài liệu về chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng không hoạt động chỉ là một nguồn để tham khảo, không khẳng định việc các nhãn hiệu đã không được sử dụng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-10020 ngày 23/04/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 54286/QĐ-SHTT ngày 04/7/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-10020 ngày 23/04/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Charoen Pokphand Group Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Charoen Pokphand Group Co., Ltd. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142762/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CTB, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2014-00239 ngày 13/3/2014 của CTB, Inc.; địa chỉ: 611 North Higbee Street, Milford Indiana, IN 46542-2000, United States of America; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 930694 theo Thông báo số 2012/50 HBN25 ngày 17/12/2013;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4970/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CTB, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "CHORE-TIME" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 930694 bị tạm thời từ chối bảo hộ từng phần đối với các sản phẩm thuộc các nhóm 06, 09 và 11 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 10584 và nhãn hiệu theo đơn đăng ký số 4-2007-17004, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp Investip đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu theo ĐQT số 930694 với lý do:

Chủ đơn nhãn hiệu đã giới hạn, loại bỏ toàn bộ các sản phẩm thuộc nhóm 06, 09 và 11 ra khỏi danh mục sản phẩm/dịch vụ nhãn hiệu đăng ký để phù hợp với ý kiến thẩm định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "CHORE-TIME" theo ĐKQT số 930694 đã được chủ đơn thực hiện việc giới hạn danh mục sản phẩm, theo đó toàn bộ các sản

phẩm thuộc nhóm 06, 09 và 11 đã được loại bỏ khỏi danh mục sản phẩm đăng ký.

Sau khi thực hiện việc giới hạn nêu trên, danh mục sản phẩm còn lại của nhãn hiệu theo ĐQT số 930694 không còn tương tự với danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 10584 và Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2007-17004.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 930694 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 930694, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2012/50 HBN25 ngày 17/12/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 930694.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 930694 cho các sản phẩm thuộc nhóm 07.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CTB, Inc. (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142763/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SYSMAX INNOVATIONS CO., LTD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2016-00502 ngày 31/5/2016 của SYSMAX INDUSTRY TRADING COMPANY LIMITED, địa chỉ: Room 1407-08, No.850, Dongfeng East Road, Yuexiu District, Guangzhou City, Guangdong Province, China (nay là: SYSMAX INNOVATIONS CO., LTD; địa chỉ: Unit 6355, 5/F, No. 1021 Gaopu Road, Tianhe District, Guangzhou 510520 Guangdong); đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1237659 theo Thông báo số 2015/08 NNL26 ngày 18/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 3724/BC-TTKN ngày 24/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SYSMAX INNOVATIONS CO., LTD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NITECORE" theo ĐKQT số 1237659 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "sitecore, hình" theo đơn số 4-2014-04521 (đã cấp GCNĐKNH số 259158) (nhãn hiệu đối chứng 1) và nhãn hiệu "SITECORE" theo đơn số 4-2014-04520 (đã cấp GCNĐKNH số 259100) (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Sau khi xem xét nội dung Thông báo của Cục, chủ đơn ĐKQT số 1237659 đã thực hiện giới hạn danh mục các hàng hóa thuộc nhóm 09 như sau:

Nhóm 09: Pin ganvanic; thiết bị nạp ắc quy; tín hiệu neon; vật liệu cho mạch điện chính [dây, dây cáp điện]; phích cắm và các công cụ tiếp xúc khác [vật nối điện] (tiếng Anh: Galvanic cells; battery chargers; neon signs; material for electricity mains (wires, cables); plugs, sockets and other contacts (electric connections).

Theo chúng tôi, các hàng hóa nêu trên không tương tự với các hàng hóa/dịch vụ yêu cầu bảo hộ theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-04520 và đơn 4-2014-04521, cụ thể:

- Bản chất và mục đích sử dụng:

Hàng hóa thuộc các nhãn hiệu đối chứng là phần mềm máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm máy tính như thiết kế, phát triển, bảo trì, tư vấn. Được sử dụng để quản lý các nội dung trực tuyến, quản lý thông tin, quản lý các trang web, …

Hàng hóa thuộc nhãn hiệu đăng ký là thiết bị lưu trữ điện năng, thiết bị nạp điện năng, thiết bị phát tín hiệu neon, thiết bị chuyển, ngắt dừng điện.

- Đối tượng khách hàng:

Đối tượng khách hàng của các nhãn hiệu đối chứng là các tổ chức hoạt động trực tuyến như là các tổ chức có trang web thương mại điện tử, các tổ chức kinh doanh có trang web.

Đối tượng khách hàng của nhãn hiệu đăng ký là các hộ gia đình và sử dụng hàng hóa nhằm cho mục đích gia đình.

- Phương thức lưu thông trên thị trường:

Hàng hóa của các nhãn hiệu đối chứng được cung cấp chủ yếu bằng phương pháp trực tuyến hoặc chương trình phần mềm được ghi dưới dạng đĩa CD được cung cấp thông qua các công ty/cửa hàng kinh doanh máy tính.

Hàng hóa của nhãn hiệu đối chứng chủ yếu được bán tại các cửa hàng đồ điện gia dụng.

Theo chúng tôi, nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1237659 có sự phân biệt nhất định với các nhãn hiệu đăng ký theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-04520 và số 4-2014-04521 về cấu trúc, cách đọc và hình thức thể hiện.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

ĐKQT số 1237659 đã được Văn phòng quốc tế WIPO giới hạn danh mục hàng hóa còn lại trong nhóm 09: Pin ganvanic; thiết bị nạp ắc quy; biển hiệu neon; vật liệu cho mạch điện chính [dây, dây cáp điện]; phích cắm và các công cụ tiếp xúc khác [vật nối điện].

Nhãn hiệu đăng ký ""NITECORE" và các nhãn hiệu đối chứng 1 "sitecore, hình", nhãn hiệu đối chứng 2 "SITECORE" đều đăng ký danh mục hàng hóa nhóm 09 nhưng các hàng hóa không trùng/tương tự nhau, cụ thể:

- Về bản chất hàng hóa:

Phần danh mục hàng hóa trong nhãn hiệu đăng ký bao gồm các sản phẩm liên quan đến thiết bị lưu trữ điện năng, thiết bị nạp điện, thiếu bị phát tín hiệu neon và thiết bị chuyển, ngắt điện năng.

Phần danh mục hàng hóa trong các nhãn hiệu đối chứng là sản phẩm liên quan đến phần mềm máy tính.

- Về kênh phân phối:

Kênh phân phối của hàng hóa trong nhãn hiệu đăng ký chủ yếu là các cửa hàng bán đồ điện gia dụng.

Kênh phân phối của hàng hóa trong các nhãn hiệu đối chứng là các công ty/cửa hàng kinh doanh máy tính hoặc phần mềm máy tính.

Vì vậy, mặc dù nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có phần mẫu nhãn tương tự nhau về cấu trúc, phát âm nhưng do phần danh mục hàng hóa không trùng/tương tự nhau nên vẫn có khả năng phân biệt.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1237659, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/08 NNL26 ngày 18/02/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1237659.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1237659.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SYSMAX INNOVATIONS CO., LTD (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142764/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 279105

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2022-00083 ngày 20/4/2022 của numa group GmbH, địa chỉ: Jägerstraße 71 10117 Berlin, Germany; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 279105, cấp ngày 04/04/2017 cho Numatics, Incorporated (nay là: ASCO, L.P. (US));

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 20/4/2022, numa group GmbH (qua Công ty Luật TNHH Rousse Việt

Nam) nộp đơn ĐN1-2022-00083 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 279105 đối với các hàng hóa "Phần cứng máy vi tính; phần mềm máy vi tính (ghi sẵn); phần cứng máy vi tính và phần mềm máy vi tính (ghi sẵn) dùng để giám sát và điều khiển hệ thống máy phát điện và bộ chuyển mạch; bảng điều khiển (điện); bộ điều khiển điện tử; bảng mạch điều khiển" thuộc nhóm 09 với lý do nhãn hiệu "NUMATICS" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 04/4/2017 đến ngày 18/4/2022 (Căn cứ theo công văn số 164/TT-TTKTQT ngày 18/4/2022 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 14/7/2022 và ngày 13/6/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 6243/SHTT-TTKN và số 55488/SHTT-TTKN.ip thông báo cho Numatics, Incorporated (nay là: ASCO, L.P.) (qua Công ty Luật TNHH T&G) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của numa group GmbH.

Ngày 13/9/2022, Công ty Luật TNHH T&G đại diện cho Numatics, Incorporated có công văn số 3422/2022-TGVN đề nghị gia hạn phúc đáp Thông báo số 6243/SHTT-TTKN thêm một kỳ hạn đến ngày 14/11/2022. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Numatics, Incorporated.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "NUMATICS" theo GCNĐKNH số 279105 đối với các hàng hóa "*Phần cứng máy vi tính; phần mềm máy vi tính (ghi sẵn); phần cứng máy vi tính và phần mềm máy vi tính (ghi sẵn) dùng để giám sát và điều khiển hệ thống máy phát điện và bộ chuyển mạch; bảng điều khiển (điện); bộ điều khiển điện tử; bảng mạch điều khiển*" thuộc nhóm 09 tại Việt Nam từ ngày 04/4/2017 đến ngày 18/4/2022 và chủ GCNĐKNH số 279105 không có ý kiến trả lời văn số 6243/SHTT-TTKN và số 55488/SHTT-TTKN.ip về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 279105.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 279105 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 279105, cấp ngày 04/04/2017 theo yêu cầu của numa group GmbH.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 279105, cấp ngày 04/04/2017 đối với các hàng hóa "Phần cứng máy vi tính; phần mềm máy vi tính (ghi sẵn); phần cứng máy vi tính và phần mềm máy vi tính (ghi sẵn) dùng để giám sát và điều khiển hệ thống máy phát điện và bộ chuyển mạch; bảng điều khiển (điện); bộ điều khiển điện tử; bảng mạch điều khiển" thuộc nhóm 09 cho ASCO, L.P. (US), theo yêu cầu của numa group GmbH.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. ASCO, L.P. (US) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ASCO, L.P. (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- numa group GmbH; địa chỉ: Jägerstraße 71 10117 Berlin, Germany (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142765/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 69549

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00199 ngày 26/7/2019 của Intervet International B.V., địa chỉ: Wim de Korverstraat 35, NL-5831 AN Boxmeer, Netherlands; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 69549, cấp ngày 12/01/2006 cho Synmedic Laboratories (IN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 26/7/2019, Intervet International B.V. (qua Công ty cổ phần sở hữu

công nghiệp INVESTIP) nộp đơn ĐN1-2019-00199 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 69549 với lý do nhãn hiệu "ESZOL" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 08/7/2019 (Căn cứ theo công văn số 50/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 08/7/2019 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 04/9/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 17914/SHTT-TTKN thông báo cho Synmedic Laboratoires (qua Công ty TNHH Alpha) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của và ngày 11/7/2024. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Synmedic Laboratoires.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "ESZOL" theo GCNĐKNH số 69549 tại Việt Nam trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 08/7/2019 và chủ GCNĐKNH số 69549 không có ý kiến trả lời văn số 17914/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 69549.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 69549 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 69549, cấp ngày 12/01/2006 theo yêu cầu của Intervet International B.V.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 69549, cấp ngày 12/01/2006 cho Synmedic Laboratorie (IN) theo yêu cầu của Intervet International B.V.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Synmedic Laboratories (IN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Synmedic Laboratories (qua Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Intervet International B.V.; địa chỉ: Wim de Korverstraat 35, NL-5831 AN Boxmeer, Netherlands (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142766/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 192725

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00229 ngày 16/8/2019 của Seoul Guarantee Insurance Company, địa chỉ: (Yeonji-dong), 29, Kimsangok-ro, Jongno-gu, Seoul yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 192725, cấp ngày 03/10/2012 cho Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 16/8/2019, Seoul Gruarantee Insurance Company (qua Công ty cổ

phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) nộp đơn ĐN1-2019-00229 đề nghị chấm dứt hiệu một phần lực GCNĐKNH số 192725 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 với lý do nhãn hiệu "S STYLE TV, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 14/8/2019 (Căn cứ theo công văn số 62-02/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 14/8/2019 của Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 07/11/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 22399/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (qua Công ty TNHH Trường Xuân) về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực của Seoul Gruarantee Insurance Company. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần truyền hình cáp STV.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "S STYLE TV, hình" theo GCNĐKNH số 192725 tại Việt Nam trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 14/8/2019 và chủ GCNĐKNH số 192725 không có ý kiến trả lời văn số 22399/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 192725.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 192725 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 192725, cấp ngày 03/10/2012 của Công ty cổ phần truyền hình cáp STV.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 192725, cấp ngày 03/10/2012 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 của Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN) theo yêu cầu của Seoul Gruarantee Insurance Company.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Seoul Guarantee Insurance Comapny (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142767/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 183895

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00228 ngày 16/8/2019 của Seoul Guarantee Insurance Company, địa chỉ: (Yeonji-dong), 29, Kimsangok-ro, Jongno-gu, Seoul; yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 183895, cấp ngày 26/04/2012 cho Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 16/8/2019, Seoul Guarantee Insurance Company (qua Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP) nộp đơn ĐN1-2019-00228 đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 183895 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 với lý do nhãn hiệu "S STYLE TV, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 14/8/2019 (Căn cứ theo công văn số 62-01/VKTTC-BTTT-CVNH ngày 14/8/2019 của Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính).

Ngày 07/11/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 22400/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (qua Công ty TNHH Trường Xuân) về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Seoul Guarantee Insurance Company. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty cổ phần truyền hình cáp STV.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Viện Kinh tế Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "S STYLE TV, hình" theo GCNĐKNH số 183895 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 tại Việt Nam trong thời gian 05 năm gần đây đến ngày 14/8/2019 và chủ GCNĐKNH số 183895 không có ý kiến trả lời văn số 22402/SHTT-TTKN về đề nghị chấm dứt một phần hiệu lực đối với GCNĐKNH số 183895.

Do đó, yêu cầu chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 183895 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 183895, cấp ngày 26/04/2012 theo yêu cầu của Seoul Guarantee Insurance Company.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt một phần hiệu lực GCNĐKNH số 183895, cấp ngày 26/04/2012 đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 của Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN) theo yêu cầu của Seoul Guarantee Insurance Company.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần truyền hình cáp STV (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Seoul Guarantee Insurance Company; địa chỉ: (Yeonji-dong), 29, Kimsangok-ro, Jongno-gu, Seoul (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142768/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 06/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 của Chính Phủ (sau đây gọi là Nghị định số 63/CP);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

PTT366

Xét đơn số KN4-2004-00196 ngày 28/5/2004 của MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG; địa chỉ: Metro-Strasse D-40235 Düsseldorf, Allemagne, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối từng phần đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với đơn số 4-2002-04964 theo Thông báo số 3249/ĐK ngày 25/5/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4898/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "alo, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, 16, 29, 30 theo đơn số 4-2002-04964 ngày 16/08/2002 bị từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "aro, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, 05, 17, 29, 30, 31, 32, 33 và 34 được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 712870 và nhãn hiệu "ALO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo ĐKQT số 339441 theo quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP về sở hữu công nghiệp. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Đối với ĐKQT số 712870: ĐKQT này đã thực hiện chuyển nhượng quyền sở hữu cho người nộp đơn theo số đơn CĐ4-2004-00066 ngày 25/5/2004. Do đó, ĐKQT số 712870 không còn là đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với ĐKQT số 339441: trên cơ sở dữ liệu MADRID và ROMARIN, ĐKQT này không còn tồn tại vì đã hết hiệu lực.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP quy định: "Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hoá được công nhận là có khả năng phân biệt nếu không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá nêu trong đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá đã nộp cho Cơ quan có thẩm quyền với ngày ưu tiên sớm hơn (kể cả các đơn về nhãn hiệu hàng hoá được nộp theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)".

Điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP quy định: "Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hoá được công nhận là có khả năng phân biệt nếu không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá của người khác đã hết hiệu lực hoặc bị đình chỉ hiệu lực bảo hộ nhưng thời gian tính từ khi hết hiệu lực hoặc bị đình chỉ hiệu lực chưa quá 5 năm, trừ trường hợp hiệu lực bị đình chỉ vì nhãn hiệu hàng hoá không được sử dụng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định này".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "alo, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, 16, 29, 30 theo đơn số 4-2002-04964 ngày 16/08/2002 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "aro, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, 05, 17, 29, 30, 31, 32, 33 và 34 được bảo hộ theo ĐKQT số 712870 và nhãn hiệu "ALO" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo ĐKQT số 339441. Do nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 712870 đã được chuyển nhượng cho người nộp đơn nên Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không lấy nhãn hiệu này ra làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký. Tuy nhiên, đối với nhãn hiệu "ALO"

cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 được bảo hộ theo ĐKQT số 339441 đã hết hiệu lực ngày 11/01/2000 nhưng thời gian tính từ khi hết hiệu lực đến thời điểm ban hành Thông báo số 3249/ĐK ngày 25/5/2024 chưa quá 5 năm nên nhãn hiệu đăng ký vẫn tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nên không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP. Do đó, đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2002-04964 ngày 16/08/2002 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 3249/ĐK ngày 25/5/2024 về việc từ chối từng phần đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với đơn số 4-2002-04964 ngày 16/08/2002.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142770/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sinclair Pharmaceuticals Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00813 ngày 30/8/2021 của Sinclair Pharmaceuticals Limited; địa chỉ: Offlce Village, Chester Business Park, Chester, CH4 9QZ, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-28686 theo Quyết định số 47882/QĐ-SHTT ngày 14/6/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4867/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sinclair Pharmaceuticals Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PERFECTHA" cho các sản phẩm thuộc các nhóm 03 và 05 theo đơn số 4-2017-28686 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Perfectha, hình" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc các nhóm 03, 05 và 35 được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1127699. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ nhãn hiệu "PERFECTHA" theo đơn số 4-2017-28686 với lý do như sau:

- Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1127699 - Sinclair France SAS và người nộp đơn - Sinclair Pharmaceuticals Limited cùng thuộc tập đoàn Sinclair Group. Theo đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã có thư đồng ý cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu theo đơn 4-2017-28686 tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu đăng ký "PERFECTHA" là chữ viết hoa. Nhãn hiệu đối chứng ngoài phần chữ "Perfectha" còn có hình tháp Ép Phen, là biểu tượng của nước Pháp. Vì vậy, không bị nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "PERFECTHA" cho các sản phẩm thuộc các nhóm 03 và 05 theo đơn số 4-2017-28686 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Perfectha, hình" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc các nhóm 03, 05 và 35 được bảo hộ theo ĐKQT số 1127699. Mặc dù người nộp đơn có thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam, tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng trùng nhau về phần chữ tạo khả năng phân biệt "Perfectha" cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 03 và 05, nên vẫn gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm mang nhãn hiệu. Do đó, đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-28686 ngày 08/09/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 47882/QĐ-SHTT ngày 14/6/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-28686 ngày 08/09/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sinclair Pharmaceuticals Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sinclair Pharmaceuticals Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142771/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của KOWA COMPANY , LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2021-00338 ngày 13/4/2021 của KOWA COMPANY , LTD.; địa chỉ: 6-29, Nishiki 3-chome, Naka-ku, Nagoya, JAPAN; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-41513 theo Quyết định số 8096/QĐ-SHTT ngày 28/01/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4862/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của KOWA COMPANY , LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "a [kanji: tác nhân dạ dày ruột kyabezin kouwa], hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2017-41513 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì nhãn hiệu không có khả năng phân biệt do là chữ thuộc ngôn ngữ không thông dụng, hình học đơn giản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Khi xem xét đánh giá khả năng phân biệt tự thân của một dấu hiệu, cần phải xem xét dấu hiệu đó ở dạng tổng thể và không nên tách riêng các thành phần cấu tạo nên dấu hiệu.

- Dấu hiệu đăng ký không đơn thuần là "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

- Dấu hiệu đăng ký là dấu hiệu kết hợp gồm các yếu tố chữ và yếu tố hình, bao gồm: các chữ tiếng Nhật phía dưới là ký tự "α" màu vàng, tất cả được thể hiện trên hình elip màu đen. Với kiểu trình bày và cách thức kết hợp độc đáo về tổng thể như vậy, dấu hiệu đăng ký vẫn có khả năng phân biệt, đáp ứng điều kiện bảo hộ là một nhãn hiệu.

- Người nộp đơn xin bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng phần chữ tiếng Nhật Bản và ký tự "α"

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "a [kanji: tác nhân dạ dày ruột kyabezin kouwa], hình" là gồm các chữ tiếng Nhật Bản kết hợp với ký tự "α" màu vàng, tất cả được thể hiện trên hình elip mầu đen, trong đó, các chữ tiếng Nhật Bản là ngôn ngữ không thông dụng, ký tự "α" là ký tự đơn giản, tất cả được đặt trong 1 hình elip. Do đó, về tổng thể nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu không có khả năng phân biệt, nên đề nghị của người khiếu nại có không cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-41513 ngày 13/12/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 8096/QĐ-SHTT ngày 28/01/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-41513 ngày 13/12/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, KOWA COMPANY , LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KOWA COMPANY , LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142772/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Yoyo Wallet Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00408 ngày 04/4/2017 của Yoyo Wallet Limited; địa chỉ: Kirkman House, 12-14 Whitfield Street London W1T 2RF United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1281378 theo Thông báo số 2015/51 TDH39 ngày 23/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4860/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Yoyo Wallet Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "YOYO" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 36 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1281378 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "YOYO TV, hình" cho các dịch vụ thuộc các nhóm 35, 38 và 41 được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 110162, 110163 và 110164 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Chủ ĐQT số 1281378 đang thương thảo với chủ nhãn hiệu đối chứng về việc xin thư chấp thuận. Ngoài ra, Yoyo Wallet Limited cho rằng chủ nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 110162, 110163 và 110164 đã không sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "YOYO" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 36 tương tự đến mức gây nhầm lẫn do trùng phần chữ "YOYO" là thành phần phân biệt của các nhãn hiệu "YOYO TV, hình" cho các dịch vụ thuộc các nhóm 35, 38 và 41. Hơn nữa, người nộp đơn cũng không cung cấp được Thư chấp thuận của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng như nêu trong đơn khiếu nại. Do đó, đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1281378 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/51 TDH39 ngày 23/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1281378.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Yoyo Wallet Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Yoyo Wallet Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142774/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Gold Flag USA, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2015-01140 ngày 08/12/2015 của Gold Flag Ltd.; địa chỉ: 2-10, Choiji, Higashiosaka-shi Osaka 577-0055, Japan; nay là: Gold Flag USA, Inc.; địa chỉ: 115 W. 30th St. #1205, New York NY 10001, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1214109 theo Thông báo số 2014/33 LMT04 ngày 21/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4844/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Gold Flag USA, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "B BRADELIS New York, hình" cho các sản phẩm và dịch vụ thuộc nhóm 25 và 35 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1214109 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì chứa phần chữ "New York" trong khi chủ đơn là công ty tại Nhật Bản nên gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Ban đầu nhãn hiệu "B BRADELIS New York, hình" nộp theo tên chủ đơn là GOLD FLAG LTD. có địa chỉ tại 2-10, Choeiji, Higashiosaka 577-055, Japan trong khi mẫu nhãn hiệu có chứa từ "New York", tên một thành phố của Mỹ. Do vậy, nhãn hiệu gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, dịch vụ đăng ký.

- Hiện nay ĐQT nêu trên đã được chuyển nhượng về cho người nộp đơn mới là Gold Flag USA, Inc., một công ty của Mỹ có địa chỉ tại 115 W. 30th St. #1205, New York NY 10001, USA. và do vậy, phần chữ "New York" trong nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Với lý do nêu trên, việc sử dụng nhãn hiệu "B BRADELIS New York, hình" trên thực tế không làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch, nhầm lẫn cũng như không lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, dịch vụ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "B BRADELIS New York, hình" chứa phần chữ "New York" chỉ nguồn gốc xuất xứ "Hoa Kỳ" của các sản phẩm, dịch vụ đăng ký trong khi chủ đơn là một công ty tại Nhật Bản. Tuy nhiên, nhãn hiệu đã được chuyển nhượng về cho người nộp đơn mới là Gold Flag USA, Inc., một công ty của Mỹ có địa chỉ tại 115 W. 30th St. #1205, New York NY 10001, USA. và do vậy, phần chữ "New York" trong nhãn hiệu đăng ký không gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng "B", "New York", không áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/33 LMT04 ngày 21/8/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1214109.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1214109, không bảo hộ riêng "B", "New York".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Gold Flag USA, Inc. (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142775/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn số T169/KN-TC ngày 15/7/2025 của Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế, đại diện cho Công ty Cổ phần đầu tư AMG Việt Nam về việc rút đơn khiếu nại số KN4-2020-00609 ngày 23/7/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2020-00609 ngày 23/7/2020 của Công ty Cổ phần đầu tư AMG Việt Nam; địa chỉ: số 20/126 đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế.

Lý do đình chỉ: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế, đại diện cho Công ty Cổ phần đầu tư AMG Việt Nam có Công văn số T169/KN-TC ngày 15/7/2025 rút đơn khiếu nại số KN4-2020-00609 ngày 23/7/2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Cổ phần đầu tư AMG Việt Nam (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142776/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn số T35/KN-NH ngày 15/7/2025 của Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế, đại diện cho Non-Profit Organization TOKUSHIMA OKARAKOUBOU về việc rút đơn khiếu nại số KN5-2017-00329 ngày 16/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

PTT366

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2017-00329 ngày 16/3/2017 của Non-Profit Organization TOKUSHIMA OKARAKOUBOU; địa chỉ: #105, 5-3, 2-chome, Kamiyoshino-cho, Tokushima-shi, Tokushima 770-0803 JAPAN; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế.

Lý do đình chỉ: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế, đại diện cho Non-Profit Organization TOKUSHIMA OKARAKOUBOU có Công văn số T35/KN-NH ngày 15/7/2025 rút đơn khiếu nại số KN5-2017-00329 ngày 16/3/2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Non-Profit Organization TOKUSHIMA OKARAKOUBOU (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142777/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Mai Đình Độ
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2018-00711 ngày 14/11/2018 của Ông/Bà Mai Đình Độ; địa chỉ: Xóm Hương, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2018-05442 theo Quyết định số 58832/QĐ-SHTT ngày 17/8/2018;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4989/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Mai Đình Độ với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-05442 ngày 23/02/2018 của Ông/Bà Mai Đình Độ bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ vì đơn có các thiếu sót nêu tại điểm 13.3 ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn và mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu sửa chữa 02 lần, chủ đơn vẫn sửa chữa không đạt yêu cầu.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, tiếp tục quá trình thẩm định cho đơn nêu trên với lý do: Người nộp đơn xin bảo lưu ý kiến việc không bổ sung giấy phép sử dụng tên "Park Hang Seo" do "Park Hang Seo" là một tên riêng rất phổ biến tại Hàn Quốc và không phải là dấu hiệu nổi tiếng tại Việt Nam. Việc yêu cầu bổ sung giấy phép sử dụng tên riêng là không phù hợp với quy định của pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhận thấy có cơ sở để khẳng định ngày rằng, rõ ràng đối tượng nêu trong đơn là đối tượng theo quy định Điều 73.3 Luật Sở hữu trí tuệ, do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đề nghị người nộp đơn bổ sung giấy phép sử dụng tên riêng "Park Hang Seo" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-05442 ngày 23/02/2018 là phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ cho đơn số 4-2018-05442 ngày 23/02/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 58832/QĐ-SHTT ngày 17/8/2018 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-05442 ngày 23/02/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Mai Đình Độ có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Mai Đình Độ (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142778/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư T&M Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2015-00465 ngày 25/5/2015 của Công ty cổ phần đầu tư T&M Việt Nam; địa chỉ: Trung tâm thương mại vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất Melinh Plaza, Km8 đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-29226 ngày 25/12/2012 theo Quyết định số 21023/QĐ-SHTT ngày 14/4/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5018/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư T&M Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-29226 ngày 25/12/2012 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 21023/QĐ-SHTT ngày 14/4/2015 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký là tên của tổ hợp thương mại Mê Linh Plaza Thanh Hóa do công ty cổ phần đầu tư tổ hợp thương mại Melinh PLAZA Thanh Hóa là công ty liên kết với chủ đơn đăng ký số 4-2012-29226 ngày 25/12/2012. Phần chữ "Thanh Hóa" trong nhãn hiệu đăng ký là yếu tố mô tả chung cho địa điểm cung cấp dịch vụ/ hàng hóa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký chứa phần chữ "Thanh Hóa" là tên địa danh của một tỉnh, trong khi chủ đơn đăng ký nhãn hiệu là Công ty cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam có địa chỉ tại Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, người nộp đơn đã chứng minh Công ty cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam - chủ đơn đăng ký nhãn hiệu có hoạt động kinh doanh tại Thanh Hóa, cụ thể: chủ đơn là chủ đầu tư của dự án "Tổ hợp thương mại Melinh Plaza Thanh Hóa" tại khu đô thị mới Trung tâm thành phố Thanh Hóa theo Giấy xác nhận số 34/GXN-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2012-29226 ngày 25/12/2012, không áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 21023/QĐ-SHTT ngày 14/4/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-29226 ngày 25/12/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-29226 ngày 25/12/2012. Thực hiện bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "PLAZA", "THANH HÓA".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư T&M Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142779/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần giáo dục giải trí Kizworld
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-00033 ngày 17/01/2017 của Công ty cổ phần giáo dục giải trí Kizworld; địa chỉ: 184 Lê Đại Hành, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-13941 theo Quyết định số 85715/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5014/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần giáo dục giải trí Kizworld với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13941 ngày 20/6/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 85715/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016 do hết thời hạn ấn định mà người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung nên đơn nêu trên bị từ chối theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đối chứng số 233904, 233905 là cùng chủ sở hữu với nhãn hiệu đối chứng, người nộp đơn đã làm thủ tục sửa đổi địa chỉ trên văn bằng của các nhãn hiệu nêu trên;

- Nhãn hiệu đối chứng số 260326 là được cấp sau các nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 233904, 233905 cùng chủ sở hữu với chủ đơn đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

a) Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 233904, 233905:

Nhãn hiệu đối chứng số 233904, 233905 là cùng chủ sở hữu với nhãn hiệu đối chứng. Sau khi người nộp đơn đã làm thủ tục sửa đổi địa chỉ trên văn bằng của các nhãn hiệu nêu trên, nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thống nhất thông tin về cùng một chủ sở hữu, do đó, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 233904, 233905 không được coi là đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký.

b) Đối với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 260326:

Về nhãn hiệu: nhãn hiệu đối chứng là tổng thể sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình, trong đó, phần chữ "Kidsworld", có phát âm tiếng Việt là /kít/wua/ có nghĩa tiếng Việt thế giới trẻ em, không được bảo hộ riêng, phía trên "world" là chữ "V" được trình bày cách điệu, không bảo hộ riêng. Đánh giá với nhãn hiệu đăng ký "Kizworld, sinh nhật ước mơ, hình", phần chữ "kizworld" là

thành phần phân biệt chính khi viết liền tạo thành cụm từ không có nghĩa tiếng Việt cụ thể, nhưng có thể phát âm tiếng Việt là /Kít/wua/ mặc dù phần chữ "W" được cách điệu, nhưng về ấn tượng thị giác vẫn bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về số lượng ký tự và cách phát âm. Do đó, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu tạo, cách phát âm.

Về sản phẩm/dịch vụ: dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng, các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 233904, 233905 đã được sửa đổi thông tin thống nhất về một chủ sở hữu nên không sử dụng làm đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký. Tuy nhiên, xét tổng thể, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 260326 bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Do đó, nhãn hiệu không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về đối chứng theo GCNĐKNH số 233904, 233905 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc đối chứng theo GCNĐKNH số 260326, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-13941 ngày 20/6/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 85715/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-13941 ngày 20/6/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần giáo dục giải trí Kizworld có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần giáo dục giải trí Kizworld có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142780/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên Cọ Việt Mỹ
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2021-00500 ngày 20/5/2021 của Công ty TNHH một thành viên Cọ Việt Mỹ; địa chỉ: 90 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-36007 theo Quyết định số 24114/QĐ-SHTT ngày 25/3/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5012/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên Cọ Việt Mỹ với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-36007 ngày 17/10/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số số 24114/QĐ-SHTT ngày 25/3/2021 do hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời nên đơn nêu trên bị từ chối vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng số 247653 do khác biệt về tổng thể số lượng ký tự và phát âm. Trong khi sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký không tương tự với sản phẩm, dịch vụ mang các nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu:

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng "VINGROUP" số 247653: Nhãn hiệu là sự kết hợp của hai từ "VIN", "GROUP", trong đó, "GROUP" là từ tiếng Anh có nghĩa "tập đoàn" nên không có khả năng phân biệt; phần chữ "VIN" và nhãn hiệu đăng ký "Vin" trùng hoàn toàn về cấu trúc và cách phát âm.

+ Đối với nhãn hiệu đối chứng "VIN" số 256941: nhãn hiệu đăng ký "Vin" trùng hoàn toàn về cấu trúc và cách phát âm với nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự nhau.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-36007 ngày 17/10/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24114/QĐ-SHTT ngày 25/3/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-36007 ngày 17/10/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH một thành viên Cọ Việt Mỹ có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH một thành viên Cọ Việt Mỹ (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142781/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Tân Đức
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2021-00023 ngày 11/01/2021 của Công ty TNHH Sơn Tân Đức; địa chỉ: LA4-LA5 đường số 1, KCN Xuyên á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An , điện thoại 0903982208; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-19843 ngày 18/06/2018 theo Quyết định số 90681/QĐ-SHTT ngày 29/10/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4993/BC-TTKN

ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Tân Đức với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-19843 ngày 18/6/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 90681/QĐ-SHTT ngày 29/10/2020 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, hình thức thể hiện và màu sắc; hình dáng, chất lượng bao bì sản phẩm và các chi tiết hình hành sử dụng thực tế trên bao bì có sự khác biệt, là nhãn hiệu liên kết có trùng hoặc tương tự nhưng chưa đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 83680.

- Thành phần và công thức hóa họa ghi trên bao bì sản phẩm khác biệt nên sản phẩm mang hai nhãn hiệu có khả năng phân biệt.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "STD, hình" theo 4-2018-19843 ngày 18/6/2018 được cấu tạo bởi phần hình và phần chữ, trong đó phần chữ "STD" là thành phần phân biệt chính. Trong khi, nhãn hiệu đối chứng được cấu tạo bởi phần hình, phần chữ "HIINPO" và phần chữ "STD", trong đó, phần chữ "STD" được trình bày lồng vào phần hình là bông hoa cách điệu, phần chữ "HIINPO" được trình bày vị trí trên cùng, dễ nhận biết trong nhãn hiệu là thành phân biệt mạnh của nhãn hiệu đối chứng nên tạo khả năng phân biệt với nhãn hiệu đăng ký. Do đó, mặc dù cùng chứa phần chữ "STD" nhưng xét tổng thể sự kết hợp các yếu tố, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và hình thức thể hiện.

Về sản phẩm: sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 02 và 35 bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 02.

Tổng hợp các nhận định đánh giá trên cho thấy, mặc dù tương tự về sản phẩm, dịch vụ nhưng trên cơ sở đánh giá tổng thể nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có khả năng phân biệt về cấu trúc và hình thức thể hiện, nên về tổng thể nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được coi là có khả năng phân biệt và đáp ứng điều kiện bảo hộ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-19843 ngày 18/6/2018, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 90681/QĐ-SHTT ngày 29/10/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-19843 ngày 18/6/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-19843 ngày 18/6/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Sơn Tân Đức có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142782/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư C.E.O
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2013-00524 ngày 17/4/2013 của Công ty cổ phần đầu tư C.E.O (nay là: Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư C.E.O); địa chỉ: Tầng 5, tháp CEO, HH2-1, đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (nay là: Tầng 5, tháp CEO, HH2-1, đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội) khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-13112 theo Quyết định số 5645/QĐ-SHTT ngày

28/01/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4199/BC-TTKN ngày 02/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư C.E.O với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-13112 ngày 01/02/2010 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 5645/QĐ-SHTT ngày 28/01/2013 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về thành phần, cấu trúc, cách thức thể hiện, trong khi, dịch vụ mang hai nhãn hiệu không tương tự. Do đó, tổng thể nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

- Người nộp đơn khẳng định nhãn hiệu đăng ký "CEO GROUP for better life, hình" được sử dụng và biết đến rộng rãi đối với các dịch vụ cung cấp;

- Ngoài ra, người nộp đơn khẳng định nhãn hiệu "CEO GROUP for better life, hình" là nhãn hiệu nổi tiếng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "CEO GROUP for better life, hình" được cấu tạo bởi phần hình và phần chữ, trong đó, phần chữ "CEO" được trình bày cách điệu, nổi bật, chiếm tỷ lệ lớn trong nhãn hiệu đăng ký, phần này bị coi là tương tự với phần chữ "CEO" được trình bày cách điệu ở vị trí trung tâm của nhãn hiệu đối chứng. Mặc dù "CEO" trong hai nhãn hiệu được trong hai nhãn hiệu được trình bày cách điệu và kết hợp với các thành phần mô tả khác, nhưng

tổng thể không tạo ra khả năng phân biệt giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, do đó, hai nhãn hiệu bị coi là tương tự.

Về sản phẩm/dịch vụ: dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký "Dịch vụ mua bán bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ môi giới mua bán bất động sản; dịch vụ cho thuê bất động sản; dịch vụ cho thuê văn phòng; dịch vụ cho thuê căn hộ" thuộc nhóm 36 bị coi là tương tự với dịch vụ "Đầu tư vốn vào lĩnh vực bất động sản,.." thuộc nhóm 36 mang nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, đối với khẳng định của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi và là nhãn hiệu nổi tiếng, Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng, các tài liệu và chứng cứ người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở để khẳng định nhãn hiệu đăng ký được sử dụng rộng rãi trước ngày nộp đơn đăng ký, cũng như nhãn hiệu đăng ký được coi là nhãn hiệu nổi tiếng.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, tổng thể nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-13112 ngày 01/02/2010 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 5645/QĐ-SHTT ngày 28/01/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-13112 ngày 01/02/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư C.E.O có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư C.E.O có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142783/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Chamberlain Group, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-01139 ngày 23/10/2017 của The Chamberlain Group, Inc.; địa chỉ: 845 Larch Avenue Elmhurst, Ilinois 60126, U.S.A; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Trần; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-08709 ngày 10/05/2011 theo Quyết định số 49259/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản 4682/BC-TTKN ngày 11/7/2025

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CHAMBERLAIN" theo đơn số 4-2011-08709 ngày 10/5/2011 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 49259/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2012-00158 ngày 16/11/2012 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng số 127831.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"..

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2012-00158 ngày 16/11/2012 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng số 127831 trước ngày ban hành Quyết định số 49259/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017 về việc từ chối GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-08709 ngày 10/5/2011. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2011-08709 ngày 10/05/2011.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2011-08709 ngày 10/5/2011.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 49259/QĐ-SHTT ngày 24/7/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-08709 ngày 10/5/2011.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2011-08709 ngày 10/5/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Chamberlain Group, Inc. (qua Công ty TNHH Dương và Trần) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142784/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Qualicaps Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2016-00632 ngày 20/7/2016 của Qualicaps Co., Ltd.; địa chỉ: 321-5, Ikezawa-cho, Yamatokoriyama-shi, Nara 639-1032, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1249376 theo Thông báo số 2015/21 NTH11 ngày 26/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5002/BC-TTKN

ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Qualicaps Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Quali-G, hình" theo ĐQT số 1249376 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc các nhóm 05 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Quali, hình" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 972704 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng do sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký đã được giới hạn cho các sản phẩm gồm "viên nang rỗng (để bán) được dùng cho dược phẩm và thực phẩm sức khỏe" thuộc nhóm 05, do đó có sự khác biệt nhất định với các sản phẩm "sản phẩm thú y; thực phẩm bổ sung và các nguyên liệu thực phẩm cho mục đích y tế; vitamin và các chế phẩm vitamin; thực phẩm cho trẻ sơ sinh" thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng. Bên cạnh đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là DSM IP Assets B.V. đã có Thư chấp thuận cho chủ ĐQT số 1249376 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "Quali-G, hình"tại Việt Nam. Do đó, nhãn hiệu theo ĐQT số 1249376 đáp ứng điều kiện bảo hộ tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: nhãn hiệu "Quali-G, hình" theo ĐQT số 1249376 đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Quali, hình" cho các sản phẩm thuộc các nhóm 01, 03, 05, 29, 31, 32 được bảo hộ theo ĐKQT số 972704. Tuy nhiên, ngoài phần chữ "Quali" tương tự với nhãn hiệu đối chứng "Quali, hình", nhãn hiệu đăng ký khác với nhãn hiệu đối chứng ở hình thức thể hiện của phần chữ "Q", phần chữ "-G" ở cuối nhãn hiệu.

- Về danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu: nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng do sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký

đã được giới hạn cho các sản phẩm gồm "viên nang rỗng (để bán) được dùng cho dược phẩm và thực phẩm sức khỏe" thuộc nhóm 05, do đó có sự khác biệt nhất định với các sản phẩm "sản phẩm thú y; thực phẩm bổ sung và các nguyên liệu thực phẩm cho mục đích y tế; vitamin và các chế phẩm vitamin; thực phẩm cho trẻ sơ sinh" thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng.

- Đồng thời, chủ đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng - DSM IP Assets B.V. - có văn bản đồng ý cho chủ ĐQT số 1249376 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "Quali-G, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 tại Việt Nam nên loại bỏ được khả năng xung đột về quyền giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đôi chứng.

Tổng hợp các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1249376, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/21 NTH11 ngày 26/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1249376.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1249376.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Qualicaps Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142785/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Qualicaps Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2016-00633 ngày 20/7/2016 của Qualicaps Co., Ltd.; địa chỉ: 321-5, Ikezawa-cho, Yamatokoriyama-shi, Nara 639-1032, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1249377 theo Thông báo số 2015/21 NDT12 ngày 26/5/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5005/BC-TTKN

ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Qualicaps Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Quali-V, hình" theo ĐQT số 1249377 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc các nhóm 05 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Quali, hình" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 972704 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng do sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký đã được giới hạn cho các sản phẩm gồm "viên nang rỗng (để bán) được dùng cho dược phẩm và thực phẩm sức khỏe" thuộc nhóm 05, do đó có sự khác biệt nhất định với các sản phẩm "sản phẩm thú y; thực phẩm bổ sung và các nguyên liệu thực phẩm cho mục đích y tế; vitamin và các chế phẩm vitamin; thực phẩm cho trẻ sơ sinh" thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng. Bên cạnh đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là DSM IP Assets B.V. đã có Thư chấp thuận cho chủ ĐQT số 1249377 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "Quali-V, hình" tại Việt Nam. Do đó, nhãn hiệu theo ĐQT số 1249377 đáp ứng điều kiện bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng

- Về nhãn hiệu: nhãn hiệu "Quali-V, hình" theo ĐQT số 1249377 đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Quali, hình" cho các sản phẩm thuộc các nhóm 01, 03, 05, 29, 31, 32 được bảo hộ theo ĐKQT số 972704. Tuy nhiên, ngoài phần chữ "Quali" tương tự với nhãn hiệu đối chứng "Quali, hình", nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu đối chứng ở hình thức thể hiện của phần chữ "Q", phần chữ "-V" ở cuối nhãn hiệu, tạo thành tổng thể có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng.

- Về danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu: nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng do sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký

đã được giới hạn cho các sản phẩm gồm "viên nang rỗng (để bán) được dùng cho dược phẩm và thực phẩm sức khỏe" thuộc nhóm 05, do đó có sự khác biệt nhất định với các sản phẩm "sản phẩm thú y; thực phẩm bổ sung và các nguyên liệu thực phẩm cho mục đích y tế; vitamin và các chế phẩm vitamin; thực phẩm cho trẻ sơ sinh" thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng.

- Đồng thời, chủ đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng - DSM IP Assets B.V. - có văn bản đồng ý cho chủ ĐQT số 1249377 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "Quali-V, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 tại Việt Nam nên loại bỏ được khả năng xung đột về quyền giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1249377, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/21 NDT12 ngày 26/5/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1249377.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1249377.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Qualicaps Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142786/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Miền Á Đông
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-00173 ngày 23/02/2022 của Công ty cổ phần Miền á Đông; địa chỉ: Khách sạn AT,. 33B Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối ghi nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn theo Thông báo số 12072/TB-SHTT ngày 29/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4703/BC-TTKN

ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Miền á Đông với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn số SĐ4-2021-00765 ngày 29/12/2021 của Công ty TNHH Miền á Đông bị từ chối ghi nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn theo Thông báo số 12072/TB-SHTT ngày 29/12/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét sửa đổi, bổ sung đơn số SĐ4-2021-00765 ngày 29/12/2021 nêu trên do không nhận được Thông báo số 5989/SHTT-NH ngày 29/6/2021 về kết quả thẩm định yêu cầu sửa đổi, bổ sung. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết thực hiện theo quy định của pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 5989/SHTT-NH ngày 29/6/2021 về kết quả thẩm định yêu cầu sửa đổi, bổ sung đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có cơ sở phản hồi Thông báo số 5989/SHTT-NH ngày 29/6/2021 trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về cam kết này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn tiếp tục trả lời Thông báo số 5989/SHTT-NH ngày 29/6/2021.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu số SĐ4-2021-00765 ngày 08/4/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 12072/TB-SHTT ngày 29/12/2021 về việc từ chối việc từ chối ghi nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn SĐ4-2021-00765 ngày 08/4/2021.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với yêu cầu sửa đổi, bổ sung số SĐ4-2021-00765 ngày 08/4/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Miền Á Đông có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 5989/SHTT-NH ngày 29/6/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 5989/SHTT-NH ngày 29/6/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142787/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH cà phê Đại Hùng Phát
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00108 ngày 13/3/2025 của Công ty TNHH cà phê Đại Hùng Phát; địa chỉ: 2 Nguyễn Ngọc Nhựt, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Trung tâm Tư vấn phát triển thương hiệu và chất lượng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-06294 theo Quyết định số 24339/QĐ-

HTM620

SHTT.IP ngày 28/02/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4489/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH cà phê Đại Hùng Phát với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-06294 ngày 06/03/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 724339/QĐ-SHTT.IP ngày 28/02/2025 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau: Người nộp đơn đồng ý kết quả thông báo Thẩm định nội dung đối với đơn số 4-2018-06294 ngày 06/03/2018, đồng thời, đã thực hiện thủ tục loại bỏ một phần nhãn hiệu "Công ty Trách nhiệm hữu hạn cà phê Đại Hùng Phát", "ĐHP" và hình ngôi sao, điều chỉnh vị trí và kích thước phần chữ "COFFEE VINALEGEND" trong hình lục giác.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2018-06294 ngày 06/03/2018 là một tổng thể được kết hợp bởi phần hình và phần chữ, việc người nộp đơn loại bỏ một phần nhãn hiệu "Công ty Trách nhiệm hữu hạn cà phê Đại Hùng Phát", "ĐHP" và hình ngôi sao, điều chỉnh vị trí và kích thước phần chữ "COFFEE VINALEGEND" trong hình lục giác đã làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu trong đơn đăng ký số 4-2018-06294 và trái với quy định tại khoản 3 điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

Do đó, tại thời điểm Quyết định số 24339/QĐ-SHTT.IP ngày 28/02/2025, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp quy định của pháp luật và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-06294 ngày 06/03/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24339/QĐ-SHTT.IP ngày 28/02/2025 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-06294 ngày 06/3/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH cà phê Đại Hùng Phát có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH cà phê Đại Hùng Phát (qua Trung tâm Tư vấn phát triển thương hiệu và chất lượng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142788/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha Kawamoto Seisakusho (Kawamoto Pump Mfg. Co., Ltd.)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2018-00498 ngày 27/7/2018 của Kabushiki Kaisha Kawamoto Seisakusho (Kawamoto Pump Mfg. Co., Ltd.); địa chỉ: 11-39, 4-chome, Ohsu, Naka-ku, Nagoya-shi, Aichi-ken, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-12921 ngày 10/06/2014

NMD368

theo Quyết định số 32758/QĐ-SHTT ngày 16/5/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5021/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kabushiki Kaisha Kawamoto Seisakusho (Kawamoto Pump Mfg. Co., Ltd.) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Dragon Kawamoto Pump, hình" theo đơn nhãn hiệu số 4-2014-12921 bị từ chối bảo hộ đối với một phần nhãn hiệu, cụ thể là: Nhãn hiệu không được bảo hộ phần chữ "Kawamoto Pump" vì tương tự gây nhầm lẫn với Nhãn hiệu "MOTOKAWA" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 177492, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do:

Nhãn hiệu xin đăng ký "Dragon Kawamoto Pump, hình" theo đơn nhãn hiệu số 4-2014-12921 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "MOTOKAWA" theo GCN ĐKNH số 177492.

Về hình thức thể hiện, nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 177492 chỉ gồm phần chữ "MOTOKAWA" viết liền thành một hàng ngang. Trong khi đó, nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-12921 bao gồm cả phần chữ và phần hình, được trình bày thành hai dòng; trong đó dòng thứ nhất là phần chữ "Dragon" viết cách điệu với phông cỡ chữ lớn hơn và hình một con cá ngựa, "Dragon" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "con rồng"; dòng dưới là cụm từ "Kawamoto Pump" được viết cách điệu với cỡ chữ nhỏ hơn, "Pump" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "bơm/ máy bơm".

Với cấu trúc nhãn hiệu như vậy, có thể thấy phần chữ "Dragon" và hình con cá ngựa chiếm vị trí chủ đạo trong nhãn hiệu, còn "Kawamoto Pump" không phải là thành phần chính của nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-12921. Người tiêu dùng khi tiếp cận với nhãn hiệu cũng sẽ tiếp cận với toàn bộ tổng thể nhãn hiệu, chứ không chỉ riêng phần chữ "Kawamoto Pump". Ngoài ra, nhãn hiệu theo GCN ĐKNH số 177492 sẽ được người tiêu dùng đọc tên và ghi nhớ như là "Motokawa"; trong khi nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-12921 bao gồm những từ tiếng Anh có nghĩa, do vậy người tiêu dùng sẽ có thể đọc hiểu và ghi nhớ nhãn hiệu này là "con rồng và hình cá ngựa, máy bơm Kawamoto". Do đó, việc phần chữ "Kawamoto Pump" có mặt trong nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-12921 ở vị

trí thứ yếu như đã trình bày không đủ để gây ra sự tương tự giữa các nhãn hiệu, cũng như không gây ra sự nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu từ phía người tiêu dùng.

Về sản phẩm/ dịch vụ, mặc dù nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 07, nhưng các sản phẩm/ hàng hóa cụ thể mang các nhãn hiệu là khác nhau. Cụ thể, nhãn hiệu đối chứng "MOTOKAWA", GCN ĐKNH số 177492 được bảo hộ cho các loại máy khác nhau, như là "máy phát điện; máy cưa; máy cắt cỏ; máy phun xịt thuốc trừ sâu". Trong khi đó, nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-12921 chỉ đăng ký cho sản phẩm liên quan đến "bơm/ máy bơm".

Chúng tôi cho rằng "bơm/ máy bơm" là một loại sản phẩm có tính đặc thù, phục vụ cho đối tượng và mục đích sử dụng hoàn toàn khác với các loại sản phẩm "máy phát điện; máy cưa; máy cắt cỏ; máy phun xịt thuốc trừ sâu". Hay nói cách khác, khách hàng/ người tiêu dùng sẽ không thể nhầm lẫn giữa sản phẩm "bơm/ máy bơm" mang nhãn hiệu xin đăng ký "Dragon Kawamoto Pump, hình" với các loại sản phẩm "máy phát điện; máy cưa; máy cắt cỏ; máy phun xịt thuốc trừ sâu" mang nhãn hiệu đối chứng.

Thành phần "Kawamoto Pump" trong nhãn hiệu đồng thời là tên thương mại của chủ đơn. Chủ đơn, Kabushiki Kaisha Kawamoto Seisakusho (Kawamoto Pump Mfg. Co., Ltd.), là một công ty Nhật Bản được thành lập từ năm 1919 bởi Chủ tịch Seizo Kawamoto, chuyên về sản xuất các loại bơm/ máy bơm. Công ty và các sản phẩm của công ty đã giành được rất nhiều thành tựu và giải thưởng uy tín của Nhật Bản. "Kawamoto Pump" là nhãn hiệu được gắn trên các sản phẩm của công ty và đồng thời là tên thương mại của công ty, được sử dụng liên tục trong gần 100 năm qua.

Hiện tại, công ty đã có 10 chi nhánh, hơn 106 văn phòng giao dịch và khoảng 10.000 nhà phân phối chỉ tính riêng tại Nhật Bản. Các sản phẩm bơm/ máy bơm của công ty đã được xuất khẩu từ năm 1927 tới các thị trường lớn như Mỹ, châu Âu, Trung Á, châu Phi và châu Đại Dương. Vào năm 1964, sản phẩm bơm/ máy bơm của công ty đã chính thức là sản phẩm chỉ định của tổ chức UNICEF. Số lượng sản phẩm bơm/ máy bơm công ty sản xuất và xuất khẩu hằng năm lên tới 250.000 chiếc, bao gồm 6.800 mẫu thiết kế trong số 520 chủng loại khác nhau, phục vụ cho mọi lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, hàng hải, công cộng và gia đình.

Do đó, đại diện của người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ nhãn hiệu xin đăng ký "Dragon Kawamoto Pump, hình", đơn số 4-2014-12921

vì lý do nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt, không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Về tổng thể thể hiện, nhãn hiệu đối chứng "MOTOKAWA" chỉ bao gồm phần chữ, được trình bày thành một hàng ngang, không có yếu tố hình ảnh hoặc bố cục phức tạp. Trong khi đó, nhãn hiệu theo đơn bao gồm cả phần hình và phần chữ, được trình bày thành hai dòng: dòng trên là từ "Dragon" viết cách điệu với cỡ chữ lớn cùng hình một con cá ngựa; dòng dưới là cụm từ "Kawamoto Pump" với phông chữ nhỏ hơn. Dấu hiệu "Dragon" (nghĩa là "con rồng") và hình con cá ngựa là các yếu tố nổi bật, gây ấn tượng thị giác mạnh, đóng vai trò chủ đạo trong việc ghi nhớ và phân biệt nhãn hiệu. Thành phần "Kawamoto Pump" ở vị trí thứ yếu, chỉ mang tính bổ trợ và giới thiệu.

Về mặt ngữ âm, người tiêu dùng khi tiếp cận sẽ đọc và ghi nhớ nhãn hiệu theo đơn là "Dragon Kawamoto Pump" hoặc đơn giản là "Dragon", trong khi nhãn hiệu đối chứng sẽ được nhận biết là "Motokawa". Hai dấu hiệu này không tương đồng về cách phát âm cũng như kết cấu từ ngữ.

Về sản phẩm đăng ký, mặc dù nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 07, tuy nhiên sản phẩm cụ thể là khác biệt. Nhãn hiệu theo đơn được đăng ký cho các sản phẩm "bơm/ máy bơm", trong khi nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho các sản phẩm như "máy phát điện; máy cưa; máy cắt cỏ; máy phun xịt thuốc trừ sâu". Các sản phẩm này khác nhau về tính năng, mục đích sử dụng cũng như đối tượng người tiêu dùng. Do đó, khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa là không có cơ sở.

Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "Dragon Kawamoto Pump, hình" theo đơn nhãn hiệu số 4-2014-12921 theo đề nghị của đại diện người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-12921 ngày 10/6/2014, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 32758/QĐ-SHTT ngày 16/5/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-12921 ngày 10/06/2014.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2014-12921 ngày 10/06/2014, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng "Pump".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kabushiki Kaisha Kawamoto Seisakusho (Kawamoto Pump Mfg. Co., Ltd.) (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142789/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Nibong Tebal Paper Mill Sdn. Bhd.,
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2014-00086 ngày 12/02/2014 của Nibong Tebal Paper Mill Sdn. Bhd.,; địa chỉ: No. 886, Jalan Bandar Baru, Sungai Kecil, 14300 Nibong Tebal, S.P.S., Pulau Pinang, Malaysia; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-18070 ngày 15/08/2012 theo Quyết định số 5069/QĐ-SHTT ngày 22/01/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5019/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Nibong Tebal Paper Mill Sdn. Bhd., với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PREMIER" theo đơn đăng ký nhãn hiệu (ĐKNH) số 4-2012-18070 của chủ đơn Nibong Tebal Paper Mill Sdn. Bhd. bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo Quyết định số 5069/QĐ-SHTT ngày 22/01/2014 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung, trong đó cho rằng nhãn hiệu xin đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Premiere" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 323422 của Procter & Gamble Manufacturing Cologne GmbH, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh khiếu nại hủy bỏ Quyết định số 5069/QĐ-SHTT nêu trên với lý do:

Người nộp đơn, Nibong Tebal Paper Mill Sdn. Bhd., đang tiến hành thủ tục chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng "Premiere" theo Đăng ký quốc tế số 323422 để đề nghị Cục SHTT rút nhãn hiệu đối chứng này trong việc xem xét bảo hộ nhãn hiệu của người nộp đơn. Đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng đã nộp vào ngày 17/12/2013, trước thời điểm ra Quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ngày 22/01/2014.

Ngày 23/05/2016, người nộp đơn bổ sung bản sao Quyết định số 1935/QĐ-SHTT ngày 13/05/2016 của Cục SHTT về việc chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng "Premiere" theo Đăng ký quốc tế số 323422 của Procter & Gamble Manufacturing Cologne GmbH.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực các thông tin do người nộp đơn cung cấp; trên cơ sở xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Người nộp đơn đã chủ động thực hiện thủ tục yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng "Premiere" theo Đăng ký quốc tế số 323422 để làm rõ cơ sở bảo hộ cho nhãn hiệu của mình. Cụ thể, đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực đã được nộp ngày 17/12/2013, tức là trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Trên cơ sở các thông tin nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ xét thấy có đủ cơ sở để khôi phục quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu của người nộp đơn theo quy định của pháp luật.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2012-18070 ngày 15/8/2012

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 5069/QĐ-SHTT ngày 22/01/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-18070 ngày 15/08/2012.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-18070 ngày 15/08/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Nibong Tebal Paper Mill Sdn. Bhd., (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142790/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Infiana Germany GmbH & Co. KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00470 ngày 14/4/2017 của Infiana Germany GmbH & Co. KG; địa chỉ: Zweibruckenstr. 15-25 91301 Forchheim, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và cộng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1282713 theo Thông báo số 2015/52

NMD368

HBN11 ngày 29/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4961/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Infiana Germany GmbH & Co. KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Hình" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1282713 bị từ chối bảo hộ do bị coi là không có khả năng phân biệt theo điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Trà và Công sự đề nghị cấp bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Nhãn hiệu theo ĐKQT số 1282713 là một dấu hiệu hình học được thể hiện dưới dạng một đường tròn không khép kín, có hai đầu được bo tròn. Tổng thể dấu hiệu mang tính chuyển động mềm mại, được tạo thành từ các dải màu sắc chuyển tiếp liên tục, bao gồm cam – vàng – cam đậm – đỏ – vàng – đỏ. Trình tự phối màu theo chiều kim đồng hồ kết hợp với tạo hình hình học tròn hở đã tạo nên một hiệu ứng thị giác đặc trưng và gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người nhìn.

Dấu hiệu hình học nêu trên không phải là hình đơn giản hay hình học cơ bản thông thường, mà là kết quả của quá trình thiết kế công phu nhằm tạo nên một biểu tượng mang tính thẩm mỹ cao, khác biệt so với các hình tròn hay đường nét phổ biến khác. Sự kết hợp giữa bố cục đường nét tròn hở và dải màu chuyển động khiến cho nhãn hiệu có khả năng gợi nhớ và phân biệt rõ ràng trong quá trình sử dụng thực tế.

Mặt khác, người tiêu dùng hiện nay không chỉ dựa vào yếu tố chữ để nhận diện một sản phẩm hoặc dịch vụ, mà còn đặc biệt nhạy cảm với màu sắc và hình ảnh. Trong thực tiễn thương mại, rất nhiều thương hiệu lớn trên thế giới và tại Việt Nam đã sử dụng các dấu hiệu hình đơn để xây dựng hình ảnh nhận diện riêng biệt. Do đó, việc một dấu hiệu chỉ bao gồm yếu tố hình – nếu được thể hiện một cách độc đáo, có cấu trúc thị giác đặc trưng – vẫn hoàn toàn có thể có khả năng phân biệt và đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng nhãn hiệu đăng ký không thuộc trường hợp bị coi là không có khả năng phân biệt theo điểm a khoản 2 Điều 74

Luật Sở hữu trí tuệ, vì không phải là "hình và hình học đơn giản" trong ý nghĩa bị loại trừ. Thay vào đó, nhãn hiệu đã tạo ra một ấn tượng thị giác rõ rệt, giúp người tiêu dùng dễ ghi nhớ và phân biệt với các nhãn hiệu khác.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1282713 chỉ bao gồm một dấu hiệu hình học đơn giản, được thể hiện dưới dạng một đường tròn không khép kín với các dải màu chuyển tiếp. Mặc dù người nộp đơn cho rằng việc phối hợp màu sắc và tạo hình theo hướng chuyển động mềm mại có thể tạo hiệu ứng thị giác đặc trưng, tuy nhiên, xét về tổng thể, dấu hiệu vẫn không vượt quá khuôn khổ của một hình học cơ bản và không mang tính độc đáo đủ để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của người nộp đơn với chủ thể khác.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, những hình và hình học đơn giản thường không có khả năng thực hiện chức năng phân biệt của một nhãn hiệu. Việc người tiêu dùng có thể ghi nhớ màu sắc hoặc bố cục trình bày trong một số trường hợp cụ thể không làm thay đổi bản chất pháp lý của dấu hiệu là không có tính phân biệt khi tách biệt khỏi ngữ cảnh sử dụng. Do đó, nhãn hiệu nêu trên không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của đại diện người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1282713 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/52 HBN11 ngày 29/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1282713.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Infiana Germany GmbH & Co. KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Infiana Germany GmbH & Co. KG (qua Công ty TNHH Trà và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142791/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên thương mại Tô Nga Dũng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2018-00307 ngày 04/5/2018 của Công ty TNHH một thành viên thương mại Tô Nga Dũng; địa chỉ: 21 cư xá ụ Tàu, đường Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2009-02928 theo Quyết định số 7614/QĐ-SHTT ngày 06/02/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4960/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên thương mại Tô Nga Dũng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PVC INSULATING TAPE Nano, hình" theo Đơn số 4-2009-02928 nộp ngày 25/02/2009 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối bảo hộ vì (i) phần hình đầu con nai tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đăng ký số 564179 và (ii) phần chữ "Nano" mang tính mô tả và chiếm vị trí nổi bật trong mẫu nhãn, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Trà và Cộng sự đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Người khiếu nại cho rằng phần chữ "Nano" trong tổng thể nhãn hiệu đăng ký mang tính mô tả và không có khả năng phân biệt, đặc biệt khi được thể hiện ở vị trí nổi bật. Để khắc phục điều này, người khiếu nại đã điều chỉnh cách trình bày, cụ thể là thu nhỏ kích thước phần chữ "Nano" nhằm giảm mức độ nổi bật trong cấu trúc chung của nhãn hiệu. Theo người khiếu nại, với sự thay đổi này, chữ "Nano" chỉ đóng vai trò là thành phần thứ yếu, không còn gây nhầm lẫn và không ảnh hưởng đến khả năng phân biệt tổng thể của nhãn hiệu đăng ký. Đồng thời, Người khiếu nại viện dẫn thực tiễn bảo hộ tại Việt Nam, theo đó nhiều nhãn hiệu có chứa thành phần chữ "NANO" đã được chấp nhận bảo hộ cho các sản phẩm, dịch vụ cùng loại, để làm căn cứ củng cố cho yêu cầu bảo hộ trong vụ việc này.

Về dấu hiệu hình đầu con nai bị cho là tương tự với nhãn hiệu đối chứng, người khiếu nại cho rằng giữa hai nhãn hiệu có sự khác biệt rõ rệt về cấu trúc, hình thức thể hiện và cách phát âm. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu phức hợp, bao gồm hình đầu con nai kết hợp với chữ "TND" được thể hiện trên sừng, cùng với các yếu tố chữ "Nano" và "PVC INSULATING TAPE". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu đơn, chỉ bao gồm dấu hiệu hình là hình đầu con nai, không kèm theo yếu tố chữ. Ngoài ra, để thu hẹp phạm vi bảo hộ và hạn chế khả năng gây nhầm lẫn, người khiếu nại đã tiến hành điều chỉnh thiết kế hình sừng nai, từ hai chiếc sừng nhiều nhánh thành hai sừng đơn nhánh, tạo sự khác biệt rõ hơn về mặt thị giác.

Đồng thời, người khiếu nại cũng cho rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng khác nhau về phạm vi sản phẩm và dịch vụ đăng ký. Theo đó, nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2009-02928 được đề nghị bảo hộ cho các dịch vụ thuộc nhóm 35, trong khi nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ cho các sản phẩm

thuộc nhóm 05, 09 và 17. Đây là các nhóm hàng hóa, dịch vụ có chức năng, công dụng và mục đích sử dụng khác nhau, nên không gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại.

Trên cơ sở các phân tích và điều chỉnh nêu trên, người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng và đáp ứng điều kiện được bảo hộ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Phần chữ "Nano" trong nhãn hiệu đăng ký mang tính mô tả đặc tính sản phẩm, không có khả năng phân biệt và không tạo được dấu ấn riêng trong nhận thức của người tiêu dùng. Mặc dù người nộp đơn đã có điều chỉnh về cách thể hiện, cụ thể là thu nhỏ kích thước chữ "Nano" nhằm giảm tính nổi bật của yếu tố này trong tổng thể nhãn hiệu, tuy nhiên, thay đổi này không làm thay đổi bản chất mô tả của dấu hiệu nêu trên và không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng phân biệt chung của nhãn hiệu.

Đối với phần hình, mặc dù người nộp đơn đã sửa đổi chi tiết hình ảnh, cụ thể là thay đổi hình sừng nai từ nhiều nhánh thành một nhánh nhằm tạo sự khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng, song tổng thể hình ảnh đầu con nai trong nhãn hiệu đăng ký vẫn có mức độ tương đồng đáng kể với hình ảnh trong nhãn hiệu đối chứng. Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều sử dụng hình

đầu con nai làm yếu tố trực quan trung tâm, dễ tạo ấn tượng và ghi nhớ cho người tiêu dùng.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2009-02928 ngày 25/02/2009 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 7614/QĐ-SHTT ngày 06/02/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-02928 ngày 25/02/2009.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH một thành viên thương mại Tô Nga Dũng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH một thành viên thương mại Tô Nga Dũng (qua Công ty TNHH Trà và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142792/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Target Brands, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2018-00067 ngày 22/01/2018 của Target Brands, Inc.; địa chỉ: 1000 Nicollet Mall, Minneapolis, Minnesota 55403-2467, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-26941 theo Quyết định số 73945/QĐ-SHTT ngày 24/10/2017;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4958/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Target Brands, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "AVA & VIV" theo đơn đăng ký số 4-2014-26941 bị từ chối bảo hộ cho nhóm 14, 18, 26 tại Việt Nam vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "AVA" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 223790, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam đã nộp đơn khiếu nại yêu cầu bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký trên với các lý do sau:

Chủ đơn cho rằng nhãn hiệu xin đăng ký "AVA & VIV", xét về tổng thể, có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "AVA". Về mặt cấu trúc, nhãn hiệu "AVA & VIV" là cụm từ bao gồm hai yếu tố chữ "AVA" và "VIV" được kết nối bằng dấu "&", tạo thành một tổng thể thống nhất. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm từ "AVA" đơn lẻ. Việc so sánh riêng lẻ yếu tố "AVA" trong tổng thể nhãn hiệu "AVA & VIV" với nhãn hiệu đối chứng là không hợp lý, vì có thể dẫn đến nhận định sai lệch về khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Theo nguyên tắc đánh giá, nhãn hiệu phải được xem xét trong tổng thể, không tách rời từng yếu tố để so sánh độc lập.

Về phạm vi sản phẩm, nhãn hiệu "AVA & VIV" được đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 14, 18 và 26. Trong đó, các sản phẩm thuộc nhóm 14 và 18 như "đồng hồ, đồ trang sức; túi, ví" là các mặt hàng thời trang chuyên biệt, dành riêng cho đối tượng khách hàng có thân hình lớn (plus size). Những sản phẩm này thường được bày bán tại các gian hàng hoặc cửa hàng riêng biệt, tách rời hoàn toàn với các sản phẩm thời trang thông thường khác, kể cả khi có cùng chủng loại hàng hóa. Do đó, kênh phân phối, đối tượng khách hàng mục tiêu và cách thức tiếp cận thị trường của sản phẩm mang nhãn hiệu "AVA & VIV" hoàn toàn khác biệt so với các sản phẩm mang nhãn hiệu "AVA" trong nhóm tương ứng.

Bên cạnh đó, sản phẩm thuộc nhóm 26 mà nhãn hiệu "AVA & VIV" đăng ký (phụ kiện, đồ trang trí cho tóc) là những sản phẩm không thuộc phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng, vốn đăng ký cho các nhóm sản phẩm gồm: 06, 07, 08, 14, 16, 18, 21, 28 và 35. Như vậy, phần lớn hàng hóa và dịch vụ mang

nhãn hiệu xin đăng ký không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

Đồng thời, nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn từ ngày 12/01/2022 và không được chủ sở hữu gia hạn.

Từ những phân tích nêu trên, chủ đơn cho rằng nhãn hiệu "AVA & VIV" có sự khác biệt rõ rệt về cấu trúc, cách thể hiện, đối tượng tiêu dùng và phạm vi sản phẩm so với nhãn hiệu đối chứng "AVA", do đó hoàn toàn có khả năng phân biệt. Sự đồng tồn tại của hai nhãn hiệu sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

Với các lập luận bổ sung này, chủ đơn kính đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại Quyết định từ chối và chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu "AVA & VIV" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-02941.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo Đơn số 4-2014-26941 bao gồm hai yếu tố chữ "AVA" và "VIV". Trong đó, dấu hiệu "AVA" trùng với nhãn hiệu đối chứng đã được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 223790. Dấu hiệu "VIV" mặc dù có cách phát âm khác biệt, nhưng do được thể hiện với kiểu chữ có các ký tự A và V đan xen nhau, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn về mặt thị giác. Hơn nữa, dấu hiệu "AVA" được đặt ở vị trí đầu tiên, là thành phần dễ gây chú ý và tạo ấn tượng chính trong tổng thể nhãn hiệu, từ đó làm tăng mức độ tương đồng với nhãn hiệu đối chứng.

Tại thời điểm ban hành Quyết định từ chối, nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 223790 vẫn còn hiệu lực. Do vậy, lập luận của đại diện người

nộp đơn liên quan đến việc nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực không được xem xét.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở để chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-26941 ngày 05/11/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 73945/QĐ-SHTT ngày 24/10/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-26941 ngày 05/11/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Target Brands, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Target Brands, Inc. (qua Công ty Luật TNHH Rouse Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142793/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất - thương mại Anh Đăng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2009-00242 ngày 30/3/2009 của Công ty TNHH sản xuất - thương mại Anh Đăng; địa chỉ: 127A Hậu Giang, phường 5, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2006-09149 ngày 13/06/2006 theo Quyết định số 80518/QĐ-SHTT ngày 29/12/2008;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4485/BC-TTKN ngày 08/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất - thương mại Anh Đăng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "ANH DANG Co.Ltd, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-09149 bị từ chối bảo hộ từ chối bảo hộ đối cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 49002, 45334, 38628, 72971 và theo các đơn đăng ký số 4-2004-08911 và 4-2006-04461, theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên Danh đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký "ANH DANG Co.Ltd, hình" theo đơn đăng ký số 4-2006-09149 với lý do sau:

Về ý nghĩa và nội dung của các nhãn hiệu đối chứng cũng như phần chữ Hán bị từ chối bảo hộ, có thể thấy rằng các chữ tiếng Hán trong ba hình đồng tiền của nhãn hiệu đăng ký lần lượt mang ý nghĩa "tránh tà trừ yêu quái", "như ý cát tường" và "thuận buồm xuôi gió". Trong khi đó, phần chữ trong các nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm các từ tiếng Việt "Như ý" và "Cát tường".

Cần lưu ý rằng các từ "Như ý" và "Cát tường" đã được sử dụng phổ biến và được bảo hộ cho nhiều nhãn hiệu khác nhau đối với các sản phẩm thuộc nhóm 30, ví dụ như các nhãn hiệu được cấp GCN ĐKNH số 2425, 34425, 72971, 45334, 97635 và 38628. Do đó, các thành phần nêu trên có khả năng phân biệt thấp và chỉ nên được xem xét từ chối trong trường hợp nhãn hiệu có sự trùng lặp rõ ràng về yếu tố cấu thành và danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký.

Đối với trường hợp nhãn hiệu đăng ký bao gồm các chữ Hán có nội dung và ý nghĩa như đã nêu, có thể thấy rằng phần chữ này không tương tự với các từ tiếng Việt trong nhãn hiệu đối chứng. Bên cạnh đó, theo quy định hiện hành, các chữ tiếng Hán thường bị xem là không có khả năng phân biệt. Đối với người tiêu dùng tại Việt Nam, các chữ Hán này không dễ nhận biết hoặc ghi nhớ, nên không thể gây nhầm lẫn với các yếu tố tiếng Việt như "Như ý" và "Cát tường".

Về cấu trúc và cách thể hiện, nhãn hiệu đăng ký thể hiện hình ba đồng tiền màu vàng được xếp gối lên nhau tạo thành bố cục hình tam giác. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm hình ảnh một đồng tiền đơn giản. Mặt khác, hình ảnh đồng tiền cũng đã được bảo hộ cho các nhãn hiệu khác nhau trong nhóm 30, theo các GCN ĐKNH số 21167, 59681 và 48186.

Như vậy, mặc dù cùng khai thác yếu tố hình đồng tiền và chữ Hán, nhưng với cách thể hiện khác nhau, các nhãn hiệu tạo nên ấn tượng thị giác riêng biệt, không gây nhầm lẫn về tổng thể đối với người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP quy định nhãn hiệu được công nhận là có khả năng phân biệt theo Điều 785 Bộ luật dân sự nếu đáp ứng điều kiện: "không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam (kể cả các nhãn hiệu hàng hoá đang được bảo hộ theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)".

Điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP quy định nhãn hiệu được công nhận là có khả năng phân biệt theo Điều 785 Bộ luật dân sự nếu đáp ứng điều kiện: "không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá nêu trong đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá đã nộp cho Cơ quan có thẩm quyền với ngày ưu tiên sớm hơn (kể cả các đơn về nhãn hiệu hàng hoá được nộp theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia)".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Các chữ tiếng Hán trong ba hình đồng tiền của nhãn hiệu đăng ký lần lượt có ý nghĩa là "tránh tà trừ yêu quái", "như ý cát tường" và "thuận buồm xuôi gió". Trong khi đó, phần chữ trong các nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm các từ tiếng Việt "Như ý" và "Cát tường". Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, các chữ tiếng Hán trong nhãn hiệu đăng ký bị coi là các thành phần không có khả năng phân biệt và, đối với người tiêu dùng Việt Nam, các chữ này cũng không có khả năng ghi nhớ một cách rõ ràng, không tạo được ấn tượng nhận biết cụ thể.

Về mặt hình thức thể hiện, mặc dù nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều có sử dụng hình ảnh đồng tiền kèm theo các chữ Hán, tuy nhiên với bố cục gồm ba đồng tiền xếp chồng, phối màu và kiểu trình bày riêng biệt, nhãn hiệu đăng ký tạo dựng được ấn tượng thị giác khác biệt, không gây nhầm lẫn với hình một đồng tiền đơn giản trong các nhãn hiệu đối chứng.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "ANH DANG Co.Ltd, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-09149 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2006-09149 ngày 13/6/2006, không áp dụng quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 80518/QĐ-SHTT ngày 29/12/2008 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2006-09149 ngày 13/06/2006.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2006-09149 ngày 13/06/2006, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ tiếng Hán.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất - thương mại Anh Đăng (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142794/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marvel Characters Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2018-00451 ngày 09/7/2018 của Marvel Characters Inc.; địa chỉ: 1600 Rosecrans Avenue Manhattan Beach, California 90266 United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-09213 theo Quyết định số 27628/QĐ-SHTT ngày 26/4/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4891/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marvel Characters Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BIG HERO 6" theo đơn số 4-2013-09213 cho dịch vụ nhóm 41 bị từ chối bảo hộ do nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "HERO" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 200198. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Chủ nhãn hiệu đối chứng – Công ty cổ phần thương mại dịch vụ giải trí Kim Ngưu đã không sử dụng nhãn hiệu "HERO" tại thị trường Việt Nam cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 trong 5 năm liên tiếp.

Người nộp đơn đã cung cấp bản sao Quyết định chấm dứt hiệu lực số 1551/QĐ-SHTT ngày 04/4/2019.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng "HERO" theo GCN ĐKNH 200198 đã không sử dụng trong 05 năm liên tiếp theo điểm d khoản 1 Điều 95 Luật sở hữu trí tuệ. Do đó Cục sở hữu trí tuệ đã có quyết định số 1551/QĐ-SHTT ngày 04/04/2019 về việc chấm dứt hiệu lực ĐKNH nhãn hiệu "HERO" theo đề nghị của công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ.

Tuy nhiên, đơn ĐN1-2018-00146 ngày 09/7/2018 sau thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định về việc từ chối cấp GCN ĐKNH số 27628/QĐ-

SHTT ngày 26/04/2018. Đây được coi là tình tiết mới và không được xem xét trong quá trình xử lý khiếu nại.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của đại diện người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-09213 ngày 09/5/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 27628/QĐ-SHTT ngày 26/4/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-09213 ngày 09/05/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Marvel Characters Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marvel Characters Inc. (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142795/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Henkel AG & Co. KGaA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2014-01228 ngày 18/12/2014 của Henkel AG & Co. KGaA; địa chỉ: Henkelstrasse 67, 40589 Dusseldorf, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1173131 theo Thông báo số 2013/34 HBN05 ngày 28/8/2014;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4998/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Henkel AG & Co. KGaA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Hình" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1173131 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 bị từ chối bảo hộ do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu xin đăng ký là một nhãn hiệu dùng cho sản phẩm chất tẩy rửa nhà vệ sinh của Henkel, cấu thành bởi các hoạt chất chống bám cặn, chống khuẩn, làm sạch tăng cường kết hợp với chất tẩy rửa vệ sinh. Sản phẩm nói trên được đưa ra thị trường từ giữa năm 2010 và nhanh chóng được người tiêu dùng trên khắp thế giới ưa chuộng.

Để bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký, Henkel đã tiến hành đăng ký nhãn hiệu này ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới trong đó có Việt Nam. Cụ thể, trong tổng số 50 quốc gia được chỉ định theo Nghị định thư Madrid, đã có gần 20 quốc gia chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu này.

Nhãn hiệu xin đăng ký được sử dụng rộng rãi trên thế giới thể hiện qua doanh số bán hàng và chi phí quảng cáo của dòng sản phẩm này. Henkel đang tập hợp tài liệu bằng chứng để chứng minh sự đăng ký và sử dụng rộng rãi của nhãn hiệu xin đăng ký trên toàn cầu thông qua bản tuyên thệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành

phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu xin đăng ký là dấu hiệu hình, bao gồm ba viên tròn có bề mặt đục lỗ, gắn liền với một thanh móc treo, thể hiện đúng đặc điểm hình dạng, kết cấu và cách sử dụng thông thường của sản phẩm viên thả bồn cầu. Đây là loại sản phẩm thường dùng trong nhà vệ sinh với chức năng làm sạch, khử mùi, diệt khuẩn và được phân loại vào các nhóm 03, 05 và 21. Do đó, dấu hiệu hình nêu trên mang tính mô tả trực tiếp hình dáng và công dụng của chính sản phẩm đăng ký.

Xét các thông tin do người nộp đơn cung cấp, Cục nhận thấy chưa có tài liệu chứng minh rằng nhãn hiệu xin đăng ký đã được sử dụng rộng rãi và được người tiêu dùng Việt Nam biết đến như một dấu hiệu nhận biết thương mại, cụ thể: người nộp đơn không cung cấp được bản tuyên thệ hoặc tài liệu chứng minh mức độ sử dụng thực tế, thời gian sử dụng, phạm vi phân phối, doanh thu, quảng cáo… tại thị trường Việt Nam.

Từ các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ giữ nguyên quyết định từ chối bảo hộ nhãn hiệu xin đăng ký "Hình" theo ĐKQT số 1173131.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1173131 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/34 HBN05 ngày 28/8/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1173131.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Henkel AG & Co. KGaA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Henkel AG & Co. KGaA (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142796/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Revlon Consumer Products Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2015-00906 ngày 07/10/2015 của Revlon Consumer Products Corporation; địa chỉ: One New York Plaza, New York, NY 10004, U.S.A; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1212512 theo Thông báo số 2014/31 TDH09 ngày 07/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4995/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Revlon Consumer Products Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "REVLON PROFESSIONAL BE FABULOUS" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1212512 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 03 do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "REVLON" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 11990; nhãn hiệu "REVLON ZP11" theo GCN ĐKNH số 21097; nhãn hiệu "REVLON COLORSTAY" theo GCN ĐKNH số 21476; nhãn hiệu "REVLON NEW COMPLEXION" theo GCN ĐKNH số 33523 và nhãn hiệu "REVLON SUPER LUSTROUS" theo GCN ĐKNH số 33524. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "REVLON PROFESSIONAL BE FABULOUS" với các lý do sau:

Ngày 15/06/2015, đại diện người nộp đơn đã thay mặt cho chủ đơn là Revlon Consumer Products Corporation nộp đơn yêu cầu sửa đổi địa chỉ chủ sở hữu 21 văn bằng bảo hộ hiện hành có ghi nhận chủ sở hữu tại địa chỉ: 237 Park Avenue, New York, New York 10017, United States of America thành địa chỉ mới: One New York Plaza, New York, New York 10004, United States of America, trong đó có các nhãn hiệu liên quan đến các nhãn hiệu đối chứng đang bị từ chối bảo hộ như trên.

Ngày 22/02/2016, đại diện người nộp đơn đã bổ sung kèm theo bản ghi nhận sửa đổi địa chỉ của chủ sở hữu các GCN ĐKNH.

Như vậy, Revlon Consumer Products Corporation đã tiến hành sửa đổi địa chỉ chủ sở hữu cho các nhãn hiệu đối chứng, mặc dù sử dụng các ký hiệu khác biệt như: One New York Plaza, New York, New York 10004, United States of America (địa chỉ mới) và One New York Plaza, New York, NY 10004, U.S.A. (địa chỉ cũ của một số nhãn đơn ĐKQT), tuy nhiên cũng xin được xác nhận hai địa chỉ này là một và khẳng định Người nộp đơn và chủ các nhãn hiệu đối chứng là một chủ thể duy nhất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "REVLON PROFESSIONAL BE FABULOUS" theo Đăng ký quốc tế số 1212512 có chứa yếu tố "REVLON" trùng hoặc tương tự với các nhãn hiệu đối chứng đã được bảo hộ tại Việt Nam, cụ thể là các nhãn hiệu "REVLON" theo GCN ĐKNH số 11990; nhãn hiệu "REVLON ZP11" theo GCN ĐKNH số 21097; nhãn hiệu "REVLON COLORSTAY" theo GCN ĐKNH số 21476; nhãn hiệu "REVLON NEW COMPLEXION" theo GCN ĐKNH số 33523 và nhãn hiệu "REVLON SUPER LUSTROUS" theo GCN ĐKNH số 33524. Mặc dù, toàn bộ các nhãn hiệu đối chứng nêu trên đều đứng tên cùng một chủ sở hữu là Revlon Consumer Products Corporation – nhưng địa chỉ của chủ các ĐKQT và GCN ĐKNH nêu trên không trùng khớp với nhau.

Chủ đơn đã thực hiện thủ tục sửa đổi địa chỉ cho các nhãn hiệu đối chứng, nhưng địa chỉ của các chủ sở hữu nhãn hiệu và chủ đơn đăng ký chưa thống nhất về chủ thể quyền sở hữu công nghiệp.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "REVLON PROFESSIONAL BE FABULOUS" theo ĐKQT số 1212512 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1212512 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/31 TDH09 ngày 07/8/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1212512.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Revlon Consumer Products Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Revlon Consumer Products Corporation (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142797/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marvel Characters Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2016-00211 ngày 17/3/2016 của Marvel Characters Inc.; địa chỉ: 1600 Rosecrans Avenue Manhattan Beach, California 90266 United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-09221 theo Quyết định số 8726/QĐ-SHTT ngày 19/02/2016;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4992/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marvel Characters Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BIG HERO 6" theo đơn đăng ký số 4-2013-09221 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 16 do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật sở hữu trí tuệ 2005. Cụ thể là nhãn hiệu "HERO" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 567044 sau đây gọi là nhãn hiệu đối chứng số 01, nhãn hiệu "HERO, hình" theo GCN ĐKNH số 567045 (nhãn hiệu đối chứng số 02), nhãn hiệu "HERO, hình" theo GCN ĐKNH số 580303 (nhãn hiệu đối chứng số 03); nhãn hiệu "HERO" theo GCN ĐKNH số 580304 (nhãn hiệu đối chứng số 04) và nhãn hiệu "HERO" theo đơn đăng ký số 4-2012-08794 (nhãn hiệu đối chứng số 05). Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "BIG HERO 6" với các lý do sau:

Đối với các nhãn hiệu đối chứng số 1,2,3,4 phía người nộp đơn xin loại bỏ các sản phẩm trùng hoặc tương tự với sản phẩm mang các nhãn hiệu đối chứng khỏi danh mục sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 16 của nhãn hiệu "BIG HERO 6" theo đơn đăng ký số 4-2013-09221. Danh mục các sản phẩm xóa bỏ bao gồm: "Bút lông, bộ dụng cụ vẽ nghệ thuật và vẽ thủ công; bút bi; bút chì màu; bút dạ; cái cắm bút hoặc bút chì; bút chì; gọt bút chì; hộp và túi đựng bút và bút chì; bút; bút máy; các dụng cụ viết"

Vì vậy, người nộp đơn đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu "BIG HERO 6" theo đơn đăng ký số 4-2013-09221 cho các sản phẩm còn lại thuộc nhóm 16: "Giấy, các tông; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; keo dán dùng cho văn phòng hoặc gia đình; nhãn chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); sổ địa chỉ; quyền niên giám; miếng dán định dạng để can; sổ ghi cuộc hẹn; các ấn phẩm nghệ thuật; vở viết; sách dành cho trẻ em; cặp đựng tài liệu và thông tin về cứu nạn băng cháy; bìa cặp để kẹp tài liệu (văn phòng phẩm); vật đựng để đặt sách được đặt ở chỗ đẩy các cuốn sách và giữ cho chúng thẳng đứng (đồ dùng văn phòng, không phải là đồ gỗ); thẻ đánh dấu trang sách; sách; đề can để dán lên thành cửa xe; lịch; cốt truyện tranh trên báo; thiệp chúc mừng giáng sinh; phấn, băng phân; sách bài tập dành cho trẻ em; cái lót cót làm từ giấy; album dùng làm kỷ niệm loại; sách tô màu; cốt truyện vui; cốt truyện

vui trên báo; quyển vở; đề can; đồ trang trí làm bằng giấy; sổ nhật ký; tả giấy dùng một lần cho trẻ em; thước kẻ dùng để vẽ; bảng viết có thể xóa khô; phong bì thư; tẩy; tờ phiếu có tranh vẽ chất để học cho nhanh; thiệp mời các loại; giấy gói quà; quà đã cắt, thiệp chúc mừng; sổ đăng ký khách trọ trong khách sạn; cái nhẽ tay; tạp chí; đàn; lặp viết sẵn nhỡ; đất sét dùng để nặn; bản tin báo; giấy ghi nhớ; vở viết; giấy vở; bìa thẻ; con băng giấy; món quà nhỏ đóng trong bìa hoặc tấm bìa bằng giấy; mui đội trong bữa tiệc làm bằng giấy; đồ trang trí bánh làm bằng giấy; đồ trang trí bữa tiệc làm bằng giấy; khăn giấy; túi giấy đựng món quà; giấy vệ sinh; khăn trải bàn bằng giấy; tạp chí xuất bản định kỳ; album ảnh; ảnh chụp; bản in khác ảnh; sách ảnh; nguyên liệu chất dẻo dùng để bao gói (không bao gồm sản phẩm này trong các nhóm khác); ảnh chân dung; bưu thiếp; áp phích; bằng khen; giấy chứng nhận; giấy mời; thực đơn; sách dạy nấu ăn; con dấu cao su; túi đựng bánh sandwich bằng chất dẻo hoặc giấy; thẻ ghi điểm; album tem; văn phòng phẩm; dập ghim; giấy dính văn phòng; danh thiếp; thước kẻ không chia khoảng cách (đồ dùng văn phòng); giấy viết; miếng dán làm bằng cao su, sử dụng nhiệt để dán lên quần áo hoặc các sản phẩm khác làm bằng vải (văn phòng phẩm); vở dán bài rời; các tờ của vở dán bài rời; dụng cụ dùng cho vở dán bài rời; tập scan (để trống); mẫu in cho trang phục và thiết kế thêu"

Đối với nhãn hiệu đối chứng số 05; nhãn hiệu đối chứng này đã bị từ chối cấp bằng vào ngày 30/06/2015 và người nộp đơn không có ý kiến trả lời. Vì vậy, nhãn hiệu này không còn được xem xét là nhãn hiệu đối chứng đối với nhãn hiệu "BIG HERO 6" theo đơn đăng ký số 4-2013-09221.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo

hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã đồng ý rằng nhãn hiệu xin đăng ký "BIG HERO 6" theo đơn đăng ký số 4-2013-09221 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "HERO" theo GCN ĐKNH số 567044; nhãn hiệu "HERO, hình" theo GCN ĐKNH số 567045; nhãn hiệu "HERO, hình" theo GCN ĐKNH số 580303; nhãn hiệu "HERO" theo GCN ĐKNH số 580304 nên đã chủ động loại bỏ các sản phẩm trùng ra khỏi nhóm 16 và chỉ xin bảo hộ cho các sản phẩm còn lại.

Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "BIG HERO 6" theo đơn đăng ký số 4-2013-09221 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-09221 ngày 09/5/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 8726/QĐ-SHTT ngày 19/02/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-09221 ngày 09/05/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Marvel Characters Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marvel Characters Inc. (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142798/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của UNIVERSAL ROBINA CORPORATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2013-00871 ngày 05/8/2013 của UNIVERSAL ROBINA CORPORATION; địa chỉ: 13E. Rodriguez Jr. Avenue, Bagong Ilog, Pasig City, Philippines 1600.; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2006-08835 theo Quyết định số 23618/QĐ-SHTT ngày 06/5/2013;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5011/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của UNIVERSAL ROBINA CORPORATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Magic, hình" theo Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-08835 bị từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc nhóm 29 và 30 do được cho là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "Magic PANCO, hình" theo Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-00548, theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên Danh đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký "Magic, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-08835 với lý do như sau:

Người nộp đơn xin giới hạn danh mục sản phẩm trong đơn số 4-2006-08835, chỉ còn lại các sản phẩm thuộc nhóm 30, cụ thể là: "bánh mì, bánh, mứt kẹo (kẹo), kẹo, bột nở" nhằm loại bỏ các sản phẩm tương tự với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP quy định: Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá của người khác đã được bảo hộ cho hàng hoá hoặc dịch vụ trùng hoặc tương tự;

Điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP quy định: Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá nổi tiếng của người khác, kể cả trong trường hợp hàng hoá hoặc dịch vụ không trùng hoặc không tương tự;

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực các thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Người nộp đơn sau đó đã thực hiện việc sửa đổi đơn đăng ký, loại bỏ các sản phẩm được cho là tương tự với nhãn hiệu đối chứng, và giữ lại các sản phẩm "Nhóm 30: Bánh mì, bánh, mứt kẹo (kẹo), kẹo, bột nở" trong đơn số 4-2006-08835 nhằm mục đích làm rõ phạm vi bảo hộ, tránh gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi đã có Quyết định từ chối là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Theo quy định này, người nộp đơn chỉ được sửa đổi đơn trong quá trình thẩm định đơn, trước khi có quyết định từ chối cấp GCN ĐKNH.

Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2006-08835 ngày 08/6/2006 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 23618/QĐ-SHTT ngày 06/5/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-08835 ngày 08/06/2006.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, UNIVERSAL ROBINA CORPORATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và UNIVERSAL ROBINA CORPORATION (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142799/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Super General Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2021-00183 ngày 01/3/2021 của Super General Company; địa chỉ: P.O. Box 51027, Dubai, U.A.E; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-01146 theo Quyết định số 105420/QĐ-SHTT ngày 15/12/2020;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5006/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Super General Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "SUPER GENERAL, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-01146 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "GENERAL, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 177 và nhãn hiệu đối chứng "GENERAL, hình" được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 949549 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký "SUPER GENERAL, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-01146 với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-01146 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng theo GCN ĐKNH số 177 và ĐKQT số 949549 về mặt tổng thể. Cụ thể là, phần chữ "GENERAL" có khả năng phân biệt thấp nên việc đánh giá sự tương tự giữa các nhãn hiệu không chỉ căn cứ vào sự giống nhau của phần chữ "GENERAL" mà phải xem xét tổng thể nhãn hiệu. Nhãn hiệu đăng ký bao gồm cả hình và chữ tạo thành tổng thể có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

Các nhãn hiệu có cấu trúc tương tự, cụ thể là gồm phần chữ "GENERAL" kết hợp với các yếu tố khác, đã được bảo hộ tại Việt Nam.

Nhãn hiệu đăng ký đã được đăng ký và sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Trong nhãn hiệu đăng ký "SUPER GENERAL, hình" theo Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-01146, các thành phần chữ Ả Rập, từ "SUPER" và cụm từ "The Confident Choice" là những yếu tố không có khả năng phân biệt tự thân. Do đó, thành phần "GENERAL" được xem là yếu tố có khả năng phân biệt chính của nhãn hiệu đăng ký. Tương tự, trong các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCN ĐKNH số 177 và ĐKQT số 949549, phần chữ "GENERAL" cũng là một trong những yếu tố có khả năng phân biệt mạnh.

Sự giống nhau về thành phần phân biệt chính giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có thể dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của hàng hóa. Hơn nữa, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký có mức độ liên quan đáng kể với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng, làm gia tăng nguy cơ gây nhầm lẫn trong thực tế thương mại. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng điều kiện về khả năng phân biệt so với các nhãn hiệu đối chứng.

Các trường hợp mà người nộp đơn viện dẫn trong Công văn số IP/TC2858 ngày 01/03/2021 không có tính tương đồng với vụ việc đang xem xét và không thuộc phạm vi giải quyết của đơn khiếu nại này. Tài liệu nộp kèm theo công văn chưa đủ cơ sở để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng rộng rãi và được biết đến trên phạm vi toàn cầu. Hơn nữa, các thông tin được cung cấp chỉ mang tính tham khảo và không thể làm căn cứ pháp lý để xem xét bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-01146 ngày 14/01/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 105420/QĐ-SHTT ngày 15/12/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-01146 ngày 14/01/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Super General Company có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Super General Company (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142800/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Velox Technology Holdings Pte. Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2022-00128 ngày 08/02/2022 của Velox Technology Holdings Pte. Ltd; địa chỉ: 8 Shenton Way, #39-03/08 AXA Tower, Singapore 068811; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-09874 theo Quyết định số 91819/QĐ-SHTT ngày 29/11/2021;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5001/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Velox Technology Holdings Pte. Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "GO SEND, hình" theo đơn đăng ký số 4-2018-09874 bị từ chối bảo hộ cho nhóm 25 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "GOSEN, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 46515, căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn đăng ký số 4-2018-09874 với lập luận sau:

Nhãn hiệu đăng ký "GO SEND, hình" khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "GOSEN, hình" về hình thức trình bày, cấu trúc, ý nghĩa và ấn tượng tổng thể. Người tiêu dùng sẽ dễ dàng ghi nhớ và nhận biết hai nhãn hiệu là khác nhau bởi thiết kế/ hình thức thể hiện sáng tạo, độc đáo và màu sắc ấn tượng của nhãn hiệu đăng ký, tạo nên ấn tượng thị giác khác biệt giữa các nhãn hiệu

Hơn nữa, nhãn hiệu đối chứng chưa được sử dụng cho các sản phẩm đăng ký trong nhóm 25 và nhãn hiệu này đã hết hạn vào ngày 09/01/2022 mà không được gia hạn. Chính việc không sử dụng nhãn hiệu này dẫn đến việc không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng trên thực tế đối với các sản phẩm mang nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu xin đăng ký "GO SEND, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-09874 có cấu trúc và cách phát âm tương tự với nhãn hiệu đối chứng "GOSEN, hình" đã được cấp GCN ĐKNH số 46515. Bên cạnh đó, cả hai nhãn hiệu đều được đăng ký cho các sản phẩm trùng nhau thuộc nhóm 25.

Việc các nhãn hiệu có cấu trúc và cách phát âm tương tự nhau lại cùng đăng ký cho các sản phẩm trùng hoặc tương tự sẽ dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của hàng hóa mang nhãn hiệu.

Lập luận của người nộp đơn về khả năng phân biệt của nhãn hiệu nêu trên là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-09874 ngày 03/4/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 91819/QĐ-SHTT ngày 29/11/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-09874 ngày 03/04/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Velox Technology Holdings Pte. Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Velox Technology Holdings Pte. Ltd (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142801/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Korchevskyi Dmytro
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2018-00122 ngày 13/02/2018 của Korchevskyi Dmytro; địa chỉ: 44 Rupniecibas St., apt. 17, Riga, Latvia; đại diện bởi: Công ty TNHH Trà và cộng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1323783 theo Thông báo số 2016/49 HBN15 ngày 06/11/2017;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4964/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Korchevskyi Dmytro với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "STEP IT ACADAMY, hình" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1323783 bị từ chối bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "STEP" theo ĐKQT số 594818, nhãn hiệu "STeP" theo ĐKQT số 1185975 và nhãn hiệu "D-STEP" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 138453. Công ty TNHH Trà và Cộng sự đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký về tổng thể có sự khác biệt rõ rệt so với các Nhãn hiệu đối chứng đang được bảo hộ tại Việt Nam. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần hình ảnh một người đang bước đi, phần chữ "STEP" và cụm từ "IT ACADEMY". Trong đó, yếu tố hình ảnh mang tính biểu tượng cao, tạo cảm giác chuyển động và truyền tải thông điệp tích cực về giáo dục, đào tạo. Dòng chữ "IT ACADEMY" thể hiện rõ định hướng sử dụng nhãn hiệu cho các dịch vụ đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từ đó góp phần tạo nên sự khác biệt đáng kể với các Nhãn hiệu đối chứng.

Về mặt phát âm và cách cảm nhận thị giác, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký có âm tiết đầy đủ hơn, được phát âm là "STEP IT ACADEMY" hoặc "STEP ACADEMY" thay vì chỉ đơn thuần là "STEP" như các nhãn hiệu đối chứng. Ngoài ra, việc thiết kế chữ "STEP" kết hợp với hình người đang bước đi đã tạo ra một ấn tượng thị giác riêng biệt, giúp người tiêu dùng dễ dàng phân biệt nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu khác trên thị trường.

Người nộp đơn cũng lập luận rằng các nhãn hiệu đối chứng đều có yếu tố trình bày đơn giản, chủ yếu bao gồm phần chữ "STEP" hoặc "D-STEP", trong khi nhãn hiệu đăng ký có cấu trúc phức tạp hơn với sự xuất hiện đồng thời của yếu tố hình và phần chữ bổ trợ. Vì vậy, không thể coi đây là các dấu hiệu tương tự gây nhầm lẫn khi xét trên tổng thể nhãn hiệu.

Ngoài ra, người nộp đơn viện dẫn rằng nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại một số quốc gia nơi các nhãn hiệu đối chứng cũng đang được bảo hộ, cho thấy các cơ quan sở hữu trí tuệ khác không coi các nhãn hiệu này là tương tự

đến mức gây nhầm lẫn. Người nộp đơn cho rằng đây là căn cứ tham khảo quan trọng để Cục Sở hữu trí tuệ cân nhắc việc chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Từ những phân tích trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại thông báo từ chối và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1282713 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Phần chữ "STEP" trong nhãn hiệu đăng ký được thể hiện nổi bật, là yếu tố chính trong tổng thể nhãn hiệu. Dấu hiệu này trùng hoàn toàn về cách viết, cấu trúc và phát âm với phần chữ trong các nhãn hiệu đối chứng đã được bảo hộ tại Việt Nam, cụ thể là nhãn hiệu "STEP" theo ĐKQT số 594818, nhãn hiệu "STeP" theo ĐKQT số 1185975 và nhãn hiệu "D-STEP" theo GCN ĐKNH số 138453. Mặc dù có sự bổ sung các yếu tố hình ảnh và cụm từ "IT ACADEMY" trong nhãn hiệu đăng ký, tuy nhiên các yếu tố này không đủ mạnh để tạo nên sự khác biệt đáng kể về tổng thể, do phần chữ "STEP" vẫn giữ vai trò chi phối trong cảm nhận thị giác và nhận thức của người tiêu dùng.

Ngoài sự tương tự về yếu tố cấu thành, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng đều được đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo và phần mềm máy tính, là các lĩnh vực có chức năng và mục đích sử dụng tương đồng. Việc cùng tồn tại các nhãn hiệu tương tự trên thị trường có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Đối với lập luận của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại một số quốc gia khác, các dẫn chiếu từ phía người khiếu nại chỉ có tính chất tham khảo và không thể được coi là căn cứ để xác lập quyền tại Việt Nam.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1323783 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/49 HBN15 ngày 06/11/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1323783.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Korchevskyi Dmytro có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Korchevskyi Dmytro (qua Công ty TNHH Trà và cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142802/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh, đại diện cho General Cable Industries, Inc có Công văn số IP/TC1448-(2) ngày 27/6/2025 đề nghị rút đơn khiếu nại số KN4-2015-00077 ngày 29/01/2015.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

NMD368

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2015-00077 ngày 29/01/2015 của General Cable Industries, Inc; địa chỉ: 4 Tesseneer Drive, Highland Heights, Kentucky 41076 USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh.

Lý do đình chỉ: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh, đại diện cho General Cable Industries, Inc có Công văn số IP/TC1448-(2) ngày 27/6/2025 đề nghị rút đơn khiếu nại số KN4-2015-00077 ngày 29/01/2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và General Cable Industries, Inc (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142803/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của
Solta Medical, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2014-00037 ngày 13/01/2014 của Solta Medical, Inc.; địa chỉ: 25881 Industrial Boulevard Hayward CA 94545 United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1132350 theo Thông báo số 2012/41 HBN22 ngày 11/10/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4777/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Solta Medical, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PERMÉA" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1132350 ngày 31/07/2012 bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm thuộc nhóm 10 do bị coi là mô tả, không có khả năng phân biệt theo điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh đề nghị cấp bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Người nộp đơn hiểu rằng tính mô tả của nhãn hiệu "PERMÉA" được Cục Sở hữu trí tuệ xem xét dựa trên nghĩa tiếng Việt là "thấm vào, ngấm vào, tràn ra, lan ra, tràn ngập" của từ tiếng Tây Ban Nha "PERMÉA". Tuy nhiên, người nộp đơn cho rằng ngữ nghĩa này không mô tả trực tiếp các sản phẩm xin đăng ký thuộc nhóm 10. Hơn nữa, tiếng Tây Ban Nha không phải là ngôn ngữ thông dụng tại Việt Nam. Vì vậy, người tiêu dùng Việt Nam nói chung không thể hiểu được nghĩa của từ tiếng Tây Ban Nha này và sẽ nhìn nhận "PERMÉA" như một từ không có nghĩa.

Ngoài ra, nhãn hiệu "PERMÉA" đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Hồng Kông, Nga, Trung Quốc, Liên minh châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu "PERMÉA" là một từ thuộc tiếng Tây Ban Nha – một ngôn ngữ không phổ biến và không được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam. Do đó, người tiêu dùng Việt Nam trung bình không có khả năng hiểu được ý nghĩa của từ này trong tiếng Tây Ban Nha. Việc người tiêu dùng không hiểu nghĩa dẫn đến việc không liên hệ dấu hiệu nêu trên với đặc tính, công dụng hay thành phần của sản phẩm. Vì vậy, dấu hiệu "PERMÉA" không mang tính mô tả trực tiếp đối với các sản phẩm thuộc nhóm 10 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Về ngữ nghĩa, "PERMÉA" là dạng chia ở ngôi thứ ba số ít thì hiện tại hoặc ngôi thứ hai số ít thì mệnh lệnh của động từ "permeár" trong tiếng Tây Ban Nha, có nghĩa là "thấm qua", "thẩm thấu", "lan tỏa" hoặc "xâm nhập". Tuy

nhiên, các nghĩa này có tính chất trừu tượng, không trực tiếp thể hiện tính chất, thành phần hay công dụng cụ thể của các sản phẩm y tế thuộc nhóm 10. Đồng thời, việc sử dụng động từ ở dạng chia không phổ biến và xa lạ trong nhận thức của người tiêu dùng Việt Nam khiến dấu hiệu này không mang tính mô tả mà có thể được cảm nhận như một từ tưởng tượng, mang tính phân biệt nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của đại diện người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1132350, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2012/41 HBN22 ngày 11/10/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1132350.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1132350.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Solta Medical, Inc. (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142804/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thăng Long GTC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2016-00119 ngày 15/02/2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thăng Long GTC; địa chỉ: 113 - 115 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-24167 theo Quyết định số 69827/QĐ-SHTT ngày 10/11/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4861/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thăng Long GTC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Gtc, hình" theo đơn đăng ký số 4-2011-24167 bị từ chối bảo hộ cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc các nhóm 20, 24, 35, 36, 37, 39, 41, 43, 44 do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật sở hữu trí tuệ. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "COCHLEAR" cho các dịch vụ thuộc nhóm 39 với các lý do sau:

Đối với nhãn hiệu đối chứng "GTC, hình" theo đơn số 4-2010-19422, nhãn hiệu đối chứng đã bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và không có khiếu nại trong thời hạn quy định.

Đối với nhãn hiệu "C.T,C, hình" theo GCN ĐKNH số 77858, người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu cho các sản phẩm thuộc nhóm 39.

Với các căn cứ trình bày trên, đại diện người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ nhãn hiệu "Gtc, hình" cho các dịch vụ thuộc nhóm 39.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo

hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "Gtc, hình" theo đơn đăng ký số 4-2011-24167 bị từ chối bảo hộ cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc các nhóm 20, 24, 35, 36, 37, 39, 41, 43, 44, đại diện người nộp đơn xin loại bỏ các nhóm 20, 24, 35, 36, 37, 39, 41, 43, 44 ra khỏi danh mục đăng ký và xin bảo hộ nhóm 39.

Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-24167 ngày 14/11/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 69827/QĐ-SHTT ngày 10/11/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-24167 ngày 14/11/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thăng Long GTC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thăng Long GTC (qua

Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142805/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marvel Characters Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2016-00212 ngày 17/3/2016 của Marvel Characters Inc.; địa chỉ: 1600 Rosecrans Avenue Manhattan Beach, California 90266 United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-09222 theo Quyết định số 8727/QĐ-SHTT ngày 19/02/2016;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4871/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marvel Characters Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BIG HERO 6" theo đơn đăng ký số 4-2013-29723 bị từ chối bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "heros, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 55148, nhãn hiệu "HERO" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 580303, nhãn hiệu "Hero" theo đơn số 4-2012-08794 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "BIG HERO 6" cho các dịch vụ thuộc nhóm 09 với các lý do sau:

Người nộp đơn xin loại bỏ các sản phẩm trùng/ tương tự với các sản phẩm được bảo hộ theo các nhãn hiệu "heros, hình" theo GCN ĐKNH số 55148 và nhãn hiệu "HERO" theo ĐKQT số 580303. Sau khi giới hạn danh mục sản phẩm, nhãn hiệu đăng ký đã có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng.

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2012-08794 đã bị từ chối cấp GCN ĐKNH vào ngày 30/6/2015 và người nộp đơn không có ý kiến trả lời. Vì vậy, nhãn hiệu này không còn được xem xét là nhãn hiệu đối chứng với nhãn hiệu xin đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã loại các sản phẩm tương tự với sản phẩm theo nhãn hiệu đối chứng "heros, hình" theo GCN ĐKNH số 55148 và nhãn hiệu "HERO" theo ĐKQT số 580303. Sau khi loại bỏ, các sản phẩm của người nộp đơn không còn tương tự với các sản phẩm của các nhãn hiệu đối chứng.

Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-09222 ngày 09/5/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 8727/QĐ-SHTT ngày 19/02/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-09222 ngày 09/05/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Marvel Characters Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marvel Characters Inc. (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142806/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của
Serta, Inc. (a Delaware corporation)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2013-00586 ngày 02/5/2013 của Serta, Inc. (a Delaware corporation); địa chỉ: 2600 Forbs Avenue, Hoffman Estates, lllinois 60192, United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-14956 theo Quyết định số 6716/QĐ-

NMD368

SHTT ngày 31/01/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4840/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Serta, Inc. (a Delaware corporation) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PERFECT SLEEPER" theo đơn đăng ký số 4-2010-14956 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 20, 24 do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "PERFECT SLEEPER" với các lý do sau:

Để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký, người nộp đơn đã đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu "PERFECT SLEEPER" tại 40 quốc gia trên thế giới.

Với mạng lưới phân phối rộng rãi trên khắp thế giới như vậy, trong vòng 5 năm trở lại đây, chủ nhãn hiệu xin đăng ký đã bán các sản phẩm nệm ngủ và đạt doanh thu đến hơn 350 triệu Đô la Mỹ để chứng minh cho việc sử dụng rộng rãi của sản phẩm mang nhãn hiệu.

Tại Việt Nam, các sản phẩm mang nhãn hiệu "PERFECT SLEEPER" của Serta, Inc. được phân phối bởi nhà phân phối The White Shop có địa chỉ tại 202ª Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại the White Shop, các dòng sản phẩm cáo cấp mang nhãn hiệu "PERFECT SLEEPER" như đệm, bộ ga, ruột chăn, ruột gối, bảo vệ đệm và gối đơn được bày bán rất phổ biến tới nhiều khách hàng khác nhau, đặc biệt các sản phẩm của người nộp đơn được sử dụng cho khách sạn,…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu ""PERFECT" có nghĩa là hoàn hảo; dấu hiệu "SLEEPER" có nghĩa là người ngủ, vật để ngủ (có thể ám chỉ nệm, giường); do đó "PERFECT SLEEPER" có thể dịch là người ngủ hoàn hảo" hoặc "trải nghiệm giấc ngủ hoàn hảo", hàm ý mô tả sản phẩm giúp ngủ ngon là một dạng gợi ý đến chất lượng sản phẩm (nệm, giường, chăn ga...).. Vì vậy, nhãn hiệu xin đăng ký không có khả năng phân biệt do ý nghĩa của nhãn hiệu được dịch sang tiếng Việt có tính mô tả sản phẩm, làm tăng giá trị của sản phẩm của nhóm 20, 24. Không có chứng cứ chứng minh việc đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam.

Việc nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là căn cứ để Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "PERFECT SLEEPER" theo đơn đăng ký số 4-2010-14956 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-14956 ngày 13/7/2010 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 6716/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-14956 ngày 13/07/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Serta, Inc. (a Delaware corporation) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Serta, Inc. (a Delaware corporation) (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142807/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TCT MOBILE EUROPE SAS
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2013-00643 ngày 24/5/2013 của TCT MOBILE EUROPE SAS; địa chỉ: Immeuble Le Capitole, Parc des Fontaines, 55 avenue des Champs Pierreux F-92000 NANTERRE, France; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1105572 theo Thông báo số 2012/05

NMD368

HBN32 ngày 05/02/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5015/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TCT MOBILE EUROPE SAS với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "one touch, hình" theo đơn đơn quốc tế số 1105572 cho các nhóm 09, 38 và 42 bị từ chối bảo hộ do mang tính mô tả sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1105572 với lý do như sau:

Nhãn hiệu của người nộp đơn đã được quảng bá và quảng cáo rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới như: Úc, Singapore, Malaysia, Hồng Kông, Cộng hòa Đôminica, Hoa Kỳ,… Người nộp đơn cũng đã tiến hành đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu "ONE TOUCH" tại hơn 40 quốc gia, trong đó bao gồm nhiều thị trường lớn như Singapore, Malaysia, Mexico, Hoa Kỳ,…

Tại thị trường Việt Nam, từ năm 2007 đến năm 2012, doanh số bán sản phẩm mang nhãn hiệu "ONE TOUCH" có chiều hướng gia tăng thông qua nhiều kênh phân phối khác nhau. Cụ thể, Công ty Cổ phần Điện thoại Di động Thành Công là đơn vị phân phối các sản phẩm điện thoại di động mang nhãn hiệu "ONE TOUCH" tại Việt Nam, đồng thời tiến hành quảng cáo và bán hàng trực tuyến thông qua website chính thức của công ty tại địa chỉ: http://www.thanhcongmobile.com.

Bên cạnh đó, sản phẩm mang nhãn hiệu của người nộp đơn còn được phân phối bởi nhiều công ty, siêu thị và cửa hàng trên toàn quốc. Các sản phẩm và dịch vụ này cũng đã được giới thiệu, quảng bá rộng rãi trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng như báo Thanh Niên, Gia Đình Trẻ, Doanh Nhân Sài Gòn, Tuổi Trẻ, An Ninh Thủ Đô, VnExpress,…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch

vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin do người nộp đơn cung cấp; trên cơ sở xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu xin đăng ký "One Touch" là cụm từ tiếng Anh, có nghĩa tiếng Việt là "một lần chạm", dễ gợi liên tưởng trực tiếp đến tính năng hoặc công dụng của sản phẩm/dịch vụ, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ hoặc thiết bị điện tử thuộc nhóm 09 (thiết bị khoa học, điện tử...), nhóm 38 (dịch vụ viễn thông) và nhóm 42 (dịch vụ khoa học và công nghệ). Do đó, dấu hiệu này có thể bị xem là mô tả hoặc thiếu tính phân biệt khi gắn với các sản phẩm/dịch vụ nêu trên.

Về tài liệu chứng minh mức độ sử dụng, mặc dù doanh số và số lượng sản phẩm mang nhãn hiệu "One Touch" tại thị trường Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2012 có xu hướng tăng, tuy nhiên mức độ tăng trưởng này chưa đủ thuyết phục để cho thấy nhãn hiệu đã đạt được mức độ nhận biết rộng rãi hoặc được người tiêu dùng Việt Nam nhận diện như một dấu hiệu phân biệt nguồn gốc thương mại của sản phẩm.

Việc nhãn hiệu "One Touch" đã được cấp văn bằng bảo hộ tại hơn 40 quốc gia, trong đó có các thị trường lớn như Singapore, Malaysia, Mexico, Hoa Kỳ,... chỉ có giá trị tham khảo, bởi hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ của mỗi quốc gia có quy định và tiêu chuẩn riêng trong việc đánh giá khả năng phân biệt của nhãn hiệu.

Từ các nhận định nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị bảo hộ nhãn hiệu "One Touch" của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1105572 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2012/05 HBN32 ngày 05/02/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1105572.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, TCT MOBILE EUROPE SAS có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TCT MOBILE EUROPE SAS (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
PHÒNG THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Số: 4613/BC-TTKN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

1. Chuyên viên: Nguyễn Minh Đức

2. Số đơn khiếu nại: KN5-2017-00321 Ngày nộp đơn: 16/3/2017

Số đơn đăng ký: 1262153 Ngày nộp đơn: 18/12/2014

Nhãn hiệu : DIRTY DANCING

Các nhóm hàng hóa/dịch vụ: 09, 16, 18, 21, 25, 41

Người khiếu nại: Lions Gate Entertainment Inc.

Địa chỉ: 2700 Colorado Avenue, Suite 200 Santa Monica CA 90404 United States of America

Đại diện SHCN: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

Địa chỉ: Phòng 308-310, tầng 3, Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

3. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 1 Điều 8 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu nếu: "a) Trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng hoặc gây hại đến quốc phòng, an ninh".

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

4. Tài liệu đối chứng:

5. Tài liệu trung gian:

TT	Ngày	Tên tài liệu	Ghi chú
1	22/03/2017	5704 KN5 Bổ sung Ủy quyền gốc (TLBS5-2017-2052784)	
2	26/05/2017	5702 KN5 Công văn bổ sung tài liệu (TLBS5-2017-2092283)	
3	07/05/2018	5707 KN5 Công văn, đề nghị khác (TLBS5-2018-2309733)	
4	14/04/2021	5152 Công văn liên quan đến lệ phí (TLBS5-2021-3402479)	
5	04/04/2024	4319 Công văn đề nghị ra thông báo kết quả thẩm định đơn (TLBS4-2024-6860852)	

6. Nội dung khiếu nại:

Nhãn hiệu "DIRTY DANCING" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1262153 bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam đối với toàn bộ sản phẩm và dịch vụ thuộc các nhóm 09, 16, 18, 21, 25 và 41 theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 5 điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh đề nghị xem xét chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "DIRTY DANCING" với các lý do như sau:

"DIRTY DANCING", hay còn được biết đến tại Việt Nam với tên gọi "Vũ điệu hoang dã", là tên của một bộ phim kinh điển thuộc thể loại ca nhạc – khiêu vũ của Hoa Kỳ, được sản xuất từ năm 1987 và đã được trình chiếu rộng rãi trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Bộ phim kể về hành trình trưởng thành và tình yêu của một cô gái trẻ đam mê khiêu vũ, tạo dấu ấn sâu đậm trong văn hóa đại chúng. Chính vì vậy, cụm từ "DIRTY DANCING" được công chúng ghi nhận là tên riêng của một tác phẩm điện ảnh nổi tiếng, không mang ý nghĩa tiêu cực, không trái với đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục hay trật tự công cộng tại Việt Nam.

Cụm từ "DIRTY DANCING" không có chức năng mô tả đặc tính, công dụng, nguồn gốc hay bất kỳ yếu tố liên quan nào đến các sản phẩm, dịch vụ thuộc

nhóm 09, 16, 18, 21, 25 và 41. Dấu hiệu này không khiến người tiêu dùng hiểu lầm về nguồn gốc xuất xứ hoặc bản chất của sản phẩm/dịch vụ mà chỉ được hiểu như một dấu hiệu phân biệt xuất phát từ tên một bộ phim nổi tiếng. Vì vậy, không thể xem "DIRTY DANCING" là dấu hiệu mang tính mô tả hay gây nhầm lẫn.

Nhãn hiệu "DIRTY DANCING" đã được sử dụng rộng rãi và liên tục tại nhiều quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Người nộp đơn đã cung cấp bản tuyên bố và các tài liệu chứng minh quá trình sử dụng nhãn hiệu, thể hiện mức độ nhận diện rộng rãi của người tiêu dùng đối với dấu hiệu này trên thị trường.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu "DIRTY DANCING" đã được đăng ký và bảo hộ tại gần 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Úc, Tây Ban Nha, Canada, Singapore, Thái Lan, Thụy Điển, Na Uy, Áo, Phần Lan, Nam Phi, Bồ Đào Nha, Venezuela, Colombia, Panama, Nigeria, Bahrain, Ecuador, Bolivia và khu vực Benelux. Việc được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia với hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ phát triển là một cơ sở thực tiễn quan trọng để cân nhắc khả năng bảo hộ tương ứng tại Việt Nam.

Từ những phân tích và tài liệu đã cung cấp, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại quyết định từ chối và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "DIRTY DANCING" theo đăng ký quốc tế số 1262153 tại Việt Nam.

7. Ý kiến nhận định:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan, đồng thời xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu đăng ký "DIRTY DANCING", tiếng Việt là "Vũ điệu hoang dã", là tên của một bộ phim nổi tiếng thuộc thể loại ca nhạc – khiêu vũ của Hoa Kỳ, được sản xuất và trình chiếu từ năm 1987. Bộ phim đã được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, và đạt được nhiều giải thưởng danh giá như: Giải Oscar năm 1987, giải Quả Cầu Vàng năm 1988, giải Grammy cho ca khúc nhạc phim hay nhất cùng nhiều giải thưởng khác. Cụm từ "DIRTY DANCING" trong trường hợp này là tiêu đề của một tác phẩm điện ảnh có tính biểu tượng, không thể hiện hoặc mô tả đặc tính, công dụng, thành phần hay tính chất của các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 16, 18, 21, 25 và 41 đăng ký bảo hộ.

Với vai trò là tên gọi của một bộ phim cụ thể, dấu hiệu "DIRTY DANCING" không trực tiếp gợi tả đặc điểm, tính năng hay mục đích sử dụng của

các hàng hóa hoặc dịch vụ nêu trên. Đồng thời, dấu hiệu này cũng không khiến người tiêu dùng hiểu sai lệch về bản chất, chất lượng hay nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ.

Mặt khác, khi được thể hiện dưới dạng nguyên gốc bằng tiếng Anh hoặc được dịch sang tiếng Việt, cụm từ "DIRTY DANCING"/"Vũ điệu hoang dã" không mang ý nghĩa thô tục, phản cảm hoặc trái với thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội.

Từ các phân tích trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của đai diện người nộp đơn trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

8. Kết luận:

☑ Nội dung khiếu nại có cơ sở, đề nghị hủy bỏ Thông báo số 2015/33 NTH28 ngày 18/8/2016.

Chuyên viên	**Lãnh đạo Phòng**
Nguyễn Minh Đức 10/07/2025	Trưởng phòng Nguyễn Đức Dũng *Ngày... tháng .... năm 2025*
QUYẾT ĐỊNH CỦA LÃNH ĐẠO CỤC	
Ngày... tháng .... năm...	

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142808/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Lions Gate Entertainment Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00321 ngày 16/3/2017 của Lions Gate Entertainment Inc.; địa chỉ: 2700 Colorado Avenue, Suite 200 Santa Monica CA 90404 United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1262153 theo Thông báo số 2015/33 NTH28 ngày 18/8/2016;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4613/BC-TTKN

ngày 10/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Lions Gate Entertainment Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DIRTY DANCING" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1262153 bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam đối với toàn bộ sản phẩm và dịch vụ thuộc các nhóm 09, 16, 18, 21, 25 và 41 theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 5 điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh đề nghị xem xét chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "DIRTY DANCING" với các lý do như sau:

"DIRTY DANCING", hay còn được biết đến tại Việt Nam với tên gọi "Vũ điệu hoang dã", là tên của một bộ phim kinh điển thuộc thể loại ca nhạc – khiêu vũ của Hoa Kỳ, được sản xuất từ năm 1987 và đã được trình chiếu rộng rãi trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Bộ phim kể về hành trình trưởng thành và tình yêu của một cô gái trẻ đam mê khiêu vũ, tạo dấu ấn sâu đậm trong văn hóa đại chúng. Chính vì vậy, cụm từ "DIRTY DANCING" được công chúng ghi nhận là tên riêng của một tác phẩm điện ảnh nổi tiếng, không mang ý nghĩa tiêu cực, không trái với đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục hay trật tự công cộng tại Việt Nam.

Cụm từ "DIRTY DANCING" không có chức năng mô tả đặc tính, công dụng, nguồn gốc hay bất kỳ yếu tố liên quan nào đến các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 16, 18, 21, 25 và 41. Dấu hiệu này không khiến người tiêu dùng hiểu lầm về nguồn gốc xuất xứ hoặc bản chất của sản phẩm/dịch vụ mà chỉ được hiểu như một dấu hiệu phân biệt xuất phát từ tên một bộ phim nổi tiếng. Vì vậy, không thể xem "DIRTY DANCING" là dấu hiệu mang tính mô tả hay gây nhầm lẫn.

Nhãn hiệu "DIRTY DANCING" đã được sử dụng rộng rãi và liên tục tại nhiều quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Người nộp đơn đã cung cấp bản tuyên bố và các tài liệu chứng minh quá trình sử dụng nhãn hiệu, thể hiện mức độ nhận diện rộng rãi của người tiêu dùng đối với dấu hiệu này trên thị trường.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu "DIRTY DANCING" đã được đăng ký và bảo hộ tại gần 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Úc, Tây Ban Nha, Canada, Singapore, Thái Lan, Thụy Điển, Na Uy, Áo, Phần Lan, Nam Phi, Bồ Đào Nha, Venezuela, Colombia, Panama, Nigeria, Bahrain, Ecuador, Bolivia và khu vực Benelux. Việc được chấp nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia với hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ phát triển là một cơ sở thực tiễn quan trọng để cân nhắc khả năng bảo hộ tương ứng tại Việt Nam.

Từ những phân tích và tài liệu đã cung cấp, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại quyết định từ chối và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "DIRTY DANCING" theo đăng ký quốc tế số 1262153 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 1 Điều 8 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu nếu: "a) Trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng hoặc gây hại đến quốc phòng, an ninh".

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại tại các đơn vị liên quan, đồng thời xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy:

Nhãn hiệu đăng ký "DIRTY DANCING", tiếng Việt là "Vũ điệu hoang dã", là tên của một bộ phim nổi tiếng thuộc thể loại ca nhạc – khiêu vũ của Hoa Kỳ, được sản xuất và trình chiếu từ năm 1987. Bộ phim đã được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, và đạt được nhiều giải thưởng danh giá như: Giải Oscar năm 1987, giải Quả Cầu Vàng năm 1988, giải Grammy cho ca khúc nhạc phim hay nhất cùng nhiều giải thưởng khác. Cụm từ "DIRTY DANCING" trong trường hợp này là tiêu đề của một tác phẩm điện ảnh có tính biểu tượng, không thể hiện hoặc mô tả đặc tính, công dụng, thành phần hay tính chất của các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 16, 18, 21, 25 và 41 đăng ký bảo hộ.

Với vai trò là tên gọi của một bộ phim cụ thể, dấu hiệu "DIRTY DANCING" không trực tiếp gợi tả đặc điểm, tính năng hay mục đích sử dụng của các hàng hóa hoặc dịch vụ nêu trên. Đồng thời, dấu hiệu này cũng không khiến người tiêu dùng hiểu sai lệch về bản chất, chất lượng hay nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ.

Mặt khác, khi được thể hiện dưới dạng nguyên gốc bằng tiếng Anh hoặc được dịch sang tiếng Việt, cụm từ "DIRTY DANCING"/"Vũ điệu hoang dã" không mang ý nghĩa thô tục, phản cảm hoặc trái với thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội.

Từ các phân tích trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy đề nghị của đai diện người nộp đơn trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1262153, không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 5 Điều 7 và điểm x khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/33 NTH28 ngày 18/8/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1262153.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1262153.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Lions Gate Entertainment Inc. (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142809/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kenzo TSUJIMOTO
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2011-00128 ngày 21/02/2011 của Kenzo TSUJIMOTO; địa chỉ: 2-15, Eganosho 5-chome, Habikino-shi, Osaka 583-0886, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1016724 theo Thông báo số 2009/43 27VTB ngày 28/10/2010;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4826/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kenzo TSUJIMOTO với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu xin đăng ký "KENZO ESTATE" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1016724 bị từ chối bảo hộ cho nhóm 29, 30, 31, 35, 41, 43 tại Việt Nam vì tương tự gây nhầm lẫn với hai nhãn hiệu đối chứng là: "KENZO" theo ĐKQT số 472708 và "KENZO" theo ĐKQT số 735835, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều Luật Sở hữu trí tuệ 2005. Công ty Tầm nhìn và Liên danh đã nộp đơn khiếu nại yêu cầu bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký với lý do:

Nhãn hiệu đối chứng "KENZO" theo Đăng ký quốc tế số 472708 đã bị chấm dứt hiệu lực đối với các nhóm 11 và 21. Sau khi bị giới hạn hiệu lực, nhãn hiệu đối chứng này chỉ còn được bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 3, 8, 9, 16, 20, 24, 25, 27 và 28. Trong khi đó, nhãn hiệu xin đăng ký được nộp đơn cho các nhóm 29, 30, 31, 35, 41 và 43. Đây là các nhóm hoàn toàn khác biệt về bản chất, công dụng, mục đích sử dụng cũng như kênh phân phối so với các nhóm sản phẩm còn hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng nêu trên. Do đó, nhãn hiệu xin đăng ký không có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "KENZO" theo Đăng ký quốc tế số 472708.

Tương tự, nhãn hiệu đối chứng "KENZO" theo Đăng ký quốc tế số 735835 đã bị chấm dứt hiệu lực một phần đối với các dịch vụ thuộc nhóm 35 và nhóm 42. Nhãn hiệu đối chứng này hiện chỉ còn hiệu lực bảo hộ đối với dịch vụ trong nhóm 38, trong khi nhãn hiệu xin đăng ký không nộp đơn cho nhóm 38 mà chỉ đăng ký cho các nhóm sản phẩm, dịch vụ khác biệt hoàn toàn, bao gồm nhóm 29, 30, 31, 35, 41 và 43. Như vậy, giữa nhãn hiệu xin đăng ký và nhãn hiệu đối chứng theo Đăng ký quốc tế số 735835 không tồn tại sự trùng lặp hoặc tương tự về danh mục sản phẩm, dịch vụ.

Từ các phân tích nêu trên, có thể thấy rằng nhãn hiệu xin đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng được viện dẫn không có sự giao thoa về phạm vi bảo hộ đối với hàng hóa, dịch vụ. Vì vậy, không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu xin đăng ký "KENZO ESTATE" theo ĐKQT số 1016724 được nộp đơn cho các nhóm 29, 30, 31, 35, 41 và 43. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "KENZO" theo ĐKQT số 472708 chỉ còn hiệu lực bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc các nhóm 3, 8, 9, 16, 20, 24, 25, 27 và 28. Các sản phẩm, dịch vụ đăng ký của nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn khác biệt với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng về đặc tính, mục đích sử dụng, đối tượng hướng đến và kênh phân phối.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu đối chứng "KENZO" theo ĐKQT số 735835 đã bị chấm dứt hiệu lực một phần và hiện chỉ còn hiệu lực đối với dịch vụ thuộc nhóm 38. Trong khi đó, nhãn hiệu xin đăng ký không nộp đơn cho nhóm này mà đăng ký cho các nhóm hàng hóa, dịch vụ hoàn toàn khác biệt, không có sự trùng lặp hoặc tương tự về tính chất hoặc chức năng sử dụng.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu xin đăng ký "KENZO ESTATE" theo ĐKQT số 1016724 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1016724, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2009/43 27VTB ngày 28/10/2010 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1016724.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1016724.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kenzo TSUJIMOTO (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142810/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh, đại diện cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Merap có Công văn số IP/TC2554-(2) ngày 08/7/2025 đề nghị rút đơn khiếu nại số KN4-2020-00126 ngày 21/02/2020.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

NMD368

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2020-00126 ngày 21/02/2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Merap; địa chỉ: Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh.

Lý do đình chỉ: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh, đại diện cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Merap có Công văn số IP/TC2554-(2) ngày 08/7/2025 đề nghị rút đơn khiếu nại số KN4-2020-00126 ngày 21/02/2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Công ty Cổ phần Tập đoàn Merap (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142811/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ahresty Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2016-00519 ngày 10/6/2016 của Ahresty Corporation; địa chỉ: 1-2 Nakahara, Mitsuya-cho, Toyohashi-shi, Aichi 441-3114, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1240571 theo Thông báo số 2015/11 MDQ37 ngày 15/3/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4849/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ahresty Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "MOVAFLOR" theo đơn quốc tế số 1240571 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 196552, 233132, 219024 của Công ty cổ phần hóa chất xây dựng A&P.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1240571 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký gồm duy nhất "MOVAFLOR" được trình bày theo phông chữ tiêu chuẩn, viết hoa.

Nhãn hiệu đối chứng theo Đăng bạ quốc gia số 196552 gồm cụm từ "MOVA Đẹp mãi với thời gian" và chữ "R" nhỏ được trình bày trong một đường tròn nhỏ.

Nhãn hiệu đối chứng theo Đăng bạ quốc gia số 233132 gồm cụm từ "MOVACOLOR Sự lựa chọn của ngày nay".

Nhãn hiệu đối chứng theo Đăng bạ quốc gia số 219024 gồm cụm từ "MOVA TILE ADHESIVE Bám dính trên mọi chất nền" và hình đầu mũi tên.

Các nhãn hiệu đối chứng được thiết kế theo một cách riêng, cụ thể:

- Phần chữ "MOVA Đẹp mãi với thời gian", "MOVACOLOR Sự lựa chọn của ngày nay" và "MOVA TILE ADHESIVE Bám dính trên mọi chất nền" được trình bày thành hai dòng, trong đó kích cỡ chữ của dòng trên thường lớn hơn kích cỡ chữ của dòng dưới;

- Phần chữ dòng trên có mầu xanh và đỏ và được viết hoa toàn bộ, phần chữ dòng dưới có mầu đen và được viết in nghiêng;

- Chữ "V" trong các nhãn hiệu đối chứng có mầu đỏ và được cách điệu giống hình mũi tên, đã tạo nên cho nhãn hiệu đối chứng một ấn tượng riêng về thị giác.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "MOVAFLOR" có cấu trúc đơn giản, gồm một từ duy nhất, được thể hiện bằng phông chữ tiêu chuẩn, không kèm hình ảnh hay khẩu hiệu. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 196552, 219024 và 233132 đều có cấu trúc phức hợp, kết hợp giữa dấu hiệu từ ngữ và hình ảnh, được trình bày theo bố cục thị giác khác biệt đáng kể (hai dòng, màu sắc xanh đỏ, chữ "V" cách điệu hình mũi tên, kèm theo khẩu hiệu mô tả). Về mặt ngữ âm và ngữ nghĩa, tuy các nhãn hiệu đều chứa yếu tố "MOVA" nhưng phần hậu tố ("FLOR", "COLOR", "TILE ADHESIVE") hoàn toàn khác biệt, tạo nên dấu hiệu tổng thể có khả năng phân biệt rõ ràng trong nhận thức của người tiêu dùng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1240571, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/11 MDQ37 ngày 15/3/2016 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1240571.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1240571.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ahresty Corporation (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142812/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BOUCHARA-RECORDATI
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-01292 ngày 15/12/2017 của BOUCHARA-RECORDATI (trước là BOUCHARA-RECORDATI, Société par actions simplifiée; địa chỉ: Immeuble "Le Wilson", 70 Avenue du Général de Gaulle, F-92800 PUTEAUX, France); đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1324252 theo Thông báo số 2016/49 NHTr07 ngày 06/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4854/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BOUCHARA-RECORDATI, Société par actions simplifiée với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VITAMINE D3 B.O.N. BOUCHARA-RECORDATI" theo đơn quốc tế số 1324252 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "RECORDATI" bảo hộ theo đăng ký quốc tế số 205913A và số 475332 của Recordati Industria Chimica e Farmaceutica S.p.A.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1324252 với lý do như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "VITAMINE D3 B.O.N. BOUCHARA-RECORDATI" theo không trùng với hai (02) nhãn hiệu đối chứng theo Đăng ký quốc tế số 205913A và số 475332. Bên cạnh đó, Chủ sở hữu Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 205913A và số 475332 cũng đã đồng ý việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "VITAMINE D3 B.O.N. BOUCHARA-RECORDATI" theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1324252 dưới tên của BOUCHARA-RECORDATI, Société par actions simplifiée tại Việt Nam.

Ngoài ra, theo nội dung Thư đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng thì BOUCHARA-RECORDATI, Société par actions simplifiée (chủ nhãn hiệu đăng ký) lại thuộc sở hữu của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có thành phần "RECORDATI", tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký còn có thành phần "VITAMINE D3 B.O.N. BOUCHARA" nên tổng thể nhãn hiệu đăng ký có khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng.

Ngoài ra, người nộp đơn đã có Thư chấp thuận của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đồng ý cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng tại Việt Nam.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1324252, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/49 NHTr07 ngày 06/11/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1324252.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1324252.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BOUCHARA-RECORDATI (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142813/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ViaSat, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2022-00736 ngày 08/6/2022 của ViaSat, Inc.; địa chỉ: 6155 El Camino Real, Carlsbad, CA 92009, the United States; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1354015 theo Quyết định số 1243/QĐ-SHTT ngày 14/3/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4856/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ViaSat, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VIASAT" theo đơn quốc tế số 1354015 bị từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "VINASAT, hình" theo GCNĐKNH số 130083 của Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1354015 với lý do như sau:

Cả nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được tạo lập từ các từ ngữ không có tính phân biệt cao, do đó, việc đánh giá khả năng phân biệt của mỗi nhãn hiệu sẽ căn cứ dựa trên sự kết hợp giữa các thành phần của nhãn hiệu. Nhãn hiệu đối chứng là một từ ghép giữa tiền tố "VINA" (viết tắt của "Việt Nam") và hậu tố "SAT" (lấy từ từ tiếng Anh "satellite" và có nghĩa tiếng Việt là "vệ tinh"), khi bắt gặp nhãn hiệu đối chứng, người tiêu dùng sẽ liên tưởng ngay tới hàm nghĩa của nhãn hiệu là "vệ tinh Việt Nam" hoặc "vệ tinh của Việt Nam". Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa tiền tố "VIA" (là giới từ tiếng Anh và có nghĩa là "thông qua, bằng") cùng hậu tố "SAT" (lấy từ từ tiếng Anh "satellite" và có nghĩa tiếng Việt là "vệ tinh"), Như vậy, tổng thể nhãn hiệu đăng ký mang hàm nghĩa là dịch vụ cung cấp bằng vệ tinh.

Phần chữ của nhãn hiệu đối chứng được đọc là "vi-na-sat". Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký gồm tiền tố "VIA" là một từ tiếng Anh khá thông dụng nên người tiêu dùng Việt Nam thường đọc theo phiên âm tiếng Anh của từ và do đó, nhãn hiệu thường được đọc là "vai-ơ-sat".

Nhãn hiệu đối chứng "VINASAT" là một nhãn hiệu kết hợp gồm phần chữ "VINASAT" được trình bày theo một phông chữ riêng, gồm 07 chữ cái, bao quanh hai chữ "A" là một hình e-lip. Trong khi nhãn hiệu đăng ký "VIASAT" được cấu tạo bởi 06 chữ cái và được trình bày theo phông chữ tiêu chuẩn.

Nhãn hiệu đăng ký "VIASAT" của ViaSat, Inc. đã được công nhận bảo hộ tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ trên thế giới như Hòa Kỳ, Úc,…

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "VIASAT" là dấu hiệu chữ gồm sáu ký tự, có cấu trúc và phát âm gần giống với nhãn hiệu "VINASAT, hình" đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 130083, bảo hộ cho các dịch vụ viễn thông thuộc nhóm 38. Cả hai nhãn hiệu đều chứa yếu tố "VI___SAT", với cấu trúc ba âm tiết, trong đó hai âm tiết đầu và cuối trùng nhau hoặc tương tự. Về phương diện phát âm, "VINASAT" được đọc là /vi-na-sát/ trong khi "VIASAT" được đọc là /vi-a-sát/. Sự khác biệt duy nhất nằm ở âm tiết thứ hai ("na" so với "a") một khác biệt rất nhỏ và khó nhận biết khi phát âm nhanh hoặc trong môi trường âm thanh nhiễu. Đặc biệt, trong lĩnh vực viễn thông, nơi việc giao tiếp qua âm thanh là chủ yếu thì sự tương tự về phát âm giữa hai dấu hiệu càng làm tăng nguy cơ gây nhầm lẫn trong nhận thức người tiêu dùng trung bình.

Xét về ngữ nghĩa, cả hai nhãn hiệu đều tạo ra liên tưởng đến công nghệ vệ tinh: "VINASAT" gợi đến "Vệ tinh Việt Nam", trong khi "VIASAT" là từ ghép giữa "Via" và "Satellite". Do đó, khi sử dụng cho cùng loại dịch vụ viễn thông, các dấu hiệu này có khả năng khiến người tiêu dùng hiểu sai rằng chúng có cùng nguồn gốc thương mại hoặc có mối liên hệ về tổ chức, liên kết công nghệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ đơn quốc tế số 1354015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 1243/QĐ-SHTT ngày 14/3/2022 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn quốc tế số 1354015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ViaSat, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ViaSat, Inc. (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142814/QĐ-SHTT.JP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của dormakaba Deutschland GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

BTT367

Xét đơn số KN5-2017-00894 ngày 16/8/2017 của dormakaba Deutschland GmbH; địa chỉ: Dorma Platz 1, 58256 Ennepetal, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1298960 theo Thông báo số 2016/22 NTH08 ngày 26/4/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4857/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của dormakaba Deutschland GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RIGIL" theo đơn quốc tế số 1298960 bị tạm thời từ chối bảo hộ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "RIGEL Let us simplify everything www.rigel.vn, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 229450 của Công ty TNHH RIGEL.

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh đề nghị bảo hộ đơn quốc tế số 1298960 với lý do như sau:

- Người nộp đơn loại bỏ nhóm 19 và sản phẩm "doors of metal" (cửa ra vào bằng kim loại) thuộc nhóm 06 tại Văn phòng quốc tế WIPO.

Hàng hoá thuộc Nhóm 06 theo đơn quốc tế số 1298960 là các sản phẩm kim loại và được sử dụng để chống trộm, tạo cơ sở cho việc vận hành cửa đi, được bày bán chủ yếu tại các cửa hàng ngũ kim.

Hàng hoá thuộc Nhóm 19 theo Đăng bạ quốc gia số 229450 là các sản phẩm phi kim loại và sử dụng làm nguyên liệu để xây dựng các công trình xây dựng, được bày bán tại các cửa hàng vật liệu xây dựng

- Nhãn hiệu đăng ký là từ tự đặt "RIGIL" không có nghĩa. Nhãn hiệu đối chứng gồm từ "RIGEL", cụm từ "Let us simplify everything", www.rigel.vn, chữ "R" và hình ngôi sao năm cánh, hình tròn cách điệu, đường kẻ ngang và một đường tròn nhỏ. Cụm từ tiếng Anh trong nhãn hiệu đối chứng có nghĩa tiếng Việt là "chúng ta hãy đơn giản hoá mọi thứ".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "RIGIL" là dấu hiệu từ ngữ đơn, không có nghĩa, không chứa yếu tố mô tả hoặc dấu hiệu trùng lặp với các thành phần nổi bật trong nhãn hiệu đối chứng "RIGEL, hình". Về hình thức, bố cục và tổng thể trình bày, hai dấu hiệu có sự khác biệt rõ rệt do nhãn hiệu đối chứng là dấu hiệu phức hợp hình và chữ, được trình bày theo cấu trúc ba dòng, phối màu và có hình ngôi sao cách

điệu. Ngoài ra, danh mục hàng hóa thuộc nhóm 06 sau khi giới hạn chủ yếu bao gồm các thiết bị khóa, bản lề, chốt bằng kim loại khác biệt rõ rệt về chức năng và kênh tiêu thụ so với hàng hóa trong nhóm 19 của nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1298960, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/22 NTH08 ngày 26/4/2017 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1298960.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1298960 cho các hàng hóa "Mechanical locks of metal; keys; fittings of metal for building, namely, door hinges, latch keys, locks and lock plates, accessories of metal for latch keys, accessories of metal for doors and glass panels; accessories of metal for glass installations, namely, locks and lock plates, lock pins, handles, door knobs, support bars, bolted mounts of metal, accessories of metal for fastening, accessories of metal for clamps, security fittings for doors; non-electric door closing devices; door stops of metal" thuộc nhóm 06.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và dormakaba Deutschland GmbH (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142815/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Edmond Eisenberg
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2014-00224 ngày 11/3/2014 của Edmond Eisenberg; địa chỉ: 24, Avenue Princesse Grace MC-98000 Monte-Carlo (MC); đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1142448 theo Thông báo số 2012/51 NDT30 ngày 26/12/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4929/BC-

TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Edmond Eisenberg với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "JÓSE EISENBERG PARIS" đăng ký theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1142448 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc nhóm 03, 25 do chứa dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này theo Điều 74.2.đ Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với lý do sau:

- Người nộp đơn cho rằng cơ sở pháp lý từ chối nhãn hiệu đăng ký là Điều 73.5 Luật Sở hữu trí tuệ chứ không phải là 74.2.đ.

- Nhãn hiêu "JÓSE EISENBERG PARIS" không gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm vì:

Nhãn hiệu có thành phần chính là cụm từ "JÓSE EISENBERG" được viết to, nổi bật, có khả năng phân biệt cao, còn từ PARIS đặt bên dưới được thiết kế nhỏ hơn với nét chữ mảnh.

Các sản phẩm mang nhãn hiệu "JÓSE EISENBERG PARIS" được sản xuất, đóng gói, giao hàng tại Paris – Pháp và có dòng chữ "Sản xuất tại Pháp" trên bao bì. Việc sản xuất, đóng gói và giao hàng cần sự đồng ý chính thức của FEBEA (Liên đoàn Công nghiệp Sắc đẹp Pháp), đặt tại Paris và FEBEA kiểm soát thông tin ghi trên bao bì hàng hóa (bao gồm cả việc gắn nhãn "Sản xuất tại Pháp") và trao một Giấy chứng nhận Lưu hành Tự do cho từng đơn hàng; và người nộp đơn đã hạn chế danh mục sản phẩm các nhóm 3 và 25 ghi rõ "tất cả các sản phẩm được sản xuất tại Pháp, cụ thể tại Pari" và đã được ghi nhận tại Việt Nam;

Công ty chủ đơn là một phần của Liên đoàn công nghiệp Sắc đẹp Pháp "FEBEA" đặt tại Paris – Pháp; chịu sự điều hành của Liên minh châu Âu; và được phép gắn nhãn "sản xuất tại Pháp" trên bao bì sản phẩm theo pháp luật hải quan Liên minh châu Âu.

- Nhãn hiệu "JÓSE EISENBERG PARIS" đã được chấp nhận bảo hộ tại hơn 40 quốc gia trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký có dấu hiệu "PARIS" chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa thuộc nhóm 03 và 25.

- Việc sử dụng dấu hiệu "JÓSE EISENBERG PARIS" chứa địa danh "PARIS" sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng rằng các sản phẩm đăng ký có nguồn gốc xuất xứ từ địa danh PARIS, trong khi địa chỉ của người nộp đơn ở Monaco mà không phải là Paris thuộc Cộng hòa Pháp.

- Người nộp đơn cho rằng người nộp đơn thuộc Liên đoàn công nghiệp sắc đẹp Pháp nhưng có địa chỉ đặt tại Monaco nên thông tin cung cấp là chưa chính xác.

- Các tài liệu chứng minh nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi chưa đầy đủ và thiếu tính thuyết phục.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1142448 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2012/51 NDT30 ngày 26/12/2013 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1142448.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Edmond Eisenberg có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Edmond Eisenberg (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142816/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Stichting Aquaculture Stewardship Council Foundation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN5-2014-00959 ngày 25/9/2014 của Stichting Aquaculture Stewardship Council Foundation; địa chỉ: Nieuwekade 9 NL-3511 RV Utrecht Netherlands; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1162078 theo Thông báo số 2013/22 LMT15 ngày 05/6/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4907/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Stichting Aquaculture Stewardship Council Foundation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu chứng nhận "asc, hình" theo ĐQT số 1162078 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì (i) chưa ghi rõ loại nhãn hiệu được chỉ định vào Việt Nam; (ii) chưa nộp Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận/nhãn hiệu tập thể và danh sách các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng nhãn hiệu (nếu là nhãn hiệu tập thể). Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "asc, hình" theo ĐQT số 1162078 với lý do:

- Nhãn hiệu "asc, hình" theo ĐQT số 1162078 là nhãn hiệu chứng nhận. người nộp ĐQT là một tổ chức quốc tế phi lợi nhuận và độc lập. Sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu "asc, hình" mang lại niềm tin cho người tiêu dùng sản phẩm mà họ lựa chọn có khả năng truy xuất nguồn gốc, đã được chứng nhận độc lập và là sản phẩm thủy hải sản nuôi trồng có trách nhiệm.

- Người nộp đơn đã bổ sung Quy chế sử dụng chứng nhận đã được ký và có Công chứng vào ngày 17/02/2017 và kèm bản dịch ra tiếng Việt của Quy chế.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ quy định yêu cầu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu như sau:

1. Tài liệu, mẫu vật, thông tin xác định nhãn hiệu cần bảo hộ trong đơn đăng ký nhãn hiệu bao gồm:

a) Mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu;

b) Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

2. Nhận định, đánh giá:

Do người nộp đơn đã bổ sung Bản gốc Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận "asc, hình" đã được ký và có Công chứng vào ngày 17/02/2017 và kèm bản dịch ra tiếng Việt của Quy chế, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký "asc, hình" theo ĐQT số 1162078.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1162078, không áp dụng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2013/22 LMT15 ngày 05/6/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1162078.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1162078.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Stichting Aquaculture Stewardship Council Foundation (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142817/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của World Triathlon Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2019-00284 ngày 08/7/2019 của World Triathlon Corporation; địa chỉ: 2701 N. Rocky Point Drive, Suite 1250, Tampa, FL 33607, United States of America; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-22361 theo Quyết định số 50683/QĐ-SHTT ngày 24/6/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4865/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của World Triathlon Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "IRONMAN, hình" theo đơn số 4-2015-22361 tương tự với các nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 123536, nhãn hiệu "IRON MAN" bảo hộ theo GCNĐKNH số 178969 và nhãn hiệu "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 135642 theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "IRONMAN, hình" theo đơn số 4-2015-22361 với các lý do sau:

- Liên quan đến các nhãn đối chứng "IRON MAN" theo đăng ký số 123536 và 178969

Hiện tại, chủ đơn đang tiến hành xóa nhóm 25 khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ xin đăng ký. Theo đó, danh mục sản phẩm, dịch vụ theo đơn đăng ký nhãn hiệu như sau:

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí, cụ thể là tổ chức và giới thiệu các sự kiện thể thao bao gồm các cuộc thi điền kinh, bơi lội và đua xe đạp.

Như vậy, sau khi xóa nhóm 25, danh mục dịch vụ mang nhãn hiệu đã hoàn toàn khác danh mục các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 18, 25, 35, 40 và 42 mang các nhãn đối chứng theo đăng ký số 123536 và 178969 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt về bản chất, kênh thương mại, đối tượng sử dụng….

Vì vậy, việc gây nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ cho người tiêu dùng do nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn đối chứng của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế thời trang Việt là hoàn toàn không thể xảy ra. Hay nói cách khác, sau khi xóa nhóm 25, nhãn hiệu đăng ký đã không còn thuộc điều 74.2.e Luật SHTT.

Người nộp đơn sẽ thông tin đến Cục Sở hữu trí tuệ ngay sau khi việc xóa nhóm 25 khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu được ghi nhận.

- Liên quan đến nhãn đối chứng "IRON MAN" theo đăng ký số 135642

Xét thấy, nhãn hiệu đăng ký không trùng với nhãn đối chứng và dịch vụ mang hai nhãn hiệu là khác nhau và do đó việc sử dụng hai nhãn hiệu này cho các dịch vụ liên quan sẽ không có khả năng gây nhầm lẫn cho người sử dụng, Công ty chủ nhãn đối chứng Marvel Characters, Inc. đã cấp Thư đồng ý chấp thuận cho công ty chủ đơn – World Triathlon Corporation đăng ký và sử dụng nhãn hiệu cho các nhóm 25 và 41 tại Việt Nam.

Người nộp đơn xin đính kèm theo đây bản sao Thư đồng ý của công ty chủ nhãn đối chứng có xác nhận công chứng để Cục Sở hữu trí tuệ tiện tham khảo (bản gốc đã được nộp theo công văn số 249/NH ngày 28/03/2018).

Đồng thời trong Quyết định từ chối số 50683/QĐ-SHTT ngày 24/06/2019, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã chấp thuận không dùng không dùng nhãn hiệu số 135642 làm đối chứng để từ chối dịch vụ thuộc nhóm 41 của đơn mang nhãn hiệu. Do đó, nhãn hiệu hoàn toàn đủ điều kiện đăng ký cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

a. Đối với nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 123536

Nhãn hiệu đăng ký "IRONMAN", hình" trong đó từ "IRONMAN" viết liền và nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" được viết rời tuy nhiên các nhãn hiệu đều có nghĩa là "người đàn ông sắt/người sắt" nên các nhãn hiệu tương tự nhau về ý nghĩa, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 25, cụ thể nhãn hiệu đăng ký: "Quần áo cho đàn ông, phụ nữ và thanh niên; áo nỉ bằng lông cừu, quần dài thể thao bằng lông cừu, quần soóc thể thao bằng lông cừu và áo khoác (jacket) bằng lông cừu; áo thể thao, quần soóc thể thao, áo phông ngắn tay, mũ, mũ lưỡi trai, bộ đồ bơi, quần soóc dùng trong điền kinh, quần dài dùng trong điền kinh và áo dùng trong điền kinh, quần soóc dùng khi đi xe đạp, quần dài dùng khi đi xe đạp, áo dùng khi đi xe đạp và áo khoác (jacket) dùng khi đi xe đạp, áo choàng và áo khoác (jacket) mặc ngoài, tất ngắn cổ, găng tay, đồ đi chân và bộ đồ lặn được bán gắn liền với các cuộc thi liên quan đến điền kinh, bơi lội và đua xe đạp" và nhãn hiệu đối chứng: "Quần; áo; mũ (nón); tất (vớ); dây thắt lưng (dây nịt). Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

Theo công văn bổ sung của người nộp đơn đã nộp đơn ĐN1-2022-00074 ngày 06/4/2022 đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 123536, tuy nhiên cho tới nay, nhãn hiệu này vẫn chưa bị chấm

dứt hiệu lực và có thời hạn hiệu lực đến ngày 30/10/2027. Do đó, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 123536 vẫn có hiệu lực làm đối chứng đối với nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-22361.

b. Đối với nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 178969

Nhãn hiệu đăng ký "IRONMAN", hình" có từ "IRONMAN" viết liền và nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" viết rời, tuy nhiên các nhãn hiệu đều có nghĩa là "người đàn ông sắt/người sắt" nên các nhãn hiệu tương tự nhau về ý nghĩa, đồng thời hàng hóa của nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 25 trong khi đó nhãn hiệu đối chứng áp dụng cho dịch vụ nhóm 35: "Mua bán hàng may mặc; mua bán vải sợi; mua bán giày dép; mua bán mũ (nón); mua bán hàng dệt may; mua bán hàng thời tran" nên hàng hóa/dịch vụ của các nhãn hiệu có mối liên quan với nhau.

c. Đối với nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" theo GCNĐKNH số 135642

Nhãn hiệu đăng ký "IRONMAN, hình" và nhãn hiệu đối chứng "IRON MAN" đều áp dụng cho dịch vụ nhóm 41, nên việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho cùng dịch vụ sẽ gây nhầm lẫn về nguồn cung ứng dịch vụ. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư đồng ý cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "IRONMAN", hình" tại Việt Nam. Tuy nhiên, Thư chấp thuận của chủ sở hữu của nhãn hiệu đối chứng - Marvel Characters, Inc. cho phép người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "IRONMAN, hình" cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 25 và 41 tại Việt Nam chỉ là một nguồn tài liệu để tham khảo vì chưa đủ để tạo ra khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

e. Người nộp đơn đang tiến hành loại bỏ nhóm 25 ra khỏi danh mục sản phẩm. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-22361 ngày 19/08/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 50683/QĐ-SHTT ngày 24/6/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-22361 ngày 19/08/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, World Triathlon Corporation có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và World Triathlon Corporation (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142818/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của The Topps Company, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

TTN105

Xét đơn số KN4-2014-00653 ngày 09/7/2014 của The Topps Company, Inc.; địa chỉ: One Whitehall Street, New York, New York 10004-2109, United States of America; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư Ân Nam; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-17323 theo Quyết định số 26371/QĐ-SHTT ngày 12/5/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4873/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của The Topps Company, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "BIG BABY POP" theo đơn số 4-2010-17323 bị từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm nhóm 30 vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu "BIG BABOL POP Hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 91311 và nhãn hiệu "BIG BABOL POP, hình" bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 92375 của PERFETTI VAN MELLE S.p.A. theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn khiếu nại từ chối bảo hộ nhãn hiệu "BIG BABY POP" theo đơn số 4-2010-17323 với các lý do sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các nhãn đối chứng chứng cả về hình thức, cách đọc cũng như sản phẩm mang nhãn hiệu.

Về hình thức, thành phần "POP" được dùng phổ biến trong các nhãn hiệu dùng cho các sản phẩm nhóm 30 nên không phải là thành phần có khả năng phân biệt cao trong các nhãn hiệu. Theo cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ có ít nhất 40 nhãn hiệu có chứa yếu tố POP dùng cho các sản phẩm nhóm 30 đã được đăng ký tại Việt Nam, trong đó RING POP và PUSH POP sử dụng cho kẹo thuộc nhóm 30 thuộc sở hữu của người nộp đơn. Phần còn lại của nhãn hiệu đăng ký là "BIG BABY" có khả năng phân biệt với thành phần "BIG BABOL" của các nhãn đối chứng bởi BIG BABOL và BIG BABY được đọc khác nhau do cách phát âm hoàn toàn khác nhau của BABOL [ba-bôn] và BABY [bây-bi].

Về sản phẩm, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn đối chứng cùng sử dụng cho sản phẩm kẹo bánh, song nhãn hiệu đăng ký được sử dụng chủ yếu cho các sản phẩm kẹo chứa trong chai, lọ dạng bình sữa, còn nhãn đối chứng chủ yếu sử dụng cho kẹo mút và kẹo cao su thổi bóng đựng trong hộp giấy.

Thứ hai, nhãn hiệu đăng ký đã được đăng ký tại 60 quốc gia khác nhau trên thế giới và song song tồn tại cùng các nhãn hiệu đối chứng tại 29 quốc gia khác nhau mà không có bất cứ xung đột nào về quyền lợi giữa các chủ sở hữu cũng như không gây nên bất kỳ nhầm lẫn nào cho người tiêu dùng.

Hiện nay, cả 02 nhãn hiệu đối chứng đều đã hết hạn ở Việt Nam hơn 5 năm do chủ đăng ký không gia hạn hiệu lực đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam.

Với các lý lẽ và chứng cứ nêu trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-17323.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "BIG BABY POP" và các nhãn hiệu đối chứng "Big Babol POP, hình" có cấu trúc và cách phát âm giống nhau, các nhãn hiệu có trình tự sắp xếp các ký tự giống nhau, sự khác biệt duy nhất là ký tự "Y" ở cuối chữ thứ 2 trong nhãn hiệu đăng ký và ký tự "OL" ở cuối chữ thứ 2 của hai nhãn hiệu đối chứng không đủ tạo khả năng phân biệt về ấn tượng thị giác, đồng thời các nhãn hiệu đều áp dụng cho hàng hóa thuộc nhóm 30. Do vậy, việc các chủ thể khác nhau sử dụng các nhãn hiệu tương tự nhau cho các sản phẩm cùng loại hoặc có liên quan sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa.

- Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 91311 hết hiệu lực từ ngày 25/8/2015 và nhãn hiệu đối chứng số 92375 hết hiệu lực từ ngày 31/8/2015 và Quyết định số 26371/QĐ-SHTT ngày 12/5/2014 từ chối đối với đơn số 4-2010-17323 nên tính từ thời điểm ra quyết định từ chối thì hiệu lực của các nhãn hiệu đối chứng vẫn còn hiệu lực. Do vậy, việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-17323 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-17323 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 26371/QĐ-SHTT ngày 12/5/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-17323 ngày 16/08/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, The Topps Company, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và The Topps Company, Inc. (qua Văn phòng Luật sư Ân Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143251/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của KNF Holding AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00725 ngày 12/7/2017 của KNF Global Strategies AG; địa chỉ: Industriestrasse 16 CH-6210 Sursee, Switzerland; nay là: KNF Holding AG; địa chỉ: Grenzstrasse 5c CH-6214 Schenkon, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1298978 theo Thông

báo số 2016/22 NTH10 ngày 26/4/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4736/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của KNF Holding AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "KNF" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1298978 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 653249 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cùng tập đoàn với người nộp đơn. Do đó, chủ nhãn hiệu đối chứng sẽ tiến hành thủ tục ghi nhận việc sửa đổi tên và địa chỉ để thống nhất với tên và địa chỉ của người nộp đơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "KNF" theo ĐQT số 1298978 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 653249. Tuy nhiên, ĐQT số 1298978 và ĐKQT số 653249 đã được ghi nhận sửa đổi thông tin về cùng tên và địa chỉ của chủ sở hữu là "KNF Holding AG; Grenzstrasse 5c CH-6214 Schenkon (CH)". Do đó, nhãn hiệu theo ĐKQT số 653249 không còn là đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1298978, nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1298978, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/22 NTH10 ngày 26/4/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1298978.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1298978.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KNF Holding AG (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143252/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PENGUIN BOOKS LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00056 ngày 20/01/2017 của PENGUIN BOOKS LIMITED; địa chỉ: 80 Strand, London WC2R 0RL; nay là địa chỉ: One Embassy Gardens, 8 Viaduct Gardens London SW11 7BW, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ

PTT366

chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 993811 theo Thông báo số 2015/41 NNL10 ngày 13/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4738/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PENGUIN BOOKS LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PENGUIN" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35 và 41 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 993811 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Chim Cánh Cụt Trường Mầm Non Tư Thục penguin pre-school, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 169048, nhãn hiệu "CLUB PENGUIN" theo đơn số 4-2010-10411 và nhãn hiệu "Pororo The Little Penguin P, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 238781 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Đối với nhóm 9, 35: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có hình thức thể hiện khác biệt. Phần chính của nhãn hiệu đối chứng "Pororo The Little Penguin P, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 238781 là phần chữ "Pororo". Phần chữ "The Little Penguin" có nghĩa là "chú chim cánh cụt nhỏ" chỉ mang tính chú thích cho phần chữ "Pororo". Ngoài các chữ nêu trên, phần hình minh họa và các chi tiết khác trên nhãn hiệu đối chứng đều khác biệt với nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với nhóm 41: để có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "Chim Cánh Cụt Trường Mầm Non Tư Thục penguin pre-school, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169048, người nộp đơn đã loại bỏ "dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan tới giáo dục" khỏi danh mục thuộc nhóm 41 của nhãn hiệu đăng ký. Ngày 28/3/2017, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đã có thông báo ghi nhận giới hạn danh mục sản phẩm, dịch vụ của ĐQT số 993811. Đối với nhãn hiệu đối chứng "CLUB PENGUIN" theo đơn số 4-2010-10411, người nộp đơn bổ sung Thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu "PENGUIN" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 35 và 41 theo ĐQT số 993811 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Chim Cánh Cụt Trường Mầm Non Tư Thục penguin pre-school, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169048, nhãn hiệu "CLUB PENGUIN" theo đơn số 4-2010-10411 và nhãn hiệu "Pororo The Little Penguin P, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 238781.

Tuy nhiên, nhãn hiệu đối chứng "CLUB PENGUIN" cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 theo đơn 4-2010-10411 (được cấp theo GCNĐKNH số 317167) đã hết hiệu lực từ ngày 14/5/2020 và nhãn hiệu đối chứng "Pororo The Little Penguin P, hình" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09 và 35 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 238781 đã hết hiệu lực từ ngày 12/7/2018 do không được chủ sở hữu gia hạn, do đó các nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký. Đồng thời, người nộp đơn đã loại bỏ "dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan tới giáo dục" ra khỏi danh mục thuộc nhóm 41 của đơn quốc tế số 993811 để nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn

hiệu đối chứng cho các dịch vụ thuộc nhóm 41 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169048. Do đó, đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 993811, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/41 NNL10 ngày 13/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu đối với đơn quốc tế số 993811.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu cho đơn quốc tế số 993811 ngày 11/09/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PENGUIN BOOKS LIMITED (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143253/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của YANG, CHIA-HSUAN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00529 ngày 04/5/2017 của Ogival AG (Ogival SA) (Ogival Ltd); địa chỉ: Rue du Mont-Blanc 7 CH-1201 Genève Switzerland; nay là: YANG, CHIA-HSUAN; địa chỉ; No. 102, Ln. 155, Gongyi Rd., West Dist., Taichung City 403, Taiwan , China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn

PTT366

quốc tế số 1284964 theo Thông báo số 2016/03 NDT09 ngày 10/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4742/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của YANG, CHIA-HSUAN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "OP Olym Pianus" cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1284964 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "OP OLYM PIANUS, hình" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 68709, nhãn hiệu "OP Olym Pianus, hình" theo đơn số 4-2015-29742 và nhãn hiệu "OP Olympia Star, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 258640 cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu có mối quan hệ kinh doanh trực tiếp với chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng nên đã xin thư chấp thuận từ chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 68709, nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-29742 và nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 258640.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt

hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu "OP Olym Pianus" cho các sản phẩm thuộc nhóm 14 theo ĐQT số 1284964 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "OP OLYM PIANUS, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 68709, nhãn hiệu "OP Olym Pianus, hình" theo đơn số 4-2015-29742 (đã được cấp GCNĐKNH số 329191) và nhãn hiệu "OP Olympia Star, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 258640 cho các sản phẩm thuộc nhóm 14. Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận thư chấp thuận của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng do người nộp đơn cung cấp do việc bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn các nhãn hiệu đối chứng sẽ không tránh khỏi gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm mang nhãn hiệu. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1284964 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/03 NDT09 ngày 10/01/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1284964.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, YANG, CHIA-HSUAN có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và YANG, CHIA-HSUAN (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143254/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Actavis Group PTC ehf
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2012-00845 ngày 10/9/2012 của Actavis Group PTC ehf; địa chỉ: Reykjavíkurvegi 76-78, 220 Hafnarfjordur, Iceland; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-21311 theo Quyết định số 29660/QĐ-SHTT ngày 12/6/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4748/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Actavis Group PTC ehf với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "IRINOTESIN" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2010-21311 ngày 11/10/2010 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-20933 ngày 5/10/2010 theo quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Tại thời điểm nộp khiếu nại, người nộp đơn đang trong quá trình đàm phán với chủ nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2010-20933 để xin thư chấp thuận cho phép đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "IRINOTESIN" theo đơn 4-2010-21311.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 1 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký các sáng chế trùng hoặc tương đương với nhau, các kiểu dáng công nghiệp trùng hoặc không khác biệt đáng kể với nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "IRINOTESIN" trùng về cấu trúc, phát âm, hình thức thể hiện với nhãn hiệu đối chứng "IRINOTEL" theo đơn số 4-2010-20933 (đã được cấp GCNĐKNH số 261080). Đồng thời, sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký tương tự với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng do đều là các sản phẩm thuộc lĩnh vực dược phẩm ở nhóm 05. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-20933 ngày 5/10/2010 (đã được cấp GCNĐKNH số 261080), nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-21311 ngày 11/10/2010 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29660/QĐ-SHTT ngày 12/6/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-21311 ngày 11/10/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Actavis Group PTC ehf có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Actavis Group PTC ehf (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143255/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Thomson Reuters Finance S.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2010-00547 ngày 20/8/2010 của Thomson Reuters Finance S.A.; địa chỉ: Neuhofstrasse 1, CH6341, Baar, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2008-02833 theo Quyết định số 37982/QĐ-SHTT ngày 14/7/2010;

PTT366

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4790/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Thomson Reuters Finance S.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "THOMSON-REUTERS" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 16, 35, 36, 37, 38, 42, 44, 45 theo đơn số 4-2008-02833 ngày 15/02/2008 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "REUTERS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28579, nhãn hiệu "REUTERS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28653 và nhãn hiệu "REUTERS" nổi tiếng của Anh (Reuters-Wikipedia Tiếng Việt) theo quy định tại điểm e và i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

Chủ sở hữu hai nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn là cùng một tập đoàn. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28579 đang thực hiện chuyển nhượng GCNĐKNH số 28579 cho người nộp đơn theo đơn số CB4-2010-00224 ngày 18/6/2010. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ GCNĐKNH số 28653 không có nhu cầu sử dụng và GCNĐKNH số 28653 đã hết hiệu lực từ ngày 31/5/2007, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng sẽ cung cấp bản cam kết từ bỏ quyền sở hữu nhãn hiệu này tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt vì là dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm

năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này.

Điểm i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được coi là nổi tiếng của người khác đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ không tương tự, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phân biệt của nhãn hiệu nổi tiếng hoặc việc đăng ký nhãn hiệu nhằm lợi dụng uy tín của nhãn hiệu nổi tiếng".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "THOMSON-REUTERS" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 16, 35, 36, 37, 38, 42, 44, 45 theo đơn số 4-2008-02833 ngày 15/02/2008 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "REUTERS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28579, nhãn hiệu "REUTERS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28653. Tại thời điểm ban hành Quyết định số 37982/QĐ-SHTT ngày 14/7/2010, GCNĐKNH số 28579 vẫn còn hiệu lực, GCNĐKNH số 28653 hết hiệu lực từ ngày 31/5/2007 nhưng thời gian hết hiệu lực chưa quá năm năm. Cho đến nay, các GCNĐKNH số 28579 và 28653 vẫn thuộc sở hữu của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng, nên đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2008-02833 ngày 15/02/2008 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 37982/QĐ-SHTT ngày 14/7/2010 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-02833 ngày 15/02/2008.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Thomson Reuters Finance S.A. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Thomson Reuters Finance S.A. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143256/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Thomson Reuters Global Resources
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2011-00836 ngày 19/10/2011 của Thomson Reuters Global Resources; địa chỉ: Neuhofstrasse 1, 6340, Baar, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2008-04165 theo Quyết định số 21832/QĐ-SHTT ngày 20/7/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4745/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Thomson Reuters Global Resources với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "THOMSON REUTERS, hình" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 16, 35, 36, 37, 38, 41, 42, 44, 45 theo đơn số 4-2008-04165 ngày 04/03/2008 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "REUTERS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28579, nhãn hiệu "REUTERS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28653 và nhãn hiệu "REUTERS" nổi tiếng của Anh (Reuters-Wikipedia Tiếng Việt) theo quy định tại điểm e, h và i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Chủ sở hữu hai nhãn hiệu đối chứng và người nộp đơn là cùng một tập đoàn. Đến thời điểm khiếu nại, chủ sở hữu hai nhãn hiệu đối chứng không có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu đã được cấp và đang tiến hành các thủ tục xin tự chấm dứt hiệu lực tại Việt Nam.

- Người nộp đơn sẽ bổ sung Quyết định ghi nhận việc tự chấm dứt hiệu lực và bản cam kết từ bỏ quyền sở hữu nhãn hiệu của hai nhãn hiệu đối chứng nói trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt vì là dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm

năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này;

Điểm i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt vì là dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được coi là nổi tiếng của người khác đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ không tương tự, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phân biệt của nhãn hiệu nổi tiếng hoặc việc đăng ký nhãn hiệu nhằm lợi dụng uy tín của nhãn hiệu nổi tiếng

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "THOMSON REUTERS, hình" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 16, 35, 36, 37, 38, 41, 42, 44, 45 theo đơn số 4-2008-04165 ngày 04/03/2008 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "REUTERS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28579, nhãn hiệu "REUTERS" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 28653. Tại thời điểm ban hành Quyết định số 21832/QĐ-SHTT ngày 20/7/2011, GCNĐKNH số 28579 vẫn còn hiệu lực, GCNĐKNH số 28653 hết hiệu lực từ ngày 31/5/2007 nhưng thời gian hết hiệu lực chưa quá năm năm, do đó, nhãn hiệu đăng ký vẫn tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2008-04165 ngày 04/03/2008 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 21832/QĐ-SHTT ngày 20/7/2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-04165 ngày 04/03/2008.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Thomson Reuters Global Resources có quyền khiếu nại đến Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Thomson Reuters Global Resources (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143257/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Nice Enterprise Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2014-00831 ngày 26/8/2014 của Nice Enterprise Co., Ltd.; địa chỉ: No. 21, Chung Shan Road, Min Hsiung Industrial Dist., Chiayi County 621, Taiwan; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-25266 ngày 01/12/2010 theo Quyết định số 29601/QĐ-SHTT ngày 26/5/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4751/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Nice Enterprise Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Nice Touch [nai: kéo dài, kiên nhẫn, chống lại; sih: đây, này; duo: nhiều; ci: đẹp" cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo đơn số 4-2010-25266 ngày 01/12/2010 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Phần chữ "Nice Touch" của nhãn hiệu đăng ký không mô tả các sản phẩm thuộc nhóm 3. Vì trên thực tế, nhiều phần chữ "NICE" đi kèm với các dấu hiệu khác cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 đã được chấp nhận bảo hộ như: nhãn hiệu "NICECARE" (GCNĐKNH số 125829), nhãn hiệu "NiceLady" (GCNĐKNH số 68440), nhãn hiệu "NICE STAR và hình" (GCNĐKNH số 78603), nhãn hiệu "BeNice và hình" (GCNĐKNH 4-0124947), nhãn hiệu "NICE LADY và hình" (GCNĐKNH số 136902), nhãn hiệu NiceSkin và hình (GCNĐKNH số 124405), nhãn hiệu "Xnice và hình" (GCNĐKNH số 119286).

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ tại Đài Loan (Trung Quốc) cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 theo GCNDKNH số 01142017 mà không bị từ chối vì mô tả.

- Người nộp đơn đã xin loại bỏ các sản phẩm thuộc nhóm 5 ra khỏi danh mục đăng ký của nhãn hiệu đăng ký khi trả lời thông báo kết quả thẩm định nội dung, do vậy nhãn hiệu đăng ký chỉ yêu cầu bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 3 tại Việt Nam, không bảo hộ riêng phần chữ "NICE" và phần chữ tiếng Trung Quốc.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt vì là dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu.

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký gồm phần chữ "Nice" có nghĩa là "thú vị/xinh đẹp/chu đáo..." và phần chữ "Touch" có nghĩa là "sự đụng chạm/sự tiếp xúc...". Theo đó, "Nice Touch" có thể hiểu là "sự tiếp xúc nhẹ", "sự tiếp xúc đẹp". Các

nghĩa này không trực tiếp mô tả các sản phẩm thuộc nhóm 03 của nhãn hiệu đăng ký gồm "mỹ phẩm; thuốc nhuộm tóc; dầu gội đầu; dầu xả dưỡng tóc; sữa tắm; chất giặt tẩy; dung dịch rửa (không dùng cho mục đích y tế); dầu gội dùng cho súc vật nuôi [các chế phẩm làm đẹp không phải dùng làm thuốc, dùng cho thú y]". Do đó, có cơ sở để bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng chữ "NICE", các chữ tiếng Trung Quốc.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-25266 ngày 01/12/2010 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, không bảo hộ riêng chữ "NICE", các chữ tiếng Trung Quốc, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 29601/QĐ-SHTT ngày 26/5/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2010-25266 ngày 01/12/2010.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2010-25266 ngày 01/12/2010 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng chữ "NICE", các chữ tiếng Trung Quốc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Nice Enterprise Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143258/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Agan Chemical Manufacturers Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2014-00816 ngày 22/8/2014 của Agan Chemical Manufacturers Ltd.; địa chỉ: Northerm Industrial Zone, P.O. Box 262, Ashdod 77102, Israel; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-26245 theo Quyết định số 29603/QĐ-SHTT ngày

26/5/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4752/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Agan Chemical Manufacturers Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "AMINOL" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2010-26245 ngày 13/12/2010 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "AMICOL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 98877, nhãn hiệu "Aminol" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 71691, nhãn hiệu "Aminol-S" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69459, nhãn hiệu "Aminol-V" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69460 cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "AMINOL" và nhãn hiệu đối chứng "AMICOL" (GCNĐKNH số 98877) có phát âm khác nhau "A-MI-NÔ" và "A-MI-CÔ". Đồng thời, nhãn hiệu đăng ký "AMINOL" đang đồng tồn tại với các nhãn hiệu "Aminol" khác cho cùng sản phẩm thuộc nhóm 5 mà không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

- Nhãn hiệu đăng ký "AMINOL" có hình thức thể hiện khác với các nhãn hiệu đối chứng còn lại gồm "Aminol", "Aminol-S", "Aminol-V".

- Sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký gồm "chất trừ động vật có hại, chất diệt cỏ, chất diệt nấm, chất diệt côn trùng" được phân phối theo các kênh thương mại khác với sản phẩm "dược phẩm" của các đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "AMINOL" và nhãn hiệu đối chứng "AMICOL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 98877 có 5/6 ký tự trùng nhau, chỉ khác nhau một ký tự ở vị trí số 4 (ký tự "N" ở nhãn hiệu "AMINOL" và ký tự "C" ở nhãn hiệu "AMICOL") nên không tạo ra sự khác biệt đáng kể, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nhà sản xuất. Đồng thời, cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 05, do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

- Một số nhãn hiệu đang tồn tại song song mà người nộp đơn viện dẫn có thể được bảo hộ do nhiều nguyên nhân khác nhau và không thuộc phạm vi giải quyết của đơn khiếu nại.

- Đối với các nhãn hiệu đối chứng còn lại bảo hộ cho các sản phẩm "dược phẩm" theo GCNĐKNH số 71691, 69459 và 69460, nhãn hiệu đăng ký "AMINOL" trùng với phần chữ "AMINOL" là thành phần chủ yếu của các nhãn hiệu đối chứng nhưng sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là "chất trừ động vật có hại, chất diệt cỏ, chất diệt nấm, chất diệt côn trùng" được phân phối theo các kênh thương mại khác với sản phẩm "dược phẩm" của các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các phân tích và nhận định nêu trên, nhãn hiệu đăng ký "AMINOL" là dấu hiệu không có khả năng phân biệt do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "AMICOL" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 98877 cho các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 05.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-26245 ngày 13/12/2010 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29603/QĐ-SHTT ngày 26/5/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-26245 ngày 13/12/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Agan Chemical Manufacturers Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Agan Chemical Manufacturers Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143259/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sihl GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-01162 ngày 27/10/2017 của Sihl GmbH; địa chỉ: Kreuzauer StraBe 33 52355 Duren (Germany); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1314878 theo Thông báo số 2016/41 NDT10 ngày

PTT366

25/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4801/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sihl GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SIHL DESIGN2WALL" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1314878 bị tạm thời từ chối bảo hộ một phần đối với nhóm 27 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SIHL" cho các sản phẩm thuộc nhóm 01, 16, 17 và 27 được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 595297. Chủ đơn đề nghị bảo hộ nhãn hiệu "SIHL DESIGN2WALL" theo ĐQT số 1314878 với các lý do như sau:

Chủ ĐQT số 1314878 và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 595297 là cùng một tập đoàn. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 595297 đã cấp thư chấp thuận để chủ đơn được đăng ký và sử dụng toàn bộ các nhãn hiệu có chứa từ "Sihl" đối với 45 nhóm sản phẩm và dịch vụ tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký là một cụm từ "SIHL DESIGN2WALL", trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm một từ "SIHL". Đồng thời, chủ đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cấp Thư chấp thuận cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu có chứa từ "Sihl" đối với 45 nhóm sản phẩm và dịch vụ tại Việt Nam. Do đó, đề nghị của chủ đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1314878, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/41 NDT10 ngày 25/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1314878.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1314878.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sihl GmbH (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143260/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FOND OF GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00265 ngày 10/3/2017 của FOND OF GmbH; địa chỉ: Vitalisstrasse 67 50827 Köln; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1275484 theo Thông báo số 2015/46 HBN33 ngày 17/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4725/BC-TTKN

ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FOND OF GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ergobag, hình" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1275484 bị tạm thời từ chối bảo hộ một phần cho các sản phẩm nhóm 18 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "ergo" cho các sản phẩm thuộc nhóm 18 được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 44061 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 44061 cấp Thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

- Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 44061 đã không sử dụng nhãn hiệu "ergo" cho các sản phẩm theo nhóm 18 tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "ergobag, hình" theo ĐQT số 1275484 là phần chữ "ergobag" cách điệu, bao gồm 07 ký tự (e-r-g-o-b-a-g), 03 âm tiết (ơ-gâu-bet), do đó nhãn hiệu đăng ký có khác biệt về cấu trúc từ, cách phát âm và hình thức thể hiện so với nhãn hiệu đối chứng "ergo" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 44061 là phần chữ "ergo", chỉ gồm 04 ký từ (e-r-g-o), 02 âm tiết (ơ-gâu). Người nộp đơn đã được chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cấp Thư chấp thuận cho người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam. Do đó, cơ sở để chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo ĐQT số 1275484, không bảo hộ riêng phần chữ "bag", không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/46 HBN33 ngày 17/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1275484.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1275484, không bảo hộ riêng phần chữ "bag".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FOND OF GmbH (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143642/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2013-00462 ngày 28/3/2013 của Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long; địa chỉ: 185/6 Cô Bắc, phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-15991 theo Quyết định số 6355/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4795/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Fullmart, hình" cho sản phẩm "Mực in (dùng cho máy tính, máy fax, máy photocopy" thuộc nhóm 02 theo đơn số 4-2011-15991 ngày 04/08/2011 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì chứa phần hình đơn giản, không có khả năng phân biệt và phần chữ tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Fullmark, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09, 16 được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 3545, 16561 và 19409 theo quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với nội dung như sau:

Sản phẩm thuộc nhóm 02 của nhãn hiệu đăng ký là "mực in" khác với các sản phẩm của các nhãn hiệu đối chứng vì chúng không tương tự nhau về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng. Cụ thể là:

- GCNĐKNH số 3545 bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 16 gồm "ruy băng dùng cho máy chữ và in; máy cộng, máy in computer, máy tính và các thiết bị khác; bánh xe in; ống lăn mực; băng sửa chữa; giấy nến, giấy các bon, giấy dùng cho facsimile; chất lỏng dùng để sửa chữa trên giấy nến; chất lỏng dùng để sửa chữa trên máy chữ và chất bột để xóa". Các sản phẩm thuộc nhóm 16 này liên quan đến thiết bị, văn phòng phẩm, trong khi sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là "mực in" thuộc nhóm 02 liên quan đến hóa chất nên không thể có sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi mua sản phẩm.

- GCNĐKNH số 16561 bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 gồm "máy tính, đĩa, chuột, thiết bị ghi, truyền, tái tạo âm thanh". Các sản phẩm thuộc nhóm 09 này là các sản phẩm điện tử, do đó không liên quan gì đến sản phẩm "mực in" thuộc nhóm 02 của nhãn hiệu đăng ký.

- GCNĐKNH số 19409 bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 gồm "băng mực, máy ghi tiền, thiết bị ngoại vi, đĩa mềm". Các sản phẩm thuộc nhóm 09 này là các sản phẩm không trùng lặp, không tương tự với sản phẩm "mực in" thuộc nhóm 02 của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi

là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Fullmart, hình" cho sản phẩm "Mực in (dùng cho máy tính, máy fax, máy photocopy" thuộc nhóm 02 có phần chữ "Fullmart" là thành phần chủ yếu tạo khả năng phân biệt tương tự với phần chữ "Fullmark" của các nhãn hiệu đối chứng "Fullmark, hình" về cả cấu trúc, phát âm và hình thức thể hiện. Đồng thời, sản phẩm "mực in" thuộc nhóm 2 của nhãn hiệu đăng ký và các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng có sự liên quan đến nhau, có thể được bán cạnh nhau hoặc được sử dụng cùng nhau và giữa chúng có mối liên quan với nhau về chức năng. Để hoàn thành chức năng của hàng hoá như "máy in, ống lăn mực" được bảo hộ theo GCNĐKNH 3545, "máy in của máy tính" được bảo hộ theo GCNĐKNH 16561, "hộp mực in" được bảo hộ theo GCNĐKNH 19409 đều cần sử dụng hàng hoá "mực in" của nhãn hiệu đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Ngoài ra, phần hình của nhãn hiệu đăng ký là hai hình chữ nhật lồng vào nhau là hình đơn giản, không có khả năng phân biệt.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-15991 ngày 04/08/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 6355/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-15991 ngày 04/08/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long (qua

Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143643/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2013-00461 ngày 28/3/2013 của Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long; địa chỉ: 185/6 Cô Bắc, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký

PTT366

nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-15990 theo Quyết định số 6354/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4796/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Fullmark, hình" cho các sản phẩm "Mực in (dùng cho máy tính, máy fax, máy photocopy)" thuộc nhóm 02 theo đơn số 4-2011-15990 ngày 04/08/2011 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Fullmark, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09, 16 được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 3545, 16561 và 19409 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với nội dung như sau:

Sản phẩm thuộc nhóm 02 của nhãn hiệu đăng ký là "mực in" khác với các sản phẩm của các nhãn hiệu đối chứng vì chúng không tương tự nhau về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng. Cụ thể là:

- GCNĐKNH số 3545 bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 16 gồm "ruy băng dùng cho máy chữ và in; máy cộng, máy in computer, máy tính và các thiết bị khác; bánh xe in; ống lăn mực; băng sửa chữa; giấy nến, giấy các bon, giấy dùng cho facsimile; chất lỏng dùng để sửa chữa trên giấy nến; chất lỏng dùng để sửa chữa trên máy chữ và chất bột để xóa". Các sản phẩm thuộc nhóm 16 này liên quan đến thiết bị, văn phòng phẩm, trong khi sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký là "mực in" thuộc nhóm 02 liên quan đến hóa chất nên không thể có sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi mua sản phẩm.

- GCNĐKNH số 16561 bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 gồm "máy tính, đĩa, chuột, thiết bị ghi, truyền, tái tạo âm thanh". Các sản phẩm thuộc nhóm 09 này là các sản phẩm điện tử, do đó không liên quan gì đến sản phẩm "mực in" thuộc nhóm 02 của nhãn hiệu đăng ký.

- GCNĐKNH số 19409 bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 gồm "băng mực, máy ghi tiền, thiết bị ngoại vi, đĩa mềm". Các sản phẩm thuộc nhóm 09 này là các sản phẩm không trùng lặp, không tương tự với sản phẩm "mực in" thuộc nhóm 02 của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Fullmark, hình" cho sản phẩm "Mực in (dùng cho máy tính, máy fax, máy photocopy" thuộc nhóm 02 có phần chữ "Fullmark" là thành phần chủ yếu tạo khả năng phân biệt trùng với phần chữ "Fullmark" của các nhãn hiệu đối chứng "Fullmark, hình" về cả cấu trúc, phát âm và hình thức thể hiện. Đồng thời, sản phẩm "mực in" thuộc nhóm 2 của nhãn hiệu đăng ký và các sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng có sự liên quan đến nhau, có thể được bán cạnh nhau hoặc được sử dụng cùng nhau và giữa chúng có mối liên quan với nhau về chức năng. Để hoàn thành chức năng của hàng hoá như "máy in, ống lăn mực" được bảo hộ theo GCNĐKNH 3545, "máy in của máy tính" được bảo hộ theo GCNĐKNH 16561, "hộp mực in" được bảo hộ theo GCNĐKNH 19409 đều cần sử dụng hàng hoá "mực in" của nhãn hiệu đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-15990 ngày 04/08/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 6354/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-15990 ngày 04/08/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ mực in Thành Long (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143644/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ThyssenKrupp AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00477 ngày 18/4/2017 của ThyssenKrupp AG; địa chỉ: ThyssenKrupp Allee 1 45143 Essen Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1289683 theo Thông báo số 2016/07 NDT05 ngày 15/02/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4803/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ThyssenKrupp AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Engineering tomorrow.Together." cho sản phẩm và dịch vụ thuộc các nhóm 01, 04, 06, 07, 09, 11, 12, 17, 19, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1289683 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì nhãn hiệu là dấu hiệu mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Bản thân nhãn hiệu đăng ký có khả năng tự phân biệt:

Nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt khi kết hợp cá thành phần trong nhãn hiệu để được bảo hộ tổng thể. Nhãn hiệu xin đăng ký là cụm từ được tạo lập bởi ba từ kết hợp với nhau "Engineering", "tomorrow" và ".Together.". Khi trờ thành cụm từ liền mạch ""Engineering tomorrow.Together." thì hoàn toàn không có nghĩa trong tiếng Anh và cả tiếng Việt. Đây là sự sáng tạo của người nộp đơn. Nhãn hiệu xin được bảo hộ tổng thể.

- Nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ ở nhiều quốc gia trên thế giới, gồm: Mỹ, Đức, Nhật, Úc, Chi Lê, Li Băng, Philipin, UAE, Ả rập Xê Út.

Do đó, chủ đơn đề nghị bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký ĐQT số 1289683.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "Engineering tomorrow.Together." theo ĐQT số 1289683 có nghĩa là "kỹ thuật ngày mai. Cùng nhau", đề cập đến yếu tố kĩ thuật, "xu hướng công nghệ ngày mai" là yếu tố mô tả sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Việc nhãn hiệu đăng ký đã được bảo hộ ở một số quốc gia trên thế giới không phải là cơ sở để bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam. Do đó, đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1289683 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/07 NDT05 ngày 15/02/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1289683.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ThyssenKrupp AG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ThyssenKrupp AG (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143645/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất Vinh Thuận Thành
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2011-00545 ngày 01/7/2011 của Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất Vinh Thuận Thành; địa chỉ: 329 Bến Phú Lâm, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2009-10083 ngày 22/05/2009 theo Quyết định số 25562/QĐ-SHTT ngày 29/4/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4792/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất Vinh Thuận Thành với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "CAMRY" cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 theo đơn số 4-2009-10083 ngày 22/05/2009 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng "CAMRY" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 20735 theo quy định tại điểm e và i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau:

- Nhãn hiệu của người nộp đơn là "CAMRY" đăng ký cho các sản phẩm "vòi xịt nước dùng cho nhà vệ sinh và nhà tắm, vòi nước, vòi nước hoa sen" thuộc nhóm 11 không liên quan đến các sản phẩm "xe mô tô, các bộ phận và phụ tùng của chúng"được bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng "CAMRY".

- Nhãn hiệu đối chứng "CAMRY" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 20735 không phải là nhãn hiệu nổi tiếng vì sản phẩm của họ xuất hiện ở Việt Nam rất ít. Để được thừa nhận là nhãn hiệu nổi tiếng chủ sở hữu phải cung cấp tài liệu chứng minh nhãn hiệu đáp ứng các tiêu chí về nhãn hiệu nổi tiếng theo quy định tại Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ nhưng Toyota Jidosha Kabushiki Kaisha (Toyota Motor Corporation) - chủ sở hữu đã không chứng minh "CAMRY" là nhãn hiệu nổi tiếng và Cục Sở hữu trí tuệ cũng không đưa ra bằng chứng về việc "CAMRY" là nhãn hiệu nổi tiếng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được coi là nổi tiếng của người khác đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ không tương tự, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phân biệt của nhãn hiệu nổi tiếng hoặc việc đăng ký nhãn hiệu nhằm lợi dụng uy tín của nhãn hiệu

nổi tiếng".

2. Nhận định, đánh giá:

Mặc dù nhãn hiệu đăng ký "CAMRY" trùng với nhãn hiệu "CAMRY" của Toyota Jidosha Kabushiki Kaisha (Toyota Motor Corporation). Tuy nhiên, các sản phẩm "vòi xịt nước dùng cho nhà vệ sinh và nhà tắm, vòi nước (thiết bị vệ sinh), vòi nước hoa sen" thuộc nhóm 11 của nhãn hiệu đăng ký không tương tự hoặc liên quan đến các sản phẩm "xe mô tô, các bộ phận và phụ tùng của chúng" thuộc nhóm 12 được bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng "CAMRY". Việc bảo hộ nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 không gây ảnh hưởng đến uy tín cũng như không gây thiệt hại cho nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm thuộc nhóm 12 của Toyota Jidosha Kabushiki Kaisha (Toyota Motor Corporation). Do đó, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2009-10083 ngày 22/05/2009 cho các sản phẩm thuộc nhóm 11, không áp dụng quy định tại điểm e và i khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 25562/QĐ-SHTT ngày 29/4/2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2009-10083 ngày 22/05/2009.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2009-10083 ngày 22/05/2009.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất Vinh Thuận Thành (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143646/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ cơ khí Trường Giang
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2011-01163 ngày 30/12/2011 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ cơ khí Trường Giang; địa chỉ: 205 Lê Quang Sung, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận

PTT366

đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2009-17508 theo Quyết định số 53561/QĐ-SHTT ngày 26/12/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4788/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ cơ khí Trường Giang với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "I [shàng: phía trên], hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 07 theo đơn số 4-2009-17508 ngày 19/08/2009 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì là sự kết hợp của chữ Hán với phần hình được sử dụng thường xuyên, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "I [shàng: phía trên], hình" gồm chữ Hán phiên âm "shangf", có nghĩa tiếng Việt là "phía trên" kết hợp với hình ngôi sao năm cánh và chữ "I' tiếng Anh có nghĩa là "tôi". Đây là sự kết hợp hài hòa giữa hai loại ngôn ngữ trong đó có ngôn ngữ tiếng Anh thông dụng, kèm theo phần hình ngôi sao tạo nên một ấn tượng riêng biệt.

- Nhãn hiệu đăng ký "I [shàng: phía trên], hình" đáp ứng qui định tại khoản 1 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ: có khả năng phân biệt do được tạo thành từ một hoặc một số yếu tố dễ nhận biết, dễ ghi nhớ hoặc từ nhiều yếu tố kết hợp thành một tổng thể dễ nhận biết, dễ ghi nhớ.

- Nhãn hiệu đăng ký "I [shàng: phía trên], hình" cũng đáp ứng tiêu chí đánh giá tính phân biệt của dấu hiệu kết hợp giữa dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình theo điểm 39.6.c,d Thông tư 01/2007/TT-BKHCN, trong đó dấu hiệu kết hợp được coi là có khả năng phân biệt khi dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình kết hợp thành một tổng thể có khả năng phân biệt được do cách thức kết hợp độc đáo tạo ấn tượng riêng hoặc sự kết hợp đó đã đạt được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng

- Nhãn hiệu đăng ký "I [shàng: phía trên], hình" được người nộp đơn sử dụng lâu dài và rộng rãi như một dấu hiệu để phân biệt với sản phẩm cùng loại. Cụ thể, người nộp đơn đầu tư kinh phí, công sức thông qua việc thiết lập các kênh thương mại trong cùng lĩnh vực và các bạn hàng ở nhiều tỉnh thành trên cả

nước để bán cho người tiêu dùng. Qua việc điều tra thị trường, người nộp đơn có kèm theo phiếu thông tin ghi nhận việc sử dụng của nhãn hiệu tại nhiều tỉnh thành (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, Tây Ninh, Trà Vinh, Vĩnh Long, Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau). Đồng thời, người nộp đơn có các hợp đồng mua bán sản phẩm "lưỡi khoan, dụng cụ ta rô răng, dao tiện" mang nhãn hiệu đăng ký với các tổ chức, cá nhân từ tháng 5 năm 2009 đến năm 2013. Do vậy, người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên căn cứ vào việc nhãn hiệu đăng ký là dấu hiệu đã được sử dụng rộng rãi và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "I [shàng: phía trên], hình" là sự kết hợp của phần chữ Hán, ngôi sao năm cánh và ký tự "I". Theo đó, phần chữ Hán thuộc ngôn ngữ không thông dụng, ký tự "I" được trình bày theo phông chữ thông thường, không có khả năng phân biệt, hình ngôi sao năm cánh được sử dụng thường xuyên trên các nhãn hiệu hàng hóa nên không còn khả năng phân biệt. Do đó, sự kết hợp của ba yếu tố này không đủ tạo khả năng phân biệt với danh nghĩa một nhãn hiệu.

- Tài liệu điều tra thị trường về việc sử dụng của nhãn hiệu tại một số tỉnh, thành phố và một số hợp đồng mua bán sản phẩm mang nhãn hiệu do người nộp đơn cung cấp chưa đủ chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã sử dụng và được thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu.

Do đó, đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2009-17508 ngày 19/08/2009 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 53561/QĐ-SHTT ngày 26/12/2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2009-17508 ngày 19/08/2009.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ cơ khí Trường Giang có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ cơ khí Trường Giang (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143647/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CHE TAI INTERNATIONAL CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2018-00263 ngày 11/4/2018 của CHE TAI INTERNATIONAL CO., LTD.; địa chỉ: 17th Fl., No. 77, Li Wen Road, Tso Ying Dist., Kaohsiung, Taiwan; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-06989 ngày 03/04/2014 theo Quyết định số

10000/QĐ-SHTT ngày 13/02/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4783/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CHE TAI INTERNATIONAL CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "FUJITEC, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 theo đơn số 4-2014-06989 ngày 03/04/2014 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FUJITEK" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 48799 có ngày ngày ưu tiên 21/3/2002 cho các dịch vụ thuộc nhóm 35. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Danh mục thuộc nhóm 35 của nhãn hiệu đối chứng có dịch vụ "mua bán hàng kim khí điện máy, điện tử và linh kiện điện tử" bị coi là tương tự với sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 11 của người nộp đơn. Tuy nhiên, danh mục dịch vụ này quá chung chung và không nên đưa ra làm đối chứng. Trên thực tế, bản thân nhãn hiệu đối chứng này đã không bị trích dẫn để cản trở việc đăng ký phần chữ "FUJITEC" của chính người nộp đơn trong các đăng ký khác, cụ thể: nhãn hiệu "FUJITEC" đã được cấp cho các nhóm 07, 37 (theo GCNĐKNH số 181068), nhóm 7 (theo GCNĐKNH số 113670), nhóm 7, 37 (theo GCNĐKNH số 067944). Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng được cấp cho nhóm 35, trong khi đó nhãn hiệu đăng ký yêu cầu bảo hộ cho nhóm 11, nên khả năng nhầm lẫn giữa các dịch vụ thuộc nhóm 35 với từng sản phẩm cụ thể thuộc nhóm 11 của người nộp đơn là rất thấp, khó xảy ra.

- Giữa nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt nhau về mặt tổng thể. Hai nhãn hiệu đều khác nhau về cách thể hiện, cách trình bày và bố cục. Cụ thể nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm phần chữ "FUJITEK" thể hiện ở phông chữ đậm thẳng. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký được trình bày nghiêng, mảnh và có sự kết hợp với phần hình logo của công ty độc đáo.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "FUJITEC, hình" được kết hợp bởi cả phần hình và chữ tạo nên một tổng thể nhãn hiệu có sự khác biệt với nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm phần chữ "FUJITEK" được in hoa, nét đậm, thẳng.

Đồng thời, các sản phẩm bao gồm "Thiết bị chiếu sáng, sưởi ấm, sinh hơi nước, nấu nướng, làm lạnh, sấy khô, thông gió, cung cấp nước và thiết bị vệ sinh; thảm sưởi ấm bằng điện; thiết bị làm ấm chân dùng điện hoặc không dùng điện; thiết bị làm nóng; máy giữ độ ẩm dùng cho bộ tản nhiệt trung tâm; thiết bị iôn hóa nước (dùng cho gia đình); thiết bị làm sạch và làm mềm nước; thiết bị lọc và làm trong sạch nước; máy lọc nước uống" thuộc nhóm 11 của nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm cụ thể và không tương tự với dịch vụ "Mua bán hóa chất ngành dệt - nhuộm, máy vi tính và thiết bị phụ tùng, thiết bị văn phòng, kim khí điện máy, điện tử và linh kiện điện tử; đại lý ký gửi hàng hóa" thuộc nhóm 35 của nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng nên đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-06989 ngày 03/04/2014 cho các sản phẩm thuộc nhóm 11, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 10000/QĐ-SHTT ngày 13/02/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2014-06989 ngày 03/04/2014.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2014-06989 ngày 03/04/2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký,

Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CHE TAI INTERNATIONAL CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143648/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Văn Ba
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2018-00384 ngày 11/6/2018 của Ông/Bà Trần Văn Ba; địa chỉ: 7/14/6 đường Tam Thai, tổ 5, KV 1, phường Xuân Thủy, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-12528 theo Quyết định số 18624/QĐ-SHTT ngày 23/3/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4778/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Văn Ba với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Nhật Huy" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 25 và 35 theo đơn số 4-2015-12528 ngày 20/05/2015 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "NH NHAT HUY CO.,LTD, hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 99440. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Người nộp đơn chấp nhận loại bỏ dịch vụ "mua bán giày, dép" ra khỏi danh mục thuộc nhóm 35 của nhãn hiệu đăng ký do tương tự với nhãn hiệu đối chứng. Đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký đối với các sản phẩm thuộc nhóm 25.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ qui định: "Trước khi cơ quan quản lý Nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Nhật Huy" trùng phần chữ "NHAT HUY" là thành phần tạo khả năng phân biệt của nhãn điệu đối chứng "NH NHAT HUY CO.,LTD, hình". Dịch vụ "mua bán giày, dép" của nhãn hiệu đăng ký có liên quan đến dịch vụ "đại lý ký gửi hàng hóa" của nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn điệu đối chứng. Người nộp đơn cũng đồng ý với ý kiến của Cục Sở hữu trí tuệ khi đề nghị loại bỏ dịch vụ "mua bán giày, dép" ra khỏi danh mục thuộc nhóm 35 để nhãn hiệu đăng ký không còn tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-12528 ngày 20/05/2015 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 18624/QĐ-SHTT ngày 23/3/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-12528 ngày 20/05/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Trần Văn Ba có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Trần Văn Ba (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143649/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Vi Na Mit
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2016-00821 ngày 23/9/2016 của Công ty cổ phần Vi Na Mit; địa chỉ: Số 81/3, khu phố 1, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-17421 theo Quyết định số 38431/QĐ-SHTT ngày 28/6/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4773/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Vi Na Mit với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "SABAVA [sabava], hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 29 theo đơn số 4-2011-17421 ngày 22/08/2011 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SABAVA [Sabava], hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 được bảo hộ theo GCNĐKNH số 167067 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm "trái cây khô, rau quả sấy khô, trái cây nấu chín, rau quả nấu chính, khoai tây lát mỏng rán" thuộc nhóm 29 khác với các sản phẩm "kẹo, bánh ngọt, bánh quy" thuộc nhóm 30 của nhãn hiệu đối chứng.

- Hành vi nộp đơn đăng ký của người nộp đơn là trung thực do hai dòng sản phẩm khác nhau so với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "SABAVA [sabava], hình" trùng về cấu trúc, ý nghĩa, hình thức thể hiện với nhãn hiệu "SABAVA [Sabava], hình" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 167067. Sản phẩm "Trái cây sấy khô; rau quả sấy khô; trái cây nấu chín; rau quả nấu chín; khoai tây lát mỏng rán" thuộc nhóm 29 của nhãn hiệu đăng ký và sản phẩm "Kẹo; bánh ngọt; bánh quy" thuộc nhóm 30 của nhãn hiệu đối chứng có cùng kênh phân phối cùng được dùng làm thực phẩm cho

người. Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận thư chấp thuận của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng do người nộp đơn cung cấp do việc cùng bảo hộ cho các nhãn hiệu trùng nhau cho các sản phẩm tương tự sẽ không tránh khỏi gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm mang nhãn hiệu. Do đó, đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-17421 ngày 22/08/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 38431/QĐ-SHTT ngày 28/6/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-17421 ngày 22/08/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Vi Na Mit có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Vi Na Mit (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143650/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ubonwatsadu Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2016-00058 ngày 21/01/2016 của Ubonwatsadu Co., Ltd.; địa chỉ: 37-47 Srimongkol Road, Warin-chamrab Sub-District, Warin-chamrab District, Ubon Ratchathani Province, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-30138 theo Quyết

PTT366

định số 67432/QĐ-SHTT ngày 28/10/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4772/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ubonwatsadu Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "DO HOME UBONWATSADU" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 theo đơn số 4-2013-30138 ngày 19/12/2013 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu có phần chữ "DO" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 139226, đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 640777 và 945893, các GCNĐKNH số 25218, 163443 và 203390. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Phần chữ "DO" hiện đang đồng tồn tại và khi kết hợp với một thành phần khác sẽ tạo ra sự khác biệt về tổng thể. Sự đồng tồn tại thể hiện rõ qua hai nhãn hiệu đối chứng trích dẫn, gồm ĐKQT số 945893 (nhãn hiệu "DO" nhóm 5) và GCNĐKNH số 25218 (nhãn hiệu "DO" nhóm 10).

- Bản chất của dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký là dịch vụ "mua bán" thuộc nhóm 35, không trùng với các nhãn hiệu đã trích dẫn, ngoại trừ GCNĐKNH số 139226 (nhãn hiệu "DO CORPORATION") có chứa nhóm 35 liên quan. Tuy nhiên, bản thân đăng ký này cũng được cấp đăng ký mặc dù trùng nhóm sản phẩm với GCNĐKNH số 25218 mà Cục Sở hữu trí tuệ cùng trích dẫn, cụ thể là tương tự nhóm 11, 21 trên cơ sở phần chữ "DO" là đồng tồn tại. Đồng thời, so sánh nhãn hiệu đăng ký "DO HOME UBONWATSADU" với "DO CORPORATION" là n khác biệt về mặt tổng thể.

- Người tiêu dùng sẽ nhận biết nhãn hiệu qua toàn bộ tên gọi "DO HOME UBONWATSADU" chứ không chỉ dừng lại ở phần chữ "DO" vì bản thân nhãn hiệu không trình bày nhấn mạnh riêng phần chữ này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt vì nhãn hiệu là dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày

nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "DO HOME UBONWATSADU" cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu có phần chữ "DO" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 139226, ĐKQT số 640777 và 945893, các GCNĐKNH số 25218, 163443 và 203390 bởi: mặc dù nhãn hiệu đăng ký có sự kết hợp phần chữ "DO" với phần chữ "HOME UBONWATSADU" nhưng phần chữ "DO" trong nhãn hiệu đăng ký được thể hiện lớn, tạo ấn tượng thị giác mạnh và tách biệt với phần còn lại của nhãn hiệu. Phần chữ này trùng với phần chữ "DO" là thành phần chính tạo khả năng phân biệt của các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 139226, ĐKQT số 640777 và 945893, GCNĐKNH số 25218, 163443 và 203390. Đồng thời, dịch vụ "bán buôn và bán lẻ" thuộc nhóm 35 của nhãn hiệu đăng ký có cùng kênh phân phối, thương mại với các sản phẩm, dịch vụ của các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-30138 ngày 19/12/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 67432/QĐ-SHTT ngày 28/10/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-30138 ngày 19/12/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ubonwatsadu Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Ubonwatsadu Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143651/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Forest Laboratories UK Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2015-01107 ngày 30/11/2015 của Forest Laboratories UK Limited; địa chỉ: Riverbridge House, Anchor Boulevard, Crossways Business Park, Dartford, Kent DA2 6SL, United Kingdom; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-05828 theo Quyết định số 53256/QĐ-SHTT ngày 31/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4768/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Forest Laboratories UK Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "COLOMYCIN" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2012-05828 ngày 28/03/2012 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "colocin" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 171925 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "COLOMYCIN" có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "colocin" về hình thức trình bày, cấu tạo và cách phát âm. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký được trình bày theo phông chữ in hoa, được phát âm bởi bốn âm tiết là "cô-lô-my-cin". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng lại được trình bày theo phông chữ in thường và được phát âm bởi ba âm tiết là "cô-lô-cin".

- Ngoài ra, người nộp đơn đang liên hệ với chủ nhãn hiệu đối chứng để xin thư chấp thuận cho phép đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "COLOMYCIN" tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "COLOMYCIN" và nhãn hiệu đối chứng "colocin" có chung nhau phần tiền tố "COLO" và hậu tố "CIN", tương tự nhau 2/3 về cấu trúc từ và phát âm. Việc nhãn hiệu đăng ký được trình bày theo phông chữ in hoa và có thêm phần chữ "MY" ở giữa không đủ tạo ra sự khác biệt đáng kể giữa hai nhãn hiệu. Do nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự về cấu trúc từ và cách phát âm, đồng thời cả hai nhãn hiệu cùng đăng ký cho các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 05, nên nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-05828 ngày 28/03/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 53256/QĐ-SHTT ngày 31/8/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-05828 ngày 28/03/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Forest Laboratories UK Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Forest Laboratories UK Limited (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143652/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ROUST INCORPORATED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2014-01092 ngày 30/10/2014 của ROUST INCORPORATED; địa chỉ: Pulkovskoe Shosse, 52, Litera A., p. Shushary, Saint-Petersburg, 196140, Russian Federation; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-06740 theo Quyết định số 52022/QĐ-SHTT ngày 30/8/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4757/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ROUST INCORPORATED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "IMPERIA [IMPERIA: đế chế]" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 25, 30, 32, 33, 35, 36, 42 theo đơn số 4-2010-06740 ngày 02/04/2010 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu chứa phần chữ "IMPERIA" được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 114238, 138666, 135517, 143082 và đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 659080. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Bổ sung lại Thư chấp thuận của hai chủ đối chứng được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 114238 và 135517, trong đó có phần địa chỉ trùng khớp với địa chỉ đã được ghi nhận của chủ sở hữu các đối chứng.

- Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 138666 (có ngày ưu tiên 29/06/2007) không nên được trích dẫn như một dấu hiệu từ chối việc bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký do bản thân đối chứng này đáng ra phải bị từ chối với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 114238 có ngày ưu tiên sớm hơn 1 năm (24/05/2006) cho cùng sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 33.

- Người nộp đơn xin loại bỏ các nhóm 25, 35, 36, 42 ra khỏi nhãn hiệu đăng ký để không bị coi là tương tự với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 659080 và 143082.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ qui định: "Trước khi cơ quan quản lý Nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "IMPERIA [IMPERIA: đế chế]" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 25, 30, 32, 33, 35, 36, 42 theo đơn số 4-2010-06740 ngày 02/04/2010 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu chứa phần chữ "IMPERIA". Người nộp đơn cũng đồng ý với ý kiến của Cục Sở hữu trí tuệ khi cung cấp thư chấp thuận từ các chủ sở hữu nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 114238, 135517 và đề nghị loại bỏ các nhóm 25, 35, 36, 42 ra khỏi danh mục của nhãn hiệu đăng ký để không bị coi là tương tự với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 659080 và 143082. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-06740 ngày 02/04/2010 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 52022/QĐ-SHTT ngày 30/8/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-06740 ngày 02/04/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ROUST INCORPORATED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ROUST INCORPORATED (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143653/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ROUST INCORPORATED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2014-01087 ngày 29/10/2014 của ROUST INCORPORATED; địa chỉ: Pulkovskoe Shosse, 52, Litera A., p. Shushary, Saint-Petersburg, 196140, Russian Federation; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-06742 theo Quyết định số 45104/QĐ-SHTT ngày 31/7/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4755/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ROUST INCORPORATED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "RUSSIAN STANDARD" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 25, 30, 32, 33, 35, 36, 42 theo đơn số 4-2010-06742 ngày 02/04/2010 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu chứa phần chữ "RUSSIAN STANDARD" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 125561, 135516, 138100, 139433 và gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ từ nước Nga. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Bổ sung lại Thư chấp thuận của chủ sở hữu tất của cả bốn nhãn hiệu đối chứng đã liệt kê trên trong đó có phần địa chỉ trùng khớp với địa chỉ đã được ghi nhận của chủ sở hữu các đối chứng.

- Nhãn hiệu đăng ký "RUSSIAN STANDARD" có nghĩa là "tiêu chuẩn Tiếng Nga/tiêu chuẩn người Nga". Do vậy, cụm từ này không phải dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý.

- Phần chữ "RUSSIAN", "STANDARD" cũng đã được cấp cho cùng chủ đơn, cụ thể là GCNĐKNH số 199778 cho nhãn hiệu "RUSIAN STANDARD, Imperia và hình"

- Ngoài ra, một số GCNĐKNH khác cũng bảo hộ cho các phần chữ tương tự mà không coi đây là cụm từ chỉ nguồn gốc địa lý, cụ thể là GCNĐKNH số 199778 cho nhãn hiệu "SOBRANIE WHITE RUSSIAN" cấp cho chủ đơn có địa chỉ tại Thụy Sĩ; GCNĐKNH số 06989 cho nhãn hiệu "AMERICAN STANDARD" cấp cho chủ đơn có địa chỉ tại Nhật Bản.

- Nhãn hiệu đăng ký "RUSSIAN STANDARD" cũng đã được bảo hộ tại các quốc gia khác như Mỹ, Đức, Đan Mạch, Kazakstanm Slovakia, Cộng hòa Séc, Estonia, Nhật Bản, Anh, Pháp và nhiều nước khác mà không bị từ chối vì lý do gây nhầm lẫn về nguồn gốc địa lý.

- Nhãn hiệu đăng ký "RUSSIAN STANDARD" cũng chính là phần tên chính của tập đoàn Công ty Rusian Standard Vodka, LLC mà người nộp đơn thứ nhất và người nộp đơn thứ hai đều thuộc về, đã được Hiệp hội người tiêu dùng Nga cấp giấy chứng nhận đăng ký sản xuất chuyên loại rượu Vodka Nga nổi tiếng, được sử dụng và được biết đến rộng rãi ở Nga và các nước thế giới, trong đó có cả Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Nhãn hiệu đăng ký "RUSSIAN STANDARD" cho các sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 25, 30, 32, 33, 35, 36, 42 theo đơn số 4-2010-06742 ngày 02/04/2010 trùng với phần chữ "RUSSIAN STANDARD" của các nhãn hiệu được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 125561, 135516, 138100 và 139433. Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận thư chấp thuận của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng do người nộp đơn cung cấp do việc bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng do cùng chứa phần chữ "RUSSIAN STANDARD" sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

- Việc bảo hộ cho một số nhãn hiệu có chứa phần chữ chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm, dịch vụ như người nộp đơn viện dẫn phải trên cơ sở xem xét từng trường hợp, do đó không phải là cơ sở để bảo hộ cho nhãn hiệu đang xem xét.

Do đó, đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-06742 ngày 02/04/2010 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 45104/QĐ-SHTT ngày 31/7/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-06742 ngày 02/04/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ROUST INCORPORATED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ROUST INCORPORATED (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143654/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Công văn số T331/KN-TC ngày 15/7/2025 của Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế, đại diện cho Công ty TNHH WPP Marketing Communications Việt Nam về việc rút đơn khiếu nại số KN4-2015-00955 ngày 23/10/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN4-2015-00955 ngày 23/10/2015 của Công ty TNHH WPP Marketing Communications Việt Nam; địa

PTT366 chỉ: Lầu 2, President Place, 93 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế.

Lý do đình chỉ: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế, đại diện cho Công ty TNHH WPP Marketing Communications Việt Nam có Công văn số T331/KN-TC ngày 15/7/2025 rút đơn khiếu nại số KN4-2015-00955 ngày 23/10/2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH WPP Marketing Communications Việt Nam (qua Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143655/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sihl GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN5-2017-00595 ngày 29/5/2017 của Sihl GmbH; địa chỉ: Kreuzauer StraBe 33 52355 Duren (Germany); đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1293618 theo Thông báo số 2016/11 NNL09 ngày 16/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4829/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sihl GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SIHL SUBLICOLOR" cho các sản phẩm thuộc nhóm 16, 17 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1293618 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "SIHL" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 595297 và nhãn hiệu "SIHL, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 595617 cho các sản phẩm thuộc nhóm 01, 16, 17 và 27. Chủ đơn đề nghị bảo hộ nhãn hiệu "SIHL SUBLICOLOR" theo ĐQT số 1293618 với lý do như sau:

Chủ ĐQT số 1314878 và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 595297 và 595617 là thuộc cùng một tập đoàn. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã cấp thư chấp thuận để chủ đơn được đăng ký và sử dụng toàn bộ các nhãn hiệu có chứa từ "Sihl" đối với 45 nhóm sản phẩm và dịch vụ tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "SIHL SUBLICOLOR" chỉ trùng phần "SIHL" nhưng có thêm phần chữ "SUBLICOLOR" so với nhãn hiệu đối chứng "SIHL" và "SIHL, hình" nên nhãn hiệu đăng ký có khác biệt về cấu trúc từ và cách phát âm với các nhãn hiệu đối chứng. Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 595617 đã hết hiệu lực từ ngày 04/12/2012 do không được chủ sở hữu gia hạn, đến nay đã quá năm năm kể từ ngày hết hiệu lực nên nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký. Đồng thời, chủ đơn đã được chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng cấp Thư chấp thuận cho phép chủ đơn được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu có chứa từ "Sihl" đối với 45 nhóm sản phẩm và dịch vụ tại Việt Nam. Do đó, đề nghị của chủ đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1293618, không áp dụng quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/11 NNL09 ngày 16/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1293618.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1293618.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sihl GmbH (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143656/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của RENAISSANCE 1849 SA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00544 ngày 08/5/2017 của RENAISSANCE 1849 SA; địa chỉ: 2-4, avenue Marie-Thérèse L-2132 Luxembourg; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1291448 theo Thông báo số 2016/09 TDH18 ngày 02/3/2017;

PTT366

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4818/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của RENAISSANCE 1849 SA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1291448 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "hình" được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 672074 cho các sản phẩm thuộc nhóm 24 và 25. Người nộp đơn đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

Nhãn hiệu đối chứng "hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 672074 đã hết hiệu lực từ ngày 26/3/2007 do không được chủ sở hữu gia hạn tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 25 theo ĐQT số 1291448 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 672074 cho các sản phẩm thuộc nhóm 24 và 25. Tuy nhiên, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo ĐKQT số 672074 đã hết hiệu lực từ ngày 26/3/2007 do không được chủ sở hữu gia hạn tại Việt Nam nên nhãn hiệu này không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký. Do đó, đề nghị của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291448, không áp dụng quy định tại điểm e

khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/09 TDH18 ngày 02/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291448.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1291448.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và RENAISSANCE 1849 SA (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143657/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH phân bón hữu cơ GREENFIELD (GREENFIELD CO., LTD.)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2013-00710 ngày 17/6/2013 của Công ty TNHH phân bón hữu cơ GREENFIELD (GREENFIELD CO., LTD.); địa chỉ: Lô 1/15 khu công nghiệp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-17357 theo Quyết định số 13883/QĐ-SHTT ngày 15/3/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4750/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH phân bón hữu cơ GREENFIELD (GREENFIELD CO., LTD.) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "LION" cho các sản phẩm thuộc nhóm 01 theo đơn số 4-2011-17357 ngày 22/08/2011 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự gây nhầm lẫn với GCNĐKNH số 153455 cấp ngày 27/10/2010 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và có phản đối cấp PĐ4-2012-00020H ngày 19/04/2012. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2012-00015H ngày 20/6/2012 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 153455 cấp ngày 27/10/2010 trên cơ sở nhãn hiệu đối chứng "SUPER LION" không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ tại thời điểm cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "LIO THAI, Khoáng Hữu Cơ Vi Lượng, Sư Tử Thái và hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 01 đã được cấp GCNĐKNH số 104688 ngày 08/07/2008 của chính người nộp đơn.

- Ngoài ra, phần tên gọi chính "SỬ TỬ THÁI" cũng đã được cấp cho người nộp đơn theo GCNĐKNH số 199582 ngày 31/1/2013 cho cùng nhóm 01.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "LION" trùng với phần chữ tạo khả năng phân biệt "LION" của nhãn hiệu đối chứng "SUPER LION" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153455. Đồng thời, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng đăng ký cho sản phẩm "phân bón" thuộc nhóm 01. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Yêu cầu hủy bỏ

hiệu lực theo đơn số ĐN1-2012-0015H ngày 20/6/2012 của người nộp đơn đã bị từ chối theo Quyết định số 1106/QĐ-SHTT ngày 14/4/2014 nên nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 153455 vẫn đang có hiệu lực. Do đó, đề nghị của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn 4-2011-17357 ngày 22/08/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 13883/QĐ-SHTT ngày 15/3/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-17357 ngày 22/08/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH phân bón hữu cơ GREENFIELD (GREENFIELD CO., LTD.) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH phân bón hữu cơ GREENFIELD (GREENFIELD CO., LTD.) (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143658/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của NIPPON ELEVATOR MFG. CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2018-00447 ngày 06/7/2018 của NIPPON ELEVATOR MFG. CO., LTD.; địa chỉ: 1-10-3 Iwamotocho, Ciyoda-ku, Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-07141 theo Quyết định số 22438/QĐ-SHTT ngày 09/4/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4980/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của NIPPON ELEVATOR MFG. CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "NIPPON ELEVATOR MFFG. CO. LTD" đăng ký theo đơn số 4-2014-07141 ngày 04/4/2014 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "NIPPON STEEL CORPORATION" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 19690 ngày 05/01/1996, nhãn hiệu đối chứng "NIPPON STEEL" theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 974286 ngày 12/3/2008 và nhãn hiệu đối chứng số 980529 theo ĐKQT số 980529 ngày 27/6/2008. Người nộp đơn trình bày lý do như sau:

Dấu hiệu "NIPPON" là tên được sử dụng phổ biến tại Nhật Bản. Người dân Nhật Bản thường dùng tên "NIPPON" để chỉ hoặc gọi tên đất nước Nhật Bản. Nhãn hiệu đăng ký "NIPPON ELEVATOR", các nhãn hiệu đối chứng "NIPPON STEEL CORPORATION" và "NIPPON STEEL" đều được chấp nhận đăng ký tại Nhật Bản. Điều này là bằng chứng cho thấy rằng chủ các nhãn hiệu đối chứng "NIPPON STEEL CORPORATION" và "NIPPON STEEL" không phản đối, tranh chấp việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "NIPPON ELEVATOR" của NIPPON ELEVATOR MFG. CO., LTD.

Đồng thời, đại diện của người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nói trên với lý do NIPPON ELEVATOR MFG. CO., LTD. chấp nhận loại bỏ các sản phẩm "Hệ thống bài xô de dạng thang máy; Máy thiết bị chất-bốc dỡ hàng hóa; Máy móc và thiết bị xây dựng" thuộc nhóm 07 và các dịch vụ "Sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy móc và thiết bị chất-bốc dỡ hàng hóa; Cung cấp thông tin liên quan đến sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy móc và thiết bị chất-bốc dỡ hàng hóa; Máy móc và thiết bị chất-bốc dỡ hàng hóa; Sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy móc và thiết bị xây dựng; Cung cấp thông tin liên quan đến sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy móc và thiết bị xây dựng" thuộc nhóm 37.

Sau khi giới hạn danh mục sản phẩm, dịch vụ nêu trên, nhóm hàng hóa/dịch vụ còn lại trong đơn là: "Thang máy; Thiết bị nâng; Thiết bị vận hành thang máy" ở nhóm 07 và "Sửa chữa hoặc bảo dưỡng thang máy; Lắp đặt và sửa chữa thang máy; Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt thang máy; Cung cấp thông tin liên quan đến sửa chữa và bảo dưỡng thang máy" ở nhóm 37. Do đó, đại diện người nộp đơn cho rằng các sản phẩm, dịch vụ của người nộp đơn không còn liên quan đến các sản phẩm của các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

- Khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn".

- Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

- Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

- Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng số 19690, 974286 và 980529. Người nộp đơn đề nghị loại bỏ một phần sản phẩm, dịch vụ ở nhóm 07 và 37 ra khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký. Tuy nhiên, việc loại bỏ một phần sản phẩm, dịch vụ ra khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký được thực hiện trong giai đoạn giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, yêu cầu của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và h khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 và khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-07141 ngày

04/04/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 22438/QĐ-SHTT ngày 09/4/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-07141 ngày 04/04/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, NIPPON ELEVATOR MFG. CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và NIPPON ELEVATOR MFG. CO., LTD. (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143659/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của FLOR DE SELVA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-01055 ngày 29/9/2017 của FLOR DE SELVA; địa chỉ: 4, place de Valois, F-75001 Paris; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 998872 theo Thông báo số 2016/29 NTH10 ngày 12/6/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4967/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của FLOR DE SELVA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "VILLA ZAMORANO, hình" theo ĐQT số 998872 bị từ chối vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "VILLA" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 48099. Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu "VILLA ZAMORANO, hình" và "VILLA" không tương tự đến mức gây nhầm lẫn vì hai nhãn hiệu có sự khác biệt về cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa và hình thức thể hiện.

- Về cấu trúc và hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu phức hợp, gồm phần hình (ngôi nhà trên nền hình vuông màu đỏ đất, có chữ "VILLA" ở cạnh trên và "ZAMORANO" ở cạnh dưới), kết hợp màu sắc và phần chữ cách điệu. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ là chữ "VILLA" in đậm, thể hiện đơn giản.

- Về ý nghĩa: (i) "Villa Zamorano" là tên riêng; (ii) "VILLA" là danh từ chung, có thể có ý nghĩa là biệt thự.

- Về sản phẩm: Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng cho các sản phẩm thuốc lá đặc hiệu và chuyên biệt như thuốc lá rời, xì gà và sản phẩm phụ trợ khác như diêm, các sản phẩm của người hút thuốc lá, có sự khác biệt so với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng của Công ty TNHH một thành viên thuốc là Sài Gòn (chủ yếu chỉ là các sản phẩm thuốc lá điếu phổ thông) về bản chất, công dụng, chức năng, và đối tượng người tiêu dùng hoặc sử dụng.

- Nhãn hiệu "VILLA ZAMORANO, hình" đã được cấp văn bằng bảo hộ tại nhiều quốc gia như Pháp, Mỹ, Nhật, các nước EU, Monaco, Brazil và Hồng Kông. Người nộp đơn đã nộp kèm bản sao các giấy chứng nhận nêu trên để được xem xét.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "VILLA ZAMORANO, hình" là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ, trong đó, phần hình được thể hiện bởi hai hình chữ nhật lồng nhau, hình chữ nhật bên trong có phần hình ngôi nhà; phần chữ được tạo bởi hai thành phần "VILLA" và "ZAMORANO" được thể hiện cách điệu, đặt trên hai cạnh của hình chữ nhật, phần chữ "VILLA" được đặt ở cạnh trên, có kích thước nhỏ hơn so với phần chữ "ZAMORANO" được đặt ở cạnh dưới của hình chữ nhật. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm phần chữ "VILLA" được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, không cách điệu. Mặc dù cả hai nhãn hiệu nêu trên đều có phần chữ "VILLA" nhưng trên cơ sở xem xét tổng thể, hai nhãn hiệu có sự khác biệt về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm/dịch vụ: Cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho sản phẩm thuộc nhóm 34 liên quan đến thuốc lá và các sản phẩm tương tự.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho sản phẩm tương tự, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 998872, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/29 NTH10 ngày 12/6/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 998872.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 998872.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế,

Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và FLOR DE SELVA (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143660/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Colorescience, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2015-01088 ngày 25/11/2015 của Colorescience, Inc.; địa chỉ: 2141 Palomar Airport Road, Suite 200 Carlsbad CA 92011 U.S.A; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1214987 theo Thông báo số 2014/34 TDH04 ngày 31/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4920/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Colorescience, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "LUMIRA" theo ĐQT số 1214987 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "LUMIA" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 235037. Người nộp đơn cho rằng hai nhãn hiệu không tương tự đến mức gây nhầm lẫn về tổng thể cấu trúc, phát âm, ý nghĩa. Cụ thể là:

- Nhãn hiệu "LUMIRA" là từ tự tạo, gồm các chữ in, nét mảnh. Trong khi đó, "LUMIA" là chữ in có chân, được thể hiện bằng nét đậm - nét nhạt. Sự khác biệt này tạo nên ấn tượng thị giác riêng biệt cho mỗi nhãn hiệu.

- Nhãn hiệu "LUMIRA" gồm 3 âm tiết rõ ràng "Lu-mi-ra"; còn nhãn hiệu "LUMIA" chỉ gồm 2 âm tiết "Lu-mia". Cách phát âm khác biệt giúp hạn chế khả năng nhầm lẫn.

- "LUMIRA" là tên tự đặt, không mang ý nghĩa cụ thể. Trong khi đó, "LUMIA" có ý nghĩa trong nhiều ngôn ngữ như tiếng Anh, Ý, Tây Ban Nha và Phần Lan, thường liên quan đến ánh sáng hoặc tên một loại quả. Sự khác biệt về ý nghĩa góp phần tăng tính phân biệt giữa hai nhãn hiệu.

- Nhãn hiệu "LUMIRA" đăng ký cho nhóm 01, bao gồm các sản phẩm dùng trong sản xuất mỹ phẩm, hướng đến đối tượng khách hàng là nhà sản xuất. Trong khi đó, nhãn hiệu "LUMIA" đăng ký cho nhóm 03, là mỹ phẩm hoàn chỉnh hướng đến người tiêu dùng cuối. Như vậy, hai nhãn hiệu nhắm đến các nhóm khách hàng và kênh thương mại hoàn toàn khác nhau.

- Để được chấp nhận bảo hộ, người nộp đơn loại bỏ một số sản phẩm ở nhóm 03, cụ thể là mỹ phẩm chăm sóc cơ thể và da không chứa dược chất.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng tương tự về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện. Đồng thời, hai nhãn hiệu nêu trên đều được sử

dụng cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 03. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 235037.

Tuy nhiên, ngày 23/4/2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 48120/QĐ-SHTT.IP chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 235037. Do đó, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 235037 không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1214987.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1214987, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/34 TDH04 ngày 31/8/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1214987.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1214987.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Colorescience, Inc. (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143661/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BESINS HEALTHCARE LUXEMBOURG S.A.R.L
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2015-01057 ngày 18/11/2015 của BESINS HEALTHCARE LUXEMBOURG S.A.R.L; địa chỉ: 67, Boulevard Grande-Duchesse Charlotte L-1331 Luxembourg; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1211845 theo Thông báo số 2014/30 TDH02 ngày 03/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4918/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BESINS HEALTHCARE LUXEMBOURG S.A.R.L với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "hình" theo ĐQT số 1211845 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 237296. Người nộp đơn cho rằng hai nhãn hiệu nêu trên không tương tự đến mức gây nhầm lẫn về tổng thể cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa. Cụ thể là:

- Về mặt cấu trúc và cách thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký gồm ba hình chữ nhật màu xanh da trời thẳng đứng và đặt song song nhau, khối giữa chia ngang thành hai đoạn, tạo thành chữ "B" và "I" cách điệu. Nhãn hiệu đối chứng là một nhãn hiệu phức hợp kết hợp các dấu hiệu hình và chữ, gồm có chữ "HA NOI PHARMA" dạng chữ in, ở dưới hình ôvan bên trong có chữ "hn", "h", "n", "pm" hoặc "pa" cách điệu, nghiêng, lồng vào nhau.

- Về cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký được phát âm là "Bi-ai" hoặc "bê I". Nhãn hiệu đối chứng được phát âm là "hát nờ/pê - mờ/pê-a Hà Nội pha-ma".

- Về ý nghĩa: Nhãn hiệu đăng ký không có nghĩa, trong khi nhãn hiệu đối chứng "Ha Noi Pharma" là tên gọi của công ty Cổ phần dược phẩm Hà Nội - chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng.

- Về sản phẩm/dịch vụ: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng đăng ký cho sản phẩm nhóm 05.

- Người nộp đơn cho rằng thuốc là một mặt hàng đặc biệt mà người tiêu dùng thường sử dụng theo chỉ định/kê toa của bác sỹ và có sự cẩn trọng cần thiết khi mua thuốc đặc biệt chú ý kiểm tra nguồn gốc nhà sản xuất để chọn mua, với việc người bán hàng bắt buộc phải có trình độ chuyên môn, để không xảy ra tình trạng nhầm lẫn giữa sản phẩm mang nhãn hiệu của BESINS HEALTHCARE LUXEMBOURG S.A.R.L và sản phẩm mang nhãn hiệu của công ty Cổ phần dược phẩm Hà Nội.

Hơn nữa, thực tế các sản phẩm mang nhãn hiệu liên quan đang cùng tồn tại trên thị trường Việt Nam mà không có nhầm lẫn xảy ra. Các sản phẩm UTROGESTAN 100mg và 200mg mang nhãn hiệu của BESINS

HEALTHCARE LUXEMBOURG S.A.R.L đã được Cục quản lý dược Bộ y tế cấp phép lưu hành sản phẩm số VN-7861-09 và VN-7862-09 ngày 25/06/2009.

Như vậy, người nộp đơn cho rằng về tổng thể, xét sự khác biệt về cấu trúc, màu sắc, cách trình bày, cách phát âm, ý nghĩa, cảm quan và sản phẩm/dịch vụ đăng ký, nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được thể hiện bởi ba khối hình chữ nhật dựng đứng, trong đó, khối ở giữa được chia đôi tạo ấn tượng thị giác tổng thể của nhãn hiệu như các ký tự "I", "B", "I". Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự về hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về hình thức thể hiện, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 05 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn

hiệu theo ĐQT số 1211845 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/30 TDH02 ngày 03/8/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1211845.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, BESINS HEALTHCARE LUXEMBOURG S.A.R.L có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BESINS HEALTHCARE LUXEMBOURG S.A.R.L (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143662/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Laboratoire Bailly-Creat (société par actions simplifiée)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2008-00261 ngày 05/6/2008 của Laboratoire Bailly-Creat (société par actions simplifiée); địa chỉ: Zl des150 Arpents, 28500 VERNOUILLET, France; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2006-00697 theo Quyết định số 11563/QĐ-SHTT ngày 05/3/2008;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4911/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Laboratoire Bailly-Creat (société par actions simplifiée) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ANAXÉRYL" đăng ký theo đơn số 4-2006-00697 bị từ chối vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "ANACEGINE" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 69438, theo quy định tại Điều 6.1b) Nghị định số 63/CP. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký gồm 8 ký tự với 4 âm tiết và nhãn hiệu đối chứng gồm 9 ký tự với 5 âm tiết. Phần hậu tố "XÉRYL" và "CEGINE" là hoàn toàn khác biệt, gây ấn tượng rõ nhất ở ký tự "É" (có dấu " ' "), "RYL" và "GINE", tạo nên tính phân biệt cho nhãn hiệu. Về ý nghĩa, cả hai nhãn hiệu "ANXÉRYL" và "ANCEGINE" đều không có nghĩa.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho các sản phẩm "dược phẩm" thuộc nhóm 05. Đây là loại hàng hoá khi mua bán đòi hỏi đặc biệt có sự cẩn trọng của người bán cũng như người mua, người mua phải rất quan tâm đến công dụng, tính năng... và đặc biệt là thường được sự tư vấn chỉ định theo đơn của bác sĩ chuyên khoa. Do vậy, việc nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu là khó có thể xảy ra.

- Hiện nay, sản phẩm dược phẩm mang nhãn hiệu "ANAXÉRYL" và "ANACEGINE" đang được bán tại Việt Nam. Như vậy sản phẩm mang các nhãn hiệu này đã được cơ quan quản lý dược Việt Nam chấp nhận được bán trong thị trường, lãnh thổ Việt Nam.

- Nhãn hiệu "ANAXÉRYL" của người nộp đơn đã được đăng ký tại Pháp, Marocco, Algeria, Tunisia, African Union (liên minh Châu Phi) và Nigeria và hiện đang được sử dụng tại các nước này cũng như tại Việt Nam (người nộp đơn nộp kèm theo tài liệu chứng minh việc đăng ký và sử dụng các nhãn hiệu "ANAXÉRYL").

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điều 6.1b) Nghị định 63/CP: Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam.

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "ANAXÉRYL" là từ không có nghĩa trong các ngôn ngữ thông dụng, được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, gồm 08 ký tự, tạo thành 04 âm tiết "A-NA-XÉ-RYL" và được phát âm là /a/na/xê/ryl/. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "ANACEGINE" cũng là từ không có nghĩa trong các ngôn ngữ thông dụng, được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, gồm 09 ký tự, tạo thành 04 âm tiết "A-NA-CE-GINE" và được phát âm là /a/na/xê/gin/. Như vậy, có thể thấy hai nhãn hiệu nêu trên có cách phát âm tương tự nhau.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều được sử dụng cho sản phẩm "dược phẩm" thuộc nhóm 05, các sản phẩm còn lại trong danh mục sản phẩm đăng ký tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cách phát âm, trong khi lại được sử dụng cho các sản phẩm trùng/tương tự nhau thuộc nhóm 05. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại Điều 6.1b) Nghị định 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2006-00697 ngày 13/01/2006 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 11563/QĐ-SHTT ngày 05/3/2008 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2006-00697 ngày 13/01/2006.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Laboratoire Bailly-Creat (société par actions simplifiée) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Laboratoire Bailly-Creat (société par actions simplifiée) (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143663/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Gold Đất Việt
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2014-00737 ngày 29/7/2014 của Công ty cổ phần Gold Đất Việt; địa chỉ: Số nhà 22, đường Trung Văn, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-19627 theo Quyết định số 24145/QĐ-SHTT ngày 28/4/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4924/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Gold Đất Việt với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu 

đăng ký theo đơn số 4-2011-19627 bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng sau đây:

(i) Phần chữ "GOLD ĐẤT VIỆT" cho nhóm 36 vì tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "ĐẤT VIỆT" của nhãn hiệu số 64994 ngày 20/7/2005; cho nhóm 43 vì nhãn hiệu số 67966 ngày 10/11/2005 và cho nhóm 36, 43 vì tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ phần chữ "VIETLAND" của nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-17665 ngày 19/08/2010.

(ii) Phần chữ "GOLD JSC", nhóm 36, 39, 43 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu số 186076 ngày 11/06/2012; cho nhóm 36, 39 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đơn số 151122 ngày 16/08/2010; cho; nhóm 40 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đơn số 1045522 ngày 27/04/2010.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

(i) Đối với phần chữ "ĐẤT VIỆT":

- Với các đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 64994 và 67966: Các nhãn hiệu này là nhãn hiệu phức hợp được bảo hộ tổng thể gồm các phần chữ và phần hình, bản đồ Việt Nam màu xanh dương nổi bật trên chữ "V" màu nâu và hình địa cầu màu xanh lá cây và xanh dương làm nền. Phần chữ "ĐẤT VIỆT" màu đen ở nhãn hiệu đối chứng số 67966 có thêm chữ "Davi Corp" ở bên trên phần hình. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký có phần hình gồm vành tròn màu đỏ với các chữ "GOLD JSC", chữ "G" màu vàng thể hiện cách điệu đậm nét trên hình tháp ngược màu xanh và phần chữ "CÔNG TY CỔ PHẦN GOLD ĐẤT VIỆT" màu đỏ. Vì vậy, xét về tổng thể, so với các đối chứng nêu trên, nhãn hiệu đăng ký khác biệt về cấu trúc, cách trình bày, màu sắc, ấn tượng thị giác, ý nghĩa, cách phát âm và ấn tượng nhận biết cho công chúng. Nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng "VIELAND" đăng ký theo đơn số 4-2010-17665: Đây cũng là một nhãn hiệu phức hợp với chữ "V" màu vàng, chữ "L" màu be cách điệu và phần chữ xanh dương "VIELAND" so với nhãn hiệu nộp đơn là khác biệt về cảm nhận thị giác, cấu trúc, cách trình bày và màu sắc, ấn tượng phân biệt, ý nghĩa và cách phát âm. Tổng thể nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn so với nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

(ii) Đối với phần chữ "GOLD JSC":

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 186067: Nhãn hiệu nêu trên có cách trình bày độc đáo nhất định ở cách thể hiện chữ "o" và sắc độ đậm nhạt ở hai chữ "golden" và "group", do vậy, cũng được bảo hộ tổng thể và không bảo hộ riêng từ "group". Do đó, nhãn hiệu đăng ký về tổng thể là không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nêu trên do khác biệt về cách phát âm, ý nghĩa, cách trình bày và màu sắc, cấu trúc, cảm nhận thị giác và ấn tượng phân biệt.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 151122: Nhãn hiệu đối chứng nêu trên gồm chữ "GOLDEN PLAZA" nổi bật trên hình nền gồm các đường gấp tạo góc đỉnh, tất cả có màu nâu. Do vậy, về cách phát âm, ý nghĩa, cách trình bày và màu sắc, cấu trúc, cảm nhận thị giác và tổng thể nhãn hiệu đăng ký khác biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn so với đối chứng nêu trên.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 1045522: Nhãn hiệu "GOLD To Go" là nhãn hiệu chữ, đăng ký cho dịch vụ "xử lý kim loại, đặc biệt là bọc vàng và thép vàng" khác biệt so với dịch vụ "chế biến khoáng sản" mang nhãn hiệu đăng ký. Vì vậy, xét về tổng thể, hai nhãn hiệu nêu trên khác biệt về ý nghĩa, cách phát âm, cấu trúc, cách trình bày, màu sắc, cảm nhận thị giác và ấn tượng nhận biết với công chúng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

- Khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn".

- Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

- Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình, trong đó phần chữ "GOLD ĐẤT VIỆT" và "GOLD JSC" tương tự với thành phần tương ứng trong các nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể là phần chữ "GOLD ĐẤT VIỆT" tương tự với phần chữ "ĐẤT VIỆT" trong các nhãn hiệu đối chứng số 64994, 67966 và đơn số 4-2010-17665; phần chữ "GOLD JSC" tương tự với phần chữ "goldengroup", "GOLDEN PLAZA" và "GOLD" trong các nhãn hiệu đối chứng số 186067, 151122 và 1045522.

- Về sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu: Các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Việc người nộp đơn loại bỏ một phần sản phẩm, dịch vụ (cụ thể là các nhóm 36, 39, 40 và 43) ra khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký được thực hiện trong giai đoạn giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, yêu cầu của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, khoản 2 điều 90 và khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ

nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-19627 ngày 21/09/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 24145/QĐ-SHTT ngày 28/4/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-19627 ngày 21/09/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Gold Đất Việt có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Gold Đất Việt (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143664/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH ABEVN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00188 ngày 22/5/2025 của Công ty TNHH ABEVN; địa chỉ: 19-21 đường số 16, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-35902 ngày 03/09/2020 theo Quyết định số 108735/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5013/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH ABEVN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-35902 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 108735/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 35003/SHTT-NH ngày 24/8/2022 và nhãn hiệu theo đơn nêu trên không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 251344 và nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-27166.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo và Quyết định nêu trên nên không có thông tin cần thiết để trả lời Thông báo nêu trên theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cho phép được tiếp tục trả lời Thông báo nêu trên đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-35902.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 35003/SHTT-NH ngày 24/8/2022 đã được chuyển phát thành công, trong khi Quyết định số 108735/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu không được chuyển phát thành công và được chuyển hoàn lại Cục Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để trả lời theo yêu cầu. Đồng thời, do không nhận được Quyết định số 108735/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nên người nộp đơn đã không thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy

sinh. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn trả lời Thông báo số 35003/SHTT-NH ngày 24/8/2022 và tiếp tục thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-35902.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2020-35902 ngày 03/09/2020.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 108735/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-35902 ngày 03/09/2020.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-35902 ngày 03/09/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH ABEVN có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 35003/SHTT-NH ngày 24/8/2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 35003/SHTT-NH ngày 24/8/2022.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143665/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH ABEVN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DTX488

Xét đơn số KN4-2025-00189 ngày 22/5/2025 của Công ty TNHH ABEVN; địa chỉ: 19-21 đường số 16, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-35903 ngày 03/09/2020 theo Quyết định số 108746/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5023/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH ABEVN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-35903 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 108746/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 35004/SHTT-NH ngày 24/8/2022 và nhãn hiệu theo đơn nêu trên không đáp ứng điều kiện bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 251344 và nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-27166.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo và Quyết định nêu trên nên không có thông tin cần thiết để trả lời Thông báo nêu trên theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cho phép được tiếp tục trả lời Thông báo nêu trên đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-35903.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 35004/SHTT-NH ngày 24/8/2022 đã được chuyển phát thành công, trong khi Quyết định số 108746/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu không được chuyển phát thành công và được chuyển hoàn lại Cục Sở hữu trí tuệ. Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để trả lời theo yêu cầu. Đồng thời, do không nhận được Quyết định số 108746/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nên người nộp đơn đã không thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy

sinh. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn trả lời Thông báo số 35004/SHTT-NH ngày 24/8/2022 và tiếp tục thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-35903.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2020-35903 ngày 03/09/2020.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 108746/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-35903 ngày 03/09/2020.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-35903 ngày 03/09/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH ABEVN có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 35004/SHTT-NH ngày 24/8/2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 35004/SHTT-NH ngày 24/8/2022.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 143666/QĐ-SHTT.IP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BEIQI FOTON MOTOR CO., LTD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00124 ngày 10/02/2017 của BEIQI FOTON MOTOR CO., LTD; địa chỉ: Laoniuwan Village North, Shayang Road, Shahe Town, Changping District 102206 Beijing China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271108 theo Thông báo số 2015/42 HBN35 ngày 21/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5003/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BEIQI FOTON MOTOR CO., LTD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GRATOUR" theo ĐQT số 1271108 bị từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "GRANDTOUR" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 21171 của GITI TIRE PTE. LTD. theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1271108 với lý do:

- Về cấu trúc và cách trình bày: Nhãn hiệu đăng ký là dòng chữ in hoa "GRATOUR" gồm 07 ký tự được viết liền nhau tạo thành một tổng thể gắn kết không thể tách rời. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "GRANDTOUR" gồm 09 ký tự được tạo bởi hai từ tiếng Anh "GRAND" và "TOUR" và được thể hiện với kiểu chữ in nghiêng. Dễ thấy, cấu trúc của nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng do có sự chênh lệch về số lượng các ký tự tạo thành nhãn hiệu; đồng thời, cách thức trình bày của các nhãn hiệu này cũng khác biệt với nhau.

- Về cách phát âm: Trong khi nhãn hiệu đăng ký được phát âm là /gra-tua/ thì nhãn hiệu đối chứng lại có cách phát âm khác biệt ở âm tiết đầu tiên, cụ thể là: /grend-tua/. Với việc các âm tiết đầu đồng thời là các âm tiết chính trong nhãn hiệu nộp đơn và nhãn hiệu đối chứng được phát âm khác nhau, cách phát âm tổng thể của các nhãn hiệu này theo đó cũng khác nhau.

- Về ý nghĩa: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm dòng chữ "GRATOUR" là tên tự đặt được dựa trên ý tưởng riêng của người nộp đơn và không có bất cứ ý nghĩa cụ thể nào. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng được tạo bởi hai từ tiếng Anh "GRAND" và "TOUR" là những từ ngữ khá thông dụng và đã trở nên phổ biến đối với rất nhiều người tiêu dùng Việt Nam. Theo đó, mặc dù các từ tiếng Anh này được viết liền nhau, đông đảo người tiêu dùng Việt Nam có thể dễ dàng hiểu được rằng nhãn hiệu đối chứng là một cụm từ ghép trong tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt tương ứng là "chuyến đi du lịch quy mô lớn" hay "chuyến đi du lịch tuyệt vời".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã

được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: nhãn hiệu đăng ký "GRATOUR" là sự kết hợp của 07 ký tự, tạo thành 2 âm tiết "GRA-TOUR" và được phát âm là /gờ/ra/tua/, còn nhãn hiệu đối chứng "GRANDTOUR" là sự kết hợp của 09 ký tự, tạo thành 2 âm tiết "GRAND-TOUR" và được phát âm là /gờ/ren/tua/. Như vậy, cả hai nhãn hiệu nêu trên đều được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, có 7/9 ký tự trùng nhau và cách phát âm tương tự nhau. Sự khác biệt chỉ ở hai ký tự "N" và "D" trong nhãn hiệu đối chứng nhưng không tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký so với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện.

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: cả hai nhãn hiệu đều đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 12.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 12 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1271108 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/42 HBN35 ngày 21/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271108.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, BEIQI FOTON MOTOR CO., LTD có quyền khiếu nại đến Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BEIQI FOTON MOTOR CO., LTD (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143667/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của DELIFRANCE S.A
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00674 ngày 23/6/2017 của DELIFRANCE S.A; địa chỉ: 99 rue Mirabeau, F-94200 IVRY SUR SEINE; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1278404 theo Thông báo số 2016/09 NTH24 ngày 03/3/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4979/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của DELIFRANCE S.A với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Délifrance HÉRITAGE" theo ĐQT số 1278404 bị tạm thời từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng số 218384, 66767 và 190799. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do chủ ĐQT số 1278404 đã làm thủ tục xin loại bỏ nhóm 29 và nhóm 43 tại Việt Nam với Văn phòng quốc tế WIPO. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký so với từng nhãn hiệu đối chứng là không còn tương tự đến mức gây nhầm lẫn vì khác biệt về cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa và cảm quan (qua màu sắc, hình thức thể hiện). Cụ thể là:

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 218384 (của Heritage Snacks & Food, nhóm 29):

+ Về mặt cấu trúc và cách thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu phức hợp bao gồm phần nền đỏ hình vuông, có vạch ngang chia làm hai và phần chữ màu trắng, phần trên lớn hơn hẳn và nổi bật có chữ "Délifrance", phần dưới nhỏ hơn có chữ "HÉRITAGE". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu kết hợp phần hình và phần chữ, phần hình gồm có hình cây màu xanh ở trung tâm của nhãn hiệu, bên trái có chữ "Heri" với hình một quả màu đỏ, đồng thời cũng là dấu chấm trên chữ "i" và bên phải có chữ "age".

+ Về cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký do hai chữ "Delifrance" và "HERITAGE" tạo thành, còn nhãn hiệu đối chứng tạo bởi hai chữ "Heri" và "age".

+ Về sản phẩm đăng ký: Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 30, còn nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho nhóm 29.

Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã không còn hiệu lực do không được gia hạn.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 66767 (HERITAGE, nhóm 30):

+ Về mặt cấu trúc và cách thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu phức hợp bao gồm các đặc điểm phân biệt như đã trình bày ở phần trên. Nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu phức hợp đen trắng gồm phần hình và phần chữ. Phần hình xẻ quạt cách điệu/hình mặt trời mọc/lặn, dải hình chữ nhật màu đen ở dưới và phần chữ "HERITAGE" in đậm nằm giữa phần hình.

+ Về cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký do hai chữ "Delifrance" và "HERITAGE" tạo thành, còn nhãn hiệu đối chứng tạo bởi một chữ "HERITAGE".

+ Về sản phẩm đăng ký: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cùng đăng ký cho sản phẩm thuộc nhóm 30 nhưng sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là sản phẩm chuyên dụng dùng trong việc làm bánh như bột, nấm men, bột nở và các sản phẩm bánh, khác biệt với sản phẩm mang nhãn đối chứng.

Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã không được gia hạn.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng số 190799 (GRAND HERITAGE, nhóm 35 & 43):

+ Về mặt cấu trúc và cách thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký là một nhãn hiệu phức hợp bao gồm các đặc điểm phân biệt như đã trình bày ở phần trên. Nhãn hiệu đối chứng là nhãn hiệu chỉ có phần chữ "GRAND HERITAGE".

+ Về cách phát âm: Nhãn hiệu đăng ký do hai chữ "Delifrance" và "HERITAGE" tạo thành, còn nhãn hiệu đối chứng tạo bởi hai chữ "GRAND" và chữ "HERITAGE".

+ Về sản phẩm đăng ký: Nhãn hiệu đối chứng đăng ký cho nhóm 35 và 43. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký sau khi loại bỏ nhóm 43 thì không còn liên quan đến dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng.

Từ các trình bày trên, người nộp đơn cho rằng tổng thể về nhãn hiệu và sản phẩm/dịch vụ đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm

dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký 

và các nhãn hiệu đối chứng (i) "

", (ii) "

", **(iii) "GRAND HERITAGE"**, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "Délifrance Héritage" là sự kết hợp giữa phần hình nền màu đỏ và phần chữ màu trắng, trong đó, phần chữ gồm hai thành phần "Délifrance" và "Héritage" được phát âm lần lượt là /đe/li/phờ/răn/he/ri/tết/; phần hình được thể hiện bởi hình vuông có đường kẻ ngang chia nhãn hiệu làm hai phần, phần trên lớn hơn và có chữ "Délifrance" nổi bật với ký tự "D" cách điệu, là thành phần mạnh của nhãn hiệu, phần dưới nhỏ hơn với chữ "Héritage" thể hiện bởi kiểu chữ in hoa. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng (i) và (ii) lần lượt được thể hiện bởi phần chữ "Heritage" (được phát âm là he/ri/tết) với hình thức thể hiện cách điệu. Đối với nhãn hiệu đối chứng (iii), phần chữ được thể hiện dưới kiểu chữ in hoa không cách điệu (được phát âm là gran/he/ri/tết). Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt về cấu trúc, cách phát âm, màu sắc và hình thức thể hiện. Hơn nữa, nhãn hiệu đối chứng (i) và (ii) đã hết hiệu lực lần lượt vào các ngày 14/11/2022 và 29/3/2014 nên không còn là đối chứng để từ chối đối với ĐQT số 1278404.

- Về sản phẩm, dịch vụ: Sau khi giới hạn danh mục đăng ký còn nhóm 30, các sản phẩm thuộc nhóm 30 trong danh mục đăng ký không tương tự với các dịch vụ thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng (iii).

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1278404, không áp dụng quy định tại điểm e và h khoản 2

Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/09 NTH24 ngày 03/3/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1278404.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1278404, không bảo hộ riêng hình bông lúa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và DELIFRANCE S.A (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143866/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kyosan Denki Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-01246 ngày 30/11/2017 của Kyosan Denki Co., Ltd.; địa chỉ: 11-3, Okazato, Koga-shi Ibaraki-ken 306-0206 Japan; đại diện bởi: Văn phòng Luật sư A Hoà; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 958465 theo Thông báo số 2016/41 TDH34 ngày 28/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5056/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kyosan Denki Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "kyosan, hình" theo đăng ĐQT số 958465 bị tạm thời từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-01555 nộp ngày 18/01/2016 và các nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế số (ĐKQT) số 1035615, số 1045649 và 1063612. Trong đơn khiếu nại, người khiếu nại có ý kiến như sau:

- Đối với các nhãn hiệu theo ĐKQT số 1035615, 1045649 và số 1063612: nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình , trong khi đó hai nhãn hiệu đối chứng số 1045649 và số 1063612 gồm phần chữ kết hợp với phần hình "" và nhãn hiệu đối chứng số 1035615 chỉ bảo gồm phần chữ "Kyosan Electric Mfg. Co., Ltd.". Hơn nữa phông chữ của nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng khác nhau. Như vậy, về tổng thể nhãn hiệu đăng ký khác hoàn toàn với nhãn hiệu đối chứng. Danh mục sản phẩm dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký không tương tự với các nhãn hiệu đối chứng vì khác nhau về bản chất, chức năng, kênh thương mại. Chủ sở hữu của 03 nhãn hiệu đối chứng không phản đối nhãn hiệu đăng ký và đã có thư chấp thuận của chủ sở hữu 03 nhãn hiệu đối chứng.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2016-01555: Nhãn hiệu đối chứng nêu trên được sử dụng cho dịch vụ mua bán thuộc nhóm 35, bán hàng chuyên biệt cho sản phẩm phụ tùng ô tô thuộc nhóm 09 và 12, trong khi sản phẩm xin bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký liên quan đến động cơ thuộc nhóm 07. Do vậy, sản phẩm, dịch vụ mang hai nhãn hiệu không tương tự nhau.

- Chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký được thành lập từ năm 1949 tại Nogi-machi, Tochigi Prefecture, Japan. Từ 12/09/2005, chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký dời trụ sở chính về 11-3, Okazato, Koga-shi Ibaraki-ken 306-0206 Japan cho đến hiện nay. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng đã nộp đơn đăng ký tại nhiều quốc gia trên thế giới và đã xuất khẩu sản phẩm mang nhãn hiệu sang Việt Nam từ năm 2015 (trước ngày nhãn hiệu đối chứng nộp đơn đăng ký nhãn hiệu).

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định bảo hộ cho ĐQT số 958465 chỉ định tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là

nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua quá trình xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ "kyosan", trong đó, phần chữ "kyosan" trùng với phần chữ "kyosan" trong các nhãn hiệu đối chứng; phần hình tương tự với phần hình trong nhãn hiệu đối chứng số 958465. Mặt khác, sản phẩm thuộc nhóm 07 mang nhãn hiệu đăng ký có sự tương tự với các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là không có khả năng phân biệt và tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

Mặc dù chủ sở hữu của các nhãn hiệu đối chứng số 1035615, 1045649 và số 1063612 đã có văn bản cho phép chủ nhãn hiệu "kyosan, hình" đăng ký và sử dụng nhãn hiệu nêu trên tại Việt Nam, tuy nhiên, vì nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn nên Thư đồng ý nêu trên chưa đáp ứng đủ điều kiện để được xem là chứng cứ vượt qua lý do từ chối đối với đơn quốc tế số 958465.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 958465 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/41 TDH34 ngày 28/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 958465.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Kyosan Denki Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kyosan Denki Co., Ltd. (qua Văn phòng Luật sư A Hoà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143867/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SUN CONTACT LENS CO., LTD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2016-01038 ngày 26/12/2016 của SUN CONTACT LENS CO., LTD; địa chỉ: 475 Sasayacho Ebisugawaagaru Fuyacho-dori Nakagyo-ku Kyoto Japan 604-0983; đại diện bởi: Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-05710 ngày 16/03/2015 theo Quyết định số 74359/QĐ-SHTT ngày 17/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4718/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SUN CONTACT LENS CO., LTD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PR-8000 PLACIDO REF KERATOMETER SUN CONTACT LENS san kon ta ku to zen zu, hình" đăng ký theo đơn số 4-2015-05710 bị từ chối cấp GCNĐKNH đối với phần chữ "SUN" vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 664236.

Người nộp đơn cho rằng phần chữ "SUN" trong "SUN CONTACT LENS" là tên riêng, tên Công ty và cũng là tên thương mại của người nộp đơn. Vì vậy, người nộp đơn xin được giữ nguyên và xin bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký, không bảo hộ riêng chữ "SUN" ở dưới hình mặt trời.

Ngoài ra, thành phần nổi bật của nhãn hiệu đăng ký là cụm từ "SUN CONTACT LENS" đi kèm với hình ảnh mặt trời, chủ đơn không yêu cầu bảo hộ riêng cho thành phần "SUN" mà đề nghị bảo hộ tổng thể cho toàn bộ nhãn hiệu, bao gồm cả yếu tố hình và chữ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký 

và nhãn hiệu đối chứng "Sun2", Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần chữ "PR-8000, PLACIDO REF KERATOMETER, SUN, SUN CONTACT LENS", phần chữ tiếng Nhật và phần hình mặt trời cách điệu; trong đó, "PR-8000" là hai ký tự

không đọc được như một từ và các chữ số, "PLACIDO REF KERATOMETER" là thiết bị y tế chuyên dùng để đo hình dạng bề mặt giác mạc, "CONTACT LENS" có nghĩa là kính áp tròng, tất cả các thành phần nêu trên đều không có khả năng phân biệt. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "Sun2" có ký tự "S" được thể hiện cách điệu, với số "2" đi kèm phần chữ "Sun" cùng phần hình mặt trời cách điệu đặt phía trên các ký tự "u, n". Như vậy, cả hai nhãn hiệu đều có phần chữ "Sun", tuy nhiên, phần chữ "Sun" trong hai nhãn hiệu đều được kết hợp với các thành phần khác, tạo thành tổng thể có sự khác biệt về cấu trúc, cách phát âm và hình thức thể hiện.

- Về hàng hóa: Nhãn hiệu đăng ký được sử dụng cho "Giác mạc kế" thuộc nhóm 10 - là hàng hóa chuyên dụng trong lĩnh vực nhãn khoa. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho thiết bị và dụng cụ dùng trong phẫu thuật, y tế và các hàng hóa khác. Do đó, hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho hàng hóa tương tự, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc, ý nghĩa, cách phát âm và hình thức thể hiện của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-05710 ngày 16/03/2015, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 74359/QĐ-SHTT ngày 17/11/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-05710 ngày 16/03/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-05710 ngày 16/03/2015, không bảo hộ riêng "PLACIDO REF KERATOMETER", "CONTACT LENS", phần chữ tiếng Nhật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký,

Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SUN CONTACT LENS CO., LTD (qua Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143868/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Paihong Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2020-00906 ngày 24/9/2020 của Công ty TNHH Paihong Việt Nam; địa chỉ: Lô C-6A-CN, KCN Bàu Bàng mở rộng, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; điện thoại: 0869017134; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-05715 ngày 15/03/2017 theo Quyết định số 59552/QĐ-SHTT ngày 31/7/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5064/BC-TTKN

ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Paihong Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RED TWIN HOOK [móc đôi màu đỏ], hình" đăng ký theo đơn số 4-2017-05715 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 17388/SHTT-NH ngày 22/4/2020 và nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng số 324646. Trong đơn khiếu nại, người khiếu nại có ý kiến như sau:

Sau khi nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 17388/SHTT-NH ngày 22/04/2020 của Cục Sở hữu trí tuệ, người khiếu nại cần thêm thời gian để thu thập và hợp pháp hóa tài liệu từ Trung Quốc. Đồng thời, do ảnh hưởng của dịch bệnh, quá trình này kéo dài hơn dự kiến, khiến người khiếu nại không thể phản hồi trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người khiếu nại có ý kiến về khả năng tương tự gây nhầm lẫn của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 17388/ SHTT-NH ngày 22/4/2020 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do cần nhiều thời gian để thu thập và hợp pháp hóa tài liệu, đồng thời dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến hoạt động nên người nộp đơn đã không kịp trả lời Thông báo nêu trên theo yêu cầu. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn trả lời Thông báo số 17388/SHTT-NH ngày 22/4/2020 và tiếp tục thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-05715.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-05715 ngày 15/03/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 59552/QĐ-SHTT ngày 31/7/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-05715 ngày 15/03/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-05715 ngày 15/03/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Paihong Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 17388/SHTT-NH ngày 22/4/2020./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 17388/SHTT-NH ngày 22/4/2020.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143869/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2012-01252 ngày 20/12/2012 của Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà; địa chỉ: Lô 2, CN1, khu công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-18879 theo Quyết định số 67690/QĐ-SHTT ngày 28/11/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5068/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Hiway, hình" đăng ký theo đơn số 4-2011-18879 bị từ chối vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung và nhãn hiệu không đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2a và 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do các dịch vụ thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký không tương tự với các dịch vụ thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình, trong đó, phần chữ "Hiway" có các ký tự trùng với các ký tự trong nhãn hiệu đối chứng "HIWAY, hình", phần hình được thể hiện đơn giản, không có khả năng phân biệt.

- Về dịch vụ mang nhãn hiệu: các dịch vụ "Mua bán đồ điện tử, điện thoại" thuộc nhóm 35 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với sản phẩm "điện thoại, máy tính, máy tính xách tay" thuộc nhóm 09 mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là trùng về cách phát âm và cấu trúc, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-18879 ngày 12/09/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 67690/QĐ-SHTT ngày 28/11/2012 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-18879 ngày 12/09/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143870/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sjoklaedagerdin hf.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2017-00424 ngày 07/4/2017 của Sjoklaedagerdin hf.; địa chỉ: Midhrauni 11, IS-210 Gardabae Iceland; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1281054 theo Thông báo số 2015/51 TDH25 ngày 22/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5044/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sjoklaedagerdin hf. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "66° NORTH" theo ĐQT số 1278654 ngày 07/04/2017 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với các đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 733922 và số 1069703. Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đang ký với lý do:

- Nhãn hiệu 66°NORTH được biết đến không những như một nhãn hiệu mà còn là tên của một trong số những công ty sản xuất trang phục ngoài trời lâu đời nhất tại Iceland. Công ty được thành lập vào năm 1926 và trong suốt nhiều thập niên, công ty luôn dẫn đầu là nhà sản xuất quần áo hàng đầu tại Iceland cũng như trên thị trường Châu Âu.

- Ngày nay, công ty tạo ra các trang phục chức năng không phân biệt cho tất cả các hoạt động ngoài trời. Trang phục lao động và trang phục ngư dân vẫn là yếu tố cơ bản trong hoạt động công ty nhưng giờ đây đã có nhiều sự lựa chọn. Thông tin về lịch sử công ty có thể xem tại website chính thức của công ty: https://www.66north.com/company/about-us/.

- Hiện tại công ty đã có chi nhánh chính thức với 200 cửa hàng trên thế giới và các sản phẩm mang nhãn hiệu 66°NORTH đã trở nên phổ biến đối với người tiêu dùng trên thế giới. Ngày nay, 66°NORTH đã trở thành một dấu hiệu được biết đến luôn gắn liền với các trang phục ngoài trời. Do vậy, 66°NORTH đã được người tiêu dùng biết đến rộng rãi như một nhãn hiệu dành cho trang phục bảo hộ nói riêng và trang phục ngoài trời nói chung.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 733922: Nhãn hiệu đăng ký có cách cấu tạo nhãn hiệu gồm chữ số kết hợp với 1 từ có nghĩa (66° và chữ NORTH) viết in hoa màu đen, chữ NORTH có nghĩa là hướng bắc. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng nêu trên là sự kết hợp giữa yếu tố chữ và yếu tố hình. Trong đó yếu tố chữ gồm hai từ NORTHLAND và PROFESSIONAL gồm 21 chữ cái có nghĩa là "miền bắc chuyên nghiệp" và được viết in hoa thành hai hàng trong một hình chữ nhật nền đen, bên trong chia ra làm hai nửa với nửa trên màu đỏ, nửa dưới màu đen. Do vậy, cấu trúc và cách thể hiện khác nhau của hai nhãn hiệu tạo nên ấn tượng thị giác khác nhau và hai nhãn hiệu có thể phân biệt được với nhau.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo ĐKQT số 1069703: Nhãn hiệu đăng ký có cách cấu tạo nhãn hiệu gồm chữ số kết hợp với 1 từ có nghĩa (66° và

chữ NORTH) viết in hoa màu đen, chữ NORTH có nghĩa là hướng bắc. Trong khi nhãn hiệu đối chứng là các chữ in hoa NORTHLAND PROFESSIONAL gồm hai từ NORTHLAND và PROFESSIONAL gồm 21 chữ cái có nghĩa là "miền bắc chuyên nghiệp". Với cấu trúc và ý nghĩa khác nhau giữa hai nhãn hiệu, nhãn hiệu 66 NORTH có thể phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng NORTHLAND PROFESSIONAL.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "66° NORTH" là sự kết hợp giữa phần chữ số "66°" và "NORTH" (có nghĩa phía bắc). Trong đó, chữ số "66°" không có khả năng phân biệt, phần chữ "NORTH" tương tự về cấu trúc, ý nghĩa và cách phát âm với các nhãn hiệu đối chứng "NORTHLAND PROFESSIONAL".

- Về sản phẩm, dịch vụ: Các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc, ý nghĩa và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm, dịch vụ tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu nêu trên có cùng một nguồn gốc. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1281054 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/51 TDH25 ngày 22/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1281054.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sjoklaedagerdin hf. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sjoklaedagerdin hf. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143871/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của VINI COSMETICS PVT. LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2018-00078 ngày 26/01/2018 của VINI COSMETICS PVT. LTD.; địa chỉ: "Janki House" 2, Sunrise Park, Opp. Himalaya Mall, Drive in Road, Bodakdev, Ahmedabad, Gujarat, India; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Thương mại và Đầu tư; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-28204 theo Quyết định số 75878/QĐ-SHTT ngày 30/10/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5035/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của VINI COSMETICS PVT. LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FOGG, hình" theo đơn số 4-2014-28204 ngày 18/11/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng số 194927 ngày 01/11/2012. Người nộp đơn trình bày lý do khiếu nại như sau:

- Nhãn hiệu đối chứng "FOG BAR" và nhãn hiệu đăng ký có sự khác nhau về phông chữ và màu sắc. "FOGG" là từ tự đặt, không có nghĩa.

- Nhãn hiệu "FOG BAR" tạo thành bởi "FOG" và "BAR", "FOG" có nghĩa là sương mù, khói mờ và "BAR" nghĩa là thỏi, thanh - đều mang tính mô tả đặc điểm của các sản phẩm mỹ phẩm, xà phòng, nước hoa (nhóm 03), cụ thể là "sản phẩm là dạng dung dịch, hình thanh hoặc thỏi được xịt vào không khí". Do đó, cả hai thành phần này đều không tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đối chứng.

- Một số nhãn hiệu đã được cấp văn bằng bảo hộ như: TONE (số bằng 090026), LINTONE (số bằng 149783), BLUESTONE (số bằng 153605), SKIN SHIELD (số bằng 130854), SKINK FOOD (số bằng 145340), SKINZ (số bằng 174401).

- Nhãn hiệu "FOGG" đã được sử dụng thực tế từ năm 2012 đến nay và không nhận được bất kỳ phản hồi nào về nguồn gốc hàng hóa. Nhãn hiệu cũng đã được nhiều quốc gia bảo hộ.

- Nhãn hiệu "FOG BAR" không còn được chủ sở hữu sử dụng. Hiện tại, nhãn hiệu này chỉ được đăng ký bảo hộ tại Hàn Quốc và không thấy có bằng chứng sử dụng hay đăng ký tại Việt Nam.

- Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại căn cứ và lý do từ chối của Quyết định 75878/QĐ-SHTT ngày 30/10/2017 để đảm bảo quyền lợi của người nộp đơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có

ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "FOGG" là sự kết hợp của 04 ký tự, được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, cách điệu, còn nhãn hiệu đối chứng bao gồm hai thành phần "FOG", "BAR" được thể hiện bởi kiểu chữ in hoa, trong đó, "BAR" mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt. Như vậy, nhãn hiệu đăng ký tương tự về cấu trúc và cách phát âm với thành phần chính "FOG" của nhãn hiệu đối chứng.

- Về sản phẩm: Hai nhãn hiệu nêu trên đều được sử dụng cho sản phẩm tương tự thuộc nhóm 03.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký tương tự về cấu trúc và cách phát âm với nhãn hiệu đối chứng, trong khi lại được sử dụng cho sản phẩm tương tự thuộc nhóm 03 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-28204 ngày 18/11/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 75878/QĐ-SHTT ngày 30/10/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-28204 ngày 18/11/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, VINI COSMETICS PVT. LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và VINI COSMETICS PVT. LTD. (qua Công ty Luật TNHH Thương mại và Đầu tư) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143872/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm MIDWAY
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2022-00288 ngày 18/3/2022 của Công ty cổ phần công nghệ thực phẩm MIDWAY; địa chỉ: I2, Cư xá Phú Lâm A, phường 12, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-25589 ngày 10/07/2019 theo Quyết định số 100325/QĐ-SHTT ngày 22/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5047/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần công nghệ thực phẩm MIDWAY với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MIDWAY" theo đơn số 4-2019-25589 ngày 10/07/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 100325/QĐ-SHTT ngày 22/12/2021 vì lý do người nộp đơn không nộp đủ lệ phí cấp GCNĐKNH, phí công bố Quyết định cấp GCNĐKNH và phí đăng bạ theo quy định. Người nộp đơn trình bày lý do khiếu nại như sau:

- Người nộp đơn đã thanh toán 300.000đ, bao gồm: "Lệ phí cấp VBBH: 60.000đ; Phí Đăng bạ: 120.000đ; Phí công bố: 120.000đ" đúng theo Thông báo của Cục.

- Người nộp đơn đã chuyển khoản phí trên từ tài khoản cá nhân của kế toán Nguyễn Phúc Thanh tới tài khoản Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ vào lúc 11h17 ngày 27/8/2021. Nội dung chuyển tiền "Nho chuyen tiep KBNN Thanh Xuân, Cty CP Cong nghe thuc pham Midway nop phi cap bang so don 4-2019-25589" đúng hướng dẫn, giao dịch được ngân hàng xác nhận "GIAO DỊCH THÀNH CÔNG".

- Việc nộp phí nêu trên được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ban hành Thông báo số 26715/SHTT-NH ngày 25/06/2021 về dự định cấp văn bằng bảo hộ và yêu cầu nộp phí.

- Sau khi chuyển tiền thành công, kế toán đã gửi thông báo cùng chứng từ chuyển khoản đến Phòng đăng ký theo địa chỉ email: dangky@ipvietnam.gov.vn.

- Cùng ngày 27/8/2021, người nộp đơn tiếp tục nộp trực tuyến 01 đơn đăng ký nhãn hiệu (mã số 436310) và 01 đơn duy trì hiệu lực BĐQSC số 13653 (mã số 436070). Toàn bộ lệ phí liên quan cũng được chuyển khoản từ tài khoản kế toán và thông báo qua email cho Phòng đăng ký.

- Người nộp đơn xác nhận Nguyễn Phúc Thanh đã chuyển khoản cho Cục Sở hữu trí tuệ (gồm cả khoản nộp ngày 27/8/2021 và 06/09/2021) kèm theo chứng từ. Vào 13h52 ngày 06/09/2021, kế toán tiếp tục gửi văn thư và chứng từ đến địa chỉ email Phòng đăng ký.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận người nộp đơn đã nộp đầy đủ phí, lệ phí cho đơn số 4-2019-25589 trong thời hạn qui định và sớm ban hành Quyết định cấp GCNĐKNH.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã cung cấp được các chứng từ xác nhận rằng khoản lệ phí cấp GCNĐKNH, phí công bố và phí đăng bạ (Tổng số: 300.000 đồng) cho đơn số 4-2019-25589 đã được người nộp đơn nộp đầy đủ và đúng thời hạn. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-25589 ngày 10/07/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 100325/QĐ-SHTT ngày 22/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-25589 ngày 10/07/2019.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-25589 ngày 10/07/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Cổ phần công nghệ thực phẩm MIDWAY (qua Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143873/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư TOPCOM
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

NAT779

Xét đơn số KN4-2024-00186 ngày 22/3/2024 của Công ty cổ phần đầu tư TOPCOM; địa chỉ: Số 231 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH GK & ASSOCIATES; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-31006 theo Quyết định số 126051/QĐ-SHTT.IP ngày 28/12/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5051/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư TOPCOM với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TOMEC" đăng ký theo đơn số 4-2018-31006 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "TOMEX" và "TOPMEX" được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 140514, 229575, 344318, 328229, 325427, 395160, 332904, 306143, 325304, 324205, 1331975, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Người khiếu nại đề nghị chỉ loại bỏ các dịch vụ: "Mua, bán, đại lý ký gửi, xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn, vật liệu xây dựng, hàng nông, lâm, hải sản, lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, gia cầm" khỏi nhóm 35 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 140514, 229575, 332904, 1331975;

- Người khiếu nại đã bổ sung Bản cam kết chứng minh mối quan hệ giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký và các đối chứng còn lại đang được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 344318, 328229, 325427, 395160 thuộc sở hữu của Công ty cổ phần kỹ thuật cao GENMEX và số 306143, 325304, 324205 thuộc sở hữu của Công ty cổ phần thương mại và sản xuất TOPMEX. Thực tiễn nhiều năm qua, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận tính pháp lý của "Thư chấp thuận" trong quá trình thẩm định, thẩm định lại hay xem xét khiếu nại liên quan đến đơn đăng ký nhãn hiệu. Rất nhiều nhãn hiệu tương tự được cấp GCNĐKNH sau khi được chủ nhãn hiệu đối chứng cho phép sử dụng và cam kết các bên. Do vậy, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận Bản cam kết chứng minh mối quan hệ và thỏa thuận sử dụng nhãn hiệu nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "TOMEX" tương tự về cấu trúc và cách phát âm với các nhãn hiệu đối chứng "TOMEC" và "TOPMEX" vì có 4/5 ký tự trùng nhau ở các vị trí tương ứng, từ đó cũng hình thành cách phát âm tương tự. Hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng trùng/tương tự nhau vì có cùng bản chất và/hoặc giữa chúng có mối liên quan với nhau về chức năng (hàng hóa mang nhãn hiệu đối chứng được cung cấp bởi dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký). Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc và cách phát âm, lại được đăng ký cho các hàng hóa/dịch vụ trùng/tương tự có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm các nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc;

- Người khiếu nại có giải trình về mối quan hệ giữa chủ sở hữu của nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng và bổ sung Bản cam kết về việc sử dụng nhãn hiệu giữa các bên. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật hiện hành, việc các chủ thể có liên kết tổ chức, hợp tác kinh doanh với nhau không đồng nghĩa với việc tự động có quyền sử dụng và đăng ký nhãn hiệu của nhau, nếu không có sự chuyển nhượng, thống nhất về cùng chủ sở hữu và ghi nhận tại Cục Sở hữu trí tuệ. Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận Bản cam kết mà người khiếu nại cung cấp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-31006 ngày 11/9/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 126051/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 28/12/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-31006 ngày 11/09/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần đầu tư TOPCOM có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư TOPCOM (qua Công ty TNHH GK & ASSOCIATES) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143874/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2024-00502 ngày 10/6/2024 của Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam; địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Sông Đà, số 131 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-41228 ngày 27/10/2021

theo Quyết định số 39842/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5025/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-41228 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 39842/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024 vì Chủ đơn không nộp đủ lệ phí cấp GCNĐKNH, phí công bố Quyết định cấp GCNĐKNH và phí đăng bạ theo quy định tại điểm 15.7.a.(iii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại khẳng định không nhận được bất kỳ văn bản hay email nào về việc yêu cầu nộp phí cho đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên. Do đó việc quá hạn nộp phí, lệ phí hoàn toàn do vô ý từ phía người khiếu nại. Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hủy bỏ Quyết định số 39842/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024, cung cấp hướng dẫn nộp bổ sung các khoản phí, lệ phí và thực hiện thủ tục cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-41228 ngày 27/10/2021.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí số 59841/SHTT-NH.IP ngày 11/9/2023 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người khiếu nại cam kết không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Người khiếu nại phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại và

đồng ý cho người khiếu nại nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-41228 ngày 27/10/2021.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-41228 ngày 27/10/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 39842/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-41228 ngày 27/10/2021.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-41228 ngày 27/10/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 59841/SHTT-NH.IP ngày 11/9/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí số 59841/SHTT-NH.IP ngày 11/9/2023

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143875/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2024-00503 ngày 10/6/2024 của Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam; địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Sông Đà, số 131 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-41229 ngày 27/10/2021

theo Quyết định số 39843/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5028/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-41229 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 39843/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024 vì Chủ đơn không nộp đủ lệ phí cấp GCNĐKNH, phí công bố Quyết định cấp GCNĐKNH và phí đăng bạ theo quy định tại điểm 15.7.a.(iii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Người khiếu nại khẳng định không nhận được bất kỳ văn bản hay email nào về việc yêu cầu nộp phí cho đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên. Do đó việc quá hạn nộp phí, lệ phí hoàn toàn do vô ý từ phía người khiếu nại. Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hủy bỏ Quyết định số 39843/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024, cung cấp hướng dẫn nộp bổ sung các khoản phí, lệ phí và thực hiện thủ tục cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-41229 ngày 27/10/2021.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí số 59896/SHTT-NH.IP ngày 11/9/2023 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người khiếu nại cam kết không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Người khiếu nại phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại và

đồng ý cho người khiếu nại nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-41229 ngày 27/10/2021.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-41229 ngày 27/10/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 39843/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-41229 ngày 27/10/2021.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2021-41229 ngày 27/10/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 59896/SHTT-NH.IP ngày 11/9/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí số 59896/SHTT-NH.IP ngày 11/9/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143876/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2022-00464 ngày 20/4/2022 của Công ty TNHH chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang; địa chỉ: Ấp Đông Hoà, Xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang; đại diện bởi: Công ty cổ phần PHANLAW VIETNAM; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký

nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-27626 ngày 24/7/2019 theo Quyết định số 5243/QĐ-SHTT ngày 20/01/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4828/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-27626 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 5243/QĐ-SHTT ngày 20/01/2022 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 30246/SHTT-NH ngày 22/7/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 634341.

Đại diện của chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-27626 (PHANLAW) đã nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 30246/SHTT-NH ngày 22/7/2021 nhưng do diễn biến phức tạp của bệnh dịch Covid-19 trong thời gian này đã gây gián đoạn thông tin liên lạc dẫn đến việc không kịp thời có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Đây là trở ngại khách quan không mong muốn, do đó đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Người nộp đơn gửi kèm theo đơn khiếu nại này là công văn số 174/PHANLAW/2022 ngày 20/4/2022 trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 30246/SHTT-NH ngày 22/7/2021 đã được chuyển phát thành công. Mặc dù người nộp đơn đã nhận được Thông báo nêu trên nhưng do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trong thời gian này dẫn đến sự gián đoạn thông tin liên lạc nên không có ý kiến trả lời đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2019-27626 ngày 24/7/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-27626 ngày 24/7/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 5243/QĐ-SHTT ngày 20/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-27626 ngày 24/07/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-27626 ngày 24/07/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang (qua Công ty cổ phần PHANLAW VIETNAM) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 30246/SHTT-NH ngày 22/7/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 30246/SHTT-NH ngày 22/7/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143877/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Ngô Xuân Tùng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2022-00495 ngày 25/4/2022 của Ông/Bà Ngô Xuân Tùng; địa chỉ: Thôn Đại Tự, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, điện thoại: 0779157999; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-35901 ngày 17/9/2019 theo Quyết định

số 6440/QĐ-SHTT ngày 24/01/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4895/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Ngô Xuân Tùng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-35901 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 6440/QĐ-SHTT ngày 24/01/2022 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39104/SHTT-NH ngày 05/10/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với một phần hàng hóa/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 324110, 394331, 345226.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39104/SHTT-NH ngày 05/10/2021 là vì Thông báo được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19 nên không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn xin loại bỏ phần hàng hóa/dịch vụ không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo Thông báo nêu trên và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối

hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39104/SHTT-NH ngày 05/10/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-35901 ngày 17/9/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-35901 ngày 17/9/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 6440/QĐ-SHTT ngày 24/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-35901 ngày 17/9/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-35901 ngày 17/9/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Ngô Xuân Tùng

có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39104/SHTT-NH ngày 05/10/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39104/SHTT-NH ngày 05/10/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143878/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn IFRES Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2022-00636 ngày 19/5/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn IFRES Việt Nam; địa chỉ: 11D, ngõ 678 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0984893239; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-

2019-30960 ngày 14/8/2019 theo Quyết định số 15090/QĐ-SHTT ngày 28/02/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4906/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn IFRES Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-30960 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 15090/QĐ-SHTT ngày 28/02/2022 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 40298/SHTT-NH ngày 06/10/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với một phần nhãn hiệu và hàng hóa/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 379130.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 40298/SHTT-NH ngày 06/10/2021 là vì Thông báo được chuyển phát trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch Covid-19 nên không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn xin loại bỏ phần hàng hóa/dịch vụ không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo Thông báo nêu trên và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý để người nộp đơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối

hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 40298/SHTT-NH ngày 06/10/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-30960 ngày 14/8/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-30960 ngày 14/8/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 15090/QĐ-SHTT ngày 28/02/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-30960 ngày 14/8/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-30960 ngày 14/8/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu

hạn IFRES Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 40298/SHTT-NH ngày 06/10/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 40298/SHTT-NH ngày 06/10/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143879/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Thị Nhượng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2022-00643 ngày 20/5/2022 của Ông/Bà Vũ Thị Nhượng; địa chỉ: Thôn Tân Phúc, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0969795038; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-47056 ngày 21/11/2019 theo Quyết

định số 13670/QĐ-SHTT ngày 22/02/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4908/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Thị Nhượng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-47056 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 13670/QĐ-SHTT ngày 22/02/2022 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 48613/SHTT-NH ngày 29/10/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 43960, 46564, 87636, 262852.

Người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 48613/SHTT-NH ngày 29/10/2021 nên không có thông tin cần thiết để có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cho phép được tiếp tục trả lời Thông báo nêu trên đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-47056 ngày 21/11/2019.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm

việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 48613/SHTT-NH ngày 29/10/2021 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên đã không có ý kiến trả lời theo đúng thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-47056 ngày 21/11/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-47056 ngày 21/11/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 13670/QĐ-SHTT ngày 22/02/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-47056 ngày 21/11/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-47056 ngày 21/11/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Thị Nhượng có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký

Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 48613/SHTT-NH ngày 29/10/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 48613/SHTT-NH ngày 29/10/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143880/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Trang Hà
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2022-00652 ngày 20/5/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Trang Hà; địa chỉ: 91 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0917278587; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-30150 ngày 08/8/2019 theo Quyết định số 13647/QĐ-SHTT ngày 22/02/2022;

NAT779

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4945/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Trang Hà với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-30150 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 13647/QĐ-SHTT ngày 22/02/2022 vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 46311/SHTT-NH ngày 25/10/2021 về việc đơn đăng ký nhãn hiệu nêu trên bị từ chối đối với toàn bộ nhãn hiệu và hàng hóa/dịch vụ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 26926.

Ngày 12/11/2021, người nộp đơn nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 46311/SHTT-NH ngày 25/10/2021. Ngày 24/01/2022, người nộp đơn đã gửi công văn 01/22/CV-TH phản hồi Thông báo nêu trên đến Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bưu điện và được ghi nhận chuyển phát thành công vào sáng ngày 25/01/2022 theo đúng thời hạn quy định (03 tháng kể từ ngày 25/10/2021). Do đó, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-30150 ngày 08/8/2019.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Cục Sở hữu trí tuệ đã kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại với các đơn vị liên quan và rà soạt hệ thống quản trị đơn không ghi nhận bất kỳ công văn phản hồi nào từ người nộp đơn. Tuy nhiên, xác định thời gian chuyển phát công văn của người nộp đơn có thể do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã gây gián đoạn công tác văn thư, dẫn đến việc thất lạc công văn. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-30150 ngày 08/8/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2019-30150 ngày 08/8/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 13647/QĐ-SHTT ngày 22/02/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-30150 ngày 08/8/2019.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-30150 ngày 08/8/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu

hạn Trang Hà có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 46311/SHTT-NH ngày 25/10/2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 46311/SHTT-NH ngày 25/10/2021.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143881/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2019-00708 ngày 11/11/2019 của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-33347 ngày 26/11/2015 theo

Quyết định số 67732/QĐ-SHTT ngày 13/8/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5072/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FRESH 2 GO, hình" đăng ký theo đơn số 4-2015-33347 ngày 26/11/2015 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "2go" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 150965, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Ngày 29/11/2018, Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 45722/SHTT-NH về việc nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-33347 bị từ chối đối với một phần hàng hóa/dịch vụ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "2go" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 150965;

- Ngày 01/02/2019, chủ đơn đã nộp công văn phúc đáp số MF274/VN45/BND đề nghị không lấy nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 150965 làm đối chứng vì chủ đơn đang thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150965 trên cơ sở không được chủ sở hữu sử dụng trong thời hạn 5 năm liên tục. Trong cùng ngày, chủ đơn đã nộp hồ sơ số ĐN1-2019-00033 yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150965 ngày cấp 10/8/2010;

- Ngày 31/7/2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 3678/QĐ-SHTT về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 150965, theo đó nhãn hiệu đối chứng "2go" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 150965 sẽ bị chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 31/7/2019;

- Ngày 13/8/2019, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 67732/QĐ-SHTT về việc từ chối cấp GCNĐKNH đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-33347 với lý do tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu này vào ngày 26/11/2015 thì nhãn hiệu đối chứng "2go" theo GCNĐKNH số 150965 vẫn còn hiệu lực.

Việc Cục Sở hữu trí tuệ áp dụng thời điểm đánh giá hiệu lực của GCNĐKNH bị chấm dứt hiệu lực vì lý do không được chủ sở hữu sử dụng trong thời hạn 5 năm liên tục tại thời điểm nộp đơn thay vì tại thời điểm thẩm định là không phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời, thực tiễn nhiều năm qua, Cục

Sở hữu trí tuệ đã áp dụng đánh giá hiệu lực của GCNĐKNH tại thời điểm thẩm định nội dung và rất nhiều trường hợp đã được cấp GCNĐKNH sau khi nhãn hiệu đối chứng bị chấm dứt hiệu lực vì lý do không được chủ sở hữu sử dụng trong thời hạn 5 năm liên tục. Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại Quyết định số 67732/QĐ-SHTT ngày 13/8/2019 và chấp thuận cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-33347.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 67732/QĐ-SHTT ngày 13/8/2019 về việc bị từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-33347 thì nhãn hiệu đối chứng "2go" theo GCNĐKNH số 150965 đã có Quyết định số 3678/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019 về việc chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH vì lý do nhãn hiệu không được chủ sở hữu sử dụng trong thời hạn 5 năm liên tục và không có khiếu nại theo quy định. Do đó, nhãn hiệu đối chứng "2go" theo GCNĐKNH số 150965 không còn là đối chứng để từ chối đối với nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-33347 ngày 26/11/2015.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-33347 ngày 26/11/2015, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 67732/QĐ-SHTT ngày 13/8/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-33347 ngày 26/11/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2015-33347 ngày 26/11/2015, không bảo hộ riêng "FRESH", "2".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (qua Công ty TNHH Dương và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143883/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00130 ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam); địa chỉ: Số 16 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-52036 theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5066/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "seamaster paint AIDA Architectural Interior Design All weather paint INTERIOR WALL SEALER Sơn Lót Nội Thất Cao Cấp, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 22657 và 204152 như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 do đã nộp yêu cầu gia hạn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung ngày 12/01/2024 trước thời điểm Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP được ban hành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023 ấn định thời hạn trả lời là trong vòng 03 tháng kể từ ngày ra thông

báo. Người nộp đơn nộp yêu cầu gia hạn vào ngày 12/01/2024, tức là muộn hơn so với thời hạn ấn định (25/12/2023) và không hợp lệ. Do đó, nội dung khiếu nại là không có cơ sở để chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143883/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00130 ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam); địa chỉ: Số 16 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-52036 theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5066/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "seamaster paint AIDA Architectural Interior Design All weather paint INTERIOR WALL SEALER Sơn Lót Nội Thất Cao Cấp, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 22657 và 204152 như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 do đã nộp yêu cầu gia hạn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung ngày 12/01/2024 trước thời điểm Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP được ban hành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023 ấn định thời hạn trả lời là trong vòng 03 tháng kể từ ngày ra thông

báo. Người nộp đơn nộp yêu cầu gia hạn vào ngày 12/01/2024, tức là muộn hơn so với thời hạn ấn định (25/12/2023) và không hợp lệ. Do đó, nội dung khiếu nại là không có cơ sở để chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143883/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00130 ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam); địa chỉ: Số 16 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-52036 theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5066/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "seamaster paint AIDA Architectural Interior Design All weather paint INTERIOR WALL SEALER Sơn Lót Nội Thất Cao Cấp, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 22657 và 204152 như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 do đã nộp yêu cầu gia hạn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung ngày 12/01/2024 trước thời điểm Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP được ban hành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023 ấn định thời hạn trả lời là trong vòng 03 tháng kể từ ngày ra thông

báo. Người nộp đơn nộp yêu cầu gia hạn vào ngày 12/01/2024, tức là muộn hơn so với thời hạn ấn định (25/12/2023) và không hợp lệ. Do đó, nội dung khiếu nại là không có cơ sở để chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143883/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00130 ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam); địa chỉ: Số 16 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-52036 theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5066/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "seamaster paint AIDA Architectural Interior Design All weather paint INTERIOR WALL SEALER Sơn Lót Nội Thất Cao Cấp, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 22657 và 204152 như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 do đã nộp yêu cầu gia hạn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung ngày 12/01/2024 trước thời điểm Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP được ban hành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023 ấn định thời hạn trả lời là trong vòng 03 tháng kể từ ngày ra thông

báo. Người nộp đơn nộp yêu cầu gia hạn vào ngày 12/01/2024, tức là muộn hơn so với thời hạn ấn định (25/12/2023) và không hợp lệ. Do đó, nội dung khiếu nại là không có cơ sở để chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143883/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00130 ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam); địa chỉ: Số 16 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-52036 theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5066/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "seamaster paint AIDA Architectural Interior Design All weather paint INTERIOR WALL SEALER Sơn Lót Nội Thất Cao Cấp, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 22657 và 204152 như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 do đã nộp yêu cầu gia hạn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung ngày 12/01/2024 trước thời điểm Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP được ban hành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66888/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023 ấn định thời hạn trả lời là trong vòng 03 tháng kể từ ngày ra thông

báo. Người nộp đơn nộp yêu cầu gia hạn vào ngày 12/01/2024, tức là muộn hơn so với thời hạn ấn định (25/12/2023) và không hợp lệ. Do đó, nội dung khiếu nại là không có cơ sở để chấp nhận.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 12125/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52036 ngày 20/12/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam) (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143887/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Colorland
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2019-00570 ngày 09/10/2019 của Công ty TNHH Colorland; địa chỉ: 104/19 Hồ Biểu Chánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-03528 ngày 22/02/2017 theo Quyết định số 82293/QĐ-SHTT ngày 23/9/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5061/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Colorland với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Colorland Live up in Colours, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-03528 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 82293/QĐ-SHTT ngày 23/9/2019, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 107497 (nhãn hiệu đối chứng) như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 31082/SHTT-NH ngày 04/6/2019, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Người nộp đơn khẳng định đã có công văn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung, gửi qua EMS Việt Nam (số vận đơn EP708177904VN) đến địa chỉ của Cục và đã có người ký nhận ("hoai") vào ngày 14/6/2019, trước khi thời hạn kết thúc và nộp kèm bản sao công văn trả lời (đề ngày 1306/2019) và bằng chứng gửi thư thành công.

- Trong công văn, Chủ đơn cũng thông báo đã nộp đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng, do nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng liên tục trong 5 năm (từ 25/03/2014). Tài liệu kèm theo gồm văn bản xác nhận từ Tạp chí Bản tin thị trường (Bộ Tài chính) và trang 1 tờ khai đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực (ĐN1-2019-00097).

- Người nộp đơn đề nghị xem xét lại việc từ chối cấp văn bằng, căn cứ vào việc đã phản hồi Thông báo đúng hạn qua chuyển phát nhanh và đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực của nhãn hiệu đối chứng đang được xem xét.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định*: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15*

ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Người nộp đơn đã nộp công văn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 31082/SHTT-NH ngày 04/6/2019 trong thời hạn quy định, thể hiện qua chứng từ gửi thư chuyển phát nhanh số EP708177904VN của Tổng Công ty chuyển phát nhanh Bưu điện EMS Việt Nam, được ký nhận ngày 14/6/2019.

- Nội dung công văn trả lời cũng thể hiện rằng người nộp đơn đã chủ động đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng (theo đơn số ĐN1-2019-00097, nộp ngày 10/4/2019), do nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng liên tục trong thời hạn 5 năm tính đến thời điểm yêu cầu. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến căn cứ từ chối đơn đăng ký.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2017-03528 ngày 22/02/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 82293/QĐ-SHTT ngày 23/9/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2017-03528 ngày 22/02/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-03528 ngày 22/02/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Colorland (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143888/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sơn Seamaster (Việt Nam)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00132 ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH sơn Seamaster (Việt Nam); địa chỉ: Số 16 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-52038 theo Quyết định số 12145/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5057/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sơn Seamaster (Việt Nam) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "seamaster paint AIDA Architectural Interior Design All weather paint EASY TO CLEAN INTERIOR PAINT Sơn Nội Thất Cao Cấp, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52038 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 12145/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 22657 và 204152 như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66912/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định số 12145/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 do đã nộp yêu cầu gia hạn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung ngày 12/01/2024 trước thời điểm Quyết định số 12145/QĐ-SHTT.IP được ban hành.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 66912/SHTT-NH.IP ngày 25/9/2023 ấn định thời hạn trả lời là trong vòng 03 tháng kể từ ngày ra thông

báo. Người nộp đơn nộp yêu cầu gia hạn vào ngày 12/01/2024, tức là muộn hơn so với thời hạn ấn định (25/12/2023) và không hợp lệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 15.7.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-52038 ngày 20/12/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 12145/QĐ-SHTT.IP ngày 31/01/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-52038 ngày 20/12/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sơn Seamaster (Việt Nam) có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sơn Seamaster (Việt Nam) (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143889/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Mã Trung Thắng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023;

DAD778

Xét đơn số KN4-2023-00479 ngày 31/8/2023 của Ông/Bà Mã Trung Thắng; địa chỉ: 9 Ngõ 182 Bạch Đằng, phường Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-46277 theo Quyết định số 38290/QĐ-SHTT.IP ngày 01/6/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5048/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Mã Trung Thắng với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu /ESIR STUDIOS theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-46277 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 38290/QĐ-SHTT.IP ngày 01/6/2023, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 1076973 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt rõ ràng với nhãn hiệu đối chứng "YESIR" vì:

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký là "AESIR", tuy được cách điệu có thể khiến người tiêu dùng đọc nhầm thành "I-ESIR", nhưng dù hiểu theo cách nào ("AESIR" hay "I-ESIR") thì cấu trúc "I-ESIR" rõ ràng được chia thành 2 phần bởi dấu gạch nối: "I" và "ESIR". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "YESIR" có cấu trúc liền mạch, không có yếu tố phân chia.

- Về phát âm: Nhãn hiệu đăng ký "I-ESIR" được phát âm thành 3 âm tiết "I – E – Sir", tách biệt nhờ dấu gạch nối. Ngược lại, "YESIR" trong tiếng Anh thường được phát âm liền mạch, thành "Jes-sir", do chữ "Y" đứng đầu đóng vai trò như một phụ âm, phát âm là "j", nối với nguyên âm "E" tạo thành âm "Je".

- Về ý nghĩa: "YESIR" là một từ ngữ có tính sáng tạo (rút gọn từ "Yes Sir"), mang ý nghĩa "Vâng, thưa ngài" – là một câu giao tiếp thông dụng trong tiếng Anh, gây ấn tượng về thái độ kính trọng, phục tùng. "I-ESIR/AESIR" không mang ý nghĩa giao tiếp tương tự, và không dễ gợi liên tưởng đến thông điệp cụ thể như YESIR.

- Về hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đăng ký "I-ESIR" sử dụng cách điệu chữ cái và dấu gạch nối, tạo nên điểm nhấn thị giác rõ ràng. Cách thể hiện này giúp nhãn hiệu tạo ấn tượng riêng, tăng khả năng ghi nhớ và tránh gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng YESIR, vốn được thể hiện liền mạch, đơn giản hơn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký*

được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký /ESIR STUDIOS bao gồm hai phần chữ được trình bày tách biết, trong đó phần chữ /ESIR được viết hoa, cỡ lớn, in đậm và nổi bật trong tổng thể cấu trúc, là thành phần chính tạo khả năng phân biệt. Phần chữ này trùng 4/5 ký tự ("E/S/I/R"), tại đúng vị trí và trật tự tương ứng với phần chữ "YESIR" của nhãn hiệu đối chứng. Sự khác biệt duy nhất ở ký tự đầu "/" so với "Y", trong đó ký tự đầu "/" được cách điệu khó xác định rõ là chữ cái, ký tự gì, nên không tạo được ấn tượng thị giác rõ ràng, có thể bị người tiêu dùng bỏ qua. Do đó, ký tự này được xem là thành phần yếu trong tổng thể cấu trúc.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đăng ký cho các sản phẩm trùng hoặc tương tự thuộc nhóm 25.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, đồng thời đăng ký cho sản phẩm trùng hoặc tương tự nhau, có thể nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-46277 ngày 06/11/2020 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 38290/QĐ-SHTT.IP ngày 01/6/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-46277 ngày 06/11/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Mã Trung Thắng có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Mã Trung Thắng (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143890/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Chung Duy Sâm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00799 ngày 23/8/2024 của Ông/Bà Chung Duy Sâm; địa chỉ: 29 Lý Đạo Thành, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; đại diện bởi: CÔNG TY LUẬT TNHH LEGOS; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-42835 theo Quyết định số 79201/QĐ-SHTT.IP ngày 28/6/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5029/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Chung Duy Sâm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TOPCAR" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-42835 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo 79201/QĐ-SHTT.IP ngày 28/6/2024, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do nhãn hiệu mang tính mô tả chất lượng các mặt hàng dịch vụ trong đơn đăng ký.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Quyết định từ chối có nhận định, kết luận không phù hợp với các tình tiết, chứng cứ của vụ việc. Cụ thể, nhãn hiệu "TOPCAR" là một từ tự đặt, không có nghĩa trong bất kỳ ngôn ngữ nào, do đó mang tính phân biệt tự thân và không phải là dấu hiệu mô tả hàng hóa hay dịch vụ. Việc đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu cần được thực hiện trên tổng thể dấu hiệu chứ không nên chia tách từng thành phần để xem xét riêng biệt. Mặc dù từ "TOP" trong tiếng Anh có nhiều nghĩa như "đỉnh", "mui", "nắp", "đứng đầu", nhưng cụm "TOPCAR" không phải là cách diễn đạt thông dụng hay có ý nghĩa mô tả trong ngành ô tô. Người bản ngữ không sử dụng "TOPCAR" để nói về ô tô chất lượng cao mà sẽ dùng những cụm phổ biến hơn như "good car", "fast car" hay "best car". Do đó, "TOPCAR" cần được hiểu là một từ sáng tạo do người nộp đơn đặt ra, mang tính phân biệt cao và đủ điều kiện bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu.

- Người nộp đơn còn dẫn chứng một số nhãn hiệu đã được bảo hộ trước đó để đề nghị xem xét dấu hiệu đăng ký cũng cần được hiểu là một từ tự đặt, không có nghĩa, có khả năng tự phân biệt cao và không vi phạm các quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Nhãn hiệu đăng ký "TOPCAR" được viết liền thành một từ nhưng dễ dàng được người tiêu dùng nhận biết và hiểu theo nghĩa tiếng Việt là "xe hàng đầu", mang tính mô tả về chất lượng của sản phẩm được cung cấp bởi dịch

vụ thuộc nhóm 35 trong đơn đăng ký. Do đó không khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

2.2. Các dẫn chứng của người khiếu nại có tính tham khảo, không thuộc phạm vi xem xét của đơn khiếu nại này.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sờ hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-42835 ngày 04/11/2021 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 79201/QĐ-SHTT.IP ngày 28/6/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-42835 ngày 04/11/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Chung Duy Sâm có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Chung Duy Sâm (qua CÔNG TY LUẬT TNHH LEGOS) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143891/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Chung Duy Sâm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00800 ngày 23/8/2024 của Ông/Bà Chung Duy Sâm; địa chỉ: 29 Lý Đạo Thành, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa , Việt Nam; đại diện bởi: CÔNG TY LUẬT TNHH LEGOS; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-47314 theo Quyết định số 72475/QĐ-SHTT.IP ngày 18/6/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5008/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Chung Duy Sâm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "AIWAYS" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-47314 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 72475/QĐ-SHTT.IP ngày 18/6/2024, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 42654 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký "AIWAYS" khác biệt rõ rệt với nhãn hiệu đối chứng "ALWAYS, hình" về các yếu tố sau:

- Cấu trúc: "AIWAYS" là từ tự đặt, không có nghĩa; nhãn hiệu trước bao gồm phần chữ và hình cách điệu, từ có nghĩa "LUÔN LUÔN".

- Cách phát âm: "AIWAYS" gồm 4 âm tiết /ei'ai-weiz/, trong khi "ALWAYS" gồm 2 âm tiết /'o:l.weiz/.

- Ấn tượng thị giác và tổng thể: "AIWAYS" dùng phông chữ thường, tự đặt, trong khi nhãn hiệu trước có phần hình và chữ cách điệu.

- Danh mục sản phẩm: "AIWAYS" đăng ký nhóm 12 gồm xe cộ và phụ tùng; nhãn hiệu trước đăng ký cho nhóm 12 gồm xe đạp.

Ngoài ra, chữ cái "i" và "l" chỉ được coi là tương tự trong những trường hợp đặc biệt, không áp dụng cho nhãn hiệu "AIWAYS" và "ALWAYS" vì khác nhau về phông chữ và vị trí chữ cái. Do khác biệt về cách phát âm, ý nghĩa, cách trình bày và ấn tượng tổng thể, cùng với sự khác biệt về nhóm sản phẩm, khả năng nhầm lẫn của người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm là không thể xảy ra.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "AIWAYS" trùng 5/6 ký tự tại các vị trí tương ứng trong phần chữ "ALWAYS", thành phần chủ yếu tạo khả năng phân biệt, của nhãn hiệu đối chứng. Sự khác biệt nằm ở ký tự thứ hai ("I" và "L"), tuy nhiên các phần chữ này đều được thể hiện dưới dạng chuỗi ký tự đơn, có độ dài và bố cục tương đồng không có yếu tố cách điệu, do đó xét về tổng thể, hai nhãn hiệu có mức độ tương đồng cao về cấu tạo, cách thể hiện và ấn tượng thị giác.

- Về dịch vụ, hàng hóa mang nhãn hiệu: Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm thuộc nhóm 12 bao gồm xe cộ, phương tiện giao thông và bộ phận, phụ tùng của chúng. Nhóm sản phẩm này trùng hoặc tương tự với xe đạp thuộc nhóm đăng ký của nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu tạo, cách thể hiện và ấn tượng thị giác, đồng thời đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự nhau, có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-47314 ngày 30/11/2021 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 72475/QĐ-SHTT.IP ngày 18/6/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-47314 ngày 30/11/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Chung Duy Sâm có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Chung Duy Sâm (qua CÔNG TY LUẬT TNHH LEGOS) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143892/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Tập đoàn PAN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2022-00450 ngày 18/4/2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn PAN; địa chỉ: Lô A1-9, đường VL3, khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH SIPCO; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-04654 theo Quyết định số 4314/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5022/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Tập đoàn PAN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "THE PAN GROUP, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-04654 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 4314/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 80794 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt về mặt cấu tạo, ngữ nghĩa và phát âm của nhãn hiệu.

- Về cấu tạo: Nhãn hiệu "The PAN Group" bao gồm phần hình lớn và phần chữ "THE PAN GROUP" in hoa, màu xanh lá, sắp xếp ngang hàng và tách biệt. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng có chữ "PAN" màu đỏ, font khác, đặt trên chữ "PIZZA" màu đen. Hai nhãn hiệu có cấu trúc, màu sắc và trật tự thể hiện hoàn toàn khác biệt.

- Về ngữ nghĩa: "The PAN Group" mang ý nghĩa "một nhóm" trong tiếng Anh, trong đó "PAN" là tên thương mại của chủ đơn. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng dùng từ "PAN" (nghĩa là cái chảo) và "PIZZA" (một loại bánh phổ biến). Như vậy, về ngữ nghĩa, hai nhãn hiệu không liên quan và không gây nhầm lẫn.

- Về phát âm: "The PAN Group" có 4 âm tiết, trong khi "PAN PIZZA" chỉ có 3 âm tiết. Cách phát âm khác biệt rõ ràng.

- Về ấn tượng tổng thể: Phần hình trong nhãn hiệu "The PAN Group" góp phần tăng khả năng phân biệt, tạo khác biệt mạnh so với nhãn hiệu đối chứng.

- Khảo sát thực tế: Chủ đơn đã khảo sát 100 người tiêu dùng và kết quả cho thấy 100% có khả năng phân biệt rõ giữa hai nhãn hiệu, không xảy ra nhầm lẫn.

(ii) Tính phân biệt sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu đăng ký.

- Đối với sản phẩm thuộc nhóm 30: Nhãn hiệu "The PAN Group" được đăng ký cho các sản phẩm như gia vị, bột và chế phẩm từ ngũ cốc, là hàng hóa mang tính nông sản (ví dụ: gạo, gia vị) - hoàn toàn khác biệt với sản phẩm bánh pizza mang nhãn hiệu đối chứng. Ngoài ra, Chủ đơn viện dẫn một số trường hợp tương tự đã được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ cho các nhãn hiệu trùng nhau trong cùng nhóm hàng hóa nhưng sản phẩm khác biệt rõ (ví dụ: nhãn hiệu "HỒNG PHƯỚC" cho bột năng và kẹo dừa cùng nhóm 30; "LILAC" cho sản

phẩm vệ sinh và dược phẩm cùng nhóm 5). Điều này cho thấy việc đánh giá tính tương tự cần dựa trên bản chất hàng hóa cụ thể, không chỉ đơn thuần là nhóm phân loại.

- Đối với dịch vụ thuộc nhóm 35: Chủ đơn đăng ký dịch vụ "kinh doanh siêu thị" trong nhóm 35. Theo hướng dẫn tại Thông báo số 23099/TB-SHTT, dịch vụ nhóm 35 bao gồm các hoạt động tập hợp, trưng bày và phân phối hàng hóa vì lợi ích của khách hàng, hoàn toàn khác với hoạt động sản xuất hoặc mua bán hàng hóa thông thường. Do đó, việc coi dịch vụ kinh doanh siêu thị là tương tự với mọi hàng hóa trong 34 nhóm còn lại sẽ làm hạn chế nghiêm trọng khả năng đăng ký nhãn hiệu cho dịch vụ nhóm 35, đi ngược lại nguyên tắc phân loại độc lập giữa hàng hóa và dịch vụ trong hệ thống Ni-xơ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "THE PAN GROUP, hình" bao gồm phần hình và phần chữ được trình bày tách biệt, trong đó phần chữ "THE PAN GROUP" được thể hiện bằng chữ in hoa, rõ ràng, dễ đọc, là thành phần chủ yếu tạo khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Trong phần chữ này, từ "PAN" tương tự về cấu trúc từ ngữ và cách đọc với từ "PAN" - yếu tố chính tạo khả năng phân biệt, trong nhãn hiệu đối chứng.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Sản phẩm "gia vị" thuộc nhóm 30 của nhãn hiệu đăng ký tương tự với "nước xốt cho bánh pizza" của nhãn hiệu đối chứng vì về bản chất đều là các loại gia vị dùng để tăng hương vị cho món ăn. "Bột nhào làm bánh pizza" có thể có nguồn gốc từ ngũ cốc, do đó tương tự với "bột; chế phẩm từ ngũ cốc" của nhãn hiệu đăng ký. Dịch vụ "kinh doanh siêu thị, cụ thể là bán buôn, bán lẻ lương thực, thực phẩm" cũng bị xem là có liên quan trực tiếp đến nhóm hàng hóa nêu trên vì bao gồm việc phân phối, cung cấp chúng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc từ ngữ và cách đọc, đồng thời đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự nhau, có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-04654 ngày 13/8/2015 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 4314/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-04654 ngày 13/8/2015.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Tập đoàn PAN có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Tập đoàn PAN (qua Công ty Luật TNHH SIPCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143893/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của KEEEPER GmbH
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-01095 ngày 11/10/2017 của KEEEPER GmbH; địa chỉ: Postdamm 43, 32351 Stemwede-Oppenwehe, Germany; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1303730 theo Thông báo số 2016/29 NTH04 ngày 12/6/2017;

DAD778

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4962/BC-

TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của KEEEPER GmbH với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "keeeper keep on keeping" theo đơn quốc tế số 1303730 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/29 NTH04 ngày 12/6/2017, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 139384 (nhãn hiệu đối chứng) đối với nhóm sản phẩm "dụng cụ gia đình hoặc nhà bếp" ("Household or kitchen utensils") thuộc nhóm 21.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đã nộp đơn tới Văn phòng quốc tế xin ghi nhận giới hạn sản phẩm của nhóm 21 trong danh mục hàng hoá của nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam. Cụ thể, sản phẩm "dụng cụ gia đình hoặc nhà bếp" nêu trên được giới hạn để không bao gồm các sản phẩm "giẻ lau, khăn lau để làm sạch, cây lau nhà, nùi bằng kim loại để lau chùi, mảnh vụn len dùng để lau, giấy lau" cho nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Hiện tại, cơ sở dữ liệu đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo hệ thống Madrid của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) thể hiện việc giới hạn danh mục sản phẩm theo đơn quốc tế số 1303730 đã được ghi nhận. Tuy nhiên, danh mục sau khi giới hạn vẫn bao gồm nhóm sản phẩm "dụng cụ gia đình hoặc nhà bếp" ("Household or kitchen utensils"), trùng hoặc tương tự với các sản phẩm được bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng tại Việt Nam.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1303730 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/29 NTH04 ngày 12/6/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1303730.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, KEEEPER GmbH có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KEEEPER GmbH (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143894/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Sjoklaedagerdin hf.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00425 ngày 07/4/2017 của Sjoklaedagerdin hf.; địa chỉ: Midhrauni 11, IS-210 Gardabae Iceland; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1278650 theo Thông báo số 2015/49 TDH05 ngày 09/12/2016;

DAD778

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4812/BC-

TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Sjoklaedagerdin hf. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "66° NORTH" theo đơn quốc tế số 1278650 ngày 28/5/2015 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/49 TDH05 ngày 09/12/2016, căn cứ điểm a, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do không có tính phân biệt, tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 733922 (nhãn hiệu đối chứng 1) và 1069703 (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Ngày 07/4/2014, trong đơn khiếu nại số KN5-2017-00425, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu đăng ký đáp ứng tính phân biệt về mặt tổng thể với lý do sau:

- Sự phổ biến của yếu tố 66° NORTH và nhãn hiệu đăng ký: 66° NORTH là thương hiệu trang phục ngoài trời lâu đời của Iceland, thành lập năm 1926 với mục tiêu sản xuất quần áo bảo hộ cho ngư dân. Lấy tên từ vĩ tuyến nơi công ty ra đời, 66° NORTH dần mở rộng sang trang phục chức năng cho mọi hoạt động ngoài trời. Hiện nay, với khoảng 200 cửa hàng toàn cầu, 66° NORTH được biết đến rộng rãi như một nhãn hiệu nổi bật trong lĩnh vực trang phục bảo hộ và ngoài trời. Ngoài ra, nhãn hiệu 66° NORTH là sự kết hợp giữa yếu tố chữ và hình, với số 66 cách điệu màu trắng trên nền đen hình vuông, bên dưới là chữ "NORTH" in đậm. Thiết kế này tạo nên dấu hiệu độc đáo, có tính sáng tạo, không đơn giản. Dấu hiệu đã được sử dụng rộng rãi trên các sản phẩm và được người tiêu dùng toàn cầu nhận biết như một nhãn hiệu, qua đó thể hiện rõ khả năng phân biệt. Hiện tại, người nộp đơn đang thu thập thêm tài liệu chứng minh việc sử dụng phổ biến của nhãn hiệu và sẽ sớm gửi bổ sung.

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Cụ thể, nhãn hiệu đăng ký gồm số 66 cách điệu màu trắng trên nền đen hình vuông, bên dưới là chữ NORTH in hoa màu đen. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng 1 gồm hai từ NORTHLAND và PROFESSIONAL in hoa trên hai dòng, đặt trong hình chữ nhật nền đen chia hai nửa đỏ - đen; và nhãn hiệu đối chứng 2 chỉ gồm chữ in hoa, là sự kết hợp hai từ với 21 ký tự, mang nghĩa "miền bắc chuyên nghiệp". Xét tổng thể, với sự khác biệt về yếu tố hình, bố cục và cách thể hiện có thể phân biệt được. Hiện người nộp đơn đang xin thư đồng tồn tại từ chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng và sẽ sớm bổ sung.

(ii) Ngày 22/6/2018, người nộp đơn bổ sung các tài liệu chứng minh việc sử dụng phổ biến của nhãn hiệu đăng ký trên thế giới.

- 66°NORTH, thành lập năm 1926 tại vùng Súgandafjörður gần vĩ tuyến 66° Bắc, là thương hiệu trang phục ngoài trời lâu đời của Iceland. Khởi đầu với trang phục bảo hộ cho ngư dân, công ty đã mở rộng sang các sản phẩm

chức năng cho hoạt động ngoài trời. Với khẩu hiệu "Keeping Iceland warm since 1926", 66°NORTH đồng hành cùng đội cứu hộ Iceland từ năm 1928 và nổi bật với mẫu áo Snaefell Jacket từng đoạt giải. Thương hiệu được người tiêu dùng Iceland ưa chuộng và được Wall Street Journal gọi là "trang phục thực tế của nước Iceland".

- Nhãn hiệu NORTH đã được đăng ký bảo hộ tại hơn 20 quốc gia và được sử dụng rộng rãi tại hơn 200 quốc gia. Việc tra cứu từ khóa "66 North" trên Google cho ra hơn 577 triệu kết quả, cho thấy mức độ phổ biến toàn cầu. Thương hiệu hiện có cửa hàng tại hơn 200 quốc gia, được quảng bá rộng rãi qua các kênh truyền thông, tạp chí, bộ sưu tập quốc tế và đạt nhiều giải thưởng như Scandinavian Outdoor Award, ISPO Award (Phụ lục 2-6). Nhờ việc sử dụng rộng khắp, nhãn hiệu NORTH đã đạt được tính phân biệt thông qua sử dụng và được người tiêu dùng quốc tế công nhận.

- Ngoài ra, người nộp đơn còn đề cập đến việc không tiếp tục theo đuổi thư đồng tồn tại với chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng, và đề nghị đánh giá tính phân biệt của nhãn hiệu NORTH trên cơ sở mức độ sử dụng phổ biến và sự công nhận từ người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn*".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế*".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Sau khi xem xét luận điểm của người nộp đơn về tính phân biệt của nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Xét về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký **NORTH** "66° NORTH" là sự kết hợp giữa yếu tố hình và yếu tố chữ, trong đó yếu tố hình bao gồm chữ số "66" và ký hiệu "°" được đặt trong một khung hình chữ nhật, là những dấu hiệu hình học đơn giản và ký hiệu cơ bản. Phần chữ "NORTH" được trình bày tách biệt khỏi phần hình, in hoa, rõ ràng và tương tự với phần chữ "NORTHLAND", là thành phần tạo ra khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối chứng, về ý nghĩa vì cùng gợi đến khu vực địa lý phía Bắc.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký thuộc các nhóm 18, 20 và 25 trùng hoặc tương tự với hàng hóa mang các nhãn hiệu đối chứng thuộc các nhóm tương ứng.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc và ý nghĩa, đồng thời đăng ký cho nhóm hàng hóa trùng hoặc tương tự nhau. Do đó, có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

7.2. Về mức độ sử dụng phổ biến và sự công nhận từ người tiêu dùng

Mặc dù người nộp đơn có cung cấp một số tài liệu thể hiện việc sử dụng và sự phổ biến của nhãn hiệu "66° NORTH" trên thế giới, tuy nhiên các tài liệu này chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN về dấu hiệu đã và đang được sử dụng với chức năng nhãn hiệu và được người tiêu dùng biết đến một cách rộng rãi và nhờ đó nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan. Cụ thể, thiếu các tài liệu chứng minh về hoạt động thương mại hợp pháp tại Việt Nam bao gồm thời gian và phạm vi bắt đầu sử dụng nhãn hiệu tại Việt Nam, dữ liệu doanh thu cụ thể, mức đầu tư cho hoạt động quảng cáo, tiếp thị hoặc các hoạt động thương mại khác liên quan đến nhãn hiệu "66° NORTH" tại Việt Nam, cũng như bằng chứng bao gồm khảo sát hoặc số liệu thể hiện sự công nhận của người tiêu dùng. Do đó, căn cứ theo quy định nêu trên, chưa đủ cơ sở để khẳng định rằng nhãn hiệu đã đạt được khả năng phân biệt thông qua mức độ sử dụng phổ biến và sự công nhận từ người tiêu dùng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ và điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1278650 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/49 TDH05 ngày 09/12/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1278650.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Sjoklaedagerdin hf. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Sjoklaedagerdin hf. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143895/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH cà phê robusta Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2022-00153 ngày 17/02/2022 của Công ty TNHH cà phê robusta Việt Nam; địa chỉ: 224/42/20/27A đường Thạnh Xuân 22, phường Thạnh Xuân, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-43278 theo Quyết định số 4242/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4978/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH cà phê robusta Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "ROVINA" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-43278 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 4242/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 138906 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đối chứng đã không được sử dụng cho lĩnh vực cà phê từ rất lâu. Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cũng đã đóng mã số thuế ngày 15/9/2014. Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng hết hạn hiệu lực từ ngày 06/5/2018, tuy nhiên người nộp đơn đã không thể tiến hành nộp đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ vì chỉ biết được thông tin về văn bằng cho đến thời điểm nhận được kết quả thẩm định nội dung.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các lập luận của người khiếu nại, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn nhiệu: Nhãn hiệu đăng ký "ROVINA" bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "ROVINA", đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự.

- Về lập luận của người khiếu nại: Người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu đối chứng không còn được sử dụng trong lĩnh vực cà phê từ lâu, Chủ sở hữu đã đóng mã số thuế từ ngày 15/9/2014 và GCNĐKNH đã hết hiệu lực từ ngày 06/5/2018. Tuy nhiên, tính đến thời điểm Quyết định số 4242/QĐ-SHTT được ban hành ngày 18/01/2022, nhãn hiệu đối chứng đã chấm dứt hiệu lực nhưng chưa quá năm năm và không có bất kỳ yêu cầu chấm dứt hiệu lực nào đối với nhãn hiệu này được nộp và/hoặc được Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận chính thức thông qua Quyết định chấm dứt hiệu lực. Do đó, tại thời điểm ban hành, Quyết định số 4242/QĐ-SHTT nêu trên là phù hợp.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-43278 ngày 30/10/2019 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 4242/QĐ-SHTT ngày 18/01/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-43278 ngày 30/10/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH cà phê robusta Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH cà phê robusta Việt Nam (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143896/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Mai-Star
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2023-00342 ngày 28/7/2023 của Công ty TNHH Mai-Star; địa chỉ: Số 29, A20, Ngõ 385 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Gia Phạm; khiếu nại về việc từ chối ghi nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đối với đơn số SĐ4-2021-1481 theo Thông báo số 27238/TB-SHTT ngày 23/6/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4994/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Mai-Star với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn số SĐ4-2021-01481 ngày 14/7/2021 liên quan đến việc sửa đổi mẫu nhãn hiệu của đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-27130 bị từ chối ghi nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung theo Thông báo số 27238/TB-SHTT ngày 23/6/2023 với lý do việc sửa đổi mẫu nhãn hiệu đã làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu và người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung nêu trên với lý do việc sửa đổi không làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu do điểm thay đổi duy nhất là màu chữ và màu nền nhãn hiệu, và hoàn toàn đáp ứng quy định tại Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm 17.1.c) Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "*Việc sửa đổi, bổ sung đơn không được mở rộng phạm vi (khối lượng) bảo hộ đã bộc lộ trong bản mô tả đối với đơn đăng ký sáng chế, trong bản mô tả và bộ ảnh chụp/bản vẽ đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, trong mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hoá, dịch vụ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu và không được làm thay đổi bản chất của đối tượng nêu trong đơn. Nếu việc sửa đổi làm mở rộng phạm vi (khối lượng) bảo hộ hoặc làm thay đổi bản chất đối tượng thì không được chấp nhận, người nộp đơn phải nộp đơn mới và mọi thủ tục được tiến hành lại từ đầu*".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu bao gồm phần chữ "MS Mai - Star" màu xanh than trên nền màu trắng được yêu cầu sửa thành 

với phần chữ màu trắng trên nền màu xanh than.

Ấn tượng thị giác của một nhãn hiệu bao gồm sự kết hợp màu sắc cụ thể và tương tác với nền, là yếu tố quan trọng tạo nên khả năng phân biệt của nhãn hiệu. Việc đảo ngược màu sắc tạo ra sự thay đổi đáng kể về mặt thị giác, khiến cho nhãn hiệu trở thành một biến thể khác so với mẫu ban đầu đã được đăng ký. Do đó, làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu và không đáp ứng quy định tại điểm 17.1.c) Thông tư số 01/2007/BKHCN.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 17.1.c) Thông tư số 01/2007/BKHCN, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối ghi nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đối với đơn số SĐ4-2021-1481 ngày 14/7/2021 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 27238/TB-SHTT ngày 23/6/2023 về việc việc từ chối ghi nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đối với đơn số SĐ4-2021-1481 ngày 14/7/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Mai-Star có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Mai-Star (qua Công ty Luật TNHH Gia Phạm) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143897/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TAIZHOU YONGAN REDIRECTOR CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2016-00435 ngày 12/5/2016 của TAIZHOU YONGAN REDIRECTOR CO., LTD.; địa chỉ: Kanmen Dongfeng Industrial Zone, Zhugang Town, Yuhuan County, Taizhou City, ZHEJIANG PROVINCE, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1233169 theo Thông báo số 2015/03 MDQ31 ngày 15/01/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4981/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TAIZHOU YONGAN REDIRECTOR CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "YAS" theo đơn quốc tế số 1233169 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/03 MDQ31 ngày 15/01/2016, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 117988 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

(i) Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng.

- Về hình thức thể hiện: Dấu hiệu đăng ký mang mã hình 27.05.01, gồm ba chữ cái "Y A S" được viết in hoa, nét đậm, nghiêng – thể hiện bằng kiểu chữ đặc biệt, và được phát âm thành ba âm tiết riêng biệt là /wai/, /ei/, /es/. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm hai chữ cái "Y A", được thể hiện bằng phông chữ thông thường và phát âm thành hai âm tiết /wai/, /ei/, hoặc có thể được đọc liền thành một từ như /jə/. Với số lượng ký tự ít, âm tiết thứ ba "S" trong dấu hiệu đăng ký đóng vai trò là yếu tố phân biệt.

- Về ý nghĩa, dấu hiệu đăng ký "YAS" mang nhiều nghĩa khác nhau tùy theo ngữ cảnh và ngôn ngữ. Trong tiếng Anh thông tục, theo Urban Dictionary, "YAS" là tiếng lóng biểu thị sự thích thú mãnh liệt hoặc đồng tình nhiệt tình, trái nghĩa với "không". Trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, theo Google Dịch, từ này có nghĩa là "tang chế" - liên quan đến các quy tắc để tang. Ngoài ra, "Yas" còn là tên riêng phổ biến của nữ giới, có nghĩa là "hoa nhài", có nguồn gốc từ tiếng Ả Rập. Ngược lại, nhãn hiệu đối chứng "YA" mang ý nghĩa khác hoàn toàn, theo Oxford Dictionary, đây là cách viết rút gọn, không chính thức của "you" hoặc "your", nghĩa là "bạn" hoặc "của bạn", và cũng có thể là viết tắt của "Young Adult" – người trưởng thành trẻ tuổi.

(ii) Người nộp đơn đã nộp Yêu cầu giới hạn danh mục sản phẩm tại Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO để các sản phẩm đăng ký chỉ liên quan đến "ô tổ" và không có bất kỳ sản phẩm nào liên quan đến "xe máy".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Về dấu hiệu

Nhãn hiệu đăng ký **YAS** gồm ba ký tự được viết in hoa, nét đậm, nghiêng, trong khi nhãn hiệu đối chứng **YA** chỉ có hai ký tự được thể hiện bằng phông chữ thông thường. Sự khác biệt về độ dài với việc thêm một ký tự "S" tạo ra sự khác biệt đáng kể trong nhận thức thị giác của người tiêu dùng, đặc biệt với dấu hiệu ngắn.

Về cách phát âm, "YAS" được phát âm thành ba âm tiết riêng biệt là /wai/, /ei/, /es/ hoặc có thể được đọc là /jæs/, trong khi "YA" chỉ gồm hai âm tiết /wai/, /ei/ hoặc có thể được đọc là /dʒəʊ/ hoặc /dʒoʊ/.

Về ý nghĩa, "YAS" không phải là từ có nghĩa thông dụng, "YA" là từ tiếng Anh thông dụng, cách viết rút gọn của "you"/"your" (có nghĩa trong tiếng Việt là "bạn/của bạn").

2.2. Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu

Người nộp đơn đã giới hạn danh mục sản phẩm tại Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) để:

- loại bỏ sản phẩm "xe máy" (motorcycle);

- thay thế tất cả các từ "xe cộ" (vehicle/land vehicle) thành "ô tô" (automobile);

- thêm cụm từ "tất cả các sản phẩm trên không dùng cho xe máy" (all of the aforesaid goods do not used for motorcycles). Các sản phẩm đăng ký chỉ liên quan đến "ô tô" và không có bất kỳ sản phẩm nào liên quan đến "xe máy".

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa và hình thức thể hiện, đồng thời đăng ký cho các sản phẩm không trùng hoặc tương tự, do đó không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của hàng hòa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1233169, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/03 MDQ31 ngày 15/01/2016 về tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1233169.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1233169.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TAIZHOU YONGAN REDIRECTOR CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143898/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần bất động sản Tiến Phước
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2021-01118 ngày 30/12/2021 của Công ty cổ phần bất động sản Tiến Phước; địa chỉ: 542 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH KEDA IP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-41552 theo Quyết định số 76495/QĐ-SHTT ngày 04/10/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4991/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần bất động sản Tiến Phước với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Amiral" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-41552 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH cho dịch vụ thuộc nhóm 35 theo Quyết định số 76495/QĐ-SHTT ngày 04/10/2021, căn cứ điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 804285 (nhãn hiệu đăng ký).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đã loại bỏ dịch vụ "Quảng cáo, quản lý kinh doanh" thuộc nhóm 35 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Amiral" bị từ chối cấp GCNĐKNH cho dịch vụ thuộc nhóm 35 theo Quyết định số 76495/QĐ-SHTT ngày 04/10/2021 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nhãn hiệu đăng ký. Người nộp đơn đã đồng ý loại bỏ các dịch vụ "Quảng cáo, quản lý kinh doanh" thuộc nhóm 35 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối là trái quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn 4-2016-41552 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 76495/QĐ-SHTT ngày 04/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-41552 ngày 27/12/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần bất động sản Tiến Phước có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần bất động sản Tiến Phước (qua Công ty TNHH KEDA IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143899/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của BANGKOK RUBBER PUBLIC COMPANY LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2012-00119 ngày 22/02/2012 của BANGKOK RUBBER PUBLIC COMPANY LIMITED; địa chỉ: 611/40 Soi Watchannai, Charoenkrung Road, Bangklo, Bangkrolaem, Bangkok, Thailand; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2008-24084 theo Quyết định số 46721/QĐ-SHTT ngày 17/11/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4972/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của BANGKOK RUBBER PUBLIC COMPANY LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "pan, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-24084 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 46721/QĐ-SHTT ngày 17/11/2011, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 427961 (nhãn hiệu đối chứng 1) và 671478 (nhãn hiệu đối chứng 2).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau:

- Nhãn hiệu không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Đối với nhãn hiệu đối chứng 1, nhãn hiệu đăng ký gồm hai yếu tố là chữ "pan" và hình đầu hổ cách điệu, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ có hình đầu báo chi tiết, không có yếu tố chữ. Xét về cấu trúc thị giác, hình ảnh, mức độ chi tiết và cảm nhận thị giác khi in trên sản phẩm, hai nhãn hiệu hoàn toàn khác biệt và có thể dễ dàng phân biệt bằng mắt thường. Đối với nhãn hiệu đối chứng 2, nhãn hiệu đăng ký gồm chữ "pan" và hình đầu hổ cách điệu, trong khi nhãn hiệu đối chứng gồm hai chữ "pan sea" và một hình hoàn toàn khác biệt, được bố trí thành ba tầng. Xét về tổng thể, hình ảnh giữa hai nhãn hiệu hoàn toàn khác nhau, còn phần chữ "pan" dù có trùng nhưng chỉ là thành phần phụ. Ngoài ra, về cấu trúc trình bày, chữ "pan" trong nhãn hiệu theo đơn được thể hiện đơn giản, trong khi ở nhãn hiệu đối chứng lại cách điệu phức tạp, tạo hiệu ứng thị giác khác biệt. Về phát âm, người tiêu dùng cũng sẽ đọc hai nhãn hiệu theo cách khác nhau, do đó không có khả năng gây nhầm lẫn.

- Nhãn hiệu đã được đăng ký và sử dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia châu Á (theo Phụ lục 1 và 2 kèm theo). Việc này đã góp phần tạo dựng uy tín và danh tiếng nhất định cho sản phẩm mang nhãn hiệu, giúp người tiêu dùng dễ dàng nhận biết, phân biệt sản phẩm và xác định rõ nguồn gốc thương mại của nó.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét các ý kiến của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về nhãn hiệu và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu

Nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần chữ và phần hình được trình bày tách biệt. Phần chữ "pan" có cấu trúc và cách phát âm tương tự với phần chữ "PaN", thành phần chính có khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối chứng 2. Phần hình cách điệu gợi liên tưởng đến hình đầu một con vật trong tư thế vồ mồi với miệng há rộng, tai vểnh lên, đầu hướng sang bên trái, tương tự về bố cục và ấn tượng thị giác với hình đầu con vật họ mèo của nhãn hiệu đối chứng 1. Nhãn hiệu đăng ký cho sản phẩm thuộc nhóm 25 trùng hoặc tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng 1.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự tương tự về cấu trúc, cách phát âm và/hoặc ấn tượng thị giác, đồng thời đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự nhau, có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu.

2.2. Danh mục đăng ký nhãn hiệu và bản công chứng tương ứng theo Phụ lục 1 và 2 nêu trên cho thấy nhãn hiệu đã được đăng ký tại một số quốc gia châu Á, tuy nhiên thiếu bằng chứng xác lập dấu hiệu đã đạt được khả năng phân biệt thông qua mức độ sử dụng rộng rãi và sự công nhận từ người tiêu dùng như được đề cập.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2008-24084 ngày 11/11/2008 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 46721/QĐ-SHTT ngày 17/11/2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2008-24084 ngày 11/11/2008.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, BANGKOK RUBBER PUBLIC COMPANY LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và BANGKOK RUBBER PUBLIC COMPANY LIMITED (qua Công ty

Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143900/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ICL Europe Cooperatief U.A.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2018-00196 ngày 12/3/2018 của ICL Europe Cooperatief U.A.; địa chỉ: Koningin Wilhelminaplein 30 NL-1062 KR Amsterdam, Netherlands; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn A & S; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1325933 theo Thông báo số 2016/51 NDT06 ngày 28/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4977/BC-

TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của ICL Europe Cooperatief U.A. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Polysulphate" theo đơn quốc tế số 1325933 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2016/51 NDT06 ngày 28/11/2017, căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do bao gồm dấu hiệu thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, phần chữ "Polysulphate" mang tính mô tả hàng hóa.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do dấu hiệu đã tạo được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trên thực tế. Cụ thể:

- Nhãn hiệu có mặt tại nhiều quốc gia, bao gồm EU, Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Hoa Kỳ, v.v. và tại Việt Nam.

- Phân bón "Polysulphate" được Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí phân phối chính thức với 63 đại lý phân phối khắp 63 tỉnh thành, đồng thời đẩy mạnh buôn bán sử dụng và quảng cáo trên nhiều phương tiện bao gồm trang web riêng, fanpage Facebook, Youtube.

- Cụm từ "Polysulphate" trên công cụ tìm kiếm phổ biến Google cho nhiều thông tin về sản phẩm, đặc biệt là "google hình ảnh".

- Sản phẩm phân bón "Polysulphate" đã xuất hiện và sử dụng khá lâu ở nhiều nơi trên thế giới do đã được người nộp đơn nộp đơn đăng ký và chỉ định rất nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu*".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu*".

Điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Để được áp dụng ngoại lệ này, người nộp đơn phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng một cách rộng rãi nhãn hiệu đó (thời gian bắt đầu sử dụng, phạm vi, mức độ sử dụng hiện nay..., trong đó nhãn hiệu chỉ được coi là "được sử dụng" khi việc sử*

dụng đó được tiến hành trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị hợp pháp) và bằng chứng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hoá, dịch vụ liên quan của chủ nhãn hiệu. Trong trường hợp này, nhãn hiệu đó chỉ được thừa nhận là có khả năng phân biệt khi được thể hiện ở dạng đúng như dạng mà nó được sử dụng liên tục và phổ biến trong thực tế".

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký bị tạm thời từ chối bảo hộ vì bao gồm phần chữ "Polysulphate" mang tính mô tả hàng hóa và phần chữ còn lại thuộc ngôn ngữ không thông dụng.

2.2. Mặc dù người nộp đơn đã cung cấp một số tài liệu nhằm chứng minh dấu hiệu đã tạo được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng thực tế, các tài liệu này mới chỉ cung cấp thông tin chung, thiếu bằng chứng, dữ liệu cụ thể hỗ trợ, xác lập việc sử dụng rộng rãi của dấu hiệu theo quy định tại Điểm 39.5.b) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, bao gồm thời gian bắt đầu, phạm vi và mức độ sử dụng hiện nay trong sản xuất, kinh doanh, thương mại, quảng cáo, tiếp thị; cũng như thiếu bằng chứng xác thực của người tiêu dùng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối với hàng hóa, dịch vụ liên quan.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1325933 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/51 NDT06 ngày 28/11/2017 về việc từ tạm thời chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1325933.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, ICL Europe Cooperatief U.A. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và ICL Europe Cooperatief U.A. (qua Công ty TNHH Tư vấn A & S) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143901/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Bucher Industries AG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2012-00628 ngày 16/7/2012 của Bucher Industries AG; địa chỉ: Murzlenstrasse 80 CH - 8166 Niederwenigen, Switzerland; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1071596 ngày 19/11/2010 theo Thông báo số 2011/13 NNL10 ngày 06/5/2012;

DAD778

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4917/BC-TTKN

ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Bucher Industries AG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "BUCHER" theo đơn quốc tế số 1071596 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2011/13 NNL10 ngày 06/5/2012, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 639171 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đã nộp bản gốc Đăng bạ ghi nhận việc chấm dứt hoạt động kinh doanh từ ngày 18/9/2007 của Chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng. Theo đó, Văn bằng bảo hộ bị chấm dứt hiệu lực căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Hiện tại, cơ sở dữ liệu đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo hệ thống MADRID của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới thể hiện nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực từ ngày 29/6/2015 và không được gia hạn. Do đó, nhãn hiệu theo Đăng ký quốc tế số 639171 không còn là căn cứ đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký.

III. Kết luận

Vì lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1071596, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2011/13 NNL10 ngày 06/5/2012 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1071596.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1071596.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Bucher lndustries AG (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143902/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

DAD778

Xét đơn số KN4-2024-00119 ngày 22/02/2024 của Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành; địa chỉ: 1081 ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-03665 ngày 27/01/2021 theo Quyết định số 102891/QĐ-SHTT.IP ngày 22/11/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5037/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-03665 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 102891/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 22/11/2023, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 68845 như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 41390/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 28/7/2023 và hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này.

Người khiếu nại đã nêu lý do vì không nhận được thông báo từ Cục Sở hữu trí tuệ nên không có thông tin để có ý kiến phản hồi trong thời hạn quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "*Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định".

2. Nhận định, đánh giá:

Việc rà soát cơ sở dữ liệu quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 41390/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 28/7/2023 đã được chuyển phát tới người nộp đơn. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết không nhận được Thông báo này, do đó đã không thể phúc đáp trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý liên quan đến cam kết nói trên. Để tạo điều kiện thuận lợi, Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận cho người nộp đơn được tiếp tục phúc đáp Thông báo số 41390/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 28/7/2023.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2021-03665 ngày 27/01/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 102891/QĐ-SHTT.IP ngày 22/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-03665 ngày 27/01/2021.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-03665 ngày 27/01/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH giống cây trồng Thuận Thành (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 41390/SHTT-NH.IP ngày 28/7/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 41390/SHTT-NH.IP ngày 28/7/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143903/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Ha Mi Do
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2013-00567 ngày 26/4/2013 của Công ty TNHH Ha Mi Do; địa chỉ: 612 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH một thành viên Trường Luật; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-08080 theo Quyết định số 6497/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5043/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Ha Mi Do với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SMALL BABY Kẹo Trái Cây Small Baby, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-08080 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 6497/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc gia số 11032 (nhãn hiệu đối chứng) như nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 39267/SHTT-NH2 ngày 20/11/2022, và người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo này trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do đã không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung nên không thể đưa ra ý kiến trả lời. Sau khi liên hệ với Văn phòng đại diện tại miền Nam để xin xác nhận bản sao Thông báo kết quả thẩm định nội dung, người nộp đơn đề nghị xem xét việc cấp văn bằng bảo hộ cho phần còn lại của nhãn hiệu sau khi đã loại bỏ phần chữ không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "*Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "*Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn*".

2. Nhận định, đánh giá:

Người nộp đơn đề nghị xem xét việc cấp văn bằng bảo hộ cho phần còn lại của nhãn hiệu sau khi đã loại bỏ phần chữ không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn sau khi Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-08080 ngày 28/4/2011 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 6497/QĐ-SHTT ngày 31/01/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-08080 ngày 28/4/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Ha Mi Do có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Ha Mi Do (qua Công ty TNHH một thành viên Trường Luật) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143904/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên Thành Hoàng Châu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2016-00188 ngày 08/3/2016 của Công ty TNHH một thành viên Thành Hoàng Châu; địa chỉ: 62 Nguyễn Trãi, phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-13976 ngày 11/07/2011 theo Quyết định số 3433/QĐ-SHTT ngày 21/01/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5067/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH một thành viên Thành Hoàng Châu với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2011-13976 ngày 11/07/2011 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 82220, 86641, 171136 theo quy định tại điểm e, g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì:

Nhãn hiệu đăng ký bao gồm ký tự "C" và số "7" lồng vào nhau thể hiện màu vàng ở giữa, bao quanh là màu xám, ngoài cùng viền đen. Tất cả tạo thành tổng thể hình dạng tương tự số 9. Đây là yếu tố tác động mạnh, gây chú ý, tạo ấn tượng với người tiêu dùng. Trong khi nhãn hiệu đối chứng là "O7", ký tự "O" viết cỡ lớn, là yếu tố mạnh. Chữ số "7" thiết kế nhỏ, không phải thành phần chính.

Hai nhãn hiệu phát âm khác nhau là /ô - bảy/ và /xê – bảy/.

Chủ đơn số 4-2011-13976 đồng thời là chủ sở hữu nhãn hiệu chứa yếu tố "C7" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 257603, 294163 cho cùng loại sản phẩm thuộc nhóm 01, 02.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "C7" là sự kết hợp giữa yếu tố "C", "7" trình bày cách điệu không tương tự gây nhầm lẫn về hình thức thể hiện với nhãn hiệu "O7" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 82220, 86641, 171136. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2011-13976 ngày 11/07/2011, không áp dụng quy định tại điểm e, g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 3433/QĐ-SHTT ngày 21/01/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-13976 ngày 11/07/2011.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-13976 ngày 11/07/2011, nhãn hiệu bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng "C7".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH một thành viên Thành Hoàng Châu có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143905/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoàng Tân Khang
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2021-00169 ngày 23/02/2021 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoàng Tân Khang; địa chỉ: 102/115 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0932048052; khiếu nại về việc (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-06364 ngày 20/03/2017 theo Quyết định số 8307/QĐ-SHTT ngày 28/01/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4971/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoàng Tân Khang với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2017-06364 ngày 20/03/2017 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 1147142 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại cho rằng không có khả năng nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2017-06364 và nhãn hiệu đối chứng bởi

- Dịch vụ kinh doanh mua bán sản phẩm thiết bị điện công nghiệp, cụ thể là "giáp níu dây bọc, giáp níu dây trần, giáp buộc cổ sứ đơn, giáp buộc cổ sứ đôi, giáp buộc đầu sứ đơn, giáp buộc đầu sứ đôi" sử dụng nhãn hiệu đăng ký không liên quan về cấu tạo, chức năng với sản phẩm "đầu nối cho cáp truyền thông; đầu nối quang; cáp quang cùng đầu nối quang; đầu nối cáp" mang nhãn hiệu đối chứng. Các sản phẩm được người khiếu nại kinh doanh là sản phẩm dùng để căng, néo, giảm rung, có cách thức sử dụng hoàn toàn khác với "đầu nối cáp truyền thông; đầu nối cáp quang; đầu nối quang; cáp quang; đầu nối cáp".

- Nhãn hiệu HTK của người khiếu nại đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho dịch vụ "bán buôn vật tư ngành điện (đầu nối cáp ngầm...)" theo GCNĐKNH số 249715.

Vì vậy, người tiêu dùng không thể nhầm lẫn giữa các nhãn hiệu cho sản phẩm với nhãn hiệu sử dụng cho dịch vụ không liên quan đến nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "HTK" tương tự với nhãn hiệu đối chứng "HTK". Tuy nhiên, nhãn hiệu đăng ký sử dụng cho "dịch vụ kinh doanh mua bán sản phẩm thiết bị điện công nghiệp, cụ thể là giáp níu dây bọc, giáp níu dây trần, giáp buộc cổ sứ đơn, giáp buộc cổ sứ đôi, giáp buộc đầu sứ đơn, giáp buộc đầu sứ đôi" thuộc nhóm 35, trong khi sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng là "đầu nối cho cáp truyền thông; đầu nối quang; cáp quang cùng đầu nối quang; đầu nối cáp". Các dịch vụ và sản phẩm nêu trên không có mối liên quan về bản chất; giữa chúng không có mối liên quan về chức năng hay phương thức thực hiện với sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng. Do vậy, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2017-06364 ngày 20/03/2017, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 8307/QĐ-SHTT ngày 28/01/2021 về việc đối với đơn số 4-2017-06364 ngày 20/03/2017.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2017-06364 ngày 20/03/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoàng Tân Khang có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143906/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Thị Lệ
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2019-00017 ngày 09/01/2019 của Ông/Bà Vũ Thị Lệ; địa chỉ: Số 56 Trương Định, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn A & S; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-16887 theo Quyết định số 95580/QĐ-SHTT ngày 27/12/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5058/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Vũ Thị Lệ với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-16887 ngày 09/06/2016 không được bảo hộ đối với dịch vụ "trưng bày giới thiệu sản phẩm; nhập khẩu; xuất khẩu; quảng cáo" vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 213748 và hết thời hạn ấn định người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo số 30325/SHTT-NH2 ngày 29/08/2018 về kết quả thẩm định nội dung theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu với lý do sau:

Do sơ suất làm thất lạc công văn nên phía chủ đơn không kịp trả lời Thông báo kết quả thẩm định số 30325/SHTT-NH2 ngày 29/08/2018.

Đồng thời, người khiếu nại xin được loại bỏ dịch vụ đang bị đánh giá là nhầm lẫn với nhãn đối chứng là: "trưng bày giới thiệu sản phẩm; nhập khẩu; xuất khẩu; quảng cáo" ra khỏi phạm vi đề nghị bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Người khiếu nại đã loại bỏ một phần danh mục dịch vụ trong nhóm 35 theo đơn số 4-2016-16887. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn số 4-2016-16887 là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-16887 ngày 09/06/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 95580/QĐ-SHTT ngày 27/12/2018 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-16887 ngày 09/06/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Vũ Thị Lệ có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Vũ Thị Lệ (qua Công ty TNHH Tư vấn A & S) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143907/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Thiên Hải Long
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2016-01039 ngày 26/12/2016 của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Thiên Hải Long; địa chỉ: 6/9 Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2015-02039 ngày 26/01/2015 theo Quyết định số 68785/QĐ-SHTT ngày 26/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5065/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Thiên Hải Long với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-02039 ngày 26/01/2015 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 51057 và hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo số 27189/SHTT-NH.IP ngày 17/08/2016 về kết quả thẩm định nội dung theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì:

Nhãn hiệu đăng ký sử dụng cho dịch vụ "mua bán: nồi hơi, thiết bị cơ khí" liên quan đến hơi, nhiệt. Nhãn hiệu đối chứng sử dụng cho sản phẩm "bộ chế hòa khí".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "THL, hình" bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "THL" trong nhãn hiệu đối chứng. Xét hình thức thể hiện tổng thể hai nhãn hiệu không tương tự gây nhầm lẫn. Bản thân cụm "THL" trong nhãn hiệu đối chứng không được bảo hộ riêng. Ngoài ra, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký không tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng. Do vậy, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2015-02039 ngày 26/01/2015, không áp dụng quy định tại

điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 68785/QĐ-SHTT ngày 26/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-02039 ngày 26/01/2015.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2015-02039 ngày 26/01/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Thiên Hải Long có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143908/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của TWEEZERMAN INTERNATIONAL, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2017-00723 ngày 11/7/2017 của TWEEZERMAN INTERNATIONAL, LLC; địa chỉ: 2 Tri Harbor Court Port Washington, NY 11050, USA; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Thắng Phạm và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1038848 theo Thông báo số 2016/16NTH23 ngày 04/04/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4686/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của TWEEZERMAN INTERNATIONAL, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1038848 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-31349 theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì nhãn hiệu "TWEEZERMAN" theo ĐQT số 1038848 bị từ chối bảo hộ do trùng với nhãn hiệu "TWEEZERMAN" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-31349. Sau đó, Cục đã ra Quyết định số 96365/QĐ-SHTT ngày 31/10/2019 từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "TWEEZERMAN" theo đơn số 4-2015-31349 vì trùng với nhãn hiệu được sử dụng rộng rãi. Và quyết định này không bị khiếu nại trong thời gian cho phép.Trên cơ sở đó, nhãn hiệu "TWEEZERMAN" theo đơn số 4-2015-31349 không thể được coi là nhãn hiệu đối chứng từ chối bảo hộ nhãn hiệu "TWEEZERMAN" Sở hữu trí tuệ và đáp ứng đầy đủ điều kiện để được bảo hộ tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-31349 ngày 09/11/2015 đã bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 96365/QĐ-SHTT ngày 31/10/2019. Quyết định này không có khiếu nại theo quy định của pháp luật. Do vậy, nhãn hiệu theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-31349 không

được dùng làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo đơn quốc tế số 1038848.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1038848, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/16NTH23 ngày 04/04/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1038848.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1038848.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và TWEEZERMAN INTERNATIONAL, LLC (qua Công ty Luật TNHH Thắng Phạm và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143909/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Văn Duyên
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2021-01109 ngày 23/12/2021 của Ông/Bà Trần Văn Duyên; địa chỉ: Xóm Mới, tổ 25, phường Ngọc Thủy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, điện thoại 0908128467; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-01739 theo Quyết định số 82093/QĐ-SHTT ngày 28/10/2021;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4892/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Trần Văn Duyên với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn 4-2018-01739 ngày 16/01/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 100202, 159821 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-01739 vì lý do sau:

Về cấu trúc, cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký là "Việt Thải" trong khi các nhãn hiệu đối chứng phát âm là "Việt Thái". Về cấu trúc và hình thức thể hiện cũng có sự khác nhau, cụ thể nhãn hiệu đăng ký là kiểu chữ cách điệu màu hồng, đường nét mềm mại, trong khi các nhãn hiệu đối chứng chỉ có phần chữ màu đen được ghi rõ nét. Do vậy, khi tiếp cận về mặt thị giác, người tiêu dùng không thể nhầm lẫn chúng với nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Việt Thải" cho sản phẩm "băng vệ sinh" tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "Việt Thái", "VIỆT THÁI" cho sản phẩm "tã lót vệ sinh bằng giấy", "băng vệ sinh dùng cho phụ nữ" làm người tiêu dùng lầm tưởng rằng chúng có nguồn gốc từ một chủ thể sản xuất. Sự khác biệt về màu sắc, kiểu chữ thể hiện và dấu thanh hỏi (trong chữ "Thải"), thanh sắc (trong chữ "Thái") không đủ để nhãn hiệu đăng ký phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng khi chúng được sử dụng cho sản phẩm cùng loại. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-01739 ngày 16/01/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 82093/QĐ-SHTT ngày 28/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-01739 ngày 16/01/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Trần Văn Duyên có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Trần Văn Duyên có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143910/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần viễn thông thành phố Hồ Chí Minh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00001 ngày 04/01/2017 của Công ty cổ phần viễn thông thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 186-188 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-07485 theo Quyết định số 64762/QĐ-SHTT ngày 11/10/2016;

PHY365

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4899/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần viễn thông thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-07485 ngày 10/04/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì phần chữ "HCM" là các ký tự viết tắt của thành phố Hồ Chí Minh, đã được sử dụng rộng rãi, không có khả năng phân biệt. Ngoài ra, phần chữ "HCM" của nhãn hiệu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ tương ứng của nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 176456 và hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo số 23422/SHTT-NH2 ngày 21/07/2016 theo quy định tại điểm b, c, e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-07485 vì lý do sau:

- Doanh nghiệp sửa chữa trụ sở nên không nhận được Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 23422/SHTT-NH2 ngày 21/07/2016.

- Người khiếu nại đồng ý loại bỏ nhóm 35 trong danh mục theo đơn số 4-2014-07485 và đề nghị bảo hộ tổng thể nhãn hiệu "HCM TELECOM".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến";

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn

bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Người khiếu nại đã loại bỏ một phần danh mục, cụ thể là nhóm 36 theo đơn số 4-2014-07485. Tuy nhiên, việc sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu sau khi có quyết định từ chối hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn số 4-2014-07485 không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b, c, e khoản 2 Điều 74 và điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-07485 ngày 10/04/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 64762/QĐ-SHTT ngày 11/10/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-07485 ngày 10/04/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần viễn thông thành phố Hồ Chí Minh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần viễn thông thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143911/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Osotspa Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00291 ngày 31/3/2021 của Osotspa Co., Ltd.; địa chỉ: 348 Ramkhamhaeng Road, Huamak, Bangkapi, Bangkok 10240, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH Dương và Đồng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-06482 theo Quyết định số 111936/QĐ-SHTT ngày 31/12/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5082/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Osotspa Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu  đăng ký theo đơn số 4-2018-06482 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu tri tuệ vì phần chữ Thái, chữ Hàn thuộc ngôn ngữ không thông dụng; phần còn lại là tổ hợp của các thành phần mang tính mô tả và hình đơn giản, tổng thể chưa tạo được khả năng phân biệt. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt: Mặc dù trong nhãn hiệu chứa dấu hiệu hình là nhân sâm, sáp ong là các dấu hiệu mô tả và phần chữ tiếng Hàn và tiếng Thái là các ngôn ngữ không thông dụng, nhưng các dấu hiệu này được thể hiện cách điệu và sắp xếp một cách sáng tạo kết hợp với các màu sắc độc đáo mà không phải bất kì bên thứ ba nào cũng có thể tự nhiên nghĩ ra được. Đó là dấu hiệu duy nhất mà chỉ thông qua quá trình sáng tạo của chủ đơn mới có thể tạo ra. Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký có thể đạt được khả năng phân biệt đối với người tiêu dùng;

- Nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng từ lâu và có danh tiếng trên thị trường: "Osotspa Co., Ltd." - chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký đã trải qua quá trình phát triển hơn 129 năm. Tại Thái Lan, Osotspa Co., Ltd. đã quảng bá và giới thiệu rộng rãi nhãn hiệu đăng ký nhiều năm qua bằng nhiều hình thức. Với phương tiện internet phổ biến như hiện nay, mức độ phổ biến của sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký tại Thái Lan thì người tiêu dùng Việt Nam hoàn toàn có thể biết đến sản phẩm mang nhãn hiệu này và hoàn toàn có thể phân biệt được.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký  là hình bát giác có nền màu đỏ với phần chữ Hàn in chìm, ở giữa nổi bật nhất là phần chữ Thái – đây đều là các ngôn ngữ không thông dụng tại Việt Nam, kết hợp với hình củ sâm, sáp ong là hình ảnh thông thường của hàng hóa, mang tính mô tả thành phần trong hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký. Mặc dù các thành phần này có sự cách điệu nhất định nhưng chưa đủ độc đáo để tạo khả năng phân biệt, tổng thể nhãn hiệu đăng ký không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.

Thông tin, tài liệu mà Người khiếu nại cung cấp về việc nhãn hiệu đăng ký được sử dụng phổ biến tại Thái Lan là không đủ căn cứ và cơ sở pháp lý chứng minh nhãn hiệu này đã được sử dụng và biết đến rộng rãi tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-06482 ngày 07/3/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 111936/QĐ-SHTT ngày 31/12/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-06482 ngày 07/03/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Osotspa Co., Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và

Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Osotspa Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Dương và Đồng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143913/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Charoen Pokphand Group Co., Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2009-00478 ngày 01/7/2009 của Charoen Pokphand Group Co., Ltd; địa chỉ: 313 C.P. Tower, Silom Road, Bangrak District, Bangkokk 10500, Thailand; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2005-14089 theo Quyết định số 10555/QĐ-SHTT ngày 11/3/2009;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4930/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Charoen Pokphand Group Co., Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Lotus SUPERCENTER, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-14089 ngày 24/10/2005 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 10555/QĐ-SHTT ngày 11/3/2009, căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo:

- Đăng bạ quốc gia số 22827 (nhãn hiệu đối chứng 1);
- Đăng bạ quốc gia số 56195 (nhãn hiệu đối chứng 2);
- Đăng bạ quốc gia số 71546 (nhãn hiệu đối chứng 3);
- Đăng bạ quốc gia số 82358 (nhãn hiệu đối chứng 4);
- Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-03863 (nhãn hiệu đối chứng 5).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký bảo hộ tổng thể không bảo hộ riêng phần hình hay phần chữ, trong đó phần chữ "LOTUS SUPERCENTER" màu đen cách điệu, không phải font chữ thông thường và phần hình tạo nên hình bông hoa cách điệu. Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng 3 được bảo hộ tổng thể, trong đó chữ "Big C" là yếu tố phân biệt chủ yếu, chữ "Supercenter" là yếu tố phụ, mang tính mô tả sản phẩm và không thể được bảo hộ độc quyền cho bất kỳ người nào, do đó không thể được coi là yếu tố đối chứng. Nhãn hiệu đăng ký cũng có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP: "Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đang được bảo hộ tại Việt nam".

Điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP: "Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nêu trong đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ đã nộp tại Việt nam có ngày ưu tiên sớm hơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét lập luận của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần chữ "Lotus SUPERCENTER" và phần hình được trình bày tách biệt, với phần chữ chiếm chủ yếu trong tổng thể cấu trúc. Trong phần chữ, yếu tố "Lotus" được thể hiện

với cỡ chữ lớn hơn, đặt ở dòng trên so với yếu tố "SUPERCENTER" ở dòng dưới, là yếu tố chủ yếu tạo khả năng phân biệt. Yếu tố này trùng hoàn toàn với phần chữ "Lotus" trong các nhãn hiệu đối chứng 1, 4 và 5, và tương tự về ý nghĩa với phần chữ trong các nhãn hiệu đối chứng 1 và 2. Ngoài ra, yếu tố "SUPERCENTER" cũng trùng với phần chữ tương ứng trong nhãn hiệu đối chứng 3.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 35 trùng hoặc tương tự với dịch vụ đăng ký của các nhãn hiệu đối chứng, đặc biệt là các nhãn hiệu đối chứng 3 và 5.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đăng ký có sự tương tự về cấu trúc và/hoặc ý nghĩa, đồng thời đăng ký cho dịch vụ trung hoặc tương tự với nhau. Do đó, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2005-14089 ngày 24/10/2005 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 10555/QĐ-SHTT ngày 11/3/2009 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-14089 ngày 24/10/2005.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Charoen Pokphand Group Co., Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Charoen Pokphand Group Co., Ltd (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143913/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Charoen Pokphand Group Co., Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN4-2009-00478 ngày 01/7/2009 của Charoen Pokphand Group Co., Ltd; địa chỉ: 313 C.P. Tower, Silom Road, Bangrak District, Bangkokk 10500, Thailand; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2005-14089 theo Quyết định số 10555/QĐ-SHTT ngày 11/3/2009;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4930/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Charoen Pokphand Group Co., Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Lotus SUPERCENTER, hình" theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-14089 ngày 24/10/2005 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 10555/QĐ-SHTT ngày 11/3/2009, căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP với lý do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo:

- Đăng bạ quốc gia số 22827 (nhãn hiệu đối chứng 1);
- Đăng bạ quốc gia số 56195 (nhãn hiệu đối chứng 2);
- Đăng bạ quốc gia số 71546 (nhãn hiệu đối chứng 3);
- Đăng bạ quốc gia số 82358 (nhãn hiệu đối chứng 4);
- Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-03863 (nhãn hiệu đối chứng 5).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký bảo hộ tổng thể không bảo hộ riêng phần hình hay phần chữ, trong đó phần chữ "LOTUS SUPERCENTER" màu đen cách điệu, không phải font chữ thông thường và phần hình tạo nên hình bông hoa cách điệu. Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng 3 được bảo hộ tổng thể, trong đó chữ "Big C" là yếu tố phân biệt chủ yếu, chữ "Supercenter" là yếu tố phụ, mang tính mô tả sản phẩm và không thể được bảo hộ độc quyền cho bất kỳ người nào, do đó không thể được coi là yếu tố đối chứng. Nhãn hiệu đăng ký cũng có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP: "Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đang được bảo hộ tại Việt nam".

Điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP: "Nhãn hiệu đăng ký tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nêu trong đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ đã nộp tại Việt nam có ngày ưu tiên sớm hơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét lập luận của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký bao gồm phần chữ "Lotus SUPERCENTER" và phần hình được trình bày tách biệt, với phần chữ chiếm chủ yếu trong tổng thể cấu trúc. Trong phần chữ, yếu tố "Lotus" được thể hiện

với cỡ chữ lớn hơn, đặt ở dòng trên so với yếu tố "SUPERCENTER" ở dòng dưới, là yếu tố chủ yếu tạo khả năng phân biệt. Yếu tố này trùng hoàn toàn với phần chữ "Lotus" trong các nhãn hiệu đối chứng 1, 4 và 5, và tương tự về ý nghĩa với phần chữ trong các nhãn hiệu đối chứng 1 và 2. Ngoài ra, yếu tố "SUPERCENTER" cũng trùng với phần chữ tương ứng trong nhãn hiệu đối chứng 3.

- Về hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu: Các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 35 trùng hoặc tương tự với dịch vụ đăng ký của các nhãn hiệu đối chứng, đặc biệt là các nhãn hiệu đối chứng 3 và 5.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đăng ký có sự tương tự về cấu trúc và/hoặc ý nghĩa, đồng thời đăng ký cho dịch vụ trung hoặc tương tự với nhau. Do đó, có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2005-14089 ngày 24/10/2005 là phù hợp; đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 10555/QĐ-SHTT ngày 11/3/2009 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-14089 ngày 24/10/2005.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Charoen Pokphand Group Co., Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Charoen Pokphand Group Co., Ltd (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143914/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của van Laack Gesellschaft mit beschrankter Haftung
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DAD778

Xét đơn số KN5-2011-00029 ngày 17/01/2011 của van Laack Gesellschaft mit beschrankter Haftung; địa chỉ: Hennes-Weisweiler-Allee 25 41179 Monchengladbach, Germany; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 867454 theo Thông báo số 20093720QUYNH ngày 15/9/2010;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4910/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của van Laack Gesellschaft mit beschrankter Haftung với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HERRINGBONE SYDNEY, hình" theo đơn quốc tế số 1254173 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối theo Thông báo số 20093720QUYNH ngày 15/9/2010, căn cứ khoản 5 Điều 73 và điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ với lý do dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ, và tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo Đăng bạ quốc tế số 905776 (nhãn hiệu đối chứng).

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt. Về cấu trúc và hình ảnh, nhãn hiệu đăng ký có thiết kế theo chiều dọc, gồm ba phần: chữ "HERRINGBONE", "SYDNEY" và hình con cá, trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm một dòng chữ "RED HERRING", không có hình. Về cách viết, nhãn hiệu đăng ký có thể viết cách, có dấu nối hoặc thay đổi kích thước chữ, trong khi nhãn hiệu đối chứng "RED HERRING" viết liền và thống nhất. Về phát âm, "Herringbone" có 3 âm tiết và nhiều trọng âm hơn so với "Red Herring" chỉ có 2 âm tiết. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký có ngày nộp đơn sớm hơn.

- "SYDNEY" là một địa danh tại Úc (Thủ đô Australia), nhưng cũng là tên riêng phổ biến trên thế giới (cả người và địa danh). Các tên liên quan đến "SYDNEY" được trích dẫn từ từ điển danh nhân và nhãn hiệu đăng ký dùng cho các sản phẩm trang sức, đồ phụ kiện hoặc quần áo, túi, dây lưng, nên không thể gây nhầm lẫn với người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được

hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Xem xét các lập luận của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

2.1. Về dấu hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "HERRINGBONE SYDNEY, hình" HERRINGBONE SYDNEY bao gồm phần hình con cá và phần chữ "HERRINGBONE SYDNEY", trong đó yếu tố "HERRINGBONE" được trình bày với cỡ chữ lớn viết hoa, liền mạch, in đậm, với chữ cái "O" cách điệu, toàn bộ yếu tố này được đặt ở trung tâm, nổi bật và chiếm phần lớn trong tổng thể cấu trúc, là thành phần chủ yếu tạo khả năng phân biệt. Nhãn hiệu đối chứng "RED HERRING" chỉ bao gồm yếu tố chữ "RED HERRING" được trình bày bằng kiểu chữ viết hoa thông thường. Về cấu trúc, "HERRINGBONE" là một cụm từ dài hơn so với "HERRING", tạo ra sự khác biệt về mặt hình thức và nhận diện. Về phát âm, "HERRING" gồm hai âm tiết (/ˈher.ɪŋ/), ngắn hơn so với "HERRINGBONE" gồm ba âm tiết (/ˈher.ɪŋ.boʊn/). Về ý nghĩa, "HERRING" trong tiếng Việt có nghĩa là "cá trích", trong khi đó "HERRINGBONE" mang ý nghĩa "kiểu khâu chữ chi" hay "họa tiết xương cá", thường gặp trong lĩnh vực dệt may, thiết kế thời trang. Như vậy, xét về cấu trúc, hình thức trình bày, phát âm và ý nghĩa, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt so với nhãn hiệu đối chứng, không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

2.2. "SYDNEY" là tên một thành phố lớn nổi tiếng của Úc, được biết đến rộng rãi. Việc sử dụng dấu hiệu này trong nhãn hiệu có thể gây hiểu sai lệch, nhầm lẫn hoặc mang tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại hoặc xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại về việc nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng là có cơ sở, do đó không áp dụng quy định điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn. Tuy nhiên, việc sử dụng dấu hiệu "SYDNEY" làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa; căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 867454 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 20093720QUYNH ngày 15/9/2010 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 867454.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, van Laack Gesellschaft mit beschrankter Haftung có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và van Laack Gesellschaft mit beschrankter Haftung (qua Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143915/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Marshall Amplification plc
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2016-00520 ngày 10/6/2016 của Marshall Amplification plc; địa chỉ: Denbigh Road Bletchley, Milton Keynes, Buckinghamshire MK1 1DQ United Kingdom; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1238942 theo Thông báo số 2015/09 NDT18 ngày 29/02/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4912/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Marshall Amplification plc với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu Marshall theo ĐQT số 1238942 bị tạm thời từ chối bảo hộ cho nhóm 9, 15 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 97903, nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 831653 theo quy định tại điểm h và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 97903 đã bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 1678/QĐ-SHTT ngày 22/04/2016. Như vậy, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 97903 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1238942 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Đồng thời, người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký "Marshall vì có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "FRANKLIN & MARSHALL" trên cơ sở sự khác biệt về cấu trúc, hình thức thể hiện và ấn tượng tổng thể, đặc biệt là khi cả "FRANKLIN" và "MARSHALL" đều là các từ chỉ tên người tại các quốc gia nói tiếng Anh.

Tính đến trước tháng 6/2024, ĐKQT số 831653 cho nhãn hiệu đối chứng "FRANKLIN & MARSHALL" chỉ được bảo hộ tại Việt Nam cho sản phẩm "kính đeo mắt" (eyeglasses) thuộc nhóm 9. Franklin & Marshall Holding Limited, chủ ĐKQT số 831653 đã cấp Thư đồng ý (bản gốc kèm theo hồ sơ đơn khiếu nại) đối với việc đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "MARSHALL" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 theo ĐQT số 1238942 của Marshall Amplification plc. Franklin & Marshall Holding Limited tin tưởng rằng sẽ không có khả năng gây nhầm lẫn cho công chúng về nguồn gốc của các sản phẩm thuộc nhóm 09 mang nhãn hiệu đăng ký và các sản phẩm thuộc nhóm 09 mang nhãn hiệu đối chứng 2 "FRANKLIN & MARSHALL".

Ngoài ra, trên thực tế, tại giai đoạn thẩm định nội dung, các nhãn hiệu MARSHALL theo ĐQT số 1230803, Marshall Amplification theo ĐQT số 1230802 và MARSHALL CODE theo ĐQT số 1234429 cho các sản phẩm thuộc nhóm 9 của người khiếu nại đã không bị từ chối bởi nhãn hiệu đối chứng "FRANKLIN & MARSHALL" theo ĐQT số 831653. Điều này cho thấy Cục Sở hữu trí tuệ đã nhận định rằng các nhãn hiệu "MARSHALL", "Marshall Amplification" và "MARSHALL CODE" cho các sản phẩm thuộc nhóm 9 của Marshall Amplification plc có khả năng phân biệt/không tương tự gây nhầm lẫn

với nhãn hiệu đối chứng "FRANKLIN & MARSHALL" cho sản phẩm "kính đeo mắt".

Hơn nữa, ngày 17/06/2024, WIPO đã ghi nhận việc nhóm 09 theo ĐKQT số 831653 bị hủy bỏ theo yêu cầu của chủ ĐKQT này (under Rule 25 of the Common Regulations under the Madrid Agreement and Madrid Protocol). Điều này cho thấy Franklin & Marshall Holding Limited không còn quan tâm đến việc sử dụng nhãn hiệu đối chứng 2 "FRANKLIN & MARSHALL" cho sản phẩm "kính đeo mắt" (eyeglasses) tại Việt Nam nữa. Vì vậy, người khiếu nại cho rằng rằng không xảy ra khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc của các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký với nguồn gốc của các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng 2. Do sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng 2 không được lưu thông trên thị trường, sẽ không xảy ra việc người tiêu dùng liên tưởng đến nhãn hiệu đối chứng 2 hay nhầm lẫn nguồn gốc của các sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký với nguồn gốc của sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng, nghĩa là không có khả năng công chúng liên quan cho rằng có mối liên hệ giữa các nhãn hiệu này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1230803 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn

hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 97903. Tuy nhiên, người khiếu nại đã tiến hành thủ tục chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 97903 theo đơn số ĐN1-2014-00219 ngày 29/09/2014 và sau đó, GCNĐKNH số 97903 đã bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 1678/QĐ-SHTT ngày 22/04/2016. Quyết định này không bị khiếu nại trong thời hạn quy định. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không dùng nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 97903 làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1230803.

Về nhãn hiệu đối chứng "FRANKLIN & MARSHALL" được bảo hộ theo ĐKQT số 831653, các sản phẩm thuộc nhóm 09 (kính mắt) mang nhãn hiệu này đã bị hủy bỏ hiệu lực ngày 17/06/2024. Ngoài ra, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng ĐKQT đã đồng ý cho chủ đơn ĐQT số 1230803 đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "MARSHALL" cho các sản phẩm thuộc nhóm 09 tại Việt Nam. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không dùng nhãn hiệu được bảo hộ theo ĐKQT số 831653 làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1230803.

Vì vậy, đề nghị trong đơn khiếu nại của chủ đơn ĐQT số 1230803 có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1238942 cho nhóm 09, 15, không áp dụng quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/09 NDT18 ngày 29/02/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1238942.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1238942.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Marshall Amplification plc (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143916/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công Ty TNHH Dinh Dưỡng Quốc tế M-T Vina
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2021-00736 ngày 23/7/2021 của Công Ty TNHH Dinh Dưỡng Quốc tế M-T Vina; địa chỉ: Số 11 , xóm già B, khu 3, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ M.I.T; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-41559 theo Quyết định số 48074/QĐ-SHTT ngày 14/06/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4965/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công Ty TNHH Dinh Dưỡng Quốc tế M-T Vina với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-41559ngày 27/11/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì chứa biểu tượng Chữ Thập Đỏ của Ủy ban Chữ Thập Đỏ quốc tế, phần chữ mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt, phần hình tương tự gây nhầm lẫn với phần hình tương ứng của nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-37665 (nay được bảo hộ theo GCNĐKNH số 371512) theo quy định tại khoản 2 Điều 73, điểm c khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại cho rằng không có khả năng nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2018-41559 và nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2018-37665.

- Xét về cấu tạo:

Nhãn hiệu xin đăng ký là sự kết hợp của hình trái tim, dấu cộng màu đỏ, cùng với bàn tay ở dưới, cả tổng thể này được đặt vào trong 1 hình tròn màu trắng, viền xanh, phía ngoài là một hình vuông viền xanh; chạy theo viền ngoài của hình tròn ở nửa trên là dòng chữ màu trắng. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm hình trái tim, bàn tay ở giữa 2 hình này là chữ Tâm Đức Thiện. Như vậy xét về yếu tố hình, cả 2 nhãn hiệu này chỉ tương tự nhau ở 50% các yếu tố hình này. Còn xét về yếu tố chữ, các nhãn hiệu này khác nhau hoàn toàn.

- Xét về danh mục sản phẩm:

Danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 31 (thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản), trong khi đó danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng lại thuộc nhóm 29 (đậu đã được bảo quản; hạt đã chế biến). Có thể thấy danh mục sản phẩm của hai nhãn hiệu này là hoàn toàn khác nhau, không hề có mối liên quan gì đến nhau. Các kênh bán hàng của các sản phẩm này cũng là hoàn toàn khác nhau, ngoài ra, với người tiêu dùng khi mua hàng, chủ đích mua hàng khi nghĩ đến các sản phẩm này cũng hoàn toàn khác nhau, không thể nào nhầm lẫn giữa thức ăn gia súc gia cầm, thủy sản với các sản phẩm đậu hay hạt được. Như vậy danh mục sản phẩm, kênh phân phối và mục tiêu tiêu dùng của các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này là hoàn toàn khác nhau. Với một nhãn hiệu chữ trùng nhau mà đăng ký cho các nhóm sản phẩm 29 và 31 như hai nhãn hiệu này đã không thể gây nhầm lẫn cho nhau thì không có lí do gì nhãn hiệu hình chỉ có 50% tương tự có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng được.

Ngoài ra các nhãn hiệu có chứa thành phần hình trái tim được đỡ bởi bàn tay xòe ra cũng đã được Quý Cục cấp bằng cho các nhóm sản phẩm tương tự

(danh sách các nhãn hiệu ở phụ lục 1 kèm theo). Do vậy không có lí do gì Quý Cục lại từ chối nhãn hiệu của người khiếu nại.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 2 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với biểu tượng, cờ, huy hiệu, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Việt Nam và tổ chức quốc tế, nếu không được cơ quan, tổ chức đó cho phép".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký chứa phần hình gồm bàn tay nâng trái tim cách điệu tương tự gây nhầm lẫn với phần hình của nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo, hình thức thể hiện, tư thế, đường nét, hình dáng. Tuy nhiên, các sản phẩm mang hai nhãn hiệu so sánh không cùng chức năng, mục đích sử dụng, khác biệt về bản chất, kênh phân phối, đối tượng tiêu dùng. Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-37665 (nay là nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 371512) để làm đối chứng từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký. Ở phần này, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

Ngoài ra, người khiếu nại chưa có ý kiến đối với lý do từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì chứa biểu tượng Chữ Thập Đỏ của Ủy ban Chữ Thập Đỏ quốc tế, phần chữ mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 73, điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Do vậy, Cục Sở hữu trí tuệ bảo lưu quan điểm từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2018-41559 ngày 27/11/2018.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đăng ký không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2018-37655 là có cơ sở. Tuy nhiên, người khiếu nại chưa có ý kiến đối với nội dung từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 73, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-41559 ngày 27/11/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 48074/QĐ-SHTT ngày 14/06/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-41559 ngày 27/11/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công Ty TNHH Dinh Dưỡng Quốc tế M-T Vina có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công Ty TNHH Dinh Dưỡng Quốc tế M-T Vina (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ M.I.T) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143917/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần xây dựng LHD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2023-00175 ngày 15/6/2023 của Công ty cổ phần xây dựng LHD; địa chỉ: Số nhà 16, ngõ 381/19 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-47847 theo Quyết định số 20872w/QĐ-SHTT ngày 17/04/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4988/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần xây dựng LHD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2019-47847 ngày 26/11/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì là dấu hiệu được tạo bởi ba ký tự thuộc ngôn ngữ không thông dụng nằm ở các vị trí đầu, giữa và cuối. Hai ký tự "B", "K" còn lại là các phụ âm nằm xen kẽ với ba ký tự thuộc ngôn ngữ không thông dụng tạo thành dấu hiệu không phát âm được. Cách trình bày của dấu hiệu yêu cầu đăng ký cũng không độc đáo để tạo nên một dấu hiệu có khả năng phân biệt. Do vậy, về tổng thể, dấu hiệu đăng ký không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại cho rằng kết luận của Quý Cục đưa ra là chưa thỏa đáng và khiếu nại với lý do như sau:

- Nhìn về mặt thị giác:

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký số 4-2019-47847 là cụm 5 từ viết liền nhau, trong đó chữ "K B" được viết theo phông chữ thông thường, đơn giản. 3 chữ "Y E r " được thiết kế cách điệu với các đường nét uốn lượn và gấp khúc hơn nên khi nhìn bằng thị giác vẫn có thể nhìn và đọc ra được là 3 chữ "Y E r". Chủ đơn viết cách điệu 3 chữ ở các vị trí đầu, giữa và cuối nhãn hiệu nhằm mục đích tạo nên nét độc đáo, ấn tượng khi nhìn để tạo nên sự khác biệt hơn là viết tất cả các chữ theo phông chữ thông thường.

- Về cách phát âm:

Hai chữ phụ âm "K B'', còn lại 3 chữ cách điệu gồm 2 chữ phụ âm và 1 chữ nguyên âm mô phỏng 3 chữ "Y E r" là 3 chữ thuộc ngôn ngữ thông dụng tạo thành l cụm "YKEBr", đọc là "y ke bê rờ" hoặc cũng có thế đọc là " y kép rờ".

Với những lý do trên, chúng tôi nhận thấy rằng nhãn hiệu đăng ký là tập hợp các chữ cái thông dụng, hoàn toàn có khả năng phân biệt và vẫn có khả năng được bảo hộ. Trên thực tế, chúng tôi cũng thấy có nhãn hiệu được cách điệu các chữ cái để tạo ấn tượng thay vì viết thông thường và vẫn được Cục SHTTchấp nhận cấp văn bằng. Chẳng hạn như nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 315125. Rõ ràng chỉ có mỗi chữ V được viết rõ, còn lại 2 kí tự r và t bên cạnh được cách điệu không rõ chữ nhưng cũng vẫn được Cục SHTT cấp GCNĐKNH

với tên nhãn hiệu là "VRT" hoặc "VPT, hình". Dẫn chứng được người khiếu nại gửi kèm lập luận này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Nội dung khiếu nại không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 20872w/QĐ-SHTT ngày 17/04/2023.

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "ΨΚΣΒΓ" là tập hợp tạo bởi các ký tự Hy Lạp "Ψ" (Psi), "Σ" (Sigma), "Γ" (Gamma) được sử dụng làm các ký hiệu toán học, xen kẽ hai ký tự La tinh "K", "B". Tập hợp này không được trình bày dưới dạng đồ họa hoặc dạng đặc biệt khác nên là dấu hiệu không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

Trường hợp người khiếu nại dẫn chiếu là tập hợp ký tự được trình bày dưới dạng đặc biệt, kết hợp yếu tố đồ họa, tạo thành tổng thể có khả năng phân biệt, vì vậy không tương tự nhãn hiệu đang xem xét.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-47847 ngày 26/11/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 20872w/QĐ-SHTT ngày 17/04/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-47847 ngày 26/11/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở

hữu trí tuệ, Công ty cổ phần xây dựng LHD có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần xây dựng LHD (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ PADEMARK) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143918/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2022-01430 ngày 19/12/2022 của PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED; địa chỉ: No.1011 Supalai Grand Tower, Floor 27, Rama 3 Road, Chongnonsi, Yannawa, Bangkok 10120, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH KEDA IP; khiếu nại về việc yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 93790 theo Quyết định số 4385/QĐ-SHTT ngày 19/9/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5016/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 93790 bị từ chối sửa đổi vì việc thay đổi mẫu nhãn hiệu không phù hợp với yêu cầu và đã làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu được bảo hộ theo quy định tại điểm 20.1.b.(i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007.

Người khiếu nại cho rằng, việc sửa đổi nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 93790 bao gồm việc làm cong hai đầu ở phần dưới của hình tứ giác và loại bỏ viền màu vàng đồng ở cạnh trên và hai bên của nhãn hiệu không làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu đang được bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm 20.1.b Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ

Chủ văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ thu hẹp phạm vi bảo hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 của Luật Sở hữu trí tuệ trong các trường hợp sau đây:

(i) Yêu cầu sửa đổi một số chi tiết nhỏ nhưng không làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu;

Điểm 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc xử lý yêu cầu sửa đổi thông tin trên văn bằng bảo hộ và thu hẹp phạm vi bảo hộ

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đơn, Cục Sở hữu trí tuệ phải xem xét yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ. Nếu xét thấy yêu cầu là hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ trên Công báo sở hữu công nghiệp. Trong trường hợp ngược lại, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người yêu cầu thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu trong thời hạn đã ấn định người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạy yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 93790 có yêu cầu loại bỏ viền màu vàng bao quanh và làm cong cạnh đáy của hình nền. Xét thấy, tổng thể nhãn hiệu đã thay đổi về hình dạng, màu sắc, làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 93790, không đáp ứng điều kiện sửa đổi được pháp luật quy định. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 20.1.b.(i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 93790 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ sở hữu văn bằng không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 4385/QĐ-SHTT ngày 19/9/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 93790.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED (qua Công ty TNHH KEDA IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143919/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED

(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2022-01431 ngày 19/12/2022 của PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED; địa chỉ: No. 1011 Supalai Grand Tower, Floor 27, Rama 3 Road, Chongnonsi, Yannawa, Bangkok 10120, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH KEDA IP; khiếu nại về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 25138 theo Quyết định số 4384/QĐ-SHTT ngày 19/9/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5010/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 25138 bị từ chối sửa đổi vì việc thay đổi mẫu nhãn hiệu không phù hợp với yêu cầu và đã làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu được bảo hộ theo quy định tại điểm 20.1.b.(i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007.

Người khiếu nại cho rằng, việc sửa đổi nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 25138 bao gồm việc làm cong hai đầu ở phần dưới của hình tứ giác và loại bỏ viền màu vàng đồng ở cạnh trên và hai bên của nhãn hiệu không làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu đang được bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm 20.1.b Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ

Chủ văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ thu hẹp phạm vi bảo hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 của Luật Sở hữu trí tuệ trong các trường hợp sau đây:

(i) Yêu cầu sửa đổi một số chi tiết nhỏ nhưng không làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu;

Điểm 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định về việc xử lý yêu cầu sửa đổi thông tin trên văn bằng bảo hộ và thu hẹp phạm vi bảo hộ

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đơn, Cục Sở hữu trí tuệ phải xem xét yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ. Nếu xét thấy yêu cầu là hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ, đăng bạ và công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ trên Công báo sở hữu công nghiệp. Trong trường hợp ngược lại, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người yêu cầu thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi, có nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu trong thời hạn đã ấn định người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạy yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 25138 có yêu cầu loại bỏ viền màu vàng bao quanh và làm cong cạnh đáy của hình nền. Xét thấy, tổng thể nhãn hiệu đã thay đổi về hình dạng, màu sắc, làm thay đổi đáng kể mẫu nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 25138 không đáp ứng điều kiện sửa đổi được pháp luật quy định. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm 20.1.b.(i), 20.1.d Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 25138 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ sở hữu văn bằng không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 4384/QĐ-SHTT ngày 19/9/2022 về việc từ chối yêu cầu sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 25138.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và PATAYA FOOD INDUSTRIES LIMITED (qua Công ty TNHH KEDA IP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143920/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Quỳnh Anh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

PHY365

Xét đơn số KN4-2023-00596 ngày 09/10/2023 của Ông/Bà Nguyễn Quỳnh Anh; địa chỉ: 23/86/42 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH SIPCO; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-37649 theo Quyết định số 56866/QĐ-SHTT.$_{JP}$ ngày 27/07/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5026/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Quỳnh Anh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2020-37649 ngày 15/09/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 244018, 454803 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại không đồng ý với lý do từ chối bảo hộ trên cơ sở các lập luận như sau:

- Với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 244018 (nhãn hiệu đối chứng số 1)

Theo người khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn đối chứng số 1 và không thuộc vào trường hợp như quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ bởi lẽ:

Nhãn hiệu đăng ký cấu tạo từ

(1) phần hình là hình một bông hoa cách điệu bao gồm 03 cánh lớn được xếp đều nhau, ở giữa các cánh lớn là 03 cánh nhỏ hơn nằm xen kẽ;

(2) phần chữ là chữ "VENESA" được thể hiện cách điệu cùng màu xanh dương với phần hình và chữ "CARE" được thể hiện cách điệu màu xám ở phía dưới. Tổng thể nhãn hiệu được thiết kế có phần hình có tính độc đáo, khả năng phân biệt rất cao, và được sắp xếp cùng phần chữ có bố cục hài hòa và cân đối về tổng thể, sự tương phản về màu sắc giữa các thành phần càng tạo nên ấn tượng thị giác mạnh mẽ về nhãn hiệu. Đặc biệt là, với phần hình được thiết kế rất độc đáo và có tính phân biệt cao, nhãn hiệu đăng ký được tạo nên từ một tập hợp các thành phần có ấn tượng mạnh về thị giác, hoàn toàn khác biệt với thiết kế đơn điệu, chỉ bao gồm hình 2 chiếc lá khá phổ thông và dòng chữ được đặt bên dưới của nhãn hiệu đối chứng số 1.

Như vậy, có thể thấy ràng, về tổng thể, nhãn hiệu đăng ký cùng với sự kết hợp giữa phần chữ và phần hình có tính chất đặc trưng riêng là có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng số 1.

Ngoài sự khác biệt về hình thức, ấn tượng thị giác giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng số 1 như nêu trên, hai nhãn hiệu này còn có tính phân biệt về hàng hóa dịch vụ, mặc dù sản phẩm của cả hai nhãn hiệu đều thuộc nhóm 05:

Sản phẩm của nhãn hiệu đăng ký rất chi tiết và cụ thể là "đồ uống thải độc thích hợp cho mục đích y tế" - sản phẩm mang tính đặc thù cao, thích hợp cho mục đích y tế và được tiêu thụ theo kênh riêng biệt tới phần lớn người tiêu dùng đặc thù là người trong lĩnh vực y tế - là đối tượng người tiêu dùng có hiểu biết chuyên sâu và kỹ càng.

Sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng số 1 là "Thực phẩm chức năng", đây là một sản phẩm phổ thông với người tiêu dùng, theo quy định luôn phải ghi rõ ràng "sản phẩm không phải là thuốc" trên quảng cáo và ghi trên nhãn hàng.

Ngoài khả năng phân biệt giữa các nhãn hiệu như chúng tôi phân tích trên đây, chúng tôi thay rằng nhãn hiệu đối chứng số 1 đã không được chủ sở hữu sử dụng trong nhiều năm nay. Chúng tôi đã tiến hành thu thập bằng chứng về việc chù nhãn hiệu không sử dụng nhãn hiệu và sẽ nộp yêu cầu hủy hiệu lực nhãn hiệu đối chứng số 1 khi thu thập đủ bằng chứng.

- Đối với nhãn hiệu đối chứng theo đơn đăng ký số 4-2019-29660 (nhãn hiệu đối chứng số 2):

Thực tế đây cùng là nhãn hiệu của chủ Đơn và được đăng ký trước - từ năm 2019 và khi nộp đơn này, địa chỉ của chủ đơn là "Tầng 8 Việt Tower, số 1 Thái Hà, đường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội". Khi nộp hồ sơ cho nhãn hiệu đăng ký, dịa chỉ của chủ đơn đã có sự thay đổi về địa chỉ mới như ghi trong đơn đăng ký. Hiện nhãn hiệu đối chứng số 2 này đã được cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu số 454803 và chủ đơn đã làm thủ tục để thay đổi địa chỉ trên văn bằng theo đơn sửa đổi số SB4-2023-01862 nộp ngày 30/06/2023 đế thống nhất về địa chỉ giữa các đơn đăng ký nhãn hiệu của chủ đơn. Vì vậy, chúng tôi kính mong Quý Cục không xem xét nhãn này là nhãn hiệu đối chứng nữa.

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy rằng nhãn hiệu đăng ký của chủ đơn hoàn toàn có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng. Đồng thời, qua quá trình đăng ký và sử dụng, bản thân nhãn hiệu đăng ký đã đạt được sự phổ biến và được thị trường công nhận một cách rộng rãi.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

- Xét nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 244018, có phần chữ "venesa" sử dụng cho "thực phẩm chức năng" thuộc nhóm 05, tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "venesa" sử dụng cho "đồ uống thải độc thích hợp cho mục đích y tế" thuộc nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký. Các sản phẩm này là sản phẩm cùng loại vì đều có cùng chức năng và mục đích nâng cao sức khỏe con người. Hai nhãn hiệu so sánh tương tự gây nhầm lẫn, sử dụng cho sản phẩm cùng loại sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng chúng có chung nguồn gốc từ một chủ thể sản xuất. Do vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

- Người khiếu nại cho biết, nhãn hiệu đối chứng theo đơn số 4-2019-29660, nay đã được bảo hộ theo GCNĐKNH số 454803 thuộc sở hữu của chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-37649. Tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết khiếu nại, địa chỉ của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng chưa được ghi nhận về cùng địa chỉ của chủ đơn số 4-2020-37649. Do vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-37649 ngày 15/9/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 56866/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 27/07/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-37649 ngày 15/09/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Nguyễn Quỳnh Anh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Nguyễn Quỳnh Anh (qua Công ty Luật TNHH SIPCO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143921/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần BMC Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2023-00360 ngày 01/8/2023 của Công ty cổ phần BMC Việt Nam; địa chỉ: Lô MB 1-2, KCN Đức Hòa 1 – Hạnh Phúc, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-50583 theo Quyết định số 44010/QĐ-SHTT ngày 20/06/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5052/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần BMC Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2019-50583 ngày 12/12/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 10399 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký "Gardian" gồm 7 ký tự, có cấu trúc khác với nhãn hiệu đối chứng "GARDAN" gồm 6 ký tự.

Nhãn hiệu đăng ký có nghĩa là "cai ngục" trong tiếng Rumani, nhãn hiệu đối chứng có nghĩa là "người làm vườn" trong tiếng Bồ Đào Nha.

Nhãn hiệu đăng ký phát âm gồm 4 âm tiết /ga-rờ-đi-an/, khác với cách phát âm của nhãn hiệu đối chứng gồm 2 âm tiết /gác-dan/.

Hơn nữa, hai nhãn hiệu so sánh đều sử dụng cho sản phẩm thuộc nhóm 05, một ngành hàng phổ biến với lượng nhãn hiệu đăng ký rất lớn. Cục SHTT đã cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu "GARDEN".

Với những phân tích trên đây, dễ dàng nhận thấy nhãn hiệu đăng ký "Gardian" khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "GARDAN".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét tài liệu hiện có trong hồ sơ, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Gardian" và nhãn hiệu đối chứng "GARDAN" là dấu hiệu chữ không có nghĩa trong tiếng Việt và các ngôn ngữ thông dụng ở

Việt Nam là tiếng Anh, tiếng Pháp. Hai nhãn hiệu này có số lượng ký tự trùng 6/7, cụ thể, trùng 4 ký tự đầu "GARD-" và 2 ký tự đuôi "-AN". Tổng thể hai nhãn hiệu so sánh tương tự gây nhầm lẫn về ấn tượng thị giác. Khi hai nhãn hiệu này sử dụng cho các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 05 sẽ làm cho người tiêu dùng lầm tưởng rằng chúng có cùng nguồn gốc từ một chủ thể sản xuất. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-50583 ngày 12/12/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 44010/QĐ-SHTT ngày 20/06/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-50583 ngày 12/12/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần BMC Việt Nam có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần BMC Việt Nam (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143922/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH NOAH LEGEND
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2021-01040 ngày 25/11/2021 của Công ty TNHH NOAH LEGEND; địa chỉ: Tầng 9 tòa nhà Vietcomreal, số 68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0908641116; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-12751 theo Quyết định số 77336/QĐ-SHTT ngày 07/10/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5046/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH NOAH LEGEND với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2019-12751 ngày 17/04/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì dịch vụ "mua bán: thuốc, thực phẩm chức năng" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 296887, 329180 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì các lý do sau:

- Xét về cấu trúc và nội dung đăng ký

Nhãn hiệu đăng ký: xét về cấu trúc và nội dung đăng ký thì nhãn hiệu đăng ký của chúng tôi được cấu thành gồm phần hình và phần chữ lồng ghép vào nhau tạo thành biểu tượng đặc trưng của doanh nghiệp. Trong đó phần chữ là 2 từ: "NOAH LEGEND" với cách trình bày khác nhau, cụ thể là chữ NOAH màu xanh lá, trong đó điểm nhấn là chữ O được thiết kế cách điệu với hình bông hoa, phần này được trình bày với phông chữ to hơn nằm phía trên. Kế tiếp là chữ LEGEND màu đỏ với phông chữ nhỏ hơn. Tổng thể mẫu nhãn hiệu khi xem xét về mặt cấu trúc là 1 tổng thể không thể tách rời. Nội dung đăng ký nhãn hiệu của chúng tôi xuất phát từ tên doanh nghiệp là: "CÔNG TY TNHH NOAH LEGEND"mà trong đó thành phần chính là tên: "NOAH LEGEND" và các sản phẩm dịch vụ của chúng tôi kinh doanh tại Việt Nam đã được sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp phép với mã số doanh nghiệp là 0315302967 cấp ngày 01/10/2018.

Đối chứng đăng bạ quốc gia số 296887*:* nếu xét về cấu trúc thì cấu trúc của nhãn hiệu đối chứng số 296887chia thành 3 phần rõ rệt. Cụ thể là:

Phần hình chiếc thuyền nằm phía trên rất nhỏ. Tiếp theo là phần chữ "Noah" viết theo kiểu chữ viết thông thường. Tiếp theo là phần chữ tiếng Trung Quốc được đọc là: "Nuo Ya".

Nếu xét về nội dung thì nội dung xin bảo hộ của đối chứng số 296887 khi được bảo hộ cũng được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng phần chữ Hán, có nghĩa là khi người tiêu dùng phân biệt mẫu nhãn này cũng phải nhìn nhận trên cở sở cả cụm vừa hình, vừa chữ Noah và vừa chữ Tiếng Hán như mẫu nhãn đã đăng ký.

Đối chứng đăng bạ quốc gia số 329180: đối với đối chứng số 329180 thì cấu trúc được chia thành 2 phần, chủ yếu là phần chữ, cụ thể:

Phần phía trên là chữ "Protein" là từ chỉ thành phần của sản phẩm (không có khả năng phân biệt)

Tiếp đến là chữ Noah được trình bày theo kiểu chữ viết thông thường. Phần hình chỉ là 1 đường vòng cung nhỏ không có khả năng phân biệt.

Nếu xét về cấu trúc và nội dung thì cấu trúc của 2 đối chứng mà quý Cục nêu ra là hoàn toàn khác biệt so với cấu trúc thế hiện của mẫu nhãn hiệu đăng ký cùa công ty chúng tôi. Chúng tôi xin nhấn mạnh là mẫu nhãn hiệu của chúng tôi là một tổng thể không thể tách rời trong đó phần chữ là từ "NOAH LEGEND là từ có khả năng phân biệt được. Hơn nữa, chúng tôi không trình bày chữ theo cách thông thường mà là chữ được cách điệu tạo điểm nhấn. Điều này chúng tôi khẳng định bất cứ người tiêu dùng nào cũng có thể phân biệt được bằng mắt thường mẫu nhãn hiệu của chúng tôi so với 2 mẫu đối chứng mà quý Cục đưa ra.

- Xét về cách phát âm

Nhãn hiệu đăng ký: nếu chỉ xét về phần chữ, thì tên nhãn hiệu của chúng tôi sẽ được cấu thành từ 2 từ: "NOAH LEGEND" với 10 ký tự và các phát âm theo kiểu phiên âm tiếng Anh, đọc là: "no - ah - led - dʒən"

Đối chứng đăng bạ quốc gia số 296887*:* đối chứng số 296887 sẽ gây khó khăn cho người tiêu dùng nếu không biết đọc tiếng Trung Quốc, chỉ có thể đọc phát âm phần chừ còn lại theo dạng phát âm tiếng Anh là: "no-ah"

Đối chứng đăng bạ quốc gia số 329180*:* đối chứng số 329180 cũng được phát âm theo dạng phát âm tiếng Anh, chủ yếu là phát âm thành phần chính là: "no-ah", còn chữ "protein" còn lại là từ chỉ thành phần sản phẩm, là từ phổ biến, không có khả năng phân biệt.

- Ýnghĩa và hình thức thể hiện

Nhãn hiệu đăng ký: nếu xét về ý nghĩa và hình thức thể hiện thì mẫu nhãn hiệu của chúng tôi xuất phát từ ý tưởng là tên công ty "NOAH LEGEND" được trình bày cách điệu với phần hình và phần chữ lồng ghép vào nhau tạo thành bộ nhận diện thương hiệu riêng của doanh nghiệp, trong đó điểm nhấn là chữ o được thiết kế cách điệu với hình bông hoa mang đến sự hài hòa và cảm giác gần gũi với thiên nhiên. Đây chính là thông điệp mà công ty muốn truyền tải đến người tiêu dùng thông qua nhãn hiệu mà hiện tại công ty đang in ấn trên các bao bì sản phẩm và cho lưu hành ngoài thị trường.

Đối chứng đăng bạ quốc gia số 296887: không rõ ý nghĩa

Đối chứng đăng bạ quốc gia số 329180: không rõ ý nghĩa

Tóm lại: nếu so sánh về cấu trúc, nội dung, cách phát âm (đối với dấu hiệu chữ), ý nghĩa và hình thức thể hiện của dấu hiệu (đối với cả dấu hiệu chữ và dấu hiệu hình) thì nhãn hiệu của chúng tôi khác biệt hoàn toàn với đối chứng, hình thức trình bày khác biệt này ngay cả nhìn nhận bằng mắt thường cũng có thể phân biệt được, việc Quý Cục nhận định rằng, nhãn hiệu của chúng tôi "gây nhầm lẫn" với 2 đối chứng mà Quý Cục đưa ra là chưa đủ sức thuyết phục

Nếu xét về nhóm sản phẩm: ở đây chỉ xét nhóm 35: "mua bán", vì chúng tôi là một đơn vị kinh doanh mua bán, chúng tôi không gắn nhãn hiệu trực tiếp lên sản phẩm mà chỉ dùng để quảng cáo trên website bán hàng, biển hiệu của các cửa hàng, chuỗi cửa hàng của công ty chúng tôi. Sản phẩm chúng tôi kinh doanh là những sản phẩm của các đối tác nổi tiếng từ nước ngoài, đã có thương hiệu, mã vạch riêng. Việc quý Cục đưa các sản phẩm ở các nhóm ngành hàng khác vào (cụ thể là các nhóm ngành hàng gắn trực tiếp tên thương hiệu lên sản phẩm) để làm đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký của chúng tôi là chưa đủ sức thuyết phục. Đơn cử đối chứng số 329180 - đăng ký cho nhóm 05 và nhóm 29 không liên quan đến nhóm 35 mà nhãn hiệu của chúng tôi đăng ký.

Riêng đối với đối chứng số 296887 có nhóm 35, cụ thể là: bán lẻ và bán buôn dụng cụ nông nghiệp; bán lẻ và bán buôn thuốc; bán lẻ và bán buôn thực phẩm; bán lẻ và bán buôn sản phẩm dùng cho bà mẹ và trẻ em, cụ thể là bán lẻ và bán buôn sữa, tã lót, quần áo, đồ chơi, kem chống rạn da, chế phẩm mỹ phẩm để chăm sóc da, khăn lau bằng giấy, sữa bột, bình sữa cho trẻ em, bột gạo dùng cho trẻ em, chất bổ sung ăn kiêng cho trẻ em, bơm dùng để hút sữa mẹ, sữa tắm dùng cho trẻ em, chất tẩy rửa đồ dùng của trẻ em; dịch vụ đại lý xuất nhập khẩu. Trong nhóm 35 của đối chứng không có danh mục sản phẩm: "thực phẩm chức năng". Do đó, việc Quý Cục dùng đối chứng này để từ chối đối với danh mục sản phẩm: "thực phẩm chức năng" của công ty chúng tôi là chưa đủ sức thuyết phục.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu "NOAH LEGEND, hình" theo đơn số 4-2019-12751 không được bảo hộ đối với dịch vụ "mua bán: thuốc, thực phẩm chức năng" vì phần chữ "NOAH" là yếu tố chủ đạo, trình bày lớn hơn so với phần chữ "LEGEND", tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "Noah" là yếu tố phân biệt của nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 296887, 329180 cho sản phẩm thuộc nhóm 05.

Xét về cấu trúc, hình thức thể hiện: phần chữ "NOAH" trong nhãn hiệu đăng ký có ký tự "O" cách điệu, vẫn được nhìn nhận rõ là "NOAH". Phần chữ này có các ký tự trùng ở cùng vị trí với phần chữ "Noah" của nhãn hiệu đối chứng, tương tự gây nhầm lẫn ở góc độ thị giác.

Về phát âm: phần chữ "NOAH", "Noah" trong các nhãn hiệu so sánh đều cùng số lượng âm tiết và đọc là /nô-ah/.

Về mối liên hệ giữa dịch vụ "mua bán: thuốc, thực phẩm chức năng" sử dụng nhãn hiệu đối chứng và sản phẩm thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng: giữa chúng có mối liên quan chặt chẽ với nhau về phương thức thực hiện. Cụ thể, dịch vụ "mua bán: thuốc, thực phẩm chức năng" là kết quả của việc khai thác hàng hóa thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đối chứng. Riêng đối với sản phẩm "thực phẩm chức năng" được cung cấp bởi dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký, sản phẩm này có cùng kênh thương mại với "dược phẩm" và cùng mục đích sử dụng với "chất bổ sung dinh dưỡng" "chất bổ sung protein dùng cho mục đích y tế", "chất bổ sung dinh dưỡng chứa vitamin", "chất bổ sung albumin dùng cho ăn kiêng", "thực phẩm chứa anbumin dùng cho mục đích y tế"… được liệt kê trong danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Hơn nữa, dịch vụ "bán lẻ và bán buôn thuốc" mang nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 296887 là dịch vụ cùng loại với dịch vụ "mua bán: thuốc, thực phẩm chức năng" mang nhãn hiệu đăng ký.

Nhãn hiệu đăng ký về tổng thể tuy được trình bày khác với các nhãn hiệu đối chứng nhưng đều có phần chữ "NOAH", "Noah" tương tự gây nhầm lẫn và là yếu tố có khả năng phân biệt. Vì vậy, khi sử dụng những nhãn hiệu này cho cùng loại dịch vụ hoặc dịch vụ có mối liên quan chặt chẽ với sản phẩm, sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng rằng chúng có nguồn gốc từ một chủ thể cung cấp hàng hóa/dịch vụ. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-12761 ngày 17/4/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 77336/QĐ-SHTT ngày 07/10/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-12751 ngày 17/04/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH NOAH LEGEND có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH NOAH LEGEND có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143923/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Koelner Rawlplug IP Sp. z o.o
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2018-00161 ngày 26/02/2018 của Koelner Rawlplug IP Sp. z o.o; địa chỉ: ul. Kwidzynska 6 PL-51-416 Wroclaw, Poland; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1326103 theo Thông báo số 2016/51 NHTr07 ngày 28/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5062/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Koelner Rawlplug IP Sp. z o.o với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐQT) số 1326103 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 200297, 200298 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì nhãn hiệu đối chứng cũng thuộc sở hữu của chủ đơn ĐQT. Chủ đơn ĐQT số 1326103 đã tiến hành chuyển nhượng hai nhãn hiệu đối chứng về cùng sở hữu của chủ đơn. Như vậy, sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 200297, 200298 sẽ không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1326103 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1326103 tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 200297, 200298. Tuy nhiên, chủ đơn đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng về cùng chủ sở hữu. Do tên và địa chỉ của các nhãn hiệu nêu trên đã thống nhất, như vậy nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thuộc cùng chủ sở hữu. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không dùng nhãn hiêu theo GCNĐKNH số 200297, 200298 làm đối chứng để từ chối nhãn hiệu đăng ký theo đơn quốc tế số 1326103.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1326103, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/51 NHTr07 ngày 28/11/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1326103.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1326103.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Koelner Rawlplug IP Sp. z o.o (qua Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143924/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Dometic Sweden AB
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2016-00822 ngày 23/9/2016 của Dometic Sweden AB; địa chỉ: Hemvarnsgatan 15, 171 54 Solna, SE, Sweden; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-00564 theo Quyết định số 38486/QĐ-SHTT ngày 28/06/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4338/BC-

TTKN ngày 04/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Dometic Sweden AB với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DOMETIC" theo đơn đăng ký số 4-2016-00564 (tách từ đơn số 4-2014-05585) ngày 19/03/2014 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "DOMETEC" của nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106277 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký vì:

- Thứ nhất, Nhãn hiệu xin đăng ký có khả năng phân biệt với Nhãn hiệu đối chứng về dấu hiệu nhận biết và sản phẩm/dịch vụ.

- Thứ hai, Nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng trong năm năm tính đến ngày nộp đơn khiếu nại. Bản sao Công văn số 425/TT-TTKTQT ngày 08.09.2016 đã được bổ sung để chứng minh tình trạng không sử dụng.

- Thứ ba, Nhãn hiệu đối chứng đang bị xem xét chấm dứt hiệu lực trên cơ sở không sử dụng.

Như vậy, sau khi nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 106277 bị chấm dứt hiệu lực, nhãn hiệu này sẽ không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-00564 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "DOMETIC" theo đơn số 4-2016-00564 bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "DOMETEC" trong nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 106277. Mặc dù nhãn hiệu đối chứng đã bị chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 5433/QĐ-SHTT ngày 08/11/2019 nhưng tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 38468/QĐ-SHTT ngày

28/06/2016 về việc từ chối cấp GCNĐKNH theo đơn số 4-2016-00564, nhãn hiệu này vẫn có hiệu lực. Do vậy, đề nghị trong đơn khiếu nại của chủ đơn số 4-2016-00564 không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-00564 (tách từ đơn số 4-2014-05585) ngày 19/03/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 38486/QĐ-SHTT ngày 28/06/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-00564 (tách từ đơn số 4-2014-05585) ngày 19/03/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Dometic Sweden AB có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Dometic Sweden AB (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143925/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sơn xây dựng Hoa Mặt Trời
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2016-00921 ngày 03/11/2016 của Công ty TNHH sơn xây dựng Hoa Mặt Trời; địa chỉ: 222/08 Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2014-23177 theo Quyết định số 50005/QĐ-SHTT ngày 12/08/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4875/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sơn xây dựng Hoa Mặt Trời với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-23177 ngày 29/09/2014 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 17506, 76176, Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 976086 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại không đồng ý với Cục Sở hữu trí tuệ vì nhãn hiệu đăng ký "SUNNI ECO" có 8 ký tự được trình bày bằng phông chữ in hoa chân phương; còn nhãn hiệu đối chứng "SUNNY" gồm 5 ký tự, trong đó ký tự "S" in hoa và ký tự cuối "y" khác với ký tự "i". Nhãn hiệu đối chứng "eco" chỉ giống ký tự đầu "E" còn lại khác hoàn toàn. Về tổng thể, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng khác nhau về cấu trúc, cách trình bày, vì vậy có khả năng phân biệt với nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "SUNNI ECO" không tương tự gây nhầm lẫn với đối chứng "eco, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 976086, nhãn hiệu "EKO" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 76176. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu "eco, hình", "EKO" nêu trên làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2014-23177.

Nhãn hiệu đăng ký "SUNNI ECO" là cụm từ kết hợp bởi "SUNNI" và "ECO"; trong đó "ECO" dùng để mô tả các sản phẩm thân thiện với môi trường, không có khả năng phân biệt. Thành phần phân biệt chính của nhãn hiệu đăng ký là "SUNNI" tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "SUNNY" về

cấu trúc, phát âm. Sự khác biệt ký tự "Y" và "I" ở vị trí cuối cùng trong cặp nhãn hiệu so sánh, không làm thay đổi về số lượng âm tiết, cách phát âm của chúng. Khi hai nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn được sử dụng cho sản phẩm (sơn, dầu bóng) cùng loại thuộc nhóm 02 sẽ làm cho người tiêu dùng nhầm tưởng rằng chúng có cùng nguồn gốc từ một chủ thể sản xuất.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2014-23177 ngày 29/09/2014 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 50005/QĐ-SHTT ngày 12/08/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2014-23177 ngày 29/09/2014.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sơn xây dựng Hoa Mặt Trời có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sơn xây dựng Hoa Mặt Trời có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143926/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2022-00191 ngày 28/02/2022 của Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ; địa chỉ: Số 46, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn A & S; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-10792 theo Quyết định số 99557/QĐ-SHTT ngày 21/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4710/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-10792 ngày 04/04/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 327954 và hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo số 12420/SHTT-NH ngày 30/03/2021 về kết quả thẩm định nội dung theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại không đồng ý với lý do từ chối bảo hộ vì thực tế, nhãn hiệu đối chứng thuộc sở hữu của chủ đơn, do sự khác nhau về địa chỉ nên nhãn hiệu đăng ký đã bị từ chối cấp GCNĐKNH.

Thay vì sửa đổi văn bằng để chứng minh sự thống nhất địa chỉ, chủ đơn đã nộp tuyên bố chấm dứt hiệu lực các nhãn hiệu đối chứng trên cơ sở không còn nhu cầu sử dụng, do đã thay đổi nhận diện mới trên đơn số 4-2019-10792.

Do đó, thực hiện theo mong muốn của chủ đơn, chúng tôi đã tiến hành nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực với DOWNTOWN FOOD (GCNĐKNH số 327954) theo yêu cầu tại đơn số ĐC4-2021-00034 ngày 04/11/2021.

Trong Tuyên bố tự chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu này, chủ đơn đã thể hiện rõ việc trả lời mong muốn được tiếp tục bảo hộ nhãn hiệu GIAO LỘ ÂM THỰC theo đơn số 4-2019-10792 sau khi đã tự tuyên bố chấm dứt nhãn hiệu DOWNTOWN FOOD trước đó. Điều này đã được thể hiện trong văn bản nộp lên Cục Sở hữu trí tuệ ký nộp cùng hồ sơ tuyên bố chấm dứt hiệu lực.

Tuy nhiên do sơ suất của người đại diện nên chúng tôi đã bị nhầm trong việc đợi Cục ra kết quả chấm dứt hiệu lực đơn nêu trên thì sẽ tiến hành phúc đáp trả lời công văn này. Ngày 20/12/2021 chúng tôi nhận được Quyết định chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng thì ngày 21/12/2021 chúng tôi đã nhận được Quyết định từ chối bảo hộ nhãn hiệu. Điều này thực sự ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ đơn khi trong hồ sơ đề nghị chấm dứt họ đã thể hiện mong muốn được tiếp tục bảo hộ nhãn hiệu này kèm theo tài liệu chứng minh.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn

hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 99557/QĐ-SHTT ngày 21/12/2021 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-10792, nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 327954 đang có hiệu lực. Do địa chỉ của chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-10792 khác với địa chỉ của chủ nhãn hiệu đối chứng nên không có cơ sở cho rằng chúng thuộc về cùng một chủ sở hữu. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-10792 ngày 04/04/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 99557/QĐ-SHTT ngày 21/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-10792 ngày 04/04/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ (qua Công ty TNHH Tư vấn A & S) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143927/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2022-00192 ngày 28/02/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ; địa chỉ: Số 46, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn A & S; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-10793 theo Quyết định số

99558/QĐ-SHTT ngày 21/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4717/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".
Nội dung khiếu nại không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 99558/QĐ-SHTT ngày 21/12/2021.

2. Nhận định, đánh giá:

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-10793 ngày 04/04/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 99558/QĐ-SHTT ngày 21/12/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-10793 ngày 04/04/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ (qua Công ty TNHH Tư vấn A & S) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143928/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Shiseido Americas Corporation
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2017-00939 ngày 29/8/2017 của Shiseido Americas Corporation; địa chỉ: 301 Route 17 North, 10th Floor Rutherford NJ 07070 USA (địa chỉ hiện tại: 390 Madison Avenue, 15th Floor, New York NY 10017 US); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1305848 theo Thông báo số 2016/32NNL09 ngày 21/06/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4688/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Shiseido Americas Corporation với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 1305848 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo đăng ký quốc tế nhãn hiệu (ĐKQT) số 953501, 959063 theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại cung cấp bằng chứng cho thấy các nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực và không được gia hạn từ ngày 07/05/2017. Cho tới thời điểm hiện tại, nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn quá 05 năm và không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1305848 theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 953501, 959063 đã hết hiệu lực ngày 07/05/2017. Do vậy, các nhãn hiệu này không được dùng làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn quốc tế số 1305848.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1305848, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/32NNL09 ngày 21/06/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1305848.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1305848.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Shiseido Americas Corporation (qua Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143929/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần kỹ thuật MEP
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

PHY365

Xét đơn số KN4-2024-00664 ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần kỹ thuật MEP; địa chỉ: LK5A-34, Làng Việt Kiều Châu Âu, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: CÔNG TY LUẬT TNHH LEGOS; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-02384 theo Quyết định số

65460/QĐ-SHTT ngày 31/05/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4689/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần kỹ thuật MEP với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-02384 ngày 19/01/2021 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 329918 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại cho rằng nhãn hiệu nêu trên không có khả năng làm đối chứng từ chối nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-02384bởi:

Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với nhãn hiệu có trước về cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa và ấn tượng thị giác. Nhãn hiệu khi thẩm định cần được xem xét dưới dạng tổng thể và không thể bị chia tách thành từng phần để xem xét. Nhãn hiệu đăng ký là một từ "MEP" có nghĩa thuần Việt là cạnh/khóe miệng/rìa của vật có hình tấm, một âm tiết, thể hiện bằng màu sắc xanh lơ, đỏ. Nhãn hiệu đối chứng là từ tự đặt không có nghĩa "MEPcons" kết hợp với các phần chữ khác mô tả việc lắp đặt các dịch vụ cung cấp không gian thoải mái cho tòa nhà; màu sắc thể hiện là đen trắng. Thực tế cũng đã chứng minh nhiều nhãn hiệu có chứa các các chữ cái được sắp xếp theo thứ tự "MEP" của các chủ sở hữu khác nhau đã cùng song song tồn tại trong đăng bạ nhãn hiệu của Quý Cục, ví dụ nhãn hiệu được bảo hộ theo các GCNĐKNH số 422758, 457084, 0331427.

Nhãn hiệu có trước số 329918: "MEPCONS" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn 5 năm liên tục. Như vậy sau khi GCNĐKNH số 329918 bị chấm dứt hiệu lực thì nhãn hiệu có trước không còn là rào cản đối với việc đăng ký nhãn hiệu "MÉP" theo đơn số 4-2021-02384.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc

tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "MEP, hình" chứa phần chữ trùng với thành phần nổi bật, gây ấn tượng nhận biết "MEP" trong nhãn hiệu đối chứng "MEPCONS" khi được sử dụng cho cùng loại dịch vụ sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng rằng các dịch vụ đó cùng một chủ thể cung cấp.

Tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 65460/QĐ-SHTT ngày 31/05/2024 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-02384, nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 329918 đang có hiệu lực.

Các trường hợp được người khiếu nại viện dẫn không tương đương với vụ việc đang xem xét.

Do vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-02384 ngày 19/01/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 65460/QĐ-SHTT ngày 31/05/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-02384 ngày 19/01/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần kỹ thuật MEP có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công

nghiệp và Công ty cổ phần kỹ thuật MEP (qua CÔNG TY LUẬT TNHH LEGOS) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143930/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00643 ngày 04/7/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa; địa chỉ: Số 118 đường Lò Siêu, Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

PHY365

(GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-27024 theo Quyết định số 64628/QĐ-SHTT ngày 30/05/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4690/BC-TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-27024 ngày 01/07/2021 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 229991, 229992 theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại cho rằng các nhãn hiệu nêu trên không có khả năng làm đối chứng từ chối nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-27024 bởi GCNĐKNH số 229991, 229992 đã hết hiệu lực từ ngày 28/08/2022 và không được chủ sở hữu tiếp tục gia hạn. Hơn nữa, theo kết quả tra cứu của Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công thương số 369/TT-TTKTQT, 370/TT-TTKTQT ngày 11/08/2023; Kết quả tra cứu thông tin sử dụng nhãn hiệu "GUDANG GARAM" của Bản tin thị trường giá cả - Viện Kinh tế - Tài chính – Học viện Tài chính – Bộ Tài chính số 50/VKTTC-TTGC-CVNH ngày 04/07/2024, nhãn hiệu đối chứng không được sử dụng 05 năm liên tục tại Việt Nam. Do nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 229991, 229992không được gia hạn hiệu lực ở Việt Nam, chủ sở hữu không sử dụng liên tục trong 5 năm nên không là đối chứng từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2021-27024.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Tại thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 64628/QĐ-SHTTngày 30/05/2024 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2021-27024, các nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 229991, 229992 hết hạn chưa quá 05 năm. Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, các nhãn hiệu này đủ điều kiện làm đối chứng từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2021-27024 ngày 01/07/2021. Do vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-27024 ngày01/07/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 64628/QĐ-SHTT ngày 30/05/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-27024 ngày 01/07/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Mã Hoa (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143931/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Kyowa Chemical Industry Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN5-2018-00081 ngày 26/01/2018 của Kyowa Chemical Industry Co., Ltd. (nay là SETOLAS Holdings, Inc.); địa chỉ: 305, Yashimanishi-machi, Takamatsu-shi Kagawa-ken 761-0113 Japan (địa chỉ hiện tại: 8-1, Togiya-machi, Takamatsu-shi, Kagawa 760-0026 JP); đại diện bởi: Công ty Luật TNHH T&G; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1324128 theo Thông báo số 2016/49 NDT06 ngày 06/11/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4437/BC-TTKN ngày 07/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Kyowa Chemical Industry Co., Ltd. (nay là SETOLAS Holdings, Inc.) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "DHT" theo ĐQT số 1324128 bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "DHT" trong nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 102942 theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký trên cơ sở những lý do dưới đây:

- Phần chữ "DHT" trong nhãn hiệu đối chứng "ĐÔNG HIỆP THÀNH DHT, hình" không được bảo hộ riêng, không phải là rào cản đối với dấu hiệu xin đăng ký:

Nhãn hiệu đối chứng "ĐÔNG HIỆP THÀNH DHT, hình" được nộp ngày 15/05/2006 trước khi Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) số 50/2005/QH11 có hiệu lực ngày 01/07/2006 nên việc xem xét đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng theo các quy định pháp luật có hiệu lực trước ngày Luật SHTT có hiệu lực. Cụ thể, đối với các nhãn hiệu hoặc yếu tố trong nhãn hiệu có 3 chữ cái hoặc ít hơn 3 chữ cái mà không có khả năng phát âm như một từ sẽ không được bảo hộ riêng. Phần chữ "DHT" trong nhãn hiệu đối chứng theo đó đã được ghi nhận là yếu tố không được bảo hộ riêng, bị loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng. Điều đó đồng nghĩa với việc chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng sẽ không có quyền ngăn cản người khác đăng ký hoặc/và sử dụng các nhãn hiệu chính là đối tượng loại trừ "DHT" hoặc chứa đối tượng loại trừ "DHT".

Trên thực tế, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã chấp thuận bảo hộ nhiều nhãn hiệu chứa phần chữ "DHT" của các chủ sở hữu khác nhau cho cùng dịch vụ mua bán các sản phẩm trùng lặp/tương tự thuộc nhóm 35 như nhãn hiệu theo đăng ký số 82275 cấp ngày 22/05/2007, đăng ký số 102942 cấp ngày 12/06/2008, đăng ký số 211421 cấp ngày 03/09/2013, đăng ký số 241383 cấp ngày 11/03/2015. Việc Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận bảo hộ các nhãn hiệu chứa phần chữ "DHT" bao gồm cả nhãn hiệu đã nộp trước và nộp sau ngày hiệu lực 01/07/2006 của Luật SHTT như trên càng làm rõ nhận định: chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng sẽ không có quyền ngăn cản người khác đăng ký hoặc/và sử dụng các nhãn hiệu chính là đối tượng loại trừ "DHT" hoặc chứa đối tượng loại trừ "DHT". Như vậy, không có cơ sở nào để khẳng định rằng phần chữ "DHT" trong nhãn hiệu

đối chứng được bảo hộ. Do đó, việc Cục Sở hữu trí tuệ sử dụng nhãn hiệu đối chứng này để làm cơ sở từ chối bảo hộ dấu hiệu xin đăng ký là chưa thỏa đáng.

- Dấu hiệu xin đăng ký "DHT" không tương tự tới mức nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng:

Dấu hiệu xin đăng ký "DHT" khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "ĐÔNG HIỆP THÀNH DHT, hình" về mặt thị giác, cách phát âm, và sản phẩm/dịch vụ mang hai nhãn hiệu hướng tới đối tượng người tiêu dùng khác nhau. Về mặt thị giác, dấu hiệu xin đăng ký "DHT" bao gồm duy nhất phần chữ "DHT" được trình bày dưới dạng phông chữ tiêu chuẩn. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "ĐÔNG HIỆP THÀNH DHT, hình" là nhãn hiệu kết hợp, bao gồm phần chữ "ĐÔNG HIỆP THÀNH" là tên của chủ sở hữu nhãn hiệu, phần chữ "DHT" và phần hình là hai hình tam giác cách điệu đặt cạnh nhau và liên kết với nhau bởi một vòng tròn. đối với các nhãn hiệu kết hợp, nếu phần chữ có khả năng phân biệt thì sẽ có nhiều khả năng được người tiêu dùng ghi nhớ và sử dụng để gọi tên các sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu. Hơn nữa, phần chữ "DHT" trong nhãn hiệu đối chứng được thể hiện nhỏ nhất nên sẽ ít được chú ý nhất trong nhãn hiệu đối chứng. Với lý do đó, theo chúng tôi, nhiều khả năng người tiêu dùng khi nhìn thấy nhãn hiệu đối chứng sẽ sử dụng phần chữ "ĐÔNG HIỆP THÀNH" là tên của chủ sở hữu nhãn hiệu để gọi tên/ghi nhớ các sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng. Người khiếu nại cho rằng người tiêu dùng hoàn toàn có khả năng phân biệt hai nhãn hiệu về mặt thị giác.

Về mặt phát âm, dấu hiệu xin đăng ký "DHT" được phát âm là /đê-hắt-tê/ theo tiếng Việt hoặc /đi-ết-ti/ theo tiếng Anh. Trong khi đó, như phân tích ở trên, người tiêu dùng khi nhìn thấy nhãn hiệu đối chứng sẽ sử dụng phần chữ "ĐÔNG HIỆP THÀNH" là tên của chủ sở hữu nhãn hiệu để gọi tên/ghi nhớ các sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng, nên sẽ đọc nhãn hiệu đối chứng là /ĐÔNG HIỆP THÀNH/. Ngay cả đối với số ít các trường hợp, người tiêu dùng đọc nhãn hiệu đối chứng là /ĐÔNG HIỆP THÀNH, đê-hắt-tê/ thì cũng khác biệt với dấu hiệu xin đăng ký. Từ những phân tích trên, theo chúng tôi người tiêu dùng hoàn toàn có thể phân biệt được hai nhãn hiệu này do có cách phát âm hoàn toàn khác nhau.

Các sản phẩm "hoá chất công nghiệp; chất ổn định po-li-me; hoá chất phụ gia cho po-li-me; hóa chất phụ gia cho sản xuất nhựa" mang dấu hiệu xin đăng ký là những sản phẩm đặc thù, và được sử dụng trong ngành sản xuất công nghiệp, sản xuất nhựa, po-li-me. Thông thường, những sản phẩm này được bán tới các công ty/nhà sản xuất công nghiệp thông qua đặt hàng, hoặc một kênh phân phối riêng biệt và sẽ không bán tại các cửa hàng bán lẻ hóa chất thông

thường. Trong khi đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là một công ty buôn bán nhiều sản phẩm khác nhau trong đó có nguyên vật liệu, phụ tùng hóa chất. Theo chúng tôi, sản phẩm "nguyên vật liệu, phụ tùng hóa chất" mang nhãn hiệu đối chứng là các sản phẩm đầu vào của các công ty sản xuất hóa chất, là sản phẩm khác biệt với các sản phẩm mang dấu hiệu xin đăng ký. Có thể khẳng định rằng sản phẩm nhóm 01 mang dấu hiệu xin đăng ký khác biệt về mặt bản chất, mục đích sử dụng và kênh phân phối với các sản phẩm là đối tượng của dịch vụ nhóm 35 mang nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 102942 đã hết hạn kể từ ngày 15/05/2016. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý không sử dụng nhãn hiệu này làm đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1324128. Vì vậy, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của chủ đơn ĐQT số 1324128 là phù hợp.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1324128, không áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/49 NDT06 ngày 06/11/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1324128.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1324128.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Kyowa Chemical Industry Co., Ltd. (nay là SETOLAS Holdings, Inc.) (qua Công ty Luật TNHH T&G) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143932/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Văn Hiển
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2022-01167 ngày 06/10/2022 của Ông/Bà Nguyễn Văn Hiển; địa chỉ: Số 256 đường Hòa Bình, thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, điện thoại 0974949996; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-17699 theo Quyết định số 73226/QĐ-SHTT ngày 23/08/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4864/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Nguyễn Văn Hiển với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "PARI" theo đơn số 4-2019-17699 ngày 22/05/2019 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì là cách viết tiếng Việt chỉ địa danh Paris (thủ đô của nước Pháp), chủ đơn là người Việt Nam nên gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm/dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại không đồng ý với lý do từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-17699 vì các lập luận sau:

- Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký "PARI" có sự phân biệt với "PARIS" thủ đô nước Pháp cả về cấu trúc, phát âm và ý nghĩa.

Về cấu trúc, phát âm, một bên không có chữ "s" và cách phát âm theo tiếng Anh là "pe-rai", trong khi thủ đô nước pháp "PARIS" phát âm là /'pæris/ (pa-ríts).

Nhãn hiệu đăng ký "PARI" không trùng và không tương tự về ý nghĩa với "PARIS".

- Thứ hai, khác biệt về nhóm sản phẩm/dịch vụ.

Nhắc tới "PARIS" là người ta nghĩ ngay đến thành phố/kinh đô thời trang nổi tiếng bậc nhất trên thế giới, là nơi đi tiên phong trong ngành công nghiệp thời trang. Trong khi đó, nhãn hiệu "PARI" đăng ký cho nhóm sản phẩm về vật liệu xây dựng [nhóm 02 (sơn, sơn lót,...); nhóm 19 (bột bả); nhóm 35 (xuất khẩu; nhập khẩu; mua bán các sản phẩm sơn, sơn lót, sơn chống gỉ, sơn diệt khuẩn, sơn chịu lửa)]. Do đó, sản phẩm/dịch vụ trong danh mục hoàn toàn khác biệt với sản phẩm đặc thù của thủ đô PARIS của nước Pháp.

- Thứ ba, chưa có tài liệu nào khẳng định về việc "PARI" là cách viết tiếng Việt chỉ thủ đô nước Pháp như Quyết định số 73226/QĐ-SHTT ngày 23/08/2022. Tên của thủ đô nước Pháp là "PARIS" – Kinh đô ánh sáng, được hầu như tất cả mọi người trên thế giới biết tới. Còn nhãn hiệu đăng ký "PARI" là từ tự tạo, không mang ý nghĩa, không có hàm ý chỉ địa danh hay một ý nghĩa nào khác.

- Thứ tư, một số trường hợp tương tự đã được bảo hộ tại Việt Nam, như nhãn hiệu PARI.Đ.P, Pari-CR, PARISALON, PARIR, PARISKIN, Parit. Và gần đây là nhãn hiệu "SEUL" theo đơn số 4-2019-19319 của chúng tôi đã được cấp GCNĐKNH.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "PARI" theo đơn số 4-2019-19319 là dấu hiệu tương tự đến mức gây nhầm lẫn với địa danh "Paris" – tên của thủ đô nước Pháp gây nên sự lầm tưởng rằng hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm 02, 19, 35 có nguồn gốc từ quốc gia này. Hơn nữa, nhãn hiệu đăng ký gồm duy nhất yếu tố chữ "PARI", không kết hợp với các thành phần khác cùng với địa chỉ của chủ đơn ở "huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam", vì vậy sẽ mang tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa/dịch vụ mặc dù hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu "PARI" không có mối quan hệ với địa danh "Paris". Do vậy, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

Các trường hợp viện dẫn có chứa phần chữ "PARI" kết hợp với các yếu tố chữ khác hoặc là tiếp đầu ngữ của nhãn hiệu đã được bảo hộ vì vậy không tương tự với vụ việc đang xem xét.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-17699 ngày 22/05/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 73226/QĐ-SHTT ngày 23/08/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-17699 ngày 22/05/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Nguyễn Văn Hiển có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Nguyễn Văn Hiển có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143933/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Giáo Dục Ngôi Sao
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2014-01153 ngày 18/11/2014 của Công ty TNHH Giáo Dục Ngôi Sao; địa chỉ: 08 Đặng Đại Độ, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-23889 theo Quyết định số 50889/QĐ-SHTT ngày 27/08/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4884/BC-

TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Giáo Dục Ngôi Sao với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn 4-2011-23889 ngày 10/11/2011 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 17809, 19461, 161862, 93280 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2011-23889 vì lý do sau:

So với 03 nhãn hiệu đối chứng số 17809, 19461 và 161862, nhãn hiệu đăng ký của doanh nghiệp có chữ "Star education Ltd" là tập hợp không tách rời, tuy cùng có chữ "Star" nhưng về tổng thể thì thành phần của nhãn hiệu muốn đăng ký không trùng hoặc tương tự với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên vì ngoài phần nhãn hiệu còn bao gồm hình ngôi sao và mầm non trắng bên trong, phần chữ và phần hình có màu xanh lá, từ đó cho thấy sự khác biệt về thiết kế kiểu chữ, màu sắc, biểu tượng đặc trưng của nhãn hiệu. Thêm vào đó, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký là "giáo dục" trong khi các nhãn hiệu đối chứng là "dịch vụ truyền thanh, truyền hình", đây là hai lĩnh vực hoạt động khác nhau nên không có khả năng nhầm lẫn. Nhãn hiệu đối chứng "MẦM NON NGÔI SAO" không tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Ngoài ra, nhãn hiệu đăng ký đã được chủ đơn sử dụng có uy tín và nhiều người biết từ khi thành lập cho tới nay.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ hiện có, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Star Education., Ltd, hình" bao gồm thành phần phân biệt "Star" là từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt là "ngôi sao" trùng với phần chữ "STAR" trong nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 17809, 19461, 161862 và cùng ý nghĩa với phần chữ "NGÔI SAO" trong nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ theo GCNĐKNH số 93280 cho dịch vụ cùng loại hoặc liên quan tới "giáo dục đào tạo" thuộc nhóm 41 (bao gồm "dịch vụ giáo

dục dưới dạng lập kế hoạch,…; dịch vụ thông tin giáo dục;…tổ chức các cuộc thi mang tính chất giáo dục" thuộc nhóm 41 theo GCNĐKNH số 17809, 19461, 161862; "trường mẫu giáo" thuộc nhóm 41 theo GCNĐKNH số 93280). Phần chữ "Education., Ltd" còn lại của nhãn hiệu đăng ký là yếu tố mô tả, không có khả năng phân biệt. Như vậy, các dịch vụ cùng loại, liên quan khi sử dụng nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn sẽ làm người tiêu dùng lầm tưởng rằng chúng có nguồn gốc từ một chủ thể cung cấp. Do đó, đề nghị của người khiếu nại không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-23889 ngày 10/11/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 50889/QĐ-SHTT ngày 27/08/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-23889 ngày 10/11/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Giáo Dục Ngôi Sao có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Giáo Dục Ngôi Sao có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143934/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Makhteshim Chemical Works Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2015-00971 ngày 27/10/2015 của Makhteshim Chemical Works Ltd.; địa chỉ: P.O.Box 60, 84100 Beer Sheva, Israel; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-22745 theo Quyết định số 48053/QĐ-SHTT ngày 11/8/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4766/BC-TTKN ngày 14/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Makhteshim Chemical Works Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "DOXAGAN" cho các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đơn số 4-2011-22745 ngày 27/10/2011 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "DOLAGAN" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 157044 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký "DOXAGAN" và nhãn hiệu đối chứng "DOLAGAN" có phát âm khác nhau "đô-xa-gan" và "đô-la-gan". Phần tiền tố "DOXA" và "DOLA" của hai nhãn hiệu là khác nhau và cùng được ghép với phần hậu tố "GAN" là một hậu tố phổ biến của nhiều sản phẩm dược. Như "FENCOGAN", "BLASTOGAN", "TOMIGAN", "GLYPHOGAN".

- Ngoài ra, nhiều nhãn hiệu đang tồn tại song song cho các sản phẩm cùng loại thuộc nhóm 05 theo tên của nhiều chủ sở hữu khác nhau mà không gây nhầm lẫn với nhau (ví dụ như "AVAXIM" và "ARTAXIM"; "PERITOL" và "PERIDAL"; "ZOMBACIM" và "COMBAXIM", "EROPIM" và "EROLIN".

- Các sản phẩm dược phẩm thuộc nhóm 05 thường do bác sĩ chuyên ngành lựa chọn, kê toa, nên việc tên thuốc gây cho người tiêu dùng nhầm lẫn về công dụng, chức năng cũng như các tác dụng khác của sản phẩm rất khó xảy ra.

- Người nộp đơn đang liên hệ với chủ nhãn hiệu đối chứng để xin thư chấp thuận cho phép đăng ký và sử dụng nhãn hiệu "DOXAGAN" tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "DOXAGAN" và nhãn hiệu đối chứng "DOLAGAN" có 6/7 ký tự trùng nhau, chỉ khác nhau một ký tự ở vị trí số 3 (ký tự "X" ở nhãn hiệu "DOXAGAN" và ký tự "L" ở nhãn hiệu "DOLAGAN") nên không tạo ra sự khác biệt đáng kể. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng khi cả hai nhãn hiệu đăng ký cho các sản phẩm cùng

loại thuộc nhóm 05.

- Một số nhãn hiệu chứa phần chữ tương tự về cấu tạo từ cùng được bảo hộ mà người nộp đơn viện dẫn có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau và không thuộc phạm vi giải quyết của đơn khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-22745 ngày 27/10/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 48053/QĐ-SHTT ngày 11/8/2015 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-22745 ngày 27/10/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Makhteshim Chemical Works Ltd. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Makhteshim Chemical Works Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143935/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công Ty TNHH một thành viên Trình Hưng Thái
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PHY365

Xét đơn số KN4-2022-01173 ngày 10/10/2022 của Công Ty TNHH một thành viên Trình Hưng Thái; địa chỉ: 287-289 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0987030 512; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-40460 ngày 19/11/2018 theo Quyết định số 79896/QĐ-SHTT ngày 14/09/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5071/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công Ty TNHH một thành viên Trình Hưng Thái với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Pflege" theo đơn số 4-2018-40460 ngày 19/11/2018 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự với chữ "Pflége" trong tiếng Đức có nghĩa "bảo dưỡng, bảo trì" mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vì:

Nhãn hiệu đăng ký không trùng với từ tiếng Đức có nghĩa "bảo dưỡng, bảo trì". Ngoài ra, với ý nghĩa nêu trên, từ tiếng Đức không liên quan tới sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký là "phích cắm, ổ cắm và các công cụ tiếp xúc khác (vật nối điện); công tắc điện" thuộc nhóm 09, "bóng đèn; thiết bị để chiếu sáng" thuộc nhóm 11.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Pflege" không được bảo hộ vì lý do tương tự với chữ "Pflége" trong tiếng Đức có nghĩa là "bảo dưỡng/bảo trì". Tuy nhiên, tiếng Đức là ngôn ngữ không thông dụng với người tiêu dùng tại Việt Nam và "bảo dưỡng/bảo trì" không phải từ dùng để mô tả các giá trị, đặc tính, thành phần, công dụng của sản phẩm thuộc nhóm 09, 11 mang nhãn hiệu đăng ký. Vì vậy, đề nghị của người khiếu nại có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-40460 ngày 19/11/2018, không áp dụng quy định tại

điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người khiếu nại.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 79896/QĐ-SHTT ngày 14/09/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2018-40460 ngày 19/11/2018.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2018-40460 ngày 19/11/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công Ty TNHH một thành viên Trình Hưng Thái có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143936/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Dương Trọng Nguyễn
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2014-00173 ngày 28/02/2014 của Ông/Bà Dương Trọng Nguyễn; địa chỉ: 91 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; đại diện bởi: Công ty cổ phần Tư vấn S&B; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-07936 theo Quyết định số 71910/QĐ-SHTT ngày 23/12/2013;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5096/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Dương Trọng Nguyễn với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MEN'S LIFE Đẳng Cấp Của Phái Nam DG, hình" đăng ký theo đơn số 4-2012-07936 ngày 20/4/2012 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 71910/QĐ-SHTT ngày 23/12/2013 vì chứa phần chữ "DG" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "DC, hình" đang được bảo hộ theo GCNĐKNH số 40731, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký sau khi loại bỏ phần chữ "DG" khỏi mẫu nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau: Việc loại bỏ một phần nhãn hiệu (cụ thể là phần chữ "DG") ra khỏi mẫu nhãn hiệu đăng ký được thực hiện trong giai đoạn giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận đề nghị loại bỏ một phần nhãn hiệu của người khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-07936 ngày 20/4/2012 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 71910/QĐ-SHTT ngày 23/12/2013 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-07936 ngày 20/04/2012.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Dương Trọng Nguyễn có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Dương Trọng Nguyễn (qua Công ty cổ phần Tư vấn S&B) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143937/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00563 ngày 18/6/2024 của Công ty cổ phần liên


NAT779

doanh dược G&P - FRANCE; địa chỉ: thôn Thanh Lương, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-34902 theo Quyết định số 27762/QĐ-SHTT.IP ngày 18/3/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5101/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GP Khi sinh con, Mẹ mất sữa, Em bé bú bằng gì?, hình" đăng ký theo đơn số 4-2020-34902 ngày 27/8/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 27762/QĐ-SHTT.IP ngày 18/3/2024 vì chứa phần chữ logo "GP" tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng đang được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 141915, 141955, 186951, 186950, 216000, 141914, 141913, 186953, 141954, 186954, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký sau khi loại bỏ phần chữ logo "GP" ra khỏi mẫu nhãn hiệu đăng ký. Người khiếu nại cho rằng, phần chữ logo "GP" có diện tích rất nhỏ so với tổng thể cả mẫu nhãn hiệu nên việc loại bỏ sẽ không làm thay đổi bản chất của mẫu nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp không được mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc

lộ hoặc nêu trong đơn và không được làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn, đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất của đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau: Phần chữ logo "GP" trong nhãn hiệu đăng ký mặc dù chiếm diện tích nhỏ nhưng lại là thành phần mạnh của nhãn hiệu, là yếu tố tác động mạnh vào cảm giác người tiêu dùng, gây chú ý và ấn tượng về nhãn hiệu khi quan sát. Các thành phần còn lại là phần chữ mang tính mô tả và phần hình khung viền không có hoặc ít có khả năng phân biệt. Vì vậy, việc loại bỏ phần chữ logo "GP" sẽ làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu yêu cầu đăng ký, trái với quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận đề nghị loại bỏ một phần nhãn hiệu của người khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74, khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-34902 ngày 27/8/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 27762/QĐ-SHTT.IP ngày 18/3/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-34902 ngày 27/08/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và

Công ty cổ phần liên doanh dược G&P - FRANCE (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143938/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Arbonne International, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2016-00989 ngày 30/11/2016 của Arbonne International, LLC; địa chỉ: 9400 Jeronimo Road, Irvine, CA 92618, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1254715 theo Thông báo số 2015/26 NTH27 ngày 30/6/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5076/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Arbonne International, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RE9 ADVANCED" đăng ký theo đơn ĐQT số 1254715 của Arbonne International, LLC bị từ chối bảo hộ một phần danh mục sản phẩm/dịch vụ, cụ thể là từ chối bảo hộ nhóm 03 tại Việt Nam do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng 

" (3 Re REPLACEMENT.RENEWAL.REGENERATION The Next Generation Cosmetics và hình) được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 220125, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 94 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1254715 với lý do:

- Về cấu trúc: Nhãn hiệu đăng ký là một cụm từ được tạo bởi phần chữ và phần số "RE9 ADVANCED". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng gồm phần số, phần chữ và phần hình "3 Re REPLACEMENT.RENEWAL.REGENERATION The Next Generation Cosmetics và hình". Có thể thấy, nhãn hiệu đăng ký có cấu trúc khác biệt so với nhãn hiệu đối chứng.

- Về hình thức thể hiện: Nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của số 3 đứng trước và phần chữ "Re" cách điệu, bên dưới là các từ tiếng Anh "REPLACEMENT.RENEWAL.REGENERATION The Next Generation Cosmetics" với kích thước nhỏ hơn.

- Về ý nghĩa nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "RE9" là tên tự đặt, phát âm được và không có nghĩa. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "3 Re" ở đây chính là từ viết tắt của các từ tiếng Anh "REPLACEMENT.RENEWAL.REGENERATION" mang ý nghĩa lần lượt là "THAY THẾ. ĐỔI MỚI. TÁI SINH Mỹ phẩm thế hệ kế tiếp". Theo đó "3 Re" không thể tách rời phần chữ tiếng Anh bên dưới.

Nhãn hiệu đăng ký đã được chấp nhận bảo hộ tại các quốc gia Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, Swizerland, Thổ Nhĩ Kỳ, Mexico. Như vậy, có thể thấy rằng các quốc gia trên đều có chung quan điểm rằng nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt được với các sản phẩm thuộc nhóm 03 và do đó đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ đối với một nhãn hiệu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần chữ "Re", số 9 và "ADVANCED", trong đó, số 9 và "ADVANCED" là các thành phần không có khả năng phân biệt vì là chữ số và chữ mang tính mô tả, thành phần còn lại "Re" được coi là thành phần có khả năng phân biệt chính nhưng trùng về mặt ký tự với phần chữ "Re" - thành phần có khả năng phân biệt chính trong nhãn hiệu đối chứng số 220125. Sự khác nhau của hai nhãn hiệu chỉ thể hiện ở số 9 và phần chữ "ADVANCED" (trong nhãn hiệu đăng ký) và số 3, "REPLACEMENT.RENEWAL.REGENERATION The Next Generation Cosmetics" (trong nhãn hiệu đối chứng) nhưng các thành phần nêu trên đều không có khả năng phân biệt. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách phát âm.

- Về sản phẩm: Hai nhãn hiệu nêu trên đều được sử dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm 03 tương tự nhau.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cấu trúc và cách phát âm, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau thuộc nhóm 03 nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên có thể bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1254715 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/26 NTH27 ngày 30/6/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1254715.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Arbonne International, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Arbonne International, LLC (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143939/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation)
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2014-00633 ngày 04/7/2014 của KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation); địa chỉ: 14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng; khiếu nại về phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 224069 theo Quyết định số 26000/QĐ-SHTT ngày 09/5/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5075/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation) với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Liên quan đến nhãn hiệu "FRESHEL DEEP WHITE" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 224069 cho các sản phẩm thuộc nhóm 03. Ngày 09 tháng 05 năm 2014, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành quyết định số 26000/QĐ-SHTT bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ "DEEP WHITE".

Người khiếu nại không đồng ý với quan điểm loại trừ nêu trên vì phần chữ "DEEP WHITE" không mang tính mô tả và cần được bảo hộ tổng thể và không bảo hộ từng yếu tố "DEEP" và "WHITE" vì những lý do sau:

- Người khiếu nại cho rằng phần chữ "WHITE"" mang tính mô tả sản phẩm, nhưng phần chữ ""DEEP WHITE" không mang tính mô tả. Phần chữ "DEEP" và "WHITE" có nghĩa lần lượt trong tiếng Việt là "sâu" và "màu trắng". Như vậy cụm từ "DEEP WHITE" có thể được dịch sang tiếng Việt là "màu trắng sâu" - đây không phải là một kết hợp từ thông dụng trong tiếng Anh. Có chăng, "DEEP WHITE" chỉ có thể bị coi là dấu hiệu gây liên tưởng tới công dụng của hàng hóa mang nhãn hiệu đăng ký. Cụ thể là khi tiếp xúc với dấu hiệu chữ "DEEP WHITE" người tiêu dùng có thể có liên tưởng rằng cụm từ này gợi ý tới công dụng làm trắng ở mức độ cao hơn thông thường của các "chế phẩm tẩy trắng (giặt giũ) và các chế phẩm dùng để giặt giũ; chế phẩm dùng để làm sạch, đánh bóng, cọ rửa, mài mòn; xà phòng; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; nước xức tóc". Tuy nhiên, sự liên tưởng đó đều chỉ có thể có được sau khi người tiêu đã vận dụng sự khả năng tưởng tượng, suy đoán hay suy diễn của họ do đây là cách kết hợp từ không thông dụng trong tiếng Anh.

- "DEEP WHITE" đã được chấp thuận cơ quan đăng ký nhãn hiệu tại một số quốc gia khác chấp nhận bảo hộ, trong đó có các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, như Phillippin. Cụ thể là tại Philippin, nhãn hiệu "Freshel DEEP WHITE" và nhãn hiệu "DEEP WHITE" đều được chấp thuận bảo hộ cho các sản phẩm nêu trên, trong đó, yếu tố "WHITE" không được bảo hộ riêng.

- Thực tiễn trên cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp nhận bảo hộ từng yếu tố cho một số trường hợp tương tự, như "K+STYLE", tuy bản thân từng yếu tố "K" hoặc "+" hoặc "Style" không có khả năng phân biệt, tuy nhiên kết hợp của các yếu tố này "K+Style" lại có khả năng phân biệt và do đó đã được chấp nhận bảo hộ. Hoặc đối với nhãn hiệu "B-52", từng yếu tố "B" hoặc "-

" hoặc "52" không có khả năng phân biệt, tuy nhiên sự kết hợp của các yếu tố này trong nhãn hiệu thì lại có khả năng phân biệt và đã được Cục SHTT chấp nhận bảo hộ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

"DEEP WHITE" là sự kết hợp của hai từ tiếng Anh, trong đó, "DEEP" có nghĩa là sâu, "WHITE" có nghĩa là trắng. Khi sử dụng cho các sản phẩm "Chế phẩm tẩy trắng (giặt giũ) và các chế phẩm dùng để giặt giũ; chế phẩm dùng để làm sạch, đánh bóng, cọ rửa, mài mòn; xà phòng; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; nước xức tóc" thuộc nhóm 03, cả cụm từ "DEEP WHITE" thường được hiểu là việc làm trắng từ sâu bên trong, giúp trắng sáng da hoặc các sản phẩm quần áo trong quá trình giặt. Do đó, phần chữ "DEEP WHITE" có thể bị coi là dấu hiệu mang tính mô tả đối với sản phẩm đăng ký và có cơ sở để không bảo hộ riêng cụm từ "DEEP WHITE" trong nhãn hiệu nêu trên.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc không bảo hộ riêng phần chữ "DEEP WHITE" trong nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 224069 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 26000/QĐ-SHTT ngày 09/5/2014 về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-01425 ngày 18/01/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation) có

quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation) (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143940/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH BZT USA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2018-00392 ngày 12/6/2018 của Công ty TNHH BZT USA; địa chỉ: Lô 1, khu H, đường N7, khu công nghiệp An Hạ, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ A&Z; khiếu nại về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2017-43430 ngày 27/12/2017 theo Quyết định số 26962/QĐ-SHTT ngày 23/4/2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5036/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH BZT USA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-43430 ngày 27/12/2017 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ vì có các thiếu sót nêu tại điểm 13.3 của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn và chủ đơn không sửa chữa các thiếu sót này trong thời hạn quy định, mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu trong Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 2753/SHTT-NH1 ngày 02/02/2018.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, chấp nhận hợp lệ cho đơn do không nhận được Thông báo nêu trên nên người nộp đơn không có thông tin cần thiết để khắc phục các thiếu sót theo yêu cầu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN quy định: "Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 2753/SHTT-NH1 ngày 02/02/2018 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn nêu lý do không nhận được Thông báo nêu trên nên không có thông tin cần thiết để khắc phục các thiếu sót theo yêu cầu. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này trong trường hợp có vấn đề pháp lý nảy sinh. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn và tiếp tục thẩm định đơn số 4-2017-43430.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục thẩm định đối với đơn số 4-2017-43430 ngày 27/12/2017.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 26962/QĐ-SHTT ngày 23/4/2018 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 4-2017-43430 ngày 27/12/2017.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-43430 ngày 27/12/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH BZT USA (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ A&Z) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 2753/SHTT-NH1 ngày 02/02/2018./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 2753/SHTT-NH1 ngày 02/02/2018.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143941/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của MM Meyer Markenverwaltung & Co.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN5-2013-00011 ngày 04/01/2013 của MM Meyer Markenverwaltung & Co.; địa chỉ: Antonigasse 4, CH-5620 Bremgarten, Switzerland; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1088688 theo Thông báo số 2011/35 NTH04 ngày 06/9/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4654/BC-

TTKN ngày 11/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của MM Meyer Markenverwaltung & Co. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Tchibo & hình" đăng ký theo đơn quốc tế số 1088688 cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 bị từ chối vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-20004-12139. Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt sau khi loại bỏ phần hình hạt cà phê và phần chữ "Tchibo".

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đối chứng đăng ký theo đơn số 4-2004-12139 (đã được cấp GCNĐKNH số 222496) chỉ loại bỏ phần chữ "Tchibo" và giữ lại phần hình hạt cà phê cách điệu. Do đó, nhãn hiệu đối chứng nêu trên vẫn bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, nhãn hiệu đối chứng nêu trên đã hết hiệu lực (ngày 04/11/2014), do đó, nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2004-12139 (GCNĐKNH số 222496) không còn là đối chứng để từ chối đối với đơn quốc tế số 1088688.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1088688, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2011/35 NTH04 ngày 06/9/2012 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1088688.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1088688, không bảo hộ riêng hình hạt cà phê.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và MM Meyer Markenverwaltung & Co. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143942/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

DTX488

Xét đơn số KN4-2020-00674 ngày 05/8/2020 của Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG; địa chỉ: 182 Lê Đại Hành, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại: 0976197204; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-20958 theo Quyết định số 28157/QĐ-SHTT ngày 27/4/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5077/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "360mobi" đăng ký theo đơn số 4-2016-20958 ngày 12/07/2016 của Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 28157/QĐ-SHTT ngày 27/04/2020 do nhãn hiệu không có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng số 129203, 127678, 142291 và đơn số 4-2016-15168. Đồng thời, sau khi xem xét Công văn trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung, Cục Sở hữu trí tuệ cũng có ý kiến như sau:

- Nhãn hiệu và tên miền là hai khái niệm pháp lý khác nhau. Việc "360mobi" là tên miền đã được đăng ký không có nghĩa là nhãn hiệu "360mobi" đương nhiên được cấp văn bằng bảo hộ.

- Mặc dù người nộp đơn đã loại bỏ nhóm 38 và các sản phẩm "Chương trình máy tính, phần mềm máy tính" trong nhóm 09 nhưng các sản phẩm, dịch vụ còn lại trong các nhóm 09, 41, 42 vẫn tương tự với các sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng.

Người nộp đơn trình bày lý do như sau:

- Thông qua các kênh khác nhau như website, facebook, instagram, youtube trong suốt thời gian sử dụng, nhãn hiệu đăng ký đã được đông đảo người dùng biết đến.

- Chương trình Đại hội 360mobi thu hút trung bình hơn 30.000 lượt người tham gia mỗi năm. Riêng năm 2020, số lượng này tăng lên hơn 70.000 lượt người, trở thành một trong những sự kiện game có số lượng tham gia đông nhất Việt Nam. Đại hội 360mobi được ghi nhận nằm trong top 3 sự kiện nổi bật tháng 01/2019 và top 10 tháng 01/2020 bởi trang web Buzzmetrics - chuyên gia nghiên cứu và phân tích dữ liệu mạng xã hội.

- Thông qua những minh chứng trên, nhãn hiệu đăng ký được nhiều người biết đến, sử dụng và thừa nhận rộng rãi nên không có khả năng gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu khác và hoàn toàn có khả năng phân biệt. Theo các số liệu trên có thể thấy nhãn hiệu đăng ký được phổ biến rộng rãi và đủ điều kiện để được xem là nhãn hiệu nổi tiếng theo khoản 20 Điều 4, Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ.

- Theo quy định tại khoản 3a Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ thì quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở sử dụng thực tế, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký. Vì vậy, việc xác lập quyền của chủ nhãn

hiệu đối chứng đối với các nhãn hiệu đối chứng không loại bỏ quyền của Công ty đối với nhãn hiệu của mình nếu đó là nhãn hiệu nổi tiếng.

- Từ khi sử dụng nhãn hiệu đến nay chưa có bất kỳ khiếu nại nào về việc nhãn hiệu đăng ký gây nhầm lẫn đến từ chủ nhãn hiệu đối chứng và người tiêu dùng. Vì vậy, họ không bị xâm phạm quyền khi Công ty xác lập quyền đối với nhãn hiệu.

- Người nộp đơn loại bỏ thêm dịch vụ, sản phẩm "cung cấp công cụ tìm kiếm trên internet" trong nhóm 42, sau khi loại bỏ sản phẩm, dịch vụ trên, nhãn hiệu "360mobi" hoàn toàn có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp

đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Nhãn hiệu đăng ký "360mobi" là sự kết hợp của hai thành phần "360" và "mobi", trong đó, phần chữ số "360" không có khả năng phân biệt, thành phần chính "mobi" tương tự về cấu trúc và cách phát âm với các nhãn hiệu đối chứng. Mặt khác, các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

- Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà người nộp đơn cung cấp, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu nổi tiếng theo quy định tại Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ. Đồng thời, các tài liệu, chứng cứ nêu trên cũng chưa đủ cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu theo quy định tại Điều 74.2a Luật Sở hữu trí tuệ.

- Việc người nộp đơn đề nghị loại bỏ thêm dịch vụ "cung cấp công cụ tìm kiếm trên Internet" trong nhóm 42 ra khỏi danh mục sản phẩm, dịch vụ đăng ký được thực hiện trong giai đoạn giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, yêu cầu của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, e và h khoản 2 Điều 74, khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-20958 ngày 12/07/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 28157/QĐ-SHTT ngày 27/4/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-20958 ngày 12/07/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143943/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Muang Thai Life Assurance Public Company Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2020-00287 ngày 20/4/2020 của Muang Thai Life Assurance Public Company Limited; địa chỉ: 250 Rachadaphisek Road, Huaykwang Subdistrict, Huaykwang District, Bangkok Metropohs Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH Lê & Lê; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-19366 theo Quyết định số 6452/QĐ-SHTT ngày 20/01/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5055/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Muang Thai Life Assurance Public Company Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "MUANG THAl LIFE ASSURANCE [Muang Thai: Thái Lan, prakan chiwit: Bảo đảm cuộc sống]"  theo đơn số 4-2016-19366 ngày 28/6/2016 bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 6452/QĐ-SHTT ngày 20/01/2020 do không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2.a,c và đ Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn đăng ký số 4-2016-19366 ngày 28/06/2016 với lý do. Cụ thể:

- Mặc dù hai thành phần "MUANG THAI LIFE ASSURANCE" và chữ tiếng Thái có thể bị xem xét là thành phần không được bảo hộ riêng, sự kết hợp của hai thành phần này cùng với khối vuông, đường kẻ và các chữ tượng hình (và cả chữ Latin) được phối hợp một cách đặc biệt với các màu sắc nổi bật gồm đen, trắng, xanh và đỏ là đủ để tạo nên một ấn tượng thương mại riêng biệt. Sự kết hợp của các thành phần có trong nhãn hiệu được đăng ký đã tạo nên một tổng thể hoàn toàn có tính phân biệt, cho phép người tiêu dùng phân biệt dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu Muang Thai Life Assurance Public Company Limited với dịch vụ của chủ thể khác, do đó, thỏa mãn điều kiện được bảo hộ là một nhãn hiệu;

- Thái Lan không có "danh tiếng" cho dịch vụ bảo hiểm, nên việc sử dụng MUANG THAI cũng không ảnh hưởng đến quyền/lợi ích của chủ thể khác;

- Cơ quan nhãn hiệu tại các quốc gia và khu vực có tiêu chuẩn bảo hộ và hệ thống xét nghiệm tương tự với Việt Nam như Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Đài Loan và đặc biệt là Thái Lan đều cho rằng nhãn hiệu được đăng ký là một tổng thể có tính phân biệt và chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi

là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nhãn hiệu đăng ký, lý do khiếu nại và các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu được đăng ký là sự kết hợp giữa các phần chữ và hình, cụ thể:

Về phần hình: là khối hình học chữ nhật phổ thông (có vài đường kẻ cong đơn giản bên trong), được sử dụng làm nền cho dòng chữ tiếng thái. Do vậy không góp phần tạo nên khả năng phân biệt của nhãn hiệu.

Về phần chữ: Các phần chữ được thể hiện trong nhãn hiệu được đăng ký gồm phần "MUANG THAI", "LIFE ASSURANCE", và phần ký tự không có nguồn gốc la-tinh (tiếng thái). Trong đó, phần chữ tiếng anh "LIFE ASSURANCE" có nghĩa là "bảo hiểm nhân thọ", mang tính mô tả dịch vụ được đăng ký cho nhãn hiệu; phần chữ "MUANG THAI" nghĩa chỉ đất nước Thái Lan mang tính mô tả một khu vực địa lý; phần chữ tiếng Thái được đặt trên phần hình khối chữ nhật là tiếng Thái, là ngôn ngữ mà người tiêu dùng Việt Nam có hiểu biết thông thường không thể nhận biết và ghi nhớ được. Do vậy, toàn bộ phần chữ có trong nhãn hiệu đều không góp phần tạo nên khả năng phân biệt cho nhãn hiệu.

Như vậy, sự kết hợp tổng thể giữa phần hình và phần chữ có trong nhãn hiệu đăng ký không mang tính độc đáo và không tạo nên một tổng thể mang tính phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

Ngoài ra, việc nhãn hiệu yêu cầu đăng ký được bảo hộ tại nhiều quốc gia chỉ mang tính tham khảo, không đồng nghĩa với việc sẽ được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-19366 ngày 28/06/2016 không có khả năng phân biệt theo quy định tại Điều 74.2.a,c và đ Luật Sở hữu trí tuệ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a, c và đ khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp

GCNĐKNH cho đơn số 4-2016-19366 ngày 28/6/2016 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 6452/QĐ-SHTT ngày 20/01/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2016-19366 ngày 28/6/2016.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Muang Thai Life Assurance Public Company Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Muang Thai Life Assurance Public Company Limited (qua Công ty TNHH Lê & Lê) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143944/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của CJ WELLCARE CORPORATION
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00905 ngày 19/11/2024 của CJ WELLCARE CORPORATION; địa chỉ: Grand Central B, 14, Sejong-Daero, Jung-gu, Seoul, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2018-45417 theo Quyết định số 98768/QĐ-SHTT.IP ngày 21/8/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5033/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của CJ WELLCARE CORPORATION với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "RETURNUP" theo đơn số 4-2018-45417 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "RETURN" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 165150 (nhãn hiệu đối chứng) theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho đơn nêu trên với các lý do sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng về phát âm và ý nghĩa.

Thứ hai, không tồn tại khả năng gây nhầm lẫn giữa nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm đặc thù thuộc nhóm 05 do chúng là sản phẩm trong lĩnh vực y dược. "Người tiêu dùng trong cùng lĩnh vực" của các sản phẩm này là các bác sĩ, dược sĩ, những người có đủ hiểu biết và chuyên môn về y dược, hoặc các bệnh nhân dưới sự chẩn đoán, hướng dẫn, tư vấn của bác sĩ, dược sĩ. Họ là "**người tiêu dùng chuyên nghiệp**" có trình độ hiểu biết nhất định về bản chất, chức năng và chất lượng của sản phẩm thông qua việc xem xét nhãn hiệu, nguồn gốc, nhà sản xuất/nhà cung cấp. Do đó, không có khả năng nhầm lẫn trong nhận thức người tiêu dùng.

Thứ ba, Nhãn hiệu "RETURNUP" theo các đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-45392, 4-2018-45399 và 4-2018-45400 đã được thừa nhận là khác biệt và chấp nhận bảo hộ đồng tồn tại với Nhãn hiệu đối chứng "RETURN" cho các sản phẩm tương tự giữa nhóm 29, 30, 32 và nhóm 05. Việc cấp bảo hộ này cho thấy: **(i)** Nhãn hiệu "RETURNUP" khác biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với Nhãn hiệu đối chứng "RETURN" về mặt Dấu hiệu; **(ii)** Quyền đối với Nhãn hiệu "RETURNUP" không xâm phạm quyền đối với Nhãn hiệu đối chứng "RETURN" cho các sản phẩm tương tự, và ngược lại, phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu đối chứng không mở rộng sang nhãn hiệu "RETURNUP".

Thứ tư, trong thực tiễn thẩm định, nhiều nhãn hiệu có cấu trúc [A + *thành phần khác*] thuộc các chủ sở hữu khác nhau đã được Cục Sở hữu trí tuệ thừa nhận là khác biệt và chấp nhận bảo hộ đồng tồn tại với nhãn hiệu có cấu trúc [A] cho các sản phẩm/dịch vụ trùng và tương tự trong cùng một nhóm.

Với các lý lẽ và chứng cứ nêu trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, không sử dụng các nhãn hiệu đối chứng để từ chối bảo hộ và chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2018-45417.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "RETURNUP" tương tự với nhãn hiệu đối chứng "RETURN" về cấu trúc (trùng 6/8 ký tự ở các vị trí tương ứng), về phát âm (hai âm đầu /ri/tơn/ trùng với phát âm của nhãn hiệu đối chứng), và về hình thức thể hiện (đều là các chữ cái ở phông chữ tiêu chuẩn, viết in hoa, giống nhau ở 6/8 ký tự).

- Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Các sản phẩm thuộc nhóm 05 mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với các sản phẩm mang nhãn hiệu đối chứng.

Các trường hợp nhãn hiệu đang tồn tại song song mà người khiếu nại nêu trong đơn không tương tự với trường hợp đang xem xét và không phạm vi xem xét của khiếu nại này.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự về cách phát âm, tương tự về cấu trúc và hình thức thể hiện, trong khi lại đăng ký cho các sản phẩm tương tự nhau nên có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Do đó, hai nhãn hiệu nêu trên bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2018-45417 ngày 21/12/2018 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 98768/QĐ-SHTT.IP ngày 21/8/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2018-45417 ngày 21/12/2018.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, CJ WELLCARE CORPORATION có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và CJ WELLCARE CORPORATION (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143945/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Snapology IP, LLC
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-01209 ngày 21/10/2022 của Snapology IP, LLC; địa chỉ: 1350 Old Pond Road, Bridgeville, PA 15017, USA; đại diện bởi: Công ty TNHH ASLAW; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-42879 theo Quyết định số 64756/QĐ-SHTT ngày 27/7/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5053/BC-

TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Snapology IP, LLC với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Snapology" theo đơn số 4-2019-42879 ngày 28/10/2019 bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 64756/QĐ-SHTT ngày 27/07/2022 do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 397380 và đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1230212 theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn đăng ký số 4-2019-42879 với lý do sau:

1. Về ý nghĩa của nhãn hiệu: nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng hoàn hoàn toàn phân biệt về ý nghĩa.

a. Ý nghĩa của nhãn hiệu đăng ký "Snapology".

Yếu tố "ology" là hậu tố thường thấy trong các môn học tiếng anh, yếu tố chính trong nhãn hiệu là "Snap". Từ "Snap" theo từ điển Oxford có nghĩa là "sự cắn, sự đớp". Phần ý nghĩa này đã được chủ đơn thể hiện rõ qua phần hình trong đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp cùng ngày.

b. Ý nghĩa của nhãn hiệu đối chứng có đăng bạ quốc gia số 397380 và nhãn hiệu đối chứng có đăng ký quốc tế số 1230212

Phần chữ nhãn hiệu đối chứng, đặc biệt là nhãn hiệu đối chứng có đăng bạ quốc gia số 397380 đã tạo ấn tượng mạnh cho người tiêu dùng rằng nhãn hiệu gồm 02 phần riêng biệt là "SYNAPS" và "OLOGY". Trong đó, phần chữ "SYNAPS" là thuật ngữ đã được đề xướng bởi ông Charles Scott Sherrington vào năm 1987, đây là nơi tiếp xúc giữa hai nơ ron mà thông qua đó cho phép các nơron truyền đi thông tin qua lại lẫn nhau, người nộp đơn có nộp kèm theo phân tích nghĩa của từ Wikipedia. Còn phần chữ "ology" có cùng hàm nghĩa như nhãn hiệu đã đăng ký.

2. Về cấu tạo: khác biệt rõ ràng về cấu tạo từ, cụ thể

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo từ 9 chữ cái với 4 âm tiết gồm "S-N-A-P-O-L-O-G-Y". Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng được cấu tạo từ 11 chữ cái với 5 âm tiết gồm: "S-Y-N-A-P-S-O-L-O-G-Y".

3. Về phát âm

Phần trùng nhau duy nhất trong nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng là hậu tố đuôi "ology". Phần tiền tố phát âm hoàn toàn khác biệt. Đồng thời khi viết liền lại thì do sự kết hợp giữa phụ âm và nguyên âm nên tổng thể phát âm có sự khác nhau rõ ràng giữa hai nhãn hiệu.

4. Về hình thức thể hiện

Nhãn hiệu đăng ký viết chữ thông thường. Nhãn hiệu đối chứng viết thông thường hoặc thiết kế cách điệu hình bộ não và hình tia chớp bên trái. Phần chữ "ology" có phần "olo" cách điệu hình khuôn mặt.

5. Về danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu

Tất cả các dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký đều hướng tới đối tượng sử dụng là trẻ em. Trong khi đó nhãn hiệu đối chứng lại hướng tới đối tượng là người cao tuổi. Trẻ em và người cao tuổi là hai đối tượng đặc biệt, với phương pháp tiếp cận và giáo dục, đào tạo riêng biệt, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm về thể chất, tâm lý. Do đó, kênh phân phối, sử dụng dịch vụ mang các nhãn hiệu hoàn toàn có khả năng phân biệt.

6. Người nộp đơn cũng trình bày các trường hợp nhãn hiệu đã được bảo hộ ở Hoa kỳ tương tự trường hợp của nhãn hiệu đăng ký để làm dẫn chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nhãn hiệu đăng ký, lý do khiếu nại và các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Về nhãn hiệu: so sánh với phần chữ trong nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 397380 và ĐKQT số 1230212 với phần chữ của nhãn hiệu đăng ký chỉ khác có hai ký tự ở 2 vị trí trong nhãn hiệu đối chứng là "Y" (ở giữa "S" và "NAP") và "S" (ở giữa "NAP" và "OLOGY"), không đủ để tạo ra sự khác biệt đáng kể cho các nhãn hiệu về cấu trúc. Khi phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được người tiêu dùng phát âm là /sờ - náp - po - lo - gy", gần như khó phân biệt với cách phát âm của nhãn hiệu đối chứng số 397380 là /sỳ - náp - so – lo - gy/ do có các vần điệu tương tự nhau.

Phần chữ của nhãn hiệu đăng ký chỉ khác biệt với nhãn hiệu đối chứng ở hai ký tự, cụ thể là ký tự "Y" (nằm giữa "S" và "NAP") và ký tự "S" (nằm giữa "NAP" và "OLOGY"). Những khác biệt này là không đáng kể và không đủ để tạo ra sự khác biệt rõ ràng về mặt cấu trúc giữa hai nhãn hiệu. Ngoài ra, khi phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được đọc là /sờ - náp - po - lô - gi/, gần giống

với cách phát âm của nhãn hiệu đối chứng số 397380 là /sỳ - náp - xô - lô - gi/, do có các âm tiết và vần điệu tương đồng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc và cách phát âm.

Ngoài ra, phần chữ trong nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều sử dụng các ký tự La-tinh, nhưng không cấu thành một từ có nghĩa trong tiếng Việt để người tiêu dùng có thể dễ dàng hiểu được ý nghĩa. Do vậy, yếu tố thị giác và thính giác sẽ là các căn cứ chủ yếu tác động mạnh mẽ đến khả năng phân biệt của người tiêu dùng đối với nhãn hiệu.

- Về sản phẩm/ dịch vụ:

Danh mục sản phẩm được đăng ký nhãn hiệu "Snapology" theo đơn số 4-2019-42879 bị coi là tương tự với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 397380 và ĐKQT số 1230212.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-42879 ngày 28/10/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-42879 ngày 28/10/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 64756/QĐ-SHTT ngày 27/7/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-42879 ngày 28/10/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Snapology IP, LLC có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Snapology IP, LLC (qua Công ty TNHH ASLAW) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143946/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của WhiteWave Services, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-01159 ngày 03/10/2022 của WhiteWave Services, Inc.; địa chỉ: 12002 Airport Way, Broomfield, Colorado 80021, United States of America; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam; khiếu nại về việc giải quyết đề nghị hủy bỏ hiệu lực của WhiteWave Services, Inc. tại đơn số ĐN1-2021-00001 ngày 06/01/2021 theo Quyết định số 2973/QĐ-SHTT ngày 30/6/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5038/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của WhiteWave Services, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Người khiếu nại đề nghị hủy bỏ Quyết định số 2973/QĐ-SHTT và chấp nhận yêu cầu hủy bỏ hiệu lực theo đơn số ĐN1-2021-00001 của người khiếu nại đối với VBBH số 308113 cho nhãn hiệu FUTURE HORIZON với các lý do sau:

Nhãn hiệu FUTURE HORIZON tương tự về mặt dấu hiệu với Nhãn hiệu "HORIZON" theo VBBH số 260312 đã được đăng ký bảo hộ trước của người khiếu nại ("Nhãn hiệu đối chứng") và có thể khiến người tiêu dùng nhầm lẫn rằng Nhãn hiệu FUTURE HORIZON là một biến thể của Nhãn hiệu đối chứng:

Về cấu trúc: Nhãn hiệu FUTURE HORIZON chứa toàn bộ nhãn hiệu đối chứng mà không hề có sự cách điệu nào nhằm tạo ra sự khác biệt về mặt thị giác.

Về ý nghĩa: "FUTURE" là một tính từ có ý nghĩa là tương lai, chỉ là một thành phần phụ bổ trợ cho thành phần danh từ chính "HORIZON" ("chân trời"). Do đó, HORIZON là thành phần chính của nhãn hiệu FUTURE HORIZON, thành phần này trùng lặp với nhãn hiệu đối chứng.

HORIZON không phải là một từ tiếng Anh phổ biến với người tiêu dùng Việt Nam, nơi tiếng Anh không phải ngôn ngữ chính. Do đó, người tiêu dùng sẽ không nhận diện các nhãn hiệu này theo ý nghĩa tiếng Việt của nó. Thay vào đó, họ sẽ chú trọng vào chính các từ cấu thành. Do nhãn hiệu FUTURE HORIZON chứa toàn bộ nhãn hiệu đối chứng, hơn nữa, "HORIZON" lại là thành phần chính của nhãn hiệu FUTURE HORIZON nên người tiêu dùng sẽ dễ dàng liên tưởng nhãn hiệu FUTURE HORIZON là một biến thể của Nhãn hiệu đối chứng.

Ngay cả khi xem xét ý nghĩa "Chân trời tương lai" của nhãn hiệu FUTURE HORIZON, đây cũng là một khái niệm trừu tượng, khó hình dung, nên người tiêu dùng có thể sẽ có xu hướng ghi nhớ ý nghĩa ngắn gọn là "chân trời", trùng với Nhãn hiệu đối chứng. Do đó, sự khác biệt về mặt ý nghĩa tổng thể cũng không rõ ràng.

Trên thực tế, nhãn hiệu FUTURE HORIZON và nhãn hiệu đối chứng cũng đăng ký và sử dụng cho các sản phẩm trùng lặp liên quan đến các sản phẩm tiêu dùng hàng ngày (thực phẩm, trà, cà phê, bánh kẹo, đồ uống) – là những mặt hàng đa dạng về các dòng sản phẩm với nhiều biến thể khác nhau của một nhãn hiệu chính, ví dụ, nước mắm Tam Thái Tử có Tam Thái Tử - Nhất Ca, Tam Thái Tử - Nhị Ca, kem đánh răng CloseUp có CloseUp Precision, CloseUp Oxyfresh, …Do đó, người tiêu dùng hoàn toàn có khả năng nhầm lẫn "FUTURE

HORIZON" là một nhãn hiệu biến thể cho một dòng sản phẩm mới của Nhãn hiệu đối chứng "HORIZON".

Nhãn hiệu đối chứng là một nhãn hiệu có khả năng phân biệt cao. Tại thời điểm nộp đơn của Nhãn hiệu FUTURE HORIZON ngày 14/11/2018, không có bất kỳ nhãn hiệu nào chứa thành phần "HORIZON" được bảo hộ cho các sản phẩm trong Nhóm 29, 30 và 32, ngoài Nhãn hiệu đối chứng. Do đó, bất kỳ sự kết hợp đơn giản nào chứa thành phần "HORIZON" cũng có khả năng tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng. Trong trường hợp này, rõ ràng, nhãn hiệu FUTURE HORIZON chỉ là sự kết hợp đơn thuần của từ "HORIZON" và "FUTURE", do đó, không đủ để tạo nên khả năng phân biệt giữa hai nhãn hiệu. Việc chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu FUTURE HORIZON đã gây ảnh hưởng lớn đến quyền độc quyền của người khiếu nại đối với nhãn hiệu "HORIZON" cũng như khả năng phân biệt cao của nhãn hiệu này.

Việc chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu FUTURE HORIZON đi ngược với quan điểm thẩm định của Cục trong các trường hợp tương tự khác. Ví dụ, Cục từ chối nhãn hiệu The Bite theo Đăng ký quốc tế số 1355269 vì tương tự với nhãn hiệu BIG BITE theo VBBH số 10555, 152760, 227568; Cục từ chối nhãn hiệu SILK STREET theo ĐKQT 1058331 vì tương tự với nhãn hiệu "SILK" theo VBBH số 96731, …

Nhãn hiệu đối chứng đã tạo được ấn lượng lâu dài đối với người tiêu dùng Việt Nam, do đó việc bảo hộ Nhãn hiệu FUTURE HORIZON làm suy yếu khả năng phân biệt của nhãn hiệu đối chứng.

Nhãn hiệu đối chứng được sử dụng và nhận biết rộng rãi tại Việt Nam và trên thế giới.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên".

Điểm a khoản 1 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ quy định Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây: "Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây: Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được chuyển nhượng quyền đăng ký đối với

sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu".

Điểm b khoản 1 Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ quy định Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây: "Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Đánh giá sự tương tự của nhãn hiệu "FUTURE HORIZON" bảo hộ theo GCNĐKNH số 308113 với nhãn hiệu "HORIZON" số 260312:

a) Về nhãn hiệu

- Về cấu trúc của nhãn hiệu:

Nhãn hiệu "FUTURE HORIZON" có phần sau "HORIZON" trùng với nhãn hiệu đối chứng "HORIZON" nhưng nhãn hiệu bị yêu cầu hủy vẫn còn phần đuôi "FUTURE" có ý nghĩa riêng nên vẫn tạo sự khác biệt nhất định. Do đó, hai nhãn hiệu có sự khác nhau về cấu trúc tổng thể.

- Về cách phát âm của nhãn hiệu:

Hai nhãn hiệu có cách phát âm lần lượt là /fiu/trờ/hô/ri/zừn/ và /hô/ri/zừn/, mặc dù có ba âm tiết sau của nhãn hiệu bị đề nghị hủy bỏ hiệu lực giống nhãn hiệu đối chứng, nhưng phần đầu /fiu/trờ/ trong nhãn hiệu bị đề nghị hủy bỏ hiệu lực đã tạo nên sự phân biệt với nhãn hiệu đối chứng về cách phát âm.

- Về ý nghĩa, nội dung nhãn hiệu:

Nhãn hiệu "FUTURE HORIZON" nghĩa là "chân trời tương lai" với nhãn hiệu "HORIZON" có nghĩa là "chân trời" nên hai nhãn hiệu có sự khác biệt nhất định.

b) Về sản phẩm, dịch vụ: Sản phẩm mang nhãn hiệu bị đề nghị hủy bỏ hiệu lực "FUTURE HORIZON" bị coi là tương tự với sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng.

Như vậy, mặc dù được sử dụng cho sản phẩm/ dịch vụ tương tự nhưng xét tổng thể về cấu trúc, cách phát âm, ý nghĩa và nội dung nhãn hiệu bị đề nghị hủy bỏ hiệu lực và nhãn hiệu đối chứng có khả năng phân biệt.

Ngoài ra, các tài liệu người nộp đơn cung cấp chưa đủ cơ sở để chứng minh nhãn hiệu đối chứng sử dụng và nhận biết rộng rãi tại Việt Nam.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, việc không chấp nhận đề nghị của WhiteWave Services, Inc. tại đơn số ĐN1-2021-00001 ngày 06/01/2021 về

việc hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 308113 đã cấp cho Công ty cổ phần Future Horizon theo Quyết định số 2973/QĐ-SHTT ngày 30/6/2022 của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp và đề nghị của WhiteWave Services, Inc.là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e và g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc không chấp nhận đề nghị của WhiteWave Services, Inc. tại đơn số ĐN1-2021-00001 ngày 06/01/2021 về việc hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 308113 đã cấp cho Công ty cổ phần Future Horizon theo Quyết định số 2973/QĐ-SHTT ngày 30/6/2022 của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp, đề nghị của WhiteWave Services, Inc.là không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 2973/QĐ-SHTT ngày 30/6/2022 về việc giải quyết đề nghị hủy bỏ hiệu lực của WhiteWave Services, Inc. tại đơn số ĐN1-2021-00001 ngày 06/01/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, WhiteWave Services, Inc. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và WhiteWave Services, Inc. (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143947/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-00375 ngày 27/3/2017 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, P.R.China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1276296 theo Thông báo số 2015/47 TDH10 ngày 23/11/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5081/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "FusionStorage" theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1276296 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ theo Thông báo số 2015/47 TDH10 ngày 23/11/2016 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "FUSION" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 45974 (nhãn hiệu đối chứng), theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn không đồng ý với nội dung Thông báo nêu trên và đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1276296 với các lý do sau:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng khi so sánh tổng thể cũng như từng khía cạnh dưới đây:

- Về cấu trúc tổng thể và cấu trúc từ ngữ, nhãn hiệu đăng ký là một sự kết hợp độc đáo bởi 02 từ tiếng Anh viết liền tạo thành một tổng thể không thể tách rời "FusionStorage". Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ bao gồm một từ duy nhất "FUSION".

- Về ý nghĩa & nội dung, nhãn hiệu đăng ký "FusionStorage" có nghĩa là "sự lưu trữ nóng chảy/hợp nhất" trong khi nhãn hiệu đối chứng "FUSION" có nghĩa là "sự nóng chảy/hợp nhất".

- Về âm tiết, nhãn hiệu đăng ký "FusionStorage" luôn được đọc và phát âm thành ba âm tiết là /ˈfjuː-ʒən-stɔːrɪdʒ/ trong khi nhãn hiệu đối chứng chỉ được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuː-ʒən/.

- Về cảm nhận thị giác, do sự khác biệt về cấu trúc tổng thể, cấu trúc từ ngữ, nội dung ý nghĩa và âm tiết như đã trình bày ở trên, cảm nhận thị giác của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng là khác biệt.

Thứ hai, trên thực tế, một số nhãn hiệu có cùng cấu trúc từ ngữ như nhãn hiệu đăng ký, cụ thể là cùng chứa thành phần "FUSION", đã được Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng và chấp nhận bảo hộ dù danh mục sản phẩm thuộc nhóm 09 của các nhãn hiệu đó đều bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Thứ ba, trên thế giới, nhãn hiệu đăng ký "FusionStorage" cũng được thừa nhận là khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "FUSION" khi cả hai cùng đăng ký cho các sản phẩm tương tự thuộc nhóm 09 ở một số quốc gia, bao gồm nhưng

không giới hạn ở 28 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Singapore, Philippines, Hồng Kông, Trung Quốc, Mỹ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký gồm 13 chữ cái tạo thành bởi hai từ tiếng Anh "Fusion" và "Storage", trong đó chữ cái đầu tiên của mỗi từ được viết hoa, tạo ấn tượng như hai từ đứng tách biệt nhau; nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" gồm 6 chữ cái. Do các chữ cái của nhãn hiệu đăng ký được sắp xếp liền nhau nhưng chữ cái F và S được viết hoa, nổi bật so với các chữ cái còn lại khiến cho dấu hiệu này tạo ấn tượng với người tiêu dùng thành hai từ "Fusion" và "Storage" với nghĩa tiếng Việt tương ứng là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất' và "sự lưu trữ", trong khi nhãn hiệu đối chứng là từ tiếng Anh "FUSION" có nghĩa là "sự nấu chảy hoặc sự hợp nhất". Trong trường hợp này, "Fusion" là thành phần trùng và chiếm ưu thế trong cả hai nhãn hiệu, trong khi "Storage" chỉ mang tính mô tả chức năng sản phẩm đăng ký thuộc Nhóm 09. Do đó, toàn bộ dấu hiệu "FusionStorage" chỉ tạo ra cảm nhận chung là một giải pháp lưu trữ hợp nhất – không đủ tạo ấn tượng phân biệt với nhãn hiệu "FUSION". Việc yếu tố phân biệt chính là "Fusion" trùng nhau, kết hợp với phần chữ "Storage" không có khả năng phân biệt mạnh sẽ làm gia tăng nguy cơ người tiêu dùng hiểu nhầm rằng các sản phẩm mang hai nhãn hiệu này có cùng nguồn gốc thương mại, dẫn đến khả năng gây nhầm lẫn. Về cách phát âm, nhãn hiệu đăng ký có thể được phát âm thành ba âm tiết /ˈfjuː-ʒən-stɔːrɪdʒ/, còn nhãn hiệu đối chứng được phát âm bằng hai âm tiết /ˈfjuː-ʒən/.

Về sản phẩm mang nhãn hiệu: Danh mục sản phẩm đăng ký theo dấu hiệu "FusionStorage" tương tự với danh mục sản phẩm của nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định về cấu tạo và cách phát âm, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do thành phần "Fusion" trùng nhau và chiếm ưu thế, trong khi thành phần

"Storage" mang tính mô tả, không đủ tạo sự khác biệt tổng thể khi kết hợp với nhau. Trong khi, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được đăng ký cho sản phẩm tương tự. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng và không được coi là có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Đề nghị của người nộp đơn (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) về việc nhãn hiệu đăng ký "FusionStorage" theo ĐQT số 1276296 có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1276296 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2015/47 TDH10 ngày 23/11/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1276296.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143948/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH du lịch Si Nai
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00476 ngày 03/6/2024 của Công ty TNHH du lịch Si Nai; địa chỉ: 116/58 Đường 14A, cư xá Ngân Hàng, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-50685 theo Quyết định số 36553/QĐ-

SHTT.IP ngày 28/3/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5094/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH du lịch Si Nai với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-50685 ngày 03/12/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 36553/QĐ-SHTT.IP ngày 28/3/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi phần hình và phần chữ, trong đó phần hình là thành phần mạnh tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký.

Sau ngày nộp đơn, nhãn hiệu đăng ký đã được chủ đơn đưa vào sử dụng trên các dịch vụ kinh doanh và đã được người tiêu dùng biết đến, đồng thời đạt được khả năng phân biệt với các dịch vụ mang nhãn hiệu khác và không có sự nhầm lẫn về nguồn gốc dịch vụ.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2020-50685 ngày 03/12/2020 chứa phần chữ "Sinai" là tên bán đảo thuộc Cộng hòa Ả Rập Ai Cập - dấu hiệu chỉ dẫn xuất xứ của dịch vụ mang nhãn hiệu do tổ chức, cá nhân ở bán đảo Sinai cung cấp, trong khi đó chủ đơn - nhà cung cấp dịch vụ mang nhãn hiệu là công ty có địa chỉ ở Việt Nam nên gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ dịch vụ.

Ngoài ra, cho đến thời điểm hiện tại, người nộp đơn không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng. Do đó, không có cơ sở để xem xét nội dung này trong quá trình giải quyết khiếu nại.

Như vậy, tại thời điểm ban hành Quyết định số 36553/QĐ-SHTT.IP ngày 28/3/2024, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-50685 ngày 03/12/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 36553/QĐ-SHTT.IP ngày 28/3/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-50685 ngày 03/12/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH du lịch Si Nai có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH du lịch Si Nai (qua CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ SETHACO) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143949/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2024-00912 ngày 26/11/2024 của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang; địa chỉ: 15 đường 3C, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sethaco; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận

HTM620

đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-39025 theo Quyết định số 119622/QĐ-SHTT.IP ngày 11/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5092/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-39025 ngày 15/10/2021 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 119622/QĐ-SHTT.IP ngày 11/10/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau: Người nộp đơn có ý kiến như nêu tại công văn 276/SETHACO ngày 05/06/2024 về việc loại bỏ phần chữ "HOA SEN" trong nhãn hiệu đăng ký và việc loại bỏ phần chữ "HOA SEN" không làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp không được mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn và không được làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn, đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất của đơn."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2021-39025 ngày 15/10/2021 không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Phần chữ "HOA SEN" là thành phần phân biệt trong tổng thể nhãn hiệu đăng ký, do đó, việc người nộp đơn đề nghị loại bỏ phần chữ "HOA SEN" trong nhãn hiệu đăng ký trái với quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

Như vậy, tại thời điểm ban hành Quyết định số 119622/QĐ-SHTT.IP ngày 11/10/2024, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp và đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-39025 ngày 15/10/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 119622/QĐ-SHTT.IP ngày 11/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-39025 ngày 15/10/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sethaco) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143950/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00913 ngày 26/11/2024 của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang; địa chỉ: 15 đường 3C, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sethaco; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký

nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-39026 theo Quyết định số 119621/QĐ-SHTT.IP ngày 11/10/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5093/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-39026 ngày 15/10/2021 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 119621/QĐ-SHTT.IP ngày 11/10/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau: Người nộp đơn có ý kiến như nêu tại công văn 235/SETHACO ngày 10/5/2024 về việc loại bỏ phần chữ "HOA SEN" trong nhãn hiệu đăng ký và việc loại bỏ phần chữ "HOA SEN" không làm thay đổi bản chất của nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp không được mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn và không được làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn, đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất của đơn."

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2021-39026 ngày 15/10/2021 không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Phần chữ "HOA SEN" là thành phần phân biệt trong tổng thể nhãn hiệu đăng ký, do đó, việc người nộp đơn đề nghị loại bỏ phần chữ "HOA SEN" trong nhãn hiệu đăng ký trái với quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ.

Như vậy, tại thời điểm ban hành Quyết định số 119621/QĐ-SHTT.IP ngày 11/10/2024, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp và đề nghị của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2021-39026 ngày 15/10/2021 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 119621/QĐ-SHTT.IP ngày 11/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-39026 ngày 15/10/2021.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Tạ Minh Quang (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sethaco) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143951/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Đỗ Việt Anh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Xét đơn số KN4-2025-00037 ngày 20/01/2025 của Ông/Bà Đỗ Việt Anh; địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã Hòa Khánh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2023-11808 theo Quyết định số 126735/QĐ-SHTT.IP ngày 31/10/2024;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5090/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Đỗ Việt Anh với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2023-11808 ngày 31/3/2023 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 126735/QĐ-SHTT.IP ngày 31/10/2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký là sự kết hợp giữa phần hình và phần chữ có khả năng phân biệt được với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc, màu sắ thể hiện. Chữ "D" trong "D'Sound" là từ viết tắt của tên chủ đơn, bên cạnh chữ "Sound" mang tính mô tả, do đó, thành phần "D'Sound" không phải yếu tố gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "D'Sound Do Anh Viet, hình" chứa phần chữ "D'Sound" được thể hiện nổi bật, tạo ấn tượng mạnh là thành phần phân biệt trong nhãn hiệu đăng ký, trùng với nhãn hiệu đối chứng "D'SOUND", nhãn hiệu bảo hộ tổng thể theo GCNĐKNH số 385270 ngày 26/4/2021 về cấu tạo, cách phát âm. Do đó, tổng thể nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và cách phát âm. Trong khi đó, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 09 bị coi là tương tự.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, việc bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng hiểu nhầm dấu hiệu yêu cầu đăng ký là biến thể của nhãn hiệu đối chứng hoặc chúng có cùng nguồn gốc.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2023-11808 ngày 31/3/2023 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 126735/QĐ-SHTT.IP ngày 31/10/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2023-11808 ngày 31/3/2023.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Đỗ Việt Anh có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Đỗ Việt Anh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143952/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2025-00145 ngày 11/4/2025 của Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group; địa chỉ: 182 tổ 4, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; ĐT: 0918612321, khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-32122 ngày 22/08/2019 theo Quyết định số 39221/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5086/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-32122 ngày 22/8/2019 của Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu vì người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ theo quy định.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn nêu trên do không nhận được Thông báo số 65650/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 22/9/2023 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí và Quyết định số 39221/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 05/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-32122 ngày 22/08/2019. Do đó, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Ngoài ra, người nộp đơn cam kết nộp đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm 15.7.c) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:"Nếu người nộp đơn không nộp lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, phí công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ, phí đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn quy định tại điểm 15.7a thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dữ liệu trên hệ thống quản trị đơn cho thấy Thông báo số 65650/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 22/9/2023 về việc dự định cấp văn bằng bảo hộ và nộp phí, lệ phí không được chuyển phát thành công và đã được chuyển hoàn lại Cục Sở hữu trí tuệ. Trong khi đó Quyết định số 39221/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 05/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-32122 ngày 22/08/2019 đã được chuyển phát thành công, tuy nhiên người nộp đơn cam kết không nhận được. Người nộp đơn phải chịu mọi trách nhiệm pháp lý phát sinh đối với cam kết của mình. Vì lý do này, người nộp đơn không có thông tin cần thiết để có thể thực hiện nghĩa vụ tài chính theo yêu cầu và thực hiện quyền khiếu nại trong thời hạn quy định. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-32122 ngày 22/08/2019.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục xem xét, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-32122 ngày 22/8/2019.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 39221/QĐ-SHTT.IP ngày 05/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2019-32122 ngày 22/8/2019.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2019-32122 ngày 22/8/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần quốc tế Lê Gia Group có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần nộp các khoản phí, lệ phí theo Thông báo số 65650/SHTT-NH.IP ngày 22/9/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết)
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 65650/SHTT-NH.IP ngày 22/9/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143953/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của OCI HOLDINGS BERHAD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2015-00161 ngày 24/02/2015 của OCI HOLDINGS BERHAD; địa chỉ: No.1, Jalan Halba Satu 16/16A, Seksyen 16, Kawasan Perindustrian Shah Alam, 40000 Shah Alam, Selangor, Malaysia; đại diện bởi: Công ty cổ phần Tư vấn S&B; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-23486 theo Quyết định số 72340/QĐ-SHTT ngày 28/11/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4943/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của OCI HOLDINGS BERHAD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-23486 ngày 04/11/2011 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 72340/QĐ-SHTT ngày 28/11/2014 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.h Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

- Nhãn hiệu đối chứng "OCI, hình" theo GCNĐKNH số 68081 đã hết hạn hiệu lực ngày 29/10/2013 và không được sử dụng hợp pháp 5 năm liên tục tại thị trường Việt Nam theo Thông báo số 375/TT-TTM&HNQT ngày 28/7/2014 của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công thương về kết quả điều tra việc sử dụng nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 68081 tại thị trường Việt Nam;

- Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng "OCI CIORNYE" theo ĐKQT số 577061 về tổng thể cấu trúc, hình thức thể hiện, cách phát âm, nội dung và ý nghĩa.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2011-23486 ngày 04/11/2011 được cấu tạo bởi phần chữ "OCI" và phần hình, trong đó, phần chữ "OCI" là thành phần phân biệt chính mặc dù được thể hiện cách điệu nhưng vẫn bị coi là tương tự với phần chữ "OCI" là thành phần chính trong các nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và cách phát âm. Trong khi, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự với sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng. Do đó, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng.

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 72340/QĐ-SHTT ngày 28/11/2014, các nhãn hiệu đối chứng đã hết hạn hiệu lực tại Việt Nam nhưng chưa quá 05 năm nên vẫn được coi đối chứng từ chối nhãn hiệu đăng ký theo quy định tại Điều 74.2.h Luật Sở hữu trí tuệ. Kết quả điều tra việc sử dụng nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 68081 tại thị trường Việt Nam theo Thông báo số 375/TT-TTM&HNQT ngày 28/7/2014 của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công thương không phải là cơ sở khẳng định nhãn hiệu đã chấm dứt hiệu lực tại thời điểm xem xét.

Tổng hợp các nhận định đánh giá trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng. Tại thời điểm ban hành Quyết định số 72340/QĐ-SHTT ngày 28/11/2014, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp quy định của pháp luật và đề nghị của người khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2011-23486 ngày 04/11/2011 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 72340/QĐ-SHTT ngày 28/11/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2011-23486 ngày 04/11/2011.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, OCI HOLDINGS BERHAD có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và OCI HOLDINGS BERHAD (qua Công ty cổ phần Tư vấn S&B) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143954/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần SCI
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2019-00369 ngày 05/8/2019 của Công ty cổ phần SCI; địa chỉ: Tầng 3 , tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, điện thoại 0912002485; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-21941 ngày 17/08/2015 theo Quyết định số 32004/QĐ-SHTT ngày 25/4/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4954/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần SCI với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SCI, hình" theo đơn số 4-2015-21941 ngày 17/8/2015 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 32004/QĐ-SHTT ngày 25/4/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Các nhãn hiệu đối chứng đã không còn được sử dụng ở Việt Nam 5 năm liên tục. Do đó, người nộp đơn đã nộp đơn số ĐN1-2019-00089 ngày 29/3/2019 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 206534 và 206535.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2019-00089 ngày 29/3/2019 yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cho các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 206534 và 206535 trước ngày ban hành Quyết định số 32004/QĐ-SHTT ngày 25/4/2019 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2015-21941 ngày 17/8/2015. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2015-21941 ngày 17/8/2015.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2015-21941 ngày 17/08/2015.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 32004/QĐ-SHTT ngày 25/4/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2015-21941 ngày 17/8/2015.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2015-21941 ngày 17/8/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần SCI có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143955/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ Mi Mi
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2014-00923 ngày 18/9/2014 của Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ Mi Mi; địa chỉ: 24 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-22375 ngày 05/10/2012 theo Quyết định số 35813//QĐ-SHTT ngày 24/6/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4956/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ Mi Mi với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "mi mi clinic & spa Trung Tâm Thẩm Mỹ Công Nghệ Mới STATE OF THE ART AESTHETIC CENTER, hình" theo đơn số 4-2012-22375 ngày 05/10/2012 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 35813/QĐ-SHTT ngày 24/6/2014 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do: Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2012-00022H ngày 15/10/2012 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 55387.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Người khiếu nại đã nộp đơn số ĐN1-2012-00022H ngày 15/10/2012 yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 55387 trước ngày ban hành Quyết định số 35813/QĐ-SHTT ngày 24/6/2014 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2012-22375 ngày 05/10/2012. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định đơn số 4-2012-22375 ngày 05/10/2012.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2012-22375 ngày 05/10/2012.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 35813/QĐ-SHTT ngày 24/6/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-22375 ngày 05/10/2012.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-22375 ngày 05/10/2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ Mi Mi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143956/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH INTRIXAPPLE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2017-00045 ngày 19/01/2017 của Công ty TNHH INTRIXAPPLE; địa chỉ: 83 Xuân Thuỷ, khu phố 2, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-02557 theo Quyết định số 85695/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4969/BC-

TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH INTRIXAPPLE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-02557 ngày 01/02/2013 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 85695/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.g Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Người khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 85695/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016.

Nhãn hiệu "DURANCE" không phải nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi và không phải là nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Tại thời điểm ban hành Quyết định số 85695/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016, các sản phẩm mang nhãn hiệu "DURANCE" của Công ty DURANCE đã được phân phối tại Việt Nam thông qua Công ty TNHH Phương Phát từ 2010, trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-02557 ngày 01/02/2013. Đồng thời, người nộp đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh việc sản xuất hoặc phân phối sản phẩm mang nhãn hiệu "DURANCE" trên thị trường.

Do đó, tại thời điểm ban hành Quyết định số 85695/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-02557 ngày 01/02/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 85695/QĐ-SHTT ngày 29/12/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-02557 ngày 01/02/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH INTRIXAPPLE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH INTRIXAPPLE có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143957/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Boston Pharmaceutical, Inc.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2022-01053 ngày 26/8/2022 của Boston Pharmaceutical, Inc.; địa chỉ: 12241 Sun Grove St, Garden Grove, CA 92840, United States of America; đại diện bởi: Công ty cổ phần FAS INVEST; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-20414 ngày 04/06/2020 theo Quyết định số 70252/QĐ-SHTT ngày 15/8/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4973/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Boston Pharmaceutical, Inc. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-20414 ngày 04/6/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 70252/QĐ-SHTT ngày 15/8/2022 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Người nộp đơn đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng bằng theo đơn CB4-2021-00412 ngày 22/4/2021 chuyển quyền sở hữu nhãn hiệu đối chứng số 124047. Theo đó, sau khi thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu nhãn hiệu đối chứng về cùng một chủ sở hữu với nhãn hiệu đăng ký thì nhãn hiệu đăng ký sẽ đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 124047 đã được chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp về cùng chủ với chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký. Theo đó, sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, thông tin của nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký thống nhất là: "Boston Pharmaceutical, Inc.; địa chỉ: 12241 Sun Grove St, Garden Grove, CA 92840, United States of America". Do đó, không còn cơ sở để từ chối nhãn hiệu đăng ký và đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2020-20414 ngày 04/6/2020, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 70252/QĐ-SHTT ngày 15/8/2022 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2020-20414 ngày 04/6/2020.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2020-20414 ngày 04/6/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Boston Pharmaceutical, Inc. (qua Công ty cổ phần FAS INVEST) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143958/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế theo đơn số 702268 của Eastern Company S.A.E. (EG) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 19/11/2018.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2017-00600 ngày 29/5/2017 của Eastern Company S.A.E; địa chỉ: 450, avenue des Pyramides, Guizeh, Egypt (hiện nay là: Industrial Complex: 6th of October City, 6th Industrial Zone, Oasis Road, P.O Box: 32 October (North Branch) Giza (EG)); đại diện bởi:

Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh.

Lý do đình chỉ: Nhãn hiệu đăng ký "Matinee, hình" theo đơn quốc tế số 702268 hết hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 19/11/2018 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực tại Việt Nam theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Eastern Company S.A.E (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143959/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1245448 của Mainpro International AS (NO) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực từ ngày 07/11/2024 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

HTM620

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00609 ngày 13/7/2016 của Mainpro International AS; địa chỉ: Osterdalsgata 1J, N-0658 Oslo, Norway; đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh.

Lý do đình chỉ: Nhãn hiệu đăng ký "ORION" theo đơn quốc tế số

1245448 bị hết hiệu lực từ ngày 07/11/2024 vì không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Mainpro International AS (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143960/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Mộc Hoa Tràm
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây

trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;


HTM620

Xét đơn số KN4-2025-00139 ngày 09/4/2025 của Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Mộc Hoa Tràm; địa chỉ: 1B Bà Triệu, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; khiếu nại về việc từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số RB4-2022-01337 ngày 21/6/2022 theo Quyết định số 24218/QĐ-SHTT.IP ngày 11/3/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4986/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Mộc Hoa Tràm với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Yêu cầu cấp lại VBBH số RB4-2022-01337 ngày 21/6/2022 bị từ chối theo Quyết định số 24218/QĐ-SHTT.IP ngày 11/3/2024 của Cục Sở hữu trí tuệ với lý do, đơn có thiếu sót như nêu trong Thông báo số 53450/SHTT-SCVB.IP ngày 29/8/2023, mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối, người nộp đơn vẫn không sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối trong thời hạn quy định. Người khiếu nại đề nghị khôi phục việc xử lý yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ với lý do sau:

Người khiếu nại không nhận được Thông báo số 53450/SHTT-SCVB.IP ngày 29/8/2023 về việc thông báo kết quả thẩm định yêu cầu cấp lại VBBH, do đó không có cơ sở để có ý kiến phản hồi Thông báo nêu trên trong thời hạn quy định.

Người nộp đơn nhận được Quyết định số 24218/QĐ-SHTT.IP ngày 11/3/2024 vào ngày 10/3/2025 theo thông tin về ngày báo phát hồ sơ thành công trên bìa thư.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điều 18.d.(iii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN:Trường hợp yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ không đáp ứng quy định tại điểm 18.3.c trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo và ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu kết thúc thời hạn nêu trên, người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định từ chối cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ, có nêu rõ lý do.

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Dữ liệu hệ thống cho thấy, Thông báo số 53450/SHTT-SCVB.IP ngày 29/8/2023 về kết quả thẩm định yêu cầu cấp lại VBBH số RB4-2022-01337 ngày 21/6/2022 đã được chuyển phát thành công. Tuy nhiên, người nộp đơn cam kết không nhận được Thông báo nêu trên nên không có cơ sở để sửa chữa hoặc có ý kiến phản hồi trong thời hạn quy định. Người nộp đơn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý nảy sinh về cam kết của mình. Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định yêu cầu cấp lại VBBH số RB4-2022-01337 ngày 21/6/2022.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với yêu cầu cấp lại VBBH số RB4-2022-01337 ngày 21/6/2022.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 24218/QĐ-SHTT.IP ngày 11/3/2024 về việc từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn RB4-2022-01337 ngày 21/6/2022.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn yêu cầu cấp lại VBBH số RB4-2022-01337 ngày 21/6/2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Sau cấp văn bằng, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Mộc Hoa Tràm có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 53450/SHTT-SCVB.IP ngày 29/8/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 53450/SHTT-SCVB.IP ngày 29/8/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143961/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Quách Thị Lệ Thu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00885 ngày 04/11/2024 của Ông/Bà Quách Thị Lệ Thu; địa chỉ: Số 35B/9A, KV1, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2023-04669 theo Quyết định số 115297/QĐ-

SHTT.IP ngày 30/9/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4987/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Ông/Bà Quách Thị Lệ Thu với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GIA KÝ" đăng ký theo đơn số 4-2023-04669 ngày 20/02/2023 của Ông/Bà Quách Thị Lệ Thu bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 115297/QĐ-SHTT.IP ngày 30/9/2024 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu theo đăng ký số 103848. Người nộp đơn đề nghị cấp GCNĐKNH cho đơn nêu trên với lý do:

Nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2023-04669 và nhãn hiệu đối chứng số 103848 là nhãn hiệu liên kết có cùng một chủ sở hữu. Cụ thể: Ngày 22/11/2006, người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "GIA KÝ" với số đơn 4-2006-20341 đối sản phẩm nhóm 43: Bán bánh mì, xôi mặn, xá xíu, lợn quay (do nhà hàng thực hiện) và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp GCNĐKNH số 103848. Tuy nhiên, do nhu cầu phát triển kinh doanh nên người nộp đơn nộp hồ sơ sửa đổi chủ giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 103848 từ cá nhân Ông/Bà Quách Thị Lệ Thu sang Hộ kinh doanh Quách Thị Lệ Thu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đăng ký số 4-2023-04669 là Ông/Bà Quách Thị Lệ Thu và chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 103848 là Hộ kinh doanh Quách Thị Lệ Thu, đây được xem là hai chủ thể khác nhau theo quy định pháp luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, nhãn hiệu theo đơn đăng ký số 4-2023-04669 vẫn bị xem là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng số 103848 theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp người nộp đơn thay đổi hình thức kinh doanh có thể thực hiện thủ tục sửa đổi văn bằng bảo hộ thống nhất thông tin về cùng một chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu theo đơn đăng ký số 4-2023-04669 ngày 20/02/2023 không đáp ứng điều kiện bảo hộ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn nêu trên là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2023-04669 ngày 20/02/2023 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 115297/QĐ-SHTT.IP ngày 30/9/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2023-04669 ngày 20/02/2023.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Ông/Bà Quách Thị Lệ Thu có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông/Bà Quách Thị Lệ Thu có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143962/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của JBL GmbH & Co. KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-01297 ngày 20/12/2017 của JBL GmbH & Co. KG; địa chỉ: Dieselstrasse 3 67141 Neuhofen Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1314370 theo Thông báo số 2016/41 VTB06 ngày 25/8/2017;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5024/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của JBL GmbH & Co. KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "JBL" theo ĐQT số 1314370 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu gồm nhãn hiệu "JBL" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 10644 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "JBL SYNTHESIS" theo GCNĐKNH số 51044 (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "JBL" theo GCNĐKNH số 214471 (nhãn hiệu đối chứng 3), nhãn hiệu "JBL" theo GCNĐKNH số 214472 (nhãn hiệu đối chứng 4), nhãn hiệu "JBL Flower maxi" theo GCNĐKNH số 103602 (nhãn hiệu đối chứng 5), theo quy định tại điểm e và điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý lẽ sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3, 4 do chúng được đăng ký cho các sản phẩm đặc thù khác biệt thuộc nhóm 09. Cụ thể, sản phẩm đăng ký theo các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3, 4 chuyên về sản phẩm nghe nhìn, trong khi đó, các sản phẩm theo nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm "không liên quan đến sản phẩm nghe nhìn".

Thực tế, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3, 4 cũng thừa nhận sự khác biệt và không tương tự giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, và đã có Thư chấp thuận cho phép Người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký đã được thừa nhận là khác biệt là được cấp văn bằng bảo hộ song song với các nhãn hiệu đối chứng tại Úc, Canada, Đức, Indonesia, Israel, Malaysia, New Zealand, Philippines, Singapore, Mỹ cũng như các quốc gia thuộc liên minh Châu Âu.

Nhãn hiệu đối chứng 5 đã hết hiệu lực từ ngày 22/09/2016 và không được sử dụng tại thị trường Việt Nam trong hơn 05 năm liên tục từ ngày 22/09/2011 cho đến nay theo Thông báo số 601/TT-TTKTQT, ký ngày 12/12/2017 về kết quả điều tra sử dụng của Trung tâm Thông tin Công nghiệp

và Thương mại – Bộ Công Thương. Do đó, nhãn hiệu đối chứng 5 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1314370.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 103602

Nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực từ ngày 22/9/2016 và không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực tại Việt Nam, do đó, nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 103602 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1314369 theo quy định tại Điều 74.2.h Luật Sở hữu trí tuệ.

- Liên quan đến các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 10644, 214471, 214472, 103602:

Nhãn hiệu đăng ký "JBL" trùng với thành phần chính trong các nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo, hình thức thể hiện và cách phát âm. Trong khi sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 09 tương tự với các sản phẩm nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 09. Do đó, mặc dù chủ đơn có bổ sung thư chấp thuận của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng nhưng việc bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vẫn có thể khiến người tiêu dùng lầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có cùng một nguồn gốc.

Ngoài ra, thông tin nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được thừa nhận sự khác biệt ở các quốc gia khác nhau chỉ mang tính chất tham khảo.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 10644, 214471, 214472, 103602.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 103602 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 10644, 214471, 214472, 103602, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1314369 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/41 VTB06 ngày 25/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1314370.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, JBL GmbH & Co. KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và JBL GmbH & Co. KG (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143963/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-01098 ngày 11/10/2017 của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.; địa chỉ: Administration Building Huawei Technologies Co., Ltd. Bantian, Longgang District Shenzhen, China; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1306420 theo Thông báo số 2016/33 LMT14 ngày 26/6/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5031/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "HONOR" theo ĐQT số 1306420 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ một phần đối với các sản phẩm *"vỏ bảo vệ dùng cho điện thoại di động; hộp bảo vệ dùng cho điện thoại di động"* theo Thông báo số 2016/33 LMT14 ngày 26/06/2017 vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "HONOR WILD" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 262835 (nhãn hiệu đối chứng) theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký nêu trên với lý do:

Thứ nhất, người nộp đơn kiến nghị rằng nhãn hiệu đăng ký là khác biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng về cấu trúc từ ngữ, nội dung và ý nghĩa, cũng như âm tiết và cách phát âm.

Về cấu trúc từ ngữ, nhãn hiệu đăng ký chỉ bao gồm 1 từ "HONOR", trong khi nhãn hiệu đối chứng bao gồm 2 từ "HONOR WILD".

Về nội dung và ý nghĩa, nhãn hiệu đăng ký "HONOR" có nghĩa là "Danh giá/danh tiếng/niềm vinh dự", trong khi nhãn hiệu đối chứng "HONOR WILD" có nghĩa là "Vùng hoang vu danh tiếng".

Về âm tiết và phát âm, nhãn hiệu đăng ký được phát âm bằng 02 âm tiết /ˈɒn.ə/, trong khi nhãn hiệu đối chứng được phát âm bằng 03 âm tiết /ˈɒn.ə - waɪld/.

Thứ hai, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã đánh giá và thừa nhận sự khác biệt giữa "HONOR" và "HONOR WILD" khi đồng ý cấp văn bằng bảo hộ cho Nhãn hiệu đối chứng "HONOR WILD" ngay sau khi đã thiết lập độc quyền cho Nhãn hiệu "HONOR" theo Đăng ký quốc tế số 1208289 của người nộp đơn mặc dù chúng được đăng ký cho các sản phẩm rất tương tự thuộc nhóm 09.

Thứ ba, nhãn hiệu đăng ký "HONOR" cũng được thừa nhận là khác biệt và không tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "HONOR WILD" tại nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm Trung Quốc và 28 quốc gia thuộc liên minh châu Âu.

Thứ tư, nhãn hiệu đăng ký đã được đăng ký và sử dụng rộng rãi bởi người nộp đơn từ năm 2011, và đã đạt được danh tiếng nhất định tại nhiều quốc gia trên thế giới bao gồm cả Việt Nam.

Từ những lý lẽ nêu trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Về nhãn hiệu: Nhãn hiệu đăng ký "HONOR" là một từ tiếng Anh có nghĩa tiếng Việt có nghĩa là "Danh giá/danh tiếng/niềm vinh dự", được phát âm là /ˈɒn.ə/. Đối chiếu với nhãn hiệu đối chứng, "HONOR WILD" có nghĩa là "Vùng hoang vu danh tiếng", được phát âm bằng 03 âm tiết /ˈɒn.ə -waɪld/. Mặc dù đều được thể hiện bằng kiểu chữ in hoa, nhưng xét tổng thể nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đối chứng có sự phân biệt về cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa.

- Về dịch vụ: Các sản phẩm *"vỏ bảo vệ dùng cho điện thoại di động; hộp bảo vệ dùng cho điện thoại di động"* thuộc nhóm 09 mang nhãn hiệu đăng ký tương tự với các sản phẩm thuộc nhóm 09 mang nhãn hiệu đối chứng.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng mặc dù nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được sử dụng cho sản phẩm tương tự, tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tổng thể, do cấu trúc, cách phát âm và ý nghĩa của nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt, do đó, nhãn hiệu đăng ký được coi là có khả năng phân biệt và không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng trong nhận thức của người tiêu dùng.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1306420, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/33 LMT14 ngày 26/6/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1306420.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1306420.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143964/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Song Thủy HN
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;


HTM620

Xét đơn số KN4-2024-00129 ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Song Thủy HN; địa chỉ: TĐS 940, TBĐ 46,Kp. Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty TNHH Hùng Sơn và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2021-23632 ngày 14/06/2021 theo Quyết định số 108779/QĐ-SHTT.IP ngày 29/11/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4959/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Song Thủy HN với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "i-on Vitalia Mát lạnh sảng khoái, hình" đăng ký theo đơn số 4-2021-23632 ngày 14/6/2021 của Công ty TNHH Song Thủy HN bị từ chối cấp GCNĐKNH vì hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo số 35541/SHTT-NH.IP ngày 11/7/2023 về kết quả thẩm định đơn nội dung, nên đơn số 4-2021-23632 bị từ chối theo quy định tại điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị khôi phục quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2021-23632 ngày 14/6/2021 với lý do: Hệ thống công nghệ thông tin của Cục Sở hữu trí tuệ bị lỗi nên đại diện Sở hữu công nghiệp của người nộp đơn đã không nhận được Thông báo số 35541/SHTT-NH.IP ngày 11/7/2023.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm 15.7b. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định: "Nếu kết thúc thời hạn quy định tại các điểm 15.7.a (i), (ii) trên đây mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

Trong trường hợp người nộp đơn có phát hiện hoặc cung cấp tình tiết mới (chưa được xem xét trong quá trình thẩm định) mà có khả năng ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì theo yêu cầu của người nộp đơn, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét việc thu hồi quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ đã ban hành và khôi phục lại quá trình thẩm định"

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Đại diện Sở hữu công nghiệp của người nộp đơn là Công ty TNHH Hùng Sơn và Cộng sự đã không nhận được Thông báo số 35541/SHTT-NH.IP ngày 11/7/2023 do lỗi kỹ thuật của hệ thống Công nghệ thông tin, do đó, người nộp đơn đã không có cơ sở trả lời Thông báo nêu trên trong thời hạn quy định.

Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cho người nộp đơn tiếp tục trả lời Thông báo số 35541/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 11/7/2023.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2021-23632 ngày 14/06/2021.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 108779/QĐ-SHTT.$_{IP}$ ngày 29/11/2023 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2021-23632 ngày 14/06/2021.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2021-23632 ngày 14/06/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Song Thủy HN (qua Công ty TNHH Hùng Sơn và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, người nộp đơn cần trả lời Thông báo số 35541/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 11/7/2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

Tài liệu gửi kèm:
- Bản sao Thông báo số 35541/SHTT-NH.$_{IP}$ ngày 11/7/2023.

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 146987/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Advanced Track and Trace
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2018-00048 ngày 16/01/2018 của Advanced Track and Trace; địa chỉ: 99 Avenue de la Châtaigneraie, F-92500 Rueil Malmaison, France; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2011-21522 ngày 12/10/2011 theo Quyết định số 72508/QĐ-SHTT ngày 18/10/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4897/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Advanced Track and Trace với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "SEALVECTOR, hình" theo đơn đăng ký số 4-2011-21522 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 09, 16, 35, 38, 40, 42 do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN. Công ty TNHH SHCN Sao Bắc Đẩu đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "SEALVECTOR, hình" với các lý do sau:

Phần chữ "SEAL VECTOR" trong nhãn hiệu xin đăng ký đáp ứng điều kiện bảo hộ, do nhãn hiệu đối chứng VECTOR đã hết hiệu lực hơn năm năm.

Về phần hình, người nộp đơn cho rằng dấu hiệu này đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng rộng rãi, lâu dài và liên tục, được chứng minh bằng Bản tuyên thệ của đại diện công ty và các tài liệu kèm theo.

Nhãn hiệu xin đăng ký được sử dụng từ năm 2006 tại nhiều quốc gia và từ năm 2010 tại Việt Nam, gắn với công nghệ xác thực Seal Vector do Công ty Advanced Track and Trace phát triển. Nhãn hiệu đã được sử dụng trên nhiều loại hàng hóa và giấy tờ, đặc biệt là các sản phẩm của L'Oréal, phục vụ mục đích xác thực và chống hàng giả.

Dấu hiệu này được nhận biết rõ ràng bởi nhóm người tiêu dùng chuyên biệt như doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Ngoài ra, nhãn hiệu đã được quảng bá rộng rãi với chi phí đáng kể và mang lại doanh thu lớn qua các năm.

Từ những căn cứ nêu trên, Người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu xin đăng ký đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và kính đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại Quyết định từ chối.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN: Hình vẽ, hình ảnh quá rắc rối phức tạp khiến cho người tiêu dùng không dễ nhận thức và không dễ ghi nhớ được đặc điểm của hình như gồm quá nhiều hình ảnh, đường nét kết hợp hoặc chồng lên nhau.

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Phần chữ "SEAL VECTOR" trong nhãn hiệu xin đăng ký đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định pháp luật, do nhãn hiệu đối chứng VECTOR đã hết hiệu lực hơn năm năm .

Đối với phần hình, đây là dạng mã xác thực có cấu trúc tương tự mã QR, gồm nhiều điểm ảnh nhỏ, li ti, không theo trật tự rõ ràng. Do đặc điểm kỹ thuật này, khi nhìn bằng mắt thường, người tiêu dùng thông thường khó có thể

nhận biết hoặc ghi nhớ được sự khác biệt giữa dấu hiệu này với các mã tương tự khác. Phần hình không mang tính phân biệt rõ ràng, và không có khả năng tự thân phân biệt nguồn gốc thương mại của hàng hóa nếu tách rời khỏi phần chữ "SEAL VECTOR".

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần hình.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2011-21522 ngày 12/10/2011, không áp dụng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 72508/QĐ-SHTT ngày 18/10/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2011-21522 ngày 12/10/2011.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2011-21522 ngày 12/10/2011, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần hình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Advanced Track and Trace (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147012/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần FPT
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2012-00049 ngày 18/01/2012 của Công ty cổ phần FPT; địa chỉ: 89 Láng Hạ, Đống Đa, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-02870 ngày

NMD368

09/02/2010 theo Quyết định số 41224/QĐ-SHTT ngày 20/10/2011;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4888/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần FPT với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-02870 ngày 09/02/2010 cho các sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 09, 35, 37 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "f moblie, hình" theo GCNĐKNH số 144398. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Cụ thể, nhãn hiệu đối chứng gồm chữ "f" cách điệu hình bông hoa và chữ "moblie", trong đó yếu tố chữ "f" cách điệu tạo ấn tượng thị giác chủ đạo. Ngược lại, nhãn hiệu xin đăng ký chỉ gồm phần chữ, với chữ "FPT" viết hoa, kích cỡ lớn, đặt nổi bật ở phía trên, là tên viết tắt của công ty, có tính nhận diện cao và tạo sự khác biệt rõ rệt so với nhãn hiệu đối chứng. Phần chữ "F-moblie" nhỏ hơn và chữ "F" viết thường, không được cách điệu.

Về lĩnh vực sản phẩm, nhãn hiệu "FPT F moblie" đăng ký cho các nhóm 09, 35 và 37, tập trung vào sản phẩm và dịch vụ liên quan trực tiếp đến điện thoại di động – đây là lĩnh vực kinh doanh chủ lực của người nộp đơn. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng chỉ đăng ký nhóm 35 với các dịch vụ như mua bán thẻ sim, máy vi tính, máy fax, đại lý ký gửi hàng hóa..., không mang tính chất tương đồng hoặc liên quan trực tiếp đến điện thoại di động. Điều này giảm thiểu khả năng nhầm lẫn trong tâm trí người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, "FPT F moblie" là thương hiệu điện thoại di động Việt Nam đầu tiên của Công ty Cổ phần FPT, có lịch sử phát triển lâu dài và được người tiêu dùng biết đến rộng rãi kể từ khi ra mắt thị trường năm 2009. Việc xuất hiện dày đặc trên các trang thương mại điện tử lớn và doanh số tăng trưởng liên tục chứng minh tính phổ biến và sự nhận biết thương hiệu mạnh mẽ.

Trên cơ sở so sánh về hình thức, ý nghĩa, phạm vi sản phẩm, cùng với sự khác biệt rõ ràng trong cách trình bày và nhận diện, có thể khẳng định hai

nhãn hiệu này có khả năng phân biệt cao, không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu "f moblie, hình" theo GCNĐKNH số 144398 được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng chữ "f", "mobile", bên cạnh đó, dấu hiệu chữ "f" được cách điệu có thể là chữ "t", "phi tiêu".

Nhãn hiệu xin đăng ký "FPT F MOBILE" theo đơn số 4-2010-02870 đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ khác biệt với các sản phẩm, dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng "f moblie, hình" theo GCN ĐKNH số 144398. Do đó, nhãn hiệu "f moblie, hình" theo GCN ĐKNH số 144398 không còn là đối chứng dùng để từ chối cấp văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu "FPT F MOBILE" theo đơn số 4-2010-02870.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "FPT F MOBILE" theo đơn số 4-2010-02870 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2010-02870 ngày 09/02/2010, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 41224/QĐ-SHTT ngày 20/10/2011 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2010-02870 ngày 09/02/2010.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2010-02870 ngày 09/02/2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần FPT (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147051/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của T.C. Pharmaceutical Industries Co., Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2008-00132 ngày 17/3/2008 của T.C. Pharmaceutical Industries Co., Ltd; địa chỉ: 39/13 Mu 8, Ekachai Road, Bangbon Sub-District, Bangbon District, Bangkok 10150, Thailand; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư

NMD368 *vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2005-13851 ngày 19/10/2005 theo Quyết định số 2484/QĐ-SHTT ngày 16/01/2008;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4886/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của T.C. Pharmaceutical Industries Co., Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Hình" theo đơn đăng ký số 4-2005-13851 bị từ chối bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 30 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Gold Cow, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 33600 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "Hình" cho các dịch vụ thuộc nhóm 30 với các lý do sau:

Người nộp đơn đã nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực GCN ĐKNH số ĐN1-2007-00117 ngày 27/11/2007. Do đó, người nộp đơn Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại Quyết định từ chối cấp GCN ĐKNH cho đơn số 4-2005-13851.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP quy định: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự, hoặc cho hàng hoá, dịch vụ có liên quan với nhau nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ;"

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã thực hiện thủ tục đề nghị chấm dứt theo đơn ĐN1-2007-00117 ngày 27/11/2007 trước thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 2484/QĐ-SHTT ngày 16/01/2008 về việc từ chối cấp GCN ĐKNH.

Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận khôi phục quá trình thẩm định nội dung cho đơn số 4-2005-13851.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2005-13851 ngày 19/10/2005

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 2484/QĐ-SHTT ngày 16/01/2008 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2005-13851 ngày 19/10/2005.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2005-13851 ngày 19/10/2005.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và T.C. Pharmaceutical Industries Co., Ltd (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147055/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Henkel AG & Co. KGaA
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2014-00559 ngày 16/6/2014 của Henkel AG & Co. KGaA; địa chỉ: Henkelstr. 67 40589 Dusseldorf, Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1148917 theo Thông báo số 2013/07 LMT29 ngày 19/02/2014;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4841/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Henkel AG & Co. KGaA với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "POWER-ACTIVE" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1148917 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 03 do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "Olmegard" với các lý do sau:

Nhãn hiệu xin đăng ký là một nhãn hiệu dùng cho sản phẩm chất tẩy rửa nhà vệ sinh của Henkel, cấu thành bởi các chất chống bám cặn, chống khuẩn, làm sạch tăng cường kết hợp với chất tẩy rửa vệ sinh. Sản phẩm nói trên được đưa ra thị trường từ giữa năm 2012 và nhanh chóng được người tiêu dùng trên khắp thế giới ưa chuộng.

Để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký, Henkel đã tiến hành đăng ký nhãn hiệu này ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới trong đó có Việt Nam. Cụ thể, có gần 53 quốc gia và vùng lãnh thổ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu này.

Nhãn hiệu xin đăng ký được sử dụng rộng rãi trên thế giới thể hiện qua doanh số bán hàng và chi phí quảng cáo của dòng sản phẩm này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu "POWER" có nghĩa là sức mạnh, năng lượng, quyền lực; dấu hiệu "ACTIVE" có nghĩa là chủ động, hoạt dộng, tích cực; do đó "POWER-ACTIVE" có nghĩa là có sức mạnh hoạt động mạnh mẽ, chủ động tạo ra năng lượng hoặc trạng thái hoạt động với công suất cao. Vì vậy, nhãn hiệu xin đăng ký không có khả năng phân biệt do ý nghĩa của nhãn hiệu được dịch sang tiếng Việt có tính mô tả sản phẩm, làm tăng giá trị của sản phẩm của nhóm 03. Không có chứng cứ chứng minh việc đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam.

Việc nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là căn cứ để Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu xin đăng ký.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "POWER-ACTIVE" theo ĐKQT số 1148917 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1148917 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2013/07 LMT29 ngày 19/02/2014 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1148917.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Henkel AG & Co. KGaA có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Henkel AG & Co. KGaA (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147056/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Cochlear Limited
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2015-01192 ngày 22/12/2015 của Cochlear Limited; địa chỉ: 1 University Avenue MACQUARIE UNIVERSITY NSW 2109, Australia; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế đối với đơn số 1099124 theo Thông báo số 2014/38 LMT22 ngày 28/9/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4859/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Cochlear Limited với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "COCHLEAR" theo Đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1099124 đã bị từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuộc nhóm 09, 10, 44 do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu "COCHLEAR" với các lý do sau:

Nhãn hiệu đã đạt khả năng phân biệt thông qua quá trình đăng ký và sử dụng rộng rãi trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hiệu. Người nộp đơn đã nộp bản Tuyên bố về tính phân biệt và sự nổi tiếng của nhãn hiệu "COCHLEAR" gắn với các sản phẩm, dịch vụ của người nộp đơn thông qua quá trình đăng ký và sử dụng rộng rãi, lâu dài của nhãn hiệu này.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Khoản 5 Điều 73 Luật Sở hữu trí tuệ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu: "Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ".

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Dấu hiệu "COCHLEAR" là tính từ trong tiếng anh, bắt nguồn từ danh từ "Cochlea", nghĩa là ốc tai – một phần trong tai trong, liên quan đến thính

giác. Trong khi các sản phẩm, dịch vụ của người nộp đơn là các thiết bị hỗ trợ thích giác, các dịch vụ khám chữa bệnh, phục hồi thính giác.

Ngoài ra, các tài liệu do người nộp đơn cung cấp cho thấy nhãn hiệu "COCHLEAR" chưa được sử dụng rộng rãi tại thời điểm đăng ký.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký "COCHLEAR" theo ĐKQT số 1099124 không đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 73 và điểm c khoản 2 Điều 74] Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1099124 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2014/38 LMT22 ngày 28/9/2015 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1099124.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Cochlear Limited có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Cochlear Limited (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147057/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00984 ngày 13/9/2017 của SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.; địa chỉ: 129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si 16677a Gyeonggi-do, Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1299843 theo Thông báo số 2016/24 TDH24 ngày 08/5/2017;

NMD368

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4808/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu xin đăng ký "SAMSUNG SmartHome & device" theo Đăng ký quốc tế số 1299843 đã bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm thuộc nhóm 9 và 11, với lý do cho rằng dấu hiệu yêu cầu đăng ký tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đã nộp đơn trước, bao gồm: nhãn hiệu "SmartHome Hơn cả sự tiện nghi" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 181051; nhãn hiệu "SmartHome & Hình" theo GCN ĐKNH số 85279; nhãn hiệu "SMART-HOME" theo GCN ĐKNH số 85279; nhãn hiệu "SmartHome & Hình" theo GCN ĐKNH số 234152; và nhãn hiệu "SmartHome & Hình" theo đơn số 4-2014-23416, căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh đề nghị xem xét chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu "SAMSUNG SmartHome & device" với các lập luận sau:

Nhãn hiệu xin đăng ký hoàn toàn có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng nêu trên nhờ yếu tố chữ "SAMSUNG" được thể hiện nổi bật, đóng vai trò là thành phần chính trong tổng thể nhãn hiệu. Đây là một yếu tố đã có uy tín và mức độ nhận biết cao trên thị trường. Trong khi đó, cụm từ "SmartHome" chỉ đóng vai trò thứ yếu, mang tính mô tả đối với tính năng hoặc công dụng của sản phẩm (liên quan đến thiết bị gia dụng thông minh), không phải là thành phần có khả năng phân biệt chính.

Xét về tổng thể cấu trúc, bố cục trình bày và màu sắc, nhãn hiệu "SAMSUNG SmartHome & device" có sự khác biệt rõ rệt với các nhãn hiệu đối chứng. Việc đồng thời tồn tại các nhãn hiệu này trên thị trường sẽ không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu.

Ngoài ra, theo quan điểm của người nộp đơn, thành phần "Smart Home" chỉ là dấu hiệu mang tính mô tả phổ biến trong lĩnh vực công nghệ và thiết bị điện tử, không có khả năng phân biệt độc lập. Do đó, không nên ngăn cản việc sử dụng cụm từ này trong các nhãn hiệu khác nhau của nhiều doanh nghiệp, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công bằng tới các mô tả ngành hàng, cũng như bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, người nộp đơn cho rằng quyết định từ chối bảo hộ đối với nhãn hiệu "SAMSUNG SmartHome & device" là không có căn cứ. Kính đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại và chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu theo quy định của pháp luật.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu xin đăng ký "SAMSUNG SmartHome & device" có khả năng phân biệt với các nhãn hiệu đối chứng về mặt hình thức thể hiện. Mặc dù thành phần "SmartHome" là yếu tố tương tự giữa nhãn hiệu xin đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, tuy nhiên đây là dấu hiệu phổ biến trong lĩnh vực công nghệ, thiết bị điện tử và nhà thông minh, nên khả năng phân biệt yếu

Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký có thành phần phân biệt mạnh là "SAMSUNG", khác biệt với các nhãn hiệu đối chứng vì thế việc đồng tồn tại giữa nhãn hiệu xin đăng ký "SAMSUNG SmartHome & device" và các nhãn hiệu đối chứng sẽ không gây ra bất kỳ sự nhầm lẫn nào cho người tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu.

Từ các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy ý kiến của người nộp đơn là có cơ sở để chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bao hộ riêng "SmartHome & device".

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1299843, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/24 TDH24 ngày 08/5/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1299843.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1299843.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147058/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh, đại diện cho Skinny & Company LLC có Công văn số IP/TC1944-(3) ngày 17/7/2025 đề nghị rút đơn khiếu nại số KN5-2017-00778 ngày 02/8/2017.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

NMD368

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2017-00778 ngày 02/8/2017 của Skinny & Company LLC; địa chỉ: 365 E. 75th St. Indianapolis IN 46240 United States of America; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh.

Lý do đình chỉ: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh, đại diện cho Skinny & Company LLC có Công văn số IP/TC1944-(3) ngày 17/7/2025 đề nghị rút đơn khiếu nại số KN5-2017-00778 ngày 02/8/2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết

khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Skinny & Company LLC (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147059/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1214595 của Indivior UK Limited (GB; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Chuyển giao công nghệ; đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

NMD368

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2016-00495 ngày 26/5/2016 của Indivior UK Limited; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Chuyển giao công nghệ.

Lý do đình chỉ: Căn cứ đơn quốc tế số 1214595 của Indivior UK Limited đã bị hết hạn hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147061/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Nguyên Vũ
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN4-2011-00054 ngày 21/01/2011 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Nguyên Vũ; địa chỉ: 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2007-23120 ngày 13/11/2007 theo Quyết định số 63657/QĐ-SHTT ngày 29/11/2010;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4934/BC-TTKN ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Nguyên Vũ với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "P C Centre Point, hình" đăng ký theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2007-23120 bị từ chối bảo hộ đối với các dịch vụ thuộc nhóm 36 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 18787, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH Tầm Nhìn và Liên danh đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký "P C Centre Point, hình" theo Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2007-23120 với lý do sau:

Chủ đơn đã tiến hành chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 18787 với lý do nhãn hiệu không được chủ sở hữu sử dụng trong vòng 5 năm liên tục tại Việt Nam, theo đơn số ĐN1-2009-00028 ngày 04/03/2009.

Ngày 17/08/2023, chủ đơn đã bổ sung bản sao Quyết định số 56386/QĐ-SHTT.IP ngày 25/07/2023 về việc chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu theo GCNĐKNH số 18787.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đối chứng theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 18787 đã bị chấm dứt hiệu lực do không được chủ sở hữu sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục tại Việt Nam, theo Quyết định số 56386/QĐ-SHTT.IP ngày 25/7/2023 của Cục Sở hữu trí tuệ. Tại thời điểm người nộp đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng theo đơn N1-2009-00028 ngày 04/3/2009 là trước thời điểm Cục ban hành Quyết định số 63657/QĐ-SHTT ngày 29/11/2010 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận phục hồi quá trình thẩm định nội dung cho đơn số 4-2007-23120 ngày 13/11/2007.

III. Kết luận

Vì lý do đã nêu, Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận lý do khiếu nại của người nộp đơn, khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn số 4-2007-23120 ngày 13/11/2007

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 63657/QĐ-SHTT ngày 29/11/2010 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2007-23120 ngày 13/11/2007.

Điều 2. Khôi phục quá trình thẩm định đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2007-23120 ngày 13/11/2007.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Nguyên Vũ (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147062/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Hyundai Motor Company
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NMD368

Xét đơn số KN5-2017-00117 ngày 09/02/2017 của Hyundai Motor Company; địa chỉ: 12 Heolleung-ro, Seocho-Gu Seoul 137-938 Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1271440 theo Thông báo số 2015/42 MDQ10 ngày 20/10/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4830/BC-TTKN ngày 15/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Hyundai Motor Company với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "GENESIS" đăng ký theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1271440 bị tạm thời từ chối bảo hộ đối với các sản phẩm thuộc nhóm 28 vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng "Genesis Talk" theo đơn số 4-2014-14980, theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đã thực hiện thủ tục giới hạn danh mục sản phẩm thuộc nhóm 28 theo ĐKQT 1271440. Cụ thể, danh mục sản phẩm được giới hạn còn bao gồm: "Ô tô mô hình; xe mô hình cho trẻ em; xe đồ chơi có thể ngồi lên được; xe đồ chơi điều khiển vô tuyến; xe đồ chơi; xe mô hình theo tỉ lệ thu nhỏ". Việc giới hạn này cho thấy người nộp đơn đã chủ động thu hẹp phạm vi bảo hộ để loại trừ khả năng xung đột với các quyền nhãn hiệu đã đăng ký trước.

Sau khi giới hạn danh mục, các sản phẩm mang nhãn hiệu xin đăng ký mang tính chất là đồ chơi mô hình, phục vụ mục đích giải trí cho trẻ em hoặc người sưu tầm, khác biệt rõ rệt về bản chất, lĩnh vực sử dụng, kênh phân phối và đối tượng người tiêu dùng so với các sản phẩm hoặc dịch vụ của nhãn hiệu đối chứng "Genesis Talk". Sự khác biệt nêu trên là đủ để loại trừ khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại giữa hai nhãn hiệu.

Ngoài ra, nhãn hiệu đối chứng "Genesis Talk" theo đơn số 4-2014-14980 (số văn bằng 276522, cấp ngày 22/02/2017) hiện đang trong quá trình xem xét chấm dứt hiệu lực do không được sử dụng liên tục trong thời hạn năm năm tại Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Căn cứ theo quy định tại Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, việc không sử dụng nhãn hiệu trong thời hạn nêu trên là cơ sở pháp lý để chấm dứt hiệu lực văn bằng và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tính hợp lệ của lý do từ chối bảo hộ.

Từ các phân tích nêu trên, người nộp đơn cho rằng nhãn hiệu "GENESIS" theo ĐKQT số 1271440, sau khi đã giới hạn danh mục sản phẩm, đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật và không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã thực hiện thủ tục giới hạn danh mục sản phẩm mang nhãn hiệu theo Đơn quốc tế số 1271440, cụ thể giới hạn còn: "Ô tô mô hình; xe mô hình cho trẻ em; xe đồ chơi có thể ngồi lên được; xe đồ chơi điều khiển vô tuyến; xe đồ chơi; xe mô hình theo tỉ lệ thu nhỏ" thuộc nhóm 28. Danh mục sản phẩm nêu trên khác biệt với các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 276522.

Đồng thời, nhãn hiệu đối chứng "Genesis Talk" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 276522 đã bị chấm dứt hiệu lực tại Việt Nam theo Quyết định số 61511/QĐ-SHTT.IP ngày 28/4/2025, chủ sở hữu GCN ĐKNH số 276522 đã không khiếu nại Quyết định nêu trên trong thời hạn quy định. Do đó, nhãn hiệu đối chứng không còn là căn cứ hợp lệ để từ chối bảo hộ đối với nhãn hiệu đăng ký.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1271440 đáp ứng điều kiện bảo hộ, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1271440, không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2015/42 MDQ10 ngày 20/10/2016 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271440.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1271440.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Hyundai Motor Company (qua Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147063/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của JBL GmbH & Co. KG
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN5-2017-01296 ngày 20/12/2017 của JBL GmbH & Co. KG; địa chỉ: Dieselstrasse 3 67141 Neuhofen Germany; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1314369 theo Thông báo số 2016/41 VTB05 ngày 25/8/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5020/BC-

TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của JBL GmbH & Co. KG với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "" theo ĐQT số 1314369 (nhãn hiệu đăng ký) bị tạm thời từ chối bảo hộ vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu gồm nhãn hiệu "" được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 10644 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "" theo GCNĐKNH số 51044 (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "JBL" theo GCNĐKNH số 214471 (nhãn hiệu đối chứng 3), nhãn hiệu "" theo GCNĐKNH số 214472 (nhãn hiệu đối chứng 4), nhãn hiệu "" theo GCNĐKNH số 103602 (nhãn hiệu đối chứng 5), theo quy định tại điểm e và điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu nêu trên với các lý lẽ sau:

- Nhãn hiệu đăng ký không tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3, 4 do chúng được đăng ký cho các sản phẩm đặc thù khác biệt thuộc nhóm 09. Cụ thể, sản phẩm đăng ký theo các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3, 4 chuyên về sản phẩm nghe nhìn, trong khi đó, các sản phẩm theo nhãn hiệu đăng ký là các sản phẩm "không liên quan đến sản phẩm nghe nhìn".

Thực tế, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3, 4 cũng thừa nhận sự khác biệt và không tương tự giữa nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, và đã có Thư chấp thuận cho phép Người nộp đơn đăng ký và sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, nhãn hiệu đăng ký đã được thừa nhận là khác biệt là được cấp văn bằng bảo hộ song song với các nhãn hiệu đối chứng tại Úc, Canada, Đức, Indonesia, Israel, Malaysia, New Zealand, Philippines, Singapore, Mỹ cũng như các quốc gia thuộc liên minh Châu Âu.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

- Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 103602

Nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực từ ngày 22/9/2016 và không được chủ sở hữu gia hạn hiệu lực tại Việt Nam, do đó, nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 103602 không còn là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1314369 theo quy định tại Điều 74.2.h Luật Sở hữu trí tuệ.

- Liên quan đến các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 10644, 214471, 214472, 103602:

Nhãn hiệu đăng ký "JBL, hình" có phần chữ "JBL" là thành phần phân biệt chính trùng với thành phần chính trong các nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo, hình thức thể hiện và cách phát âm. Trong khi sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 09 tương tự với các sản phẩm nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 09. Do đó, mặc dù chủ đơn có bổ sung thư chấp thuận của chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng nhưng việc bảo hộ nhãn hiệu đăng ký vẫn có thể khiến người tiêu dùng lầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có cùng một nguồn gốc.

Ngoài ra, thông tin nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng được thừa nhận sự khác biệt ở các quốc gia khác nhau chỉ mang tính chất tham khảo.

Tổng hợp các nhận định trên cho thấy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 10644, 214471, 214472, 103602.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 103602 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về khả năng phân biệt của nhãn hiệu đăng ký với các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 10644, 214471, 214472, 103602, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1314369 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Thông báo số 2016/41 VTB05 ngày 25/8/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1314369.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, JBL GmbH & Co. KG có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và JBL GmbH & Co. KG (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147085/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty thép Tây Đô
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2017-00489 ngày 19/4/2017 của Công ty thép Tây Đô; địa chỉ: Lô 45, đường số 2, khu công nghiệp Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-29723 theo Quyết định số

NMD368

4126/QĐ-SHTT ngày 20/01/2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4863/BC-TTKN ngày 16/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty thép Tây Đô với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "TAYDO" theo đơn đăng ký số 4-2013-29723 bị từ chối bảo hộ cho các sản phẩm thuộc nhóm 06 do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "TAYDO CO.,LTD, hình" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 69763 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ đề nghị Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu "TAYDO" cho các dịch vụ thuộc nhóm 06 với các lý do sau:

Người nộp đơn đã tiến hành nộp đơn đề nghị chấm dứt GCN ĐKNH số 69763 với lý do chủ sở hữu đã không sử dụng nhãn hiệu "TAYDO CO.,LTD, hình" tại thị trường Việt Nam cho các sản phẩm thuộc nhóm 06, 19 trong 05 năm liên tiếp.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Người nộp đơn đã tiến hành nộp đơn đề nghị ĐN1-2017-00103 ngày 28/4/2017 sau thời điểm Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định về việc từ chối cấp GCN ĐKNH số 4126/QĐ-SHTT ngày 20/01/2017. Vì vậy, tài liệu nêu trên được coi là tình tiết mới và không được xem xét trong quá trình xử lý khiếu nại.

Tại thời điểm ban hành Quyết định từ chối, nhãn hiệu đối chứng "TAYDO CO.,LTD, hình" theo GCN ĐKNH 69673 vẫn đang còn hiệu lực. Do đó, việc đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu yêu cầu đăng ký cần căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Từ các phân tích trên đây, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng ý kiến của đại diện người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-29723 ngày 16/12/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 4126/QĐ-SHTT ngày 20/01/2017 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-29723 ngày 16/12/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty thép Tây Đô có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty thép Tây Đô (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147086/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số KN4-2024-00675 ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE; địa chỉ: Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-22536 theo Quyết định số 43967/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5009/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Masan VN-Meat" theo đơn 4-2019-22536 (nhãn hiệu đăng ký) ngày 20/6/2019 bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88099 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185167 (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "Masan" (nhãn hiệu đối chứng 3) và nhãn hiệu "MASAN" theo GCNĐKNH số 321677 (nhãn hiệu đối chứng 4).

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Một phần danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhãn hiệu đã hoàn toàn không còn xung đột với các đối chứng nên đáp ứng điều kiện bảo hộ

Đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ để thống nhất với nhãn hiệu đăng ký nên đối chứng này không còn xung đột với nhãn hiệu.

Ngoài ra, danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc các nhóm 05, 31, 44 của nhãn hiệu đăng ký không bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 29, 30, 35 của các nhãn hiệu đối chứng do khác biệt về bản chất, chức năng và kênh phân phối.

Do vậy, việc từ chối toàn bộ đơn nhãn hiệu bao gồm cả các nhóm 05, 31, 44 đã đáp ứng điều kiện bảo hộ là không thực sự hợp lý.

b) Thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng đủ điều kiện sử dụng như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối vì nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt tương đối với các nhãn hiệu đối chứng và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho phép chủ đơn đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu xin đăng ký chứa dấu hiệu "Masan", đồng thời các bên cũng cam kết không có bất kỳ xung đột hay khiếu kiện nào trong quá trình đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này. Các công ty này đều cùng Tập đoàn Masan với chủ đơn, nói cách khác là cùng nguồn gốc thương mại.

Thực tiễn thẩm định đơn nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ vô số nhãn hiệu dựa trên thư chấp thuận, kể cả cho nhãn hiệu trùng/tương tự

đặc biệt trong giai đoạn trước năm 2020. Kể từ sau năm 2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã tạm thời thống nhất cách hiểu và áp dụng Thư chấp thuận bằng Thông báo số 15167/TB-SHTT ngày 29/12/2020, theo đó Thư chấp thuận sẽ được chấp thuận trong từng trường hợp với điều kiện khi nhãn hiệu trong đơn đăng ký không trùng hoặc có sự khác biệt tương đối với nhãn hiệu đối chứng. Sau khi xem xét nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cho thấy các nhãn hiệu có sự khác biệt tương đối về cấu trúc, phát âm và phong cách trình bày nên tạo ấn tượng tổng thể tương đối khác biệt và đáp ứng đủ điều kiện được áp dụng Thư chấp thuận như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối.

c) Nhãn hiệu xin đăng ký không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng do có cùng nguồn gốc thương mại

Chúng tôi thấy rằng khi xem xét một cách kỹ lưỡng và toàn diện về mặt dấu hiệu, cũng như nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu thì nhãn hiệu không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, hay nói cách khác là không thỏa mãn điều kiện đủ để bị coi là không có khả năng phân biệt với các đối chứng.

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng và chủ đơn đăng ký là các công ty cùng Tập đoàn Masan. Các công ty con đều chịu sự chi phối, kiểm soát, giám sát, điều chỉnh chung bởi các công ty mẹ và chịu sự kiểm soát cao nhất bởi Tập đoàn Masan, nên các sản phẩm mang các nhãn hiệu bởi các công ty con thuộc Tập đoàn Masan sẽ có chung nguồn gốc thương mại nên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Thực tế cũng cho thấy, không có trường hợp nào người tiêu dùng phản ánh về việc họ bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của các nhãn hiệu trên.

Kính đề nghị Quý Cục xem xét, hủy bỏ Quyết định từ chối và cấp bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-22536.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 4 theo GCNĐKNH số 321677

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ thành "Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE, địa chỉ; Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, chủ GCNĐKNH số 331677 và chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22536

là một. Do đó, GCNĐKNH số 321677 không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22536.

b) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3

Nhãn hiệu đăng ký "Masan VN-Meat" và các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 trùng/tương tự gây nhầm lẫn, cụ thể:

- *Về nhãn hiệu:* Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Masan" trùng với các nhãn hiệu đối chứng. Đây là thành phần chính của nhãn hiệu, có khả năng phân biệt mạnh làm cho người tiêu dùng nhầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có chung nguồn gốc.

- *Về danh mục hàng hóa, dịch vu:*

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa trong nhóm 29 trùng/tương tự với nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 với các sản phẩm thịt đóng hộp, giò, chả.

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 31, 41 tương tự, liên quan với nhãn hiệu đối chứng 1 trong nhóm 35 do có cùng đối tượng khách hàng và kênh phân phối.

Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 29, 31, 41 trùng, tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 29 và 35; riêng hàng hóa trong nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký không trùng/tương tự với các hàng hóa, dịch vụ trong các nhãn hiệu đối chứng.

c) Liên quan đến Thư chấp thuận của chủ các nhãn hiệu đối chứng

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu và chủ các GCNĐKNH đối chứng là các pháp nhân độc lập. Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Massan" trùng nhau, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng nhầm tưởng các nhãn hiệu có chung nguồn gốc. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp thuận thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đối chứng GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ về cùng tên, địa chỉ của người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, nên không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22536 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22536, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-22536 ngày 20/6/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43967/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22536 ngày 20/06/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Masan MEATLIFE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Masan MEATLIFE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147108/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH NVC Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

PTT366

Xét đơn số KN4-2014-00740 ngày 29/7/2014 của Công ty TNHH NVC Việt Nam; địa chỉ: số 103/407 khu D, tập thể Cá Hộp, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2012-13111 ngày 18/06/2012 theo Quyết định số 24474/QĐ-SHTT ngày 29/04/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4571/BC-TTKN ngày 09/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH NVC Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "Eco Nano" cho các sản phẩm "Thiết bị chiếu sáng các loại, bóng đèn compact, máy xông hơi, máy sấy tóc, đèn led, nồi cơm điện, đèn âm trần, đèn dùng ngoài sân, quạt điện, đèn chống cháy nổ, đèn cao áp, máng đèn" thuộc nhóm 11 theo đơn số 4-2012-13111 ngày 18/06/2012 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì phần chữ "Nano" mang tính mô tả cho công nghệ Nano, không có khả năng phân biệt, phần chữ "Eco" tương tự gây nhầm lẫn với phần chữ "Eco" trên nhãn hiệu đối chứng "eco, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 được bảo hộ theo đăng ký quốc (ĐKQT) 976086 theo quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Công ty TNHH NVC Việt Nam đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với các lý do sau:

So sánh nhãn hiệu nộp đơn và nhãn hiệu đối chứng có các khác biệt:

- Nhãn hiệu nộp đơn "Eco Nano" khác biệt với nhãn hiệu đối chứng "eco, hình" về cấu trúc và tổng thể nhãn hiệu. Nhãn hiệu nộp đơn được cấu tạo bởi 2 từ trong khi nhãn hiệu đối chứng được cấu thành bởi 1 từ. Cách bố trí khác biệt của nhãn hiệu nộp đơn và nhãn hiệu đối chứng khiến chúng khác biệt về tổng thể.

- Nhãn hiệu đối chứng có phần hình và phần chữ không thể hiện rõ dấu hiệu chữ "eco" hay "eoo" nên có nhiều cách đọc nhãn hiệu đối chứng. Đồng thời, nhãn hiệu đối chứng đã hết hiệu lực từ ngày 22/04/2018 do chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng không tiến hành gia hạn.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu";

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký gồm chữ "Eco Nano" cho các sản phẩm "Thiết bị chiếu sáng các loại, bóng đèn compact, máy xông hơi, máy sấy tóc, đèn led, nồi cơm điện, đèn âm trần, đèn dùng ngoài sân, quạt điện, đèn chống cháy nổ, đèn cao áp, máng đèn" thuộc nhóm 11. Nhãn hiệu đối chứng "eco, hình" cho các sản phẩm thuộc nhóm 11 được bảo hộ theo ĐKQT số 976086.

Nhãn hiệu đăng ký "Eco Nano" gồm hai từ "Eco" và "Nano" tách rời, màu đen với ký tự đứng đầu mỗi từ là "E" và "N" được viết in hoa. Trong khi đó, nhãn hiệu đối chứng "eco, hình" được bảo hộ theo ĐKQT số 976086 bao gồm phần chữ là ba ký tự "e-c-o" màu xanh lá cây viết cách điệu, lồng vào nhau tạo thành phần chữ "ooo", không có nghĩa và không đọc được thành một từ cả trong tiếng Việt và tiếng Anh. Phần chữ này được đặt trên hình vẽ cách điệu một chiếc lá màu xanh lá cây. Sự kết hợp của phần chữ và phần hình này tạo thành một dấu hiệu tổng thể có ấn tượng riêng. Với hình thức thể hiện như trên, nhãn hiệu đăng ký "Eco Nano" có sự khác biệt về cấu trúc, cấu tạo từ, cách phát âm và ấn tượng tổng thể với nhãn hiệu đối chứng "eco, hình". Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng dù hai nhãn hiệu cùng đăng ký cho các sản phẩm thuộc nhóm 11, nên đề nghị của người khiếu nại là có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2012-13111 ngày 18/06/2012, không bảo hộ riêng phần chữ "Nano", không áp dụng quy định tại điểm c và e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 24474/QĐ-SHTT ngày 29/04/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2012-13111 ngày 18/06/2012.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-13111 ngày 18/06/2012, bảo hộ tổng thể nhãn hiệu, không bảo hộ riêng phần chữ "Nano".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH NVC Việt Nam (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147109/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số KN4-2024-00674 ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE; địa chỉ: Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-22535 theo Quyết định số 43944/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5007/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Masan Meat Life" theo đơn 4-2019-22535 (nhãn hiệu đăng ký) ngày 20/6/2019 bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88099 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185167 (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "Masan" (nhãn hiệu đối chứng 3) và nhãn hiệu "MASAN" theo GCNĐKNH số 321677 (nhãn hiệu đối chứng 4).

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Một phần danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhãn hiệu đã hoàn toàn không còn xung đột với các đối chứng nên đáp ứng điều kiện bảo hộ

Đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ để thống nhất với nhãn hiệu đăng ký nên đối chứng này không còn xung đột với nhãn hiệu.

Ngoài ra, danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc các nhóm 05, 31, 44 của nhãn hiệu đăng ký không bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 29, 30, 35 của các nhãn hiệu đối chứng do khác biệt về bản chất, chức năng và kênh phân phối.

Do vậy, việc từ chối toàn bộ đơn nhãn hiệu bao gồm cả các nhóm 05, 31, 44 đã đáp ứng điều kiện bảo hộ là không thực sự hợp lý.

b) Thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng đủ điều kiện sử dụng như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối vì nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt tương đối với các nhãn hiệu đối chứng và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho phép chủ đơn đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu xin đăng ký chứa dấu hiệu "Masan", đồng thời các bên cũng cam kết không có bất kỳ xung đột hay khiếu kiện nào trong quá trình đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này. Các công ty này đều cùng Tập đoàn Masan với chủ đơn, nói cách khác là cùng nguồn gốc thương mại.

Thực tiễn thẩm định đơn nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ vô số nhãn hiệu dựa trên thư chấp thuận, kể cả cho nhãn hiệu trùng/tương tự

đặc biệt trong giai đoạn trước năm 2020. Kể từ sau năm 2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã tạm thời thống nhất cách hiểu và áp dụng Thư chấp thuận bằng Thông báo số 15167/TB-SHTT ngày 29/12/2020, theo đó Thư chấp thuận sẽ được chấp thuận trong từng trường hợp với điều kiện khi nhãn hiệu trong đơn đăng ký không trùng hoặc có sự khác biệt tương đối với nhãn hiệu đối chứng. Sau khi xem xét nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cho thấy các nhãn hiệu có sự khác biệt tương đối về cấu trúc, phát âm và phong cách trình bày nên tạo ấn tượng tổng thể tương đối khác biệt và đáp ứng đủ điều kiện được áp dụng Thư chấp thuận như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối.

c) Nhãn hiệu xin đăng ký không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng do có cùng nguồn gốc thương mại

Chúng tôi thấy rằng khi xem xét một cách kỹ lưỡng và toàn diện về mặt dấu hiệu, cũng như nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu thì nhãn hiệu không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, hay nói cách khác là không thỏa mãn điều kiện đủ để bị coi là không có khả năng phân biệt với các đối chứng.

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng và chủ đơn đăng ký là các công ty cùng Tập đoàn Masan. Các công ty con đều chịu sự chi phối, kiểm soát, giám sát, điều chỉnh chung bởi các công ty mẹ và chịu sự kiểm soát cao nhất bởi Tập đoàn Masan, nên các sản phẩm mang các nhãn hiệu bởi các công ty con thuộc Tập đoàn Masan sẽ có chung nguồn gốc thương mại nên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Thực tế cũng cho thấy, không có trường hợp nào người tiêu dùng phản ánh về việc họ bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của các nhãn hiệu trên.

Kính đề nghị Quý Cục xem xét, hủy bỏ Quyết định từ chối và cấp bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-22535.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 4 theo GCNĐKNH số 321677

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ thành "Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE, địa chỉ; Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, chủ GCNĐKNH số 321677 và chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-

22535 là một. Do đó, GCNĐKNH số 321677 không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22535.

b) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3

Nhãn hiệu đăng ký "Masan Meat Life" và các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 trùng/tương tự gây nhầm lẫn, cụ thể:

- *Về nhãn hiệu:* Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Masan" trùng với các nhãn hiệu đối chứng. Đây là thành phần chính của nhãn hiệu, có khả năng phân biệt mạnh làm cho người tiêu dùng nhầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có chung nguồn gốc.

- *Về danh mục hàng hóa, dịch vụ:*

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa trong nhóm 29 trùng/tương tự với nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 với các sản phẩm thịt đóng hộp, giò, chả.

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 31, 41 tương tự, liên quan với nhãn hiệu đối chứng 1 trong nhóm 35 do có cùng đối tượng khách hàng và kênh phân phối.

Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 29, 31, 41 trùng, tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 29 và 35; riêng hàng hóa trong nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký không trùng/tương tự với các hàng hóa, dịch vụ trong các nhãn hiệu đối chứng.

c) Liên quan đến Thư chấp thuận của chủ các nhãn hiệu đối chứng

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu và chủ các GCNĐKNH đối chứng là các pháp nhân độc lập. Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Massan" trùng nhau, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng nhầm tưởng các nhãn hiệu có chung nguồn gốc. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp thuận thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đối chứng GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ về cùng tên, địa chỉ của người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, nên không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22535 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22535, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-22535 ngày 20/6/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43944/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22535 ngày 20/06/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Masan MEATLIFE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Masan MEATLIFE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147110/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số KN4-2024-00673 ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE; địa chỉ: Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-22534 theo Quyết định số 43960/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5004/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Masan Meat World" theo đơn 4-2019-22534 (nhãn hiệu đăng ký) ngày 20/6/2019 bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88099 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185167 (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "Masan" (nhãn hiệu đối chứng 3) và nhãn hiệu "MASAN" theo GCNĐKNH số 321677 (nhãn hiệu đối chứng 4).

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Một phần danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhãn hiệu đã hoàn toàn không còn xung đột với các đối chứng nên đáp ứng điều kiện bảo hộ

Đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ để thống nhất với nhãn hiệu đăng ký nên đối chứng này không còn xung đột với nhãn hiệu.

Ngoài ra, danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc các nhóm 05, 31, 44 của nhãn hiệu đăng ký không bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 29, 30, 35 của các nhãn hiệu đối chứng do khác biệt về bản chất, chức năng và kênh phân phối.

Do vậy, việc từ chối toàn bộ đơn nhãn hiệu bao gồm cả các nhóm 05, 31, 44 đã đáp ứng điều kiện bảo hộ là không thực sự hợp lý.

b) Thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng đủ điều kiện sử dụng như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối vì nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt tương đối với các nhãn hiệu đối chứng và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho phép chủ đơn đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu xin đăng ký chứa dấu hiệu "Masan", đồng thời các bên cũng cam kết không có bất kỳ xung đột hay khiếu kiện nào trong quá trình đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này. Các công ty này đều cùng Tập đoàn Masan với chủ đơn, nói cách khác là cùng nguồn gốc thương mại.

Thực tiễn thẩm định đơn nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ vô số nhãn hiệu dựa trên thư chấp thuận, kể cả cho nhãn hiệu trùng/tương tự

đặc biệt trong giai đoạn trước năm 2020. Kể từ sau năm 2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã tạm thời thống nhất cách hiểu và áp dụng Thư chấp thuận bằng Thông báo số 15167/TB-SHTT ngày 29/12/2020, theo đó Thư chấp thuận sẽ được chấp thuận trong từng trường hợp với điều kiện khi nhãn hiệu trong đơn đăng ký không trùng hoặc có sự khác biệt tương đối với nhãn hiệu đối chứng. Sau khi xem xét nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cho thấy các nhãn hiệu có sự khác biệt tương đối về cấu trúc, phát âm và phong cách trình bày nên tạo ấn tượng tổng thể tương đối khác biệt và đáp ứng đủ điều kiện được áp dụng Thư chấp thuận như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối.

c) Nhãn hiệu xin đăng ký không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng do có cùng nguồn gốc thương mại

Chúng tôi thấy rằng khi xem xét một cách kỹ lưỡng và toàn diện về mặt dấu hiệu, cũng như nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu thì nhãn hiệu không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, hay nói cách khác là không thỏa mãn điều kiện đủ để bị coi là không có khả năng phân biệt với các đối chứng.

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng và chủ đơn đăng ký là các công ty cùng Tập đoàn Masan. Các công ty con đều chịu sự chi phối, kiểm soát, giám sát, điều chỉnh chung bởi các công ty mẹ và chịu sự kiểm soát cao nhất bởi Tập đoàn Masan, nên các sản phẩm mang các nhãn hiệu bởi các công ty con thuộc Tập đoàn Masan sẽ có chung nguồn gốc thương mại nên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Thực tế cũng cho thấy, không có trường hợp nào người tiêu dùng phản ánh về việc họ bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của các nhãn hiệu trên.

Kính đề nghị Quý Cục xem xét, hủy bỏ Quyết định từ chối và cấp bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-22534.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 4 theo GCNĐKNH số 321677

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ thành "Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE, địa chỉ; Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, chủ GCNĐKNH số 321677 và chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22534

là một. Do đó, GCNĐKNH số 321677 không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22534.

b) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3

Nhãn hiệu đăng ký "Masan Meat World" và các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 trùng/tương tự gây nhầm lẫn, cụ thể:

- *Về nhãn hiệu:* Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Masan" trùng với các nhãn hiệu đối chứng. Đây là thành phần chính của nhãn hiệu, có khả năng phân biệt mạnh làm cho người tiêu dùng nhầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có chung nguồn gốc.

- *Về danh mục hàng hóa, dịch vu:*

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa trong nhóm 29 trùng/tương tự với nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 với các sản phẩm thịt đóng hộp, giò, chả.

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 31, 41 tương tự, liên quan với nhãn hiệu đối chứng 1 trong nhóm 35 do có cùng đối tượng khách hàng và kênh phân phối.

Vì vậy, nhãn hiêu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 29, 31, 41 trùng, tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 29 và 35; riêng hàng hóa trong nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký không trùng/tương tự với các hàng hóa, dịch vụ trong các nhãn hiệu đối chứng.

c) Liên quan đến Thư chấp thuận của chủ các nhãn hiệu đối chứng

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu và chủ các GCNĐKNH đối chứng là các pháp nhân độc lập. Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Massan" trùng nhau, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng nhầm tưởng các nhãn hiệu có chung nguồn gốc. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp thuận thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đối chứng GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ về cùng tên, địa chỉ của người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, nên không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22534 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22534, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-22534 ngày 20/6/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43960/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22534 ngày 20/06/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Masan MEATLIFE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Masan MEATLIFE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147111/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số KN4-2024-00672 ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE; địa chỉ: Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-22519 theo Quyết định số 43955/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4999/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Masan MeatWorld" theo đơn 4-2019-22519 (nhãn hiệu đăng ký) ngày 20/6/2019 bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88099 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185167 (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "Masan" (nhãn hiệu đối chứng 3) và nhãn hiệu "MASAN" theo GCNĐKNH số 321677 (nhãn hiệu đối chứng 4).

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Một phần danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhãn hiệu đã hoàn toàn không còn xung đột với các đối chứng nên đáp ứng điều kiện bảo hộ

Đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ để thống nhất với nhãn hiệu đăng ký nên đối chứng này không còn xung đột với nhãn hiệu.

Ngoài ra, danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc các nhóm 05, 31, 44 của nhãn hiệu đăng ký không bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 29, 30, 35 của các nhãn hiệu đối chứng do khác biệt về bản chất, chức năng và kênh phân phối.

Do vậy, việc từ chối toàn bộ đơn nhãn hiệu bao gồm cả các nhóm 05, 31, 44 đã đáp ứng điều kiện bảo hộ là không thực sự hợp lý.

b) Thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng đủ điều kiện sử dụng như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối vì nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt tương đối với các nhãn hiệu đối chứng và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho phép chủ đơn đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu xin đăng ký chứa dấu hiệu "Masan", đồng thời các bên cũng cam kết không có bất kỳ xung đột hay khiếu kiện nào trong quá trình đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này. Các công ty này đều cùng Tập đoàn Masan với chủ đơn, nói cách khác là cùng nguồn gốc thương mại.

Thực tiễn thẩm định đơn nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ vô số nhãn hiệu dựa trên thư chấp thuận, kể cả cho nhãn hiệu trùng/tương tự

đặc biệt trong giai đoạn trước năm 2020. Kể từ sau năm 2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã tạm thời thống nhất cách hiểu và áp dụng Thư chấp thuận bằng Thông báo số 15167/TB-SHTT ngày 29/12/2020, theo đó Thư chấp thuận sẽ được chấp thuận trong từng trường hợp với điều kiện khi nhãn hiệu trong đơn đăng ký không trùng hoặc có sự khác biệt tương đối với nhãn hiệu đối chứng. Sau khi xem xét nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cho thấy các nhãn hiệu có sự khác biệt tương đối về cấu trúc, phát âm và phong cách trình bày nên tạo ấn tượng tổng thể tương đối khác biệt và đáp ứng đủ điều kiện được áp dụng Thư chấp thuận như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối.

c) Nhãn hiệu xin đăng ký không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng do có cùng nguồn gốc thương mại

Chúng tôi thấy rằng khi xem xét một cách kỹ lưỡng và toàn diện về mặt dấu hiệu, cũng như nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu thì nhãn hiệu không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, hay nói cách khác là không thỏa mãn điều kiện đủ để bị coi là không có khả năng phân biệt với các đối chứng.

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng và chủ đơn đăng ký là các công ty cùng Tập đoàn Masan. Các công ty con đều chịu sự chi phối, kiểm soát, giám sát, điều chỉnh chung bởi các công ty mẹ và chịu sự kiểm soát cao nhất bởi Tập đoàn Masan, nên các sản phẩm mang các nhãn hiệu bởi các công ty con thuộc Tập đoàn Masan sẽ có chung nguồn gốc thương mại nên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Thực tế cũng cho thấy, không có trường hợp nào người tiêu dùng phản ánh về việc họ bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của các nhãn hiệu trên.

Kính đề nghị Quý Cục xem xét, hủy bỏ Quyết định từ chối và cấp bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-22519.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 4 theo GCNĐKNH số 321677

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ thành "Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE, địa chỉ; Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, chủ GCNĐKNH số 321677 và chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22519

là một. Do đó, GCNĐKNH số 321677 không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22519.

b) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3

Nhãn hiệu đăng ký "Masan MeatWorld" và các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 trùng/tương tự gây nhầm lẫn, cụ thể:

- *Về nhãn hiệu:* Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Masan" trùng với các nhãn hiệu đối chứng. Đây là thành phần chính của nhãn hiệu, có khả năng phân biệt mạnh làm cho người tiêu dùng nhầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có chung nguồn gốc.

- *Về danh mục hàng hóa, dịch vụ:*

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa trong nhóm 29 trùng/tương tự với nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 với các sản phẩm thịt đóng hộp, giò, chả.

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 31, 41 tương tự, liên quan với nhãn hiệu đối chứng 1 trong nhóm 35 do có cùng đối tượng khách hàng và kênh phân phối.

Vì vậy, nhãn hiêu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 29, 31, 41 trùng, tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 29 và 35; riêng hàng hóa trong nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký không trùng/tương tự với các hàng hóa, dịch vụ trong các nhãn hiệu đối chứng.

c) Liên quan đến Thư chấp thuận của chủ các nhãn hiệu đối chứng

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu và chủ các GCNĐKNH đối chứng là các pháp nhân độc lập. Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Massan" trùng nhau, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng nhầm tưởng các nhãn hiệu có chung nguồn gốc. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp thuận thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đối chứng GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ về cùng tên, địa chỉ của người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, nên không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22519 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22519, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-22519 ngày 20/6/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43955/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22519 ngày 20/06/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Masan MEATLIFE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Masan MEATLIFE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147112/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số KN4-2024-00671 ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE; địa chỉ: Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-22518 theo Quyết định số 43954/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5000/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Masan MEATLIFE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Masan World of Meat" theo đơn 4-2019-22518 (nhãn hiệu đăng ký) ngày 20/6/2019 bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88099 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185167 (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "Masan" (nhãn hiệu đối chứng 3) và nhãn hiệu "MASAN" theo GCNĐKNH số 321677 (nhãn hiệu đối chứng 4).

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Một phần danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhãn hiệu đã hoàn toàn không còn xung đột với các đối chứng nên đáp ứng điều kiện bảo hộ

Đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ để thống nhất với nhãn hiệu đăng ký nên đối chứng này không con xung đột với nhãn hiệu.

Ngoài ra, danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc các nhóm 05, 31, 44 của nhãn hiệu đăng ký không bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 29, 30, 35 của các nhãn hiệu đối chứng do khác biệt về bản chất, chức năng và kênh phân phối.

Do vậy, việc từ chối toàn bộ đơn nhãn hiệu bao gồm cả các nhóm 05, 31, 44 đã đáp ứng điều kiện bảo hộ là không thực sự hợp lý.

b) Thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng đủ điều kiện sử dụng như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối vì nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt tương đối với các nhãn hiệu đối chứng và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho phép chủ đơn đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu xin đăng ký chứa dấu hiệu "Masan", đồng thời các bên cũng cam kết không có bất kỳ xung đột hay khiếu kiện nào trong quá trình đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này. Các công ty này đều cùng Tập đoàn Masan với chủ đơn, nói cách khác là cùng nguồn gốc thương mại.

Thực tiễn thẩm định đơn nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ vô số nhãn hiệu dựa trên thư chấp thuận, kể cả cho nhãn hiệu trùng/tương tự

đặc biệt trong giai đoạn trước năm 2020. Kể từ sau năm 2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã tạm thời thống nhất cách hiểu và áp dụng Thư chấp thuận bằng Thông báo số 15167/TB-SHTT ngày 29/12/2020, theo đó Thư chấp thuận sẽ được chấp thuận trong từng trường hợp với điều kiện khi nhãn hiệu trong đơn đăng ký không trùng hoặc có sự khác biệt tương đối với nhãn hiệu đối chứng. Sau khi xem xét nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cho thấy các nhãn hiệu có sự khác biệt tương đối về cấu trúc, phát âm và phong cách trình bày nên tạo ấn tượng tổng thể tương đối khác biệt và đáp ứng đủ điều kiện được áp dụng Thư chấp thuận như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối.

c) Nhãn hiệu xin đăng ký không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng do có cùng nguồn gốc thương mại

Chúng tôi thấy rằng khi xem xét một cách kỹ lưỡng và toàn diện về mặt dấu hiệu, cũng như nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu thì nhãn hiệu không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, hay nói cách khác là không thỏa mãn điều kiện đủ để bị coi là không có khả năng phân biệt với các đối chứng.

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng và chủ đơn đăng ký là các công ty cùng Tập đoàn Masan. Các công ty con đều chịu sự chi phối, kiểm soát, giám sát, điều chỉnh chung bởi các công ty mẹ và chịu sự kiểm soát cao nhất bởi Tập đoàn Masan, nên các sản phẩm mang các nhãn hiệu bởi các công ty con thuộc Tập đoàn Masan sẽ có chung nguồn gốc thương mại nên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Thực tế cũng cho thấy, không có trường hợp nào người tiêu dùng phản ánh về việc họ bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của các nhãn hiệu trên.

Kính đề nghị Quý Cục xem xét, hủy bỏ Quyết định từ chối và cấp bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-22518.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 4 theo GCNĐKNH số 321677

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ thành "Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE, địa chỉ; Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, chủ GCNĐKNH số 321677 và chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22518

là một. Do đó, GCNĐKNH số 321677 không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22518.

b) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3

Nhãn hiệu đăng ký "Masan World of Meat" và các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 trùng/tương tự gây nhầm lẫn, cụ thể:

- *Về nhãn hiệu:* Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Masan" trùng với các nhãn hiệu đối chứng. Đây là thành phần chính của nhãn hiệu, có khả năng phân biệt mạnh làm cho người tiêu dùng nhầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có chung nguồn gốc.

- *Về danh mục hàng hóa, dịch vụ:*

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa trong nhóm 29 trùng/tương tự với nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 với các sản phẩm thịt đóng hộp, giò, chả.

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 31, 41 tương tự, liên quan với nhãn hiệu đối chứng 1 trong nhóm 35 do có cùng đối tượng khách hàng và kênh phân phối.

Vì vậy, nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 29, 31, 41 trùng, tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 29 và 35; riêng hàng hóa trong nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký không trùng/tương tự với các hàng hóa, dịch vụ trong các nhãn hiệu đối chứng.

c) Liên quan đến Thư chấp thuận của chủ các nhãn hiệu đối chứng

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu và chủ các GCNĐKNH đối chứng là các pháp nhân độc lập. Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Massan" trùng nhau, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng nhầm tưởng các nhãn hiệu có chung nguồn gốc. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp thuận thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đối chứng GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ về cùng tên, địa chỉ của người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, nên không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22518 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22518, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-22518 ngày 20/6/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43954/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22518 ngày 20/06/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần Masan MEATLIFE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần Masan MEATLIFE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147113/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

CVH140

Xét đơn số KN4-2024-00670 ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE; địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện bởi: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2019-22517 theo Quyết định số 43961/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4996/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Masan VinaMeat" theo đơn 4-2019-22517 (nhãn hiệu đăng ký) ngày 20/6/2019 bị từ chối theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ do tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 88099 (nhãn hiệu đối chứng 1), nhãn hiệu "Masan" được bảo hộ theo GCNĐKNH số 185167 (nhãn hiệu đối chứng 2), nhãn hiệu "Masan" (nhãn hiệu đối chứng 3) và nhãn hiệu "MASAN" theo GCNĐKNH số 321677 (nhãn hiệu đối chứng 4).

Người khiếu nại đề nghị cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

a) Một phần danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhãn hiệu đã hoàn toàn không còn xung đột với các đối chứng nên đáp ứng điều kiện bảo hộ

Đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ để thống nhất với nhãn hiệu đăng ký nên đối chứng này không con xung đột với nhãn hiệu.

Ngoài ra, danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc các nhóm 05, 31, 44 của nhãn hiệu đăng ký không bị coi là tương tự với danh mục sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 29, 30, 35 của các nhãn hiệu đối chứng do khác biệt về bản chất, chức năng và kênh phân phối.

Do vậy, việc từ chối toàn bộ đơn nhãn hiệu bao gồm cả các nhóm 05, 31, 44 đã đáp ứng điều kiện bảo hộ là không thực sự hợp lý.

b) Thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng đủ điều kiện sử dụng như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối vì nhãn hiệu xin đăng ký khác biệt tương đối với các nhãn hiệu đối chứng và không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc sản phẩm

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã cấp Thư chấp thuận cho phép chủ đơn đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu xin đăng ký chứa dấu hiệu "Masan", đồng thời các bên cũng cam kết không có bất kỳ xung đột hay khiếu kiện nào trong quá trình đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này. Các công ty này đều cùng Tập đoàn Masan với chủ đơn, nói cách khác là cùng nguồn gốc thương mại.

Thực tiễn thẩm định đơn nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ đã chấp thuận bảo hộ vô số nhãn hiệu dựa trên thư chấp thuận, kể cả cho nhãn hiệu trùng/tương tự

đặc biệt trong giai đoạn trước năm 2020. Kể từ sau năm 2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã tạm thời thống nhất cách hiểu và áp dụng Thư chấp thuận bằng Thông báo số 15167/TB-SHTT ngày 29/12/2020, theo đó Thư chấp thuận sẽ được chấp thuận trong từng trường hợp với điều kiện khi nhãn hiệu trong đơn đăng ký không trùng hoặc có sự khác biệt tương đối với nhãn hiệu đối chứng. Sau khi xem xét nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng cho thấy các nhãn hiệu có sự khác biệt tương đối về cấu trúc, phát âm và phong cách trình bày nên tạo ấn tượng tổng thể tương đối khác biệt và đáp ứng đủ điều kiện được áp dụng Thư chấp thuận như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối.

c) Nhãn hiệu xin đăng ký không gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng do có cùng nguồn gốc thương mại

Chúng tôi thấy rằng khi xem xét một cách kỹ lưỡng và toàn diện về mặt dấu hiệu, cũng như nguồn gốc thương mại của sản phẩm mang nhãn hiệu thì nhãn hiệu không có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, hay nói cách khác là không thỏa mãn điều kiện đủ để bị coi là không có khả năng phân biệt với các đối chứng.

Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng và chủ đơn đăng ký là các công ty cùng Tập đoàn Masan. Các công ty con đều chịu sự chi phối, kiểm soát, giám sát, điều chỉnh chung bởi các công ty mẹ và chịu sự kiểm soát cao nhất bởi Tập đoàn Masan, nên các sản phẩm mang các nhãn hiệu bởi các công ty con thuộc Tập đoàn Masan sẽ có chung nguồn gốc thương mại nên không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Thực tế cũng cho thấy, không có trường hợp nào người tiêu dùng phản ánh về việc họ bị nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của các nhãn hiệu trên.

Kính đề nghị Quý Cục xem xét, hủy bỏ Quyết định từ chối và cấp bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn số 4-2019-22517.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

a) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 4 theo GCNĐKNH số 321677

Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ thành "Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE, địa chỉ; Lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, chủ GCNĐKNH số 321677 và chủ đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22517

là một. Do đó, GCNĐKNH số 321677 không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22517.

b) Liên quan đến nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3

Nhãn hiệu đăng ký "Masan VinaMeat" và các nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 trùng/tương tự gây nhầm lẫn, cụ thể:

- *Về nhãn hiệu:* Nhãn hiệu đăng ký có phần chữ "Masan" trùng với các nhãn hiệu đối chứng. Đây là thành phần chính của nhãn hiệu, có khả năng phân biệt mạnh làm cho người tiêu dùng nhầm tưởng nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có chung nguồn gốc.

- *Về danh mục hàng hóa, dịch vu:*

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa trong nhóm 29 trùng/tương tự với nhãn hiệu đối chứng 1, 2, 3 với các sản phẩm thịt đóng hộp, giò, chả.

+ Nhãn hiệu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 31, 41 tương tự, liên quan với nhãn hiệu đối chứng 1 trong nhóm 35 do có cùng đối tượng khách hàng và kênh phân phối.

Vì vậy, nhãn hiêu đăng ký có hàng hóa, dịch vụ trong nhóm 29, 31, 41 trùng, tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng trong nhóm 29 và 35; riêng hàng hóa trong nhóm 05 của nhãn hiệu đăng ký không trùng/tương tự với các hàng hóa, dịch vụ trong các nhãn hiệu đối chứng.

c) Liên quan đến Thư chấp thuận của chủ các nhãn hiệu đối chứng

Chủ đơn đăng ký nhãn hiệu và chủ các GCNĐKNH đối chứng là các pháp nhân độc lập. Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có phần chữ "Massan" trùng nhau, dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng nhầm tưởng các nhãn hiệu có chung nguồn gốc. Vì vậy, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp thuận thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Nội dung khiếu nại của người nộp đơn là có cơ sở một phần. Cụ thể, nội dung khiếu nại của người nộp đơn về việc nhãn hiệu đối chứng GCNĐKNH số 321677 đã sửa đổi tên, địa chỉ về cùng tên, địa chỉ của người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, nên không còn là đối chứng để từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22517 là có cơ sở. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại về việc từ chối cấp GCNĐKNH đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22517, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2019-22517 ngày 20/6/2019 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 43961/QĐ-SHTT.IP ngày 15/4/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2019-22517 ngày 20/06/2019.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần MASAN MEATLIFE (qua Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147114/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của EDOTCO GROUP SDN.BHD
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2016-00932 ngày 10/11/2016 của EDOTCO GROUP SDN.BHD; địa chỉ: Level 5, Corporate Headquarters, Axiata Tower, 9 Jalan Stesen Sentral 5, Kuala Lumpur Sentral, 50470 Kuala Lumpur, Malaysia; đại diện bởi: Công ty TNHH Lê & Lê; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2013-19751 theo Quyết định số 49893/QĐ-SHTT ngày 12/8/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5042/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của EDOTCO GROUP SDN.BHD với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "e.co, hình"  theo đơn số 4-2013-19751 ngày 29/08/2013 bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 49893/QĐ-SHTT ngày 12/08/2016 do tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng có đăng bạ quốc gia số 198153 

theo quy định tại Điều 74.2e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ tạm ngừng giải quyết đơn khiếu nại số số KN4-2016-00932 ngày 10/11/2016 cho đến khi đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu đối chứng có đăng bạ quốc gia số 198153 có kết quả.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nhãn hiệu đăng ký, lý do khiếu nại và các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Về nhãn hiệu: nhãn hiệu đăng ký có phần chữ là "eco" hoàn toàn trùng với phần chữ "eco" thành phần phân biệt, được thiết kế với tỷ lệ diện tích lớn trong nhãn hiệu đối chứng về cấu tạo và cách phát âm.

Về sản phẩm/dịch vụ: Danh mục dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-19751 là: *"Nhóm 37: Lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị truyền tải viễn thông và thiết bị phát sóng, thiết bị, dụng cụ cho ngành viễn thông và phát thanh truyền hình; bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn liên quan đến việc cài đặt và bảo dưỡng viễn thông;*

dịch vụ xây dựng các cột viễn thông, xây dựng các cột và điểm đặt truyền thông và quảng bá không dây; tư vấn và đưa ra ý kiến liên quan đến các dịch vụ nêu trên thuộc nhóm 37", các dịch vụ này bị coi là tương tự với các dịch vụ được mang nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 198153 *"Nhóm 38: các dịch vụ thông tin liên lạc, cung cấp dịch vụ internet công cộng bao gồm: truy cập internet; kết nối internet và dịch.*

Người nộp đơn đang thực hiện thủ tục yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu đối chứng có đăng bạ quốc gia số 198153 theo đơn số ĐN1-2016-00282 ngày 10/11/2016, sau khi Quyết định số 49893/QĐ-SHTT ngày 12/8/2016 được ban hành. Do đó, đây được xem là tình tiết mới và không được xem xét trong quá trình giải quyết đơn khiếu nại này.

Tổng hợp các nhận định và đánh giá nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2013-19751 ngày 29/08/2013 không có khả năng phân biệt. Do đó, tại thời điểm ban hành Quyết định số 49893/QĐ-SHTT ngày 12/08/2016, quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2013-19751 ngày 29/8/2013 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 49893/QĐ-SHTT ngày 12/8/2016 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2013-19751 ngày 29/8/2013.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, EDOTCO GROUP SDN.BHD có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và EDOTCO GROUP SDN.BHD (qua Công ty TNHH Lê & Lê) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147115/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Chr. Hansen A/S
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN5-2017-00562 ngày 10/5/2017 của Chr. Hansen A/S; địa chỉ: Boge Allé 10-12, DK-2970 Horsholm, Denmark; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam; khiếu nại về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế (ĐQT) số 1287921 theo Thông báo số 2016/06 TDH08 ngày 06/02/2017;

HTM620

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4935/BC-TTKN

ngày 17/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Chr. Hansen A/S với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký "CHR. HANSEN RC-14" theo ĐQT số 1287921 bị từ chối bảo hộ một phần ĐQT cho các sản phẩm trong nhóm 05 tại Việt Nam vì không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng: "HANSEN THẬN BẢO NAM HẢI, hình" theo GCNĐKNH số 201573 và "HANSEN THAN BAO NAM HAI" theo GCNĐKNH số 159090. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký với các lý do sau đây:

- Nhãn hiệu đăng ký khác biệt với các Nhãn hiệu đối chứng về mặt cấu trúc tổng thể, cách trình bày, yếu tố cấu thành, ấn tượng thị giác và thính giác.

- Người khiếu nại đã giới hạn sản phẩm xin đăng ký trong Nhóm 05 và hiện nay danh mục sản phẩm trong Nhóm 05 chỉ bao gồm *"Lợi khuẩn Lactobicillus dùng làm thành phần cho các sản phẩm dược và chất bổ sung thực phẩm"*. Sau khi được giới hạn, sản phẩm xin đăng ký hoàn toàn khác biệt với sản phẩm mang các Nhãn hiệu đối chứng *(dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y)* về bản chất, chức năng, mục đích sử dụng và kênh phân phối.

- Yếu tố "HANSEN" trong nhãn hiệu đăng ký là một thành phần chính và có tính phân biệt cao trong tên thương mại (Chr. Hansen A/S) của Người khiếu nại, đã đạt tính phân biệt cao thông qua quá trình sử dụng rộng rãi và lâu dài từ năm 1874 cho các sản phẩm trong Nhóm 05 trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam.

- Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu có chứa yếu tố "HANSEN" của Người khiếu nại đã được chấp nhận bảo hộ tại nhiều nước trên thế giới.

- Các đăng ký nhãn hiệu có chứa yếu tố "HASEN" của Người khiếu nại đồng tồn tại với các nhãn hiệu đối chứng cho các sản phẩm trong Nhóm 05 tại Việt Nam.

- Hiện tại, các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 201573 và 159090 thuộc nhóm 05 đã hết hiệu lực quá 3 năm. Như vậy, các nhãn hiệu đối chứng này sẽ không còn phù hợp để làm đối chứng ngăn cản việc đăng ký bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký.

Từ những lý lẽ nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1287921 cho nhóm 05.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Các nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 201573 và 159090 thuộc nhóm 05 của Công ty TNHH dược phẩm Hiệp Thuận Thành lần lượt đã bị hết hạn hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 10/07/2019 và ngày 08/06/2019 và không được chủ sở hữu thực hiện thủ tục gia hạn hiệu lực nên không còn được coi là đối chứng để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo ĐKQT số 1287921. Do đó, không còn cơ sở để từ chối bảo hộ một phần nhãn hiệu đăng ký theo ĐQT số 1287921 cho nhóm 05 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐQT số 1287921, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2016/06 TDH08 ngày 06/02/2017 về việc tạm thời từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1287921.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1287921, không bảo hộ riêng "RC-14".

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Chr. Hansen A/S (qua Công ty Luật TNHH ROUSE Việt Nam) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147116/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Cao Kỳ Beauty Academy
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

HTM620

Xét đơn số KN4-2025-00052 ngày 22/01/2025 của Công ty TNHH Cao Kỳ Beauty Academy; địa chỉ: 583 Lê Hồng Phong, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 0904686018; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2020-14591 theo Quyết định số 139311/QĐ-SHTT.IP ngày 28/11/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5098/BC-TTKN ngày 21/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Cao Kỳ Beauty Academy với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-14591 ngày 04/5/2020 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 139311/QĐ-SHTT.IP ngày 28/11/ 2024 vì không đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định tại Điều 74.2.e Luật Sở hữu trí tuệ.

Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu đăng ký có khả năng phân biệt với nhãn hiệu đối chứng, do phần hình hoa sen giữa hai nhãn hiệu không tương tự và dịch vụ của hai nhãn hiệu không tương tự nhau. Ngoài ra, trên thực tế, hai bên kinh doanh và cung cấp các dịch vụ độc lập và không cso liên quan đến nhau.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký được cấu tạo bởi phần hình và phần chữ, trong đó, phần hình là thành phân biệt của nhãn hiệu đăng ký có bông hoa sen cách điệu đặt trong khung hình tròn màu cam tương tự về nét cách điệu với hình hoa sen cũng đặt trong hình tròn và cùng màu cam của nhãn hiệu đối chứng. Trong khi, dịch vụ mang mang nhãn hiệu đăng ký thuộc nhóm 44 cho cùng các dịch vụ về "chăm sóc sắc đẹp cho người" tương tự với với dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng thuộc nhóm 44. Do đó, khi sử dụng trên thị trường sẽ gây nhầm lẫn về nguồn gốc hai nhãn hiệu trên là từ một nhà cung cấp.

Như vậy, nhãn hiệu đăng ký bị coi là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn là không có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2020-14591 ngày 04/5/2020 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 139311/QĐ-SHTT.IP ngày 28/11/2024 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2020-14591 ngày 04/5/2020.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty TNHH Cao Kỳ Beauty Academy có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Cao Kỳ Beauty Academy có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147118/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Neopharm Co., Ltd.
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

HTM620

Xét đơn số KN4-2021-00907 ngày 06/10/2021 của Neopharm Co., Ltd.; địa chỉ: (Tamnip-dong) 309-8, Techno 2-ro, Yuseong-gu, Daejeon, the Republic of Korea; đại diện bởi: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-15647 ngày 30/05/2016 theo Quyết định số 52293/QĐ-SHTT ngày 24/6/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5030/BC-TTKN ngày 18/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Neopharm Co., Ltd. với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Real Barrier" theo đơn số 4-2016-15647 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối cấp GCNĐKNH theo Quyết định số 52293/QĐ-SHTT ngày 24/06/2021 vì mang tính mô tả, không có khả năng phân biệt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ.

Người nộp đơn thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp (Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét lại quyết định nêu trên với lý do:

Thứ nhất, nhãn hiệu đăng ký "Real Barrier" là sự kết hợp của tính từ/danh từ tiếng Anh "Real" có nghĩa là "thực, thực tế" và danh từ/động từ "Barrier" có nghĩa là "cái chắn, chắn ngang". Theo đó, xét về mặt ngữ nghĩa, sự kết hợp "Real Barrier" có ý nghĩa là *"cái chắn thực tế" hay "rào chắn/rào cản thực sự"*, được dùng để chỉ "một vật chắn" [theo nghĩa đen] hoặc "một điều cản trở nào đó" [theo nghĩa bóng]. Xét cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, không có một nghĩa nào của nhãn hiệu đăng ký "Real Barrier" mang nghĩa mô tả trực tiếp, cụ thể và ngay lập tức các sản phẩm yêu cầu đăng ký thuộc nhóm 03.

Thứ hai, trên thực tế, các nhà sản xuất, phân phối, bán lẻ không dùng thuật ngữ "Real Barrier" để mô tả, giới thiệu cho sản phẩm yêu cầu đăng ký thuộc nhóm 03. Ngoài ra, cũng không có bất cứ tài liệu nào sử dụng thuật ngữ "Real Barrier" mô tả, đề cập đến sản phẩm yêu cầu đăng ký.

Thứ ba, nhãn hiệu đăng ký "Real Barrier" được người nộp đơn sáng tạo và độc quyền sử dụng cho sản phẩm yêu cầu đăng ký từ năm 2015. Do vậy, nhãn hiệu đăng ký đáp ứng khả năng phân biệt như một nhãn hiệu, thỏa mãn chức năng phân biệt sản phẩm của Người nộp đơn so với sản phẩm của các nhà sản xuất cùng ngành khác.

Thứ tư, nhãn hiệu "Real Barrier" đã được đăng ký và bảo hộ là nhãn hiệu tại nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm Mỹ, Singapore, Trung Quốc, Hồng Kông, Ấn Độ, Nhật Bản, Macau, Mongolia, Nga, Hàn Quốc, Indonesia và Pakistan.

Thứ năm, người nộp đơn đã sử dụng nhãn hiệu đăng ký tại nhiều quốc gia trên thế giới không chỉ ở thị trường nội địa Hàn Quốc mà còn ở thị trường

nước ngoài tại hơn mười [10] quốc gia như Mỹ, Anh, Úc, Nga, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore, Malaysia, Hồng Kông, và các quốc gia khác. Tại Việt Nam, sản phẩm mang nhãn hiệu đăng ký đã được bán và phân phối liên tục và rộng rãi trong suốt nhiều năm kể từ năm 2015.

Từ những lý lẽ nêu trên, người nộp đơn đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi kiểm tra và xác thực thông tin nêu trong đơn khiếu nại ở các đơn vị liên quan; qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng:

Nhãn hiệu đăng ký "Real Barrier" theo đơn số 4-2016-15647 là nhãn hiệu được cấu tạo bởi hai từ tiếng Anh có nghĩa "Real" và "Barrier" và khi kết hợp với nhau có ý nghĩa tiếng Việt là "cái chắn thực tế" hay "rào chắn/rào cản thực sự". Trên cơ sở xem xét nghĩa của nhãn hiệu đăng ký thấy rằng, nhãn hiệu này không mang tính mô tả trực tiếp các sản phẩm đăng ký thuộc nhóm 03. Do đó, nhãn hiệu đăng ký có khả năng bảo hộ.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2016-15647 ngày 30/5/2016, không áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 52293/QĐ-SHTT ngày 24/6/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-15647 ngày 30/5/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2016-15647 ngày 30/5/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Neopharm Co., Ltd. (qua Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ACTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148184/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Shenzhen Kaadas Intelligent Technology Co., Ltd
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Xét đơn số KN4-2020-00679 ngày 06/8/2020 của Shenzhen Kaadas Intelligent Technology Co., Ltd; địa chỉ: Room 202, Unit 3, Block C, Kexing Industrial Park, Keyuan Road, Hi-Tech Medial Area, Nanshan District,

NAT779

Shenzhen, Guangdong, P.R.C; đại diện bởi: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và SHTT INTERFIVE; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-07175 theo Quyết định số 29158/QĐ-SHTT ngày 29/4/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5221/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Shenzhen Kaadas Intelligent Technology Co., Ltd với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Kaadas" đăng ký theo đơn số 4-2017-07175 ngày 24/3/2017 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đối chứng  ("kaadas") được bảo hộ theo đăng ký quốc tế (ĐKQT) số 1243432, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau: Chủ đơn đã cung cấp Thư đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng trong giai đoạn thẩm định đơn, theo đó, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng là pháp nhân nhận 100% vốn đầu tư của chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký. Người khiếu nại gửi kèm theo là bản sao Điều lệ Công ty và bản dịch để Cục Sở hữu trí tuệ tham khảo.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

Điểm c(ii) Điều 22.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN: "Những nội dung sau đây trong đơn khiếu nại không thuộc phạm vi giải quyết khiếu nại, do đó không được chấp nhận trong quá trình giải quyết khiếu nại:

(ii) Tình tiết mới chưa được người nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp là đối tượng của quyết định, thông báo bị khiếu nại đưa ra

trong quá trình thẩm định đơn, mà có thể làm thay đổi quyết định, thông báo bị khiếu nại".

2. Nhận định, đánh giá:

Nhãn hiệu đăng ký "Kaadas" và nhãn hiệu đối chứng  ("kaadas") trùng về cấu trúc (9/9 ký tự trùng nhau ở cùng vị trí), từ đó dẫn đến trùng về cách phát âm. Mặc dù nhãn hiệu đối chứng được thể hiện cách điệu trong khi nhãn hiệu đăng ký được thể hiện theo phông chữ thông thường nhưng không đủ để tạo sự khác biệt giữa các nhãn hiệu. Nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng đều đăng ký cho các hàng hóa trùng/tương tự nhau ở nhóm 06 và 09 có thể khiến người tiêu dùng tưởng lầm hai nhãn hiệu có cùng một nguồn gốc. Người khiếu nại đã bổ sung Điều lệ tổ chức để chứng minh mối quan hệ giữa các chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng. Tuy nhiên tài liệu này được coi là tình tiết mới, không đáp ứng đủ điều kiện để được xem là chứng cứ vượt qua lý do từ chối đối với đơn số 4-2017-07175 ngày 24/3/2017.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có và các căn cứ nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-07175 ngày 24/3/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29158/QĐ-SHTT ngày 29/4/2020 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-07175 ngày 24/03/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Shenzhen Kaadas lntelligent Technology Co., Ltd có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Shenzhen Kaadas lntelligent Technology Co., Ltd (qua Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và SHTT INTERFIVE) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148185/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần tập đoàn Hòa Phát
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2021-00990 ngày 05/11/2021 của Công ty cổ phần tập đoàn Hòa Phát; địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; đại diện bởi: Công ty TNHH Trường Xuân; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2017-27202 theo Quyết định số 74994/QĐ-SHTT ngày 24/9/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5169/BC-TTKN ngày 22/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần tập đoàn Hòa Phát với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "Hòa Phát Hòa Hợp Cùng Phát Triển, hình" đăng ký theo đơn số 4-2017-27202 ngày 28/8/2017 bị từ chối cấp GCNĐKNH vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 147911, 132953, theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do như sau:

- Nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 132953 đã bị chấm dứt hiệu lực vì lý do nhãn hiệu không được chủ sở hữu sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục theo Quyết định số 3847/QĐ-SHTT ngày 13/11/2017 trước ngày nộp đơn của nhãn hiệu đăng ký. Do đó, nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 132953 không còn được xem là đối chứng để từ chối đối với nhãn hiệu đăng ký;

- Đề nghị loại bỏ nhóm 39 ra khỏi danh mục nhóm dịch vụ đăng ký theo đơn số 4-2017-27202. Như vậy, nhóm dịch vụ 43 còn lại mang nhãn hiệu đăng ký không tương tự với các dịch vụ mang nhãn hiệu đối chứng theo GCNĐKNH số 147911. Do đó, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký đối với nhóm 43.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm h khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân khác đã được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá ba năm, trừ trường hợp đăng ký nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 theo thủ tục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 117 của Luật này".

Điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc quyết định cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có các quyền sau đây: Sửa đổi, bổ sung đơn".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau: Việc loại bỏ nhóm 39 ra khỏi danh mục nhóm hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu đăng ký được thực hiện trong giai đoạn giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận đề nghị loại bỏ nhóm dịch vụ của người khiếu nại.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn số 4-2017-27202 ngày 28/8/2017 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 74994/QĐ-SHTT ngày 24/9/2021 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2017-27202 ngày 28/08/2017.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Công ty cổ phần tập đoàn Hòa Phát có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần tập đoàn Hòa Phát (qua Công ty TNHH Trường Xuân) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 148186/QĐ-SHTT.IP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2019-00210 ngày 10/6/2019 của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam; địa chỉ: 26 VSIP, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-14021

ngày 17/05/2016 theo Quyết định số 21457/QĐ-SHTT ngày 22/3/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5205/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký  ("Hình") theo đơn số 4-2016-14021 ngày 17/5/2016 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "KINH DO, hình" được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 43960, 46564, 159462, 160898, 161890 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định: Các nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm phần chữ "KINH DO" đặt trong hình elip ngang màu đỏ với hình vương miện cách điệu ở trên và các phần chữ mang tính mô tả khác. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký là hình lá cây, bông hoa, búp lá xếp chồng đan xen nhau, bao quanh bởi các đường viền cánh hoa đều nhau, chính giữa là hình elip ngang với hình vương miện cách điệu ở trên.

- Chủ các nhãn hiệu đối chứng là Mondelez International AMEA Pte. Ltd. đã được ghi nhận sửa đổi địa chỉ thành: 346 Jalan Boon Lay, Jurong, Singapore 619528 trên các GCNĐKNH số 43960, 46564, 159462, 160898, 161890. Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký là hai công ty có quan hệ với nhau về mặt kinh doanh, vốn đều trực thuộc tập đoàn Mondelez International. Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có Thư chấp thuận đồng ý cho chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-14023 được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có

ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "Hình" có màu đen trắng, là sự kết hợp của hình vương miện cách điệu với hình elip nằm ngang bên dưới, xung quanh là hình lá cây, bông hoa, búp lá xếp chồng đan xen nhau một cách độc đáo, cùng các đường viền cánh hoa bao quanh. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của phần chữ "KINH DO" màu trắng nằm trong phần hình elip, phía trên là hình vương miện cách điệu, tất cả được thể hiện bằng màu đỏ nổi bật. Như vậy, xét về tổng thể nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt nhất định với các nhãn hiệu đối chứng. Bên cạnh đó, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có văn bản cho phép chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam, qua đó có khả năng loại trừ xung đột quyền giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý với đề nghị của người khiếu nại, chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-14021 ngày 17/5/2016.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2016-14021 ngày 17/5/2016, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 21457/QĐ-SHTT ngày 22/3/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-14021 ngày 17/05/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-14021 ngày 17/05/2016, không bảo hộ riêng hình vương miện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần

Mondelez Kinh Đô Việt Nam (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148187/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2019-00211 ngày 10/6/2019 của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam; địa chỉ: 26 VSIP, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; đại diện bởi: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2016-14023

ngày 17/05/2016 theo Quyết định số 21458/QĐ-SHTT ngày 22/3/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5204/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký  ("Hình") theo đơn số 4-2016-14023 ngày 17/5/2016 bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) vì tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đối chứng "KINH DO, hình" được bảo hộ lần lượt theo GCNĐKNH số 43960, 46564, 159462, 160898, 161890 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Người khiếu nại đề nghị chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu nói trên với các lý do sau:

- Nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng có sự khác biệt nhất định: Các nhãn hiệu đối chứng chỉ gồm phần chữ "KINH DO" đặt trong hình elip ngang màu đỏ với hình vương miện cách điệu ở trên và các phần chữ mang tính mô tả khác. Trong khi đó, nhãn hiệu đăng ký là hình các bông hoa sen, lá sen sắp xếp xen kẽ nhau, chính giữa là hình elip ngang với hình vương miện cách điệu ở trên, xung quanh là các hình ảnh trang trí khác.

- Chủ các nhãn hiệu đối chứng là Mondelez International AMEA Pte. Ltd. đã được ghi nhận sửa đổi địa chỉ thành: 346 Jalan Boon Lay, Jurong, Singapore 619528 trên các GCNĐKNH số 43960, 46564, 159462, 160898, 161890. Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng và nhãn hiệu đăng ký là hai công ty có quan hệ với nhau về mặt kinh doanh, vốn đều trực thuộc tập đoàn Mondelez International. Chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có Thư chấp thuận đồng ý cho chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-14023 được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có

ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét lý do khiếu nại, nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau:

Nhãn hiệu đăng ký "Hình" có màu đen trắng, là sự kết hợp của hình vương miện cách điệu với hình elip nằm ngang bên dưới, xung quanh là hình các bông hoa sen, lá sen sắp xếp xen kẽ nhau một cách độc đáo, cùng các đường viền cánh hoa bao quanh. Trong khi đó, các nhãn hiệu đối chứng là sự kết hợp của phần chữ "KINH DO" màu trắng nằm trong phần hình elip, phía trên là hình vương miện cách điệu, tất cả được thể hiện bằng màu đỏ nổi bật. Như vậy, xét về tổng thể nhãn hiệu đăng ký có sự khác biệt nhất định với các nhãn hiệu đối chứng. Bên cạnh đó, chủ sở hữu các nhãn hiệu đối chứng đã có văn bản cho phép chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký được đăng ký và sử dụng nhãn hiệu này tại Việt Nam, qua đó có khả năng loại trừ xung đột quyền giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký và các nhãn hiệu đối chứng. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ đồng ý với đề nghị của người khiếu nại, chấp nhận bảo hộ cho nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-14023 ngày 17/5/2016.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo đơn số 4-2016-14023 ngày 17/5/2016, không áp dụng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 21458/QĐ-SHTT ngày 22/3/2019 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn số 4-2016-14023 ngày 17/05/2016.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ tổng thể nhãn hiệu đăng ký theo đơn số 4-2016-14023 ngày 17/05/2016, không bảo hộ riêng hình vương miện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty cổ phần

Mondelez Kinh Đô Việt Nam (qua Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148189/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

NAT779

Xét đơn số KN4-2014-00891 ngày 09/9/2014 của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần; địa chỉ: Phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; đại diện bởi: Công ty cổ phần Tư vấn S&B; khiếu nại về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) đối với đơn số 4-2010-21743 theo Quyết định số 32543/QĐ-SHTT ngày 09/6/2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 5238/BC-TTKN ngày 23/7/2025 về việc giải quyết khiếu nại của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu đăng ký  "G Z" theo đơn số 4-2010-21743 ngày 15/10/2010 bị từ chối cấp GCNĐKNH theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ vì là tập hợp của hai ký tự "G" và "Z" trình bày ở phông chữ thông thường với một nét thẳng ở giữa không có khả năng phân biệt, tổng thể không có khả năng phân biệt. Người khiếu nại đề nghị cấp GCNĐKNH cho nhãn hiệu đăng ký với lý do nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi và liên tục trong nhiều năm, đã được đông đảo người tiêu dùng biết đến nên hoàn toàn có khả năng phân biệt như một nhãn hiệu thông thường.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là: "Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu".

2. Nhận định, đánh giá:

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại và nhãn hiệu đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến như sau: Nhãn hiệu đăng ký là tập hợp của các thành phần không có khả năng phân biệt, bao gồm hai ký tự "G" và "Z" được ngăn cách bằng một đường thẳng giữa hai ký tự, tổng thể sự kết hợp này không đủ độc đáo để tạo khả năng phân biệt cho nhãn hiệu đăng ký. Thông tin, tài liệu mà Người khiếu nại cung cấp không đủ căn cứ và cơ sở pháp lý để chứng minh nhãn hiệu đăng ký đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu tại Việt Nam trước thời điểm nộp đơn.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, trên cơ sở các tài liệu hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy việc từ chối cấp

GCNĐKNH cho đơn số 4-2010-21743 ngày 15/10/2010 là phù hợp, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại của người nộp đơn không có cơ sở.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 32543/QĐ-SHTT ngày 09/6/2014 về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2010-21743 ngày 15/10/2010.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần (qua Công ty cổ phần Tư vấn S&B) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148190/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại lần đầu

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Căn cứ đăng ký nhãn hiệu quốc tế số 1278225 của Eastern Company S.A.E. (EG) đã bị hết hiệu lực vì không gia hạn hiệu lực tại Việt Nam kể từ ngày 18/5/2025.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại.

QUYẾT ĐỊNH:

CVH140

Điều 1. Đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại số KN5-2017-00410 ngày 04/4/2017 của Eastern Company S.A.E, địa chỉ: 450, Ahram Street, Giza, Egypt (nay là: Industrial Complex: 6th of October City, 6th Industrial Zone, Oasis Road, P.O.Box: 32 Octorber (North Branch) Giza); đại diện bởi: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh.

Lý do đình chỉ: Đăng ký quốc tế số 1278225 đã hết hạn hiệu lực tại Việt

Nam kể từ ngày 18/5/2025 do chủ sở hữu không gia hạn hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Eastern Company S.A.E (qua Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CDNH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148191/QĐ-SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của JEAN CACHAREL
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

CVH140

Xét đơn số KN5-2015-00538 ngày 15/6/2015 của JEAN CACHAREL; địa chỉ: 34/36, rue Tronchet F-75009 PARIS, France; đại diện bởi: Công ty Luật TNHH Thắng Phạm và Cộng sự; khiếu nại về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu đơn quốc tế (ĐKQT) số 1193190 theo Thông báo số 2014/07 LMT03 ngày 13/02/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại và báo cáo của Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại tại Văn bản số 4136/BC-TTKN ngày 30/6/2025 về việc giải quyết khiếu nại của JEAN CACHAREL với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại

Nhãn hiệu "CACHAEL" theo ĐKQT số 1193190 (nhãn hiệu đăng ký) bị từ chối tạm thời theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ do nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu "cacharel" được nộp theo đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-28477 ngày 17/12/2012 (nhãn hiệu đối chứng).

Người khiếu nại đề nghị chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu nêu trên với lý do sau:

Nhãn hiệu "CACHAREL" đã được đăng ký bảo hộ và sử dụng rộng rãi cho nhiều hàng hóa, dịch vụ tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, và "JEAN CHAREL" đã tiến hành thủ tục phản đối cấp Giấy chứng nhận cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-28447 "cacharel".

Ngày 23/12/2015, Cục SHTT đã ra Công văn số 11738/SHTT-NH1 về việc giải quyết phản đối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho đơn số 4-2012-28477.

Theo chúng tôi được biết, ngày 01/02/2016, Quý Cục đã ra Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung liên quan đến đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-28577 với nội dung: Nhãn hiệu xin đăng ký "Cacharel" không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và sẽ bị từ chối toàn bộ nhãn hiệu và sản phẩm theo quy định vì tương tự với các đối chứng ĐKQT số 419480 và số 500364.

Theo cơ sở dữ liệu của Cục SHTT, ngày 22/4/2016, Cục SHTT đã ra Quyết định chính thức từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu "Cacharel" và Công ty TNHH INTRIXAPPLE có quyền khiếu nại quyết định này. Tuy nhiên, Công ty TNHH INTRIXAPPLE đã không nộp đơn khiếu nại Quyết định từ chối cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-28477. Do đó, nhãn hiệu "Cacharel" theo đơn 4-2012-28477 không thể coi là nhãn hiệu đối chứng với ĐKTQ số 1193190.

Đề nghị Quý Cục xem xét và chấp thuận bảo hộ cho nhãn hiệu "CACHAREL" cho các sản phẩm nhóm 03 và nhóm 25 theo ĐKQT số 1193190 của JEAN CACHAREL tại Việt Nam.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý giải quyết khiếu nại:

Khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: "Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự

đến mức gây nhầm lẫn với nhau dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng hoặc tương tự với nhau hoặc trường hợp có nhiều đơn của cùng một người đăng ký các nhãn hiệu trùng dùng cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho nhãn hiệu trong đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ".

2. Nhận định, đánh giá:

Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 22513/QĐ-SHTT ngày 27/4/2016 về việc từ chối cấp GCNĐKNH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-28477 (nhãn hiệu đối chứng). Đến thời điểm hiện tại, người nộp đơn không thực hiện khiếu nại theo quy định. Vì vậy, đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2012-28477 không còn là đối chứng để từ chối ĐKQT số 1193190.

Do đó, đề nghị nêu trong đơn khiếu nại là không có cơ sở.

III. Kết luận

Vì các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở bảo hộ nhãn hiệu theo ĐKQT số 1193190, không áp dụng quy định khoản 2 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ để từ chối bảo hộ nhãn hiệu đăng ký theo đề nghị của người nộp đơn.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Thông báo số 2014/07 LMT03 ngày 13/02/2015 về việc từ chối bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1193190.

Điều 2. Thực hiện thủ tục bảo hộ nhãn hiệu theo đơn quốc tế số 1193190.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và JEAN CACHAREL (qua Công ty Luật TNHH Thắng Phạm và Cộng sự) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu:VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148193/QĐ- SHTT.IP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 197250

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN);

Xét đơn số ĐN1-2019-00252 ngày 05/9/2019 của Kimberly-Clark Worldwide, Inc., địa chỉ: Neenah, Wisconsin 54956, U.S.A; yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCNĐKNH) số 197250, cấp ngày 11/12/2012 cho Công ty TNHH Hà Đại Phát (VN);

CVH140

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Nội dung yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

Ngày 05/9/2019, Kimberly-Clark Worldwide, Inc. (qua Công ty TNHH sở

hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) nộp đơn ĐN1-2019-00252 đề nghị chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 197259 với lý do nhãn hiệu "Likatec, hình" đã không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời gian từ ngày 27/8/2014 đến ngày 04/9/2019 (Căn cứ theo công văn số 447/TT-TTKTQT ngày 04/9/2019 của Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương).

Ngày 07/11/2019 và ngày 11/12/2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã có công văn số 22389/SHTT-TTKN và số 14768/SHTT-TTKN thông báo cho Công ty TNHH Hà Đại Phát về đề nghị chấm dứt hiệu lực của Kimberly-Clark Worldwide, Inc. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Cục Sở hữu trí tuệ không nhận được ý kiến trả lời của Công ty TNHH Hà Đại Phát.

II. Kết quả xem xét yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH

1. Cơ sở pháp lý:

Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ quy định văn bằng bảo hộ bị chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hiệu lực trong trường hợp: "Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực".

2. Nhận định, đánh giá:

Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại – Bộ Công thương đã tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu của Bộ Công thương cho thấy không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu "Likatec, hình" theo GCNĐKNH số 197250 tại Việt Nam từ ngày 27/8/2014 đến ngày 04/9/2019 và chủ GCNĐKNH số 197250 không có ý kiến trả lời công văn số 22389/SHTT-TTKN và số 14768/SHTT-TTKN nêu trên về đề nghị chấm dứt hiệu lực đối với GCNĐKNH số 197250.

Do đó, yêu cầu chấm dứt hiệu lực GCNĐKNH số 197250 là có cơ sở.

III. Kết luận

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ, với các tài liệu và chứng cứ hiện có, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy có cơ sở để hủy bỏ (chấm dứt) hiệu lực GCNĐKNH số 197250, cấp ngày 11/12/2012 theo yêu cầu của Kimberly-Clark Worldwide, Inc.

Từ những nhận định và căn cứ trên đây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hiệu lực GCNĐKNH số 197250, cấp ngày 11/12/2012 cho Công ty TNHH Hà Đại Phát (VN) theo yêu cầu của Kimberly-Clark Worldwide, Inc.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH Hà Đại Phát (VN) có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Công ty TNHH Hà Đại Phát (Thôn Cầu Trong, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Kimberly-Clark Worldwide, Inc.; địa chỉ: Neenah, Wisconsin 54956, U.S.A (qua Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu) (để biết);
- NH (để biết);
- Lưu: VT, HS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Lê Huy Anh